TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
Phòng Quản Lý Đào Tạo
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2014 - Điện
(TN211405)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2114050009	Bùi Ngọc Hậu	CCQ1405A	106	6.18			0		Chứng chỉ Anh văn giả. Không được xét tốt nghiệp.

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	2 TC (Min)	2
0101 .	222010 Logic học đại cương	2
	222024 Xác suất thống kê	2
	225017 Quy hoạch tuyến tính	2
	226017 Môi trường và con người	2
	228020 Hàm phức và biến đổi Laplace	2
	229030 Tin học văn phòng	2
	229035 Lập trình hướng đối tượng (Điện)	2
	231016 Corel Draw	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2
0201 .	222002 Cơ sở văn hóa Việt Nam	2
	222025 Kỹ năng mềm	2
	226018 Nghệ thuật lãnh đạo	2
	226036 Tâm lý học đại cương	2
Nhóm TC 03 :	2 TC (Min)	2
0301 .	222012 Phương pháp luận sáng tạo	2
	222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2
	222017 Tiếng Việt thực hành B	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		226004 Đại cương về WTO và Asean	2							
		226008 Kinh tế học đại cương	2							
		226035 Soạn thảo văn bản	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		227006 Cơ học ứng dụng	2							
		227058 Thực tập tháo lắp sửa chữa 1	1							
		227064 Vẽ kỹ thuật 1	2							
		228078 Vẽ điện	1							
		228088 Vật liệu điện	2							
		228160 Autocad (Điện)	2							
Nhóm TC 05 :		4 TC (Min)	4							
0501 .		227014 Công nghệ khí nén - thủy lực	2							
		228021 Hệ thống điện	2							
		228026 Kỹ thuật công trình	2							
		228049 Thí nghiệm điện tử công suất	2							
		228079 Vi điều khiển 1	2							
Nhóm TC 06 :		5 TC (Min)	5							
0601 .		228098 Đồ án cung cấp điện	2							
		228100 Đồ án tốt nghiệp (Điện CN)	5							
		228121 Kỹ thuật chiếu sáng	3							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
Phòng Quản Lý Đào Tạo
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2014 - Quản trị xuất nhập khẩu (TN211420)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2114200071	Trần Tuấn	Anh	CCQ1420B	99	6.19			0		Vượt quá 5 năm, hết hạn xét tốt nghiệp
2	2114200110	Lý Thị Thu	Thảo	CCQ1420B	97	5.91			0		Chứng chỉ Tin học giả. Vượt quá 5 năm, hết hạn xét tốt nghiệp

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	2 TC (Min)	2
0101 .	222012 Phương pháp luận sáng tạo	2
	222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2
	222017 Tiếng Việt thực hành B	2
	226004 Đại cương về WTO và Asean	2
	226008 Kinh tế học đại cương	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2
0201 .	222025 Kỹ năng mềm	2
	226018 Nghệ thuật lãnh đạo	2
	226036 Tâm lý học đại cương	2
	226056 Địa lý kinh tế thế giới	2
Nhóm TC 03 :	2 TC (Min)	2
0301 .	222010 Logic học đại cương	2
	226017 Môi trường và con người	2
	226081 Tin học ứng dụng trong kinh doanh XNK	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		226100 Luật lao động	2							
		229030 Tin học văn phòng	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		226030 Quản trị nguồn nhân lực	2							
		226034 Quản trị thương hiệu	2							
		226041 Tâm lý kinh doanh	2							
		226098 Đầu tư quốc tế	2							
Nhóm TC 05 :		5 TC (Min)	5							
0501 .		226057 Khóa luận tốt nghiệp (XNK)	5							
		226061 Marketing thương mại	2							
		226074 Thương mại điện tử	3							
		226083 Marketing quốc tế	2							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
Phòng Quản Lý Đào Tạo
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2015 - Điện (TN211505)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2115050055	Nguyễn Hoàng Thái	CCQ1505A	105	6.18	R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		Chứng chỉ Tin học giả. Không được xét tốt nghiệp.

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	2 TC (Min)	2
0101 .	222010 Logic học đại cương	2
	222024 Xác suất thống kê	2
	225017 Quy hoạch tuyến tính	2
	226017 Môi trường và con người	2
	228020 Hàm phức và biến đổi Laplace	2
	229030 Tin học văn phòng	2
	229035 Lập trình hướng đối tượng (Điện)	2
	231016 Corel Draw	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2
0201 .	222002 Cơ sở văn hóa Việt Nam	2
	222025 Kỹ năng mềm	2
	226018 Nghệ thuật lãnh đạo	2
	226036 Tâm lý học đại cương	2
Nhóm TC 03 :	2 TC (Min)	2
0301 .	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		222012 Phương pháp luận sáng tạo	2							
		222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2							
		222017 Tiếng Việt thực hành B	2							
		226004 Đại cương về WTO và Asean	2							
		226008 Kinh tế học đại cương	2							
		226035 Soạn thảo văn bản	2							
Nhóm TC 05 :		2 TC (Min)	2							
0501 .		227006 Cơ học ứng dụng	2							
		227058 Thực tập tháo lắp sửa chữa 1	1							
		227064 Vẽ kỹ thuật 1	2							
		228088 Vật liệu điện	2							
		228160 Autocad (Điện)	2							
Nhóm TC 06 :		4 TC (Min)	4							
0601 .		227014 Công nghệ khí nén - thủy lực	2							
		228021 Hệ thống điện	2							
		228026 Kỹ thuật công trình	2							
		228049 Thí nghiệm điện tử công suất	2							
		228079 Vi điều khiển 1	2							
Nhóm TC 07 :		5 TC (Min)	5							
0701 .		228098 Đồ án cung cấp điện	2							
		228100 Đồ án tốt nghiệp (Điện CN)	5							
		228121 Kỹ thuật chiếu sáng	3							
Nhóm TC 08 :		3 TC (Min)	3							
0801 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
Phòng Quản Lý Đào Tạo
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2015 - Tin (TN211511)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **105**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2115110247	Hoàng Đình Thành	CCQ1511D	102	6.52	229026	Quản trị CSDL SQL Server	3	4.7	

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	2 TC (Min)	2
0101 .	222012 Phương pháp luận sáng tạo	2
	222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2
	222017 Tiếng Việt thực hành B	2
	226004 Đại cương về WTO và Asean	2
	226008 Kinh tế học đại cương	2
	226035 Soạn thảo văn bản	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2
0201 .	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
Nhóm TC 03 :	2 TC (Min)	2
0301 .	222002 Cơ sở văn hóa Việt Nam	2
	222025 Kỹ năng mềm	2
	226018 Nghệ thuật lãnh đạo	2
	226036 Tâm lý học đại cương	2
Nhóm TC 04 :	2 TC (Min)	2
0401 .	222004 Quy hoạch tuyến tính	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		222010 Logic học đại cương	2							
		222024 Xác suất thống kê	2							
		226017 Môi trường và con người	2							
		229030 Tin học văn phòng	2							
		231016 Corel Draw	2							
Nhóm TC 05 :		3 TC (Min)	3							
0501 .		229036 Lý thuyết đồ thị	3							
		229039 Phần mềm mã nguồn mở	3							
		229069 Hệ điều hành Linux	3							
Nhóm TC 06 :		5 TC (Min)	5							
0601 .		229041 Đồ án tốt nghiệp (Tin)	5							
		229047 Chuyên đề ASP.NET	3							
		229057 Chuyên đề ASP.NET	3							
		229080 Kiểm thử phần mềm	2							
Nhóm TC 07 :		3 TC (Min)	3							
0701 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
Phòng Quản Lý Đào Tạo
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2016 - CNKT Cơ khí (TN211603)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **105**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2116030055	Phan Văn	Thi	CCQ1603A	101	6.36	227115	Thực tập tốt nghiệp (Cơ khí)	4		
2	2116030120	Lý Văn	Thanh	CCQ1603B	103	6.24	227018	Công nghệ sửa chữa 2	2		
3	2116030135	Lê Thanh	Tuấn	CCQ1603B	103	6.45	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	2 TC (Min)	2
0101 .	222002 Cơ sở văn hóa Việt Nam	2
	222025 Kỹ năng mềm	2
	226018 Nghệ thuật lãnh đạo	2
	226036 Tâm lý học đại cương	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2
0201 .	234003 Bóng chuyền 2	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
Nhóm TC 03 :	2 TC (Min)	2
0301 .	222010 Logic học đại cương	2
	222024 Xác suất thống kê	2
	226017 Môi trường và con người	2
	227073 Lập trình C++	2
	229030 Tin học văn phòng	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		231016 Corel Draw	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		222012 Phương pháp luận sáng tạo	2							
		222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2							
		222017 Tiếng Việt thực hành B	2							
		226004 Đại cương về WTO và Asean	2							
		226008 Kinh tế học đại cương	2							
		226035 Soạn thảo văn bản	2							
Nhóm TC 05 :		5 TC (Min)	5							
0501 .		227069 Công nghệ khí nén - thủy lực nâng cao	2							
		227087 Đồ án tốt nghiệp (Cơ khí)	5							
		227117 Công nghệ sửa chữa nâng cao	3							
Nhóm TC 06 :		3 TC (Min)	3							
0601 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
Phòng Quản Lý Đào Tạo
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2016 - Điện công nghiệp (TN211605)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **105**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2116050037	Trần Thanh	Phong	CCQ1605A	104	6.48	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
2	2116050086	Nguyễn Hải	Đăng	CCQ1605B	106	6.28	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		Chứng chỉ Anh văn không đúng mẫu Bộ GD&ĐT, không đúng quy định chuẩn đầu ra của Trường.

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	2 TC (Min)	2
0101 .	228020 Hàm phức và biến đổi Laplace	2
	229030 Tin học văn phòng	2
	229035 Lập trình hướng đối tượng (Điện)	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2
0201 .	222025 Kỹ năng mềm	2
	226014 Kỹ năng giao tiếp và làm việc đội/nhóm	2
	226018 Nghệ thuật lãnh đạo	2
Nhóm TC 03 :	2 TC (Min)	2
0301 .	234003 Bóng chuyền 2	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
Nhóm TC 04 :	2 TC (Min)	2
0401 .	222012 Phương pháp luận sáng tạo	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2							
		222017 Tiếng Việt thực hành B	2							
Nhóm TC 05 :		3 TC (Min)	3							
0501 .		227050 Thực tập hàn 1	1							
		227078 Thực tập nguội 1	1							
		228006 Điện tử công suất	2							
		228078 Vẽ điện	1							
		228088 Vật liệu điện	2							
		228192 Vi điều khiển	2							
Nhóm TC 06 :		4 TC (Min)	4							
0601 .		227014 Công nghệ khí nén - thủy lực	2							
		228049 Thí nghiệm điện tử công suất	2							
		228119 Thực tập lạnh cơ bản	2							
		228194 Thực tập vi điều khiển	2							
Nhóm TC 07 :		5 TC (Min)	5							
0701 .		228100 Đồ án tốt nghiệp (Điện CN)	5							
		228121 Kỹ thuật chiếu sáng	3							
		228188 Thực tập lắp đặt điện	2							
Nhóm TC 08 :		3 TC (Min)	3							
0801 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
Phòng Quản Lý Đào Tạo
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2016 - Kế toán (TN211610)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **95**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2116100161	Nguyễn Thị Thùy	Dung	CCQ1610C	93	6.83	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		Chứng chỉ Anh văn, Tin học chưa công chứng
2	2116100169	Phùng Thị	Hậu	CCQ1610C	93	6.10	03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
3	2116100481	Nguyễn Nữ Phương	Thảo	CCQ1610G	93	6.13	223004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	2 TC (Min)	2
0101 .	222012 Phương pháp luận sáng tạo	2
	222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2
	226004 Đại cương về WTO và Asean	2
	226008 Kinh tế học đại cương	2
	226026 Quản trị học	2
	226035 Soạn thảo văn bản	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2
0201 .	234003 Bóng chuyền 2	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
Nhóm TC 03 :	2 TC (Min)	2
0301 .	222010 Logic học đại cương	2
	222024 Xác suất thống kê	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		226017 Môi trường và con người	2							
		229001 Access cơ bản	2							
		229030 Tin học văn phòng	2							
		231016 Corel Draw	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		222002 Cơ sở văn hóa Việt Nam	2							
		222025 Kỹ năng mềm	2							
		226018 Nghệ thuật lãnh đạo	2							
		226036 Tâm lý học đại cương	2							
Nhóm TC 05 :		2 TC (Min)	2							
0501 .		225003 Kế toán hành chính sự nghiệp	2							
		225025 Thanh toán quốc tế	2							
		225034 Kế toán thương mại	2							
		226006 Kinh tế công	3							
		226013 Kinh tế vĩ mô	2							
		226016 Marketing căn bản	2							
Nhóm TC 06 :		5 TC (Min)	5							
0601 .		225037 Khóa luận tốt nghiệp (Kế toán)	5							
		225045 Thực hành sổ sách kế toán	3							
		225067 Thực hành kế toán thuế	2							
Nhóm TC 07 :		3 TC (Min)	3							
0701 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
Phòng Quản Lý Đào Tạo
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2016 - Quản trị kinh doanh (TN211612)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **95**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2116120186	Lê Nguyễn Kim Ngân	CCQ1612C	93	6.72	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
2	2116120318	Mai Lan Hương	CCQ1612E	91	6.32	225019	Tài chính – Tín dụng	2	3.7	
						226033	Quản trị tài chính	2	4.2	

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	2 TC (Min)	2
0101 .	222012 Phương pháp luận sáng tạo	2
	222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2
	222017 Tiếng Việt thực hành B	2
	226004 Đại cương về WTO và Asean	2
	226035 Soạn thảo văn bản	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2
0201 .	234003 Bóng chuyền 2	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
Nhóm TC 03 :	2 TC (Min)	2
0301 .	222010 Logic học đại cương	2
	226017 Môi trường và con người	2
	226100 Luật lao động	2
	229030 Tin học văn phòng	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		222025 Kỹ năng mềm	2							
		226005 Địa lý kinh tế	2							
		226018 Nghệ thuật lãnh đạo	2							
		226036 Tâm lý học đại cương	2							
Nhóm TC 05 :		2 TC (Min)	2							
0501 .		226019 Phân tích và thẩm định dự án đầu tư	2							
		226031 Quản trị rủi ro	2							
		226034 Quản trị thương hiệu	2							
		226063 Phân tích và đầu tư chứng khoán	2							
		226101 Đàm phán trong kinh doanh	2							
Nhóm TC 06 :		5 TC (Min)	5							
0601 .		226044 Khóa luận tốt nghiệp (QTKD)	5							
		226045 Phân tích hoạt động doanh nghiệp	3							
		226047 Quản trị bán hàng	2							
Nhóm TC 07 :		3 TC (Min)	3							
0701 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
Phòng Quản Lý Đào Tạo
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2016 - Ô tô (TN211617)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **105**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2116170213	Dương Lập	Thành	CCQ1617C	103	6.60	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
2	2116170524	Nguyễn Văn	Thuấn	CCQ1617G	103	6.35	226014	Kỹ năng giao tiếp và làm việc đội/nhóm	2		
3	2116170625	Trần Trí	Minh	CCQ1617F	103	6.05	233041	Thực tập động cơ xăng 2	3		

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	2 TC (Min)	2
0101 .	222012 Phương pháp luận sáng tạo	2
	222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2
	222017 Tiếng Việt thực hành B	2
	226004 Đại cương về WTO và Asean	2
	226008 Kinh tế học đại cương	2
	226035 Soạn thảo văn bản	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2
0201 .	234003 Bóng chuyền 2	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
Nhóm TC 03 :	2 TC (Min)	2
0301 .	222002 Cơ sở văn hóa Việt Nam	2
	222025 Kỹ năng mềm	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		226018 Nghệ thuật lãnh đạo	2							
		226036 Tâm lý học đại cương	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		222010 Logic học đại cương	2							
		222024 Xác suất thống kê	2							
		225017 Quy hoạch tuyến tính	2							
		226017 Môi trường và con người	2							
		227073 Lập trình C++	2							
		229001 Access cơ bản	2							
		229030 Tin học văn phòng	2							
		231016 Corel Draw	2							
Nhóm TC 05 :		2 TC (Min)	2							
0501 .		233004 Công nghệ lắp ráp ô tô	2							
		233005 Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2							
		233008 Kiểm định và chẩn đoán kỹ thuật ô tô	2							
		233009 Nhiên liệu, dầu, mỡ và chất lỏng chuyên dùng	2							
Nhóm TC 06 :		5 TC (Min)	5							
0601 .		233006 Đồ án tốt nghiệp (Ô tô)	5							
		233045 Chuyên đề điện - điện tử ô tô	2							
		233047 Chuyên đề động cơ	3							
Nhóm TC 07 :		3 TC (Min)	3							
0701 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
Phòng Quản Lý Đào Tạo
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2016 - Nhiệt lạnh (TN211618)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **105**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2116180026	Trần Văn	Long	CCQ1618A	106	6.06	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
2	2116180064	Trần Ngọc Quang	Thuận	CCQ1618A	104	6.28	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	2 TC (Min)	2
0101 .	222012 Phương pháp luận sáng tạo	2
	222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2
	222017 Tiếng Việt thực hành B	2
	226004 Đại cương về WTO và Asean	2
	226008 Kinh tế học đại cương	2
	226035 Soạn thảo văn bản	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2
0201 .	234003 Bóng chuyền 2	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
Nhóm TC 03 :	2 TC (Min)	2
0301 .	222010 Logic học đại cương	2
	222024 Xác suất thống kê	2
	226017 Môi trường và con người	2
	228020 Hàm phức và biến đổi Laplace	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		229001 Access cơ bản	2							
		229023 Ngôn ngữ lập trình C	2							
		229030 Tin học văn phòng	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		222002 Cơ sở văn hóa Việt Nam	2							
		222025 Kỹ năng mềm	2							
		226018 Nghệ thuật lãnh đạo	2							
		226036 Tâm lý học đại cương	2							
Nhóm TC 05 :		2 TC (Min)	2							
0501 .		227006 Cơ học ứng dụng	2							
		227064 Vẽ kỹ thuật 1	2							
		228160 Autocad (Điện)	2							
Nhóm TC 06 :		4 TC (Min)	4							
0601 .		228025 Kinh tế năng lượng	2							
		228122 Kỹ thuật thủy khí	2							
		228191 Tiết kiệm năng lượng trong hệ thống lạnh	2							
Nhóm TC 07 :		5 TC (Min)	5							
0701 .		228095 Công nghệ lạnh	3							
		228102 Đồ án tốt nghiệp (Nhiệt lạnh)	5							
		228105 Năng lượng tái tạo	2							
Nhóm TC 08 :		3 TC (Min)	3							
0801 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
Phòng Quản Lý Đào Tạo
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2016 - Tài chính ngân hàng (TN211619)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **95**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2116190017	Nguyễn Thị Hồng	Hương	CCQ1619A	93	6.21	03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
2	2116190081	Lữ Đông	Hồ	CCQ1619B	97	6.87	03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	2 TC (Min)	2
0101 .	222002 Cơ sở văn hóa Việt Nam	2
	225025 Thanh toán quốc tế	2
	226018 Nghệ thuật lãnh đạo	2
	226036 Tâm lý học đại cương	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2
0201 .	222004 Quy hoạch tuyến tính	2
	222010 Logic học đại cương	2
	222024 Xác suất thống kê	2
	226017 Môi trường và con người	2
	229001 Access cơ bản	2
	229030 Tin học văn phòng	2
Nhóm TC 03 :	2 TC (Min)	2
0301 .	222012 Phương pháp luận sáng tạo	2
	222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2
	222017 Tiếng Việt thực hành B	2
	226004 Đại cương về WTO và Asean	2
	226008 Kinh tế học đại cương	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		226035 Soạn thảo văn bản	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		234003 Bóng chuyền 2	2							
		234006 Bóng đá 1	2							
		234007 Bóng rổ 1	2							
		234008 Cầu lông 1	2							
		234009 Aerobic 1	2							
Nhóm TC 05 :		2 TC (Min)	2							
0501 .		225022 Tài chính học	2							
		226013 Kinh tế vĩ mô	2							
		226016 Marketing căn bản	2							
		226026 Quản trị học	2							
Nhóm TC 06 :		2 TC (Min)	2							
0601 .		225012 Kiểm toán	2							
		225029 Thuế	2							
		225057 Toán tài chính	2							
		225064 Phân tích hoạt động kinh doanh	2							
		225095 Phân tích báo cáo tài chính	2							
		225096 Định giá doanh nghiệp	2							
Nhóm TC 07 :		5 TC (Min)	5							
0701 .		225035 Quản trị ngân hàng thương mại	3							
		225038 Khóa luận tốt nghiệp (Tài chính)	5							
		225068 Thực hành lập và thẩm định tín dụng	2							
Nhóm TC 08 :		3 TC (Min)	3							
0801 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
Phòng Quản Lý Đào Tạo
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2016 - Thực phẩm (TN211621)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **105**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2116210391	Nguyễn Thị Diễm Phúc	CCQ1621F	102	6.69	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	2 TC (Min)	2
0101 .	222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2
	222017 Tiếng Việt thực hành B	2
	226004 Đại cương về WTO và Asean	2
	226008 Kinh tế học đại cương	2
	226035 Soạn thảo văn bản	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2
0201 .	234003 Bóng chuyền 2	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
Nhóm TC 03 :	2 TC (Min)	2
0301 .	222010 Logic học đại cương	2
	222024 Xác suất thống kê	2
	226017 Môi trường và con người	2
	229030 Tin học văn phòng	2
Nhóm TC 04 :	2 TC (Min)	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
0401 .		222002 Cơ sở văn hóa Việt Nam	2							
		222025 Kỹ năng mềm	2							
		226018 Nghệ thuật lãnh đạo	2							
		226036 Tâm lý học đại cương	2							
Nhóm TC 05 :		2 TC (Min)	2							
0501 .		230004 Công nghệ lên men	2							
		230136 Thực phẩm chức năng	2							
		230137 Công nghệ chế biến dầu mỡ	2							
Nhóm TC 06 :		5 TC (Min)	5							
0601 .		230139 Đồ án tốt nghiệp (Thực phẩm)	5							
		230140 Chuyên đề 1 (Thực phẩm)	2							
		230141 Chuyên đề 2 (Thực phẩm)	3							
Nhóm TC 07 :		3 TC (Min)	3							
0701 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
Phòng Quản Lý Đào Tạo
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2016 - Quản trị nhà hàng (TN211627)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **95**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2116270028	Nguyễn Lê Mạnh	CCQ1627A	93	6.72	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	2 TC (Min)	2
0101 .	222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2
	222017 Tiếng Việt thực hành B	2
	226035 Soạn thảo văn bản	2
	226116 Văn hóa các nước ASEAN	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2
0201 .	234003 Bóng chuyền 2	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
Nhóm TC 03 :	2 TC (Min)	2
0301 .	222002 Cơ sở văn hóa Việt Nam	2
	222025 Kỹ năng mềm	2
	226036 Tâm lý học đại cương	2
	226118 Văn hóa ẩm thực	2
Nhóm TC 04 :	2 TC (Min)	2
0401 .	226017 Môi trường và con người	2
	226119 Pháp luật du lịch	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		226120 Tin học ứng dụng trong KD nhà hàng & khách sạn	2							
Nhóm TC 05 :		2 TC (Min)	2							
0501 .		226132 Quản trị tổ chức sự kiện	2							
		226133 Quản trị khu du lịch	2							
		226134 Quản trị kinh doanh nhà hàng	2							
		226135 Nghiệp vụ thanh toán quốc tế	2							
Nhóm TC 06 :		2 TC (Min)	2							
0601 .		226096 Quản trị thương hiệu	3							
		226136 Quản trị kinh doanh khách sạn	2							
		226137 Thương mại điện tử nhà hàng, khách sạn	2							
		226149 Quản trị kinh doanh tiệc và hội nghị	2							
Nhóm TC 07 :		5 TC (Min)	5							
0701 .		226138 Khóa luận tốt nghiệp (QT nhà hàng)	5							
		226139 Quản trị ẩm thực	3							
		226140 Quản trị chuỗi cung ứng	2							
Nhóm TC 08 :		3 TC (Min)	3							
0801 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
Phòng Quản Lý Đào Tạo
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2017 - Sợi dệt (TN211701)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **90**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2117010004	Nguyễn Thị Diệu Huyền	CCQ1701A	87	6.11	231136	Công nghệ và thiết bị sợi 1	3	4.2	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
2	2117010014	Nguyễn Thị Thu Quyền	CCQ1701A	67	5.36	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						224016	Anh văn 3	3	VT	
						231028	Kỹ thuật điều không	2	3.8	
						231052	Thiết kế vải nâng cao	3	2.8	
						231101	Công nghệ và thiết bị sợi 2	3	4.0	
						231158	Công nghệ và thiết bị chuẩn bị dệt	3	2.7	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
3	2117010015	Hồ Hồng Thi	CCQ1701A	85	6.08	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						223007	Chính trị 2	3	4.5	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 : 4 TC (Min) 4

0101 . 234002 Bóng chuyền 1 2

234003 Bóng chuyền 2 2

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		234006 Bóng đá 1	2							
		234007 Bóng rổ 1	2							
		234008 Cầu lông 1	2							
		234009 Aerobic 1	2							
		234010 Bóng đá 2	2							
		234011 Bóng rổ 2	2							
		234013 Cầu lông 2	2							
		234014 Aerobic 2	2							
Nhóm TC 02 :		2 TC (Min)	2							
0201 .		222017 Tiếng Việt thực hành B	2							
		226035 Soạn thảo văn bản	2							
		229030 Tin học văn phòng	2							
Nhóm TC 03 :		4 TC (Min)	4							
0302 .		234002 Bóng chuyền 1	2							
		234003 Bóng chuyền 2	2							
0303 .		234006 Bóng đá 1	2							
		234010 Bóng đá 2	2							
0304 .		234007 Bóng rổ 1	2							
		234011 Bóng rổ 2	2							
0305 .		234008 Cầu lông 1	2							
		234013 Cầu lông 2	2							
0306 .		234009 Aerobic 1	2							
		234014 Aerobic 2	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		231153 Công nghệ dệt kim	2							
		231160 Công nghệ wash sản phẩm may	2							
		231164 Quản lý và sửa chữa thiết bị sợi, dệt	2							
Nhóm TC 05 :		2 TC (Min)	2							
0501 .		222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2							

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		226017 Môi trường và con người	2							
Nhóm TC 06 :		2 TC (Min)	2							
0601 .		231053 Thiết kế vải trên máy tính	2							
		231154 Công nghệ hoàn tất vải	2							
		231155 Công nghệ không dệt	2							
Nhóm TC 07 :		5 TC (Min)	5							
0701 .		231078 Đồ án tốt nghiệp Dệt	5							
		231079 Đồ án tốt nghiệp Sợi	5							
		231161 Định mức kinh tế kỹ thuật trong ngành dệt	3							
		231162 Kiểm tra chất lượng sản phẩm sợi, dệt	2							
Nhóm TC 08 :		5 TC (Min)	5							
0801 .		231175 Thực thập tốt nghiệp dệt	5							
		231176 Thực tập tốt nghiệp sợi	5							
Nhóm TC 09 :		3 TC (Min)	3							
0901 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
Phòng Quản Lý Đào Tạo
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2017 - CNKT Cơ khí (TN211703)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **90**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2117030001	Phạm Đức Anh	CCQ1703A	13	1.77	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222033	Toán ứng dụng A	3	0.0	
						223006	Chính trị 1	3		
						223007	Chính trị 2	3	VT	
						227001	AutoCad 2D	2	VT	
						227006	Cơ học ứng dụng	2	0.8	
						227009	Công nghệ CAD/CAM	2	VT	
						227012	Công nghệ CNC	2	VT	
						227014	Công nghệ khí nén - thủy lực	2		
						227023	Đồ án công nghệ cơ khí	1	VT	
						227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	2.2	
						227056	Thực tập phay 1	2	VT	
						227060	Thực tập tiện 1	2	VT	
						227063	Vật liệu học	2	3.9	
						227065	Vẽ kỹ thuật 2	2	2.6	
						227103	Tin học ứng dụng 1 (Inventor)	2	VT	
						227107	Thực tập phay 2	2		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2117030001	Phạm Đức	Anh	CCQ1703A	13	1.77	227108	Thực tập tiện 2	2	VT	
							227120	Thực tập CNC 1	2		
							227124	Thực tập các dụng cụ cầm tay	1	2.0	
							227130	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2	2.7	
							227132	Công nghệ sửa chữa	2	VT	
							227137	Nguyên lý - Chi tiết máy	2	2.6	
							227148	Thực tập sửa chữa	2		
							227150	Thực tập tốt nghiệp (Cơ khí)	5		
							228197	Trang bị điện trong máy cắt kim loại	3	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
2	2117030003	Bùi Bình	Biển	CCQ1703A	68	5.70	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	4.0	
							227006	Cơ học ứng dụng	2	1.4	
							227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2		
							227063	Vật liệu học	2	4.7	
							227103	Tin học ứng dụng 1 (Inventor)	2		
							227130	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2	2.0	
							227137	Nguyên lý - Chi tiết máy	2	4.3	
							227150	Thực tập tốt nghiệp (Cơ khí)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
3	2117030004	Đặng Thanh	Bình	CCQ1703A	92	7.46	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
4	2117030007	Võ Văn	Dinh	CCQ1703A	88	7.18	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
5	2117030010	Nguyễn Ngọc	Định	CCQ1703A	90	6.85	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
6	2117030012	Đặng Minh	Hải	CCQ1703A	86	7.07	227014	Công nghệ khí nén - thủy lực	2	3.9	
							227130	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2	2.0	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
7	2117030013	Võ Trọng	Hào	CCQ1703A	85	6.97	227150	Thực tập tốt nghiệp (Cơ khí)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
8	2117030016	Tống Hoàng Chí	Hiển	CCQ1703A	85	7.07	227150	Thực tập tốt nghiệp (Cơ khí)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
9	2117030018	Nguyễn Trần Ngọc	Hùng	CCQ1703A	41	4.49	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	4.0	
							227001	AutoCad 2D	2	VT	
							227009	Công nghệ CAD/CAM	2	VT	
							227012	Công nghệ CNC	2	VT	
							227014	Công nghệ khí nén - thủy lực	2	VT	
							227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2		
							227060	Thực tập tiện 1	2	VT	
							227064	Vẽ kỹ thuật 1	2	2.6	
							227065	Vẽ kỹ thuật 2	2	3.3	
							227103	Tin học ứng dụng 1 (Inventor)	2		
							227108	Thực tập tiện 2	2		
							227120	Thực tập CNC 1	2		
							227130	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2	VT	
							227148	Thực tập sửa chữa	2	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
9	2117030018	Nguyễn Trần Ngọc	Hùng	CCQ1703A	41	4.49	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
10	2117030019	Cao Văn	Huy	CCQ1703A	81	5.81	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227103	Tin học ứng dụng 1 (Inventor)	2	4.4	
							227150	Thực tập tốt nghiệp (Cơ khí)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
11	2117030021	Trần Huy	Khang	CCQ1703A	83	6.86	227103	Tin học ứng dụng 1 (Inventor)	2		
							227150	Thực tập tốt nghiệp (Cơ khí)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
12	2117030023	Huỳnh Quốc	Khanh	CCQ1703A	88	6.56	227006	Cơ học ứng dụng	2	4.6	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
13	2117030024	Võ Châu	Khánh	CCQ1703A	86	6.39	227130	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2	VT	
							227137	Nguyên lý - Chi tiết máy	2	1.9	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
14	2117030025	Võ Minh	Khánh	CCQ1703A	90	6.63	234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
15	2117030029	Nguyễn Thanh	Lâm	CCQ1703A	71	5.91	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	2.6	
							227006	Cơ học ứng dụng	2	2.1	
							227014	Công nghệ khí nén - thủy lực	2	2.6	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
15	2117030029	Nguyễn Thanh	Lâm	CCQ1703A	71	5.91	227023	Đồ án công nghệ cơ khí	1		
							227137	Nguyên lý - Chi tiết máy	2	4.0	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
16	2117030032	Trần Đình	Mạnh	CCQ1703A	79	6.61	227103	Tin học ứng dụng 1 (Inventor)	2		
							227120	Thực tập CNC 1	2		
							227137	Nguyên lý - Chi tiết máy	2	4.7	
							227150	Thực tập tốt nghiệp (Cơ khí)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
17	2117030036	Dương Nghĩa	Nhân	CCQ1703A	90	7.59	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
18	2117030039	Phan Thanh	Nhường	CCQ1703A	72	5.65	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227012	Công nghệ CNC	2	VT	
							227103	Tin học ứng dụng 1 (Inventor)	2	4.2	
							227120	Thực tập CNC 1	2		
							227124	Thực tập các dụng cụ cầm tay	1	VT	
							227130	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2	3.5	
							227137	Nguyên lý - Chi tiết máy	2	3.0	
							227150	Thực tập tốt nghiệp (Cơ khí)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
19	2117030046	Ngô Quốc	Quang	CCQ1703A	85	7.09	227150	Thực tập tốt nghiệp (Cơ khí)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
20	2117030047	Phạm Mạnh	Quỳnh	CCQ1703A	81	6.49	227103	Tin học ứng dụng 1 (Inventor)	2	3.7	
							227120	Thực tập CNC 1	2		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
20	2117030047	Phạm Mạnh	Quỳnh	CCQ1703A	81	6.49	227150	Thực tập tốt nghiệp (Cơ khí)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
21	2117030049	Trần Minh	Thành	CCQ1703A	37	4.09	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	VT	
							223006	Chính trị 1	3	VT	
							223007	Chính trị 2	3		
							226020	Pháp luật đại cương	2		
							227001	AutoCad 2D	2		
							227006	Cơ học ứng dụng	2	0.8	
							227014	Công nghệ khí nén - thủy lực	2		
							227023	Đồ án công nghệ cơ khí	1		
							227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	VT	
							227060	Thực tập tiện 1	2	VT	
							227108	Thực tập tiện 2	2		
							227137	Nguyên lý - Chi tiết máy	2	1.6	
							227148	Thực tập sửa chữa	2	VT	
							227150	Thực tập tốt nghiệp (Cơ khí)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
22	2117030052	Đoàn	Thiện	CCQ1703A	54	5.18	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	4.9	
							227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	4.1	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
22	2117030052	Đoàn Thiện	CCQ1703A	54	5.18	227063	Vật liệu học	2	4.5	
						227065	Vẽ kỹ thuật 2	2	2.0	
						227103	Tin học ứng dụng 1 (Inventor)	2		
						227137	Nguyên lý - Chi tiết máy	2	4.4	
						227145	Thực tập nguội	2	VT	
						227150	Thực tập tốt nghiệp (Cơ khí)	5		
						228197	Trang bị điện trong máy cắt kim loại	3	VT	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
23	2117030053	Trần Ngọc Thoại	CCQ1703A	86	6.54	227130	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2	4.2	
						227137	Nguyên lý - Chi tiết máy	2	4.4	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
24	2117030055	Lê Thiện Tín	CCQ1703A	27	4.02	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						223006	Chính trị 1	3	VT	
						223007	Chính trị 2	3		
						226020	Pháp luật đại cương	2	VT	
						227001	AutoCad 2D	2		
						227006	Cơ học ứng dụng	2	2.0	
						227012	Công nghệ CNC	2		
						227014	Công nghệ khí nén - thủy lực	2	2.3	
						227023	Đồ án công nghệ cơ khí	1		
						227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	4.7	
						227064	Vẽ kỹ thuật 1	2	2.8	
						227065	Vẽ kỹ thuật 2	2	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
24	2117030055	Lê Thiện	Tín	CCQ1703A	27	4.02	227103	Tin học ứng dụng 1 (Inventor)	2	4.6	
							227124	Thực tập các dụng cụ cầm tay	1		
							227130	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2	3.2	
							227132	Công nghệ sửa chữa	2		
							227137	Nguyên lý - Chi tiết máy	2	4.4	
							227148	Thực tập sửa chữa	2	VT	
							227150	Thực tập tốt nghiệp (Cơ khí)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
25	2117030057	Trần Đình	Trí	CCQ1703A	90	7.13	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
26	2117030058	Nguyễn Xuân	Trí	CCQ1703A	78	6.39	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227130	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2	2.9	
							227132	Công nghệ sửa chữa	2	VT	
							227150	Thực tập tốt nghiệp (Cơ khí)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
27	2117030059	Lê Phú	Trung	CCQ1703A	87	7.08	223006	Chính trị 1	3		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
28	2117030063	Nguyễn Anh	Tú	CCQ1703A	90	6.50	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
29	2117030065	Đặng Cao	Vinh	CCQ1703A	90	6.50	234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
30	2117030069	Phạm Quốc	Bảo	CCQ1703B	63	5.52	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
30	2117030069	Phạm Quốc	Bảo	CCQ1703B	63	5.52	227006	Cơ học ứng dụng	2	VT	
							227023	Đồ án công nghệ cơ khí	1		
							227060	Thực tập tiện 1	2	VT	
							227065	Vẽ kỹ thuật 2	2	VT	
							227103	Tin học ứng dụng 1 (Inventor)	2		
							227107	Thực tập phay 2	2		
							227108	Thực tập tiện 2	2		
							227124	Thực tập các dụng cụ cầm tay	1		
							227150	Thực tập tốt nghiệp (Cơ khí)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
31	2117030070	Lê Thái	Bằng	CCQ1703B	81	6.74	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223007	Chính trị 2	3	4.6	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
32	2117030073	Ngô Minh	Cường	CCQ1703B	84	6.71	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227108	Thực tập tiện 2	2		
							227148	Thực tập sửa chữa	2		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
33	2117030077	Bùi Minh	Duy	CCQ1703B	90	7.14	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
34	2117030078	Trần Ngọc	Duy	CCQ1703B	90	6.75	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
35	2117030081	Ngô Văn	Đạt	CCQ1703B	60	4.90	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
35	2117030081	Ngô Văn	Đạt	CCQ1703B	60	4.90	09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227006	Cơ học ứng dụng	2	2.1	
							227103	Tin học ứng dụng 1 (Inventor)	2	VT	
							227120	Thực tập CNC 1	2	VT	
							227129	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (CK)	1	VT	
							227137	Nguyên lý - Chi tiết máy	2	1.2	
							227150	Thực tập tốt nghiệp (Cơ khí)	5		
							228197	Trang bị điện trong máy cắt kim loại	3	2.0	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
36	2117030082	Nguyễn Hữu Hồng	Đức	CCQ1703B	85	6.48	227150	Thực tập tốt nghiệp (Cơ khí)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
37	2117030085	Trần Văn	Hòa	CCQ1703B	88	6.65	227132	Công nghệ sửa chữa	2		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
38	2117030086	Phạm Văn	Hoàng	CCQ1703B	75	6.11	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227023	Đồ án công nghệ cơ khí	1	VT	
							227130	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2	3.5	
							227148	Thực tập sửa chữa	2		
							227150	Thực tập tốt nghiệp (Cơ khí)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
39	2117030087	Võ Anh	Huy	CCQ1703B	66	5.48	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2		
							227060	Thực tập tiện 1	2	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
39	2117030087	Võ Anh Huy	CCQ1703B	66	5.48	227065	Vẽ kỹ thuật 2	2	VT	
						227120	Thực tập CNC 1	2	VT	
						227129	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (CK)	1	VT	
						227130	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2	3.1	
						227150	Thực tập tốt nghiệp (Cơ khí)	5		
						228197	Trang bị điện trong máy cắt kim loại	3	VT	
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
40	2117030088	Nguyễn Đức Huy	CCQ1703B	82	6.49	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
41	2117030089	Bùi Ngọc Huy	CCQ1703B	71	5.65	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	3.5	
						227065	Vẽ kỹ thuật 2	2	3.2	
						227103	Tin học ứng dụng 1 (Inventor)	2	VT	
						227120	Thực tập CNC 1	2		
						227130	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2	3.6	
						227137	Nguyên lý - Chi tiết máy	2	3.1	
						227150	Thực tập tốt nghiệp (Cơ khí)	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
42	2117030092	Lê Phạm Ngọc Khánh	CCQ1703B	84	6.24	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						227006	Cơ học ứng dụng	2	3.0	
						227148	Thực tập sửa chữa	2		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
43	2117030093	Trần Ngọc	Khương	CCQ1703B	90	7.27	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
44	2117030098	Đỗ Quang	Linh	CCQ1703B	78	6.68	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227103	Tin học ứng dụng 1 (Inventor)	2	3.9	
							227120	Thực tập CNC 1	2		
							227150	Thực tập tốt nghiệp (Cơ khí)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
45	2117030100	Lê Thành	Long	CCQ1703B	90	6.79	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
46	2117030101	Lê Thành	Long	CCQ1703B	24	2.76	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	VT	
							223006	Chính trị 1	3	VT	
							223007	Chính trị 2	3	VT	
							227001	AutoCad 2D	2	VT	
							227006	Cơ học ứng dụng	2	2.7	
							227009	Công nghệ CAD/CAM	2		
							227012	Công nghệ CNC	2	VT	
							227014	Công nghệ khí nén - thủy lực	2	VT	
							227023	Đồ án công nghệ cơ khí	1		
							227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	3.5	
							227060	Thực tập tiện 1	2	VT	
							227065	Vẽ kỹ thuật 2	2	VT	
							227103	Tin học ứng dụng 1 (Inventor)	2	VT	
							227107	Thực tập phay 2	2	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
46	2117030101	Lê Thành	Long	CCQ1703B	24	2.76	227108	Thực tập tiện 2	2	VT	
							227120	Thực tập CNC 1	2		
							227124	Thực tập các dụng cụ cầm tay	1		
							227132	Công nghệ sửa chữa	2		
							227137	Nguyên lý - Chi tiết máy	2	2.3	
							227150	Thực tập tốt nghiệp (Cơ khí)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
47	2117030105	Nguyễn Quốc	Minh	CCQ1703B	48	4.67	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	VT	
							227006	Cơ học ứng dụng	2	3.8	
							227014	Công nghệ khí nén - thủy lực	2	4.2	
							227023	Đồ án công nghệ cơ khí	1		
							227063	Vật liệu học	2	4.0	
							227065	Vẽ kỹ thuật 2	2	VT	
							227107	Thực tập phay 2	2	VT	
							227108	Thực tập tiện 2	2	VT	
							227130	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2	VT	
							227137	Nguyên lý - Chi tiết máy	2	4.0	
							227148	Thực tập sửa chữa	2	VT	
							227150	Thực tập tốt nghiệp (Cơ khí)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
48	2117030107	Nguyễn Minh	Nhân	CCQ1703B	90	7.31	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
49	2117030109	Nguyễn Minh	Nhật	CCQ1703B	86	6.97	227063	Vật liệu học	2	4.6	
							227148	Thực tập sửa chữa	2		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
50	2117030110	Lê Thanh	Phi	CCQ1703B	79	6.24	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227014	Công nghệ khí nén - thủy lực	2	3.9	
							227023	Đồ án công nghệ cơ khí	1	VT	
							227150	Thực tập tốt nghiệp (Cơ khí)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
51	2117030111	Lê Hoàng	Phong	CCQ1703B	21	2.86	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	VT	
							223006	Chính trị 1	3		
							227006	Cơ học ứng dụng	2	2.4	
							227009	Công nghệ CAD/CAM	2	VT	
							227012	Công nghệ CNC	2	VT	
							227014	Công nghệ khí nén - thủy lực	2	VT	
							227023	Đồ án công nghệ cơ khí	1		
							227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	VT	
							227063	Vật liệu học	2	4.6	
							227064	Vẽ kỹ thuật 1	2	3.1	
							227065	Vẽ kỹ thuật 2	2	4.0	
							227103	Tin học ứng dụng 1 (Inventor)	2	VT	
							227107	Thực tập phay 2	2		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
51	2117030111	Lê Hoàng Phong	CCQ1703B	21	2.86	227108	Thực tập tiện 2	2	VT	
						227120	Thực tập CNC 1	2		
						227130	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2	2.4	
						227132	Công nghệ sửa chữa	2		
						227137	Nguyên lý - Chi tiết máy	2	1.6	
						227150	Thực tập tốt nghiệp (Cơ khí)	5		
						228197	Trang bị điện trong máy cắt kim loại	3	VT	
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
52	2117030113	Nguyễn Văn Phúc	CCQ1703B	25	3.01	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222033	Toán ứng dụng A	3	0.0	
						223006	Chính trị 1	3	0.0	
						226020	Pháp luật đại cương	2	VT	
						227006	Cơ học ứng dụng	2	0.0	
						227009	Công nghệ CAD/CAM	2		
						227012	Công nghệ CNC	2	VT	
						227014	Công nghệ khí nén - thủy lực	2	0.0	
						227023	Đồ án công nghệ cơ khí	1		
						227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	4.1	
						227063	Vật liệu học	2	2.5	
						227103	Tin học ứng dụng 1 (Inventor)	2	VT	
						227107	Thực tập phay 2	2		
						227108	Thực tập tiện 2	2		
						227120	Thực tập CNC 1	2	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
52	2117030113	Nguyễn Văn	Phúc	CCQ1703B	25	3.01	227124	Thực tập các dụng cụ cầm tay	1		
							227130	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2	3.2	
							227132	Công nghệ sửa chữa	2		
							227137	Nguyên lý - Chi tiết máy	2	0.0	
							227148	Thực tập sửa chữa	2	VT	
							227150	Thực tập tốt nghiệp (Cơ khí)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
53	2117030115	Võ Duy	Phương	CCQ1703B	61	5.34	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227023	Đồ án công nghệ cơ khí	1	VT	
							227060	Thực tập tiện 1	2	VT	
							227103	Tin học ứng dụng 1 (Inventor)	2	VT	
							227108	Thực tập tiện 2	2		
							227137	Nguyên lý - Chi tiết máy	2	3.6	
							227150	Thực tập tốt nghiệp (Cơ khí)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
54	2117030116	Võ Hiếu	Quy	CCQ1703B	90	7.71	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
55	2117030117	Nguyễn Hoài	Sơn	CCQ1703B	88	6.72	227130	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2	4.4	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
56	2117030118	Trịnh Văn	Sỹ	CCQ1703B	60	5.57	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	4.4	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
56	2117030118	Trịnh Văn	Sỹ	CCQ1703B	60	5.57	227060	Thực tập tiện 1	2		
							227063	Vật liệu học	2	4.0	
							227103	Tin học ứng dụng 1 (Inventor)	2	VT	
							227108	Thực tập tiện 2	2		
							227120	Thực tập CNC 1	2		
							227132	Công nghệ sửa chữa	2	VT	
							227150	Thực tập tốt nghiệp (Cơ khí)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
57	2117030122	Phạm Tôn Phúc	Thiện	CCQ1703B	50	5.11	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	VT	
							223006	Chính trị 1	3	3.9	
							223007	Chính trị 2	3		
							227023	Đồ án công nghệ cơ khí	1	VT	
							227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	2.7	
							227065	Vẽ kỹ thuật 2	2	1.6	
							227108	Thực tập tiện 2	2	VT	
							227127	Thực tập hàn	2		
							227132	Công nghệ sửa chữa	2		
							227137	Nguyên lý - Chi tiết máy	2	3.5	
							229100	Tin học	2	4.4	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
58	2117030123	Hán Dương	Thụ	CCQ1703B	65	6.08	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
58	2117030123	Hán Dương	Thụ	CCQ1703B	65	6.08	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223006	Chính trị 1	3	3.7	
							223007	Chính trị 2	3		
							227014	Công nghệ khí nén - thủy lực	2	1.9	
							227108	Thực tập tiện 2	2	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
59	2117030124	Nguyễn Minh	Thuận	CCQ1703B	55	4.93	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223007	Chính trị 2	3	VT	
							227014	Công nghệ khí nén - thủy lực	2	3.2	
							227023	Đồ án công nghệ cơ khí	1	VT	
							227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	2.3	
							227063	Vật liệu học	2	3.6	
							227130	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2	2.9	
							227137	Nguyên lý - Chi tiết máy	2	4.0	
							227150	Thực tập tốt nghiệp (Cơ khí)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
60	2117030125	Đinh Duy	Trung	CCQ1703B	83	6.76	09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227103	Tin học ứng dụng 1 (Inventor)	2		
							227130	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2	3.6	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
61	2117030128	Châu Thanh	Tú	CCQ1703B	81	6.22	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	4.4	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
61	2117030128	Châu Thanh	Tú	CCQ1703B	81	6.22	227150	Thực tập tốt nghiệp (Cơ khí)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
62	2117030129	Phan Thanh	Tú	CCQ1703B	82	6.30	09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227023	Đồ án công nghệ cơ khí	1	VT	
							227063	Vật liệu học	2	4.2	
							227130	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2	2.0	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
63	2117030130	Trần Văn	Tứ	CCQ1703B	56	4.83	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223006	Chính trị 1	3	3.8	
							226020	Pháp luật đại cương	2	VT	
							227014	Công nghệ khí nén - thủy lực	2	VT	
							227023	Đồ án công nghệ cơ khí	1	VT	
							227063	Vật liệu học	2	3.9	
							227103	Tin học ứng dụng 1 (Inventor)	2	3.6	
							227124	Thực tập các dụng cụ cầm tay	1	VT	
							227129	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (CK)	1	VT	
							227137	Nguyên lý - Chi tiết máy	2	3.9	
							227148	Thực tập sửa chữa	2	VT	
							227150	Thực tập tốt nghiệp (Cơ khí)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
64	2117030131	Trương Minh	Vàng	CCQ1703B	88	6.50	227130	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2	3.6	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
64	2117030131	Trương Minh	Vàng	CCQ1703B	88	6.50	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
65	2117030132	Đặng Hữu	Văn	CCQ1703B	67	5.27	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223006	Chính trị 1	3	VT	
							223007	Chính trị 2	3		
							227006	Cơ học ứng dụng	2	VT	
							227014	Công nghệ khí nén - thủy lực	2	3.2	
							227023	Đồ án công nghệ cơ khí	1	VT	
							227063	Vật liệu học	2	4.3	
							227130	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2	2.4	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
66	2117030133	Võ Văn	Viễn	CCQ1703B	59	4.81	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227001	AutoCad 2D	2	VT	
							227006	Cơ học ứng dụng	2	2.5	
							227009	Công nghệ CAD/CAM	2	3.5	
							227023	Đồ án công nghệ cơ khí	1	VT	
							227103	Tin học ứng dụng 1 (Inventor)	2	4.5	
							227108	Thực tập tiện 2	2	VT	
							227130	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2	3.5	
							227132	Công nghệ sửa chữa	2	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
67	2117030135	Đinh Duy	Băng	CCQ1703C	90	6.45	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
68	2117030136	Huỳnh Anh	Bảo	CCQ1703C	57	5.29	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
68	2117030136	Huỳnh Anh Bảo	CCQ1703C	57	5.29	09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						223006	Chính trị 1	3	VT	
						227006	Cơ học ứng dụng	2	2.6	
						227064	Vẽ kỹ thuật 1	2	4.6	
						227120	Thực tập CNC 1	2		
						227124	Thực tập các dụng cụ cầm tay	1	VT	
						227130	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2	2.7	
						227132	Công nghệ sửa chữa	2		
						227137	Nguyên lý - Chi tiết máy	2	2.8	
						227145	Thực tập nguội	2	VT	
						228197	Trang bị điện trong máy cắt kim loại	3	VT	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
69	2117030139	Võ Quốc Bảo	CCQ1703C	30	3.73	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222033	Toán ứng dụng A	3	VT	
						227006	Cơ học ứng dụng	2	0.8	
						227009	Công nghệ CAD/CAM	2		
						227012	Công nghệ CNC	2		
						227014	Công nghệ khí nén - thủy lực	2		
						227023	Đồ án công nghệ cơ khí	1		
						227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	2.6	
						227056	Thực tập phay 1	2	VT	
						227063	Vật liệu học	2	3.2	
						227064	Vẽ kỹ thuật 1	2	3.2	
						227103	Tin học ứng dụng 1 (Inventor)	2	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
69	2117030139	Võ Quốc	Bảo	CCQ1703C	30	3.73	227107	Thực tập phay 2	2		
							227108	Thực tập tiện 2	2	VT	
							227120	Thực tập CNC 1	2		
							227124	Thực tập các dụng cụ cầm tay	1		
							227130	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2	4.6	
							227132	Công nghệ sửa chữa	2		
							227137	Nguyên lý - Chi tiết máy	2	1.9	
							227145	Thực tập nguội	2	VT	
							227148	Thực tập sửa chữa	2	VT	
							228197	Trang bị điện trong máy cắt kim loại	3	VT	
							229100	Tin học	2	0.2	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
70	2117030142	Nguyễn Nhựt	Duy	CCQ1703C	77	6.60	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227012	Công nghệ CNC	2	VT	
							227108	Thực tập tiện 2	2		
							227130	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2	4.2	
							227148	Thực tập sửa chữa	2		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
71	2117030144	Phạm Ngọc	Hải	CCQ1703C	64	5.37	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226020	Pháp luật đại cương	2	4.2	
							227006	Cơ học ứng dụng	2	0.2	
							227009	Công nghệ CAD/CAM	2		
							227014	Công nghệ khí nén - thủy lực	2	3.6	
							227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	3.0	
							227063	Vật liệu học	2	3.6	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
71	2117030144	Phạm Ngọc	Hải	CCQ1703C	64	5.37	227103	Tin học ứng dụng 1 (Inventor)	2	3.3	
							227108	Thực tập tiện 2	2	4.5	
							227130	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2	2.6	
							227148	Thực tập sửa chữa	2		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
72	2117030145	Nguyễn Nhật	Hào	CCQ1703C	73	6.99	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227009	Công nghệ CAD/CAM	2		
							227124	Thực tập các dụng cụ cầm tay	1		
							227132	Công nghệ sửa chữa	2		
							227148	Thực tập sửa chữa	2		
							228197	Trang bị điện trong máy cắt kim loại	3		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
73	2117030149	Nguyễn Văn	Hiếu	CCQ1703C	34	3.90	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	VT	
							226020	Pháp luật đại cương	2	VT	
							227006	Cơ học ứng dụng	2	1.2	
							227014	Công nghệ khí nén - thủy lực	2	4.1	
							227023	Đồ án công nghệ cơ khí	1	VT	
							227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	VT	
							227063	Vật liệu học	2	4.9	
							227064	Vẽ kỹ thuật 1	2	3.2	
							227065	Vẽ kỹ thuật 2	2	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
73	2117030149	Nguyễn Văn Hiếu	CCQ1703C	34	3.90	227108	Thực tập tiện 2	2		
						227130	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2	VT	
						227137	Nguyên lý - Chi tiết máy	2	2.8	
						227148	Thực tập sửa chữa	2		
						227150	Thực tập tốt nghiệp (Cơ khí)	5		
						228197	Trang bị điện trong máy cắt kim loại	3	VT	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
74	2117030151	Lê Anh Huy	CCQ1703C	24	2.90	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222033	Toán ứng dụng A	3	4.6	
						223007	Chính trị 2	3		
						227006	Cơ học ứng dụng	2	1.9	
						227009	Công nghệ CAD/CAM	2	VT	
						227012	Công nghệ CNC	2	VT	
						227014	Công nghệ khí nén - thủy lực	2		
						227023	Đồ án công nghệ cơ khí	1	VT	
						227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2		
						227056	Thực tập phay 1	2	VT	
						227060	Thực tập tiện 1	2	VT	
						227063	Vật liệu học	2	4.3	
						227065	Vẽ kỹ thuật 2	2	VT	
						227103	Tin học ứng dụng 1 (Inventor)	2	VT	
						227107	Thực tập phay 2	2		
						227108	Thực tập tiện 2	2		
						227120	Thực tập CNC 1	2	VT	
						227127	Thực tập hàn	2	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
74	2117030151	Lê Anh	Huy	CCQ1703C	24	2.90	227129	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (CK)	1		
							227130	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2	VT	
							227132	Công nghệ sửa chữa	2	VT	
							227137	Nguyên lý - Chi tiết máy	2	2.5	
							227148	Thực tập sửa chữa	2	VT	
							228197	Trang bị điện trong máy cắt kim loại	3	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
75	2117030154	Võ Thành	Hưng	CCQ1703C	84	6.86	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227063	Vật liệu học	2	4.9	
							227124	Thực tập các dụng cụ cầm tay	1		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
76	2117030156	Huỳnh Nhựt	Khang	CCQ1703C	79	5.98	227064	Vẽ kỹ thuật 1	2	4.8	
							227103	Tin học ứng dụng 1 (Inventor)	2	VT	
							227130	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2	2.5	
							227150	Thực tập tốt nghiệp (Cơ khí)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
77	2117030158	Trần Văn	Lâm	CCQ1703C	76	5.93	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227014	Công nghệ khí nén - thủy lực	2	3.5	
							227063	Vật liệu học	2	4.5	
							227137	Nguyên lý - Chi tiết máy	2	3.5	
							229100	Tin học	2	1.2	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
77	2117030158	Trần Văn	Lâm	CCQ1703C	76	5.93	R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
78	2117030160	Ngô Minh	Luân	CCQ1703C	52	5.55	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223006	Chính trị 1	3	4.2	
							227001	AutoCad 2D	2		
							227006	Cơ học ứng dụng	2	1.2	
							227012	Công nghệ CNC	2	4.4	
							227023	Đồ án công nghệ cơ khí	1	VT	
							227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	2.4	
							227103	Tin học ứng dụng 1 (Inventor)	2		
							227120	Thực tập CNC 1	2		
							227129	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (CK)	1		
							227130	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2	2.0	
							227137	Nguyên lý - Chi tiết máy	2	2.7	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
79	2117030162	Bùi Văn	Luận	CCQ1703C	45	3.96	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	0.6	
							227006	Cơ học ứng dụng	2	0.8	
							227009	Công nghệ CAD/CAM	2	VT	
							227012	Công nghệ CNC	2	VT	
							227014	Công nghệ khí nén - thủy lực	2	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
79	2117030162	Bùi Văn	Luận	CCQ1703C	45	3.96	227023	Đồ án công nghệ cơ khí	1		
							227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	3.3	
							227103	Tin học ứng dụng 1 (Inventor)	2	VT	
							227120	Thực tập CNC 1	2	VT	
							227130	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2	0.6	
							227132	Công nghệ sửa chữa	2	VT	
							227137	Nguyên lý - Chi tiết máy	2	1.8	
							227150	Thực tập tốt nghiệp (Cơ khí)	5		
							228197	Trang bị điện trong máy cắt kim loại	3	0.0	
							229100	Tin học	2	3.3	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
80	2117030167	Hứa Minh	Phúc	CCQ1703C	88	6.20	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
81	2117030171	Trần Mậu	Quỳnh	CCQ1703C	82	6.26	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227127	Thực tập hàn	2		
							227130	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2	4.6	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
82	2117030176	Nguyễn Công	Tạo	CCQ1703C	90	6.68	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
83	2117030177	Trần Minh	Tân	CCQ1703C	77	6.01	09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227006	Cơ học ứng dụng	2	3.1	
							227014	Công nghệ khí nén - thủy lực	2	VT	
							227063	Vật liệu học	2	4.1	
							227130	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2	4.1	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
83	2117030177	Trần Minh	Tân	CCQ1703C	77	6.01	R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
84	2117030181	Huỳnh Công	Thành	CCQ1703C	86	6.42	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227127	Thực tập hàn	2		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
85	2117030184	Trương Hữu	Thắng	CCQ1703C	75	6.91	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227023	Đồ án công nghệ cơ khí	1	VT	
							227103	Tin học ứng dụng 1 (Inventor)	2		
							227120	Thực tập CNC 1	2		
							227137	Nguyên lý - Chi tiết máy	2	3.5	
							227150	Thực tập tốt nghiệp (Cơ khí)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
86	2117030185	Đỗ Ngọc	Thủ	CCQ1703C	78	6.12	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227006	Cơ học ứng dụng	2	0.6	
							227014	Công nghệ khí nén - thủy lực	2	3.9	
							227130	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2	3.0	
							227137	Nguyên lý - Chi tiết máy	2	3.5	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
87	2117030187	Võ Nhất	Trí	CCQ1703C	90	6.79	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
88	2117030191	Trần Hoàng	Trường	CCQ1703C	80	6.29	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227006	Cơ học ứng dụng	2	2.2	
							227120	Thực tập CNC 1	2		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
89	2117030193	Nguyễn Minh	Tuấn	CCQ1703C	90	6.95	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
90	2117030198	Phạm	Vỹ	CCQ1703C	81	6.25	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	4.3	
							227063	Vật liệu học	2	3.7	
							227132	Công nghệ sửa chữa	2	4.0	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
91	2117030199	Nguyễn Minh	Chiến	CCQ1703D	80	7.67	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227108	Thực tập tiện 2	2	1.4	
							227150	Thực tập tốt nghiệp (Cơ khí)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
92	2117030203	Nguyễn Văn	Dệ	CCQ1703D	83	6.29	227103	Tin học ứng dụng 1 (Inventor)	2	VT	
							227150	Thực tập tốt nghiệp (Cơ khí)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
93	2117030205	Lê Thành	Đạt	CCQ1703D	79	6.52	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226020	Pháp luật đại cương	2	4.6	
							227103	Tin học ứng dụng 1 (Inventor)	2	3.4	
							227150	Thực tập tốt nghiệp (Cơ khí)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
94	2117030209	Nguyễn Thanh	Hóa	CCQ1703D	90	6.60	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
95	2117030210	Trần Gia	Hùng	CCQ1703D	83	6.90	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227103	Tin học ứng dụng 1 (Inventor)	2	3.7	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
95	2117030210	Trần Gia	Hùng	CCQ1703D	83	6.90	R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
96	2117030211	Ngô Quang	Huy	CCQ1703D	83	6.32	227006	Cơ học ứng dụng	2	1.2	
							227150	Thực tập tốt nghiệp (Cơ khí)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
97	2117030213	Phạm Hoàng	Huynh	CCQ1703D	48	4.48	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223006	Chính trị 1	3	VT	
							227006	Cơ học ứng dụng	2	2.2	
							227009	Công nghệ CAD/CAM	2	VT	
							227012	Công nghệ CNC	2	4.4	
							227063	Vật liệu học	2	3.7	
							227108	Thực tập tiện 2	2	VT	
							227120	Thực tập CNC 1	2	VT	
							227130	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2	4.3	
							227145	Thực tập nguội	2	VT	
							227148	Thực tập sửa chữa	2	VT	
							227150	Thực tập tốt nghiệp (Cơ khí)	5		
							228197	Trang bị điện trong máy cắt kim loại	3	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
98	2117030215	Trần Quốc	Khánh	CCQ1703D	83	6.39	227130	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2	3.4	
							227150	Thực tập tốt nghiệp (Cơ khí)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
99	2117030216	Tòng Văn	Khánh	CCQ1703D	68	5.13	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
99	2117030216	Tòng Văn Khánh	CCQ1703D	68	5.13	09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						227014	Công nghệ khí nén - thủy lực	2	2.1	
						227023	Đồ án công nghệ cơ khí	1	VT	
						227103	Tin học ứng dụng 1 (Inventor)	2	4.3	
						227120	Thực tập CNC 1	2		
						227150	Thực tập tốt nghiệp (Cơ khí)	5		
						228197	Trang bị điện trong máy cắt kim loại	3	VT	
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
100	2117030217	Hồ Đình Khởi	CCQ1703D	80	6.83	08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2		
						227063	Vật liệu học	2	1.6	
						227103	Tin học ứng dụng 1 (Inventor)	2		
						227137	Nguyên lý - Chi tiết máy	2	4.0	
						227148	Thực tập sửa chữa	2		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
101	2117030219	Cao Quang Linh	CCQ1703D	45	4.45	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222033	Toán ứng dụng A	3	2.6	
						223007	Chính trị 2	3	0.0	
						226020	Pháp luật đại cương	2	0.0	
						227006	Cơ học ứng dụng	2	0.8	
						227009	Công nghệ CAD/CAM	2	VT	
						227014	Công nghệ khí nén - thủy lực	2	3.6	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
101	2117030219	Cao Quang	Linh	CCQ1703D	45	4.45	227023	Đồ án công nghệ cơ khí	1	VT	
							227063	Vật liệu học	2	3.8	
							227103	Tin học ứng dụng 1 (Inventor)	2	VT	
							227130	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2	4.3	
							227148	Thực tập sửa chữa	2		
							227150	Thực tập tốt nghiệp (Cơ khí)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
102	2117030220	Nguyễn Khánh	Long	CCQ1703D	86	6.41	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227103	Tin học ứng dụng 1 (Inventor)	2	4.2	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
103	2117030222	Trần Thanh	Nam	CCQ1703D	85	6.21	227150	Thực tập tốt nghiệp (Cơ khí)	5	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
104	2117030223	Nguyễn Quang	Nhẫn	CCQ1703D	70	6.16	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227009	Công nghệ CAD/CAM	2		
							227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	2.2	
							227103	Tin học ứng dụng 1 (Inventor)	2	3.7	
							227127	Thực tập hàn	2		
							227137	Nguyên lý - Chi tiết máy	2	4.4	
							227148	Thực tập sửa chữa	2		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
105	2117030228	Võ Văn	Phúc	CCQ1703D	85	6.81	227150	Thực tập tốt nghiệp (Cơ khí)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
106	2117030235	Nguyễn Hữu	Tài	CCQ1703D	84	7.10	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
106	2117030235	Nguyễn Hữu	Tài	CCQ1703D	84	7.10	09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227103	Tin học ứng dụng 1 (Inventor)	2	3.9	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
107	2117030236	Nguyễn	Tài	CCQ1703D	77	6.00	227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	3.8	
							227063	Vật liệu học	2	4.6	
							227103	Tin học ứng dụng 1 (Inventor)	2	4.6	
							227127	Thực tập hàn	2	VT	
							227150	Thực tập tốt nghiệp (Cơ khí)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
108	2117030237	Lê Tấn	Tài	CCQ1703D	88	7.40	227103	Tin học ứng dụng 1 (Inventor)	2		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
109	2117030239	Nguyễn Quốc	Thịnh	CCQ1703D	37	4.38	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223007	Chính trị 2	3		
							226020	Pháp luật đại cương	2		
							227006	Cơ học ứng dụng	2	3.3	
							227012	Công nghệ CNC	2	VT	
							227023	Đồ án công nghệ cơ khí	1	VT	
							227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	3.3	
							227056	Thực tập phay 1	2	VT	
							227063	Vật liệu học	2	2.7	
							227103	Tin học ứng dụng 1 (Inventor)	2		
							227107	Thực tập phay 2	2		
							227108	Thực tập tiện 2	2		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
109	2117030239	Nguyễn Quốc	Thịnh	CCQ1703D	37	4.38	227120	Thực tập CNC 1	2	VT	
							227124	Thực tập các dụng cụ cầm tay	1		
							227127	Thực tập hàn	2		
							227130	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2	2.4	
							227148	Thực tập sửa chữa	2	VT	
							227150	Thực tập tốt nghiệp (Cơ khí)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
110	2117030240	Trần Thanh	Thoản	CCQ1703D	85	6.39	227150	Thực tập tốt nghiệp (Cơ khí)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
111	2117030241	Nguyễn Hữu	Thời	CCQ1703D	88	6.76	227063	Vật liệu học	2	2.9	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
112	2117030243	Hoàng Văn	Tiến	CCQ1703D	48	5.00	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223006	Chính trị 1	3		
							223007	Chính trị 2	3		
							227009	Công nghệ CAD/CAM	2		
							227012	Công nghệ CNC	2	VT	
							227063	Vật liệu học	2	4.7	
							227103	Tin học ứng dụng 1 (Inventor)	2	3.4	
							227120	Thực tập CNC 1	2		
							227129	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (CK)	1	VT	
							227130	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2	2.7	
							227132	Công nghệ sửa chữa	2		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
112	2117030243	Hoàng Văn	Tiến	CCQ1703D	48	5.00	227137	Nguyên lý - Chi tiết máy	2	3.5	
							227150	Thực tập tốt nghiệp (Cơ khí)	5	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
113	2117030245	Đinh Văn	Toàn	CCQ1703D	86	6.56	227063	Vật liệu học	2	4.0	
							227132	Công nghệ sửa chữa	2	4.7	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
114	2117030246	Võ Trọng	Toản	CCQ1703D	76	6.07	09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223006	Chính trị 1	3	4.1	
							227012	Công nghệ CNC	2	4.4	
							227063	Vật liệu học	2	4.4	
							227150	Thực tập tốt nghiệp (Cơ khí)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
115	2117030247	Trần Văn	Toán	CCQ1703D	57	5.18	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227006	Cơ học ứng dụng	2	1.2	
							227009	Công nghệ CAD/CAM	2	VT	
							227012	Công nghệ CNC	2	3.3	
							227014	Công nghệ khí nén - thủy lực	2		
							227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	1.3	
							227063	Vật liệu học	2	3.0	
							227103	Tin học ứng dụng 1 (Inventor)	2		
							227120	Thực tập CNC 1	2		
							227132	Công nghệ sửa chữa	2		
							227148	Thực tập sửa chữa	2		
							228197	Trang bị điện trong máy cắt kim loại	3	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
115	2117030247	Trần Văn	Toán	CCQ1703D	57	5.18	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
116	2117030250	Huỳnh Văn	Trung	CCQ1703D	90	6.72	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
117	2117030252	Nguyễn Nhật	Trường	CCQ1703D	81	6.59	227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	3.8	
							227063	Vật liệu học	2	4.7	
							227150	Thực tập tốt nghiệp (Cơ khí)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
118	2117030253	Võ Hoàng Sơn	Trường	CCQ1703D	85	6.74	223007	Chính trị 2	3	4.8	
							227103	Tin học ứng dụng 1 (Inventor)	2	4.3	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
119	2117030257	Võ Nhật	Vương	CCQ1703D	10	1.74	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	4.3	
							223007	Chính trị 2	3	VT	
							226020	Pháp luật đại cương	2	VT	
							227006	Cơ học ứng dụng	2	0.8	
							227009	Công nghệ CAD/CAM	2		
							227012	Công nghệ CNC	2	VT	
							227014	Công nghệ khí nén - thủy lực	2	VT	
							227023	Đồ án công nghệ cơ khí	1		
							227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	2.4	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
119	2117030257	Võ Nhật	Vương	CCQ1703D	10	1.74	227056	Thực tập phay 1	2	VT	
							227060	Thực tập tiện 1	2	VT	
							227063	Vật liệu học	2	4.6	
							227064	Vẽ kỹ thuật 1	2	3.1	
							227065	Vẽ kỹ thuật 2	2	VT	
							227103	Tin học ứng dụng 1 (Inventor)	2		
							227107	Thực tập phay 2	2		
							227108	Thực tập tiện 2	2	VT	
							227120	Thực tập CNC 1	2		
							227124	Thực tập các dụng cụ cầm tay	1		
							227127	Thực tập hàn	2		
							227130	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2	2.2	
							227132	Công nghệ sửa chữa	2	VT	
							227137	Nguyên lý - Chi tiết máy	2	3.7	
							227145	Thực tập nguội	2	VT	
							227148	Thực tập sửa chữa	2	VT	
							227150	Thực tập tốt nghiệp (Cơ khí)	5		
							228197	Trang bị điện trong máy cắt kim loại	3	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
120	2117030259	Nguyễn Văn	Xí	CCQ1703D	88	6.76	227063	Vật liệu học	2	3.6	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
121	2117030260	Kiều Văn	Bằng	CCQ1703E	71	6.00	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227006	Cơ học ứng dụng	2	3.8	
							227023	Đồ án công nghệ cơ khí	1	VT	
							227060	Thực tập tiện 1	2	VT	
							227103	Tin học ứng dụng 1 (Inventor)	2	4.2	
							227130	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
121	2117030260	Kiều Văn	Bằng	CCQ1703E	71	6.00	227150	Thực tập tốt nghiệp (Cơ khí)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
122	2117030263	Phan Văn	Đạt	CCQ1703E	75	6.41	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227006	Cơ học ứng dụng	2	VT	
							227014	Công nghệ khí nén - thủy lực	2	3.6	
							227120	Thực tập CNC 1	2		
							227130	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
123	2117030264	Hoàng Văn	Giáo	CCQ1703E	88	6.36	09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
124	2117030266	Vũ Hồng	Hiếu	CCQ1703E	83	7.39	223006	Chính trị 1	3		
							226020	Pháp luật đại cương	2		
							227009	Công nghệ CAD/CAM	2		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
125	2117030267	Phan Ngọc	Hiếu	CCQ1703E	76	6.48	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227103	Tin học ứng dụng 1 (Inventor)	2		
							227120	Thực tập CNC 1	2	VT	
							227130	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2	2.9	
							227150	Thực tập tốt nghiệp (Cơ khí)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
126	2117030269	Nguyễn Kinh	Kha	CCQ1703E	81	6.03	09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223007	Chính trị 2	3	4.0	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
126	2117030269	Nguyễn Kinh	Kha	CCQ1703E	81	6.03	227023	Đồ án công nghệ cơ khí	1	VT	
							227137	Nguyên lý - Chi tiết máy	2	4.2	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
127	2117030275	Phạm Hữu	Linh	CCQ1703E	83	6.13	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227150	Thực tập tốt nghiệp (Cơ khí)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
128	2117030278	Tống Văn	Long	CCQ1703E	76	5.98	09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
129	2117030280	Huỳnh Ngọc	Luân	CCQ1703E	56	4.87	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	VT	
							226020	Pháp luật đại cương	2		
							227006	Cơ học ứng dụng	2	2.0	
							227014	Công nghệ khí nén - thủy lực	2	VT	
							227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	2.5	
							227064	Vẽ kỹ thuật 1	2	1.0	
							227065	Vẽ kỹ thuật 2	2	4.2	
							227103	Tin học ứng dụng 1 (Inventor)	2		
							227108	Thực tập tiện 2	2	4.0	
							227127	Thực tập hàn	2		
							227130	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
129	2117030280	Huỳnh Ngọc	Luân	CCQ1703E	56	4.87	R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
130	2117030285	Huỳnh Quang	Nhật	CCQ1703E	71	6.45	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	4.8	
							227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	4.4	
							227103	Tin học ứng dụng 1 (Inventor)	2		
							227150	Thực tập tốt nghiệp (Cơ khí)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
131	2117030287	Hải Ngọc	Phát	CCQ1703E	45	4.76	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223006	Chính trị 1	3	3.5	
							223007	Chính trị 2	3		
							226020	Pháp luật đại cương	2	VT	
							227012	Công nghệ CNC	2	4.5	
							227023	Đồ án công nghệ cơ khí	1		
							227064	Vẽ kỹ thuật 1	2	2.6	
							227108	Thực tập tiện 2	2	1.2	
							227129	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (CK)	1	VT	
							227132	Công nghệ sửa chữa	2	VT	
							227148	Thực tập sửa chữa	2	VT	
							227150	Thực tập tốt nghiệp (Cơ khí)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
132	2117030289	Sử Đại Thành	Phát	CCQ1703E	61	5.61	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
132	2117030289	Sử Đại Thành	Phát	CCQ1703E	61	5.61	09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223006	Chính trị 1	3		
							226020	Pháp luật đại cương	2		
							227014	Công nghệ khí nén - thủy lực	2		
							227023	Đồ án công nghệ cơ khí	1	VT	
							227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	VT	
							227103	Tin học ứng dụng 1 (Inventor)	2		
							227124	Thực tập các dụng cụ cầm tay	1		
							227130	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2	VT	
							227132	Công nghệ sửa chữa	2		
							227137	Nguyên lý - Chi tiết máy	2	1.8	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
133	2117030291	Bá Văn	Phi	CCQ1703E	66	5.65	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223006	Chính trị 1	3	VT	
							227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	4.5	
							227130	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2	VT	
							227137	Nguyên lý - Chi tiết máy	2	3.6	
							227150	Thực tập tốt nghiệp (Cơ khí)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
134	2117030292	Đàng Ngọc	Phú	CCQ1703E	34	3.78	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
134	2117030292	Đàng Ngọc Phú	CCQ1703E	34	3.78	08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						223007	Chính trị 2	3		
						226020	Pháp luật đại cương	2	VT	
						227006	Cơ học ứng dụng	2	3.0	
						227012	Công nghệ CNC	2	VT	
						227014	Công nghệ khí nén - thủy lực	2	2.7	
						227023	Đồ án công nghệ cơ khí	1	VT	
						227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2		
						227056	Thực tập phay 1	2	VT	
						227060	Thực tập tiện 1	2	VT	
						227065	Vẽ kỹ thuật 2	2	1.4	
						227107	Thực tập phay 2	2		
						227108	Thực tập tiện 2	2		
						227120	Thực tập CNC 1	2		
						227124	Thực tập các dụng cụ cầm tay	1		
						227129	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (CK)	1		
						227130	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2	2.4	
						227132	Công nghệ sửa chữa	2	4.1	
						227148	Thực tập sửa chữa	2	VT	
						227150	Thực tập tốt nghiệp (Cơ khí)	5		
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
135	2117030295	Mang Cao Tân	CCQ1703E	88	8.08	09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
136	2117030298	Lê Hữu Thanh	CCQ1703E	60	4.68	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
136	2117030298	Lê Hữu Thanh	CCQ1703E	60	4.68	08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						227014	Công nghệ khí nén - thủy lực	2	0.0	
						227065	Vẽ kỹ thuật 2	2	0.0	
						227103	Tin học ứng dụng 1 (Inventor)	2		
						227108	Thực tập tiện 2	2	VT	
						227145	Thực tập nguội	2	VT	
						227150	Thực tập tốt nghiệp (Cơ khí)	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
137	2117030300	Võ Quốc Vương Chí Thành	CCQ1703E	37	3.93	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222033	Toán ứng dụng A	3		
						223006	Chính trị 1	3		
						223007	Chính trị 2	3	VT	
						226020	Pháp luật đại cương	2	VT	
						227009	Công nghệ CAD/CAM	2		
						227012	Công nghệ CNC	2	VT	
						227014	Công nghệ khí nén - thủy lực	2		
						227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	VT	
						227065	Vẽ kỹ thuật 2	2	VT	
						227103	Tin học ứng dụng 1 (Inventor)	2	VT	
						227107	Thực tập phay 2	2		
						227120	Thực tập CNC 1	2		
						227124	Thực tập các dụng cụ cầm tay	1		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
137	2117030300	Võ Quốc Vương Chí Thành	CCQ1703E	37	3.93	227129	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (CK)	1	VT	
						227130	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2	VT	
						227132	Công nghệ sửa chữa	2		
						227137	Nguyên lý - Chi tiết máy	2	3.5	
						227148	Thực tập sửa chữa	2		
						227150	Thực tập tốt nghiệp (Cơ khí)	5		
						228197	Trang bị điện trong máy cắt kim loại	3	VT	
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
138	2117030301	Thọ Trường Tháp	CCQ1703E	46	4.54	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222033	Toán ứng dụng A	3	0.2	
						223007	Chính trị 2	3	4.7	
						226020	Pháp luật đại cương	2	4.4	
						227006	Cơ học ứng dụng	2	1.3	
						227009	Công nghệ CAD/CAM	2	VT	
						227014	Công nghệ khí nén - thủy lực	2	4.6	
						227023	Đồ án công nghệ cơ khí	1	VT	
						227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	VT	
						227064	Vẽ kỹ thuật 1	2	2.6	
						227065	Vẽ kỹ thuật 2	2	3.2	
						227103	Tin học ứng dụng 1 (Inventor)	2		
						227130	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2	VT	
						227132	Công nghệ sửa chữa	2		
						227137	Nguyên lý - Chi tiết máy	2	0.8	
						227145	Thực tập nguội	2	VT	
						227150	Thực tập tốt nghiệp (Cơ khí)	5		
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
138	2117030301	Thọ Trường	Tháp	CCQ1703E	46	4.54	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
139	2117030305	Trương Đức	Thông	CCQ1703E	83	6.49	226020	Pháp luật đại cương	2	VT	
							227130	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2	2.8	
							228197	Trang bị điện trong máy cắt kim loại	3	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
140	2117030307	Lê Quốc	Tiến	CCQ1703E	67	5.83	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223007	Chính trị 2	3	3.3	
							227014	Công nghệ khí nén - thủy lực	2	4.7	
							227124	Thực tập các dụng cụ cầm tay	1		
							227130	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2	VT	
							227132	Công nghệ sửa chữa	2	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
141	2117030308	Võ Đức	Trọng	CCQ1703E	80	6.37	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227103	Tin học ứng dụng 1 (Inventor)	2		
							227132	Công nghệ sửa chữa	2	4.8	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
142	2117030312	Lê Thanh	Tùng	CCQ1703E	57	5.52	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	3.6	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
142	2117030312	Lê Thanh	Tùng	CCQ1703E	57	5.52	227006	Cơ học ứng dụng	2	2.3	
							227014	Công nghệ khí nén - thủy lực	2	3.3	
							227023	Đồ án công nghệ cơ khí	1	VT	
							227064	Vẽ kỹ thuật 1	2	3.1	
							227065	Vẽ kỹ thuật 2	2	VT	
							227103	Tin học ứng dụng 1 (Inventor)	2		
							227120	Thực tập CNC 1	2		
							227130	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2	2.3	
							227150	Thực tập tốt nghiệp (Cơ khí)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
143	2117030316	Lê Hoàng	Vân	CCQ1703E	88	6.53	08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227023	Đồ án công nghệ cơ khí	1	VT	
							227124	Thực tập các dụng cụ cầm tay	1		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
144	2117030320	Nguyễn Công	Vinh	CCQ1703E	90	6.86	234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
145	2117190020	Lê Trọng	Kháng	CCQ1703E	68	6.26	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227006	Cơ học ứng dụng	2	2.3	
							227023	Đồ án công nghệ cơ khí	1	VT	
							227130	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2		
							227137	Nguyên lý - Chi tiết máy	2	VT	
							227150	Thực tập tốt nghiệp (Cơ khí)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
146	2117230010	Võ Hồng	Kông	CCQ1703E	2	0.44	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
146	2117230010	Võ Hồng Kông	CCQ1703E	2	0.44	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222033	Toán ứng dụng A	3	VT	
						223006	Chính trị 1	3	VT	
						223007	Chính trị 2	3		
						226020	Pháp luật đại cương	2	VT	
						227001	AutoCad 2D	2		
						227006	Cơ học ứng dụng	2		
						227009	Công nghệ CAD/CAM	2		
						227012	Công nghệ CNC	2		
						227014	Công nghệ khí nén - thủy lực	2		
						227023	Đồ án công nghệ cơ khí	1		
						227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2		
						227056	Thực tập phay 1	2		
						227060	Thực tập tiện 1	2		
						227063	Vật liệu học	2		
						227064	Vẽ kỹ thuật 1	2	VT	
						227065	Vẽ kỹ thuật 2	2		
						227103	Tin học ứng dụng 1 (Inventor)	2		
						227107	Thực tập phay 2	2		
						227108	Thực tập tiện 2	2		
						227120	Thực tập CNC 1	2	VT	
						227124	Thực tập các dụng cụ cầm tay	1		
						227127	Thực tập hàn	2		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
146	2117230010	Võ Hồng Kông	CCQ1703E	2	0.44	227129	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (CK)	1	VT	
						227130	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2	VT	
						227132	Công nghệ sửa chữa	2		
						227137	Nguyên lý - Chi tiết máy	2		
						227145	Thực tập nguội	2		
						227148	Thực tập sửa chữa	2	VT	
						227150	Thực tập tốt nghiệp (Cơ khí)	5		
						228197	Trang bị điện trong máy cắt kim loại	3		
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5	VT	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	4 TC (Min)	4
0101 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
	234011 Bóng rổ 2	2
	234013 Cầu lông 2	2
	234014 Aerobic 2	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2
0201 .	226035 Soạn thảo văn bản	2
	227073 Lập trình C++	2
	229030 Tin học văn phòng	2
Nhóm TC 03 :	4 TC (Min)	4
0302 .	234002 Bóng chuyền 1	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		234003 Bóng chuyền 2	2							
0303 .		234006 Bóng đá 1	2							
		234010 Bóng đá 2	2							
0304 .		234007 Bóng rổ 1	2							
		234011 Bóng rổ 2	2							
0305 .		234008 Cầu lông 1	2							
		234013 Cầu lông 2	2							
0306 .		234009 Aerobic 1	2							
		234014 Aerobic 2	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2							
		226017 Môi trường và con người	2							
Nhóm TC 05 :		2 TC (Min)	2							
0501 .		227138 Solidworks	2							
		227142 Thực tập hàn TIG - MAG	2							
Nhóm TC 06 :		2 TC (Min)	2							
0601 .		227141 Thực tập CNC 2	2							
		227147 Thực tập phay 3	2							
		227149 Thực tập tiện 3	2							
Nhóm TC 07 :		5 TC (Min)	5							
0701 .		227069 Công nghệ khí nén - thủy lực nâng cao	2							
		227087 Đồ án tốt nghiệp (Cơ khí)	5							
		227117 Công nghệ sửa chữa nâng cao	3							
Nhóm TC 08 :		3 TC (Min)	3							
0801 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
0802 .		200003 Tiếng Nhật 3	3							
Nhóm TC 09 :										
0901 .		224003 Anh văn 1	3							
		224004 Anh văn 2	3							
		224016 Anh văn 3	3							
		227067 Anh văn chuyên ngành (Cơ khí)	2							
0902 .		200001 Tiếng Nhật 1	3							
		200002 Tiếng Nhật 2	3							
		200003 Tiếng Nhật 3	3							
		200004 Tiếng Nhật 4	2							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
Phòng Quản Lý Đào Tạo
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2017 - Chế tạo máy (TN211704)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **90**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2117040002	Trương Chí	Bảo	CCQ1704A	83	6.35	227014	Công nghệ khí nén - thủy lực	2	3.8	
							227151	Thực tập tốt nghiệp (Chế tạo máy)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
2	2117040003	Nguyễn Duy	Cương	CCQ1704A	90	7.53	227141	Thực tập CNC 2	2		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
3	2117040004	Chu Ngọc	Cường	CCQ1704A	85	6.92	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227063	Vật liệu học	2	4.6	
							227141	Thực tập CNC 2	2		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
4	2117040010	Hồ Sĩ Nhật	Hào	CCQ1704A	67	6.43	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227120	Thực tập CNC 1	2		
							227131	Công nghệ chế tạo máy	2	3.6	
							227139	Thực hành thiết kế chi tiết máy	1	VT	
							227141	Thực tập CNC 2	2		
							227147	Thực tập phay 3	2		
							227151	Thực tập tốt nghiệp (Chế tạo máy)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
4	2117040010	Hồ Sĩ Nhật	Hào	CCQ1704A	67	6.43	R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
5	2117040012	Trần Huy	Hoàng	CCQ1704A	73	6.43	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	4.4	
							227006	Cơ học ứng dụng	2	VT	
							227014	Công nghệ khí nén - thủy lực	2		
							227022	Đồ án công nghệ chế tạo máy	1	VT	
							227067	Anh văn chuyên ngành (Cơ khí)	2		
							227130	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2	3.9	
							227131	Công nghệ chế tạo máy	2	3.6	
							227139	Thực hành thiết kế chi tiết máy	1	1.2	
							227141	Thực tập CNC 2	2		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
6	2117040013	Trần Văn	Hoàng	CCQ1704A	90	7.23	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
7	2117040014	Nguyễn Công	Hóa	CCQ1704A	13	1.58	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	2.5	
							223006	Chính trị 1	3	VT	
							224003	Anh văn 1	3	VT	
							224004	Anh văn 2	3		
							224016	Anh văn 3	3		
							226020	Pháp luật đại cương	2	VT	
							227001	AutoCad 2D	2	VT	
							227006	Cơ học ứng dụng	2	VT	
							227009	Công nghệ CAD/CAM	2		
							227012	Công nghệ CNC	2	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
7	2117040014	Nguyễn Công Hóa	CCQ1704A	13	1.58	227014	Công nghệ khí nén - thủy lực	2		
						227022	Đồ án công nghệ chế tạo máy	1	VT	
						227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	2.8	
						227060	Thực tập tiện 1	2	VT	
						227063	Vật liệu học	2	VT	
						227064	Vẽ kỹ thuật 1	2	VT	
						227065	Vẽ kỹ thuật 2	2		
						227067	Anh văn chuyên ngành (Cơ khí)	2	VT	
						227107	Thực tập phay 2	2	2.0	
						227120	Thực tập CNC 1	2		
						227127	Thực tập hàn	2	VT	
						227129	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (CK)	1	VT	
						227130	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2	0.3	
						227131	Công nghệ chế tạo máy	2	VT	
						227137	Nguyên lý - Chi tiết máy	2	VT	
						227139	Thực hành thiết kế chi tiết máy	1		
						227141	Thực tập CNC 2	2		
						227147	Thực tập phay 3	2		
						227151	Thực tập tốt nghiệp (Chế tạo máy)	5		
						228197	Trang bị điện trong máy cắt kim loại	3		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
8	2117040015	Trần Công Huy	CCQ1704A	76	6.81	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						224016	Anh văn 3	3		
						227067	Anh văn chuyên ngành (Cơ khí)	2		
						227137	Nguyên lý - Chi tiết máy	2	4.4	
						227141	Thực tập CNC 2	2		
						229100	Tin học	2	4.7	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
8	2117040015	Trần Công	Huy	CCQ1704A	76	6.81	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
9	2117040016	Trần Hoàng	Huy	CCQ1704A	75	6.56	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224016	Anh văn 3	3		
							227006	Cơ học ứng dụng	2	VT	
							227130	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2	4.2	
							227131	Công nghệ chế tạo máy	2	3.6	
							227139	Thực hành thiết kế chi tiết máy	1	1.6	
							227141	Thực tập CNC 2	2		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
10	2117040019	Trần Như	Khôi	CCQ1704A	71	5.72	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224016	Anh văn 3	3	VT	
							227006	Cơ học ứng dụng	2	4.1	
							227022	Đồ án công nghệ chế tạo máy	1	0.8	
							227130	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2	VT	
							227137	Nguyên lý - Chi tiết máy	2	4.4	
							227139	Thực hành thiết kế chi tiết máy	1	VT	
							227141	Thực tập CNC 2	2		
							227151	Thực tập tốt nghiệp (Chế tạo máy)	5	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
11	2117040020	Quách Đại	Lập	CCQ1704A	86	6.70	227120	Thực tập CNC 1	2		
							227130	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2	3.7	
							227141	Thực tập CNC 2	2		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
12	2117040021	Nguyễn Nhật	Linh	CCQ1704A	80	6.26	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227063	Vật liệu học	2	4.7	
							227130	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2	1.1	
							227137	Nguyên lý - Chi tiết máy	2	3.9	
							227139	Thực hành thiết kế chi tiết máy	1	VT	
							227141	Thực tập CNC 2	2		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
13	2117040024	Chu Ngọc	Mạnh	CCQ1704A	75	6.33	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226020	Pháp luật đại cương	2		
							227063	Vật liệu học	2	4.9	
							227064	Vẽ kỹ thuật 1	2	3.2	
							227120	Thực tập CNC 1	2		
							227130	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2	3.4	
							227139	Thực hành thiết kế chi tiết máy	1	VT	
							227141	Thực tập CNC 2	2		
							229100	Tin học	2		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
14	2117040025	Lâm Hoài	Nam	CCQ1704A	60	5.36	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227006	Cơ học ứng dụng	2	VT	
							227022	Đồ án công nghệ chế tạo máy	1	VT	
							227063	Vật liệu học	2	3.7	
							227120	Thực tập CNC 1	2		
							227130	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2	2.4	
							227131	Công nghệ chế tạo máy	2	4.4	
							227139	Thực hành thiết kế chi tiết máy	1	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
14	2117040025	Lâm Hoài	Nam	CCQ1704A	60	5.36	227141	Thực tập CNC 2	2		
							227147	Thực tập phay 3	2		
							227151	Thực tập tốt nghiệp (Chế tạo máy)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
15	2117040027	Cao Trung	Nghĩa	CCQ1704A	86	6.98	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227139	Thực hành thiết kế chi tiết máy	1	VT	
							227141	Thực tập CNC 2	2		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
16	2117040029	Lê Thanh	Nhặn	CCQ1704A	41	4.29	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223007	Chính trị 2	3		
							224004	Anh văn 2	3	VT	
							224016	Anh văn 3	3		
							226020	Pháp luật đại cương	2		
							227006	Cơ học ứng dụng	2	3.5	
							227009	Công nghệ CAD/CAM	2		
							227012	Công nghệ CNC	2	VT	
							227014	Công nghệ khí nén - thủy lực	2		
							227022	Đồ án công nghệ chế tạo máy	1	VT	
							227067	Anh văn chuyên ngành (Cơ khí)	2		
							227120	Thực tập CNC 1	2	VT	
							227130	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2	3.1	
							227139	Thực hành thiết kế chi tiết máy	1	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
16	2117040029	Lê Thanh	Nhặn	CCQ1704A	41	4.29	227141	Thực tập CNC 2	2		
							227147	Thực tập phay 3	2		
							227151	Thực tập tốt nghiệp (Chế tạo máy)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
17	2117040033	Đặng Văn	Thanh	CCQ1704A	77	6.19	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	4.0	
							227006	Cơ học ứng dụng	2	0.4	
							227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	4.2	
							227067	Anh văn chuyên ngành (Cơ khí)	2		
							227141	Thực tập CNC 2	2	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
18	2117040037	Lưu Đức	Thành	CCQ1704A	90	7.06	227141	Thực tập CNC 2	2		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
19	2117040041	Nguyễn Lê Trọng	Thức	CCQ1704A	74	6.36	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227131	Công nghệ chế tạo máy	2	4.0	
							227137	Nguyên lý - Chi tiết máy	2	4.5	
							227141	Thực tập CNC 2	2		
							227151	Thực tập tốt nghiệp (Chế tạo máy)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
20	2117040046	Lưu Đặng Thanh	Trung	CCQ1704A	88	7.24	227130	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2	1.6	
							227141	Thực tập CNC 2	2		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
21	2117040047	Lê Bảo	Trọng	CCQ1704A	70	6.46	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	4.4	
							224004	Anh văn 2	3	VT	
							227006	Cơ học ứng dụng	2	3.0	
							227014	Công nghệ khí nén - thủy lực	2	3.9	
							227067	Anh văn chuyên ngành (Cơ khí)	2		
							227130	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2	3.5	
							227131	Công nghệ chế tạo máy	2		
							227141	Thực tập CNC 2	2		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
22	2117040050	Huỳnh Xuân	Trường	CCQ1704A	88	6.65	227130	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2	1.6	
							227141	Thực tập CNC 2	2		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
23	2117040057	Lê Nguyên Trường	Vũ	CCQ1704A	85	6.57	227151	Thực tập tốt nghiệp (Chế tạo máy)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
24	2117040062	Bùi Văn	Chung	CCQ1704B	20	2.87	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	VT	
							223006	Chính trị 1	3	2.4	
							223007	Chính trị 2	3		
							224003	Anh văn 1	3		
							224004	Anh văn 2	3		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
24	2117040062	Bùi Văn Chung	CCQ1704B	20	2.87	224016	Anh văn 3	3		
						226020	Pháp luật đại cương	2	VT	
						227006	Cơ học ứng dụng	2	3.6	
						227009	Công nghệ CAD/CAM	2	VT	
						227012	Công nghệ CNC	2	VT	
						227014	Công nghệ khí nén - thủy lực	2	3.5	
						227022	Đồ án công nghệ chế tạo máy	1		
						227064	Vẽ kỹ thuật 1	2	3.2	
						227065	Vẽ kỹ thuật 2	2	VT	
						227067	Anh văn chuyên ngành (Cơ khí)	2		
						227107	Thực tập phay 2	2	VT	
						227120	Thực tập CNC 1	2	VT	
						227130	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2	0.4	
						227131	Công nghệ chế tạo máy	2	4.3	
						227137	Nguyên lý - Chi tiết máy	2	VT	
						227139	Thực hành thiết kế chi tiết máy	1	VT	
						227141	Thực tập CNC 2	2		
						227147	Thực tập phay 3	2		
						227151	Thực tập tốt nghiệp (Chế tạo máy)	5		
						229100	Tin học	2	VT	
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
25	2117040065	Lê Đình Dân	CCQ1704B	25	2.78	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222033	Toán ứng dụng A	3	0.0	
						223006	Chính trị 1	3	3.5	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
25	2117040065	Lê Đình Dân	CCQ1704B	25	2.78	223007	Chính trị 2	3		
						224003	Anh văn 1	3	0.0	
						224004	Anh văn 2	3		
						224016	Anh văn 3	3		
						226020	Pháp luật đại cương	2		
						227006	Cơ học ứng dụng	2	0.0	
						227009	Công nghệ CAD/CAM	2		
						227012	Công nghệ CNC	2	VT	
						227014	Công nghệ khí nén - thủy lực	2	0.0	
						227022	Đồ án công nghệ chế tạo máy	1		
						227065	Vẽ kỹ thuật 2	2	0.0	
						227067	Anh văn chuyên ngành (Cơ khí)	2	3.6	
						227120	Thực tập CNC 1	2	VT	
						227129	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (CK)	1	VT	
						227130	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2	0.0	
						227131	Công nghệ chế tạo máy	2	3.5	
						227137	Nguyên lý - Chi tiết máy	2	0.0	
						227139	Thực hành thiết kế chi tiết máy	1	VT	
						227141	Thực tập CNC 2	2		
						227147	Thực tập phay 3	2	VT	
						227151	Thực tập tốt nghiệp (Chế tạo máy)	5		
						229100	Tin học	2	VT	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
26	2117040068	Phạm Văn Đông	CCQ1704B	81	6.46	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						227006	Cơ học ứng dụng	2	VT	
						227141	Thực tập CNC 2	2		
						227151	Thực tập tốt nghiệp (Chế tạo máy)	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
26	2117040068	Phạm Văn	Đông	CCQ1704B	81	6.46	R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
27	2117040069	Trần Đức	Đông	CCQ1704B	87	7.09	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227141	Thực tập CNC 2	2		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
28	2117040070	Nguyễn Trường	Giang	CCQ1704B	72	5.74	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227012	Công nghệ CNC	2	4.6	
							227014	Công nghệ khí nén - thủy lực	2	4.1	
							227131	Công nghệ chế tạo máy	2	VT	
							227141	Thực tập CNC 2	2		
							227147	Thực tập phay 3	2		
							227151	Thực tập tốt nghiệp (Chế tạo máy)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
29	2117040072	Dương Văn	Hậu	CCQ1704B	90	7.98	227141	Thực tập CNC 2	2		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
30	2117040078	Huỳnh Văn	Lại	CCQ1704B	71	6.44	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224004	Anh văn 2	3	3.9	
							224016	Anh văn 3	3		
							227006	Cơ học ứng dụng	2	1.8	
							227014	Công nghệ khí nén - thủy lực	2	4.0	
							227022	Đồ án công nghệ chế tạo máy	1	0.8	
							227131	Công nghệ chế tạo máy	2		
							227139	Thực hành thiết kế chi tiết máy	1	VT	
							227141	Thực tập CNC 2	2		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
31	2117040079	Đặng Đỗ Đức	Luật	CCQ1704B	15	2.07	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
31	2117040079	Đặng Đỗ Đức Luật	CCQ1704B	15	2.07	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222033	Toán ứng dụng A	3	3.4	
						223006	Chính trị 1	3		
						223007	Chính trị 2	3		
						224004	Anh văn 2	3	VT	
						224016	Anh văn 3	3		
						227006	Cơ học ứng dụng	2	0.4	
						227012	Công nghệ CNC	2	VT	
						227014	Công nghệ khí nén - thủy lực	2		
						227022	Đồ án công nghệ chế tạo máy	1	VT	
						227056	Thực tập phay 1	2	VT	
						227063	Vật liệu học	2	3.4	
						227064	Vẽ kỹ thuật 1	2	3.2	
						227065	Vẽ kỹ thuật 2	2		
						227107	Thực tập phay 2	2	VT	
						227108	Thực tập tiện 2	2	VT	
						227120	Thực tập CNC 1	2	VT	
						227127	Thực tập hàn	2	VT	
						227129	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (CK)	1		
						227130	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2	VT	
						227131	Công nghệ chế tạo máy	2		
						227137	Nguyên lý - Chi tiết máy	2	1.2	
						227139	Thực hành thiết kế chi tiết máy	1		
						227141	Thực tập CNC 2	2		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
31	2117040079	Đặng Đỗ Đức	Luật	CCQ1704B	15	2.07	227145	Thực tập nguội	2		
							227147	Thực tập phay 3	2	VT	
							227151	Thực tập tốt nghiệp (Chế tạo máy)	5		
							228197	Trang bị điện trong máy cắt kim loại	3		
							229100	Tin học	2		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
32	2117040081	Đỗ Thành	Luân	CCQ1704B	62	5.15	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224016	Anh văn 3	3	VT	
							227014	Công nghệ khí nén - thủy lực	2	VT	
							227022	Đồ án công nghệ chế tạo máy	1	VT	
							227120	Thực tập CNC 1	2		
							227129	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (CK)	1	0.0	
							227130	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2	4.0	
							227139	Thực hành thiết kế chi tiết máy	1	1.2	
							227141	Thực tập CNC 2	2		
							227147	Thực tập phay 3	2	VT	
							227151	Thực tập tốt nghiệp (Chế tạo máy)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
33	2117040084	Nguyễn Hoàng	Minh	CCQ1704B	0	0.15	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
33	2117040084	Nguyễn Hoàng Minh	CCQ1704B	0	0.15	222033	Toán ứng dụng A	3	VT	
						223006	Chính trị 1	3	VT	
						223007	Chính trị 2	3		
						224003	Anh văn 1	3	VT	
						224004	Anh văn 2	3		
						224016	Anh văn 3	3		
						226020	Pháp luật đại cương	2	VT	
						227001	AutoCad 2D	2	VT	
						227006	Cơ học ứng dụng	2	VT	
						227009	Công nghệ CAD/CAM	2	VT	
						227012	Công nghệ CNC	2	VT	
						227014	Công nghệ khí nén - thủy lực	2	VT	
						227022	Đồ án công nghệ chế tạo máy	1		
						227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	VT	
						227056	Thực tập phay 1	2	VT	
						227060	Thực tập tiện 1	2	VT	
						227063	Vật liệu học	2	1.8	
						227064	Vẽ kỹ thuật 1	2	VT	
						227065	Vẽ kỹ thuật 2	2	VT	
						227067	Anh văn chuyên ngành (Cơ khí)	2		
						227107	Thực tập phay 2	2		
						227108	Thực tập tiện 2	2		
						227120	Thực tập CNC 1	2		
						227127	Thực tập hàn	2		
						227129	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (CK)	1	0.0	
						227130	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2	VT	
						227131	Công nghệ chế tạo máy	2	VT	
						227137	Nguyên lý - Chi tiết máy	2	VT	
						227139	Thực hành thiết kế chi tiết máy	1	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
33	2117040084	Nguyễn Hoàng	Minh	CCQ1704B	0	0.15	227141	Thực tập CNC 2	2		
							227145	Thực tập nguội	2	VT	
							227147	Thực tập phay 3	2		
							227151	Thực tập tốt nghiệp (Chế tạo máy)	5		
							228197	Trang bị điện trong máy cắt kim loại	3	VT	
							229100	Tin học	2	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
34	2117040086	Kiều Đức	Nghĩa	CCQ1704B	72	5.20	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227129	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (CK)	1	VT	
							227130	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2	2.1	
							227131	Công nghệ chế tạo máy	2	VT	
							227139	Thực hành thiết kế chi tiết máy	1	VT	
							227141	Thực tập CNC 2	2		
							227151	Thực tập tốt nghiệp (Chế tạo máy)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
35	2117040090	Đỗ Thanh	Phương	CCQ1704B	74	6.37	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224003	Anh văn 1	3		
							224004	Anh văn 2	3		
							224016	Anh văn 3	3		
							227006	Cơ học ứng dụng	2	VT	
							227067	Anh văn chuyên ngành (Cơ khí)	2		
							227120	Thực tập CNC 1	2	VT	
							227147	Thực tập phay 3	2		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
35	2117040090	Đỗ Thanh	Phương	CCQ1704B	74	6.37	227151	Thực tập tốt nghiệp (Chế tạo máy)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
36	2117040091	Phan Thanh	Quyền	CCQ1704B	82	6.25	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227014	Công nghệ khí nén - thủy lực	2	2.7	
							227139	Thực hành thiết kế chi tiết máy	1	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
37	2117040092	Trần Ngọc Xuân	Sơn	CCQ1704B	81	6.88	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224016	Anh văn 3	3	4.8	
							227139	Thực hành thiết kế chi tiết máy	1	VT	
							227141	Thực tập CNC 2	2		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
38	2117040095	Trần Ngọc	Thiệu	CCQ1704B	84	6.92	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227063	Vật liệu học	2	4.1	
							227130	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
39	2117040102	Đàm Hoàng Anh	Tú	CCQ1704B	78	5.85	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224003	Anh văn 1	3		
							224004	Anh văn 2	3		
							224016	Anh văn 3	3		
							227006	Cơ học ứng dụng	2	VT	
							227014	Công nghệ khí nén - thủy lực	2	2.5	
							227067	Anh văn chuyên ngành (Cơ khí)	2		
							227139	Thực hành thiết kế chi tiết máy	1	VT	
							227151	Thực tập tốt nghiệp (Chế tạo máy)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
39	2117040102	Đàm Hoàng Anh Tú	CCQ1704B	78	5.85	R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
40	2117040103	Trần Đình Vin	CCQ1704B	88	7.19	227063	Vật liệu học	2	4.6	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	4 TC (Min)	4
0101 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
	234011 Bóng rổ 2	2
	234013 Cầu lông 2	2
	234014 Aerobic 2	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2
0201 .	226035 Soạn thảo văn bản	2
	227073 Lập trình C++	2
	229030 Tin học văn phòng	2
Nhóm TC 03 :	2 TC (Min)	2
0301 .	222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2
	226017 Môi trường và con người	2
Nhóm TC 04 :	4 TC (Min)	4
0402 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
0403 .	234006 Bóng đá 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
0404 .	234007 Bóng rổ 1	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		234011 Bóng rổ 2	2							
0405 .		234008 Cầu lông 1	2							
		234013 Cầu lông 2	2							
0406 .		234009 Aerobic 1	2							
		234014 Aerobic 2	2							
Nhóm TC 05 :		2 TC (Min)	2							
0501 .		227103 Tin học ứng dụng 1 (Inventor)	2							
		227123 Catia	2							
		227138 Solidworks	2							
Nhóm TC 06 :		2 TC (Min)	2							
0601 .		227140 Thực tập tháo lắp	2							
		227142 Thực tập hàn TIG - MAG	2							
		227149 Thực tập tiện 3	2							
Nhóm TC 07 :		5 TC (Min)	5							
0701 .		227069 Công nghệ khí nén - thủy lực nâng cao	2							
		227089 Đồ án tốt nghiệp (Chế tạo máy)	5							
		227111 Thiết kế khuôn cho sản phẩm nhựa	3							
Nhóm TC 08 :		3 TC (Min)	3							
0801 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							

Mẫu in: Q5401D0.001

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
Phòng Quản Lý Đào Tạo
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2017 - Điện công nghiệp (TN211705)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **90**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2117050003	Huỳnh Linh	Ân	CCQ1705A	90	7.43	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
2	2117050005	Phạm Văn	Cương	CCQ1705A	62	5.16	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224004	Anh văn 2	3	4.7	
							224016	Anh văn 3	3	VT	
							228016	Đo lường điện và thiết bị đo	2	3.5	
							228040	Mạch điện	3	2.8	
							228066	Thực tập trang bị điện 1	2	VT	
							228073	Trang bị điện 1	2	2.7	
							228155	Máy điện	3	4.3	
							228164	Thực tập PLC 1	2	VT	
							228214	Đồ án Điện công nghiệp	1	1.2	
							228246	Thực tập tốt nghiệp (ĐCN)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
3	2117050007	Phạm Xuân	Diệu	CCQ1705A	80	6.42	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							228074	Trang bị điện 2	2		
							228157	Thực tập máy điện	1		
							228164	Thực tập PLC 1	2		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5	4.7	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
3	2117050007	Phạm Xuân	Diệu	CCQ1705A	80	6.42	R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
4	2117050009	Phan Hùng	Dũng	CCQ1705A	80	5.91	228040	Mạch điện	3	3.7	
							228074	Trang bị điện 2	2	VT	
							228164	Thực tập PLC 1	2	4.5	
							228211	Cung cấp điện	3	2.5	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
5	2117050012	Võ Khánh	Duy	CCQ1705A	62	5.22	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							228040	Mạch điện	3	2.6	
							228073	Trang bị điện 1	2	4.6	
							228074	Trang bị điện 2	2	VT	
							228075	Truyền động điện	2	VT	
							228083	Anh văn chuyên ngành (Điện)	2	VT	
							228155	Máy điện	3	4.1	
							228164	Thực tập PLC 1	2	VT	
							228211	Cung cấp điện	3	2.7	
							228219	Kỹ thuật lắp đặt cấp và thoát nước dân dụng	2	2.0	
							228220	Kỹ thuật lắp đặt điện	3	4.1	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
6	2117050016	Tạ Hà Thiên	Giang	CCQ1705A	80	5.97	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							228074	Trang bị điện 2	2	1.8	
							228164	Thực tập PLC 1	2	4.5	
							228211	Cung cấp điện	3	3.7	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
7	2117050017	Nguyễn Đình	Hảo	CCQ1705A	69	5.52	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
7	2117050017	Nguyễn Đình	Hảo	CCQ1705A	69	5.52	223007	Chính trị 2	3		
							224016	Anh văn 3	3	4.5	
							228051	Thí nghiệm máy điện	2	VT	
							228073	Trang bị điện 1	2	2.9	
							228074	Trang bị điện 2	2		
							228075	Truyền động điện	2	3.9	
							228083	Anh văn chuyên ngành (Điện)	2		
							228164	Thực tập PLC 1	2	VT	
							228211	Cung cấp điện	3	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
8	2117050021	Trần Quốc	Hội	CCQ1705A	88	6.05	228074	Trang bị điện 2	2	3.0	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
9	2117050022	Nguyễn Quốc	Huy	CCQ1705A	24	2.68	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	VT	
							223006	Chính trị 1	3	VT	
							223007	Chính trị 2	3	3.6	
							224016	Anh văn 3	3		
							226020	Pháp luật đại cương	2		
							228016	Đo lường điện và thiết bị đo	2	VT	
							228040	Mạch điện	3	3.5	
							228051	Thí nghiệm máy điện	2	VT	
							228057	Thực tập điện tử cơ bản	2	VT	
							228074	Trang bị điện 2	2	3.5	
							228075	Truyền động điện	2	0.3	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
9	2117050022	Nguyễn Quốc	Huy	CCQ1705A	24	2.68	228083	Anh văn chuyên ngành (Điện)	2		
							228090	An toàn điện và môi trường công nghiệp	2	VT	
							228120	Thực tập trang bị điện 2	2	VT	
							228155	Máy điện	3	2.3	
							228164	Thực tập PLC 1	2		
							228173	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Điện)	1	VT	
							228188	Thực tập lắp đặt điện	2	VT	
							228211	Cung cấp điện	3	VT	
							228214	Đồ án Điện công nghiệp	1	VT	
							228219	Kỹ thuật lắp đặt cấp và thoát nước dân dụng	2	VT	
							228220	Kỹ thuật lắp đặt điện	3	VT	
							228246	Thực tập tốt nghiệp (ĐCN)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
10	2117050024	Võ Thanh	Khang	CCQ1705A	67	5.22	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223007	Chính trị 2	3	4.2	
							228030	Kỹ thuật điện tử 1	2	4.6	
							228074	Trang bị điện 2	2	VT	
							228075	Truyền động điện	2	VT	
							228083	Anh văn chuyên ngành (Điện)	2	VT	
							228155	Máy điện	3	3.8	
							228164	Thực tập PLC 1	2	VT	
							228211	Cung cấp điện	3	2.7	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
11	2117050025	Võ Thành	Khang	CCQ1705A	27	3.26	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
11	2117050025	Võ Thành Khang	CCQ1705A	27	3.26	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						223006	Chính trị 1	3	2.4	
						223007	Chính trị 2	3		
						224003	Anh văn 1	3	VT	
						224004	Anh văn 2	3	4.2	
						224016	Anh văn 3	3		
						228040	Mạch điện	3	4.4	
						228051	Thí nghiệm máy điện	2	VT	
						228074	Trang bị điện 2	2	VT	
						228083	Anh văn chuyên ngành (Điện)	2	VT	
						228090	An toàn điện và môi trường công nghiệp	2	4.6	
						228120	Thực tập trang bị điện 2	2	VT	
						228155	Máy điện	3	4.8	
						228164	Thực tập PLC 1	2	VT	
						228173	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Điện)	1	VT	
						228188	Thực tập lắp đặt điện	2	VT	
						228205	Chuyên đề sử dụng dụng cụ cầm tay và thiết bị đo	1	VT	
						228211	Cung cấp điện	3	VT	
						228219	Kỹ thuật lắp đặt cấp và thoát nước dân dụng	2	VT	
						228220	Kỹ thuật lắp đặt điện	3	VT	
						228246	Thực tập tốt nghiệp (ĐCN)	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
12	2117050028	Mai Nhật Lâm	CCQ1705A	66	5.27	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222033	Toán ứng dụng A	3	3.1	
						224016	Anh văn 3	3		
						228074	Trang bị điện 2	2	2.8	
						228075	Truyền động điện	2	3.9	
						228164	Thực tập PLC 1	2		
						228173	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Điện)	1	VT	
						228211	Cung cấp điện	3	4.4	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
13	2117050029	Hồ Ngọc Liễn	CCQ1705A	79	5.94	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						228066	Thực tập trang bị điện 1	2		
						228074	Trang bị điện 2	2		
						228219	Kỹ thuật lắp đặt cấp và thoát nước dân dụng	2	4.2	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
14	2117050030	Trần Duy Long	CCQ1705A	35	3.82	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222033	Toán ứng dụng A	3	3.7	
						223006	Chính trị 1	3		
						224003	Anh văn 1	3	2.2	
						224004	Anh văn 2	3	VT	
						224016	Anh văn 3	3		
						226020	Pháp luật đại cương	2		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
14	2117050030	Trần Duy	Long	CCQ1705A	35	3.82	228040	Mạch điện	3	3.1	
							228047	PLC	2	4.4	
							228074	Trang bị điện 2	2	2.8	
							228083	Anh văn chuyên ngành (Điện)	2		
							228090	An toàn điện và môi trường công nghiệp	2		
							228120	Thực tập trang bị điện 2	2	VT	
							228157	Thực tập máy điện	1		
							228164	Thực tập PLC 1	2		
							228188	Thực tập lắp đặt điện	2	VT	
							228205	Chuyên đề sử dụng dụng cụ cầm tay và thiết bị đo	1	VT	
							228211	Cung cấp điện	3	3.0	
							228214	Đồ án Điện công nghiệp	1	VT	
							228219	Kỹ thuật lắp đặt cấp và thoát nước dân dụng	2		
							228220	Kỹ thuật lắp đặt điện	3	VT	
							228246	Thực tập tốt nghiệp (ĐCN)	5	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
15	2117050031	Phạm Đình	Lộc	CCQ1705A	78	5.86	228024	Khí cụ điện	2	4.4	
							228040	Mạch điện	3	3.0	
							228075	Truyền động điện	2	4.2	
							228090	An toàn điện và môi trường công nghiệp	2	4.5	
							228155	Máy điện	3	4.3	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
16	2117050032	Võ Văn	Minh	CCQ1705A	88	6.25	228074	Trang bị điện 2	2	1.6	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
17	2117050037	Phạm Viết	Phong	CCQ1705A	38	3.88	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
17	2117050037	Phạm Viết	Phong	CCQ1705A	38	3.88	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	3.6	
							224004	Anh văn 2	3	4.3	
							224016	Anh văn 3	3	VT	
							228040	Mạch điện	3	2.8	
							228056	Thực tập điện cơ bản	2		
							228066	Thực tập trang bị điện 1	2		
							228073	Trang bị điện 1	2	3.0	
							228074	Trang bị điện 2	2		
							228075	Truyền động điện	2	2.0	
							228083	Anh văn chuyên ngành (Điện)	2	VT	
							228120	Thực tập trang bị điện 2	2	VT	
							228155	Máy điện	3	4.7	
							228157	Thực tập máy điện	1	VT	
							228164	Thực tập PLC 1	2	VT	
							228211	Cung cấp điện	3	1.5	
							228214	Đồ án Điện công nghiệp	1	VT	
							228246	Thực tập tốt nghiệp (ĐCN)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
18	2117050039	Nguyễn Phạm Thanh	Quy	CCQ1705A	60	4.83	08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223006	Chính trị 1	3	4.6	
							224016	Anh văn 3	3	0.0	
							226020	Pháp luật đại cương	2	0.0	
							228040	Mạch điện	3	4.1	
							228047	PLC	2	1.3	
							228073	Trang bị điện 1	2	4.7	
							228074	Trang bị điện 2	2	4.3	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
18	2117050039	Nguyễn Phạm Thanh	Quy	CCQ1705A	60	4.83	228083	Anh văn chuyên ngành (Điện)	2		
							228211	Cung cấp điện	3	3.4	
							228214	Đồ án Điện công nghiệp	1	1.2	
							228219	Kỹ thuật lắp đặt cấp và thoát nước dân dụng	2	4.2	
							228246	Thực tập tốt nghiệp (ĐCN)	5	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
19	2117050040	Trần Thanh	Sang	CCQ1705A	90	6.65	08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
20	2117050042	Nguyễn Đức	Sinh	CCQ1705A	77	6.21	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							228024	Khí cụ điện	2	4.7	
							228066	Thực tập trang bị điện 1	2		
							228074	Trang bị điện 2	2	1.8	
							228075	Truyền động điện	2	4.0	
							228211	Cung cấp điện	3	3.7	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
21	2117050047	Nguyễn Đình	Thành	CCQ1705A	14	3.03	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223006	Chính trị 1	3		
							223007	Chính trị 2	3		
							224003	Anh văn 1	3	2.8	
							224004	Anh văn 2	3		
							224016	Anh văn 3	3		
							226020	Pháp luật đại cương	2		
							228016	Đo lường điện và thiết bị đo	2	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
21	2117050047	Nguyễn Đình Thành	CCQ1705A	14	3.03	228040	Mạch điện	3	4.3	
						228047	PLC	2	VT	
						228066	Thực tập trang bị điện 1	2		
						228073	Trang bị điện 1	2	1.2	
						228074	Trang bị điện 2	2	VT	
						228075	Truyền động điện	2	1.4	
						228083	Anh văn chuyên ngành (Điện)	2		
						228090	An toàn điện và môi trường công nghiệp	2	3.0	
						228120	Thực tập trang bị điện 2	2		
						228155	Máy điện	3	4.7	
						228164	Thực tập PLC 1	2		
						228173	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Điện)	1	VT	
						228188	Thực tập lắp đặt điện	2		
						228205	Chuyên đề sử dụng dụng cụ cầm tay và thiết bị đo	1	VT	
						228211	Cung cấp điện	3	1.8	
						228214	Đồ án Điện công nghiệp	1		
						228219	Kỹ thuật lắp đặt cấp và thoát nước dân dụng	2	VT	
						228220	Kỹ thuật lắp đặt điện	3	VT	
						228246	Thực tập tốt nghiệp (ĐCN)	5		
						229100	Tin học	2	4.0	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
22	2117050048	Mai Công Thắng	CCQ1705A	26	3.62	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222033	Toán ứng dụng A	3	3.7	
						224004	Anh văn 2	3	2.8	
						226020	Pháp luật đại cương	2		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
22	2117050048	Mai Công Thắng	CCQ1705A	26	3.62	228016	Đo lường điện và thiết bị đo	2	3.7	
						228024	Khí cụ điện	2	4.3	
						228030	Kỹ thuật điện tử 1	2	4.6	
						228040	Mạch điện	3	3.0	
						228047	PLC	2	2.3	
						228056	Thực tập điện cơ bản	2		
						228066	Thực tập trang bị điện 1	2		
						228073	Trang bị điện 1	2	3.2	
						228074	Trang bị điện 2	2	VT	
						228075	Truyền động điện	2	1.2	
						228083	Anh văn chuyên ngành (Điện)	2	3.7	
						228090	An toàn điện và môi trường công nghiệp	2	4.2	
						228120	Thực tập trang bị điện 2	2	VT	
						228155	Máy điện	3		
						228164	Thực tập PLC 1	2	VT	
						228188	Thực tập lắp đặt điện	2	VT	
						228211	Cung cấp điện	3	1.9	
						228219	Kỹ thuật lắp đặt cấp và thoát nước dân dụng	2	3.2	
						228220	Kỹ thuật lắp đặt điện	3	2.6	
						228246	Thực tập tốt nghiệp (ĐCN)	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
23	2117050051	Đoàn Văn Thắng	CCQ1705A	75	5.69	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						228016	Đo lường điện và thiết bị đo	2	2.6	
						228030	Kỹ thuật điện tử 1	2	4.4	
						228074	Trang bị điện 2	2	1.4	
						228075	Truyền động điện	2	3.5	
						228090	An toàn điện và môi trường công nghiệp	2	4.7	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
23	2117050051	Đoàn Văn	Thắng	CCQ1705A	75	5.69	228220	Kỹ thuật lắp đặt điện	3	4.3	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5	4.3	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
24	2117050052	Thân Toàn	Thịnh	CCQ1705A	55	4.81	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224016	Anh văn 3	3		
							228024	Khí cụ điện	2	4.6	
							228040	Mạch điện	3	4.0	
							228056	Thực tập điện cơ bản	2		
							228066	Thực tập trang bị điện 1	2		
							228074	Trang bị điện 2	2	VT	
							228075	Truyền động điện	2	3.4	
							228164	Thực tập PLC 1	2		
							228188	Thực tập lắp đặt điện	2		
							228219	Kỹ thuật lắp đặt cấp và thoát nước dân dụng	2	2.6	
							228246	Thực tập tốt nghiệp (ĐCN)	5	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5	3.6	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
25	2117050054	Lê Thức	Thời	CCQ1705A	86	6.18	228074	Trang bị điện 2	2	VT	
							228164	Thực tập PLC 1	2		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
26	2117050056	Ngô Hữu	Tiến	CCQ1705A	12	1.55	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
26	2117050056	Ngô Hữu Tiến	CCQ1705A	12	1.55	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222033	Toán ứng dụng A	3	VT	
						223006	Chính trị 1	3	4.5	
						223007	Chính trị 2	3		
						224003	Anh văn 1	3	VT	
						224004	Anh văn 2	3	VT	
						224016	Anh văn 3	3		
						226020	Pháp luật đại cương	2		
						228016	Đo lường điện và thiết bị đo	2	VT	
						228024	Khí cụ điện	2	4.1	
						228040	Mạch điện	3	2.9	
						228047	PLC	2	VT	
						228073	Trang bị điện 1	2	VT	
						228074	Trang bị điện 2	2	VT	
						228075	Truyền động điện	2	VT	
						228083	Anh văn chuyên ngành (Điện)	2	VT	
						228090	An toàn điện và môi trường công nghiệp	2	VT	
						228120	Thực tập trang bị điện 2	2	VT	
						228155	Máy điện	3	VT	
						228157	Thực tập máy điện	1		
						228164	Thực tập PLC 1	2	VT	
						228173	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Điện)	1	VT	
						228188	Thực tập lắp đặt điện	2	VT	
						228205	Chuyên đề sử dụng dụng cụ cầm tay và thiết bị đo	1	VT	
						228211	Cung cấp điện	3	VT	
						228214	Đồ án Điện công nghiệp	1	VT	
						228219	Kỹ thuật lắp đặt cấp và thoát nước dân dụng	2	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
26	2117050056	Ngô Hữu	Tiến	CCQ1705A	12	1.55	228220	Kỹ thuật lắp đặt điện	3	VT	
							228246	Thực tập tốt nghiệp (ĐCN)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
27	2117050058	Nguyễn Thanh	Tiến	CCQ1705A	77	5.90	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							228066	Thực tập trang bị điện 1	2	VT	
							228074	Trang bị điện 2	2	3.9	
							228075	Truyền động điện	2	4.1	
							228246	Thực tập tốt nghiệp (ĐCN)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
28	2117050059	Nguyễn Ngọc	Tín	CCQ1705A	2	0.32	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	VT	
							223006	Chính trị 1	3		
							223007	Chính trị 2	3		
							224003	Anh văn 1	3	VT	
							224004	Anh văn 2	3		
							224016	Anh văn 3	3		
							226020	Pháp luật đại cương	2		
							228016	Đo lường điện và thiết bị đo	2	VT	
							228024	Khí cụ điện	2	3.9	
							228040	Mạch điện	3	VT	
							228047	PLC	2	VT	
							228051	Thí nghiệm máy điện	2		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
28	2117050059	Nguyễn Ngọc Tín	CCQ1705A	2	0.32	228056	Thực tập điện cơ bản	2	VT	
						228057	Thực tập điện tử cơ bản	2	VT	
						228066	Thực tập trang bị điện 1	2	VT	
						228073	Trang bị điện 1	2	VT	
						228074	Trang bị điện 2	2	VT	
						228075	Truyền động điện	2	VT	
						228083	Anh văn chuyên ngành (Điện)	2	VT	
						228090	An toàn điện và môi trường công nghiệp	2	VT	
						228120	Thực tập trang bị điện 2	2		
						228155	Máy điện	3	VT	
						228157	Thực tập máy điện	1	VT	
						228164	Thực tập PLC 1	2		
						228173	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Điện)	1	VT	
						228188	Thực tập lắp đặt điện	2		
						228205	Chuyên đề sử dụng dụng cụ cầm tay và thiết bị đo	1		
						228211	Cung cấp điện	3	VT	
						228214	Đồ án Điện công nghiệp	1		
						228219	Kỹ thuật lắp đặt cấp và thoát nước dân dụng	2	VT	
						228220	Kỹ thuật lắp đặt điện	3	VT	
						228246	Thực tập tốt nghiệp (ĐCN)	5		
						229100	Tin học	2	VT	
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
29	2117050062	Nguyễn Việt Toán	CCQ1705A	81	6.25	228024	Khí cụ điện	2	4.6	
						228066	Thực tập trang bị điện 1	2	4.8	
						228074	Trang bị điện 2	2	2.5	
						228211	Cung cấp điện	3	4.3	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
29	2117050062	Nguyễn Việt	Toán	CCQ1705A	81	6.25	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
30	2117050065	Dương Anh	Tuấn	CCQ1705A	33	3.41	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	2.4	
							223007	Chính trị 2	3	VT	
							224003	Anh văn 1	3	VT	
							224004	Anh văn 2	3		
							224016	Anh văn 3	3		
							228016	Đo lường điện và thiết bị đo	2	VT	
							228040	Mạch điện	3	3.0	
							228047	PLC	2	VT	
							228051	Thí nghiệm máy điện	2	VT	
							228066	Thực tập trang bị điện 1	2		
							228073	Trang bị điện 1	2	VT	
							228074	Trang bị điện 2	2	VT	
							228075	Truyền động điện	2	2.3	
							228083	Anh văn chuyên ngành (Điện)	2		
							228155	Máy điện	3	3.4	
							228157	Thực tập máy điện	1		
							228211	Cung cấp điện	3	VT	
							228219	Kỹ thuật lắp đặt cấp và thoát nước dân dụng	2	4.1	
							228220	Kỹ thuật lắp đặt điện	3	4.1	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
31	2117050067	Trần Trung	Tuấn	CCQ1705A	87	6.73	228040	Mạch điện	3	3.2	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
31	2117050067	Trần Trung	Tuấn	CCQ1705A	87	6.73	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
32	2117050068	Nguyễn Văn	Tuấn	CCQ1705A	88	6.32	228074	Trang bị điện 2	2	4.5	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
33	2117050071	Nguyễn Thanh	Việt	CCQ1705A	37	4.15	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	VT	
							223007	Chính trị 2	3		
							224003	Anh văn 1	3	4.9	
							224004	Anh văn 2	3		
							224016	Anh văn 3	3		
							228040	Mạch điện	3	3.9	
							228047	PLC	2	3.3	
							228073	Trang bị điện 1	2	1.8	
							228074	Trang bị điện 2	2	VT	
							228075	Truyền động điện	2	1.8	
							228083	Anh văn chuyên ngành (Điện)	2		
							228120	Thực tập trang bị điện 2	2	VT	
							228155	Máy điện	3	4.4	
							228164	Thực tập PLC 1	2		
							228188	Thực tập lắp đặt điện	2	VT	
							228205	Chuyên đề sử dụng dụng cụ cầm tay và thiết bị đo	1	VT	
							228211	Cung cấp điện	3	4.3	
							228214	Đồ án Điện công nghiệp	1	1.6	
							228219	Kỹ thuật lắp đặt cấp và thoát nước dân dụng	2	2.6	
							228246	Thực tập tốt nghiệp (ĐCN)	5	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
33	2117050071	Nguyễn Thanh	Việt	CCQ1705A	37	4.15	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
34	2117050075	Huỳnh Minh	Vương	CCQ1705A	27	4.10	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	4.8	
							224003	Anh văn 1	3		
							224004	Anh văn 2	3		
							224016	Anh văn 3	3		
							228016	Đo lường điện và thiết bị đo	2	3.0	
							228024	Khí cụ điện	2	4.2	
							228040	Mạch điện	3	2.7	
							228047	PLC	2	2.9	
							228056	Thực tập điện cơ bản	2		
							228066	Thực tập trang bị điện 1	2		
							228073	Trang bị điện 1	2	0.6	
							228074	Trang bị điện 2	2	VT	
							228075	Truyền động điện	2	4.1	
							228083	Anh văn chuyên ngành (Điện)	2		
							228120	Thực tập trang bị điện 2	2	VT	
							228155	Máy điện	3	3.8	
							228164	Thực tập PLC 1	2		
							228188	Thực tập lắp đặt điện	2	VT	
							228205	Chuyên đề sử dụng dụng cụ cầm tay và thiết bị đo	1	VT	
							228211	Cung cấp điện	3	4.4	
							228214	Đồ án Điện công nghiệp	1	VT	
							228219	Kỹ thuật lắp đặt cấp và thoát nước dân dụng	2	4.6	
							228246	Thực tập tốt nghiệp (ĐCN)	5		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
34	2117050075	Huỳnh Minh	Vương	CCQ1705A	27	4.10	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
35	2117050079	Nguyễn Văn	Cảnh	CCQ1705B	68	5.56	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224016	Anh văn 3	3	2.2	
							228040	Mạch điện	3	3.0	
							228074	Trang bị điện 2	2		
							228120	Thực tập trang bị điện 2	2		
							228157	Thực tập máy điện	1		
							228164	Thực tập PLC 1	2	VT	
							228219	Kỹ thuật lắp đặt cấp và thoát nước dân dụng	2	2.0	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
36	2117050083	Lê Trường	Chinh	CCQ1705B	89	6.89	228157	Thực tập máy điện	1		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
37	2117050087	Trần Anh	Duy	CCQ1705B	0	0.00	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3		
							223006	Chính trị 1	3		
							223007	Chính trị 2	3		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
37	2117050087	Trần Anh Duy	CCQ1705B	0	0.00	224003	Anh văn 1	3		
						224004	Anh văn 2	3		
						224016	Anh văn 3	3		
						226020	Pháp luật đại cương	2		
						228016	Đo lường điện và thiết bị đo	2		
						228024	Khí cụ điện	2	VT	
						228030	Kỹ thuật điện tử 1	2	VT	
						228040	Mạch điện	3	VT	
						228047	PLC	2	VT	
						228051	Thí nghiệm máy điện	2	VT	
						228056	Thực tập điện cơ bản	2		
						228057	Thực tập điện tử cơ bản	2	VT	
						228066	Thực tập trang bị điện 1	2		
						228073	Trang bị điện 1	2		
						228074	Trang bị điện 2	2	VT	
						228075	Truyền động điện	2		
						228083	Anh văn chuyên ngành (Điện)	2	VT	
						228090	An toàn điện và môi trường công nghiệp	2		
						228120	Thực tập trang bị điện 2	2		
						228155	Máy điện	3	VT	
						228157	Thực tập máy điện	1	VT	
						228164	Thực tập PLC 1	2		
						228173	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Điện)	1	VT	
						228188	Thực tập lắp đặt điện	2	VT	
						228205	Chuyên đề sử dụng dụng cụ cầm tay và thiết bị đo	1		
						228211	Cung cấp điện	3	VT	
						228214	Đồ án Điện công nghiệp	1	VT	
						228219	Kỹ thuật lắp đặt cấp và thoát nước dân dụng	2	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
37	2117050087	Trần Anh Duy	CCQ1705B	0	0.00	228220	Kỹ thuật lắp đặt điện	3	VT	
						228246	Thực tập tốt nghiệp (ĐCN)	5		
						229100	Tin học	2	VT	
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
38	2117050088	Phan Khương Duy	CCQ1705B	90	7.11	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
39	2117050089	Huỳnh Quốc Duy	CCQ1705B	28	3.24	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222033	Toán ứng dụng A	3		
						223007	Chính trị 2	3		
						224004	Anh văn 2	3	3.6	
						224016	Anh văn 3	3		
						228016	Đo lường điện và thiết bị đo	2	VT	
						228040	Mạch điện	3	VT	
						228047	PLC	2	1.4	
						228051	Thí nghiệm máy điện	2		
						228056	Thực tập điện cơ bản	2		
						228057	Thực tập điện tử cơ bản	2	VT	
						228066	Thực tập trang bị điện 1	2		
						228073	Trang bị điện 1	2		
						228074	Trang bị điện 2	2	VT	
						228075	Truyền động điện	2	3.9	
						228083	Anh văn chuyên ngành (Điện)	2		
						228120	Thực tập trang bị điện 2	2		
						228155	Máy điện	3	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
39	2117050089	Huỳnh Quốc Duy	CCQ1705B	28	3.24	228157	Thực tập máy điện	1	VT	
						228164	Thực tập PLC 1	2		
						228173	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Điện)	1	VT	
						228205	Chuyên đề sử dụng dụng cụ cầm tay và thiết bị đo	1		
						228214	Đồ án Điện công nghiệp	1	VT	
						228219	Kỹ thuật lắp đặt cấp và thoát nước dân dụng	2	VT	
						228220	Kỹ thuật lắp đặt điện	3	VT	
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
40	2117050092	Phạm Tuấn Đạt	CCQ1705B	8	1.45	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222033	Toán ứng dụng A	3	3.1	
						223006	Chính trị 1	3	3.6	
						223007	Chính trị 2	3	VT	
						224003	Anh văn 1	3	2.0	
						224004	Anh văn 2	3	VT	
						224016	Anh văn 3	3		
						226020	Pháp luật đại cương	2		
						228016	Đo lường điện và thiết bị đo	2	VT	
						228024	Khí cụ điện	2	4.0	
						228040	Mạch điện	3	2.5	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
40	2117050092	Phạm Tuấn Đạt	CCQ1705B	8	1.45	228047	PLC	2	VT	
						228051	Thí nghiệm máy điện	2		
						228066	Thực tập trang bị điện 1	2	VT	
						228073	Trang bị điện 1	2	VT	
						228074	Trang bị điện 2	2	0.0	
						228075	Truyền động điện	2	VT	
						228083	Anh văn chuyên ngành (Điện)	2	VT	
						228090	An toàn điện và môi trường công nghiệp	2	VT	
						228120	Thực tập trang bị điện 2	2	VT	
						228155	Máy điện	3	3.8	
						228157	Thực tập máy điện	1		
						228164	Thực tập PLC 1	2	VT	
						228173	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Điện)	1	VT	
						228188	Thực tập lắp đặt điện	2	VT	
						228205	Chuyên đề sử dụng dụng cụ cầm tay và thiết bị đo	1	VT	
						228211	Cung cấp điện	3	VT	
						228214	Đồ án Điện công nghiệp	1		
						228219	Kỹ thuật lắp đặt cấp và thoát nước dân dụng	2	2.0	
						228220	Kỹ thuật lắp đặt điện	3	0.8	
						228246	Thực tập tốt nghiệp (ĐCN)	5		
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5	VT	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
41	2117050093	Nguyễn Ngọc Đăng	CCQ1705B	84	6.56	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						228157	Thực tập máy điện	1		
						228211	Cung cấp điện	3	3.8	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
42	2117050094	Phan Thạch	Đính	CCQ1705B	56	5.07	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224016	Anh văn 3	3	VT	
							228040	Mạch điện	3	3.7	
							228056	Thực tập điện cơ bản	2		
							228066	Thực tập trang bị điện 1	2		
							228074	Trang bị điện 2	2	VT	
							228083	Anh văn chuyên ngành (Điện)	2	VT	
							228120	Thực tập trang bị điện 2	2		
							228157	Thực tập máy điện	1	VT	
							228164	Thực tập PLC 1	2		
							228214	Đồ án Điện công nghiệp	1		
							228246	Thực tập tốt nghiệp (ĐCN)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
43	2117050095	Đàng Thúc	Đoan	CCQ1705B	86	6.79	228074	Trang bị điện 2	2		
							228120	Thực tập trang bị điện 2	2		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
44	2117050098	Đinh Trường	Giang	CCQ1705B	84	6.38	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
45	2117050099	Nguyễn Đào Trung	Hậu	CCQ1705B	61	5.70	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							228016	Đo lường điện và thiết bị đo	2	4.4	
							228024	Khí cụ điện	2	4.2	
							228040	Mạch điện	3	2.0	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
45	2117050099	Nguyễn Đào Trung	Hậu	CCQ1705B	61	5.70	228073	Trang bị điện 1	2	3.6	
							228074	Trang bị điện 2	2		
							228075	Truyền động điện	2	3.8	
							228083	Anh văn chuyên ngành (Điện)	2		
							228090	An toàn điện và môi trường công nghiệp	2	4.6	
							228120	Thực tập trang bị điện 2	2		
							228164	Thực tập PLC 1	2		
							228188	Thực tập lắp đặt điện	2		
							228205	Chuyên đề sử dụng dụng cụ cầm tay và thiết bị đo	1		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
46	2117050105	Ngô Minh	Kha	CCQ1705B	84	6.13	224004	Anh văn 2	3	3.0	
							228040	Mạch điện	3	3.7	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
47	2117050120	Nguyễn Văn	Nghĩa	CCQ1705B	90	6.76	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
48	2117050130	Nguyễn Xuân	Quang	CCQ1705B	79	6.00	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							228047	PLC	2	3.6	
							228056	Thực tập điện cơ bản	2		
							228073	Trang bị điện 1	2	3.6	
							228074	Trang bị điện 2	2	3.9	
							228157	Thực tập máy điện	1		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
49	2117050133	Thiên Lưu	Sơn	CCQ1705B	41	4.32	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
49	2117050133	Thiên Lưu Sơn	CCQ1705B	41	4.32	03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						223006	Chính trị 1	3	3.8	
						223007	Chính trị 2	3		
						224004	Anh văn 2	3		
						224016	Anh văn 3	3		
						228024	Khí cụ điện	2	4.2	
						228040	Mạch điện	3	2.6	
						228047	PLC	2	VT	
						228066	Thực tập trang bị điện 1	2	VT	
						228073	Trang bị điện 1	2	4.7	
						228074	Trang bị điện 2	2	VT	
						228075	Truyền động điện	2	VT	
						228120	Thực tập trang bị điện 2	2		
						228157	Thực tập máy điện	1	VT	
						228173	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Điện)	1	VT	
						228188	Thực tập lắp đặt điện	2	VT	
						228211	Cung cấp điện	3	3.0	
						228219	Kỹ thuật lắp đặt cấp và thoát nước dân dụng	2	VT	
						228220	Kỹ thuật lắp đặt điện	3	0.9	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
50	2117050134	Bùi Thái Tài	CCQ1705B	89	6.24	228157	Thực tập máy điện	1		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
51	2117050135	Lê Chí Tâm	CCQ1705B	90	6.88	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
52	2117050136	Phan Thanh Tấn	CCQ1705B	35	3.38	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						223007	Chính trị 2	3	VT	
						224003	Anh văn 1	3	4.5	
						224004	Anh văn 2	3	VT	
						224016	Anh văn 3	3		
						226020	Pháp luật đại cương	2	VT	
						228047	PLC	2	VT	
						228057	Thực tập điện tử cơ bản	2	VT	
						228073	Trang bị điện 1	2	VT	
						228074	Trang bị điện 2	2		
						228083	Anh văn chuyên ngành (Điện)	2		
						228120	Thực tập trang bị điện 2	2		
						228157	Thực tập máy điện	1		
						228164	Thực tập PLC 1	2		
						228173	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Điện)	1	VT	
						228188	Thực tập lắp đặt điện	2		
						228205	Chuyên đề sử dụng dụng cụ cầm tay và thiết bị đo	1		
						228214	Đồ án Điện công nghiệp	1		
						228219	Kỹ thuật lắp đặt cấp và thoát nước dân dụng	2	VT	
						228220	Kỹ thuật lắp đặt điện	3	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
52	2117050136	Phan Thanh Tấn	CCQ1705B	35	3.38	228246	Thực tập tốt nghiệp (ĐCN)	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
53	2117050137	Nguyễn Văn Tây	CCQ1705B	53	4.87	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222033	Toán ứng dụng A	3	VT	
						224016	Anh văn 3	3		
						228016	Đo lường điện và thiết bị đo	2	4.2	
						228051	Thí nghiệm máy điện	2		
						228056	Thực tập điện cơ bản	2		
						228057	Thực tập điện tử cơ bản	2	VT	
						228074	Trang bị điện 2	2	3.8	
						228075	Truyền động điện	2	VT	
						228090	An toàn điện và môi trường công nghiệp	2	VT	
						228157	Thực tập máy điện	1		
						228211	Cung cấp điện	3	VT	
						228219	Kỹ thuật lắp đặt cấp và thoát nước dân dụng	2	3.2	
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
54	2117050138	Đào Đức Thành	CCQ1705B	73	5.35	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222033	Toán ứng dụng A	3	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
54	2117050138	Đào Đức	Thành	CCQ1705B	73	5.35	228073	Trang bị điện 1	2	3.1	
							228074	Trang bị điện 2	2	4.6	
							228075	Truyền động điện	2	4.2	
							228083	Anh văn chuyên ngành (Điện)	2	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
55	2117050141	Nguyễn Huy	Thỏa	CCQ1705B	65	5.48	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223006	Chính trị 1	3		
							224003	Anh văn 1	3	4.2	
							228040	Mạch điện	3	2.3	
							228073	Trang bị điện 1	2	3.8	
							228090	An toàn điện và môi trường công nghiệp	2	3.5	
							228155	Máy điện	3	4.4	
							228219	Kỹ thuật lắp đặt cấp và thoát nước dân dụng	2	3.2	
							228220	Kỹ thuật lắp đặt điện	3	3.8	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
56	2117050142	Đặng Văn	Thoại	CCQ1705B	86	6.07	228040	Mạch điện	3	3.7	
							228157	Thực tập máy điện	1		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
57	2117050144	Trần Đức	Thức	CCQ1705B	76	5.99	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224016	Anh văn 3	3	VT	
							228073	Trang bị điện 1	2	2.6	
							228074	Trang bị điện 2	2		
							228120	Thực tập trang bị điện 2	2	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
58	2117050145	Trần Ngọc Tiến	CCQ1705B	83	6.72	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						224016	Anh văn 3	3	VT	
						228157	Thực tập máy điện	1		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
59	2117050151	Nguyễn Xuân Trường	CCQ1705B	20	2.71	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222033	Toán ứng dụng A	3	VT	
						223006	Chính trị 1	3	VT	
						223007	Chính trị 2	3		
						224003	Anh văn 1	3	3.4	
						224004	Anh văn 2	3	VT	
						224016	Anh văn 3	3		
						228024	Khí cụ điện	2	4.5	
						228047	PLC	2	3.9	
						228051	Thí nghiệm máy điện	2	VT	
						228057	Thực tập điện tử cơ bản	2	VT	
						228066	Thực tập trang bị điện 1	2	VT	
						228073	Trang bị điện 1	2	VT	
						228074	Trang bị điện 2	2	3.0	
						228083	Anh văn chuyên ngành (Điện)	2	VT	
						228090	An toàn điện và môi trường công nghiệp	2	3.1	
						228120	Thực tập trang bị điện 2	2	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
59	2117050151	Nguyễn Xuân Trường	CCQ1705B	20	2.71	228155	Máy điện	3	4.2	
						228157	Thực tập máy điện	1	VT	
						228164	Thực tập PLC 1	2		
						228173	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Điện)	1	VT	
						228188	Thực tập lắp đặt điện	2	VT	
						228205	Chuyên đề sử dụng dụng cụ cầm tay và thiết bị đo	1	VT	
						228211	Cung cấp điện	3	4.7	
						228214	Đồ án Điện công nghiệp	1	VT	
						228246	Thực tập tốt nghiệp (ĐCN)	5		
						229100	Tin học	2	4.6	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
60	2117050152	Phạm Nguyên Tuấn	CCQ1705B	18	2.88	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						223006	Chính trị 1	3	VT	
						223007	Chính trị 2	3	VT	
						224004	Anh văn 2	3	3.8	
						224016	Anh văn 3	3		
						226020	Pháp luật đại cương	2		
						228016	Đo lường điện và thiết bị đo	2	4.5	
						228040	Mạch điện	3	3.6	
						228047	PLC	2	VT	
						228051	Thí nghiệm máy điện	2		
						228066	Thực tập trang bị điện 1	2		
						228073	Trang bị điện 1	2	3.0	
						228074	Trang bị điện 2	2	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
60	2117050152	Phạm Nguyên	Tuấn	CCQ1705B	18	2.88	228075	Truyền động điện	2		
							228083	Anh văn chuyên ngành (Điện)	2		
							228120	Thực tập trang bị điện 2	2	VT	
							228155	Máy điện	3	4.6	
							228157	Thực tập máy điện	1		
							228164	Thực tập PLC 1	2		
							228173	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Điện)	1	VT	
							228188	Thực tập lắp đặt điện	2		
							228205	Chuyên đề sử dụng dụng cụ cầm tay và thiết bị đo	1	VT	
							228211	Cung cấp điện	3	3.5	
							228214	Đồ án Điện công nghiệp	1		
							228219	Kỹ thuật lắp đặt cấp và thoát nước dân dụng	2	VT	
							228220	Kỹ thuật lắp đặt điện	3	VT	
							228246	Thực tập tốt nghiệp (ĐCN)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
61	2117050156	Cù Minh	Vương	CCQ1705B	90	6.76	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
62	2117050160	Lê Văn	Ánh	CCQ1705C	65	5.51	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							228040	Mạch điện	3	4.1	
							228056	Thực tập điện cơ bản	2		
							228066	Thực tập trang bị điện 1	2		
							228075	Truyền động điện	2	2.0	
							228164	Thực tập PLC 1	2	VT	
							228211	Cung cấp điện	3	2.5	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
62	2117050160	Lê Văn Ánh	CCQ1705C	65	5.51	228219	Kỹ thuật lắp đặt cấp và thoát nước dân dụng	2	3.9	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
63	2117050161	Nguyễn Cao Bằng	CCQ1705C	48	4.60	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222033	Toán ứng dụng A	3	1.4	
						223007	Chính trị 2	3	4.3	
						224003	Anh văn 1	3		
						224004	Anh văn 2	3	4.5	
						224016	Anh văn 3	3		
						228024	Khí cụ điện	2	3.7	
						228040	Mạch điện	3	2.9	
						228047	PLC	2	1.6	
						228073	Trang bị điện 1	2	3.5	
						228074	Trang bị điện 2	2		
						228075	Truyền động điện	2	3.0	
						228164	Thực tập PLC 1	2	VT	
						228211	Cung cấp điện	3	3.2	
						228246	Thực tập tốt nghiệp (ĐCN)	5	VT	
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5	4.8	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
64	2117050163	Lê Xuân Bình	CCQ1705C	19	2.29	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
64	2117050163	Lê Xuân Bình	CCQ1705C	19	2.29	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222033	Toán ứng dụng A	3	VT	
						223006	Chính trị 1	3	VT	
						223007	Chính trị 2	3		
						224004	Anh văn 2	3	VT	
						224016	Anh văn 3	3		
						226020	Pháp luật đại cương	2	VT	
						228040	Mạch điện	3	VT	
						228047	PLC	2	VT	
						228051	Thí nghiệm máy điện	2	VT	
						228073	Trang bị điện 1	2	VT	
						228074	Trang bị điện 2	2		
						228075	Truyền động điện	2		
						228083	Anh văn chuyên ngành (Điện)	2		
						228120	Thực tập trang bị điện 2	2		
						228155	Máy điện	3		
						228157	Thực tập máy điện	1		
						228164	Thực tập PLC 1	2		
						228173	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Điện)	1	VT	
						228188	Thực tập lắp đặt điện	2		
						228205	Chuyên đề sử dụng dụng cụ cầm tay và thiết bị đo	1		
						228211	Cung cấp điện	3		
						228214	Đồ án Điện công nghiệp	1		
						228219	Kỹ thuật lắp đặt cấp và thoát nước dân dụng	2	VT	
						228220	Kỹ thuật lắp đặt điện	3	VT	
						228246	Thực tập tốt nghiệp (ĐCN)	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
65	2117050164	Thập Hồng	Cảnh	CCQ1705C	90	6.45	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
66	2117050165	Nguyễn Minh	Chiến	CCQ1705C	80	5.98	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							228040	Mạch điện	3	2.4	
							228164	Thực tập PLC 1	2	VT	
							228211	Cung cấp điện	3	4.6	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
67	2117050166	Đinh Tuấn	Chính	CCQ1705C	44	5.11	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224003	Anh văn 1	3	4.6	
							224016	Anh văn 3	3		
							228024	Khí cụ điện	2	4.5	
							228040	Mạch điện	3	2.9	
							228047	PLC	2	3.0	
							228051	Thí nghiệm máy điện	2		
							228056	Thực tập điện cơ bản	2	VT	
							228057	Thực tập điện tử cơ bản	2		
							228066	Thực tập trang bị điện 1	2		
							228073	Trang bị điện 1	2		
							228075	Truyền động điện	2	3.3	
							228083	Anh văn chuyên ngành (Điện)	2	VT	
							228090	An toàn điện và môi trường công nghiệp	2	4.0	
							228155	Máy điện	3	3.7	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
67	2117050166	Đinh Tuấn	Chính	CCQ1705C	44	5.11	228205	Chuyên đề sử dụng dụng cụ cầm tay và thiết bị đo	1		
							228211	Cung cấp điện	3	4.5	
							228219	Kỹ thuật lắp đặt cấp và thoát nước dân dụng	2	3.8	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
68	2117050168	Bùi Anh	Duy	CCQ1705C	88	6.70	228120	Thực tập trang bị điện 2	2	3.9	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
69	2117050174	Nguyễn Minh	Hiếu	CCQ1705C	77	6.06	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224016	Anh văn 3	3		
							228040	Mạch điện	3	4.2	
							228074	Trang bị điện 2	2		
							228211	Cung cấp điện	3	4.4	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
70	2117050175	Bùi Phước	Hiếu	CCQ1705C	75	5.92	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224016	Anh văn 3	3		
							228056	Thực tập điện cơ bản	2	VT	
							228083	Anh văn chuyên ngành (Điện)	2	VT	
							228155	Máy điện	3	4.4	
							228164	Thực tập PLC 1	2		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
71	2117050178	Phạm Da	Huy	CCQ1705C	14	1.62	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
71	2117050178	Phạm Da Huy	CCQ1705C	14	1.62	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222033	Toán ứng dụng A	3	VT	
						223006	Chính trị 1	3	VT	
						223007	Chính trị 2	3	VT	
						224003	Anh văn 1	3	VT	
						224004	Anh văn 2	3		
						224016	Anh văn 3	3		
						228016	Đo lường điện và thiết bị đo	2	VT	
						228040	Mạch điện	3	2.7	
						228047	PLC	2		
						228051	Thí nghiệm máy điện	2	VT	
						228056	Thực tập điện cơ bản	2		
						228057	Thực tập điện tử cơ bản	2	VT	
						228066	Thực tập trang bị điện 1	2	VT	
						228073	Trang bị điện 1	2	VT	
						228074	Trang bị điện 2	2		
						228075	Truyền động điện	2	VT	
						228083	Anh văn chuyên ngành (Điện)	2	VT	
						228090	An toàn điện và môi trường công nghiệp	2	VT	
						228120	Thực tập trang bị điện 2	2		
						228155	Máy điện	3	VT	
						228157	Thực tập máy điện	1	VT	
						228164	Thực tập PLC 1	2	VT	
						228188	Thực tập lắp đặt điện	2		
						228205	Chuyên đề sử dụng dụng cụ cầm tay và thiết bị đo	1	VT	
						228211	Cung cấp điện	3	VT	
						228214	Đồ án Điện công nghiệp	1	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
71	2117050178	Phạm Da	Huy	CCQ1705C	14	1.62	228219	Kỹ thuật lắp đặt cấp và thoát nước dân dụng	2		
							228220	Kỹ thuật lắp đặt điện	3		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5	4.8	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
72	2117050180	Nguyễn Đoan	Khang	CCQ1705C	89	6.58	228157	Thực tập máy điện	1		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
73	2117050181	Trần Văn	Khang	CCQ1705C	87	6.28	228040	Mạch điện	3	3.4	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
74	2117050183	Hán Tấn	Khánh	CCQ1705C	71	6.03	224016	Anh văn 3	3		
							228024	Khí cụ điện	2	4.4	
							228040	Mạch điện	3	3.6	
							228056	Thực tập điện cơ bản	2	4.6	
							228074	Trang bị điện 2	2		
							228075	Truyền động điện	2	4.7	
							228188	Thực tập lắp đặt điện	2		
							228211	Cung cấp điện	3	4.6	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
75	2117050187	Nguyễn Tùng	Lâm	CCQ1705C	56	5.52	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	VT	
							224016	Anh văn 3	3		
							226020	Pháp luật đại cương	2		
							228030	Kỹ thuật điện tử 1	2	4.8	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
75	2117050187	Nguyễn Tùng	Lâm	CCQ1705C	56	5.52	228040	Mạch điện	3	4.4	
							228047	PLC	2	VT	
							228051	Thí nghiệm máy điện	2		
							228073	Trang bị điện 1	2		
							228074	Trang bị điện 2	2	3.2	
							228075	Truyền động điện	2		
							228211	Cung cấp điện	3	4.2	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
76	2117050189	Lê Hoài	Linh	CCQ1705C	83	6.04	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							228040	Mạch điện	3	2.8	
							228073	Trang bị điện 1	2	4.7	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
77	2117050194	Nguyễn Ngọc	Lưu	CCQ1705C	59	5.52	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224004	Anh văn 2	3	VT	
							224016	Anh văn 3	3	VT	
							228040	Mạch điện	3	3.6	
							228056	Thực tập điện cơ bản	2		
							228073	Trang bị điện 1	2	VT	
							228074	Trang bị điện 2	2		
							228075	Truyền động điện	2	4.2	
							228120	Thực tập trang bị điện 2	2	1.6	
							228164	Thực tập PLC 1	2	4.5	
							228211	Cung cấp điện	3	4.6	
							228219	Kỹ thuật lắp đặt cấp và thoát nước dân dụng	2	4.7	
							228220	Kỹ thuật lắp đặt điện	3	2.6	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
77	2117050194	Nguyễn Ngọc	Lưu	CCQ1705C	59	5.52	R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
78	2117050195	Lê Văn	Mến	CCQ1705C	45	4.98	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	3.7	
							224003	Anh văn 1	3	3.9	
							224004	Anh văn 2	3		
							224016	Anh văn 3	3		
							226020	Pháp luật đại cương	2		
							228040	Mạch điện	3	2.8	
							228056	Thực tập điện cơ bản	2		
							228057	Thực tập điện tử cơ bản	2	VT	
							228073	Trang bị điện 1	2		
							228074	Trang bị điện 2	2		
							228075	Truyền động điện	2		
							228083	Anh văn chuyên ngành (Điện)	2	1.8	
							228164	Thực tập PLC 1	2		
							228211	Cung cấp điện	3	2.2	
							228219	Kỹ thuật lắp đặt cấp và thoát nước dân dụng	2	3.0	
							228220	Kỹ thuật lắp đặt điện	3	2.8	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
79	2117050199	Nguyễn Hoài	Nam	CCQ1705C	21	2.79	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223006	Chính trị 1	3	3.7	
							224003	Anh văn 1	3	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
79	2117050199	Nguyễn Hoài	Nam	CCQ1705C	21	2.79	224004	Anh văn 2	3		
							224016	Anh văn 3	3		
							228016	Đo lường điện và thiết bị đo	2	2.7	
							228040	Mạch điện	3	3.5	
							228047	PLC	2	VT	
							228056	Thực tập điện cơ bản	2		
							228057	Thực tập điện tử cơ bản	2	VT	
							228073	Trang bị điện 1	2	4.4	
							228074	Trang bị điện 2	2	VT	
							228075	Truyền động điện	2	0.6	
							228083	Anh văn chuyên ngành (Điện)	2		
							228090	An toàn điện và môi trường công nghiệp	2	VT	
							228120	Thực tập trang bị điện 2	2		
							228155	Máy điện	3	4.0	
							228157	Thực tập máy điện	1	VT	
							228164	Thực tập PLC 1	2	VT	
							228173	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Điện)	1	VT	
							228188	Thực tập lắp đặt điện	2		
							228205	Chuyên đề sử dụng dụng cụ cầm tay và thiết bị đo	1	VT	
							228211	Cung cấp điện	3	VT	
							228219	Kỹ thuật lắp đặt cấp và thoát nước dân dụng	2	VT	
							228220	Kỹ thuật lắp đặt điện	3	VT	
							228246	Thực tập tốt nghiệp (ĐCN)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
80	2117050202	Trần Tấn	Phát	CCQ1705C	77	5.78	222033	Toán ứng dụng A	3	4.3	
							228040	Mạch điện	3	3.7	
							228074	Trang bị điện 2	2	4.5	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
80	2117050202	Trần Tấn	Phát	CCQ1705C	77	5.78	228075	Truyền động điện	2	3.2	
							228220	Kỹ thuật lắp đặt điện	3	0.4	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
81	2117050207	Trần Tuấn	Quý	CCQ1705C	79	6.20	228056	Thực tập điện cơ bản	2		
							228057	Thực tập điện tử cơ bản	2	4.3	
							228066	Thực tập trang bị điện 1	2		
							228074	Trang bị điện 2	2		
							228075	Truyền động điện	2	2.3	
							228157	Thực tập máy điện	1		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
82	2117050208	Nguyễn Hoàng	Sơn	CCQ1705C	85	6.65	228030	Kỹ thuật điện tử 1	2	4.8	
							228074	Trang bị điện 2	2	4.0	
							228157	Thực tập máy điện	1		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
83	2117050209	Nguyễn Thái	Tân	CCQ1705C	85	6.66	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							228074	Trang bị điện 2	2		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
84	2117050210	Dương Minh	Tấn	CCQ1705C	53	4.73	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3		
							224004	Anh văn 2	3	VT	
							224016	Anh văn 3	3	VT	
							228030	Kỹ thuật điện tử 1	2	4.9	
							228047	PLC	2	2.2	
							228066	Thực tập trang bị điện 1	2	3.9	
							228073	Trang bị điện 1	2	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
84	2117050210	Dương Minh Tấn	CCQ1705C	53	4.73	228074	Trang bị điện 2	2	3.0	
						228075	Truyền động điện	2	2.7	
						228090	An toàn điện và môi trường công nghiệp	2	4.4	
						228164	Thực tập PLC 1	2	VT	
						228211	Cung cấp điện	3	3.2	
						228219	Kỹ thuật lắp đặt cấp và thoát nước dân dụng	2	2.6	
						228220	Kỹ thuật lắp đặt điện	3	2.4	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
85	2117050211	Trần Nguyễn Quốc Thanh	CCQ1705C	78	6.74	228057	Thực tập điện tử cơ bản	2	4.0	
						228066	Thực tập trang bị điện 1	2		
						228074	Trang bị điện 2	2		
						228120	Thực tập trang bị điện 2	2		
						228188	Thực tập lắp đặt điện	2		
						228220	Kỹ thuật lắp đặt điện	3	VT	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
86	2117050213	Lưu Tấn Thiều	CCQ1705C	24	2.35	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222033	Toán ứng dụng A	3	VT	
						223006	Chính trị 1	3	VT	
						223007	Chính trị 2	3		
						224004	Anh văn 2	3	VT	
						224016	Anh văn 3	3		
						226020	Pháp luật đại cương	2		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
86	2117050213	Lưu Tấn Thiều	CCQ1705C	24	2.35	228016	Đo lường điện và thiết bị đo	2	4.4	
						228040	Mạch điện	3	2.6	
						228047	PLC	2	0.0	
						228051	Thí nghiệm máy điện	2		
						228057	Thực tập điện tử cơ bản	2	VT	
						228066	Thực tập trang bị điện 1	2	VT	
						228073	Trang bị điện 1	2		
						228074	Trang bị điện 2	2	VT	
						228075	Truyền động điện	2	VT	
						228090	An toàn điện và môi trường công nghiệp	2	VT	
						228155	Máy điện	3	3.7	
						228157	Thực tập máy điện	1	VT	
						228164	Thực tập PLC 1	2	VT	
						228173	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Điện)	1	VT	
						228211	Cung cấp điện	3	VT	
						228219	Kỹ thuật lắp đặt cấp và thoát nước dân dụng	2	0.0	
						228220	Kỹ thuật lắp đặt điện	3	VT	
						228246	Thực tập tốt nghiệp (ĐCN)	5	VT	
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5	VT	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
87	2117050216	Nguyễn Minh Thư	CCQ1705C	34	3.84	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222033	Toán ứng dụng A	3		
						223006	Chính trị 1	3	3.6	
						224003	Anh văn 1	3	4.6	
						224004	Anh văn 2	3		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
87	2117050216	Nguyễn Minh Thư	CCQ1705C	34	3.84	224016	Anh văn 3	3		
						226020	Pháp luật đại cương	2	VT	
						228024	Khí cụ điện	2	4.1	
						228040	Mạch điện	3	VT	
						228047	PLC	2		
						228051	Thí nghiệm máy điện	2	VT	
						228066	Thực tập trang bị điện 1	2		
						228073	Trang bị điện 1	2		
						228074	Trang bị điện 2	2	VT	
						228075	Truyền động điện	2	2.0	
						228083	Anh văn chuyên ngành (Điện)	2	VT	
						228090	An toàn điện và môi trường công nghiệp	2	VT	
						228120	Thực tập trang bị điện 2	2	VT	
						228157	Thực tập máy điện	1		
						228164	Thực tập PLC 1	2		
						228173	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Điện)	1	VT	
						228211	Cung cấp điện	3	3.2	
						228220	Kỹ thuật lắp đặt điện	3	0.8	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
88	2117050219	Nguyễn Ngọc Tín	CCQ1705C	70	5.58	224004	Anh văn 2	3	3.8	
						224016	Anh văn 3	3		
						228040	Mạch điện	3	2.3	
						228066	Thực tập trang bị điện 1	2		
						228074	Trang bị điện 2	2	3.0	
						228075	Truyền động điện	2	3.7	
						228120	Thực tập trang bị điện 2	2	3.5	
						228157	Thực tập máy điện	1		
						228164	Thực tập PLC 1	2	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
88	2117050219	Nguyễn Ngọc	Tín	CCQ1705C	70	5.58	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
89	2117050224	Vũ Mạnh	Tú	CCQ1705C	67	5.44	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	4.5	
							226020	Pháp luật đại cương	2	3.5	
							228040	Mạch điện	3	2.6	
							228047	PLC	2	4.1	
							228073	Trang bị điện 1	2	4.0	
							228074	Trang bị điện 2	2	2.7	
							228075	Truyền động điện	2	3.4	
							228120	Thực tập trang bị điện 2	2	4.0	
							228157	Thực tập máy điện	1		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
90	2117050228	Đỗ Ngọc Thanh	Tùng	CCQ1705C	62	5.09	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							228024	Khí cụ điện	2	4.6	
							228040	Mạch điện	3	3.2	
							228047	PLC	2	4.4	
							228051	Thí nghiệm máy điện	2	VT	
							228057	Thực tập điện tử cơ bản	2	VT	
							228066	Thực tập trang bị điện 1	2	2.4	
							228074	Trang bị điện 2	2	3.6	
							228075	Truyền động điện	2	3.5	
							228090	An toàn điện và môi trường công nghiệp	2	3.7	
							228164	Thực tập PLC 1	2	4.5	
							228211	Cung cấp điện	3	1.8	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
90	2117050228	Đỗ Ngọc Thanh	Tùng	CCQ1705C	62	5.09	R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
91	2117050229	Đàng Anh	Tuyển	CCQ1705C	87	6.26	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							228157	Thực tập máy điện	1		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
92	2117050231	Phạm Trần Khắc	Vũ	CCQ1705C	81	6.05	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							228056	Thực tập điện cơ bản	2	4.8	
							228120	Thực tập trang bị điện 2	2		
							228211	Cung cấp điện	3	3.3	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
93	2117050232	Mai Tuấn	Vũ	CCQ1705C	73	5.61	228030	Kỹ thuật điện tử 1	2	4.4	
							228040	Mạch điện	3	3.8	
							228066	Thực tập trang bị điện 1	2	VT	
							228074	Trang bị điện 2	2		
							228075	Truyền động điện	2	3.5	
							228211	Cung cấp điện	3	3.8	
							228220	Kỹ thuật lắp đặt điện	3	3.6	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
94	2117050233	Đàng Ngọc	Xuyến	CCQ1705C	56	5.45	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224004	Anh văn 2	3		
							224016	Anh văn 3	3		
							228024	Khí cụ điện	2	3.8	
							228040	Mạch điện	3	2.6	
							228047	PLC	2	3.2	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
94	2117050233	Đàng Ngọc Xuyến	CCQ1705C	56	5.45	228073	Trang bị điện 1	2	3.3	
						228074	Trang bị điện 2	2		
						228155	Máy điện	3	3.8	
						228164	Thực tập PLC 1	2		
						228205	Chuyên đề sử dụng dụng cụ cầm tay và thiết bị đo	1		
						228219	Kỹ thuật lắp đặt cấp và thoát nước dân dụng	2	1.6	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
95	2117060014	Lê Duy Hiếu	CCQ1705C	75	5.24	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222033	Toán ứng dụng A	3	2.6	
						228016	Đo lường điện và thiết bị đo	2	4.5	
						228157	Thực tập máy điện	1		
						228246	Thực tập tốt nghiệp (ĐCN)	5	VT	
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	4 TC (Min)	4
0101 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
	234011 Bóng rổ 2	2
	234013 Cầu lông 2	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		234014 Aerobic 2	2							
Nhóm TC 02 :		2 TC (Min)	2							
0201 .		222010 Logic học đại cương	2							
		227073 Lập trình C++	2							
		229030 Tin học văn phòng	2							
Nhóm TC 03 :		4 TC (Min)	4							
0302 .		234002 Bóng chuyền 1	2							
		234003 Bóng chuyền 2	2							
0303 .		234006 Bóng đá 1	2							
		234010 Bóng đá 2	2							
0304 .		234007 Bóng rổ 1	2							
		234011 Bóng rổ 2	2							
0305 .		234008 Cầu lông 1	2							
		234013 Cầu lông 2	2							
0306 .		234009 Aerobic 1	2							
		234014 Aerobic 2	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		228034 Kỹ thuật số 1	2							
		228088 Vật liệu điện	2							
		228229 Kỹ thuật điện lạnh (Chuyên ngành Đện công nghiệp)	2							
Nhóm TC 05 :		2 TC (Min)	2							
0501 .		222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2							
		226017 Môi trường và con người	2							
		226035 Soạn thảo văn bản	2							
Nhóm TC 06 :		2 TC (Min)	2							
0601 .		228006 Điện tử công suất	2							
		228021 Hệ thống điện	2							
		228213 Điều khiển điện khí nén	2							
Nhóm TC 07 :		5 TC (Min)	5							

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
0701 .		228100 Đồ án tốt nghiệp (Điện CN)	5							
		228160 Autocad (Điện)	2							
		228231 Cad trong kỹ thuật điện	3							
Nhóm TC 08 :		3 TC (Min)	3							
0801 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							

Mẫu in: Q5401D0.001

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
Phòng Quản Lý Đào Tạo
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2017 - Điện tử công nghiệp (TN211706)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **90**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2117060001	Lê Nhật Anh	CCQ1706A	88	6.78	228080	Vi điều khiển 2	2	4.5	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
2	2117060002	Nguyễn Phi Anh	CCQ1706A	42	4.13	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						224003	Anh văn 1	3	VT	
						224004	Anh văn 2	3		
						228006	Điện tử công suất	2	3.2	
						228014	Đồ án vi điều khiển	1	VT	
						228034	Kỹ thuật số 1	2	VT	
						228047	PLC	2	4.0	
						228060	Thực tập kỹ thuật số	2		
						228066	Thực tập trang bị điện 1	2	4.2	
						228070	Thực tập vi điều khiển	2	3.0	
						228080	Vi điều khiển 2	2		
						228083	Anh văn chuyên ngành (Điện)	2		
						228164	Thực tập PLC 1	2	VT	
						228201	Chuyên đề kỹ thuật cảm biến	1	VT	
						228213	Điều khiển điện khí nén	2		
						228228	PLC 2	2	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
2	2117060002	Nguyễn Phi	Anh	CCQ1706A	42	4.13	228247	Thực tập tốt nghiệp (ĐTCN)	5	VT	
							228253	Lập trình điều khiển trên thiết bị di động Android	2	3.0	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5	4.3	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
3	2117060004	Nguyễn Ngọc	Châu	CCQ1706A	62	5.23	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224004	Anh văn 2	3	4.7	
							228006	Điện tử công suất	2	4.3	
							228014	Đồ án vi điều khiển	1	VT	
							228047	PLC	2	VT	
							228058	Thực tập điện tử nâng cao	2	VT	
							228060	Thực tập kỹ thuật số	2	VT	
							228070	Thực tập vi điều khiển	2	3.0	
							228080	Vi điều khiển 2	2	3.8	
							228164	Thực tập PLC 1	2		
							228201	Chuyên đề kỹ thuật cảm biến	1	4.2	
							228228	PLC 2	2		
							228253	Lập trình điều khiển trên thiết bị di động Android	2	4.0	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
4	2117060005	Nguyễn	Châu	CCQ1706A	86	6.27	228058	Thực tập điện tử nâng cao	2	4.5	
							228253	Lập trình điều khiển trên thiết bị di động Android	2	4.0	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
5	2117060006	Võ Đức Phương	Chung	CCQ1706A	53	5.48	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
5	2117060006	Võ Đức Phương Chung	CCQ1706A	53	5.48	222033	Toán ứng dụng A	3	VT	
						224004	Anh văn 2	3		
						224016	Anh văn 3	3		
						228034	Kỹ thuật số 1	2	2.9	
						228040	Mạch điện	3	4.0	
						228058	Thực tập điện tử nâng cao	2	4.5	
						228060	Thực tập kỹ thuật số	2		
						228070	Thực tập vi điều khiển	2		
						228073	Trang bị điện 1	2	3.3	
						228080	Vi điều khiển 2	2	3.5	
						228213	Điều khiển điện khí nén	2	2.9	
						229100	Tin học	2	4.1	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
6	2117060008	Vòng Tuấn Dũng	CCQ1706A	57	5.43	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						226020	Pháp luật đại cương	2	4.4	
						228006	Điện tử công suất	2	3.6	
						228014	Đồ án vi điều khiển	1		
						228040	Mạch điện	3	2.9	
						228070	Thực tập vi điều khiển	2	2.5	
						228073	Trang bị điện 1	2	2.8	
						228079	Vi điều khiển 1	2	VT	
						228080	Vi điều khiển 2	2	VT	
						228083	Anh văn chuyên ngành (Điện)	2		
						228201	Chuyên đề kỹ thuật cảm biến	1		
						228207	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Điện tử)	1	0.0	
						228213	Điều khiển điện khí nén	2	4.6	
						228228	PLC 2	2		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
6	2117060008	Vòng Tuấn	Dũng	CCQ1706A	57	5.43	228253	Lập trình điều khiển trên thiết bị di động Android	2		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
7	2117060009	Nguyễn Đức	Duy	CCQ1706A	81	6.49	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							228014	Đồ án vi điều khiển	1	4.0	
							228058	Thực tập điện tử nâng cao	2	4.5	
							228213	Điều khiển điện khí nén	2		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
8	2117060010	Nguyễn Ngọc	Dương	CCQ1706A	87	6.75	228014	Đồ án vi điều khiển	1	3.0	
							228080	Vi điều khiển 2	2	4.4	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
9	2117060012	Nguyễn Trung	Đạt	CCQ1706A	81	6.41	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							228014	Đồ án vi điều khiển	1	3.0	
							228049	Thí nghiệm điện tử công suất	2		
							228080	Vi điều khiển 2	2	3.9	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
10	2117060016	Lê Khánh	Hoàng	CCQ1706A	60	5.90	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	4.1	
							224016	Anh văn 3	3		
							228006	Điện tử công suất	2	1.9	
							228014	Đồ án vi điều khiển	1	4.0	
							228034	Kỹ thuật số 1	2	3.2	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
10	2117060016	Lê Khánh Hoàng	CCQ1706A	60	5.90	228049	Thí nghiệm điện tử công suất	2		
						228060	Thực tập kỹ thuật số	2		
						228079	Vi điều khiển 1	2	3.6	
						228080	Vi điều khiển 2	2		
						228207	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Điện tử)	1	0.0	
						228213	Điều khiển điện khí nén	2		
						228253	Lập trình điều khiển trên thiết bị di động Android	2		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
11	2117060022	Phan Quang Khải	CCQ1706A	61	5.89	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222033	Toán ứng dụng A	3	2.3	
						224016	Anh văn 3	3	VT	
						228060	Thực tập kỹ thuật số	2		
						228079	Vi điều khiển 1	2	4.4	
						228080	Vi điều khiển 2	2		
						228164	Thực tập PLC 1	2		
						228213	Điều khiển điện khí nén	2		
						228228	PLC 2	2	3.9	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
12	2117060023	Nguyễn Thanh Khải	CCQ1706A	51	4.95	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						224003	Anh văn 1	3	4.6	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
12	2117060023	Nguyễn Thanh	Khải	CCQ1706A	51	4.95	224004	Anh văn 2	3		
							224016	Anh văn 3	3		
							228014	Đồ án vi điều khiển	1	VT	
							228040	Mạch điện	3	2.3	
							228047	PLC	2	4.0	
							228049	Thí nghiệm điện tử công suất	2	VT	
							228058	Thực tập điện tử nâng cao	2	4.0	
							228060	Thực tập kỹ thuật số	2		
							228073	Trang bị điện 1	2	2.3	
							228079	Vi điều khiển 1	2		
							228080	Vi điều khiển 2	2		
							228201	Chuyên đề kỹ thuật cảm biến	1	VT	
							228213	Điều khiển điện khí nén	2	2.0	
							228228	PLC 2	2	2.4	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
13	2117060024	Hồ Dĩ	Khang	CCQ1706A	75	6.27	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							228014	Đồ án vi điều khiển	1	VT	
							228040	Mạch điện	3	4.0	
							228066	Thực tập trang bị điện 1	2	4.4	
							228201	Chuyên đề kỹ thuật cảm biến	1		
							228213	Điều khiển điện khí nén	2	3.1	
							228253	Lập trình điều khiển trên thiết bị di động Android	2		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
14	2117060026	Cao Bửu	Kỳ	CCQ1706A	76	6.17	228014	Đồ án vi điều khiển	1	3.0	
							228040	Mạch điện	3	4.2	
							228049	Thí nghiệm điện tử công suất	2		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
14	2117060026	Cao Bửu	Kỷ	CCQ1706A	76	6.17	228058	Thực tập điện tử nâng cao	2	4.5	
							228060	Thực tập kỹ thuật số	2		
							228164	Thực tập PLC 1	2		
							228183	Thiết kế mạch điện tử	2	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
15	2117060028	Nguyễn Bảo	Lộc	CCQ1706A	81	7.09	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							228058	Thực tập điện tử nâng cao	2	4.5	
							228079	Vi điều khiển 1	2		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
16	2117060032	Đỗ Hoài	Nam	CCQ1706A	89	7.30	228207	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Điện tử)	1	0.0	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
17	2117060034	Hồ Trung	Nguyên	CCQ1706A	68	6.03	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							228006	Điện tử công suất	2	3.2	
							228014	Đồ án vi điều khiển	1	4.0	
							228034	Kỹ thuật số 1	2	4.0	
							228040	Mạch điện	3	3.8	
							228058	Thực tập điện tử nâng cao	2	VT	
							228060	Thực tập kỹ thuật số	2		
							228073	Trang bị điện 1	2	4.6	
							228080	Vi điều khiển 2	2	4.3	
							228090	An toàn điện và môi trường công nghiệp	2	4.1	
							228228	PLC 2	2		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
18	2117060037	Trần Công	Nhớ	CCQ1706A	60	5.06	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
18	2117060037	Trần Công	Nhớ	CCQ1706A	60	5.06	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							228014	Đồ án vi điều khiển	1	4.0	
							228034	Kỹ thuật số 1	2	1.6	
							228040	Mạch điện	3	3.9	
							228047	PLC	2	3.3	
							228058	Thực tập điện tử nâng cao	2	VT	
							228060	Thực tập kỹ thuật số	2	VT	
							228079	Vi điều khiển 1	2	2.6	
							228090	An toàn điện và môi trường công nghiệp	2	4.7	
							228201	Chuyên đề kỹ thuật cảm biến	1	VT	
							228228	PLC 2	2	4.2	
							228253	Lập trình điều khiển trên thiết bị di động Android	2	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
19	2117060039	Thái Bá	Phong	CCQ1706A	73	5.96	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							228014	Đồ án vi điều khiển	1	4.0	
							228030	Kỹ thuật điện tử 1	2	VT	
							228040	Mạch điện	3	3.6	
							228058	Thực tập điện tử nâng cao	2		
							228079	Vi điều khiển 1	2		
							228080	Vi điều khiển 2	2	3.8	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
20	2117060040	Đỗ Minh	Quân	CCQ1706A	77	6.95	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							228014	Đồ án vi điều khiển	1		
							228049	Thí nghiệm điện tử công suất	2		
							228060	Thực tập kỹ thuật số	2		
							228083	Anh văn chuyên ngành (Điện)	2		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
20	2117060040	Đỗ Minh	Quân	CCQ1706A	77	6.95	228164	Thực tập PLC 1	2		
							228253	Lập trình điều khiển trên thiết bị di động Android	2		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
21	2117060041	Trần Linh	Quý	CCQ1706A	80	6.06	228034	Kỹ thuật số 1	2		
							228073	Trang bị điện 1	2	3.0	
							228080	Vi điều khiển 2	2		
							228213	Điều khiển điện khí nén	2	3.0	
							228228	PLC 2	2	3.9	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
22	2117060044	Trần Châu	Thoại	CCQ1706A	85	6.44	228040	Mạch điện	3	3.1	
							228058	Thực tập điện tử nâng cao	2	4.5	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
23	2117060046	Lê Văn	Thuận	CCQ1706A	57	5.20	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3		
							223007	Chính trị 2	3		
							224016	Anh văn 3	3		
							228006	Điện tử công suất	2	3.7	
							228060	Thực tập kỹ thuật số	2		
							228073	Trang bị điện 1	2	4.4	
							228201	Chuyên đề kỹ thuật cảm biến	1	4.2	
							228213	Điều khiển điện khí nén	2	1.0	
							228228	PLC 2	2	VT	
							229100	Tin học	2	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
23	2117060046	Lê Văn	Thuận	CCQ1706A	57	5.20	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
24	2117060048	Biện Quốc	Toản	CCQ1706A	85	6.36	228040	Mạch điện	3	2.8	
							228079	Vi điều khiển 1	2	3.4	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
25	2117060049	Đào Nhật	Triều	CCQ1706A	59	5.71	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	3.6	
							228014	Đồ án vi điều khiển	1	3.0	
							228040	Mạch điện	3	2.6	
							228049	Thí nghiệm điện tử công suất	2	VT	
							228079	Vi điều khiển 1	2		
							228080	Vi điều khiển 2	2		
							228201	Chuyên đề kỹ thuật cảm biến	1	4.2	
							228213	Điều khiển điện khí nén	2		
							228228	PLC 2	2		
							228253	Lập trình điều khiển trên thiết bị di động Android	2		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
26	2117060051	Lê Văn	Trung	CCQ1706A	84	6.16	228030	Kỹ thuật điện tử 1	2	4.7	
							228080	Vi điều khiển 2	2		
							228253	Lập trình điều khiển trên thiết bị di động Android	2	4.5	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
27	2117060055	Nguyễn Công	Tứ	CCQ1706A	73	6.34	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
27	2117060055	Nguyễn Công Tứ	CCQ1706A	73	6.34	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						228014	Đồ án vi điều khiển	1	3.0	
						228040	Mạch điện	3	2.0	
						228060	Thực tập kỹ thuật số	2		
						228073	Trang bị điện 1	2	VT	
						228201	Chuyên đề kỹ thuật cảm biến	1	4.2	
						228213	Điều khiển điện khí nén	2		
						228253	Lập trình điều khiển trên thiết bị di động Android	2		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
28	2117060057	Nguyễn Cảnh Văn	CCQ1706A	29	3.74	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222033	Toán ứng dụng A	3	3.3	
						223006	Chính trị 1	3	4.1	
						223007	Chính trị 2	3		
						224003	Anh văn 1	3	4.0	
						224004	Anh văn 2	3		
						224016	Anh văn 3	3		
						226020	Pháp luật đại cương	2	0.0	
						228006	Điện tử công suất	2	1.9	
						228014	Đồ án vi điều khiển	1	VT	
						228034	Kỹ thuật số 1	2		
						228040	Mạch điện	3	2.5	
						228047	PLC	2	4.0	
						228049	Thí nghiệm điện tử công suất	2		
						228058	Thực tập điện tử nâng cao	2		
						228060	Thực tập kỹ thuật số	2		
						228066	Thực tập trang bị điện 1	2	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
28	2117060057	Nguyễn Cảnh Văn	CCQ1706A	29	3.74	228073	Trang bị điện 1	2	VT	
						228080	Vi điều khiển 2	2	4.1	
						228090	An toàn điện và môi trường công nghiệp	2	VT	
						228160	Autocad (Điện)	2		
						228201	Chuyên đề kỹ thuật cảm biến	1	VT	
						228207	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Điện tử)	1		
						228213	Điều khiển điện khí nén	2	2.7	
						228247	Thực tập tốt nghiệp (ĐTCN)	5	VT	
						228253	Lập trình điều khiển trên thiết bị di động Android	2	3.5	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
29	2117060058	Huỳnh Quốc Dũng	CCQ1706B	54	5.38	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						224004	Anh văn 2	3		
						224016	Anh văn 3	3		
						228006	Điện tử công suất	2	3.4	
						228034	Kỹ thuật số 1	2	3.2	
						228040	Mạch điện	3	3.1	
						228049	Thí nghiệm điện tử công suất	2		
						228070	Thực tập vi điều khiển	2		
						228073	Trang bị điện 1	2	3.3	
						228079	Vi điều khiển 1	2	3.6	
						228080	Vi điều khiển 2	2	VT	
						228164	Thực tập PLC 1	2		
						228213	Điều khiển điện khí nén	2	2.8	
						228228	PLC 2	2		
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
29	2117060058	Huỳnh Quốc	Dũng	CCQ1706B	54	5.38	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
30	2117060061	Đặng Thanh	Đoàn	CCQ1706B	84	5.97	228034	Kỹ thuật số 1	2	4.0	
							228049	Thí nghiệm điện tử công suất	2		
							228073	Trang bị điện 1	2	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
31	2117060063	Nguyễn Văn	Huân	CCQ1706B	60	5.46	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226020	Pháp luật đại cương	2	3.9	
							228014	Đồ án vi điều khiển	1	3.0	
							228034	Kỹ thuật số 1	2		
							228049	Thí nghiệm điện tử công suất	2		
							228058	Thực tập điện tử nâng cao	2	3.0	
							228060	Thực tập kỹ thuật số	2	VT	
							228070	Thực tập vi điều khiển	2		
							228073	Trang bị điện 1	2	3.6	
							228079	Vi điều khiển 1	2	4.2	
							228080	Vi điều khiển 2	2	VT	
							228164	Thực tập PLC 1	2		
							228213	Điều khiển điện khí nén	2	VT	
							228228	PLC 2	2	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
32	2117060064	Võ Văn	Khánh	CCQ1706B	77	6.45	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223007	Chính trị 2	3	4.7	
							224004	Anh văn 2	3	VT	
							224016	Anh văn 3	3		
							228164	Thực tập PLC 1	2		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
32	2117060064	Võ Văn	Khánh	CCQ1706B	77	6.45	R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
33	2117060065	Trần Thiện	Khiêm	CCQ1706B	85	6.36	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							228079	Vi điều khiển 1	2	3.7	
							228164	Thực tập PLC 1	2		
							228201	Chuyên đề kỹ thuật cảm biến	1	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
34	2117060067	Lê Ngọc	Luận	CCQ1706B	82	6.73	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223006	Chính trị 1	3		
							224004	Anh văn 2	3	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
35	2117060068	Vương Sĩ	Mây	CCQ1706B	76	5.65	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							228014	Đồ án vi điều khiển	1	4.5	
							228049	Thí nghiệm điện tử công suất	2		
							228058	Thực tập điện tử nâng cao	2	VT	
							228060	Thực tập kỹ thuật số	2	VT	
							228070	Thực tập vi điều khiển	2	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
36	2117060070	Nguyễn Thái	Ngọc	CCQ1706B	43	4.99	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223007	Chính trị 2	3		
							224004	Anh văn 2	3		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
36	2117060070	Nguyễn Thái Ngọc	CCQ1706B	43	4.99	224016	Anh văn 3	3		
						226020	Pháp luật đại cương	2		
						228014	Đồ án vi điều khiển	1	4.5	
						228034	Kỹ thuật số 1	2	3.4	
						228047	PLC	2	VT	
						228049	Thí nghiệm điện tử công suất	2		
						228058	Thực tập điện tử nâng cao	2	VT	
						228060	Thực tập kỹ thuật số	2	VT	
						228066	Thực tập trang bị điện 1	2		
						228073	Trang bị điện 1	2	2.6	
						228080	Vi điều khiển 2	2	VT	
						228083	Anh văn chuyên ngành (Điện)	2		
						228090	An toàn điện và môi trường công nghiệp	2	4.5	
						228213	Điều khiển điện khí nén	2	2.4	
						228228	PLC 2	2		
						229100	Tin học	2		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
37	2117060074	Lê Thị Minh Phương	CCQ1706B	47	4.66	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						223006	Chính trị 1	3	4.2	
						223007	Chính trị 2	3		
						224003	Anh văn 1	3	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
37	2117060074	Lê Thị Minh	Phương	CCQ1706B	47	4.66	224004	Anh văn 2	3		
							224016	Anh văn 3	3		
							228006	Điện tử công suất	2	3.0	
							228014	Đồ án vi điều khiển	1	3.0	
							228034	Kỹ thuật số 1	2	VT	
							228049	Thí nghiệm điện tử công suất	2		
							228058	Thực tập điện tử nâng cao	2	VT	
							228073	Trang bị điện 1	2	3.0	
							228164	Thực tập PLC 1	2		
							228213	Điều khiển điện khí nén	2	2.3	
							228228	PLC 2	2	3.4	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
38	2117060075	Lê Thanh	Phương	CCQ1706B	88	6.72	228079	Vi điều khiển 1	2	2.2	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
39	2117060076	Nguyễn Văn	Quang	CCQ1706B	55	4.70	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	VT	
							223006	Chính trị 1	3	4.2	
							228006	Điện tử công suất	2	VT	
							228014	Đồ án vi điều khiển	1	VT	
							228034	Kỹ thuật số 1	2	3.0	
							228049	Thí nghiệm điện tử công suất	2	VT	
							228057	Thực tập điện tử cơ bản	2	VT	
							228070	Thực tập vi điều khiển	2	VT	
							228080	Vi điều khiển 2	2	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
39	2117060076	Nguyễn Văn	Quang	CCQ1706B	55	4.70	228164	Thực tập PLC 1	2		
							228207	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Điện tử)	1	0.0	
							228213	Điều khiển điện khí nén	2		
							228253	Lập trình điều khiển trên thiết bị di động Android	2	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
40	2117060080	Đoàn Thế Thanh	Tâm	CCQ1706B	88	6.22	228213	Điều khiển điện khí nén	2	4.3	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
41	2117060081	Nguyễn Văn	Tân	CCQ1706B	70	6.96	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							228014	Đồ án vi điều khiển	1		
							228049	Thí nghiệm điện tử công suất	2		
							228070	Thực tập vi điều khiển	2		
							228079	Vi điều khiển 1	2		
							228080	Vi điều khiển 2	2		
							228228	PLC 2	2		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
42	2117060084	Nguyễn Minh	Trí	CCQ1706B	69	6.18	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224004	Anh văn 2	3	VT	
							224016	Anh văn 3	3		
							228014	Đồ án vi điều khiển	1	VT	
							228034	Kỹ thuật số 1	2	4.3	
							228066	Thực tập trang bị điện 1	2		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
42	2117060084	Nguyễn Minh	Trí	CCQ1706B	69	6.18	228070	Thực tập vi điều khiển	2		
							228073	Trang bị điện 1	2		
							228080	Vi điều khiển 2	2	4.0	
							228164	Thực tập PLC 1	2	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
43	2117060087	Thiên Văn	Trường	CCQ1706B	78	6.00	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224004	Anh văn 2	3	3.6	
							224016	Anh văn 3	3	4.3	
							228183	Thiết kế mạch điện tử	2	4.0	
							228213	Điều khiển điện khí nén	2	4.0	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
44	2117060090	Đỗ Quang	Vinh	CCQ1706B	86	6.81	228049	Thí nghiệm điện tử công suất	2		
							228070	Thực tập vi điều khiển	2		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
45	2117060091	Lê Quang	Vũ	CCQ1706B	8	1.09	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	VT	
							223006	Chính trị 1	3	VT	
							223007	Chính trị 2	3		
							224003	Anh văn 1	3	VT	
							224004	Anh văn 2	3		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
45	2117060091	Lê Quang Vũ	CCQ1706B	8	1.09	224016	Anh văn 3	3		
						226020	Pháp luật đại cương	2	VT	
						228006	Điện tử công suất	2	VT	
						228014	Đồ án vi điều khiển	1		
						228034	Kỹ thuật số 1	2	VT	
						228040	Mạch điện	3	VT	
						228047	PLC	2	VT	
						228049	Thí nghiệm điện tử công suất	2		
						228058	Thực tập điện tử nâng cao	2	VT	
						228060	Thực tập kỹ thuật số	2	VT	
						228066	Thực tập trang bị điện 1	2	VT	
						228070	Thực tập vi điều khiển	2		
						228073	Trang bị điện 1	2		
						228079	Vi điều khiển 1	2	VT	
						228080	Vi điều khiển 2	2		
						228083	Anh văn chuyên ngành (Điện)	2	VT	
						228090	An toàn điện và môi trường công nghiệp	2	3.4	
						228160	Autocad (Điện)	2	VT	
						228164	Thực tập PLC 1	2		
						228201	Chuyên đề kỹ thuật cảm biến	1		
						228207	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Điện tử)	1	VT	
						228213	Điều khiển điện khí nén	2	VT	
						228228	PLC 2	2		
						228247	Thực tập tốt nghiệp (ĐTCN)	5		
						228253	Lập trình điều khiển trên thiết bị di động Android	2		
						229100	Tin học	2	VT	
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
45	2117060091	Lê Quang Vũ	CCQ1706B	8	1.09	R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
46	2117060092	Lê Quốc Vũ	CCQ1706B	18	2.67	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222033	Toán ứng dụng A	3	3.2	
						223006	Chính trị 1	3	4.9	
						223007	Chính trị 2	3		
						224003	Anh văn 1	3	4.0	
						224004	Anh văn 2	3		
						224016	Anh văn 3	3		
						226020	Pháp luật đại cương	2		
						228006	Điện tử công suất	2	VT	
						228014	Đồ án vi điều khiển	1	VT	
						228034	Kỹ thuật số 1	2	1.8	
						228040	Mạch điện	3	2.4	
						228047	PLC	2	3.0	
						228049	Thí nghiệm điện tử công suất	2		
						228060	Thực tập kỹ thuật số	2	VT	
						228066	Thực tập trang bị điện 1	2		
						228070	Thực tập vi điều khiển	2		
						228073	Trang bị điện 1	2		
						228079	Vi điều khiển 1	2	VT	
						228080	Vi điều khiển 2	2	VT	
						228090	An toàn điện và môi trường công nghiệp	2	4.9	
						228164	Thực tập PLC 1	2		
						228201	Chuyên đề kỹ thuật cảm biến	1	VT	
						228207	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Điện tử)	1	0.0	
						228213	Điều khiển điện khí nén	2	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
46	2117060092	Lê Quốc	Vũ	CCQ1706B	18	2.67	228228	PLC 2	2		
							228247	Thực tập tốt nghiệp (ĐTCN)	5		
							228253	Lập trình điều khiển trên thiết bị di động Android	2	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
47	2117060094	Nguyễn Văn	Chí	CCQ1706B	45	4.86	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	4.6	
							224003	Anh văn 1	3	3.5	
							224004	Anh văn 2	3	2.7	
							224016	Anh văn 3	3		
							226020	Pháp luật đại cương	2		
							228006	Điện tử công suất	2	4.2	
							228034	Kỹ thuật số 1	2	2.8	
							228047	PLC	2	4.6	
							228049	Thí nghiệm điện tử công suất	2		
							228057	Thực tập điện tử cơ bản	2	0.0	
							228060	Thực tập kỹ thuật số	2	VT	
							228070	Thực tập vi điều khiển	2		
							228080	Vi điều khiển 2	2		
							228164	Thực tập PLC 1	2	VT	
							228228	PLC 2	2		
							229100	Tin học	2		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
48	2117170114	Trần Hữu	Nghĩa	CCQ1706B	69	6.15	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
48	2117170114	Trần Hữu Nghĩa	CCQ1706B	69	6.15	228014	Đồ án vi điều khiển	1		
						228049	Thí nghiệm điện tử công suất	2	VT	
						228058	Thực tập điện tử nâng cao	2		
						228070	Thực tập vi điều khiển	2		
						228079	Vi điều khiển 1	2		
						228080	Vi điều khiển 2	2		
						228183	Thiết kế mạch điện tử	2		
						228201	Chuyên đề kỹ thuật cảm biến	1		
						228207	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Điện tử)	1	0.0	
						228213	Điều khiển điện khí nén	2		
						228228	PLC 2	2		
						228253	Lập trình điều khiển trên thiết bị di động Android	2		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	4 TC (Min)	4
0101 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
	234011 Bóng rổ 2	2
	234013 Cầu lông 2	2
	234014 Aerobic 2	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2
0201 .	226035 Soạn thảo văn bản	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		227073 Lập trình C++	2							
		229030 Tin học văn phòng	2							
Nhóm TC 03 :		4 TC (Min)	4							
0302 .		234002 Bóng chuyền 1	2							
		234003 Bóng chuyền 2	2							
0303 .		234006 Bóng đá 1	2							
		234010 Bóng đá 2	2							
0304 .		234007 Bóng rổ 1	2							
		234011 Bóng rổ 2	2							
0305 .		234008 Cầu lông 1	2							
		234013 Cầu lông 2	2							
0306 .		234009 Aerobic 1	2							
		234014 Aerobic 2	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		228023 Hệ thống SCADA	2							
		228054 Thiết bị tự động	2							
		228077 Tự động hóa công nghiệp	2							
		228162 Thực tập PLC 2	2							
Nhóm TC 05 :		2 TC (Min)	2							
0501 .		222010 Logic học đại cương	2							
		222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2							
		226017 Môi trường và con người	2							
Nhóm TC 06 :		2 TC (Min)	2							
0601 .		228003 Cấu trúc máy tính giao diện	2							
		228018 Đo lường và điều khiển bằng máy tính	2							
		228048 Robot công nghiệp (Điện)	2							
Nhóm TC 07 :		5 TC (Min)	5							
0701 .		228101 Đồ án tốt nghiệp (Điện tử)	5							
		228163 Chuyên đề công nghệ điện tử	2							

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		228170 Chuyên đề công nghệ tự động	3							
Nhóm TC 08 :		3 TC (Min)	3							
0801 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
Phòng Quản Lý Đào Tạo
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2017 - Da giày (TN211707)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **90**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2117030197	Huỳnh Cao Khánh	Vương	CCQ1707B	75	6.63	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	3.1	
							232040	Chuyên đề "Thực tập công nghệ 2 tại xí nghiệp"	1		
							232041	Chuyên đề "Thực tập công nghệ 3 tại xí nghiệp"	1		
							232058	Thực tập tốt nghiệp Da giày	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
2	2117070001	Đỗ Thế Vĩ	An	CCQ1707A	19	1.92	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	0.0	
							223006	Chính trị 1	3	0.0	
							223007	Chính trị 2	3		
							224003	Anh văn 1	3	2.1	
							224004	Anh văn 2	3	0.0	
							224016	Anh văn 3	3	VT	
							226180	Đại cương về ASEAN	2	3.9	
							229100	Tin học	2	VT	
							232003	Công nghệ giày 3	3		
							232010	Quản lý chất lượng giày	2	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
2	2117070001	Đỗ Thế Vĩ	An	CCQ1707A	19	1.92	232014	Thực tập công nghệ giày 2	2		
							232018	Tin học ứng dụng ngành giày 1	2	VT	
							232021	Anh văn chuyên ngành (Giày)	2	VT	
							232042	Công nghệ giày 2	3	VT	
							232043	Định mức kỹ thuật	1	0.0	
							232045	Phác họa mẫu	3	VT	
							232047	Thiết kế giày cơ bản	2		
							232049	Thực tập công nghệ giày 1	2	VT	
							232051	Thực tập công nghệ giày 3	2		
							232052	Thực tập định mức kỹ thuật	2	VT	
							232054	Thực tập thiết kế giày cơ bản	3		
							232056	Xây dựng quy trình công nghệ	2		
							232057	Quản trị học ứng dụng ngành giày	2	VT	
							232058	Thực tập tốt nghiệp Da giày	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
3	2117070003	Trương Thị Tú	Anh	CCQ1707A	62	4.63	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223006	Chính trị 1	3	4.7	
							227064	Vẽ kỹ thuật 1	2	3.2	
							232010	Quản lý chất lượng giày	2	0.0	
							232018	Tin học ứng dụng ngành giày 1	2	VT	
							232043	Định mức kỹ thuật	1	1.0	
							232052	Thực tập định mức kỹ thuật	2	VT	
							232056	Xây dựng quy trình công nghệ	2	VT	
							232057	Quản trị học ứng dụng ngành giày	2	VT	
							232058	Thực tập tốt nghiệp Da giày	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
4	2117070007	Nguyễn Thùy Trân	Châu	CCQ1707A	88	6.74	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
4	2117070007	Nguyễn Thùy Trân	Châu	CCQ1707A	88	6.74	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
5	2117070010	Trần Thị	Diễn	CCQ1707A	53	4.26	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223006	Chính trị 1	3	VT	
							223007	Chính trị 2	3	VT	
							224004	Anh văn 2	3	VT	
							224016	Anh văn 3	3	0.0	
							226020	Pháp luật đại cương	2	3.8	
							229100	Tin học	2	VT	
							232003	Công nghệ giày 3	3	0.0	
							232021	Anh văn chuyên ngành (Giày)	2	4.1	
							232049	Thực tập công nghệ giày 1	2	VT	
							232051	Thực tập công nghệ giày 3	2	VT	
							232052	Thực tập định mức kỹ thuật	2	VT	
							232056	Xây dựng quy trình công nghệ	2	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
6	2117070014	Hoàng Vũ Tú	Duyên	CCQ1707A	82	6.27	224004	Anh văn 2	3		
							224016	Anh văn 3	3		
							232021	Anh văn chuyên ngành (Giày)	2	3.5	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
7	2117070015	Đỗ Phú	Đức	CCQ1707A	83	6.68	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
7	2117070015	Đỗ Phú	Đức	CCQ1707A	83	6.68	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223007	Chính trị 2	3	4.4	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
8	2117070018	Huỳnh Thị Mỹ	Hạnh	CCQ1707A	89	6.32	232043	Định mức kỹ thuật	1	4.0	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
9	2117070027	Lê Tấn	Lai	CCQ1707A	40	3.88	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	1.6	
							223006	Chính trị 1	3		
							224003	Anh văn 1	3	VT	
							224004	Anh văn 2	3	0.0	
							224016	Anh văn 3	3		
							229100	Tin học	2		
							232010	Quản lý chất lượng giày	2	VT	
							232018	Tin học ứng dụng ngành giày 1	2		
							232021	Anh văn chuyên ngành (Giày)	2	VT	
							232043	Định mức kỹ thuật	1	2.9	
							232046	Thí nghiệm nguyên vật liệu	1	VT	
							232049	Thực tập công nghệ giày 1	2		
							232051	Thực tập công nghệ giày 3	2		
							232054	Thực tập thiết kế giày cơ bản	3		
							232057	Quản trị học ứng dụng ngành giày	2	VT	
							232058	Thực tập tốt nghiệp Da giày	5		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
9	2117070027	Lê Tấn	Lai	CCQ1707A	40	3.88	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
10	2117070037	Phạm Hồng	Nguyệt	CCQ1707A	89	6.28	232043	Định mức kỹ thuật	1	4.9	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
11	2117070044	Bùi Thị Kim	Phượng	CCQ1707A	90	6.48	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
12	2117070049	Mai Thị Kim	Thoa	CCQ1707A	88	7.23	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
13	2117070058	Cao Thị Anh	Trúc	CCQ1707A	90	7.65	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
14	2117070060	Lý Thị Ngân	Tuyền	CCQ1707A	81	6.24	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							232014	Thực tập công nghệ giày 2	2	VT	
							232043	Định mức kỹ thuật	1	2.2	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
15	2117070064	Lê Thị Thanh	Vi	CCQ1707A	89	6.43	232043	Định mức kỹ thuật	1	3.7	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
16	2117070068	Bùi Thị Như	Ý	CCQ1707A	82	6.70	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	4.7	
							224016	Anh văn 3	3	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
17	2117070070	Dương Thị	Diễm	CCQ1707B	90	6.62	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
18	2117070075	Châu Thị Thùy	Dương	CCQ1707B	90	6.02	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
18	2117070075	Châu Thị Thùy	Dương	CCQ1707B	90	6.02	R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
19	2117070083	Nguyễn Thị Xuân	Hân	CCQ1707B	89	7.63	232041	Chuyên đề "Thực tập công nghệ 3 tại xí nghiệp"	1	VT	
20	2117070084	Nguyễn Thị Ngọc	Hậu	CCQ1707B	87	6.05	227064	Vẽ kỹ thuật 1	2	4.2	
							232041	Chuyên đề "Thực tập công nghệ 3 tại xí nghiệp"	1	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
21	2117070085	Nguyễn Minh	Hiếu	CCQ1707B	83	6.28	08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226180	Đại cương về ASEAN	2	2.9	
							229100	Tin học	2	VT	
							232054	Thực tập thiết kế giày cơ bản	3		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
22	2117070096	Phan Thị Huỳnh	Như	CCQ1707B	90	6.26	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
23	2117070097	Trần Thị Quỳnh	Như	CCQ1707B	90	6.73	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
24	2117070106	Nguyễn Thị Minh	Thư	CCQ1707B	69	5.27	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							232010	Quản lý chất lượng giày	2	VT	
							232018	Tin học ứng dụng ngành giày 1	2		
							232021	Anh văn chuyên ngành (Giày)	2	VT	
							232043	Định mức kỹ thuật	1	3.1	
							232056	Xây dựng quy trình công nghệ	2	VT	
							232057	Quản trị học ứng dụng ngành giày	2	VT	
							232058	Thực tập tốt nghiệp Da giày	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
25	2117070115	Vũ Thị Mỹ	Hà	CCQ1707B	92	7.18	08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							232043	Định mức kỹ thuật	1		
							232052	Thực tập định mức kỹ thuật	2		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
25	2117070115	Vũ Thị Mỹ Hà	CCQ1707B	92	7.18	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	4 TC (Min)	4
0101 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
	234011 Bóng rổ 2	2
	234013 Cầu lông 2	2
	234014 Aerobic 2	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2
0201 .	226035 Soạn thảo văn bản	2
	227073 Lập trình C++	2
	229030 Tin học văn phòng	2
Nhóm TC 03 :	4 TC (Min)	4
0302 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
0303 .	234006 Bóng đá 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
0304 .	234007 Bóng rổ 1	2
	234011 Bóng rổ 2	2
0305 .	234008 Cầu lông 1	2
	234013 Cầu lông 2	2
0306 .	234009 Aerobic 1	2
	234014 Aerobic 2	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2							
		226017 Môi trường và con người	2							
Nhóm TC 05 :		2 TC (Min)	2							
0501 .		232024 Kỹ thuật cung ứng và phân phối (Logistics)	2							
		232036 Phác họa mẫu trên vi tính	2							
		232050 Thực tập công nghệ giày 2 nâng cao	2							
Nhóm TC 06 :		2 TC (Min)	2							
0601 .		232026 Tin học ứng dụng ngành giày 2	2							
		232048 Thiết kế giày trên Corel Draw	2							
		232055 Thực tập thiết kế giày nâng cao	2							
Nhóm TC 07 :		5 TC (Min)	5							
0701 .		232031 Đồ án tốt nghiệp (Giày)	5							
		232033 Thiết kế hàng da	2							
		232034 Thực tập thiết kế hàng da	3							
Nhóm TC 08 :		3 TC (Min)	3							
0801 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
Phòng Quản Lý Đào Tạo
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2017 - Nhuộm (TN211709)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **90**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2117090008	Nguyễn Thị Tuyết Mai	CCQ1709A	82	6.30	224004	Anh văn 2	3	4.3	
						229100	Tin học	2	4.3	
						230247	Thực tập tốt nghiệp (Hóa nhuộm)	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
2	2117090015	Thành Thị Mi La	CCQ1709A	92	6.40	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	4 TC (Min)	4
0101 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
	234011 Bóng rổ 2	2
	234013 Cầu lông 2	2
	234014 Aerobic 2	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2
0201 .	222013 Phương pháp luận nghiên cứu	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		khoa học								
		226035 Soạn thảo văn bản	2							
		230200 An toàn lao động	2							
Nhóm TC 03 :		4 TC (Min)	4							
0302 .		234002 Bóng chuyền 1	2							
		234003 Bóng chuyền 2	2							
0303 .		234006 Bóng đá 1	2							
		234010 Bóng đá 2	2							
0304 .		234007 Bóng rổ 1	2							
		234011 Bóng rổ 2	2							
0305 .		234008 Cầu lông 1	2							
		234013 Cầu lông 2	2							
0306 .		234009 Aerobic 1	2							
		234014 Aerobic 2	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		230215 Công nghệ sản xuất sợi hóa học	2							
		230245 Xử lý nước trong ngành dệt nhuộm	2							
		231018 Đại cương công nghệ dệt sợi	2							
Nhóm TC 05 :		2 TC (Min)	2							
0501 .		222010 Logic học đại cương	2							
		222017 Tiếng Việt thực hành B	2							
		226017 Môi trường và con người	2							
Nhóm TC 06 :		2 TC (Min)	2							
0601 .		230044 Thiết kế dây chuyền sản xuất (Nhuộm)	2							
		230089 Quản trị chất lượng (Giấy)	2							
		231160 Công nghệ wash sản phẩm may	2							
Nhóm TC 07 :		5 TC (Min)	5							
0701 .		230070 Đồ án tốt nghiệp (Nhuộm)	5							
		230093 Kỹ năng quản trị và điều hành ca sản xuất	2							

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		230217 Công nghệ xử lý hàng pha	3							
Nhóm TC 08 :		3 TC (Min)	3							
0801 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
Phòng Quản Lý Đào Tạo
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2017 - Kế toán (TN211710)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **80**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2117100001	Nguyễn Lan	Anh	CCQ1710A	75	6.33	225123	Thực tập tốt nghiệp (Kế toán)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
2	2117100002	Trương Thị Lan	Anh	CCQ1710A	45	4.33	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	4.4	
							224004	Anh văn 2	3	4.4	
							224016	Anh văn 3	3	0.0	
							225010	Kế toán tài chính doanh nghiệp 2	3	0.0	
							225011	Kế toán tài chính doanh nghiệp 3	3	4.4	
							225016	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	0.0	
							225100	Khai báo thuế	2	3.7	
							225106	Hệ thống thông tin kế toán	2	VT	
							225108	Kế toán quản trị	3	0.0	
							225123	Thực tập tốt nghiệp (Kế toán)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
3	2117100011	Trần Lệ	Hằng	CCQ1710A	80	6.31	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
4	2117100017	Lê Mỹ Ngọc	Huyền	CCQ1710A	75	6.79	225123	Thực tập tốt nghiệp (Kế toán)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
5	2117100019	Đinh Thị Kim Kha	CCQ1710A	67	6.15	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						225016	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	VT	
						225050	Thị trường chứng khoán	2	4.4	
						225106	Hệ thống thông tin kế toán	2	VT	
						225108	Kế toán quản trị	3	VT	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
6	2117100024	Vũ Thị Thanh Mai	CCQ1710A	34	4.48	03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						224006	Anh văn chuyên ngành (Kế toán)	2		
						224016	Anh văn 3	3		
						225004	Kế toán máy	3		
						225010	Kế toán tài chính doanh nghiệp 2	3	VT	
						225011	Kế toán tài chính doanh nghiệp 3	3		
						225016	Phân tích hoạt động kinh doanh	3		
						225029	Thuế	2	2.4	
						225050	Thị trường chứng khoán	2	1.4	
						225072	Chuyên đề kế toán thuế	1		
						225082	Tài chính doanh nghiệp	3	3.9	
						225106	Hệ thống thông tin kế toán	2		
						225108	Kế toán quản trị	3		
						225109	Kế toán sổ	2	4.3	
						225123	Thực tập tốt nghiệp (Kế toán)	5		
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
7	2117100026	Nguyễn Thị Kim Ngân	CCQ1710A	76	6.71	225123	Thực tập tốt nghiệp (Kế toán)	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
7	2117100026	Nguyễn Thị Kim	Ngân	CCQ1710A	76	6.71	R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
8	2117100027	Nguyễn Thanh Thảo	Ngân	CCQ1710A	19	3.77	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223006	Chính trị 1	3	4.8	
							223007	Chính trị 2	3	4.0	
							224003	Anh văn 1	3	VT	
							224004	Anh văn 2	3		
							224006	Anh văn chuyên ngành (Kế toán)	2		
							224016	Anh văn 3	3		
							225004	Kế toán máy	3		
							225010	Kế toán tài chính doanh nghiệp 2	3		
							225011	Kế toán tài chính doanh nghiệp 3	3		
							225012	Kiểm toán	2		
							225016	Phân tích hoạt động kinh doanh	3		
							225029	Thuế	2	2.9	
							225050	Thị trường chứng khoán	2		
							225072	Chuyên đề kế toán thuế	1		
							225080	Kế toán tài chính doanh nghiệp 1	3	2.9	
							225100	Khai báo thuế	2	VT	
							225106	Hệ thống thông tin kế toán	2		
							225108	Kế toán quản trị	3		
							225118	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Kế toán)	1		
							225123	Thực tập tốt nghiệp (Kế toán)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
9	2117100028	Lê Thị Kiều	Ngọc	CCQ1710A	75	6.09	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							225123	Thực tập tốt nghiệp (Kế toán)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
10	2117100030	Thái Thảo	Nguyên	CCQ1710A	35	3.69	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224003	Anh văn 1	3	VT	
							224004	Anh văn 2	3	4.1	
							225004	Kế toán máy	3	2.8	
							225010	Kế toán tài chính doanh nghiệp 2	3	4.5	
							225011	Kế toán tài chính doanh nghiệp 3	3	3.8	
							225016	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	VT	
							225029	Thuế	2		
							225050	Thị trường chứng khoán	2	VT	
							225082	Tài chính doanh nghiệp	3	4.3	
							225088	Nguyên lý kế toán	3	2.7	
							225106	Hệ thống thông tin kế toán	2	VT	
							225108	Kế toán quản trị	3	1.8	
							225109	Kế toán sổ	2	3.5	
							225123	Thực tập tốt nghiệp (Kế toán)	5	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
11	2117100031	Bùi Thị	Nhi	CCQ1710A	75	6.24	225123	Thực tập tốt nghiệp (Kế toán)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
12	2117100032	Phạm Bảo	Như	CCQ1710A	75	6.06	225123	Thực tập tốt nghiệp (Kế toán)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
13	2117100034	Lê Thị Mỹ	Nữ	CCQ1710A	58	5.86	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
13	2117100034	Lê Thị Mỹ	Nữ	CCQ1710A	58	5.86	222034	Toán ứng dụng C	3	2.7	
							225011	Kế toán tài chính doanh nghiệp 3	3		
							225016	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	3.2	
							225050	Thị trường chứng khoán	2	3.6	
							225108	Kế toán quản trị	3	4.4	
							225123	Thực tập tốt nghiệp (Kế toán)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
14	2117100035	Đoàn Kiều	Oanh	CCQ1710A	77	6.73	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
15	2117100040	Phan Như	Quỳnh	CCQ1710A	73	5.99	225106	Hệ thống thông tin kế toán	2	4.4	
							225123	Thực tập tốt nghiệp (Kế toán)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
16	2117100043	Dương Thị	Thảo	CCQ1710A	69	6.30	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							225082	Tài chính doanh nghiệp	3	2.8	
							225123	Thực tập tốt nghiệp (Kế toán)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
17	2117100047	Đỗ Thị Minh	Thu	CCQ1710A	75	6.04	225123	Thực tập tốt nghiệp (Kế toán)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
18	2117100057	Nguyễn Ngọc Thùy	Trang	CCQ1710A	60	6.45	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223007	Chính trị 2	3	3.0	
							225011	Kế toán tài chính doanh nghiệp 3	3		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
18	2117100057	Nguyễn Ngọc Thùy	Trang	CCQ1710A	60	6.45	225016	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	3.1	
							225109	Kế toán sổ	2	VT	
							225123	Thực tập tốt nghiệp (Kế toán)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
19	2117100058	Đỗ Minh Bảo	Trâm	CCQ1710A	77	6.43	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
20	2117100059	Nguyễn Thị Mỹ	Trâm	CCQ1710A	35	3.48	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	3.6	
							223007	Chính trị 2	3	0.0	
							224004	Anh văn 2	3	VT	
							224016	Anh văn 3	3		
							225004	Kế toán máy	3	VT	
							225010	Kế toán tài chính doanh nghiệp 2	3	VT	
							225011	Kế toán tài chính doanh nghiệp 3	3	VT	
							225012	Kiểm toán	2	3.6	
							225016	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	VT	
							225050	Thị trường chứng khoán	2	VT	
							225072	Chuyên đề kế toán thuế	1	VT	
							225080	Kế toán tài chính doanh nghiệp 1	3	3.4	
							225082	Tài chính doanh nghiệp	3	VT	
							225106	Hệ thống thông tin kế toán	2	VT	
							225108	Kế toán quản trị	3	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
21	2117100060	Huỳnh Thị Kiều	Trinh	CCQ1710A	80	6.11	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
22	2117100066	Lê Thị Kim	Xuyến	CCQ1710A	67	5.86	222034	Toán ứng dụng C	3	1.1	
							225016	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	VT	
							225050	Thị trường chứng khoán	2	4.4	
							225123	Thực tập tốt nghiệp (Kế toán)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
23	2117100069	Vũ Thị Lan	Anh	CCQ1710B	54	5.76	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223006	Chính trị 1	3	4.8	
							224006	Anh văn chuyên ngành (Kế toán)	2	4.5	
							225004	Kế toán máy	3	VT	
							225016	Phân tích hoạt động kinh doanh	3		
							225050	Thị trường chứng khoán	2	VT	
							225072	Chuyên đề kế toán thuế	1	VT	
							225106	Hệ thống thông tin kế toán	2	VT	
							225123	Thực tập tốt nghiệp (Kế toán)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
24	2117100078	Võ Thị Nguyệt	Hà	CCQ1710B	23	2.22	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224006	Anh văn chuyên ngành (Kế toán)	2	VT	
							224016	Anh văn 3	3	VT	
							225004	Kế toán máy	3	VT	
							225010	Kế toán tài chính doanh nghiệp 2	3	VT	
							225011	Kế toán tài chính doanh nghiệp 3	3	VT	
							225012	Kiểm toán	2	4.0	
							225015	Nguyên lý thống kê	2	1.4	
							225016	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
24	2117100078	Võ Thị Nguyệt	Hà	CCQ1710B	23	2.22	225029	Thuế	2	VT	
							225050	Thị trường chứng khoán	2	VT	
							225080	Kế toán tài chính doanh nghiệp 1	3	VT	
							225082	Tài chính doanh nghiệp	3	VT	
							225088	Nguyên lý kế toán	3	VT	
							225100	Khai báo thuế	2		
							225106	Hệ thống thông tin kế toán	2	VT	
							225108	Kế toán quản trị	3	VT	
							225109	Kế toán sổ	2	4.0	
							225123	Thực tập tốt nghiệp (Kế toán)	5		
							229100	Tin học	2	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
25	2117100081	Thái Bảo	Hòa	CCQ1710B	72	6.59	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							225123	Thực tập tốt nghiệp (Kế toán)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
26	2117100084	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	CCQ1710B	73	6.12	225100	Khai báo thuế	2	2.9	
							225123	Thực tập tốt nghiệp (Kế toán)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
27	2117100096	Lương Thị Thảo	Nguyên	CCQ1710B	75	7.11	225123	Thực tập tốt nghiệp (Kế toán)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
28	2117100101	Vũ Thị Thanh	Như	CCQ1710B	77	6.71	222034	Toán ứng dụng C	3	3.8	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
29	2117100102	Phạm Thị	Như	CCQ1710B	47	4.71	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224016	Anh văn 3	3	0.0	
							225004	Kế toán máy	3	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
29	2117100102	Phạm Thị	Như	CCQ1710B	47	4.71	225010	Kế toán tài chính doanh nghiệp 2	3	VT	
							225011	Kế toán tài chính doanh nghiệp 3	3	4.3	
							225072	Chuyên đề kế toán thuế	1	VT	
							225082	Tài chính doanh nghiệp	3	2.9	
							225100	Khai báo thuế	2	VT	
							225106	Hệ thống thông tin kế toán	2	VT	
							225108	Kế toán quản trị	3		
							225123	Thực tập tốt nghiệp (Kế toán)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
30	2117100108	Lê Đỗ Duy	Tâm	CCQ1710B	62	5.38	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	3.4	
							225010	Kế toán tài chính doanh nghiệp 2	3	3.3	
							225050	Thị trường chứng khoán	2	4.3	
							225123	Thực tập tốt nghiệp (Kế toán)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
31	2117100110	Lê Ngọc Xuân	Thanh	CCQ1710B	75	6.36	225123	Thực tập tốt nghiệp (Kế toán)	5	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
32	2117100112	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	CCQ1710B	61	5.66	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							225016	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	4.6	
							225072	Chuyên đề kế toán thuế	1	VT	
							225106	Hệ thống thông tin kế toán	2	VT	
							225108	Kế toán quản trị	3	VT	
							225123	Thực tập tốt nghiệp (Kế toán)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
33	2117100115	Trần Thị	Thúy	CCQ1710B	80	7.19	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
33	2117100115	Trần Thị	Thúy	CCQ1710B	80	7.19	R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
34	2117100116	Võ Thị Hoài	Thư	CCQ1710B	17	2.91	03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	2.6	
							224003	Anh văn 1	3	VT	
							224004	Anh văn 2	3	VT	
							224006	Anh văn chuyên ngành (Kế toán)	2		
							224016	Anh văn 3	3		
							225004	Kế toán máy	3	VT	
							225010	Kế toán tài chính doanh nghiệp 2	3		
							225011	Kế toán tài chính doanh nghiệp 3	3		
							225016	Phân tích hoạt động kinh doanh	3		
							225029	Thuế	2	4.8	
							225050	Thị trường chứng khoán	2	VT	
							225080	Kế toán tài chính doanh nghiệp 1	3	2.8	
							225082	Tài chính doanh nghiệp	3	VT	
							225088	Nguyên lý kế toán	3	2.8	
							225100	Khai báo thuế	2		
							225106	Hệ thống thông tin kế toán	2		
							225108	Kế toán quản trị	3		
							225109	Kế toán sổ	2	2.8	
							225118	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Kế toán)	1		
							225123	Thực tập tốt nghiệp (Kế toán)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
35	2117100120	Dương Thị Huyền	Trang	CCQ1710B	75	6.27	225123	Thực tập tốt nghiệp (Kế toán)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
36	2117100125	Đào Thị Ngọc	Trầm	CCQ1710B	80	7.17	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
37	2117100131	Trần Thị Hồng	Tú	CCQ1710B	25	3.23	03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	3.4	
							224004	Anh văn 2	3	0.0	
							224006	Anh văn chuyên ngành (Kế toán)	2		
							224016	Anh văn 3	3	VT	
							225004	Kế toán máy	3	VT	
							225010	Kế toán tài chính doanh nghiệp 2	3	2.6	
							225011	Kế toán tài chính doanh nghiệp 3	3	4.2	
							225015	Nguyên lý thống kê	2	1.7	
							225016	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	VT	
							225029	Thuế	2	3.4	
							225050	Thị trường chứng khoán	2	VT	
							225082	Tài chính doanh nghiệp	3	3.4	
							225100	Khai báo thuế	2	4.3	
							225106	Hệ thống thông tin kế toán	2		
							225108	Kế toán quản trị	3	0.0	
							225109	Kế toán sổ	2	3.0	
							225123	Thực tập tốt nghiệp (Kế toán)	5		
							229100	Tin học	2	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
38	2117100137	Phạm Thị Như	Ý	CCQ1710B	75	6.63	225123	Thực tập tốt nghiệp (Kế toán)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
39	2117100138	Nguyễn Thị Thúy	An	CCQ1710C	43	5.02	03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	3.3	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
39	2117100138	Nguyễn Thị Thúy	An	CCQ1710C	43	5.02	225004	Kế toán máy	3	3.9	
							225010	Kế toán tài chính doanh nghiệp 2	3	3.6	
							225011	Kế toán tài chính doanh nghiệp 3	3		
							225050	Thị trường chứng khoán	2	3.1	
							225082	Tài chính doanh nghiệp	3	VT	
							225088	Nguyên lý kế toán	3	3.8	
							225106	Hệ thống thông tin kế toán	2	4.3	
							225108	Kế toán quản trị	3		
							225123	Thực tập tốt nghiệp (Kế toán)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
40	2117100144	Trần Thị	Diễm	CCQ1710C	75	6.58	225123	Thực tập tốt nghiệp (Kế toán)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
41	2117100148	Lê Thị Thùy	Dương	CCQ1710C	75	6.26	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							225108	Kế toán quản trị	3	4.2	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
42	2117100150	Mai Thị Mỹ	Hạnh	CCQ1710C	80	7.06	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
43	2117100151	Nguyễn Thị	Hạnh	CCQ1710C	33	3.44	03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	3.5	
							224004	Anh văn 2	3	0.0	
							224006	Anh văn chuyên ngành (Kế toán)	2		
							224016	Anh văn 3	3	VT	
							225004	Kế toán máy	3	VT	
							225010	Kế toán tài chính doanh nghiệp 2	3	3.6	
							225011	Kế toán tài chính doanh nghiệp 3	3	VT	
							225016	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
43	2117100151	Nguyễn Thị	Hạnh	CCQ1710C	33	3.44	225050	Thị trường chứng khoán	2	0.0	
							225082	Tài chính doanh nghiệp	3	4.6	
							225106	Hệ thống thông tin kế toán	2	VT	
							225108	Kế toán quản trị	3	0.0	
							225123	Thực tập tốt nghiệp (Kế toán)	5		
							229100	Tin học	2	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
44	2117100157	Võ Thị Thu	Hiền	CCQ1710C	70	6.57	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							225123	Thực tập tốt nghiệp (Kế toán)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
45	2117100161	Trương Thị	Kiều	CCQ1710C	75	6.39	225123	Thực tập tốt nghiệp (Kế toán)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
46	2117100167	Lê Thị Tuyết	Mai	CCQ1710C	36	3.66	03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	3.8	
							224006	Anh văn chuyên ngành (Kế toán)	2	VT	
							225004	Kế toán máy	3		
							225010	Kế toán tài chính doanh nghiệp 2	3	4.7	
							225011	Kế toán tài chính doanh nghiệp 3	3	VT	
							225016	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	VT	
							225029	Thuế	2	4.6	
							225050	Thị trường chứng khoán	2	VT	
							225072	Chuyên đề kế toán thuế	1	VT	
							225082	Tài chính doanh nghiệp	3	VT	
							225100	Khai báo thuế	2	VT	
							225106	Hệ thống thông tin kế toán	2	VT	
							225108	Kế toán quản trị	3	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
46	2117100167	Lê Thị Tuyết	Mai	CCQ1710C	36	3.66	225123	Thực tập tốt nghiệp (Kế toán)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
47	2117100168	Nguyễn Thị Hồng	Mận	CCQ1710C	80	6.61	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
48	2117100170	Nguyễn Thị Thanh	Nga	CCQ1710C	35	4.44	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	3.3	
							224006	Anh văn chuyên ngành (Kế toán)	2		
							224016	Anh văn 3	3	4.2	
							225004	Kế toán máy	3	2.7	
							225011	Kế toán tài chính doanh nghiệp 3	3		
							225016	Phân tích hoạt động kinh doanh	3		
							225029	Thuế	2	VT	
							225050	Thị trường chứng khoán	2	VT	
							225072	Chuyên đề kế toán thuế	1		
							225080	Kế toán tài chính doanh nghiệp 1	3	VT	
							225082	Tài chính doanh nghiệp	3	VT	
							225100	Khai báo thuế	2		
							225106	Hệ thống thông tin kế toán	2		
							225108	Kế toán quản trị	3		
							225123	Thực tập tốt nghiệp (Kế toán)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
49	2117100179	Lê Thị Kim	Như	CCQ1710C	64	5.45	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							225012	Kiểm toán	2	3.3	
							225050	Thị trường chứng khoán	2	3.2	
							225106	Hệ thống thông tin kế toán	2		
							225108	Kế toán quản trị	3	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
49	2117100179	Lê Thị Kim	Như	CCQ1710C	64	5.45	225123	Thực tập tốt nghiệp (Kế toán)	5	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
50	2117100181	Nguyễn Thị Bích	Oanh	CCQ1710C	21	2.75	03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	VT	
							223007	Chính trị 2	3	VT	
							224006	Anh văn chuyên ngành (Kế toán)	2	VT	
							224016	Anh văn 3	3		
							225004	Kế toán máy	3		
							225010	Kế toán tài chính doanh nghiệp 2	3	VT	
							225011	Kế toán tài chính doanh nghiệp 3	3		
							225012	Kiểm toán	2		
							225015	Nguyên lý thống kê	2	2.8	
							225016	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	VT	
							225029	Thuế	2	3.7	
							225050	Thị trường chứng khoán	2	VT	
							225072	Chuyên đề kế toán thuế	1	VT	
							225080	Kế toán tài chính doanh nghiệp 1	3	3.9	
							225082	Tài chính doanh nghiệp	3	3.5	
							225106	Hệ thống thông tin kế toán	2	VT	
							225108	Kế toán quản trị	3	VT	
							225109	Kế toán sổ	2	VT	
							225123	Thực tập tốt nghiệp (Kế toán)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
51	2117100189	Phạm Thị Phương	Thảo	CCQ1710C	75	6.13	225123	Thực tập tốt nghiệp (Kế toán)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
51	2117100189	Phạm Thị Phương	Thảo	CCQ1710C	75	6.13	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
52	2117100194	Nguyễn Thiện	Toàn	CCQ1710C	80	6.91	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
53	2117100200	Trần Thu	Uyên	CCQ1710C	75	6.61	225123	Thực tập tốt nghiệp (Kế toán)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
54	2117100205	Nguyễn Đan	Vy	CCQ1710C	75	6.37	225010	Kế toán tài chính doanh nghiệp 2	3	4.7	
							225106	Hệ thống thông tin kế toán	2		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
55	2117100214	Lương Khánh	Diệu	CCQ1710D	66	5.67	03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							225004	Kế toán máy	3	3.9	
							225050	Thị trường chứng khoán	2	VT	
							225100	Khai báo thuế	2	VT	
							225123	Thực tập tốt nghiệp (Kế toán)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
56	2117100215	Phạm Thị Thanh	Diệu	CCQ1710D	75	5.87	225123	Thực tập tốt nghiệp (Kế toán)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
57	2117100216	Phạm Thị Mỹ	Duyên	CCQ1710D	61	5.17	222034	Toán ứng dụng C	3	VT	
							225004	Kế toán máy	3	3.4	
							225011	Kế toán tài chính doanh nghiệp 3	3	3.8	
							225050	Thị trường chứng khoán	2	VT	
							225108	Kế toán quản trị	3	4.4	
							225123	Thực tập tốt nghiệp (Kế toán)	5		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
57	2117100216	Phạm Thị Mỹ	Duyên	CCQ1710D	61	5.17	234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
58	2117100217	Hồ Trọng	Đức	CCQ1710D	75	5.97	03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							225010	Kế toán tài chính doanh nghiệp 2	3	4.6	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
59	2117100218	Nguyễn Thị	Giang	CCQ1710D	67	5.82	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							225082	Tài chính doanh nghiệp	3	3.0	
							225123	Thực tập tốt nghiệp (Kế toán)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
60	2117100223	Phan Thị Thúy	Hoa	CCQ1710D	75	6.72	225123	Thực tập tốt nghiệp (Kế toán)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
61	2117100227	Đặng Quang	Huy	CCQ1710D	5	0.65	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	VT	
							223006	Chính trị 1	3	VT	
							223007	Chính trị 2	3	VT	
							224004	Anh văn 2	3	VT	
							224006	Anh văn chuyên ngành (Kế toán)	2	VT	
							224016	Anh văn 3	3	VT	
							225004	Kế toán máy	3	VT	
							225010	Kế toán tài chính doanh nghiệp 2	3	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
61	2117100227	Đặng Quang	Huy	CCQ1710D	5	0.65	225011	Kế toán tài chính doanh nghiệp 3	3	VT	
							225012	Kiểm toán	2	VT	
							225015	Nguyên lý thống kê	2	VT	
							225016	Phân tích hoạt động kinh doanh	3		
							225029	Thuế	2	VT	
							225050	Thị trường chứng khoán	2		
							225072	Chuyên đề kế toán thuế	1		
							225080	Kế toán tài chính doanh nghiệp 1	3	VT	
							225082	Tài chính doanh nghiệp	3	VT	
							225088	Nguyên lý kế toán	3	VT	
							225100	Khai báo thuế	2		
							225106	Hệ thống thông tin kế toán	2		
							225108	Kế toán quản trị	3		
							225109	Kế toán sổ	2	VT	
							225118	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Kế toán)	1	VT	
							225123	Thực tập tốt nghiệp (Kế toán)	5		
							226020	Pháp luật đại cương	2	4.7	
							229100	Tin học	2	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
62	2117100228	Phạm Quang	Huy	CCQ1710D	80	6.74	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
63	2117100237	Hoàng Thị	Lựu	CCQ1710D	80	6.60	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
64	2117100245	Võ Kiều	Oanh	CCQ1710D	36	4.45	03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223006	Chính trị 1	3	4.8	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
64	2117100245	Võ Kiều	Oanh	CCQ1710D	36	4.45	225004	Kế toán máy	3	2.4	
							225010	Kế toán tài chính doanh nghiệp 2	3	3.4	
							225011	Kế toán tài chính doanh nghiệp 3	3	3.8	
							225015	Nguyên lý thống kê	2	3.0	
							225029	Thuế	2	2.6	
							225050	Thị trường chứng khoán	2	3.0	
							225080	Kế toán tài chính doanh nghiệp 1	3	3.3	
							225082	Tài chính doanh nghiệp	3	4.4	
							225106	Hệ thống thông tin kế toán	2	3.0	
							225109	Kế toán sổ	2	3.8	
							225123	Thực tập tốt nghiệp (Kế toán)	5		
							226020	Pháp luật đại cương	2	4.6	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
65	2117100247	Phùng Thị	Phương	CCQ1710D	80	6.73	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
66	2117100250	Hồ Thị Kim	Quyên	CCQ1710D	80	6.34	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
67	2117100255	Trần Thị	Thảo	CCQ1710D	75	7.15	225123	Thực tập tốt nghiệp (Kế toán)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
68	2117100261	Nguyễn Anh	Thư	CCQ1710D	75	6.04	225123	Thực tập tốt nghiệp (Kế toán)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
69	2117100268	Nguyễn Thị Mộng	Tuyền	CCQ1710D	75	5.95	225123	Thực tập tốt nghiệp (Kế toán)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
70	2117100272	Bạch Thị	Yến	CCQ1710D	67	6.13	222034	Toán ứng dụng C	3	3.9	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
70	2117100272	Bạch Thị	Yến	CCQ1710D	67	6.13	224006	Anh văn chuyên ngành (Kế toán)	2	4.7	
							225108	Kế toán quản trị	3	4.2	
							225123	Thực tập tốt nghiệp (Kế toán)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
71	2117100276	Nguyễn Thị	Ánh	CCQ1710E	78	6.07	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
72	2117100282	Nguyễn Thị Diệu	Hà	CCQ1710E	57	6.52	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							225016	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	2.8	
							225050	Thị trường chứng khoán	2	VT	
							225106	Hệ thống thông tin kế toán	2	VT	
							225108	Kế toán quản trị	3		
							225118	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Kế toán)	1	VT	
							225123	Thực tập tốt nghiệp (Kế toán)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
73	2117100283	Trần Thị Hồng	Hạnh	CCQ1710E	56	5.60	03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	VT	
							225010	Kế toán tài chính doanh nghiệp 2	3	2.0	
							225050	Thị trường chứng khoán	2	3.2	
							225109	Kế toán sổ	2	3.1	
							225123	Thực tập tốt nghiệp (Kế toán)	5		
							229100	Tin học	2	4.4	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
73	2117100283	Trần Thị Hồng	Hạnh	CCQ1710E	56	5.60	234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
74	2117100291	Nguyễn Hà Thu	Hiền	CCQ1710E	35	4.14	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	4.6	
							224016	Anh văn 3	3	1.5	
							225004	Kế toán máy	3	VT	
							225010	Kế toán tài chính doanh nghiệp 2	3	3.4	
							225011	Kế toán tài chính doanh nghiệp 3	3	3.5	
							225015	Nguyên lý thống kê	2	2.8	
							225016	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	0.0	
							225029	Thuế	2	4.0	
							225072	Chuyên đề kế toán thuế	1	VT	
							225080	Kế toán tài chính doanh nghiệp 1	3	3.7	
							225100	Khai báo thuế	2		
							225106	Hệ thống thông tin kế toán	2	4.3	
							225108	Kế toán quản trị	3	2.6	
							225109	Kế toán sổ	2	3.0	
							225123	Thực tập tốt nghiệp (Kế toán)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
75	2117100296	Nguyễn Thị Thu	Hương	CCQ1710E	51	5.39	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	3.9	
							224006	Anh văn chuyên ngành (Kế toán)	2		
							225004	Kế toán máy	3	3.8	
							225011	Kế toán tài chính doanh nghiệp 3	3	2.0	
							225029	Thuế	2	4.0	
							225050	Thị trường chứng khoán	2	3.3	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
75	2117100296	Nguyễn Thị Thu	Hương	CCQ1710E	51	5.39	225109	Kế toán sổ	2	3.3	
							225123	Thực tập tốt nghiệp (Kế toán)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
76	2117100299	Trần Thị Mỹ	Linh	CCQ1710E	29	3.39	03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	3.4	
							223006	Chính trị 1	3	VT	
							223007	Chính trị 2	3	2.7	
							224003	Anh văn 1	3	VT	
							224016	Anh văn 3	3	VT	
							225010	Kế toán tài chính doanh nghiệp 2	3	3.5	
							225015	Nguyên lý thống kê	2	3.0	
							225016	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	VT	
							225050	Thị trường chứng khoán	2	3.6	
							225080	Kế toán tài chính doanh nghiệp 1	3	VT	
							225082	Tài chính doanh nghiệp	3	3.9	
							225100	Khai báo thuế	2	VT	
							225106	Hệ thống thông tin kế toán	2	VT	
							225109	Kế toán sổ	2	3.7	
							225123	Thực tập tốt nghiệp (Kế toán)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
77	2117100302	Nguyễn Thị Thu	Loan	CCQ1710E	37	3.40	03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	0.0	
							224006	Anh văn chuyên ngành (Kế toán)	2	0.0	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
77	2117100302	Nguyễn Thị Thu	Loan	CCQ1710E	37	3.40	224016	Anh văn 3	3	4.6	
							225004	Kế toán máy	3	VT	
							225011	Kế toán tài chính doanh nghiệp 3	3	0.0	
							225012	Kiểm toán	2	VT	
							225016	Phân tích hoạt động kinh doanh	3		
							225050	Thị trường chứng khoán	2	VT	
							225072	Chuyên đề kế toán thuế	1	VT	
							225106	Hệ thống thông tin kế toán	2	VT	
							225108	Kế toán quản trị	3	VT	
							225123	Thực tập tốt nghiệp (Kế toán)	5		
							229100	Tin học	2	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
78	2117100305	Nguyễn Thị Kiều	My	CCQ1710E	47	4.40	03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224006	Anh văn chuyên ngành (Kế toán)	2	3.4	
							225004	Kế toán máy	3	VT	
							225010	Kế toán tài chính doanh nghiệp 2	3	2.8	
							225012	Kiểm toán	2	3.6	
							225016	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	2.2	
							225050	Thị trường chứng khoán	2	VT	
							225072	Chuyên đề kế toán thuế	1	VT	
							225108	Kế toán quản trị	3	VT	
							225123	Thực tập tốt nghiệp (Kế toán)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
79	2117100310	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	CCQ1710E	29	3.94	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
79	2117100310	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	CCQ1710E	29	3.94	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	3.3	
							224003	Anh văn 1	3	4.3	
							224004	Anh văn 2	3	VT	
							224016	Anh văn 3	3		
							225004	Kế toán máy	3	VT	
							225010	Kế toán tài chính doanh nghiệp 2	3	3.4	
							225011	Kế toán tài chính doanh nghiệp 3	3	VT	
							225012	Kiểm toán	2		
							225016	Phân tích hoạt động kinh doanh	3		
							225050	Thị trường chứng khoán	2	VT	
							225072	Chuyên đề kế toán thuế	1		
							225082	Tài chính doanh nghiệp	3	3.8	
							225106	Hệ thống thông tin kế toán	2		
							225108	Kế toán quản trị	3	VT	
							225109	Kế toán sổ	2	3.1	
							225123	Thực tập tốt nghiệp (Kế toán)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
80	2117100312	Đồng Thị Minh	Nguyệt	CCQ1710E	56	5.30	03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							225004	Kế toán máy	3	3.8	
							225010	Kế toán tài chính doanh nghiệp 2	3	2.3	
							225050	Thị trường chứng khoán	2	3.8	
							225100	Khai báo thuế	2	4.1	
							225106	Hệ thống thông tin kế toán	2		
							225123	Thực tập tốt nghiệp (Kế toán)	5		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
80	2117100312	Đồng Thị Minh	Nguyệt	CCQ1710E	56	5.30	234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
81	2117100317	Phan Võ Hồng	Nhung	CCQ1710E	76	6.62	225029	Thuế	2		
							225100	Khai báo thuế	2	3.8	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
82	2117100318	Lê Thị Tuyết	Nhung	CCQ1710E	32	3.67	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	3.7	
							224004	Anh văn 2	3	VT	
							224016	Anh văn 3	3	VT	
							225004	Kế toán máy	3	VT	
							225010	Kế toán tài chính doanh nghiệp 2	3	4.3	
							225011	Kế toán tài chính doanh nghiệp 3	3	2.8	
							225016	Phân tích hoạt động kinh doanh	3		
							225050	Thị trường chứng khoán	2	VT	
							225082	Tài chính doanh nghiệp	3	4.6	
							225100	Khai báo thuế	2	VT	
							225106	Hệ thống thông tin kế toán	2		
							225109	Kế toán sổ	2	3.2	
							225123	Thực tập tốt nghiệp (Kế toán)	5		
							229100	Tin học	2	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
83	2117100321	Hồ Trần Nữ Nhã	Phương	CCQ1710E	54	5.19	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
83	2117100321	Hồ Trần Nữ Nhã	Phương	CCQ1710E	54	5.19	224016	Anh văn 3	3	VT	
							225004	Kế toán máy	3	VT	
							225011	Kế toán tài chính doanh nghiệp 3	3	3.6	
							225016	Phân tích hoạt động kinh doanh	3		
							225106	Hệ thống thông tin kế toán	2		
							225123	Thực tập tốt nghiệp (Kế toán)	5		
							229100	Tin học	2	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
84	2117100339	Bùi Thị Thu	Ý	CCQ1710E	67	5.62	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							225015	Nguyên lý thống kê	2	1.8	
							225082	Tài chính doanh nghiệp	3	3.3	
							225118	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Kế toán)	1	1.0	
							225123	Thực tập tốt nghiệp (Kế toán)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
85	2117100341	Trần Thị Kim	Anh	CCQ1710F	78	6.31	225100	Khai báo thuế	2		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
86	2117100342	Sin Quảng	Anh	CCQ1710F	69	5.89	222034	Toán ứng dụng C	3	VT	
							225016	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	4.6	
							225050	Thị trường chứng khoán	2	3.7	
							225108	Kế toán quản trị	3		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
87	2117100350	Đào Thị Thùy	Dung	CCQ1710F	75	6.03	225123	Thực tập tốt nghiệp (Kế toán)	5		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
87	2117100350	Đào Thị Thùy	Dung	CCQ1710F	75	6.03	234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
88	2117100354	Tạ Nữ Hồng	Hà	CCQ1710F	80	6.85	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
89	2117100355	Huỳnh Thị Cẩm	Hằng	CCQ1710F	77	6.35	225010	Kế toán tài chính doanh nghiệp 2	3	4.9	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
90	2117100360	Văn Thị	Hiếu	CCQ1710F	80	7.40	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
91	2117100361	Trần Thị	Hoa	CCQ1710F	73	6.82	225123	Thực tập tốt nghiệp (Kế toán)	5		
							229100	Tin học	2	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
92	2117100367	Phan Thị Ngọc	Huyền	CCQ1710F	57	5.53	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223007	Chính trị 2	3	4.3	
							224016	Anh văn 3	3	VT	
							225016	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	VT	
							225106	Hệ thống thông tin kế toán	2	VT	
							225108	Kế toán quản trị	3	VT	
							225123	Thực tập tốt nghiệp (Kế toán)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
93	2117100368	Lê Thị	Huyền	CCQ1710F	73	6.27	225050	Thị trường chứng khoán	2	4.2	
							225123	Thực tập tốt nghiệp (Kế toán)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
94	2117100371	Nguyễn Thị	Lan	CCQ1710F	77	6.14	225010	Kế toán tài chính doanh nghiệp 2	3	3.6	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
94	2117100371	Nguyễn Thị	Lan	CCQ1710F	77	6.14	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
95	2117100374	Trần Thị Thanh	Mai	CCQ1710F	21	3.98	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3		
							223006	Chính trị 1	3	4.4	
							224004	Anh văn 2	3	4.7	
							224006	Anh văn chuyên ngành (Kế toán)	2	VT	
							225004	Kế toán máy	3		
							225010	Kế toán tài chính doanh nghiệp 2	3	VT	
							225011	Kế toán tài chính doanh nghiệp 3	3	VT	
							225012	Kiểm toán	2		
							225016	Phân tích hoạt động kinh doanh	3		
							225029	Thuế	2	4.5	
							225050	Thị trường chứng khoán	2		
							225072	Chuyên đề kế toán thuế	1		
							225080	Kế toán tài chính doanh nghiệp 1	3	2.4	
							225100	Khai báo thuế	2		
							225106	Hệ thống thông tin kế toán	2		
							225108	Kế toán quản trị	3		
							225109	Kế toán sổ	2	VT	
							225118	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Kế toán)	1		
							225123	Thực tập tốt nghiệp (Kế toán)	5		
							229100	Tin học	2		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
95	2117100374	Trần Thị Thanh	Mai	CCQ1710F	21	3.98	R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
96	2117100377	Nguyễn Thị Hồng	Nga	CCQ1710F	80	6.77	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
97	2117100380	Trần Thị	Phước	CCQ1710F	70	6.03	03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							225082	Tài chính doanh nghiệp	3	4.4	
							225123	Thực tập tốt nghiệp (Kế toán)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
98	2117100386	Đàm Thị	Sương	CCQ1710F	77	6.90	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
99	2117100388	Nguyễn Thị Thu	Thảo	CCQ1710F	52	5.09	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224006	Anh văn chuyên ngành (Kế toán)	2	3.8	
							225004	Kế toán máy	3	3.8	
							225010	Kế toán tài chính doanh nghiệp 2	3	3.6	
							225050	Thị trường chứng khoán	2	3.6	
							225082	Tài chính doanh nghiệp	3	4.0	
							225108	Kế toán quản trị	3	3.8	
							225109	Kế toán sổ	2	3.3	
							225123	Thực tập tốt nghiệp (Kế toán)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
100	2117100394	Nguyễn Thị Thu	Thủy	CCQ1710F	68	5.77	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							225010	Kế toán tài chính doanh nghiệp 2	3	4.3	
							225106	Hệ thống thông tin kế toán	2	VT	
							225123	Thực tập tốt nghiệp (Kế toán)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
101	2117100396	Nguyễn Thị Huyền Trân	CCQ1710F	17	3.64	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222034	Toán ứng dụng C	3	VT	
						223007	Chính trị 2	3	3.9	
						224003	Anh văn 1	3	4.6	
						224006	Anh văn chuyên ngành (Kế toán)	2		
						224016	Anh văn 3	3		
						225004	Kế toán máy	3		
						225010	Kế toán tài chính doanh nghiệp 2	3	VT	
						225011	Kế toán tài chính doanh nghiệp 3	3		
						225015	Nguyên lý thống kê	2	2.8	
						225016	Phân tích hoạt động kinh doanh	3		
						225029	Thuế	2	0.6	
						225072	Chuyên đề kế toán thuế	1		
						225080	Kế toán tài chính doanh nghiệp 1	3	3.6	
						225088	Nguyên lý kế toán	3	4.3	
						225100	Khai báo thuế	2		
						225106	Hệ thống thông tin kế toán	2		
						225108	Kế toán quản trị	3		
						225109	Kế toán sổ	2	2.8	
						225118	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Kế toán)	1		
						225123	Thực tập tốt nghiệp (Kế toán)	5		
						229100	Tin học	2		
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
102	2117100398	Võ Thái Minh Tuyền	CCQ1710F	35	4.11	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222034	Toán ứng dụng C	3	4.2	
						225004	Kế toán máy	3	VT	
						225010	Kế toán tài chính doanh nghiệp 2	3	3.4	
						225011	Kế toán tài chính doanh nghiệp 3	3	3.9	
						225012	Kiểm toán	2	3.6	
						225029	Thuế	2	4.4	
						225050	Thị trường chứng khoán	2	VT	
						225072	Chuyên đề kế toán thuế	1		
						225100	Khai báo thuế	2	4.1	
						225106	Hệ thống thông tin kế toán	2		
						225108	Kế toán quản trị	3		
						225109	Kế toán sổ	2	3.6	
						225118	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Kế toán)	1	VT	
						225123	Thực tập tốt nghiệp (Kế toán)	5		
						229100	Tin học	2	VT	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
103	2117110047	Nguyễn Thế Tâm	CCQ1710F	75	7.34	225123	Thực tập tốt nghiệp (Kế toán)	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	4 TC (Min)	4
0101 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		234006 Bóng đá 1	2							
		234007 Bóng rổ 1	2							
		234008 Cầu lông 1	2							
		234009 Aerobic 1	2							
		234010 Bóng đá 2	2							
		234011 Bóng rổ 2	2							
		234013 Cầu lông 2	2							
		234014 Aerobic 2	2							
Nhóm TC 02 :		4 TC (Min)	4							
0202 .		234002 Bóng chuyền 1	2							
		234003 Bóng chuyền 2	2							
0203 .		234006 Bóng đá 1	2							
		234010 Bóng đá 2	2							
0204 .		234007 Bóng rổ 1	2							
		234011 Bóng rổ 2	2							
0205 .		234008 Cầu lông 1	2							
		234013 Cầu lông 2	2							
0206 .		234009 Aerobic 1	2							
		234014 Aerobic 2	2							
Nhóm TC 03 :		2 TC (Min)	2							
0301 .		226018 Nghệ thuật lãnh đạo	2							
		226021 Pháp luật kinh tế	2							
		226035 Soạn thảo văn bản	2							
		229030 Tin học văn phòng	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		225003 Kế toán hành chính sự nghiệp	2							
		225025 Thanh toán quốc tế	2							
		225107 Kế toán ngân hàng	2							
		225110 Kế toán tài chính nâng cao	2							
		225125 Kế toán doanh nghiệp xây dựng	2							

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		226016 Marketing căn bản	2							
Nhóm TC 05 :		5 TC (Min)	5							
0501 .		225037 Khóa luận tốt nghiệp (Kế toán)	5							
		225045 Thực hành sổ sách kế toán	3							
		225119 Thực hành kế toán trên phần mềm	2							
Nhóm TC 06 :		3 TC (Min)	3							
0601 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
Phòng Quản Lý Đào Tạo
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2017 - Tin (TN211711)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **90**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2117110002	Trịnh Châu Thế Anh	CCQ1711A	55	5.04	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	4.0	
						229008	Cơ sở dữ liệu	3	4.1	
						229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1	VT	
						229019	Lập trình hướng đối tượng	2	4.0	
						229021	Lập trình web	3	VT	
						229031	Trí tuệ nhân tạo	3	1.8	
						229038	Nhập môn lập trình	3	3.5	
						229086	Cấu trúc rời rạc	2	3.3	
						229090	Chuyên đề thực tập 1	1		
						229104	Kỹ thuật lập trình	2	3.9	
						229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
2	2117110004	Nguyễn Thế Bảo	CCQ1711A	15	2.88	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
2	2117110004	Nguyễn Thế Bảo	CCQ1711A	15	2.88	09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						10	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222003	Đại số tuyến tính	2		
						223006	Chính trị 1	3	VT	
						223007	Chính trị 2	3	4.6	
						224003	Anh văn 1	3	4.3	
						224004	Anh văn 2	3		
						224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3		
						224016	Anh văn 3	3		
						226020	Pháp luật đại cương	2		
						229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	VT	
						229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1		
						229014	Hệ điều hành	2	4.3	
						229019	Lập trình hướng đối tượng	2		
						229021	Lập trình web	3	VT	
						229022	Mạng máy tính	2	4.3	
						229025	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin (UML)	3		
						229031	Trí tuệ nhân tạo	3		
						229038	Nhập môn lập trình	3	2.3	
						229042	Lập trình Windows (C#)	3		
						229055	Phần mềm xử lý ảnh (Photoshop)	2	3.6	
						229090	Chuyên đề thực tập 1	1		
						229098	Hệ quản trị SQL Server	2	VT	
						229102	Kiểm thử phần mềm cơ bản	2	VT	
						229104	Kỹ thuật lập trình	2	VT	
						229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
3	2117110006	Nguyễn Mậu Cường	CCQ1711A	77	5.56	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
3	2117110006	Nguyễn Mậu	Cường	CCQ1711A	77	5.56	03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1	VT	
							229019	Lập trình hướng đối tượng	2	VT	
							229021	Lập trình web	3	VT	
							229031	Trí tuệ nhân tạo	3	3.3	
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
4	2117110007	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	CCQ1711A	73	5.97	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	4.1	
							229038	Nhập môn lập trình	3	4.1	
							229098	Hệ quản trị SQL Server	2	4.0	
							229104	Kỹ thuật lập trình	2	4.3	
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
5	2117110011	Trần Thành	Đạt	CCQ1711A	88	6.98	229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
6	2117110012	Trịnh Tiến	Đạt	CCQ1711A	44	4.20	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							10	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222003	Đại số tuyến tính	2	3.4	
							224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3		
							229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	VT	
							229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1		
							229019	Lập trình hướng đối tượng	2		
							229021	Lập trình web	3	VT	
							229025	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin (UML)	3		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
6	2117110012	Trịnh Tiến Đạt	CCQ1711A	44	4.20	229031	Trí tuệ nhân tạo	3	VT	
						229038	Nhập môn lập trình	3	2.6	
						229042	Lập trình Windows (C#)	3		
						229090	Chuyên đề thực tập 1	1		
						229098	Hệ quản trị SQL Server	2	VT	
						229104	Kỹ thuật lập trình	2	VT	
						229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
7	2117110013	Nguyễn Trí Hải	CCQ1711A	11	1.74	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						10	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222003	Đại số tuyến tính	2		
						223006	Chính trị 1	3	VT	
						223007	Chính trị 2	3	VT	
						224003	Anh văn 1	3	VT	
						224004	Anh văn 2	3		
						224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3		
						224016	Anh văn 3	3		
						226020	Pháp luật đại cương	2		
						229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3		
						229005	Kiến trúc máy tính	2	VT	
						229008	Cơ sở dữ liệu	3	VT	
						229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
7	2117110013	Nguyễn Trí Hải	CCQ1711A	11	1.74	229014	Hệ điều hành	2	VT	
						229019	Lập trình hướng đối tượng	2		
						229021	Lập trình web	3	VT	
						229022	Mạng máy tính	2	4.2	
						229025	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin (UML)	3		
						229031	Trí tuệ nhân tạo	3		
						229042	Lập trình Windows (C#)	3		
						229086	Cấu trúc rời rạc	2	3.1	
						229090	Chuyên đề thực tập 1	1		
						229098	Hệ quản trị SQL Server	2	VT	
						229102	Kiểm thử phần mềm cơ bản	2	VT	
						229104	Kỹ thuật lập trình	2	VT	
						229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
8	2117110015	Đỗ Đức Hòa	CCQ1711A	74	5.65	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						229031	Trí tuệ nhân tạo	3	3.1	
						229038	Nhập môn lập trình	3	2.8	
						229042	Lập trình Windows (C#)	3	4.5	
						229090	Chuyên đề thực tập 1	1	3.0	
						229102	Kiểm thử phần mềm cơ bản	2		
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
9	2117110016	Lữ Đăng Hoàng	CCQ1711A	41	4.13	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						10	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
9	2117110016	Lữ Đăng Hoàng	CCQ1711A	41	4.13	229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	4.6	
						229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1		
						229019	Lập trình hướng đối tượng	2		
						229021	Lập trình web	3		
						229025	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin (UML)	3		
						229031	Trí tuệ nhân tạo	3	2.7	
						229038	Nhập môn lập trình	3	2.9	
						229042	Lập trình Windows (C#)	3		
						229090	Chuyên đề thực tập 1	1		
						229098	Hệ quản trị SQL Server	2	VT	
						229102	Kiểm thử phần mềm cơ bản	2		
						229104	Kỹ thuật lập trình	2	VT	
						229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
						229121	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Tin)	1	0.0	
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
10	2117110017	Ngô Văn Hoàng	CCQ1711A	78	6.06	222033	Toán ứng dụng A	3	4.7	
						224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3		
						224016	Anh văn 3	3		
						229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1	VT	
						229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
11	2117110018	Nguyễn Phúc Huy	CCQ1711A	48	4.76	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						10	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222003	Đại số tuyến tính	2		
						222033	Toán ứng dụng A	3	3.4	
						224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
11	2117110018	Nguyễn Phúc Huy	CCQ1711A	48	4.76	224016	Anh văn 3	3		
						226020	Pháp luật đại cương	2		
						229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	3.7	
						229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1		
						229021	Lập trình web	3	VT	
						229031	Trí tuệ nhân tạo	3	VT	
						229042	Lập trình Windows (C#)	3	3.5	
						229098	Hệ quản trị SQL Server	2	3.3	
						229102	Kiểm thử phần mềm cơ bản	2		
						229104	Kỹ thuật lập trình	2	4.3	
						229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
						229121	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Tin)	1	0.0	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
12	2117110022	Phan Khắc Hưng	CCQ1711A	7	1.77	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						10	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222003	Đại số tuyến tính	2	VT	
						222033	Toán ứng dụng A	3	3.4	
						223007	Chính trị 2	3	3.4	
						224003	Anh văn 1	3	VT	
						224004	Anh văn 2	3		
						224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3		
						224016	Anh văn 3	3		
						226020	Pháp luật đại cương	2		
						229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
12	2117110022	Phan Khắc Hưng	CCQ1711A	7	1.77	229008	Cơ sở dữ liệu	3	VT	
						229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1		
						229014	Hệ điều hành	2	2.2	
						229019	Lập trình hướng đối tượng	2	VT	
						229021	Lập trình web	3	VT	
						229022	Mạng máy tính	2	VT	
						229025	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin (UML)	3		
						229031	Trí tuệ nhân tạo	3		
						229038	Nhập môn lập trình	3	2.6	
						229042	Lập trình Windows (C#)	3		
						229055	Phần mềm xử lý ảnh (Photoshop)	2	2.5	
						229086	Cấu trúc rời rạc	2	1.2	
						229090	Chuyên đề thực tập 1	1		
						229098	Hệ quản trị SQL Server	2	1.2	
						229102	Kiểm thử phần mềm cơ bản	2		
						229104	Kỹ thuật lập trình	2	2.2	
						229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
						229121	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Tin)	1	VT	
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
13	2117110023	Nguyễn Minh Hy	CCQ1711A	32	4.34	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						10	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222033	Toán ứng dụng A	3	4.1	
						223006	Chính trị 1	3	4.2	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
13	2117110023	Nguyễn Minh	Hy	CCQ1711A	32	4.34	224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3		
							226020	Pháp luật đại cương	2		
							229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	2.3	
							229005	Kiến trúc máy tính	2	4.3	
							229008	Cơ sở dữ liệu	3	1.9	
							229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1	VT	
							229019	Lập trình hướng đối tượng	2	4.1	
							229021	Lập trình web	3	VT	
							229031	Trí tuệ nhân tạo	3	VT	
							229038	Nhập môn lập trình	3	2.5	
							229042	Lập trình Windows (C#)	3	4.8	
							229086	Cấu trúc rời rạc	2	4.3	
							229102	Kiểm thử phần mềm cơ bản	2		
							229104	Kỹ thuật lập trình	2	4.5	
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							229121	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Tin)	1	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
14	2117110025	Doãn Quốc Sĩ	Khang	CCQ1711A	56	4.95	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223007	Chính trị 2	3	4.3	
							224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3		
							226020	Pháp luật đại cương	2	VT	
							229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1	0.0	
							229021	Lập trình web	3		
							229042	Lập trình Windows (C#)	3	4.5	
							229090	Chuyên đề thực tập 1	1	VT	
							229098	Hệ quản trị SQL Server	2	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
14	2117110025	Doãn Quốc Sĩ	Khang	CCQ1711A	56	4.95	229102	Kiểm thử phần mềm cơ bản	2	VT	
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
15	2117110027	Võ Huy	Khánh	CCQ1711A	88	6.89	229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
16	2117110028	Lưu Văn	Khén	CCQ1711A	64	5.51	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							10	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	2.4	
							229031	Trí tuệ nhân tạo	3	3.2	
							229038	Nhập môn lập trình	3	4.4	
							229055	Phần mềm xử lý ảnh (Photoshop)	2	2.2	
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
17	2117110029	Lê Gia	Lai	CCQ1711A	87	6.17	229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
18	2117110030	Huỳnh Bùi Hoài	Linh	CCQ1711A	38	3.99	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							10	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224004	Anh văn 2	3		
							224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3	VT	
							224016	Anh văn 3	3		
							229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	3.7	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
18	2117110030	Huỳnh Bùi Hoài Linh	CCQ1711A	38	3.99	229008	Cơ sở dữ liệu	3	2.0	
						229019	Lập trình hướng đối tượng	2	3.6	
						229021	Lập trình web	3	VT	
						229031	Trí tuệ nhân tạo	3	VT	
						229038	Nhập môn lập trình	3	1.6	
						229042	Lập trình Windows (C#)	3	VT	
						229090	Chuyên đề thực tập 1	1	VT	
						229098	Hệ quản trị SQL Server	2	2.8	
						229102	Kiểm thử phần mềm cơ bản	2		
						229104	Kỹ thuật lập trình	2	VT	
						229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
19	2117110034	Trần Quốc Lợi	CCQ1711A	65	5.25	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						10	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3		
						229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1	VT	
						229021	Lập trình web	3	VT	
						229031	Trí tuệ nhân tạo	3	VT	
						229042	Lập trình Windows (C#)	3		
						229090	Chuyên đề thực tập 1	1		
						229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
						229121	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Tin)	1		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
20	2117110036	Lê Thị Huỳnh Nga	CCQ1711A	80	5.82	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						229038	Nhập môn lập trình	3	2.1	
						229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
20	2117110036	Lê Thị Huỳnh	Nga	CCQ1711A	80	5.82	234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
21	2117110037	Nguyễn Văn	Nghiệp	CCQ1711A	84	6.61	229042	Lập trình Windows (C#)	3	VT	
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
22	2117110040	Hồ Minh	Nhựt	CCQ1711A	88	6.46	229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
23	2117110041	Trần Đức	Phong	CCQ1711A	10	2.13	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							10	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222003	Đại số tuyến tính	2		
							222033	Toán ứng dụng A	3	VT	
							223006	Chính trị 1	3	4.1	
							223007	Chính trị 2	3	VT	
							224003	Anh văn 1	3		
							224004	Anh văn 2	3		
							224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3		
							224016	Anh văn 3	3		
							226020	Pháp luật đại cương	2		
							229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3		
							229008	Cơ sở dữ liệu	3	3.1	
							229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1		
							229014	Hệ điều hành	2	VT	
							229019	Lập trình hướng đối tượng	2		
							229021	Lập trình web	3		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
23	2117110041	Trần Đức Phong	CCQ1711A	10	2.13	229025	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin (UML)	3		
						229031	Trí tuệ nhân tạo	3	VT	
						229038	Nhập môn lập trình	3	2.1	
						229042	Lập trình Windows (C#)	3		
						229086	Cấu trúc rời rạc	2	2.5	
						229090	Chuyên đề thực tập 1	1		
						229098	Hệ quản trị SQL Server	2	VT	
						229102	Kiểm thử phần mềm cơ bản	2		
						229104	Kỹ thuật lập trình	2	VT	
						229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
						229121	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Tin)	1		
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
24	2117110042	Trần Thanh Phú	CCQ1711A	10	0.91	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						10	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222003	Đại số tuyến tính	2		
						223006	Chính trị 1	3	VT	
						224003	Anh văn 1	3	VT	
						224004	Anh văn 2	3		
						224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3		
						224016	Anh văn 3	3		
						229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	VT	
						229005	Kiến trúc máy tính	2	VT	
						229008	Cơ sở dữ liệu	3	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
24	2117110042	Trần Thanh Phú	CCQ1711A	10	0.91	229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1		
						229014	Hệ điều hành	2	VT	
						229019	Lập trình hướng đối tượng	2	VT	
						229021	Lập trình web	3	VT	
						229022	Mạng máy tính	2	VT	
						229025	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin (UML)	3	VT	
						229031	Trí tuệ nhân tạo	3	VT	
						229038	Nhập môn lập trình	3	0.7	
						229042	Lập trình Windows (C#)	3	VT	
						229055	Phần mềm xử lý ảnh (Photoshop)	2	VT	
						229086	Cấu trúc rời rạc	2	VT	
						229090	Chuyên đề thực tập 1	1	VT	
						229098	Hệ quản trị SQL Server	2	VT	
						229100	Tin học	2	VT	
						229102	Kiểm thử phần mềm cơ bản	2	VT	
						229104	Kỹ thuật lập trình	2	VT	
						229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
						229121	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Tin)	1	0.0	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
25	2117110045	Bùi Văn Sơn	CCQ1711A	84	6.06	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						229021	Lập trình web	3	3.7	
						229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
26	2117110048	Nguyễn Văn Tân	CCQ1711A	88	6.71	229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
27	2117110049	Đặng Duy Thạch	CCQ1711A	75	5.77	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						229025	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin (UML)	3		
						229038	Nhập môn lập trình	3	2.7	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
27	2117110049	Đặng Duy	Thạch	CCQ1711A	75	5.77	229042	Lập trình Windows (C#)	3	4.8	
							229102	Kiểm thử phần mềm cơ bản	2	4.6	
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
28	2117110051	Lê Huỳnh Ngọc	Thân	CCQ1711A	74	5.77	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222003	Đại số tuyến tính	2	4.1	
							224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3		
							229008	Cơ sở dữ liệu	3	VT	
							229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1		
							229031	Trí tuệ nhân tạo	3	3.7	
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
29	2117110052	Quảng Đình	Thiện	CCQ1711A	86	6.59	229098	Hệ quản trị SQL Server	2	4.1	
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
30	2117110053	Đỗ Hoàng	Thiện	CCQ1711A	56	5.69	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							10	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3		
							224016	Anh văn 3	3	VT	
							229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1	3.0	
							229025	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin (UML)	3	VT	
							229042	Lập trình Windows (C#)	3		
							229090	Chuyên đề thực tập 1	1		
							229102	Kiểm thử phần mềm cơ bản	2		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
30	2117110053	Đỗ Hoàng	Thiện	CCQ1711A	56	5.69	229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							229121	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Tin)	1		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
31	2117110054	Phan Văn Tấn	Thiện	CCQ1711A	54	5.32	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							10	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222003	Đại số tuyến tính	2	VT	
							229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	3.6	
							229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1	2.0	
							229025	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin (UML)	3		
							229031	Trí tuệ nhân tạo	3		
							229038	Nhập môn lập trình	3	4.4	
							229042	Lập trình Windows (C#)	3		
							229090	Chuyên đề thực tập 1	1		
							229098	Hệ quản trị SQL Server	2	4.6	
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							229121	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Tin)	1	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
32	2117110055	Phan Đỗ Tuấn	Thịnh	CCQ1711A	87	7.02	229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
33	2117110056	Mai Quang	Thụ	CCQ1711A	64	5.35	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222003	Đại số tuyến tính	2		
							224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
33	2117110056	Mai Quang	Thụ	CCQ1711A	64	5.35	229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1	VT	
							229019	Lập trình hướng đối tượng	2	VT	
							229038	Nhập môn lập trình	3	1.6	
							229042	Lập trình Windows (C#)	3		
							229090	Chuyên đề thực tập 1	1		
							229098	Hệ quản trị SQL Server	2	4.6	
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
34	2117110057	Lê Thị Kim	Thư	CCQ1711A	64	5.80	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3	4.7	
							229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	4.1	
							229019	Lập trình hướng đối tượng	2	4.8	
							229031	Trí tuệ nhân tạo	3	4.2	
							229042	Lập trình Windows (C#)	3	2.9	
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
35	2117110058	Hà Thanh	Tiến	CCQ1711A	73	5.62	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3		
							229021	Lập trình web	3	3.6	
							229038	Nhập môn lập trình	3	2.9	
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
36	2117110060	Nguyễn Hoàng	Tú	CCQ1711A	17	2.59	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
36	2117110060	Nguyễn Hoàng Tú	CCQ1711A	17	2.59	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						10	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222003	Đại số tuyến tính	2		
						222033	Toán ứng dụng A	3	3.9	
						223006	Chính trị 1	3	VT	
						223007	Chính trị 2	3		
						224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3		
						226020	Pháp luật đại cương	2		
						229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	VT	
						229005	Kiến trúc máy tính	2	VT	
						229008	Cơ sở dữ liệu	3	3.2	
						229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1	VT	
						229014	Hệ điều hành	2	VT	
						229019	Lập trình hướng đối tượng	2	VT	
						229021	Lập trình web	3	VT	
						229022	Mạng máy tính	2	VT	
						229025	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin (UML)	3		
						229031	Trí tuệ nhân tạo	3	VT	
						229042	Lập trình Windows (C#)	3		
						229055	Phần mềm xử lý ảnh (Photoshop)	2	VT	
						229090	Chuyên đề thực tập 1	1		
						229098	Hệ quản trị SQL Server	2		
						229102	Kiểm thử phần mềm cơ bản	2		
						229104	Kỹ thuật lập trình	2	VT	
						229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
37	2117110061	Lê Tuấn	CCQ1711A	46	3.88	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222003	Đại số tuyến tính	2	VT	
						224003	Anh văn 1	3	0.6	
						224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3		
						229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	4.4	
						229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1	2.0	
						229014	Hệ điều hành	2		
						229019	Lập trình hướng đối tượng	2	4.8	
						229021	Lập trình web	3	VT	
						229025	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin (UML)	3		
						229042	Lập trình Windows (C#)	3	VT	
						229098	Hệ quản trị SQL Server	2	2.8	
						229102	Kiểm thử phần mềm cơ bản	2	VT	
						229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
38	2117110062	Trần Thanh Tuấn	CCQ1711A	70	5.51	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	4.2	
						229031	Trí tuệ nhân tạo	3	2.2	
						229042	Lập trình Windows (C#)	3	4.1	
						229090	Chuyên đề thực tập 1	1		
						229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
39	2117110065	Nguyễn Thị Hồng	Uyên	CCQ1711A	82	5.94	229008	Cơ sở dữ liệu	3	4.6	
							229038	Nhập môn lập trình	3	3.7	
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4	3.0	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
40	2117110066	Đỗ Đình	Vân	CCQ1711A	82	5.99	229021	Lập trình web	3	4.4	
							229038	Nhập môn lập trình	3	1.6	
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
41	2117110069	Nguyễn Thị Cẩm	Vy	CCQ1711A	58	4.92	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							10	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224016	Anh văn 3	3	VT	
							229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1	VT	
							229019	Lập trình hướng đối tượng	2	VT	
							229031	Trí tuệ nhân tạo	3	VT	
							229038	Nhập môn lập trình	3	2.9	
							229042	Lập trình Windows (C#)	3		
							229090	Chuyên đề thực tập 1	1		
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
42	2117110073	Đặng Thế	Bảo	CCQ1711B	23	2.87	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							10	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222003	Đại số tuyến tính	2		
							222033	Toán ứng dụng A	3	2.2	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
42	2117110073	Đặng Thế	Bảo	CCQ1711B	23	2.87	224003	Anh văn 1	3	2.0	
							224004	Anh văn 2	3		
							224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3	VT	
							224016	Anh văn 3	3	VT	
							229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3		
							229005	Kiến trúc máy tính	2	4.6	
							229008	Cơ sở dữ liệu	3	VT	
							229019	Lập trình hướng đối tượng	2	3.7	
							229021	Lập trình web	3	VT	
							229022	Mạng máy tính	2	4.2	
							229025	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin (UML)	3	VT	
							229031	Trí tuệ nhân tạo	3	VT	
							229038	Nhập môn lập trình	3	2.1	
							229042	Lập trình Windows (C#)	3		
							229086	Cấu trúc rời rạc	2	1.2	
							229090	Chuyên đề thực tập 1	1	VT	
							229098	Hệ quản trị SQL Server	2	VT	
							229102	Kiểm thử phần mềm cơ bản	2	VT	
							229104	Kỹ thuật lập trình	2	VT	
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
43	2117110078	Lê Thị Ngọc	Dung	CCQ1711B	92	6.67	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
44	2117110081	Phạm Tiến	Đạt	CCQ1711B	32	3.57	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
44	2117110081	Phạm Tiến Đạt	CCQ1711B	32	3.57	10	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222003	Đại số tuyến tính	2		
						222033	Toán ứng dụng A	3	VT	
						223006	Chính trị 1	3		
						223007	Chính trị 2	3		
						224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3		
						226020	Pháp luật đại cương	2		
						229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	VT	
						229005	Kiến trúc máy tính	2	VT	
						229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1	VT	
						229014	Hệ điều hành	2	VT	
						229019	Lập trình hướng đối tượng	2	VT	
						229022	Mạng máy tính	2	VT	
						229031	Trí tuệ nhân tạo	3	VT	
						229042	Lập trình Windows (C#)	3	VT	
						229086	Cấu trúc rời rạc	2	1.2	
						229090	Chuyên đề thực tập 1	1		
						229102	Kiểm thử phần mềm cơ bản	2		
						229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
45	2117110082	Lê Hà Hải Đăng	CCQ1711B	16	2.50	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						10	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222003	Đại số tuyến tính	2		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
45	2117110082	Lê Hà Hải Đăng	CCQ1711B	16	2.50	222033	Toán ứng dụng A	3	VT	
						223006	Chính trị 1	3	VT	
						223007	Chính trị 2	3		
						224016	Anh văn 3	3	VT	
						226020	Pháp luật đại cương	2		
						229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	VT	
						229008	Cơ sở dữ liệu	3	VT	
						229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1		
						229014	Hệ điều hành	2	VT	
						229019	Lập trình hướng đối tượng	2	VT	
						229021	Lập trình web	3	VT	
						229022	Mạng máy tính	2		
						229025	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin (UML)	3		
						229031	Trí tuệ nhân tạo	3		
						229042	Lập trình Windows (C#)	3		
						229055	Phần mềm xử lý ảnh (Photoshop)	2	VT	
						229086	Cấu trúc rời rạc	2	VT	
						229090	Chuyên đề thực tập 1	1		
						229098	Hệ quản trị SQL Server	2		
						229102	Kiểm thử phần mềm cơ bản	2		
						229104	Kỹ thuật lập trình	2	3.0	
						229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
						229121	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Tin)	1	VT	
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
46	2117110085	Hoàng Kim Gia	CCQ1711B	67	5.88	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222003	Đại số tuyến tính	2	3.8	
						229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	4.0	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
46	2117110085	Hoàng Kim Gia	CCQ1711B	67	5.88	229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1	VT	
						229025	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin (UML)	3	4.8	
						229031	Trí tuệ nhân tạo	3		
						229042	Lập trình Windows (C#)	3		
						229090	Chuyên đề thực tập 1	1		
						229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
						229121	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Tin)	1	VT	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
47	2117110088	Trương Đức Hiền	CCQ1711B	92	7.19	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
48	2117110089	Trần Thanh Hiếu	CCQ1711B	49	3.80	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222003	Đại số tuyến tính	2	VT	
						224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3	VT	
						226020	Pháp luật đại cương	2	VT	
						229005	Kiến trúc máy tính	2	4.5	
						229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1	VT	
						229021	Lập trình web	3	VT	
						229031	Trí tuệ nhân tạo	3	4.4	
						229042	Lập trình Windows (C#)	3	VT	
						229086	Cấu trúc rời rạc	2	4.5	
						229098	Hệ quản trị SQL Server	2	2.6	
						229102	Kiểm thử phần mềm cơ bản	2	VT	
						229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
49	2117110090	Phạm Trung Hiếu	CCQ1711B	83	5.69	229019	Lập trình hướng đối tượng	2	4.8	
						229031	Trí tuệ nhân tạo	3	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
49	2117110090	Phạm Trung	Hiếu	CCQ1711B	83	5.69	229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4	3.0	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
50	2117110096	Thái Văn	Khương	CCQ1711B	30	2.93	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							10	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222003	Đại số tuyến tính	2	4.4	
							224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3	VT	
							226020	Pháp luật đại cương	2	VT	
							229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	VT	
							229005	Kiến trúc máy tính	2	VT	
							229008	Cơ sở dữ liệu	3	3.9	
							229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1	VT	
							229021	Lập trình web	3	VT	
							229025	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin (UML)	3	VT	
							229031	Trí tuệ nhân tạo	3	VT	
							229038	Nhập môn lập trình	3	2.6	
							229042	Lập trình Windows (C#)	3		
							229086	Cấu trúc rời rạc	2	1.1	
							229090	Chuyên đề thực tập 1	1	VT	
							229098	Hệ quản trị SQL Server	2	VT	
							229102	Kiểm thử phần mềm cơ bản	2		
							229104	Kỹ thuật lập trình	2	1.9	
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							229121	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Tin)	1	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
51	2117110101	Huỳnh Thanh Lộc	CCQ1711B	43	3.84	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						10	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222003	Đại số tuyến tính	2	VT	
						224016	Anh văn 3	3		
						226020	Pháp luật đại cương	2		
						229008	Cơ sở dữ liệu	3	4.2	
						229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1		
						229021	Lập trình web	3	VT	
						229025	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin (UML)	3	VT	
						229031	Trí tuệ nhân tạo	3	VT	
						229042	Lập trình Windows (C#)	3	VT	
						229090	Chuyên đề thực tập 1	1		
						229098	Hệ quản trị SQL Server	2	4.4	
						229102	Kiểm thử phần mềm cơ bản	2	VT	
						229104	Kỹ thuật lập trình	2	4.4	
						229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
						229121	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Tin)	1	2.0	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
52	2117110103	Đỗ Hoài Nam	CCQ1711B	60	5.71	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222003	Đại số tuyến tính	2		
						222033	Toán ứng dụng A	3	2.7	
						224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3		
						226020	Pháp luật đại cương	2	VT	
						229005	Kiến trúc máy tính	2	4.5	
						229031	Trí tuệ nhân tạo	3	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
52	2117110103	Đỗ Hoài	Nam	CCQ1711B	60	5.71	229042	Lập trình Windows (C#)	3	VT	
							229086	Cấu trúc rời rạc	2	3.4	
							229090	Chuyên đề thực tập 1	1	VT	
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
53	2117110105	Nguyễn Xuân	Nghĩa	CCQ1711B	56	5.14	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							10	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3	VT	
							229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	VT	
							229019	Lập trình hướng đối tượng	2	VT	
							229021	Lập trình web	3	VT	
							229022	Mạng máy tính	2	4.9	
							229042	Lập trình Windows (C#)	3		
							229098	Hệ quản trị SQL Server	2	4.4	
							229102	Kiểm thử phần mềm cơ bản	2		
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
54	2117110106	Nguyễn Lê Tài	Nguyên	CCQ1711B	22	3.11	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222003	Đại số tuyến tính	2		
							222033	Toán ứng dụng A	3	2.1	
							224003	Anh văn 1	3	4.4	
							224004	Anh văn 2	3		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
54	2117110106	Nguyễn Lê Tài Nguyên	CCQ1711B	22	3.11	224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3		
						224016	Anh văn 3	3		
						226020	Pháp luật đại cương	2		
						229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	VT	
						229005	Kiến trúc máy tính	2	VT	
						229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1		
						229014	Hệ điều hành	2	VT	
						229021	Lập trình web	3	VT	
						229025	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin (UML)	3		
						229031	Trí tuệ nhân tạo	3	2.2	
						229038	Nhập môn lập trình	3	2.4	
						229042	Lập trình Windows (C#)	3	VT	
						229055	Phần mềm xử lý ảnh (Photoshop)	2	VT	
						229086	Cấu trúc rời rạc	2	2.8	
						229090	Chuyên đề thực tập 1	1	3.0	
						229098	Hệ quản trị SQL Server	2	4.4	
						229102	Kiểm thử phần mềm cơ bản	2		
						229104	Kỹ thuật lập trình	2	VT	
						229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
55	2117110108	Lê Hoàng Nhật	CCQ1711B	32	2.45	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						10	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222003	Đại số tuyến tính	2		
						223006	Chính trị 1	3	3.6	
						223007	Chính trị 2	3	VT	
						224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3		
						224016	Anh văn 3	3	0.0	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
55	2117110108	Lê Hoàng Nhật	CCQ1711B	32	2.45	226020	Pháp luật đại cương	2		
						229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	VT	
						229008	Cơ sở dữ liệu	3	4.2	
						229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1	VT	
						229014	Hệ điều hành	2	VT	
						229021	Lập trình web	3	VT	
						229022	Mạng máy tính	2	VT	
						229025	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin (UML)	3	VT	
						229031	Trí tuệ nhân tạo	3	0.9	
						229042	Lập trình Windows (C#)	3	VT	
						229090	Chuyên đề thực tập 1	1	VT	
						229098	Hệ quản trị SQL Server	2	VT	
						229102	Kiểm thử phần mềm cơ bản	2	VT	
						229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
56	2117110113	Trần Văn Phong	CCQ1711B	26	2.89	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222033	Toán ứng dụng A	3	2.7	
						223007	Chính trị 2	3	VT	
						224004	Anh văn 2	3	VT	
						224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3		
						224016	Anh văn 3	3	VT	
						226020	Pháp luật đại cương	2	VT	
						229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	VT	
						229005	Kiến trúc máy tính	2		
						229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
56	2117110113	Trần Văn Phong	CCQ1711B	26	2.89	229014	Hệ điều hành	2	4.7	
						229019	Lập trình hướng đối tượng	2		
						229021	Lập trình web	3	VT	
						229022	Mạng máy tính	2	4.7	
						229025	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin (UML)	3		
						229038	Nhập môn lập trình	3	3.2	
						229042	Lập trình Windows (C#)	3		
						229090	Chuyên đề thực tập 1	1	VT	
						229098	Hệ quản trị SQL Server	2		
						229102	Kiểm thử phần mềm cơ bản	2	VT	
						229104	Kỹ thuật lập trình	2	VT	
						229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
						229121	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Tin)	1	VT	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
57	2117110115	Phan Thanh Phúc	CCQ1711B	87	6.31	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						10	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
58	2117110117	Hồ Kim Phương	CCQ1711B	3	0.47	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						10	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222003	Đại số tuyến tính	2		
						222033	Toán ứng dụng A	3	VT	
						223006	Chính trị 1	3	VT	
						223007	Chính trị 2	3		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
58	2117110117	Hồ Kim Phương	CCQ1711B	3	0.47	224003	Anh văn 1	3	VT	
						224004	Anh văn 2	3		
						224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3	VT	
						224016	Anh văn 3	3		
						226020	Pháp luật đại cương	2		
						229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	VT	
						229005	Kiến trúc máy tính	2	VT	
						229008	Cơ sở dữ liệu	3	VT	
						229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1	VT	
						229014	Hệ điều hành	2		
						229019	Lập trình hướng đối tượng	2	VT	
						229021	Lập trình web	3	VT	
						229022	Mạng máy tính	2	VT	
						229025	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin (UML)	3		
						229031	Trí tuệ nhân tạo	3	VT	
						229038	Nhập môn lập trình	3	1.8	
						229042	Lập trình Windows (C#)	3	VT	
						229055	Phần mềm xử lý ảnh (Photoshop)	2	VT	
						229086	Cấu trúc rời rạc	2	1.6	
						229098	Hệ quản trị SQL Server	2		
						229102	Kiểm thử phần mềm cơ bản	2		
						229104	Kỹ thuật lập trình	2	VT	
						229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
						229121	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Tin)	1	1.0	
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
59	2117110121	Nguyễn Quốc Sơn	CCQ1711B	37	4.62	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
59	2117110121	Nguyễn Quốc Sơn	CCQ1711B	37	4.62	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222033	Toán ứng dụng A	3	2.5	
						223006	Chính trị 1	3	4.9	
						223007	Chính trị 2	3		
						224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3		
						224016	Anh văn 3	3		
						229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	VT	
						229005	Kiến trúc máy tính	2	3.9	
						229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1	VT	
						229019	Lập trình hướng đối tượng	2	3.0	
						229025	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin (UML)	3	VT	
						229038	Nhập môn lập trình	3	3.2	
						229042	Lập trình Windows (C#)	3		
						229055	Phần mềm xử lý ảnh (Photoshop)	2	4.2	
						229090	Chuyên đề thực tập 1	1		
						229102	Kiểm thử phần mềm cơ bản	2		
						229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
						229121	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Tin)	1		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
60	2117110127	Nguyễn Công Thức	CCQ1711B	64	5.81	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						224003	Anh văn 1	3	4.6	
						224004	Anh văn 2	3	VT	
						224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3		
						224016	Anh văn 3	3		
						229019	Lập trình hướng đối tượng	2	4.4	
						229031	Trí tuệ nhân tạo	3	VT	
						229102	Kiểm thử phần mềm cơ bản	2		
						229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
60	2117110127	Nguyễn Công	Thức	CCQ1711B	64	5.81	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
61	2117110128	Phan Thanh	Tín	CCQ1711B	86	6.55	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4	4.5	
62	2117110134	Trần Đức	Tuấn	CCQ1711B	50	4.74	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							10	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222003	Đại số tuyến tính	2	4.7	
							224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3		
							229022	Mạng máy tính	2	4.7	
							229025	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin (UML)	3	VT	
							229031	Trí tuệ nhân tạo	3	3.1	
							229038	Nhập môn lập trình	3	3.5	
							229042	Lập trình Windows (C#)	3	VT	
							229086	Cấu trúc rời rạc	2	4.8	
							229090	Chuyên đề thực tập 1	1	VT	
							229102	Kiểm thử phần mềm cơ bản	2	VT	
							229104	Kỹ thuật lập trình	2	2.7	
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
63	2117110137	Nguyễn Quốc	Việt	CCQ1711B	3	0.64	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
63	2117110137	Nguyễn Quốc Việt	CCQ1711B	3	0.64	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						10	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222003	Đại số tuyến tính	2		
						222033	Toán ứng dụng A	3	VT	
						223006	Chính trị 1	3	VT	
						223007	Chính trị 2	3		
						224003	Anh văn 1	3		
						224004	Anh văn 2	3		
						224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3	VT	
						224016	Anh văn 3	3		
						226020	Pháp luật đại cương	2		
						229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	VT	
						229005	Kiến trúc máy tính	2	VT	
						229008	Cơ sở dữ liệu	3	VT	
						229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1	VT	
						229014	Hệ điều hành	2		
						229019	Lập trình hướng đối tượng	2	VT	
						229021	Lập trình web	3		
						229022	Mạng máy tính	2	VT	
						229025	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin (UML)	3		
						229031	Trí tuệ nhân tạo	3		
						229038	Nhập môn lập trình	3	2.0	
						229042	Lập trình Windows (C#)	3	VT	
						229055	Phần mềm xử lý ảnh (Photoshop)	2	VT	
						229086	Cấu trúc rời rạc	2	1.6	
						229098	Hệ quản trị SQL Server	2		
						229102	Kiểm thử phần mềm cơ bản	2		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
63	2117110137	Nguyễn Quốc	Việt	CCQ1711B	3	0.64	229104	Kỹ thuật lập trình	2	VT	
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							229121	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Tin)	1		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
64	2117110139	Nguyễn Lê	Vương	CCQ1711B	85	6.37	229042	Lập trình Windows (C#)	3	4.8	
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
65	2117110140	Nguyễn Đức	An	CCQ1711C	80	6.31	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							229031	Trí tuệ nhân tạo	3	4.0	
							229098	Hệ quản trị SQL Server	2	VT	
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
66	2117110141	Hoàng Thế	Anh	CCQ1711C	47	4.92	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							10	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222003	Đại số tuyến tính	2	4.6	
							224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3		
							229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	VT	
							229008	Cơ sở dữ liệu	3	4.2	
							229019	Lập trình hướng đối tượng	2	4.1	
							229021	Lập trình web	3	VT	
							229025	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin (UML)	3		
							229031	Trí tuệ nhân tạo	3		
							229042	Lập trình Windows (C#)	3	4.7	
							229086	Cấu trúc rời rạc	2	2.8	
							229098	Hệ quản trị SQL Server	2		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
66	2117110141	Hoàng Thế	Anh	CCQ1711C	47	4.92	229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							229121	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Tin)	1	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
67	2117110143	Nguyễn Thành	Công	CCQ1711C	71	5.35	222003	Đại số tuyến tính	2		
							224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3		
							224016	Anh văn 3	3	VT	
							229031	Trí tuệ nhân tạo	3	3.1	
							229098	Hệ quản trị SQL Server	2	VT	
							229104	Kỹ thuật lập trình	2	4.0	
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
68	2117110146	Trần Quốc	Duy	CCQ1711C	92	7.14	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
69	2117110147	Hồ Tùng	Dương	CCQ1711C	45	4.44	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							10	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222003	Đại số tuyến tính	2	4.6	
							224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3		
							226020	Pháp luật đại cương	2	3.8	
							229008	Cơ sở dữ liệu	3	4.6	
							229019	Lập trình hướng đối tượng	2	VT	
							229021	Lập trình web	3	VT	
							229022	Mạng máy tính	2	4.3	
							229025	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin (UML)	3		
							229031	Trí tuệ nhân tạo	3		
							229098	Hệ quản trị SQL Server	2		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
69	2117110147	Hồ Tùng	Dương	CCQ1711C	45	4.44	229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							229121	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Tin)	1	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
70	2117110148	Nguyễn Hữu	Đạt	CCQ1711C	59	5.06	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							10	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3		
							229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1	3.0	
							229021	Lập trình web	3	VT	
							229025	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin (UML)	3	VT	
							229031	Trí tuệ nhân tạo	3	2.9	
							229104	Kỹ thuật lập trình	2	3.4	
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							229121	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Tin)	1		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
71	2117110150	Phạm Quý	Được	CCQ1711C	81	5.97	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							10	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1	2.0	
							229042	Lập trình Windows (C#)	3	2.4	
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
72	2117110151	Nguyễn Trường	Giang	CCQ1711C	81	6.18	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
72	2117110151	Nguyễn Trường	Giang	CCQ1711C	81	6.18	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
73	2117110152	Nguyễn Anh	Hiếu	CCQ1711C	16	2.69	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							10	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222003	Đại số tuyến tính	2		
							222033	Toán ứng dụng A	3	4.3	
							223006	Chính trị 1	3		
							223007	Chính trị 2	3		
							224003	Anh văn 1	3		
							224004	Anh văn 2	3		
							224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3		
							224016	Anh văn 3	3		
							226020	Pháp luật đại cương	2		
							229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1	VT	
							229021	Lập trình web	3	VT	
							229022	Mạng máy tính	2	VT	
							229025	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin (UML)	3	VT	
							229031	Trí tuệ nhân tạo	3		
							229038	Nhập môn lập trình	3	3.2	
							229042	Lập trình Windows (C#)	3		
							229055	Phần mềm xử lý ảnh (Photoshop)	2		
							229090	Chuyên đề thực tập 1	1	3.0	
							229098	Hệ quản trị SQL Server	2		
							229100	Tin học	2	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
73	2117110152	Nguyễn Anh	Hiếu	CCQ1711C	16	2.69	229102	Kiểm thử phần mềm cơ bản	2		
							229104	Kỹ thuật lập trình	2	VT	
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							229121	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Tin)	1		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
74	2117110153	Lương Khánh	Hội	CCQ1711C	71	5.69	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224004	Anh văn 2	3		
							229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1	VT	
							229031	Trí tuệ nhân tạo	3		
							229038	Nhập môn lập trình	3	4.1	
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
75	2117110155	Trần Tấn	Huy	CCQ1711C	79	6.24	229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1	3.0	
							229031	Trí tuệ nhân tạo	3	4.2	
							229038	Nhập môn lập trình	3	4.4	
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
76	2117110157	Lê Kim	Khải	CCQ1711C	47	3.82	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							10	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222003	Đại số tuyến tính	2	VT	
							226020	Pháp luật đại cương	2	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
76	2117110157	Lê Kim	Khải	CCQ1711C	47	3.82	229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	VT	
							229008	Cơ sở dữ liệu	3	VT	
							229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1	3.5	
							229019	Lập trình hướng đối tượng	2	3.1	
							229021	Lập trình web	3	VT	
							229038	Nhập môn lập trình	3	3.7	
							229042	Lập trình Windows (C#)	3	VT	
							229055	Phần mềm xử lý ảnh (Photoshop)	2	1.2	
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4	3.0	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
77	2117110161	Nguyễn Anh	Kiệt	CCQ1711C	72	6.01	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222003	Đại số tuyến tính	2	4.4	
							229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1	0.0	
							229031	Trí tuệ nhân tạo	3		
							229038	Nhập môn lập trình	3	4.1	
							229055	Phần mềm xử lý ảnh (Photoshop)	2	VT	
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
78	2117110162	Phồng Cóng	Lầm	CCQ1711C	47	4.86	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	3.8	
							224003	Anh văn 1	3	3.9	
							224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3		
							224016	Anh văn 3	3		
							229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	2.1	
							229021	Lập trình web	3	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
78	2117110162	Phồng Cóng	Lầm	CCQ1711C	47	4.86	229022	Mạng máy tính	2	4.7	
							229031	Trí tuệ nhân tạo	3	4.1	
							229038	Nhập môn lập trình	3	4.3	
							229104	Kỹ thuật lập trình	2	2.6	
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
79	2117110164	Trần Ngọc Như	Long	CCQ1711C	85	6.60	229021	Lập trình web	3	3.9	
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
80	2117110165	Phạm Vũ Duy	Luân	CCQ1711C	92	6.11	234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
81	2117110168	Phạm Phương	Nam	CCQ1711C	76	5.75	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222003	Đại số tuyến tính	2	VT	
							229031	Trí tuệ nhân tạo	3		
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
82	2117110170	Nguyễn Hữu	Nghĩa	CCQ1711C	92	6.95	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
83	2117110171	Nguyễn Ngọc Thảo	Nguyên	CCQ1711C	88	7.19	229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
84	2117110172	Nguyễn Hoài	Nhân	CCQ1711C	7	1.21	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							10	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
84	2117110172	Nguyễn Hoài Nhân	CCQ1711C	7	1.21	222003	Đại số tuyến tính	2	VT	
						222033	Toán ứng dụng A	3	1.5	
						223006	Chính trị 1	3	VT	
						223007	Chính trị 2	3		
						224004	Anh văn 2	3		
						224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3		
						224016	Anh văn 3	3		
						226020	Pháp luật đại cương	2		
						229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3		
						229005	Kiến trúc máy tính	2	VT	
						229008	Cơ sở dữ liệu	3	VT	
						229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1		
						229014	Hệ điều hành	2	VT	
						229019	Lập trình hướng đối tượng	2	VT	
						229021	Lập trình web	3		
						229022	Mạng máy tính	2	VT	
						229025	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin (UML)	3		
						229031	Trí tuệ nhân tạo	3	VT	
						229038	Nhập môn lập trình	3	4.0	
						229042	Lập trình Windows (C#)	3	VT	
						229055	Phần mềm xử lý ảnh (Photoshop)	2	VT	
						229090	Chuyên đề thực tập 1	1		
						229098	Hệ quản trị SQL Server	2		
						229102	Kiểm thử phần mềm cơ bản	2		
						229104	Kỹ thuật lập trình	2	VT	
						229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
						229121	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Tin)	1		
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
85	2117110175	Lý Hồng Phúc	CCQ1711C	59	5.58	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						10	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3		
						229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	4.0	
						229021	Lập trình web	3	4.2	
						229022	Mạng máy tính	2	4.4	
						229031	Trí tuệ nhân tạo	3		
						229098	Hệ quản trị SQL Server	2	4.1	
						229102	Kiểm thử phần mềm cơ bản	2		
						229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
86	2117110176	Đặng Thanh Phương	CCQ1711C	13	1.57	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						10	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222003	Đại số tuyến tính	2		
						222033	Toán ứng dụng A	3	0.8	
						224004	Anh văn 2	3		
						224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3		
						224016	Anh văn 3	3		
						229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3		
						229005	Kiến trúc máy tính	2	VT	
						229008	Cơ sở dữ liệu	3		
						229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1	VT	
						229014	Hệ điều hành	2	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
86	2117110176	Đặng Thanh Phương	CCQ1711C	13	1.57	229019	Lập trình hướng đối tượng	2	VT	
						229021	Lập trình web	3	VT	
						229022	Mạng máy tính	2	VT	
						229025	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin (UML)	3		
						229031	Trí tuệ nhân tạo	3		
						229038	Nhập môn lập trình	3	VT	
						229042	Lập trình Windows (C#)	3		
						229055	Phần mềm xử lý ảnh (Photoshop)	2	VT	
						229086	Cấu trúc rời rạc	2	1.1	
						229090	Chuyên đề thực tập 1	1	VT	
						229098	Hệ quản trị SQL Server	2		
						229102	Kiểm thử phần mềm cơ bản	2	VT	
						229104	Kỹ thuật lập trình	2	VT	
						229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
						229121	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Tin)	1	VT	
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
87	2117110177	Nguyễn Thị Bích Phượng	CCQ1711C	72	5.95	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1	3.0	
						229019	Lập trình hướng đối tượng	2	VT	
						229022	Mạng máy tính	2	4.5	
						229042	Lập trình Windows (C#)	3		
						229098	Hệ quản trị SQL Server	2	4.5	
						229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
						229121	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Tin)	1		
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5	VT	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
88	2117110178	Nguyễn Minh	Quang	CCQ1711C	54	5.06	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							10	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3		
							224016	Anh văn 3	3	VT	
							229021	Lập trình web	3	VT	
							229025	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin (UML)	3	VT	
							229031	Trí tuệ nhân tạo	3	VT	
							229042	Lập trình Windows (C#)	3	VT	
							229090	Chuyên đề thực tập 1	1	VT	
							229098	Hệ quản trị SQL Server	2	VT	
							229102	Kiểm thử phần mềm cơ bản	2	VT	
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							229121	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Tin)	1	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
89	2117110180	Trần Thanh	Quyền	CCQ1711C	85	5.87	229031	Trí tuệ nhân tạo	3		
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
90	2117110181	Đào Anh	Sáng	CCQ1711C	55	5.12	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3		
							224016	Anh văn 3	3		
							229014	Hệ điều hành	2	VT	
							229031	Trí tuệ nhân tạo	3	2.2	
							229038	Nhập môn lập trình	3	4.1	
							229042	Lập trình Windows (C#)	3		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
90	2117110181	Đào Anh	Sáng	CCQ1711C	55	5.12	229098	Hệ quản trị SQL Server	2	3.6	
							229102	Kiểm thử phần mềm cơ bản	2	3.0	
							229104	Kỹ thuật lập trình	2	3.9	
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
91	2117110182	Nguyễn Hồng	Sơn	CCQ1711C	70	5.76	10	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222003	Đại số tuyến tính	2	4.8	
							224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3		
							229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1	3.5	
							229031	Trí tuệ nhân tạo	3		
							229042	Lập trình Windows (C#)	3	2.4	
							229102	Kiểm thử phần mềm cơ bản	2	VT	
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
92	2117110184	Nguyễn Duy	Tân	CCQ1711C	76	5.66	229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1	4.0	
							229025	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin (UML)	3	VT	
							229031	Trí tuệ nhân tạo	3	3.0	
							229098	Hệ quản trị SQL Server	2	VT	
							229104	Kỹ thuật lập trình	2	4.3	
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
93	2117110189	Tô Thị Bích	Thảo	CCQ1711C	92	7.14	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
94	2117110195	Nguyễn Đức	Thiện	CCQ1711C	87	6.36	229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
95	2117110200	Lê Cao	Tính	CCQ1711C	84	6.24	229031	Trí tuệ nhân tạo	3		
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
96	2117110201	Vũ Văn Toàn	CCQ1711C	80	5.89	229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	4.7	
						229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1	2.0	
						229031	Trí tuệ nhân tạo	3	3.6	
						229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
97	2117110202	Nguyễn Quốc Trung	CCQ1711C	34	3.47	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						10	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222003	Đại số tuyến tính	2	3.6	
						226020	Pháp luật đại cương	2	VT	
						229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3		
						229008	Cơ sở dữ liệu	3	4.3	
						229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1		
						229014	Hệ điều hành	2	4.9	
						229021	Lập trình web	3		
						229022	Mạng máy tính	2	3.0	
						229025	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin (UML)	3	VT	
						229031	Trí tuệ nhân tạo	3		
						229038	Nhập môn lập trình	3	3.5	
						229042	Lập trình Windows (C#)	3	VT	
						229086	Cấu trúc rời rạc	2	2.0	
						229090	Chuyên đề thực tập 1	1	VT	
						229098	Hệ quản trị SQL Server	2	VT	
						229102	Kiểm thử phần mềm cơ bản	2	VT	
						229104	Kỹ thuật lập trình	2	3.9	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
97	2117110202	Nguyễn Quốc	Trung	CCQ1711C	34	3.47	229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							229121	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Tin)	1	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
98	2117110203	Nguyễn Thành	Trung	CCQ1711C	78	5.63	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							229031	Trí tuệ nhân tạo	3	2.9	
							229104	Kỹ thuật lập trình	2	4.6	
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
99	2117110204	Nguyễn Nhật	Trường	CCQ1711C	87	6.33	229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
100	2117110205	Trần Quốc	Tú	CCQ1711C	85	6.36	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							229121	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Tin)	1	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
101	2117110206	Phạm Đình Thanh	Tuấn	CCQ1711C	63	5.33	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							10	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3		
							229008	Cơ sở dữ liệu	3	4.1	
							229021	Lập trình web	3	3.4	
							229031	Trí tuệ nhân tạo	3	VT	
							229104	Kỹ thuật lập trình	2	4.4	
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
102	2117110208	Nguyễn Hoàng	Vị	CCQ1711C	70	5.75	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1	2.0	
							229031	Trí tuệ nhân tạo	3		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
102	2117110208	Nguyễn Hoàng	Vị	CCQ1711C	70	5.75	229042	Lập trình Windows (C#)	3	4.5	
							229055	Phần mềm xử lý ảnh (Photoshop)	2	3.2	
							229104	Kỹ thuật lập trình	2	4.5	
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
103	2117110209	Nguyễn Võ Thế	Anh	CCQ1711D	85	6.14	224016	Anh văn 3	3		
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4	4.5	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
104	2117110210	Nguyễn Trương Thái	Bảo	CCQ1711D	2	0.30	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							10	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222003	Đại số tuyến tính	2		
							222033	Toán ứng dụng A	3	VT	
							223006	Chính trị 1	3		
							223007	Chính trị 2	3		
							224003	Anh văn 1	3		
							224004	Anh văn 2	3		
							224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3		
							224016	Anh văn 3	3		
							226020	Pháp luật đại cương	2		
							229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	VT	
							229005	Kiến trúc máy tính	2	VT	
							229008	Cơ sở dữ liệu	3	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
104	2117110210	Nguyễn Trương Thái	Bảo	CCQ1711D	2	0.30	229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1	VT	
							229014	Hệ điều hành	2	VT	
							229019	Lập trình hướng đối tượng	2	VT	
							229021	Lập trình web	3	VT	
							229022	Mạng máy tính	2	VT	
							229025	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin (UML)	3		
							229031	Trí tuệ nhân tạo	3	VT	
							229038	Nhập môn lập trình	3	1.0	
							229042	Lập trình Windows (C#)	3		
							229055	Phần mềm xử lý ảnh (Photoshop)	2		
							229090	Chuyên đề thực tập 1	1	VT	
							229098	Hệ quản trị SQL Server	2	VT	
							229100	Tin học	2	VT	
							229102	Kiểm thử phần mềm cơ bản	2		
							229104	Kỹ thuật lập trình	2	VT	
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							229121	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Tin)	1		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
105	2117110212	Nguyễn Thị Mỹ	Chi	CCQ1711D	92	6.32	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
106	2117110215	Nguyễn Hữu	Danh	CCQ1711D	80	5.95	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							229038	Nhập môn lập trình	3	3.4	
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
107	2117110224	Nguyễn Thị	Hà	CCQ1711D	89	7.20	224016	Anh văn 3	3		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
108	2117110225	Thạch Nhựt	Hào	CCQ1711D	42	3.93	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
108	2117110225	Thạch Nhựt	Hào	CCQ1711D	42	3.93	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226020	Pháp luật đại cương	2	VT	
							229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3		
							229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1	3.0	
							229014	Hệ điều hành	2		
							229021	Lập trình web	3		
							229022	Mạng máy tính	2	VT	
							229025	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin (UML)	3	VT	
							229031	Trí tuệ nhân tạo	3	3.2	
							229038	Nhập môn lập trình	3	VT	
							229042	Lập trình Windows (C#)	3	VT	
							229086	Cấu trúc rời rạc	2	4.6	
							229090	Chuyên đề thực tập 1	1	VT	
							229098	Hệ quản trị SQL Server	2	VT	
							229102	Kiểm thử phần mềm cơ bản	2	VT	
							229104	Kỹ thuật lập trình	2	VT	
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
109	2117110229	Đàng Năng San	Hít	CCQ1711D	85	6.25	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
110	2117110230	Nguyễn Đình	Hòa	CCQ1711D	10	1.17	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
110	2117110230	Nguyễn Đình Hòa	CCQ1711D	10	1.17	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						10	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222003	Đại số tuyến tính	2		
						223006	Chính trị 1	3		
						223007	Chính trị 2	3		
						224003	Anh văn 1	3	VT	
						224004	Anh văn 2	3		
						224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3		
						224016	Anh văn 3	3		
						226020	Pháp luật đại cương	2		
						229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	VT	
						229005	Kiến trúc máy tính	2	VT	
						229008	Cơ sở dữ liệu	3	0.0	
						229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1	VT	
						229014	Hệ điều hành	2	0.0	
						229019	Lập trình hướng đối tượng	2	VT	
						229021	Lập trình web	3	VT	
						229022	Mạng máy tính	2	VT	
						229025	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin (UML)	3		
						229031	Trí tuệ nhân tạo	3		
						229042	Lập trình Windows (C#)	3	VT	
						229055	Phần mềm xử lý ảnh (Photoshop)	2	VT	
						229090	Chuyên đề thực tập 1	1	VT	
						229098	Hệ quản trị SQL Server	2		
						229102	Kiểm thử phần mềm cơ bản	2		
						229104	Kỹ thuật lập trình	2	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
110	2117110230	Nguyễn Đình	Hòa	CCQ1711D	10	1.17	229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							229121	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Tin)	1		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
111	2117110231	Lê Huy	Hoàng	CCQ1711D	92	6.65	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
112	2117110235	Dương Minh	Hưng	CCQ1711D	92	7.45	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
113	2117110236	Nguyễn Văn	Hưng	CCQ1711D	92	6.64	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
114	2117110238	Đoàn Quang	Khánh	CCQ1711D	33	4.32	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							10	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	3.8	
							224003	Anh văn 1	3	3.6	
							224004	Anh văn 2	3	4.3	
							224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3		
							224016	Anh văn 3	3		
							229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	4.6	
							229008	Cơ sở dữ liệu	3	4.6	
							229021	Lập trình web	3	4.6	
							229025	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin (UML)	3	VT	
							229031	Trí tuệ nhân tạo	3	1.7	
							229038	Nhập môn lập trình	3	3.4	
							229042	Lập trình Windows (C#)	3		
							229090	Chuyên đề thực tập 1	1	VT	
							229098	Hệ quản trị SQL Server	2	3.8	
							229102	Kiểm thử phần mềm cơ bản	2	VT	
							229104	Kỹ thuật lập trình	2	4.6	
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
115	2117110240	Trần Ngọc Khuyên	CCQ1711D	41	3.98	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						10	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						224003	Anh văn 1	3	VT	
						224004	Anh văn 2	3	VT	
						224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3		
						224016	Anh văn 3	3		
						226020	Pháp luật đại cương	2		
						229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1	0.0	
						229021	Lập trình web	3	VT	
						229022	Mạng máy tính	2	4.6	
						229038	Nhập môn lập trình	3	3.4	
						229042	Lập trình Windows (C#)	3		
						229104	Kỹ thuật lập trình	2	3.7	
						229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4	VT	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
116	2117110243	Lê Mạnh Tiến	CCQ1711D	26	2.74	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						10	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222003	Đại số tuyến tính	2	1.8	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
116	2117110243	Lê Mạnh	Tiến	CCQ1711D	26	2.74	223006	Chính trị 1	3	4.3	
							224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3		
							226020	Pháp luật đại cương	2		
							229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	VT	
							229005	Kiến trúc máy tính	2	VT	
							229008	Cơ sở dữ liệu	3	VT	
							229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1	0.0	
							229014	Hệ điều hành	2	3.4	
							229021	Lập trình web	3	VT	
							229022	Mạng máy tính	2	VT	
							229025	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin (UML)	3	VT	
							229031	Trí tuệ nhân tạo	3	VT	
							229042	Lập trình Windows (C#)	3		
							229055	Phần mềm xử lý ảnh (Photoshop)	2	VT	
							229090	Chuyên đề thực tập 1	1	3.0	
							229098	Hệ quản trị SQL Server	2		
							229102	Kiểm thử phần mềm cơ bản	2		
							229104	Kỹ thuật lập trình	2	VT	
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							229121	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Tin)	1	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
117	2117110244	Trần Thị	Ngà	CCQ1711D	92	7.10	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
118	2117110245	Nguyễn Văn	Ngà	CCQ1711D	91	6.54	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
119	2117110247	Phan Thanh	Nhật	CCQ1711D	28	4.41	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
119	2117110247	Phan Thanh	Nhật	CCQ1711D	28	4.41	09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							10	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223007	Chính trị 2	3	4.0	
							224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3		
							224016	Anh văn 3	3		
							229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3		
							229005	Kiến trúc máy tính	2	3.1	
							229008	Cơ sở dữ liệu	3	VT	
							229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1		
							229019	Lập trình hướng đối tượng	2		
							229021	Lập trình web	3		
							229022	Mạng máy tính	2	VT	
							229025	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin (UML)	3		
							229031	Trí tuệ nhân tạo	3		
							229038	Nhập môn lập trình	3	VT	
							229042	Lập trình Windows (C#)	3		
							229090	Chuyên đề thực tập 1	1		
							229098	Hệ quản trị SQL Server	2		
							229102	Kiểm thử phần mềm cơ bản	2		
							229104	Kỹ thuật lập trình	2	VT	
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							229121	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Tin)	1	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
120	2117110248	Nguyễn Đức	Phú	CCQ1711D	89	6.59	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222003	Đại số tuyến tính	2	4.9	
							229090	Chuyên đề thực tập 1	1	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
121	2117110249	Phạm Anh	Phúc	CCQ1711D	82	6.05	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
121	2117110249	Phạm Anh	Phúc	CCQ1711D	82	6.05	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
122	2117110252	Nguyễn Thanh	Quân	CCQ1711D	87	6.32	224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3	4.9	
							229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1	0.0	
							229090	Chuyên đề thực tập 1	1	3.0	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
123	2117110254	Lê Tường	Vũ	CCQ1711D	33	3.11	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							10	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222003	Đại số tuyến tính	2	0.0	
							223006	Chính trị 1	3	0.0	
							223007	Chính trị 2	3	4.4	
							224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3		
							229008	Cơ sở dữ liệu	3	0.0	
							229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1	1.2	
							229014	Hệ điều hành	2	0.0	
							229021	Lập trình web	3	VT	
							229025	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin (UML)	3	VT	
							229031	Trí tuệ nhân tạo	3	3.8	
							229038	Nhập môn lập trình	3	VT	
							229042	Lập trình Windows (C#)	3		
							229086	Cấu trúc rời rạc	2	0.0	
							229090	Chuyên đề thực tập 1	1	VT	
							229098	Hệ quản trị SQL Server	2		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
123	2117110254	Lê Tường	Vũ	CCQ1711D	33	3.11	229102	Kiểm thử phần mềm cơ bản	2		
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							229121	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Tin)	1	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
124	2117110260	Trần Ngọc	Thanh	CCQ1711D	79	6.07	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224016	Anh văn 3	3		
							229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1	4.0	
							229104	Kỹ thuật lập trình	2	4.6	
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
125	2117110261	Võ Văn	Thành	CCQ1711D	83	6.09	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1	2.0	
							229021	Lập trình web	3	4.2	
							229042	Lập trình Windows (C#)	3	4.8	
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
126	2117110262	Nguyễn Đặng Sơn	Tiền	CCQ1711D	76	6.11	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							229008	Cơ sở dữ liệu	3	4.7	
							229031	Trí tuệ nhân tạo	3	4.5	
							229042	Lập trình Windows (C#)	3	4.6	
							229104	Kỹ thuật lập trình	2	4.1	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
127	2117110263	Trần Xuân	Tiền	CCQ1711D	4	1.21	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
127	2117110263	Trần Xuân Tiền	CCQ1711D	4	1.21	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						10	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222003	Đại số tuyến tính	2		
						222033	Toán ứng dụng A	3	4.0	
						223006	Chính trị 1	3	VT	
						223007	Chính trị 2	3		
						224003	Anh văn 1	3	VT	
						224004	Anh văn 2	3		
						224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3		
						224016	Anh văn 3	3		
						226020	Pháp luật đại cương	2		
						229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	VT	
						229005	Kiến trúc máy tính	2	VT	
						229008	Cơ sở dữ liệu	3	VT	
						229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1		
						229014	Hệ điều hành	2	VT	
						229019	Lập trình hướng đối tượng	2	VT	
						229021	Lập trình web	3	VT	
						229022	Mạng máy tính	2	VT	
						229025	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin (UML)	3		
						229031	Trí tuệ nhân tạo	3		
						229038	Nhập môn lập trình	3	3.7	
						229042	Lập trình Windows (C#)	3		
						229086	Cấu trúc rời rạc	2	2.8	
						229090	Chuyên đề thực tập 1	1	VT	
						229098	Hệ quản trị SQL Server	2	VT	
						229102	Kiểm thử phần mềm cơ bản	2		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
127	2117110263	Trần Xuân	Tiền	CCQ1711D	4	1.21	229104	Kỹ thuật lập trình	2		
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							229121	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Tin)	1		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
128	2117110265	Nguyễn Minh	Tỉnh	CCQ1711D	64	5.22	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3		
							224016	Anh văn 3	3	VT	
							229042	Lập trình Windows (C#)	3		
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
129	2117110266	Phạm Minh	Trí	CCQ1711D	79	7.23	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							10	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							229031	Trí tuệ nhân tạo	3	2.1	
							229102	Kiểm thử phần mềm cơ bản	2		
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
130	2117110267	Đỗ Đức	Trọng	CCQ1711D	9	1.53	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
130	2117110267	Đỗ Đức Trọng	CCQ1711D	9	1.53	09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						10	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222003	Đại số tuyến tính	2	2.2	
						222033	Toán ứng dụng A	3	4.0	
						223007	Chính trị 2	3	VT	
						224003	Anh văn 1	3	4.5	
						224004	Anh văn 2	3	VT	
						224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3	VT	
						224016	Anh văn 3	3		
						226020	Pháp luật đại cương	2	0.0	
						229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	VT	
						229005	Kiến trúc máy tính	2	3.7	
						229008	Cơ sở dữ liệu	3	3.6	
						229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1	0.0	
						229019	Lập trình hướng đối tượng	2	VT	
						229021	Lập trình web	3	VT	
						229022	Mạng máy tính	2	VT	
						229025	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin (UML)	3	VT	
						229031	Trí tuệ nhân tạo	3	VT	
						229038	Nhập môn lập trình	3	3.6	
						229042	Lập trình Windows (C#)	3		
						229086	Cấu trúc rời rạc	2	1.1	
						229090	Chuyên đề thực tập 1	1		
						229098	Hệ quản trị SQL Server	2	VT	
						229102	Kiểm thử phần mềm cơ bản	2	VT	
						229104	Kỹ thuật lập trình	2		
						229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
						229121	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Tin)	1	VT	
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
130	2117110267	Đỗ Đức	Trọng	CCQ1711D	9	1.53	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
131	2117110268	Nguyễn Thanh	Trung	CCQ1711D	79	6.12	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
132	2117110271	Võ Hồng Minh	Tuấn	CCQ1711D	84	6.08	229022	Mạng máy tính	2	4.6	
							229038	Nhập môn lập trình	3	4.5	
							229042	Lập trình Windows (C#)	3		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
133	2117110272	Nguyễn Phụng	Tuấn	CCQ1711D	86	6.48	10	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							229008	Cơ sở dữ liệu	3	4.4	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
134	2117110274	Trần Thanh	Vĩ	CCQ1711D	84	6.18	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	3.7	
							229025	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin (UML)	3	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
135	2117110275	Nguyễn Quốc	Việt	CCQ1711D	77	5.60	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							229031	Trí tuệ nhân tạo	3	3.6	
							229038	Nhập môn lập trình	3	3.6	
							229042	Lập trình Windows (C#)	3	4.8	
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
136	2117110277	Lê Đình	Vương	CCQ1711D	26	3.23	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
136	2117110277	Lê Đình	Vương	CCQ1711D	26	3.23	09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							10	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222003	Đại số tuyến tính	2		
							222033	Toán ứng dụng A	3	VT	
							223006	Chính trị 1	3	3.6	
							223007	Chính trị 2	3		
							224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3		
							224016	Anh văn 3	3		
							229005	Kiến trúc máy tính	2	VT	
							229008	Cơ sở dữ liệu	3	3.5	
							229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1	VT	
							229019	Lập trình hướng đối tượng	2	VT	
							229021	Lập trình web	3	VT	
							229022	Mạng máy tính	2	VT	
							229025	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin (UML)	3		
							229031	Trí tuệ nhân tạo	3	VT	
							229038	Nhập môn lập trình	3	2.7	
							229042	Lập trình Windows (C#)	3		
							229098	Hệ quản trị SQL Server	2		
							229102	Kiểm thử phần mềm cơ bản	2	VT	
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							229121	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Tin)	1	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
137	2117110278	Ngô Minh	Anh	CCQ1711E	90	6.34	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
138	2117110281	Hồ Hoàng	Chí	CCQ1711E	50	5.14	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222003	Đại số tuyến tính	2	1.2	
							222033	Toán ứng dụng A	3	4.4	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
138	2117110281	Hồ Hoàng	Chí	CCQ1711E	50	5.14	223007	Chính trị 2	3		
							224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3		
							224016	Anh văn 3	3		
							229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	4.6	
							229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1	3.0	
							229021	Lập trình web	3	VT	
							229022	Mạng máy tính	2		
							229031	Trí tuệ nhân tạo	3	1.3	
							229042	Lập trình Windows (C#)	3	2.6	
							229055	Phần mềm xử lý ảnh (Photoshop)	2	VT	
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
139	2117110282	Lã Mạnh	Cường	CCQ1711E	62	7.70	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							10	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1	3.5	
							229021	Lập trình web	3		
							229031	Trí tuệ nhân tạo	3		
							229042	Lập trình Windows (C#)	3		
							229090	Chuyên đề thực tập 1	1		
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
140	2117110283	Phan Xuân	Cường	CCQ1711E	80	6.10	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							229014	Hệ điều hành	2	4.2	
							229038	Nhập môn lập trình	3	4.0	
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
141	2117110284	Nguyễn Hữu	Danh	CCQ1711E	27	3.70	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							10	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222003	Đại số tuyến tính	2	0.0	
							222033	Toán ứng dụng A	3	4.6	
							223006	Chính trị 1	3	1.8	
							224003	Anh văn 1	3	3.2	
							224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3		
							229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	3.5	
							229005	Kiến trúc máy tính	2	4.6	
							229008	Cơ sở dữ liệu	3	3.8	
							229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1	2.0	
							229014	Hệ điều hành	2	0.4	
							229021	Lập trình web	3	VT	
							229031	Trí tuệ nhân tạo	3		
							229038	Nhập môn lập trình	3	3.5	
							229042	Lập trình Windows (C#)	3		
							229086	Cấu trúc rời rạc	2	4.6	
							229090	Chuyên đề thực tập 1	1	VT	
							229098	Hệ quản trị SQL Server	2	VT	
							229104	Kỹ thuật lập trình	2	4.1	
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
142	2117110285	Mai Hoài	Duy	CCQ1711E	92	6.45	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
143	2117110287	Lê Minh	Đức	CCQ1711E	67	5.59	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
143	2117110287	Lê Minh Đức	CCQ1711E	67	5.59	224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3	4.6	
						229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3		
						229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1	VT	
						229021	Lập trình web	3	VT	
						229031	Trí tuệ nhân tạo	3		
						229042	Lập trình Windows (C#)	3		
						229090	Chuyên đề thực tập 1	1		
						229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
144	2117110288	Lê Trung Hải	CCQ1711E	12	1.37	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						10	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222003	Đại số tuyến tính	2	0.0	
						222033	Toán ứng dụng A	3	1.9	
						223006	Chính trị 1	3	0.0	
						224004	Anh văn 2	3	0.0	
						224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3		
						224016	Anh văn 3	3		
						229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	VT	
						229005	Kiến trúc máy tính	2	VT	
						229008	Cơ sở dữ liệu	3	VT	
						229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1	VT	
						229014	Hệ điều hành	2	3.8	
						229019	Lập trình hướng đối tượng	2		
						229021	Lập trình web	3		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
144	2117110288	Lê Trung	Hải	CCQ1711E	12	1.37	229022	Mạng máy tính	2	VT	
							229025	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin (UML)	3		
							229031	Trí tuệ nhân tạo	3	VT	
							229038	Nhập môn lập trình	3	1.1	
							229042	Lập trình Windows (C#)	3		
							229055	Phần mềm xử lý ảnh (Photoshop)	2		
							229086	Cấu trúc rời rạc	2	3.1	
							229090	Chuyên đề thực tập 1	1		
							229098	Hệ quản trị SQL Server	2	VT	
							229104	Kỹ thuật lập trình	2	VT	
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							229121	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Tin)	1	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
145	2117110289	Nguyễn Văn	Hào	CCQ1711E	92	7.47	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
146	2117110293	Kiều Đạt	Hòa	CCQ1711E	81	6.35	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							229042	Lập trình Windows (C#)	3		
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
147	2117110294	Nguyễn Lê Huy	Hoàng	CCQ1711E	50	5.51	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222003	Đại số tuyến tính	2	4.2	
							224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3		
							224016	Anh văn 3	3		
							229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	4.7	
							229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1		
							229019	Lập trình hướng đối tượng	2	VT	
							229021	Lập trình web	3		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
147	2117110294	Nguyễn Lê Huy	Hoàng	CCQ1711E	50	5.51	229031	Trí tuệ nhân tạo	3	VT	
							229038	Nhập môn lập trình	3	2.6	
							229042	Lập trình Windows (C#)	3		
							229090	Chuyên đề thực tập 1	1	3.0	
							229102	Kiểm thử phần mềm cơ bản	2		
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							229121	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Tin)	1	1.5	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
148	2117110295	Mai Nguyễn Huy	Hoàng	CCQ1711E	78	6.42	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							229031	Trí tuệ nhân tạo	3		
							229090	Chuyên đề thực tập 1	1	VT	
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
149	2117110298	Nguyễn Thị	Huệ	CCQ1711E	92	7.48	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
150	2117110304	Phùng Hoàng	Kha	CCQ1711E	88	7.40	229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
151	2117110306	Võ Hoàng	Khanh	CCQ1711E	26	3.52	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							10	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	3.0	
							224004	Anh văn 2	3		
							224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
151	2117110306	Võ Hoàng	Khanh	CCQ1711E	26	3.52	224016	Anh văn 3	3		
							229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	4.7	
							229008	Cơ sở dữ liệu	3	1.2	
							229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1	VT	
							229021	Lập trình web	3		
							229022	Mạng máy tính	2	4.4	
							229025	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin (UML)	3	VT	
							229031	Trí tuệ nhân tạo	3		
							229038	Nhập môn lập trình	3	2.5	
							229042	Lập trình Windows (C#)	3		
							229055	Phần mềm xử lý ảnh (Photoshop)	2		
							229086	Cấu trúc rời rạc	2	4.7	
							229098	Hệ quản trị SQL Server	2	4.0	
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							229121	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Tin)	1	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
152	2117110308	Trần Quốc	Khánh	CCQ1711E	84	6.40	229042	Lập trình Windows (C#)	3	4.7	
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
153	2117110311	Nguyễn Cao	Mạnh	CCQ1711E	92	8.14	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
154	2117110313	Phạm Hoàng	Nam	CCQ1711E	24	2.60	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							10	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222003	Đại số tuyến tính	2		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
154	2117110313	Phạm Hoàng	Nam	CCQ1711E	24	2.60	223007	Chính trị 2	3		
							224004	Anh văn 2	3		
							224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3		
							224016	Anh văn 3	3		
							226020	Pháp luật đại cương	2		
							229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	VT	
							229005	Kiến trúc máy tính	2	VT	
							229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1	2.0	
							229019	Lập trình hướng đối tượng	2	3.4	
							229021	Lập trình web	3	VT	
							229022	Mạng máy tính	2	3.1	
							229025	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin (UML)	3	VT	
							229031	Trí tuệ nhân tạo	3	VT	
							229042	Lập trình Windows (C#)	3		
							229086	Cấu trúc rời rạc	2	1.6	
							229090	Chuyên đề thực tập 1	1	VT	
							229098	Hệ quản trị SQL Server	2	VT	
							229102	Kiểm thử phần mềm cơ bản	2		
							229104	Kỹ thuật lập trình	2	3.8	
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
155	2117110314	Trần Thị Thế	Ngọc	CCQ1711E	86	5.94	224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3		
							229042	Lập trình Windows (C#)	3	4.9	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
156	2117110315	Nguyễn Hồng	Nguyên	CCQ1711E	3	0.43	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
156	2117110315	Nguyễn Hồng Nguyên	CCQ1711E	3	0.43	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						10	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222003	Đại số tuyến tính	2	VT	
						222033	Toán ứng dụng A	3	VT	
						223007	Chính trị 2	3		
						224003	Anh văn 1	3	3.1	
						224004	Anh văn 2	3		
						224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3		
						224016	Anh văn 3	3		
						226020	Pháp luật đại cương	2		
						229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3		
						229005	Kiến trúc máy tính	2	VT	
						229008	Cơ sở dữ liệu	3		
						229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1		
						229014	Hệ điều hành	2	VT	
						229019	Lập trình hướng đối tượng	2	VT	
						229021	Lập trình web	3		
						229022	Mạng máy tính	2	VT	
						229025	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin (UML)	3	VT	
						229031	Trí tuệ nhân tạo	3	VT	
						229038	Nhập môn lập trình	3	VT	
						229042	Lập trình Windows (C#)	3		
						229055	Phần mềm xử lý ảnh (Photoshop)	2	VT	
						229086	Cấu trúc rời rạc	2	VT	
						229090	Chuyên đề thực tập 1	1	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
156	2117110315	Nguyễn Hồng	Nguyên	CCQ1711E	3	0.43	229098	Hệ quản trị SQL Server	2	VT	
							229100	Tin học	2	VT	
							229102	Kiểm thử phần mềm cơ bản	2	VT	
							229104	Kỹ thuật lập trình	2	VT	
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							229121	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Tin)	1	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
157	2117110316	Đỗ Thị Thảo	Nguyên	CCQ1711E	85	5.86	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1	VT	
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4	3.0	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
158	2117110321	Phan Anh	Quốc	CCQ1711E	63	5.21	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3		
							229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	VT	
							229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1	VT	
							229019	Lập trình hướng đối tượng	2	4.3	
							229031	Trí tuệ nhân tạo	3	3.7	
							229055	Phần mềm xử lý ảnh (Photoshop)	2		
							229098	Hệ quản trị SQL Server	2	3.9	
							229102	Kiểm thử phần mềm cơ bản	2	VT	
							229104	Kỹ thuật lập trình	2	VT	
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
159	2117110322	Nguyễn Công	Quốc	CCQ1711E	74	6.05	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							229022	Mạng máy tính	2	4.5	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
159	2117110322	Nguyễn Công	Quốc	CCQ1711E	74	6.05	229031	Trí tuệ nhân tạo	3	3.7	
							229042	Lập trình Windows (C#)	3		
							229055	Phần mềm xử lý ảnh (Photoshop)	2		
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
160	2117110323	Nguyễn Thanh	Sang	CCQ1711E	67	5.56	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3		
							229019	Lập trình hướng đối tượng	2		
							229021	Lập trình web	3		
							229038	Nhập môn lập trình	3	3.0	
							229042	Lập trình Windows (C#)	3	VT	
							229098	Hệ quản trị SQL Server	2	4.4	
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
161	2117110326	Nguyễn Chí	Tâm	CCQ1711E	6	1.68	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							10	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222003	Đại số tuyến tính	2	VT	
							223006	Chính trị 1	3	VT	
							223007	Chính trị 2	3		
							224003	Anh văn 1	3	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
161	2117110326	Nguyễn Chí Tâm	CCQ1711E	6	1.68	224004	Anh văn 2	3		
						224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3		
						224016	Anh văn 3	3		
						226020	Pháp luật đại cương	2		
						229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3		
						229005	Kiến trúc máy tính	2	4.7	
						229008	Cơ sở dữ liệu	3	VT	
						229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1	VT	
						229014	Hệ điều hành	2	VT	
						229019	Lập trình hướng đối tượng	2	VT	
						229021	Lập trình web	3		
						229022	Mạng máy tính	2		
						229025	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin (UML)	3	VT	
						229031	Trí tuệ nhân tạo	3		
						229038	Nhập môn lập trình	3	3.6	
						229042	Lập trình Windows (C#)	3		
						229055	Phần mềm xử lý ảnh (Photoshop)	2	1.5	
						229086	Cấu trúc rời rạc	2	2.8	
						229090	Chuyên đề thực tập 1	1		
						229098	Hệ quản trị SQL Server	2		
						229102	Kiểm thử phần mềm cơ bản	2		
						229104	Kỹ thuật lập trình	2	2.1	
						229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
162	2117110327	Vũ Đình Tâm	CCQ1711E	5	2.02	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
162	2117110327	Vũ Đình Tâm	CCQ1711E	5	2.02	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						10	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222003	Đại số tuyến tính	2		
						222033	Toán ứng dụng A	3	3.5	
						223006	Chính trị 1	3	4.8	
						224003	Anh văn 1	3	0.0	
						224004	Anh văn 2	3		
						224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3		
						224016	Anh văn 3	3		
						226020	Pháp luật đại cương	2	0.0	
						229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3		
						229005	Kiến trúc máy tính	2	4.5	
						229008	Cơ sở dữ liệu	3	1.2	
						229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1	VT	
						229014	Hệ điều hành	2	VT	
						229019	Lập trình hướng đối tượng	2	3.0	
						229021	Lập trình web	3		
						229022	Mạng máy tính	2	4.9	
						229025	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin (UML)	3	VT	
						229031	Trí tuệ nhân tạo	3	1.8	
						229038	Nhập môn lập trình	3	2.1	
						229042	Lập trình Windows (C#)	3		
						229055	Phần mềm xử lý ảnh (Photoshop)	2	4.7	
						229090	Chuyên đề thực tập 1	1		
						229098	Hệ quản trị SQL Server	2	VT	
						229100	Tin học	2	4.1	
						229102	Kiểm thử phần mềm cơ bản	2		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
162	2117110327	Vũ Đình Tâm	CCQ1711E	5	2.02	229104	Kỹ thuật lập trình	2	2.0	
						229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
						229121	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Tin)	1	1.0	
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5	4.6	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
163	2117110328	Nguyễn Huỳnh Thành Tâm	CCQ1711E	39	4.01	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						10	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						223006	Chính trị 1	3	VT	
						224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3		
						224016	Anh văn 3	3		
						229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	VT	
						229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1		
						229019	Lập trình hướng đối tượng	2		
						229021	Lập trình web	3		
						229025	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin (UML)	3	VT	
						229031	Trí tuệ nhân tạo	3	VT	
						229042	Lập trình Windows (C#)	3	VT	
						229055	Phần mềm xử lý ảnh (Photoshop)	2	VT	
						229090	Chuyên đề thực tập 1	1		
						229098	Hệ quản trị SQL Server	2	VT	
						229102	Kiểm thử phần mềm cơ bản	2		
						229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
164	2117110330	Nguyễn Duy Thanh	CCQ1711E	83	6.18	229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3		
						229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1	VT	
						229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
165	2117110332	Vũ Văn Thanh	CCQ1711E	76	6.21	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						10	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1	2.5	
						229021	Lập trình web	3	VT	
						229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5	VT	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
166	2117110334	Trần Ngọc Thành	CCQ1711E	18	2.58	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						10	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						223007	Chính trị 2	3		
						224003	Anh văn 1	3	2.0	
						224004	Anh văn 2	3	1.9	
						224016	Anh văn 3	3	0.0	
						229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	VT	
						229008	Cơ sở dữ liệu	3	4.6	
						229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1	VT	
						229014	Hệ điều hành	2	1.7	
						229019	Lập trình hướng đối tượng	2	3.9	
						229021	Lập trình web	3	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
166	2117110334	Trần Ngọc	Thành	CCQ1711E	18	2.58	229022	Mạng máy tính	2	4.4	
							229025	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin (UML)	3	VT	
							229031	Trí tuệ nhân tạo	3		
							229038	Nhập môn lập trình	3	3.6	
							229042	Lập trình Windows (C#)	3		
							229055	Phần mềm xử lý ảnh (Photoshop)	2	VT	
							229086	Cấu trúc rời rạc	2	2.5	
							229090	Chuyên đề thực tập 1	1	VT	
							229098	Hệ quản trị SQL Server	2	4.7	
							229102	Kiểm thử phần mềm cơ bản	2	VT	
							229104	Kỹ thuật lập trình	2	4.4	
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
167	2117110335	Trịnh Quốc	Thành	CCQ1711E	84	6.14	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							229031	Trí tuệ nhân tạo	3	4.5	
							229042	Lập trình Windows (C#)	3	4.8	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
168	2117110338	Võ Trung	Thắng	CCQ1711E	88	6.11	229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
169	2117110339	Huỳnh Minh	Thiện	CCQ1711E	92	6.53	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
170	2117110341	Lê Trung	Thu	CCQ1711E	91	6.66	229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
171	2117110342	Nguyễn Thị Vĩnh	Thu	CCQ1711E	87	6.64	229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1	VT	
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
172	2117110343	Nguyễn Ngọc	Tiến	CCQ1711E	54	5.66	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224003	Anh văn 1	3	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
172	2117110343	Nguyễn Ngọc	Tiến	CCQ1711E	54	5.66	224004	Anh văn 2	3		
							224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3		
							224016	Anh văn 3	3		
							229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1	VT	
							229014	Hệ điều hành	2	VT	
							229025	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin (UML)	3	VT	
							229031	Trí tuệ nhân tạo	3		
							229042	Lập trình Windows (C#)	3		
							229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
173	2117110346	Trần Thị Mỹ	Trinh	CCQ1711E	92	6.98	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
174	2117110350	Lê Trọng	Tường	CCQ1711E	40	5.37	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							10	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222003	Đại số tuyến tính	2	4.1	
							222033	Toán ứng dụng A	3	4.4	
							224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3		
							229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3		
							229008	Cơ sở dữ liệu	3	4.4	
							229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1		
							229021	Lập trình web	3		
							229031	Trí tuệ nhân tạo	3	VT	
							229038	Nhập môn lập trình	3	3.9	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
174	2117110350	Lê Trọng Tường	CCQ1711E	40	5.37	229042	Lập trình Windows (C#)	3		
						229086	Cấu trúc rời rạc	2	3.9	
						229104	Kỹ thuật lập trình	2		
						229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
175	2117140089	Phan Anh Quốc	CCQ1711E	76	7.17	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1	VT	
						229042	Lập trình Windows (C#)	3		
						229090	Chuyên đề thực tập 1	1		
						229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
176	2117250002	Bùi Thị Ngọc Ánh	CCQ1711E	14	3.43	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						10	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222003	Đại số tuyến tính	2	4.2	
						222033	Toán ứng dụng A	3	3.5	
						224004	Anh văn 2	3		
						224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3	4.8	
						224016	Anh văn 3	3		
						229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3		
						229005	Kiến trúc máy tính	2	3.8	
						229008	Cơ sở dữ liệu	3	VT	
						229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1	VT	
						229014	Hệ điều hành	2	3.6	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
176	2117250002	Bùi Thị Ngọc Ánh	CCQ1711E	14	3.43	229019	Lập trình hướng đối tượng	2	VT	
						229021	Lập trình web	3		
						229022	Mạng máy tính	2	3.1	
						229025	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin (UML)	3		
						229031	Trí tuệ nhân tạo	3		
						229038	Nhập môn lập trình	3		
						229042	Lập trình Windows (C#)	3		
						229055	Phần mềm xử lý ảnh (Photoshop)	2	3.7	
						229086	Cấu trúc rời rạc	2	2.6	
						229090	Chuyên đề thực tập 1	1	3.0	
						229098	Hệ quản trị SQL Server	2		
						229102	Kiểm thử phần mềm cơ bản	2		
						229104	Kỹ thuật lập trình	2	VT	
						229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
177	2117250004	Võ Thị Lê	CCQ1711E	44	5.18	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						10	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3	4.9	
						229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	4.5	
						229008	Cơ sở dữ liệu	3	4.0	
						229019	Lập trình hướng đối tượng	2	4.8	
						229021	Lập trình web	3		
						229022	Mạng máy tính	2		
						229031	Trí tuệ nhân tạo	3		
						229038	Nhập môn lập trình	3	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
177	2117250004	Võ Thị Lê	CCQ1711E	44	5.18	229042	Lập trình Windows (C#)	3		
						229098	Hệ quản trị SQL Server	2		
						229104	Kỹ thuật lập trình	2	VT	
						229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5	3.8	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
178	2117250009	Nguyễn Thị Hồng Sang	CCQ1711E	47	4.96	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						10	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3	4.6	
						229005	Kiến trúc máy tính	2	4.4	
						229011	Đồ án chuyên ngành (Tin)	1	VT	
						229019	Lập trình hướng đối tượng	2	4.2	
						229021	Lập trình web	3	VT	
						229022	Mạng máy tính	2	4.2	
						229031	Trí tuệ nhân tạo	3		
						229038	Nhập môn lập trình	3		
						229042	Lập trình Windows (C#)	3		
						229098	Hệ quản trị SQL Server	2	2.9	
						229114	Thực tập tốt nghiệp (Tin)	4		
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	4 TC (Min)	4
0101 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		234006 Bóng đá 1	2							
		234007 Bóng rổ 1	2							
		234008 Cầu lông 1	2							
		234009 Aerobic 1	2							
		234010 Bóng đá 2	2							
		234011 Bóng rổ 2	2							
		234013 Cầu lông 2	2							
		234014 Aerobic 2	2							
Nhóm TC 02 :		2 TC (Min)	2							
0201 .		222010 Logic học đại cương	2							
		222024 Xác suất thống kê	2							
		226036 Tâm lý học đại cương	2							
		231016 Corel Draw	2							
Nhóm TC 03 :		4 TC (Min)	4							
0302 .		234002 Bóng chuyền 1	2							
		234003 Bóng chuyền 2	2							
0303 .		234006 Bóng đá 1	2							
		234010 Bóng đá 2	2							
0304 .		234007 Bóng rổ 1	2							
		234011 Bóng rổ 2	2							
0305 .		234008 Cầu lông 1	2							
		234013 Cầu lông 2	2							
0306 .		234009 Aerobic 1	2							
		234014 Aerobic 2	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2							
		222017 Tiếng Việt thực hành B	2							
		226017 Môi trường và con người	2							
		226035 Soạn thảo văn bản	2							
		229030 Tin học văn phòng	2							

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
Nhóm TC 05 :		2 TC (Min)	2							
0501 .		229084 Bảo mật Internet	2							
		229094 Chuyên đề ứng dụng cho lập trình Web	2							
		229095 Chuyên đề ứng dụng Javascript	2							
		229118 Phần mềm mã nguồn mở	2							
Nhóm TC 06 :		2 TC (Min)	2							
0601 .		229103 Kiểm thử phần mềm tự động	2							
		229105 Lập trình Android	2							
		229106 Lập trình iOS	2							
Nhóm TC 07 :		5 TC (Min)	5							
0701 .		229041 Đồ án tốt nghiệp (Tin)	5							
		229054 Lập trình Java	3							
		229089 Chuyên đề ASP.NET	2							
Nhóm TC 08 :		3 TC (Min)	3							
0801 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							
Nhóm TC 09 :		2 TC (Min)	2							
0901 .		229028 Thiết kế web	3							
		229113 Thiết kế Web	2							
Nhóm TC 10 :		2 TC (Min)	2							
1001 .		229036 Lý thuyết đồ thị	3							
		229109 Lý thuyết đồ thị	2							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
Phòng Quản Lý Đào Tạo
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2017 - Quản trị kinh doanh (TN211712)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **80**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2117030313	Nguyễn Minh Tuyển	CCQ1712G	8	1.91	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222034	Toán ứng dụng C	3		
						223006	Chính trị 1	3		
						223007	Chính trị 2	3		
						224009	Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2		
						224016	Anh văn 3	3		
						225014	Nguyên lý kế toán	2	VT	
						225087	Nguyên lý thống kê	3	VT	
						226012	Kinh tế vi mô	3		
						226016	Marketing căn bản	2	VT	
						226020	Pháp luật đại cương	2	3.2	
						226022	Quản trị chất lượng (QT)	2		
						226025	Quản trị hành chính văn phòng	2		
						226026	Quản trị học	2	VT	
						226028	Quản trị marketing	2		
						226033	Quản trị tài chính	2	VT	
						226078	Thuế trong kinh doanh	2		
						226091	Quản trị ngoại thương	2		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2117030313	Nguyễn Minh	Tuyền	CCQ1712G	8	1.91	226093	Luật kinh doanh	2	VT	
							226154	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 1 (QT)	1		
							226155	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 2 (QT)	1		
							226163	Quản trị bán hàng	3		
							226165	Quản trị chiến lược	3		
							226167	Quản trị nhân sự	2		
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							226184	Khởi tạo doanh nghiệp	2	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
2	2117060035	Phạm Hoài	Nhân	CCQ1712G	7	1.29	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	VT	
							223006	Chính trị 1	3	VT	
							223007	Chính trị 2	3	VT	
							224003	Anh văn 1	3	VT	
							224004	Anh văn 2	3		
							224009	Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2		
							224016	Anh văn 3	3		
							225014	Nguyên lý kế toán	2		
							225087	Nguyên lý thống kê	3		
							226012	Kinh tế vi mô	3		
							226020	Pháp luật đại cương	2	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
2	2117060035	Phạm Hoài	Nhân	CCQ1712G	7	1.29	226022	Quản trị chất lượng (QT)	2	VT	
							226025	Quản trị hành chính văn phòng	2	VT	
							226026	Quản trị học	2	VT	
							226028	Quản trị marketing	2	VT	
							226033	Quản trị tài chính	2	VT	
							226078	Thuế trong kinh doanh	2		
							226091	Quản trị ngoại thương	2		
							226093	Luật kinh doanh	2	VT	
							226154	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 1 (QT)	1		
							226155	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 2 (QT)	1	VT	
							226163	Quản trị bán hàng	3	4.8	
							226167	Quản trị nhân sự	2	3.3	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							226184	Khởi tạo doanh nghiệp	2	VT	
							229100	Tin học	2	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
3	2117110076	Đỗ Văn	Chính	CCQ1712G	64	5.85	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							225014	Nguyên lý kế toán	2		
							226033	Quản trị tài chính	2	2.9	
							226154	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 1 (QT)	1	VT	
							226155	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 2 (QT)	1		
							226167	Quản trị nhân sự	2		
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
4	2117120001	Đặng Mai Xuân	Anh	CCQ1712A	77	6.96	226163	Quản trị bán hàng	3		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
5	2117120002	Nguyễn Trần Bích	Châu	CCQ1712A	52	5.39	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224009	Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2	VT	
							226012	Kinh tế vi mô	3	VT	
							226028	Quản trị marketing	2	3.6	
							226033	Quản trị tài chính	2	VT	
							226078	Thuế trong kinh doanh	2	VT	
							226091	Quản trị ngoại thương	2	4.1	
							226163	Quản trị bán hàng	3	VT	
							226167	Quản trị nhân sự	2	2.3	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
6	2117120003	Nguyễn Thị	Diễm	CCQ1712A	77	6.11	226163	Quản trị bán hàng	3		
7	2117120004	Lương Thị Thúy	Diễm	CCQ1712A	39	4.00	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	3.5	
							224003	Anh văn 1	3	VT	
							224004	Anh văn 2	3		
							224016	Anh văn 3	3		
							225087	Nguyên lý thống kê	3	3.1	
							226022	Quản trị chất lượng (QT)	2	VT	
							226078	Thuế trong kinh doanh	2	VT	
							226091	Quản trị ngoại thương	2	3.5	
							226163	Quản trị bán hàng	3	4.9	
							226165	Quản trị chiến lược	3	2.6	
							226167	Quản trị nhân sự	2	VT	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
8	2117120005	Võ Thị Kim	Diệu	CCQ1712A	68	6.47	224009	Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2	4.4	
							226033	Quản trị tài chính	2	2.7	
							226165	Quản trị chiến lược	3	4.1	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
9	2117120006	Nguyễn Thị Mỹ	Dung	CCQ1712A	78	6.20	226167	Quản trị nhân sự	2	3.9	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
10	2117120008	Phạm Thanh	Duy	CCQ1712A	77	5.98	226163	Quản trị bán hàng	3	4.8	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
11	2117120010	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	CCQ1712A	80	6.17	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
12	2117120012	Nguyễn Thị	Hà	CCQ1712A	80	6.97	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
13	2117120014	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	CCQ1712A	70	6.61	226033	Quản trị tài chính	2	4.6	
							226165	Quản trị chiến lược	3	3.5	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
14	2117120016	Hà Thị Ngọc	Huyền	CCQ1712A	72	5.65	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226165	Quản trị chiến lược	3	4.2	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
15	2117120020	Hà Lê Xuân	Hương	CCQ1712A	80	6.76	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
16	2117120022	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	CCQ1712A	71	6.44	224009	Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2	4.6	
							226028	Quản trị marketing	2	4.5	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
17	2117120023	Đỗ Thị Thùy	Linh	CCQ1712A	80	6.65	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
18	2117120025	Trần Thị Trúc	Mai	CCQ1712A	77	6.34	226163	Quản trị bán hàng	3		
19	2117120027	Đàng Lý Phương	Nam	CCQ1712A	80	6.36	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
20	2117120029	Bùi Nguyễn Thanh	Ngân	CCQ1712A	66	6.24	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226028	Quản trị marketing	2	4.7	
							226033	Quản trị tài chính	2	VT	
							226167	Quản trị nhân sự	2		
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
21	2117120033	Nguyễn Minh	Nguyệt	CCQ1712A	62	5.45	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	4.5	
							225014	Nguyên lý kế toán	2	2.8	
							226033	Quản trị tài chính	2	3.6	
							226167	Quản trị nhân sự	2	4.3	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							229100	Tin học	2	4.2	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
22	2117120036	Nguyễn Thị	Nhàn	CCQ1712A	66	5.69	222034	Toán ứng dụng C	3	4.2	
							224009	Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
22	2117120036	Nguyễn Thị	Nhàn	CCQ1712A	66	5.69	225014	Nguyên lý kế toán	2	VT	
							226012	Kinh tế vi mô	3	3.7	
							226033	Quản trị tài chính	2	3.6	
							226167	Quản trị nhân sự	2	4.1	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
23	2117120038	Nguyễn Ngọc Huỳnh	Như	CCQ1712A	73	6.29	224009	Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2	4.8	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
24	2117120039	Nguyễn Huỳnh	Như	CCQ1712A	73	5.75	226167	Quản trị nhân sự	2	3.3	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
25	2117120041	Phương Kỳ	Phong	CCQ1712A	80	7.25	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
26	2117120044	Nguyễn Thị Tuyết	Sương	CCQ1712A	80	6.48	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
27	2117120045	Nguyễn Thị Lệ	Tâm	CCQ1712A	65	6.04	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226012	Kinh tế vi mô	3	VT	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
28	2117120046	Lê Công	Thái	CCQ1712A	75	5.81	226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
29	2117120052	Huỳnh Kiều Tiên	CCQ1712A	67	5.96	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						226012	Kinh tế vi mô	3		
						226033	Quản trị tài chính	2	4.3	
						226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
30	2117120054	Nguyễn Thị Thiên Trang	CCQ1712A	30	3.76	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222034	Toán ứng dụng C	3	VT	
						223007	Chính trị 2	3	VT	
						224003	Anh văn 1	3	4.1	
						224009	Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2		
						224016	Anh văn 3	3	VT	
						225087	Nguyên lý thống kê	3	VT	
						226012	Kinh tế vi mô	3	4.6	
						226028	Quản trị marketing	2	3.7	
						226033	Quản trị tài chính	2	VT	
						226155	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 2 (QT)	1	VT	
						226165	Quản trị chiến lược	3		
						226167	Quản trị nhân sự	2	4.1	
						226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
						226184	Khởi tạo doanh nghiệp	2	VT	
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
30	2117120054	Nguyễn Thị Thiên	Trang	CCQ1712A	30	3.76	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
31	2117120055	Trần Thị Hoài	Trâm	CCQ1712A	58	5.29	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224003	Anh văn 1	3	VT	
							225014	Nguyên lý kế toán	2	2.8	
							226012	Kinh tế vi mô	3	4.8	
							226028	Quản trị marketing	2	4.0	
							226091	Quản trị ngoại thương	2	3.6	
							226167	Quản trị nhân sự	2	4.5	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
32	2117120057	Lê Thị Bích	Tri	CCQ1712A	80	6.74	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
33	2117120058	Nguyễn Thị Thu	Trinh	CCQ1712A	78	6.26	226025	Quản trị hành chính văn phòng	2		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
34	2117120059	Hồ Minh	Tuấn	CCQ1712A	70	5.80	226091	Quản trị ngoại thương	2	4.5	
							226163	Quản trị bán hàng	3		
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
35	2117120063	Phạm Thị Tường	Vi	CCQ1712A	80	6.62	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
36	2117120066	Trần Thị Kim	Xuân	CCQ1712A	62	5.20	03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223007	Chính trị 2	3	0.0	
							224009	Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2	0.0	
							225014	Nguyên lý kế toán	2	3.6	
							225087	Nguyên lý thống kê	3	4.4	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
36	2117120066	Trần Thị Kim	Xuân	CCQ1712A	62	5.20	226163	Quản trị bán hàng	3	0.0	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
37	2117120069	Trần Trung	Cường	CCQ1712B	70	5.86	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224009	Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2	4.4	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
38	2117120072	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	CCQ1712B	64	5.23	222034	Toán ứng dụng C	3	3.2	
							224009	Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2	4.1	
							226033	Quản trị tài chính	2	4.2	
							226091	Quản trị ngoại thương	2	3.6	
							226167	Quản trị nhân sự	2	VT	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
39	2117120073	Thân Thị Huyền	Dương	CCQ1712B	73	6.34	224009	Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2	3.8	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
40	2117120077	Trần Thanh	Hào	CCQ1712B	53	5.06	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223007	Chính trị 2	3	4.4	
							224004	Anh văn 2	3	4.4	
							224016	Anh văn 3	3	VT	
							226012	Kinh tế vi mô	3		
							226022	Quản trị chất lượng (QT)	2		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
40	2117120077	Trần Thanh	Hào	CCQ1712B	53	5.06	226033	Quản trị tài chính	2	2.9	
							226093	Luật kinh doanh	2	4.6	
							226167	Quản trị nhân sự	2		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
41	2117120079	Lương Hữu	Hậu	CCQ1712B	61	5.58	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224009	Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2	3.8	
							226028	Quản trị marketing	2	3.4	
							226033	Quản trị tài chính	2	VT	
							226078	Thuế trong kinh doanh	2		
							226091	Quản trị ngoại thương	2	4.2	
							226093	Luật kinh doanh	2	4.6	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
42	2117120082	Trần Phi	Hùng	CCQ1712B	70	5.82	226012	Kinh tế vi mô	3	3.8	
							226033	Quản trị tài chính	2	3.0	
							226167	Quản trị nhân sự	2	4.2	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
43	2117120083	Võ Hoàng	Khang	CCQ1712B	15	3.15	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	VT	
							223006	Chính trị 1	3		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
43	2117120083	Võ Hoàng Khang	CCQ1712B	15	3.15	223007	Chính trị 2	3		
						224004	Anh văn 2	3		
						224009	Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2		
						224016	Anh văn 3	3		
						226012	Kinh tế vi mô	3	4.1	
						226022	Quản trị chất lượng (QT)	2	VT	
						226025	Quản trị hành chính văn phòng	2	VT	
						226026	Quản trị học	2	VT	
						226028	Quản trị marketing	2		
						226033	Quản trị tài chính	2	VT	
						226078	Thuế trong kinh doanh	2		
						226091	Quản trị ngoại thương	2	VT	
						226093	Luật kinh doanh	2	4.3	
						226155	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 2 (QT)	1	VT	
						226163	Quản trị bán hàng	3	4.6	
						226165	Quản trị chiến lược	3	2.0	
						226167	Quản trị nhân sự	2	4.3	
						226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
						229100	Tin học	2		
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
44	2117120084	Nguyễn Minh Khiêm	CCQ1712B	60	5.39	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						224009	Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2	3.8	
						225014	Nguyên lý kế toán	2	2.4	
						226012	Kinh tế vi mô	3	4.6	
						226033	Quản trị tài chính	2	3.9	
						226163	Quản trị bán hàng	3	3.9	
						226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
44	2117120084	Nguyễn Minh	Khiêm	CCQ1712B	60	5.39	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
45	2117120085	Cao Thị Mỹ	Kiều	CCQ1712B	64	5.69	222034	Toán ứng dụng C	3	3.9	
							224009	Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2	4.3	
							226028	Quản trị marketing	2	4.1	
							226078	Thuế trong kinh doanh	2	4.0	
							226167	Quản trị nhân sự	2	3.3	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
46	2117120087	Trương Thị Kiều	Liên	CCQ1712B	73	6.27	224009	Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2	4.2	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
47	2117120089	Phạm Thị Thùy	Linh	CCQ1712B	51	5.66	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223007	Chính trị 2	3	4.7	
							224016	Anh văn 3	3		
							225014	Nguyên lý kế toán	2	4.0	
							226033	Quản trị tài chính	2	3.5	
							226091	Quản trị ngoại thương	2	4.6	
							226093	Luật kinh doanh	2	4.8	
							226155	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 2 (QT)	1		
							226163	Quản trị bán hàng	3		
							226167	Quản trị nhân sự	2	3.5	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
48	2117120093	Trần Thị Ngọc	Nhàn	CCQ1712B	80	6.66	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
49	2117120094	Lê Trọng	Nhân	CCQ1712B	30	3.38	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	VT	
							223007	Chính trị 2	3	3.9	
							224004	Anh văn 2	3	VT	
							225087	Nguyên lý thống kê	3	VT	
							226025	Quản trị hành chính văn phòng	2	4.5	
							226026	Quản trị học	2	4.6	
							226033	Quản trị tài chính	2	VT	
							226078	Thuế trong kinh doanh	2		
							226091	Quản trị ngoại thương	2	4.2	
							226093	Luật kinh doanh	2	2.7	
							226163	Quản trị bán hàng	3	4.6	
							226165	Quản trị chiến lược	3		
							226167	Quản trị nhân sự	2	3.0	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							229100	Tin học	2	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
50	2117120096	Trần Thị Thanh	Nhi	CCQ1712B	80	6.89	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
51	2117120098	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	CCQ1712B	78	6.88	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
51	2117120098	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	CCQ1712B	78	6.88	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
52	2117120099	Trần Viết	Phước	CCQ1712B	66	5.39	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226012	Kinh tế vi mô	3	3.2	
							226026	Quản trị học	2	3.8	
							226167	Quản trị nhân sự	2	4.1	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
53	2117120100	Đỗ Thị Bích	Phương	CCQ1712B	72	5.81	222034	Toán ứng dụng C	3	3.7	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
54	2117120102	Dương Thị Trúc	Phương	CCQ1712B	80	7.03	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
55	2117120104	Nguyễn Thị Tuyết	Phương	CCQ1712B	77	6.92	226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
56	2117120105	Trần Tuấn	Quang	CCQ1712B	62	5.36	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226012	Kinh tế vi mô	3		
							226025	Quản trị hành chính văn phòng	2		
							226091	Quản trị ngoại thương	2	4.8	
							226154	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 1 (QT)	1	VT	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
57	2117120106	Ngô Công Thế	Quyền	CCQ1712B	11	1.33	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
57	2117120106	Ngô Công Thế Quyền	CCQ1712B	11	1.33	03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						223006	Chính trị 1	3		
						223007	Chính trị 2	3	VT	
						224003	Anh văn 1	3	VT	
						224004	Anh văn 2	3		
						224009	Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2	VT	
						224016	Anh văn 3	3		
						225014	Nguyên lý kế toán	2	2.4	
						225087	Nguyên lý thống kê	3	VT	
						226012	Kinh tế vi mô	3	VT	
						226016	Marketing căn bản	2	4.3	
						226022	Quản trị chất lượng (QT)	2	VT	
						226025	Quản trị hành chính văn phòng	2	VT	
						226026	Quản trị học	2	4.0	
						226033	Quản trị tài chính	2	VT	
						226078	Thuế trong kinh doanh	2		
						226091	Quản trị ngoại thương	2	VT	
						226093	Luật kinh doanh	2	VT	
						226155	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 2 (QT)	1	VT	
						226163	Quản trị bán hàng	3	VT	
						226167	Quản trị nhân sự	2	VT	
						226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
						226184	Khởi tạo doanh nghiệp	2	VT	
						229100	Tin học	2		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
57	2117120106	Ngô Công Thế	Quyền	CCQ1712B	11	1.33	234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
58	2117120115	Phạm Đình Ý	Thảo	CCQ1712B	73	6.34	226033	Quản trị tài chính	2	4.0	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
59	2117120116	Trần Thị Thanh	Thắm	CCQ1712B	78	6.64	226167	Quản trị nhân sự	2	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
60	2117120117	Đinh Ngọc Trí	Thông	CCQ1712B	18	1.77	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223007	Chính trị 2	3	VT	
							224003	Anh văn 1	3	VT	
							224004	Anh văn 2	3	VT	
							224009	Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2		
							224016	Anh văn 3	3	VT	
							225014	Nguyên lý kế toán	2	VT	
							225087	Nguyên lý thống kê	3	VT	
							226012	Kinh tế vi mô	3	VT	
							226022	Quản trị chất lượng (QT)	2	VT	
							226028	Quản trị marketing	2	VT	
							226033	Quản trị tài chính	2	VT	
							226078	Thuế trong kinh doanh	2	VT	
							226091	Quản trị ngoại thương	2	VT	
							226093	Luật kinh doanh	2	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
60	2117120117	Đinh Ngọc Trí	Thông	CCQ1712B	18	1.77	226154	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 1 (QT)	1		
							226155	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 2 (QT)	1	VT	
							226163	Quản trị bán hàng	3	VT	
							226165	Quản trị chiến lược	3	VT	
							226167	Quản trị nhân sự	2	VT	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							226184	Khởi tạo doanh nghiệp	2	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
61	2117120119	Lê Thị Thanh	Thúy	CCQ1712B	73	6.11	224004	Anh văn 2	3	3.9	
							224009	Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2	3.7	
							226091	Quản trị ngoại thương	2	3.5	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
62	2117120121	Lê Thị Thủy	Tiên	CCQ1712B	64	5.54	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224009	Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2	VT	
							226026	Quản trị học	2	4.8	
							226033	Quản trị tài chính	2	3.6	
							226165	Quản trị chiến lược	3	VT	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
63	2117120122	Hoàng Thanh	Tính	CCQ1712B	75	6.15	226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
64	2117120123	Lê Thị Thùy	Trang	CCQ1712B	80	6.47	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
65	2117120125	Châu Ngọc Phương	Trinh	CCQ1712B	78	6.51	224009	Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2	4.3	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
65	2117120125	Châu Ngọc Phương	Trinh	CCQ1712B	78	6.51	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
66	2117120126	Dương Kim	Trọng	CCQ1712B	72	5.82	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224009	Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2	3.5	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
67	2117120127	Nguyễn Thị Cẩm	Trúc	CCQ1712B	77	6.41	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
68	2117120128	Lê Thị Yến	Trúc	CCQ1712B	73	6.17	226167	Quản trị nhân sự	2	4.6	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
69	2117120129	Nguyễn Hoài	Trung	CCQ1712B	72	5.51	225014	Nguyên lý kế toán	2	2.2	
							226163	Quản trị bán hàng	3	2.7	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
70	2117120130	Nguyễn Thị Ngọc	Truyền	CCQ1712B	59	5.19	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224009	Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2	4.3	
							226012	Kinh tế vi mô	3	VT	
							226022	Quản trị chất lượng (QT)	2	4.0	
							226033	Quản trị tài chính	2	4.8	
							226078	Thuế trong kinh doanh	2	3.2	
							226091	Quản trị ngoại thương	2	4.3	
							226155	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 2 (QT)	1		
							226167	Quản trị nhân sự	2	3.7	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
70	2117120130	Nguyễn Thị Ngọc	Truyền	CCQ1712B	59	5.19	234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
71	2117120131	Trịnh Ngọc	Trường	CCQ1712B	86	6.39	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
72	2117120132	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	CCQ1712B	60	5.43	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	4.1	
							224009	Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2	2.8	
							225087	Nguyên lý thống kê	3	3.7	
							226028	Quản trị marketing	2	4.3	
							226033	Quản trị tài chính	2	3.0	
							226163	Quản trị bán hàng	3	4.8	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
73	2117120134	Nguyễn Thị Cẩm	Vi	CCQ1712B	80	6.58	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
74	2117120135	Nguyễn Thị Kim	Yến	CCQ1712B	71	5.99	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224009	Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2	4.7	
							226012	Kinh tế vi mô	3	4.6	
							226091	Quản trị ngoại thương	2	4.6	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
75	2117120137	Trần Quốc	Anh	CCQ1712C	75	6.55	226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
76	2117120140	Đặng Phúc Bảo	Châu	CCQ1712C	78	6.37	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
77	2117120143	Nguyễn Thị Phương	Dung	CCQ1712C	69	5.99	224009	Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2	4.5	
							226028	Quản trị marketing	2	4.1	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
77	2117120143	Nguyễn Thị Phương Dung	CCQ1712C	69	5.99	226091	Quản trị ngoại thương	2	3.3	
						226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
78	2117120144	Nguyễn Đăng Dương	CCQ1712C	75	5.65	226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
79	2117120145	Nguyễn Quí Dương	CCQ1712C	27	3.27	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222034	Toán ứng dụng C	3	2.8	
						223006	Chính trị 1	3	VT	
						223007	Chính trị 2	3	VT	
						224004	Anh văn 2	3		
						224009	Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2	VT	
						224016	Anh văn 3	3	VT	
						225014	Nguyên lý kế toán	2	4.1	
						226012	Kinh tế vi mô	3		
						226025	Quản trị hành chính văn phòng	2	VT	
						226028	Quản trị marketing	2	4.7	
						226033	Quản trị tài chính	2	VT	
						226078	Thuế trong kinh doanh	2		
						226155	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 2 (QT)	1	VT	
						226163	Quản trị bán hàng	3	4.6	
						226165	Quản trị chiến lược	3	4.8	
						226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
						226184	Khởi tạo doanh nghiệp	2	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
79	2117120145	Nguyễn Quí Dương	CCQ1712C	27	3.27	234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
80	2117120148	Huỳnh Thị Trúc Giang	CCQ1712C	9	2.38	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222034	Toán ứng dụng C	3	VT	
						223006	Chính trị 1	3		
						223007	Chính trị 2	3	VT	
						224003	Anh văn 1	3	VT	
						224009	Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2	1.0	
						224016	Anh văn 3	3	4.1	
						225014	Nguyên lý kế toán	2	2.3	
						225087	Nguyên lý thống kê	3	3.4	
						226012	Kinh tế vi mô	3	VT	
						226016	Marketing căn bản	2	4.5	
						226022	Quản trị chất lượng (QT)	2	VT	
						226025	Quản trị hành chính văn phòng	2	VT	
						226026	Quản trị học	2	4.7	
						226028	Quản trị marketing	2	1.5	
						226033	Quản trị tài chính	2	1.5	
						226078	Thuế trong kinh doanh	2		
						226091	Quản trị ngoại thương	2	4.7	
						226154	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 1 (QT)	1	VT	
						226155	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 2 (QT)	1	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
80	2117120148	Huỳnh Thị Trúc	Giang	CCQ1712C	9	2.38	226163	Quản trị bán hàng	3		
							226165	Quản trị chiến lược	3	4.4	
							226167	Quản trị nhân sự	2		
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							226184	Khởi tạo doanh nghiệp	2	4.4	
							229100	Tin học	2		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
81	2117120150	Nguyễn Huỳnh Thúy	Hằng	CCQ1712C	80	6.39	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
82	2117120151	Huỳnh Thị	Hậu	CCQ1712C	75	6.61	226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
83	2117120153	Nguyễn Thị	Huyền	CCQ1712C	80	6.03	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
84	2117120155	Nguyễn Gia	Hưng	CCQ1712C	68	5.90	222034	Toán ứng dụng C	3	3.2	
							224009	Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2	4.7	
							226033	Quản trị tài chính	2	4.7	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
85	2117120156	Lê Đặng Mỹ	Hương	CCQ1712C	76	6.28	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224009	Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2	4.8	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
86	2117120158	Đinh Thị Thu	Hương	CCQ1712C	78	6.76	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
87	2117120159	Nguyễn Văn	Khiêm	CCQ1712C	75	5.74	226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
87	2117120159	Nguyễn Văn	Khiêm	CCQ1712C	75	5.74	234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
88	2117120160	Lưu Lê Đăng	Khoa	CCQ1712C	43	3.89	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224009	Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2	4.6	
							224016	Anh văn 3	3	VT	
							225087	Nguyên lý thống kê	3	VT	
							226012	Kinh tế vi mô	3	2.0	
							226026	Quản trị học	2	4.3	
							226028	Quản trị marketing	2	4.1	
							226033	Quản trị tài chính	2	VT	
							226078	Thuế trong kinh doanh	2	4.2	
							226091	Quản trị ngoại thương	2	VT	
							226163	Quản trị bán hàng	3	VT	
							226165	Quản trị chiến lược	3	VT	
							226167	Quản trị nhân sự	2	4.6	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
89	2117120163	Trần Thị	Lành	CCQ1712C	75	6.46	226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
90	2117120165	Lê Thị Mỹ	Lợi	CCQ1712C	75	5.90	226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
91	2117120167	Nguyễn Thị Kim	Ngân	CCQ1712C	75	6.25	226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
92	2117120169	Bùi Kim	Ngọc	CCQ1712C	77	6.23	226163	Quản trị bán hàng	3		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
92	2117120169	Bùi Kim	Ngọc	CCQ1712C	77	6.23	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
93	2117120171	Trần Thảo	Nguyên	CCQ1712C	73	6.05	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
94	2117120174	Lê Thị Mỹ	Nhân	CCQ1712C	73	5.84	224009	Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2	3.5	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
95	2117120175	Lê Thị Tuyết	Nhi	CCQ1712C	73	6.33	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
96	2117120177	Lê Minh	Nhựt	CCQ1712C	59	4.88	225014	Nguyên lý kế toán	2	3.6	
							225087	Nguyên lý thống kê	3	2.8	
							226012	Kinh tế vi mô	3	VT	
							226033	Quản trị tài chính	2	3.2	
							226078	Thuế trong kinh doanh	2	2.4	
							226167	Quản trị nhân sự	2	1.8	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							229100	Tin học	2	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
97	2117120180	Trần Thị Hồng	Phúc	CCQ1712C	80	6.46	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
98	2117120181	Nguyễn Thị Thanh	Phúc	CCQ1712C	78	7.04	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
99	2117120185	Lê Thị	Sang	CCQ1712C	56	5.51	08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224004	Anh văn 2	3		
							224016	Anh văn 3	3		
							225087	Nguyên lý thống kê	3	4.1	
							226012	Kinh tế vi mô	3	4.4	
							226091	Quản trị ngoại thương	2	3.5	
							226165	Quản trị chiến lược	3	4.3	
							226167	Quản trị nhân sự	2	3.3	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
100	2117120186	Trần Trân Vân	Sang	CCQ1712C	39	4.10	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	VT	
							223007	Chính trị 2	3	VT	
							225014	Nguyên lý kế toán	2	VT	
							225087	Nguyên lý thống kê	3		
							226012	Kinh tế vi mô	3	4.0	
							226022	Quản trị chất lượng (QT)	2	2.9	
							226028	Quản trị marketing	2	VT	
							226033	Quản trị tài chính	2	VT	
							226078	Thuế trong kinh doanh	2	VT	
							226091	Quản trị ngoại thương	2	VT	
							226163	Quản trị bán hàng	3	2.5	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							226184	Khởi tạo doanh nghiệp	2	4.3	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
101	2117120188	Hứa Ngọc	Thạch	CCQ1712C	44	4.61	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
101	2117120188	Hứa Ngọc	Thạch	CCQ1712C	44	4.61	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	2.2	
							224009	Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2	4.9	
							224016	Anh văn 3	3	4.5	
							225087	Nguyên lý thống kê	3	2.0	
							226012	Kinh tế vi mô	3	4.6	
							226016	Marketing căn bản	2	4.8	
							226078	Thuế trong kinh doanh	2	4.0	
							226155	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 2 (QT)	1	VT	
							226165	Quản trị chiến lược	3	4.5	
							226167	Quản trị nhân sự	2	1.4	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
102	2117120189	Nguyễn Thị	Thảo	CCQ1712C	75	6.31	226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
103	2117120190	Huỳnh Hồng	Thắm	CCQ1712C	75	6.58	226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
104	2117120192	Phạm Công	Thịnh	CCQ1712C	80	7.63	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
105	2117120193	Mai Quốc	Thịnh	CCQ1712C	28	3.71	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	4.3	
							223006	Chính trị 1	3	VT	
							224003	Anh văn 1	3	4.3	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
105	2117120193	Mai Quốc	Thịnh	CCQ1712C	28	3.71	224004	Anh văn 2	3		
							224009	Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2	VT	
							224016	Anh văn 3	3		
							226012	Kinh tế vi mô	3	VT	
							226022	Quản trị chất lượng (QT)	2	VT	
							226025	Quản trị hành chính văn phòng	2		
							226028	Quản trị marketing	2	VT	
							226078	Thuế trong kinh doanh	2	3.9	
							226091	Quản trị ngoại thương	2		
							226163	Quản trị bán hàng	3	VT	
							226165	Quản trị chiến lược	3	4.5	
							226167	Quản trị nhân sự	2	4.7	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							229100	Tin học	2	4.8	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
106	2117120194	Lê Văn	Tiến	CCQ1712C	75	6.21	226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
107	2117120196	Nguyễn Thị Bích	Trâm	CCQ1712C	78	6.72	226033	Quản trị tài chính	2	4.1	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
108	2117120198	Nguyễn Hoàng Phương	Trúc	CCQ1712C	78	6.68	226033	Quản trị tài chính	2	3.9	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
109	2117120199	Nguyễn Văn	Trung	CCQ1712C	75	6.19	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224009	Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2	4.1	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
110	2117120200	Huỳnh Ngọc	Điệp	CCQ1712C	75	5.76	226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
111	2117120202	Trương Văn	Tuấn	CCQ1712C	73	6.30	224009	Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2	4.7	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
112	2117120205	Nguyễn Thị Thu	Vân	CCQ1712C	76	6.18	226033	Quản trị tài chính	2	4.2	
							226167	Quản trị nhân sự	2	4.0	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
113	2117120206	Nguyễn Thị Cẩm	Yên	CCQ1712C	73	6.04	226091	Quản trị ngoại thương	2	3.3	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
114	2117120208	Nguyễn Thị Thùy	An	CCQ1712D	78	6.21	226025	Quản trị hành chính văn phòng	2	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
115	2117120210	Hoàng Đỗ Trường	An	CCQ1712D	66	5.46	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224009	Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2	0.0	
							226078	Thuế trong kinh doanh	2	0.0	
							226091	Quản trị ngoại thương	2	4.5	
							226167	Quản trị nhân sự	2	3.7	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
116	2117120211	Phạm Hoàng Ngọc	Anh	CCQ1712D	80	6.12	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
117	2117120212	Phan Gia	Bảo	CCQ1712D	74	5.63	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
118	2117120216	Đỗ Thị Kim	Chung	CCQ1712D	78	6.40	226078	Thuế trong kinh doanh	2	3.0	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
119	2117120224	Trần Thị Mỹ	Hạnh	CCQ1712D	80	7.43	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
120	2117120225	Phạm Thị Thúy	Hằng	CCQ1712D	64	5.09	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224016	Anh văn 3	3	VT	
							226012	Kinh tế vi mô	3	VT	
							226091	Quản trị ngoại thương	2	3.8	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
121	2117120229	Trương Thị	Lành	CCQ1712D	80	6.28	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
122	2117120231	Trần Nguyễn Xuân	Long	CCQ1712D	35	3.65	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223006	Chính trị 1	3	3.8	
							223007	Chính trị 2	3	VT	
							226012	Kinh tế vi mô	3	VT	
							226022	Quản trị chất lượng (QT)	2	VT	
							226025	Quản trị hành chính văn phòng	2	VT	
							226028	Quản trị marketing	2	4.6	
							226033	Quản trị tài chính	2	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
122	2117120231	Trần Nguyễn Xuân	Long	CCQ1712D	35	3.65	226078	Thuế trong kinh doanh	2	3.2	
							226091	Quản trị ngoại thương	2	VT	
							226093	Luật kinh doanh	2	VT	
							226163	Quản trị bán hàng	3	4.6	
							226165	Quản trị chiến lược	3	VT	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							226184	Khởi tạo doanh nghiệp	2	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
123	2117120236	Nguyễn Thị Bình	Nghi	CCQ1712D	77	6.77	226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
124	2117120237	Bùi Thị Mộng	Ngọc	CCQ1712D	75	6.41	226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
125	2117120238	Võ Hoàng Thanh	Ngọc	CCQ1712D	67	5.90	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	VT	
							223007	Chính trị 2	3	2.8	
							224009	Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2		
							226033	Quản trị tài chính	2	2.9	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
126	2117120239	Tô Thị Tuyết	Nhi	CCQ1712D	75	6.04	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							229100	Tin học	2	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
127	2117120240	Đào Yến	Nhi	CCQ1712D	77	6.24	226163	Quản trị bán hàng	3	4.7	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
128	2117120241	Nguyễn Thị	Ninh	CCQ1712D	75	6.29	226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
129	2117120243	Nguyễn Hoàng	Phong	CCQ1712D	80	5.91	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
130	2117120246	Trịnh Xuân	Quý	CCQ1712D	68	5.75	226025	Quản trị hành chính văn phòng	2	4.1	
							226163	Quản trị bán hàng	3	4.4	
							226167	Quản trị nhân sự	2		
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
131	2117120247	Trần Thị Trúc	Quyên	CCQ1712D	78	6.59	226033	Quản trị tài chính	2	4.1	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
132	2117120251	Phạm Thị Thu	Sương	CCQ1712D	78	6.47	226028	Quản trị marketing	2	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
133	2117120253	Lê Hoàng	Thanh	CCQ1712D	69	5.71	226033	Quản trị tài chính	2	3.4	
							226091	Quản trị ngoại thương	2	4.7	
							226167	Quản trị nhân sự	2	3.7	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
134	2117120254	Nguyễn Thị Thu	Thảo	CCQ1712D	72	5.88	226012	Kinh tế vi mô	3	4.2	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
135	2117120255	Tô Thị Hồng	Thuận	CCQ1712D	69	5.60	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
135	2117120255	Tô Thị Hồng	Thuận	CCQ1712D	69	5.60	222034	Toán ứng dụng C	3	VT	
							223007	Chính trị 2	3	4.0	
							224009	Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2		
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
136	2117120256	Lê Văn	Thượng	CCQ1712D	66	5.12	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							225014	Nguyên lý kế toán	2	VT	
							225087	Nguyên lý thống kê	3	VT	
							226078	Thuế trong kinh doanh	2	VT	
							226155	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 2 (QT)	1	VT	
							226167	Quản trị nhân sự	2		
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
137	2117120258	Võ Thị	Trang	CCQ1712D	78	7.20	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
138	2117120260	Lê Thị Thùy	Trang	CCQ1712D	75	6.47	226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
139	2117120262	Huỳnh Thị Bích	Trâm	CCQ1712D	77	6.52	226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
140	2117120265	Trần Thị Ngọc	Trâm	CCQ1712D	63	5.57	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							225087	Nguyên lý thống kê	3	VT	
							226028	Quản trị marketing	2	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
140	2117120265	Trần Thị Ngọc	Trâm	CCQ1712D	63	5.57	226091	Quản trị ngoại thương	2	VT	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
141	2117120267	Nguyễn Bảo Diễm	Trúc	CCQ1712D	80	6.83	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
142	2117120268	Lê Đức Anh	Tuấn	CCQ1712D	75	5.97	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
143	2117120271	Phạm Thanh	Tùng	CCQ1712D	66	5.50	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224009	Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2	4.9	
							226033	Quản trị tài chính	2	4.1	
							226167	Quản trị nhân sự	2	4.4	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
144	2117120272	Nguyễn Vũ Anh	Văn	CCQ1712D	68	6.22	224009	Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2	4.5	
							226012	Kinh tế vi mô	3	2.7	
							226033	Quản trị tài chính	2	3.8	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
145	2117120275	Đặng Thị Hồng	Yến	CCQ1712D	40	4.50	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	VT	
							224003	Anh văn 1	3	2.3	
							224004	Anh văn 2	3	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
145	2117120275	Đặng Thị Hồng Yến	CCQ1712D	40	4.50	224016	Anh văn 3	3	VT	
						225014	Nguyên lý kế toán	2	2.4	
						226012	Kinh tế vi mô	3		
						226016	Marketing căn bản	2	3.8	
						226022	Quản trị chất lượng (QT)	2	3.5	
						226028	Quản trị marketing	2	3.4	
						226091	Quản trị ngoại thương	2	2.5	
						226163	Quản trị bán hàng	3	4.6	
						226167	Quản trị nhân sự	2	3.8	
						226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
146	2117120277	Ngô Phương Anh	CCQ1712E	52	4.78	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						224009	Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2	VT	
						225087	Nguyên lý thống kê	3	VT	
						226033	Quản trị tài chính	2	2.1	
						226078	Thuế trong kinh doanh	2	3.2	
						226165	Quản trị chiến lược	3	4.7	
						226167	Quản trị nhân sự	2	3.7	
						226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
147	2117120279	Võ Thị Kim Chi	CCQ1712E	61	5.52	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						224009	Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
147	2117120279	Võ Thị Kim	Chi	CCQ1712E	61	5.52	226012	Kinh tế vi mô	3	3.6	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
148	2117120295	Trương Thị Thái	Hương	CCQ1712E	70	5.92	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223007	Chính trị 2	3	4.8	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
149	2117120297	Nguyễn Thị Thu	Hương	CCQ1712E	65	5.66	222034	Toán ứng dụng C	3	4.1	
							224009	Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2	3.3	
							225014	Nguyên lý kế toán	2	3.6	
							225087	Nguyên lý thống kê	3	2.7	
							226033	Quản trị tài chính	2	4.0	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
150	2117120298	Phạm Nguyễn Hoàng	Kim	CCQ1712E	51	4.72	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							225014	Nguyên lý kế toán	2	2.8	
							225087	Nguyên lý thống kê	3	VT	
							226025	Quản trị hành chính văn phòng	2	VT	
							226033	Quản trị tài chính	2	2.8	
							226078	Thuế trong kinh doanh	2		
							226093	Luật kinh doanh	2	3.3	
							226154	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 1 (QT)	1	VT	
							226155	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 2 (QT)	1	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
150	2117120298	Phạm Nguyễn Hoàng	Kim	CCQ1712E	51	4.72	226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
151	2117120303	Nguyễnthi Hằng	Nga	CCQ1712E	75	6.79	226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
152	2117120307	Lê Thị Tuyết	Nhi	CCQ1712E	75	6.33	226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
153	2117120310	Lê Thị	Nương	CCQ1712E	78	6.70	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
154	2117120311	Nguyễn Văn	Minh	CCQ1712E	49	4.46	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223006	Chính trị 1	3	4.3	
							223007	Chính trị 2	3	VT	
							224004	Anh văn 2	3	VT	
							224009	Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2		
							224016	Anh văn 3	3		
							226012	Kinh tế vi mô	3	VT	
							226022	Quản trị chất lượng (QT)	2	4.6	
							226093	Luật kinh doanh	2	4.6	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
155	2117120312	Nguyễn Kế	Phát	CCQ1712E	70	5.70	224009	Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2	4.0	
							226091	Quản trị ngoại thương	2	4.3	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
155	2117120312	Nguyễn Kế	Phát	CCQ1712E	70	5.70	226155	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 2 (QT)	1	VT	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
156	2117120315	Bùi Thị	Phương	CCQ1712E	75	6.87	226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
157	2117120316	Trần Thị Kim	Phượng	CCQ1712E	63	5.48	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	3.1	
							224016	Anh văn 3	3		
							226012	Kinh tế vi mô	3	VT	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
158	2117120317	Võ Thị	Quyên	CCQ1712E	60	5.53	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224009	Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2		
							226091	Quản trị ngoại thương	2	3.4	
							226163	Quản trị bán hàng	3		
							226165	Quản trị chiến lược	3		
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							226184	Khởi tạo doanh nghiệp	2	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
159	2117120318	Võ Thị Kim	Sang	CCQ1712E	75	6.54	226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
160	2117120319	Trần Thanh	Sơn	CCQ1712E	52	4.36	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
160	2117120319	Trần Thanh	Sơn	CCQ1712E	52	4.36	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224004	Anh văn 2	3	VT	
							224009	Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2	4.0	
							224016	Anh văn 3	3	VT	
							226025	Quản trị hành chính văn phòng	2	VT	
							226078	Thuế trong kinh doanh	2	1.8	
							226167	Quản trị nhân sự	2	4.2	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
161	2117120321	Nguyễn Thị Ngọc	Thanh	CCQ1712E	75	6.37	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226033	Quản trị tài chính	2	3.9	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
162	2117120323	Lê Thị Quỳnh	Thoa	CCQ1712E	80	6.67	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
163	2117120324	Ngô Huỳnh Bá	Thông	CCQ1712E	71	6.42	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226155	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 2 (QT)	1	VT	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
164	2117120325	Nguyễn Thị Anh	Thư	CCQ1712E	75	6.62	226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
165	2117120328	Võ Thị Thanh	Thư	CCQ1712E	75	7.06	226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
166	2117120329	Nguyễn Phạm Thủy	Tiên	CCQ1712E	70	6.20	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
166	2117120329	Nguyễn Phạm Thủy	Tiên	CCQ1712E	70	6.20	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
167	2117120331	Phan Thanh	Toàn	CCQ1712E	75	6.00	226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
168	2117120335	Huỳnh Nguyễn Băng	Tuyền	CCQ1712E	74	6.43	226154	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 1 (QT)	1	VT	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
169	2117120337	Nguyễn Thanh	Tuyền	CCQ1712E	46	4.51	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	2.9	
							223006	Chính trị 1	3	4.5	
							224009	Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2	0.0	
							225014	Nguyên lý kế toán	2	2.1	
							226012	Kinh tế vi mô	3	4.7	
							226025	Quản trị hành chính văn phòng	2	4.5	
							226033	Quản trị tài chính	2	4.1	
							226091	Quản trị ngoại thương	2	0.0	
							226163	Quản trị bán hàng	3	0.0	
							226167	Quản trị nhân sự	2	VT	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							229100	Tin học	2	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
169	2117120337	Nguyễn Thanh	Tuyền	CCQ1712E	46	4.51	R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
170	2117120338	Kiều Thị	Tuyết	CCQ1712E	73	6.40	225014	Nguyên lý kế toán	2	3.1	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
171	2117120339	Phạm Thị Tường	Vi	CCQ1712E	78	6.09	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226155	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 2 (QT)	1		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
172	2117120342	Nguyễn Thị Kiều	Xuân	CCQ1712E	71	5.90	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224009	Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2	4.3	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
173	2117120343	Huỳnh Kim	Yến	CCQ1712E	72	6.15	222034	Toán ứng dụng C	3	4.5	
							224009	Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2	4.9	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
174	2117120345	Ngô Đức	Anh	CCQ1712F	75	6.94	226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
175	2117120349	Bùi Thị Thanh	Bạch	CCQ1712F	44	4.02	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	4.0	
							224004	Anh văn 2	3	VT	
							224009	Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
175	2117120349	Bùi Thị Thanh	Bạch	CCQ1712F	44	4.02	224016	Anh văn 3	3	VT	
							226022	Quản trị chất lượng (QT)	2	VT	
							226025	Quản trị hành chính văn phòng	2	VT	
							226028	Quản trị marketing	2	4.7	
							226078	Thuế trong kinh doanh	2	VT	
							226091	Quản trị ngoại thương	2	3.6	
							226155	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 2 (QT)	1	VT	
							226167	Quản trị nhân sự	2	3.0	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
176	2117120351	Nguyễn Duy	Bi	CCQ1712F	80	6.46	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
177	2117120353	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	CCQ1712F	78	6.56	226167	Quản trị nhân sự	2	4.5	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
178	2117120355	Phạm Thị Hồng	Điệp	CCQ1712F	21	3.70	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	3.9	
							223006	Chính trị 1	3	4.8	
							223007	Chính trị 2	3		
							224004	Anh văn 2	3	VT	
							224009	Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2		
							224016	Anh văn 3	3	3.3	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
178	2117120355	Phạm Thị Hồng	Điệp	CCQ1712F	21	3.70	225014	Nguyên lý kế toán	2	3.6	
							225087	Nguyên lý thống kê	3	3.5	
							226012	Kinh tế vi mô	3	4.2	
							226025	Quản trị hành chính văn phòng	2	2.9	
							226033	Quản trị tài chính	2	2.9	
							226078	Thuế trong kinh doanh	2		
							226091	Quản trị ngoại thương	2	2.6	
							226093	Luật kinh doanh	2	3.2	
							226155	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 2 (QT)	1	VT	
							226165	Quản trị chiến lược	3	4.5	
							226167	Quản trị nhân sự	2	1.5	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							229100	Tin học	2	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
179	2117120360	Bùi Thị Mỹ	Hiếu	CCQ1712F	72	5.82	224009	Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2	VT	
							226155	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 2 (QT)	1	VT	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
180	2117120365	Đặng Thị Lan	Hương	CCQ1712F	80	6.21	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
181	2117120367	Trần Thị	Kỳ	CCQ1712F	82	7.44	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
182	2117120369	Võ Phương	Lin	CCQ1712F	75	6.14	226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
183	2117120374	Nguyễn Thị Yến	Ly	CCQ1712F	64	6.24	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
183	2117120374	Nguyễn Thị Yến	Ly	CCQ1712F	64	6.24	226025	Quản trị hành chính văn phòng	2		
							226033	Quản trị tài chính	2	3.7	
							226091	Quản trị ngoại thương	2	4.5	
							226167	Quản trị nhân sự	2		
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
184	2117120377	Phạm Văn	Nam	CCQ1712F	66	5.69	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224009	Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2	VT	
							226012	Kinh tế vi mô	3	4.5	
							226091	Quản trị ngoại thương	2	VT	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
185	2117120378	Hồ Thị Minh	Nguyệt	CCQ1712F	75	6.50	226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
186	2117120379	Lê Nho	Nhân	CCQ1712F	80	7.83	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
187	2117120381	Lê Quỳnh	Như	CCQ1712F	71	6.09	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
188	2117120383	Nguyễn	Pháp	CCQ1712F	80	7.55	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
189	2117120385	Tạ Thị Thu	Phương	CCQ1712F	68	5.56	08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							225014	Nguyên lý kế toán	2	3.6	
							226012	Kinh tế vi mô	3	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
189	2117120385	Tạ Thị Thu	Phương	CCQ1712F	68	5.56	226028	Quản trị marketing	2	4.7	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
190	2117120386	Vũ Hiệp	Phượng	CCQ1712F	75	6.94	226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
191	2117120387	Lưu Thị Tuyết	Phượng	CCQ1712F	69	5.96	226028	Quản trị marketing	2	3.9	
							226091	Quản trị ngoại thương	2	3.6	
							226167	Quản trị nhân sự	2	4.6	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
192	2117120389	Trịnh Thị	Quyền	CCQ1712F	70	6.51	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226033	Quản trị tài chính	2	3.1	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
193	2117120392	Phạm Trường	Sơn	CCQ1712F	70	6.13	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226167	Quản trị nhân sự	2	3.7	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
194	2117120395	Võ Thị Ngọc	Thảo	CCQ1712F	68	5.65	224003	Anh văn 1	3	4.9	
							226016	Marketing căn bản	2	3.4	
							226091	Quản trị ngoại thương	2	4.8	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
195	2117120400	Lê Thị Hoài	Thư	CCQ1712F	14	1.37	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
195	2117120400	Lê Thị Hoài Thư	CCQ1712F	14	1.37	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222034	Toán ứng dụng C	3	VT	
						223006	Chính trị 1	3	VT	
						223007	Chính trị 2	3	VT	
						224009	Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2	VT	
						224016	Anh văn 3	3	VT	
						225087	Nguyên lý thống kê	3	3.0	
						226012	Kinh tế vi mô	3	VT	
						226016	Marketing căn bản	2	3.8	
						226022	Quản trị chất lượng (QT)	2	VT	
						226025	Quản trị hành chính văn phòng	2	VT	
						226028	Quản trị marketing	2	VT	
						226033	Quản trị tài chính	2	VT	
						226078	Thuế trong kinh doanh	2	VT	
						226091	Quản trị ngoại thương	2		
						226093	Luật kinh doanh	2	VT	
						226154	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 1 (QT)	1	VT	
						226155	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 2 (QT)	1	VT	
						226163	Quản trị bán hàng	3	VT	
						226165	Quản trị chiến lược	3	VT	
						226167	Quản trị nhân sự	2		
						226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
						229100	Tin học	2	VT	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
195	2117120400	Lê Thị Hoài	Thư	CCQ1712F	14	1.37	R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
196	2117120404	Hoàng Văn	Thưởng	CCQ1712F	74	6.29	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	4.7	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
197	2117120407	Lê Ngọc Bảo	Trân	CCQ1712F	77	6.17	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
198	2117120413	Bùi Bùi Thị Ánh	Tuyết	CCQ1712F	61	5.16	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224009	Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2	0.0	
							225014	Nguyên lý kế toán	2	3.4	
							226033	Quản trị tài chính	2	VT	
							226078	Thuế trong kinh doanh	2	3.9	
							226163	Quản trị bán hàng	3	0.0	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
199	2117120414	Bùi Bảo	Tuyết	CCQ1712F	68	5.90	03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224009	Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2	4.8	
							226167	Quản trị nhân sự	2	3.6	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
200	2117120415	Mai Lê	Uyên	CCQ1712F	66	6.38	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223007	Chính trị 2	3	4.4	
							226012	Kinh tế vi mô	3	VT	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
200	2117120415	Mai Lê	Uyên	CCQ1712F	66	6.38	R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
201	2117120423	Nguyễn Thị Ngọc	Dáng	CCQ1712G	44	4.62	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223006	Chính trị 1	3	4.0	
							224004	Anh văn 2	3	3.7	
							224009	Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2	VT	
							224016	Anh văn 3	3	VT	
							226022	Quản trị chất lượng (QT)	2	2.9	
							226028	Quản trị marketing	2	3.6	
							226033	Quản trị tài chính	2	VT	
							226078	Thuế trong kinh doanh	2	VT	
							226091	Quản trị ngoại thương	2	VT	
							226155	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 2 (QT)	1	VT	
							226167	Quản trị nhân sự	2	3.3	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
202	2117120436	Trần Văn	Khoa	CCQ1712G	42	4.47	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223006	Chính trị 1	3	3.4	
							224003	Anh văn 1	3	2.2	
							224004	Anh văn 2	3	VT	
							224009	Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2		
							224016	Anh văn 3	3		
							226028	Quản trị marketing	2	4.0	
							226033	Quản trị tài chính	2	2.6	
							226078	Thuế trong kinh doanh	2	3.7	
							226091	Quản trị ngoại thương	2		
							226155	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 2 (QT)	1	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
202	2117120436	Trần Văn	Khoa	CCQ1712G	42	4.47	226165	Quản trị chiến lược	3	4.3	
							226167	Quản trị nhân sự	2	4.4	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
203	2117120437	Phan Đức	Linh	CCQ1712G	54	5.21	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224009	Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2		
							224016	Anh văn 3	3		
							226012	Kinh tế vi mô	3	2.4	
							226026	Quản trị học	2	2.8	
							226028	Quản trị marketing	2	4.7	
							226033	Quản trị tài chính	2	3.5	
							226091	Quản trị ngoại thương	2	4.6	
							226167	Quản trị nhân sự	2	3.0	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
204	2117120438	Lê Mỹ	Linh	CCQ1712G	14	2.14	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	VT	
							223006	Chính trị 1	3	VT	
							223007	Chính trị 2	3	3.7	
							224003	Anh văn 1	3	VT	
							224004	Anh văn 2	3	3.0	
							224009	Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2		
							224016	Anh văn 3	3		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
204	2117120438	Lê Mỹ	Linh	CCQ1712G	14	2.14	225014	Nguyên lý kế toán	2	4.3	
							225087	Nguyên lý thống kê	3	VT	
							226012	Kinh tế vi mô	3	VT	
							226022	Quản trị chất lượng (QT)	2	2.7	
							226028	Quản trị marketing	2		
							226033	Quản trị tài chính	2	VT	
							226078	Thuế trong kinh doanh	2	VT	
							226091	Quản trị ngoại thương	2	VT	
							226154	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 1 (QT)	1	VT	
							226155	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 2 (QT)	1	VT	
							226163	Quản trị bán hàng	3		
							226165	Quản trị chiến lược	3	VT	
							226167	Quản trị nhân sự	2	VT	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							226184	Khởi tạo doanh nghiệp	2	4.2	
							229100	Tin học	2	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
205	2117120440	Nguyễn Thị Trúc	Linh	CCQ1712G	68	5.60	08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	VT	
							224003	Anh văn 1	3	VT	
							224004	Anh văn 2	3	VT	
							224009	Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2		
							224016	Anh văn 3	3	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
206	2117120442	Phạm Thành	Lợi	CCQ1712G	75	6.21	226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
206	2117120442	Phạm Thành	Lợi	CCQ1712G	75	6.21	R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
207	2117120443	Nguyễn Thị Thanh	Nga	CCQ1712G	39	4.54	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	4.8	
							223006	Chính trị 1	3	3.6	
							223007	Chính trị 2	3		
							224009	Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2		
							226022	Quản trị chất lượng (QT)	2		
							226033	Quản trị tài chính	2	VT	
							226078	Thuế trong kinh doanh	2		
							226091	Quản trị ngoại thương	2		
							226155	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 2 (QT)	1	VT	
							226165	Quản trị chiến lược	3	VT	
							226167	Quản trị nhân sự	2		
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							229100	Tin học	2	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
208	2117120450	Lê Thị Yến	Nhi	CCQ1712G	68	6.28	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224009	Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2	4.2	
							226163	Quản trị bán hàng	3		
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
209	2117120452	Nguyễn Thanh	Phong	CCQ1712G	70	6.71	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
209	2117120452	Nguyễn Thanh	Phong	CCQ1712G	70	6.71	226012	Kinh tế vi mô	3	4.5	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
210	2117120453	Nguyễn Tiến	Phong	CCQ1712G	48	5.11	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	4.8	
							224009	Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2	3.9	
							224016	Anh văn 3	3		
							225014	Nguyên lý kế toán	2	4.0	
							226033	Quản trị tài chính	2	3.0	
							226091	Quản trị ngoại thương	2	4.2	
							226155	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 2 (QT)	1	VT	
							226163	Quản trị bán hàng	3		
							226167	Quản trị nhân sự	2	2.2	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
211	2117120455	Hà Minh	Phương	CCQ1712G	75	5.81	226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
212	2117120456	Nguyễn Huỳnh Thanh	Phương	CCQ1712G	35	4.16	03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	4.6	
							223007	Chính trị 2	3	3.5	
							224003	Anh văn 1	3	4.8	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
212	2117120456	Nguyễn Huỳnh Thanh Phương	CCQ1712G	35	4.16	224004	Anh văn 2	3	4.8	
						224009	Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2	1.3	
						225014	Nguyên lý kế toán	2	3.7	
						226025	Quản trị hành chính văn phòng	2	VT	
						226026	Quản trị học	2	2.9	
						226033	Quản trị tài chính	2	VT	
						226078	Thuế trong kinh doanh	2	3.6	
						226091	Quản trị ngoại thương	2		
						226093	Luật kinh doanh	2	4.5	
						226154	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 1 (QT)	1		
						226155	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 2 (QT)	1	VT	
						226163	Quản trị bán hàng	3		
						226167	Quản trị nhân sự	2	2.3	
						226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
						229100	Tin học	2	VT	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
213	2117120458	Chu Thị Phượng	CCQ1712G	71	6.05	03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						226093	Luật kinh doanh	2	VT	
						226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
214	2117120459	Võ Thành Quang	CCQ1712G	30	3.61	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
214	2117120459	Võ Thành Quang	CCQ1712G	30	3.61	223006	Chính trị 1	3	3.2	
						223007	Chính trị 2	3		
						224003	Anh văn 1	3	VT	
						224004	Anh văn 2	3	VT	
						224009	Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2		
						224016	Anh văn 3	3		
						226025	Quản trị hành chính văn phòng	2		
						226028	Quản trị marketing	2	VT	
						226033	Quản trị tài chính	2	VT	
						226078	Thuế trong kinh doanh	2	VT	
						226091	Quản trị ngoại thương	2		
						226154	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 1 (QT)	1	VT	
						226155	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 2 (QT)	1		
						226165	Quản trị chiến lược	3		
						226167	Quản trị nhân sự	2	2.0	
						226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5	VT	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
215	2117120460	Lê Đình Sơn	CCQ1712G	43	4.75	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						223006	Chính trị 1	3	3.8	
						224004	Anh văn 2	3	4.3	
						224009	Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2		
						224016	Anh văn 3	3	4.5	
						226012	Kinh tế vi mô	3		
						226022	Quản trị chất lượng (QT)	2	4.8	
						226033	Quản trị tài chính	2	2.6	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
215	2117120460	Lê Đình Sơn	CCQ1712G	43	4.75	226078	Thuế trong kinh doanh	2		
						226091	Quản trị ngoại thương	2	4.0	
						226155	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 2 (QT)	1	VT	
						226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
216	2117120466	Lê Văn Thịnh	CCQ1712G	28	3.39	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						223007	Chính trị 2	3	3.9	
						224004	Anh văn 2	3	VT	
						225087	Nguyên lý thống kê	3	VT	
						226012	Kinh tế vi mô	3		
						226025	Quản trị hành chính văn phòng	2	3.6	
						226028	Quản trị marketing	2	3.4	
						226033	Quản trị tài chính	2	0.0	
						226078	Thuế trong kinh doanh	2	VT	
						226091	Quản trị ngoại thương	2	1.6	
						226093	Luật kinh doanh	2	VT	
						226154	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 1 (QT)	1	VT	
						226155	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 2 (QT)	1	VT	
						226163	Quản trị bán hàng	3	VT	
						226165	Quản trị chiến lược	3	4.7	
						226167	Quản trị nhân sự	2	2.1	
						226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
216	2117120466	Lê Văn	Thịnh	CCQ1712G	28	3.39	226184	Khởi tạo doanh nghiệp	2	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
217	2117120467	Nguyễn Thị Thi	Thơ	CCQ1712G	75	5.94	226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
218	2117120470	Phan Võ Anh	Thư	CCQ1712G	67	5.87	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224009	Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2	3.1	
							226033	Quản trị tài chính	2	4.2	
							226091	Quản trị ngoại thương	2	4.6	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
219	2117120472	Nguyễn Tấn	Thưởng	CCQ1712G	66	5.69	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226026	Quản trị học	2	2.8	
							226033	Quản trị tài chính	2	3.3	
							226091	Quản trị ngoại thương	2		
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
220	2117120474	Nguyễn Thị Bích	Trang	CCQ1712G	45	4.06	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	0.0	
							223006	Chính trị 1	3	0.0	
							223007	Chính trị 2	3	2.0	
							225014	Nguyên lý kế toán	2	3.7	
							225087	Nguyên lý thống kê	3	0.0	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
220	2117120474	Nguyễn Thị Bích	Trang	CCQ1712G	45	4.06	226028	Quản trị marketing	2	4.7	
							226033	Quản trị tài chính	2	3.4	
							226091	Quản trị ngoại thương	2	0.0	
							226154	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 1 (QT)	1	VT	
							226167	Quản trị nhân sự	2	3.5	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
221	2117120477	Nguyễn Thị Thanh	Trí	CCQ1712G	78	7.08	226091	Quản trị ngoại thương	2	4.5	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
222	2117120478	Mai Thị Lan	Trinh	CCQ1712G	37	3.93	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223007	Chính trị 2	3	VT	
							224009	Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2	VT	
							226012	Kinh tế vi mô	3	4.2	
							226022	Quản trị chất lượng (QT)	2	VT	
							226025	Quản trị hành chính văn phòng	2		
							226028	Quản trị marketing	2	VT	
							226033	Quản trị tài chính	2	VT	
							226078	Thuế trong kinh doanh	2		
							226091	Quản trị ngoại thương	2	VT	
							226155	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 2 (QT)	1	VT	
							226163	Quản trị bán hàng	3	VT	
							226165	Quản trị chiến lược	3		
							226167	Quản trị nhân sự	2	4.0	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
222	2117120478	Mai Thị Lan	Trinh	CCQ1712G	37	3.93	226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							229100	Tin học	2	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
223	2117120482	Nguyễn Thị Bích	Tuyền	CCQ1712G	75	6.37	226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
224	2117120483	Trần Đình	Văn	CCQ1712G	16	2.38	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	VT	
							223007	Chính trị 2	3		
							224004	Anh văn 2	3	VT	
							224009	Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2		
							224016	Anh văn 3	3		
							225014	Nguyên lý kế toán	2	VT	
							225087	Nguyên lý thống kê	3		
							226012	Kinh tế vi mô	3	4.2	
							226022	Quản trị chất lượng (QT)	2		
							226025	Quản trị hành chính văn phòng	2		
							226026	Quản trị học	2	1.5	
							226028	Quản trị marketing	2	VT	
							226033	Quản trị tài chính	2	VT	
							226078	Thuế trong kinh doanh	2	VT	
							226091	Quản trị ngoại thương	2	VT	
							226154	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 1 (QT)	1	VT	
							226155	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 2 (QT)	1		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
224	2117120483	Trần Đình	Văn	CCQ1712G	16	2.38	226163	Quản trị bán hàng	3	2.5	
							226165	Quản trị chiến lược	3	3.4	
							226167	Quản trị nhân sự	2		
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							229100	Tin học	2	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
225	2117120484	Trần Khánh	Vân	CCQ1712G	72	6.18	226163	Quản trị bán hàng	3		
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
226	2117120491	Nguyễn Thị Kim	Ngân	CCQ1712A	80	7.61	08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
227	2117170128	Phan Khánh	Tâm	CCQ1712G	69	5.87	224009	Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2	4.8	
							224016	Anh văn 3	3	4.8	
							226155	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 2 (QT)	1	VT	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	2 TC (Min)	2
0101 .	222017 Tiếng Việt thực hành B	2
	222024 Xác suất thống kê	2
	226017 Môi trường và con người	2
	226036 Tâm lý học đại cương	2
	229030 Tin học văn phòng	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2
0201 .	226018 Nghệ thuật lãnh đạo	2
	226035 Soạn thảo văn bản	2
	226161 Quản lý sự đa dạng trong môi	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		trường làm việc (QT)								
		226178 Xây dựng, phân tích mối quan hệ kinh doanh	2							
Nhóm TC 03 :		4 TC (Min)	4							
0301 .		234002 Bóng chuyền 1	2							
		234003 Bóng chuyền 2	2							
		234006 Bóng đá 1	2							
		234007 Bóng rổ 1	2							
		234008 Cầu lông 1	2							
		234009 Aerobic 1	2							
		234010 Bóng đá 2	2							
		234011 Bóng rổ 2	2							
		234013 Cầu lông 2	2							
		234014 Aerobic 2	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		226041 Tâm lý kinh doanh	2							
		226063 Phân tích và đầu tư chứng khoán	2							
		226101 Đàm phán trong kinh doanh	2							
Nhóm TC 05 :		4 TC (Min)	4							
0502 .		234002 Bóng chuyền 1	2							
		234003 Bóng chuyền 2	2							
0503 .		234006 Bóng đá 1	2							
		234010 Bóng đá 2	2							
0504 .		234007 Bóng rổ 1	2							
		234011 Bóng rổ 2	2							
0505 .		234008 Cầu lông 1	2							
		234013 Cầu lông 2	2							
0506 .		234009 Aerobic 1	2							
		234014 Aerobic 2	2							
Nhóm TC 06 :		2 TC (Min)	2							
0601 .		226031 Quản trị rủi ro	2							

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		226058 Logistics	2							
		226083 Marketing quốc tế	2							
Nhóm TC 07 :		5 TC (Min)	5							
0701 .		226034 Quản trị thương hiệu	2							
		226044 Khóa luận tốt nghiệp (QTKD)	5							
		226045 Phân tích hoạt động doanh nghiệp	3							
Nhóm TC 08 :		3 TC (Min)	3							
0801 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
Phòng Quản Lý Đào Tạo
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2017 - Quản trị kinh doanh CLC (TN211712L)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **80**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2117120495	Võ Đông	Sơn	CCQ1712LA	76	6.51	224009	Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2	2.3	
							225040	Quản trị ngoại thương	2	4.3	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
2	2117120496	Nguyễn Tấn	Tài	CCQ1712LA	75	6.30	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							225040	Quản trị ngoại thương	2	4.4	
							226154	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 1 (QT)	1	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
3	2117120497	Nguyễn Thị	Thanh	CCQ1712LA	80	7.72	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
4	2117120500	Trần Chí	Toàn	CCQ1712LA	80	6.92	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
5	2117120501	Trần Vũ	Trang	CCQ1712LA	66	5.50	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224001	TOEIC 1	3	3.9	
							225040	Quản trị ngoại thương	2	4.7	
							226033	Quản trị tài chính	2	4.4	
							226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
6	2117120502	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	CCQ1712LA	80	8.42	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
6	2117120502	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	CCQ1712LA	80	8.42	R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	2 TC (Min)	2
0101 .	222017 Tiếng Việt thực hành B	2
	222024 Xác suất thống kê	2
	226017 Môi trường và con người	2
	226036 Tâm lý học đại cương	2
	229030 Tin học văn phòng	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2
0201 .	226018 Nghệ thuật lãnh đạo	2
	226035 Soạn thảo văn bản	2
	226161 Quản lý sự đa dạng trong môi trường làm việc (QT)	2
	226178 Xây dựng, phân tích mối quan hệ kinh doanh	2
Nhóm TC 03 :	2 TC (Min)	2
0301 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
Nhóm TC 04 :	2 TC (Min)	2
0401 .	226041 Tâm lý kinh doanh	2
	226063 Phân tích và đầu tư chứng khoán	2
	226101 Đàm phán trong kinh doanh	2
Nhóm TC 05 :	2 TC (Min)	2
0501 .	226031 Quản trị rủi ro	2
	226058 Logistics	2
	226083 Marketing quốc tế	2
Nhóm TC 06 :	5 TC (Min)	5

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
0601 .										
		226034	Quản trị thương hiệu	2						
		226044	Khóa luận tốt nghiệp (QTKD)	5						
		226045	Phân tích hoạt động doanh nghiệp	3						

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
Phòng Quản Lý Đào Tạo
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2017 - May (TN211713)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **90**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2117130001	Lê Thị Trâm	Anh	CCQ1713A	83	6.83	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							231170	Thực tập may trang phục cao cấp 2	4		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
2	2117130003	Đặng Thị Kim	Cương	CCQ1713A	90	7.14	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
3	2117130011	Nguyễn Thị	Hạnh	CCQ1713A	90	6.41	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
4	2117130019	Trần Văn	Khoa	CCQ1713A	30	2.58	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	VT	
							223007	Chính trị 2	3		
							224007	Anh văn chuyên ngành (May)	2	VT	
							224016	Anh văn 3	3	VT	
							229100	Tin học	2		
							231020	Đồ án công nghệ may trang phục	1	0.0	
							231065	Thực tập tin học ứng dụng ngành may	2	VT	
							231067	Tổ chức và quản lý may công nghiệp	2	VT	
							231131	Vật liệu may	2	4.0	
							231149	Chuyên đề 1 (May)	1	1.0	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
4	2117130019	Trần Văn	Khoa	CCQ1713A	30	2.58	231150	Chuyên đề 2 (May)	1	3.0	
							231157	Công nghệ may trang phục 2	4	VT	
							231166	Thiết kế trang phục cơ bản	3	2.5	
							231167	Thiết kế trang phục cao cấp	2	VT	
							231169	Thực tập may trang phục cao cấp 1	3	VT	
							231170	Thực tập may trang phục cao cấp 2	4	VT	
							231173	Thực tập thiết kế rập công nghiệp	2		
							231174	Thực tập thiết kế trang phục cơ bản	2	VT	
							231178	Vẽ kỹ thuật ngành may	2	3.9	
							231179	Thực tập tốt nghiệp may	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
5	2117130026	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	CCQ1713A	70	5.61	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							231020	Đồ án công nghệ may trang phục	1	0.5	
							231065	Thực tập tin học ứng dụng ngành may	2	VT	
							231067	Tổ chức và quản lý may công nghiệp	2	VT	
							231150	Chuyên đề 2 (May)	1	VT	
							231170	Thực tập may trang phục cao cấp 2	4	VT	
							231179	Thực tập tốt nghiệp may	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
6	2117130028	Phạm Thị Mỹ	Nhàn	CCQ1713A	90	6.31	234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
7	2117130029	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	CCQ1713A	83	6.13	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							231170	Thực tập may trang phục cao cấp 2	4		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
8	2117130030	Ka	Nhẫn	CCQ1713A	86	7.43	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							231150	Chuyên đề 2 (May)	1	2.0	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
9	2117130035	Phan Thị Như	Phương	CCQ1713A	47	6.09	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224007	Anh văn chuyên ngành (May)	2		
							224016	Anh văn 3	3		
							226020	Pháp luật đại cương	2		
							231020	Đồ án công nghệ may trang phục	1		
							231065	Thực tập tin học ứng dụng ngành may	2		
							231067	Tổ chức và quản lý may công nghiệp	2		
							231149	Chuyên đề 1 (May)	1		
							231150	Chuyên đề 2 (May)	1		
							231157	Công nghệ may trang phục 2	4		
							231167	Thiết kế trang phục cao cấp	2	4.6	
							231169	Thực tập may trang phục cao cấp 1	3		
							231170	Thực tập may trang phục cao cấp 2	4		
							231173	Thực tập thiết kế rập công nghiệp	2		
							231178	Vẽ kỹ thuật ngành may	2	3.5	
							231179	Thực tập tốt nghiệp may	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
10	2117130037	Đinh Thị Kim	Phượng	CCQ1713A	83	6.34	231020	Đồ án công nghệ may trang phục	1	3.0	
							231025	Hệ thống cỡ số trang phục	2	4.5	
							231170	Thực tập may trang phục cao cấp 2	4		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
10	2117130037	Đinh Thị Kim	Phượng	CCQ1713A	83	6.34	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
11	2117130041	Phan Thị	Sâm	CCQ1713A	81	6.45	224003	Anh văn 1	3	4.2	
							224007	Anh văn chuyên ngành (May)	2	4.7	
							226020	Pháp luật đại cương	2	4.9	
							231167	Thiết kế trang phục cao cấp	2	4.6	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
12	2117130043	Lê Thị Kim	Thảo	CCQ1713A	90	6.88	234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
13	2117130044	Trần Thị Kim	Thảo	CCQ1713A	90	6.50	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
14	2117130050	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	CCQ1713A	90	6.48	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
15	2117130051	Lê Thị Kim	Tiến	CCQ1713A	90	6.95	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
16	2117130054	Võ Thị Diễm	Trinh	CCQ1713A	87	6.83	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
17	2117130055	Nguyễn Thị Kiều	Trinh	CCQ1713A	86	6.68	231170	Thực tập may trang phục cao cấp 2	4		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
18	2117130056	Tạ Đỗ Như	Trinh	CCQ1713A	19	2.01	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	VT	
							223006	Chính trị 1	3	4.2	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
18	2117130056	Tạ Đỗ Như	Trinh	CCQ1713A	19	2.01	223007	Chính trị 2	3	VT	
							224003	Anh văn 1	3	3.1	
							224004	Anh văn 2	3	VT	
							224007	Anh văn chuyên ngành (May)	2	VT	
							224016	Anh văn 3	3	VT	
							229100	Tin học	2		
							231020	Đồ án công nghệ may trang phục	1	0.0	
							231025	Hệ thống cỡ số trang phục	2	3.4	
							231065	Thực tập tin học ứng dụng ngành may	2	VT	
							231067	Tổ chức và quản lý may công nghiệp	2	VT	
							231145	Thực tập may quần áo cơ bản	4	VT	
							231149	Chuyên đề 1 (May)	1	1.0	
							231150	Chuyên đề 2 (May)	1	3.0	
							231157	Công nghệ may trang phục 2	4		
							231166	Thiết kế trang phục cơ bản	3	VT	
							231167	Thiết kế trang phục cao cấp	2	VT	
							231169	Thực tập may trang phục cao cấp 1	3	VT	
							231170	Thực tập may trang phục cao cấp 2	4		
							231173	Thực tập thiết kế rập công nghiệp	2	VT	
							231174	Thực tập thiết kế trang phục cơ bản	2		
							231178	Vẽ kỹ thuật ngành may	2	VT	
							231179	Thực tập tốt nghiệp may	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
19	2117130059	Lê Thị Thanh	Tuyền	CCQ1713A	87	7.25	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
20	2117130061	Lê Thị Mỹ	Uyên	CCQ1713A	87	7.07	224016	Anh văn 3	3	3.9	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
20	2117130061	Lê Thị Mỹ	Uyên	CCQ1713A	87	7.07	R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
21	2117130066	Phạm Yến	Vy	CCQ1713A	78	6.16	231020	Đồ án công nghệ may trang phục	1	0.0	
							231065	Thực tập tin học ứng dụng ngành may	2	VT	
							231157	Công nghệ may trang phục 2	4	VT	
							231166	Thiết kế trang phục cơ bản	3	VT	
							231173	Thực tập thiết kế rập công nghiệp	2	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
22	2117130070	Trần Ngọc	Ân	CCQ1713B	87	6.59	224016	Anh văn 3	3	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
23	2117130074	Võ Thị Minh	Châu	CCQ1713B	70	5.77	224007	Anh văn chuyên ngành (May)	2	4.2	
							224016	Anh văn 3	3	4.1	
							231065	Thực tập tin học ứng dụng ngành may	2		
							231157	Công nghệ may trang phục 2	4	3.8	
							231170	Thực tập may trang phục cao cấp 2	4	4.3	
							231179	Thực tập tốt nghiệp may	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
24	2117130075	Đỗ Thị Kim	Chi	CCQ1713B	82	6.57	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							231020	Đồ án công nghệ may trang phục	1	3.0	
							231170	Thực tập may trang phục cao cấp 2	4		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
25	2117130076	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	CCQ1713B	90	7.15	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
26	2117130080	Trương Thị	Hồng	CCQ1713B	83	6.29	222033	Toán ứng dụng A	3	4.4	
							231145	Thực tập may quần áo cơ bản	4	4.2	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
26	2117130080	Trương Thị	Hồng	CCQ1713B	83	6.29	R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
27	2117130083	Trương Thị Như	Huỳnh	CCQ1713B	73	6.27	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224003	Anh văn 1	3	4.3	
							224004	Anh văn 2	3		
							224016	Anh văn 3	3		
							226020	Pháp luật đại cương	2	4.0	
							231067	Tổ chức và quản lý may công nghiệp	2	3.6	
							231131	Vật liệu may	2	4.0	
							231173	Thực tập thiết kế rập công nghiệp	2	4.7	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
28	2117130085	Hồ Thị	Kiểm	CCQ1713B	87	7.26	224016	Anh văn 3	3	4.5	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
29	2117130089	Lê Thị Cẩm	Lệ	CCQ1713B	85	6.52	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							231167	Thiết kế trang phục cao cấp	2	3.6	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
30	2117130094	Trần Thị Mỹ	Linh	CCQ1713B	87	6.75	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
31	2117130095	Lê Huỳnh Nhã	Linh	CCQ1713B	14	2.51	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
31	2117130095	Lê Huỳnh Nhã	Linh	CCQ1713B	14	2.51	222033	Toán ứng dụng A	3	3.5	
							224003	Anh văn 1	3	VT	
							224004	Anh văn 2	3		
							224007	Anh văn chuyên ngành (May)	2	VT	
							224016	Anh văn 3	3		
							229100	Tin học	2	VT	
							231020	Đồ án công nghệ may trang phục	1		
							231025	Hệ thống cỡ số trang phục	2	3.2	
							231042	Thiết bị may công nghiệp và bảo trì	2	3.9	
							231065	Thực tập tin học ứng dụng ngành may	2		
							231067	Tổ chức và quản lý may công nghiệp	2	VT	
							231131	Vật liệu may	2	3.4	
							231145	Thực tập may quần áo cơ bản	4		
							231149	Chuyên đề 1 (May)	1	1.0	
							231150	Chuyên đề 2 (May)	1	VT	
							231156	Công nghệ may trang phục 1	5	1.0	
							231157	Công nghệ may trang phục 2	4		
							231166	Thiết kế trang phục cơ bản	3	VT	
							231167	Thiết kế trang phục cao cấp	2	VT	
							231169	Thực tập may trang phục cao cấp 1	3		
							231170	Thực tập may trang phục cao cấp 2	4		
							231173	Thực tập thiết kế rập công nghiệp	2		
							231174	Thực tập thiết kế trang phục cơ bản	2		
							231178	Vẽ kỹ thuật ngành may	2	2.6	
							231179	Thực tập tốt nghiệp may	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
32	2117130097	Phạm Thị Ái	Loan	CCQ1713B	82	6.25	231067	Tổ chức và quản lý may công nghiệp	2	4.4	
							231166	Thiết kế trang phục cơ bản	3	4.3	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
32	2117130097	Phạm Thị Ái	Loan	CCQ1713B	82	6.25	231169	Thực tập may trang phục cao cấp 1	3		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
33	2117130098	Võ Minh	Luân	CCQ1713B	86	6.23	08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	4.6	
							231020	Đồ án công nghệ may trang phục	1	3.0	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
34	2117130099	Lê Thị Bích	Ly	CCQ1713B	32	3.16	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	3.0	
							223007	Chính trị 2	3	VT	
							224003	Anh văn 1	3	VT	
							224004	Anh văn 2	3	2.7	
							224007	Anh văn chuyên ngành (May)	2	VT	
							224016	Anh văn 3	3		
							231020	Đồ án công nghệ may trang phục	1	2.5	
							231025	Hệ thống cỡ số trang phục	2	3.6	
							231065	Thực tập tin học ứng dụng ngành may	2	VT	
							231067	Tổ chức và quản lý may công nghiệp	2	3.0	
							231149	Chuyên đề 1 (May)	1	2.0	
							231150	Chuyên đề 2 (May)	1	VT	
							231156	Công nghệ may trang phục 1	5	1.0	
							231157	Công nghệ may trang phục 2	4	2.3	
							231166	Thiết kế trang phục cơ bản	3	2.8	
							231167	Thiết kế trang phục cao cấp	2	1.3	
							231169	Thực tập may trang phục cao cấp 1	3	VT	
							231170	Thực tập may trang phục cao cấp 2	4	VT	
							231174	Thực tập thiết kế trang phục cơ bản	2	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
34	2117130099	Lê Thị Bích	Ly	CCQ1713B	32	3.16	231178	Vẽ kỹ thuật ngành may	2	3.8	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
35	2117130106	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	CCQ1713B	83	6.58	231150	Chuyên đề 2 (May)	1	VT	
							231167	Thiết kế trang phục cao cấp	2	4.8	
							231170	Thực tập may trang phục cao cấp 2	4		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
36	2117130107	Đặng Thị Như	Ngọc	CCQ1713B	81	6.07	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							231145	Thực tập may quần áo cơ bản	4	4.4	
							231178	Vẽ kỹ thuật ngành may	2	3.0	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
37	2117130108	Huỳnh Thị Hạnh	Nguyên	CCQ1713B	86	6.64	231170	Thực tập may trang phục cao cấp 2	4	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
38	2117130109	Lê Tuyết Hồng	Nhi	CCQ1713B	23	3.19	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223006	Chính trị 1	3	4.8	
							224003	Anh văn 1	3	VT	
							224007	Anh văn chuyên ngành (May)	2	VT	
							224016	Anh văn 3	3		
							226020	Pháp luật đại cương	2	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
38	2117130109	Lê Tuyết Hồng	Nhi	CCQ1713B	23	3.19	229100	Tin học	2	VT	
							231020	Đồ án công nghệ may trang phục	1		
							231025	Hệ thống cỡ số trang phục	2	3.8	
							231065	Thực tập tin học ứng dụng ngành may	2		
							231067	Tổ chức và quản lý may công nghiệp	2	VT	
							231131	Vật liệu may	2	4.5	
							231149	Chuyên đề 1 (May)	1	1.0	
							231150	Chuyên đề 2 (May)	1	VT	
							231156	Công nghệ may trang phục 1	5	3.0	
							231157	Công nghệ may trang phục 2	4		
							231166	Thiết kế trang phục cơ bản	3	VT	
							231167	Thiết kế trang phục cao cấp	2	VT	
							231169	Thực tập may trang phục cao cấp 1	3		
							231170	Thực tập may trang phục cao cấp 2	4		
							231173	Thực tập thiết kế rập công nghiệp	2		
							231174	Thực tập thiết kế trang phục cơ bản	2		
							231178	Vẽ kỹ thuật ngành may	2	4.6	
							231179	Thực tập tốt nghiệp may	5	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
39	2117130112	Mai Huỳnh	Như	CCQ1713B	88	6.74	231131	Vật liệu may	2	4.5	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
40	2117130116	Hồ Thị	Quý	CCQ1713B	87	6.62	224016	Anh văn 3	3		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
41	2117130123	Lê Thị Thùy	Trang	CCQ1713B	62	5.81	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223007	Chính trị 2	3	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
41	2117130123	Lê Thị Thùy	Trang	CCQ1713B	62	5.81	224016	Anh văn 3	3		
							231149	Chuyên đề 1 (May)	1	1.0	
							231157	Công nghệ may trang phục 2	4		
							231166	Thiết kế trang phục cơ bản	3	3.4	
							231169	Thực tập may trang phục cao cấp 1	3	VT	
							231170	Thực tập may trang phục cao cấp 2	4		
							231174	Thực tập thiết kế trang phục cơ bản	2		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
42	2117130130	Cao Thị Ánh	Tuyết	CCQ1713B	87	6.22	222033	Toán ứng dụng A	3	4.6	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
43	2117130131	Đỗ Thị Ngọc	Tuyết	CCQ1713B	78	6.38	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							231020	Đồ án công nghệ may trang phục	1	3.0	
							231067	Tổ chức và quản lý may công nghiệp	2	4.7	
							231131	Vật liệu may	2	4.3	
							231170	Thực tập may trang phục cao cấp 2	4		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
44	2117130134	Nguyễn Thị Thúy	Vi	CCQ1713B	74	6.19	231065	Thực tập tin học ứng dụng ngành may	2		
							231067	Tổ chức và quản lý may công nghiệp	2	4.2	
							231150	Chuyên đề 2 (May)	1	VT	
							231166	Thiết kế trang phục cơ bản	3	3.1	
							231170	Thực tập may trang phục cao cấp 2	4		
							231173	Thực tập thiết kế rập công nghiệp	2		
							231174	Thực tập thiết kế trang phục cơ bản	2		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
45	2117130135	Trần Thúy	Vy	CCQ1713B	83	6.23	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							231145	Thực tập may quần áo cơ bản	4	3.1	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
46	2117130136	Nguyễn Thị Tường	Vy	CCQ1713B	85	7.02	231020	Đồ án công nghệ may trang phục	1	4.0	
							231157	Công nghệ may trang phục 2	4	4.5	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
47	2117130140	Nguyễn Thị Kim	Chi	CCQ1713C	81	6.61	224004	Anh văn 2	3	4.8	
							224016	Anh văn 3	3		
							231020	Đồ án công nghệ may trang phục	1	2.5	
							231067	Tổ chức và quản lý may công nghiệp	2	4.0	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
48	2117130143	Trần Thị	Diễn	CCQ1713C	90	6.85	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
49	2117130145	Dương Thị Thùy	Duyên	CCQ1713C	88	7.28	231167	Thiết kế trang phục cao cấp	2		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
50	2117130146	Nguyễn Kiều Trúc	Duyên	CCQ1713C	85	7.28	231179	Thực tập tốt nghiệp may	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
51	2117130148	Nguyễn Thị Thu	Hảo	CCQ1713C	70	5.87	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224007	Anh văn chuyên ngành (May)	2	VT	
							231020	Đồ án công nghệ may trang phục	1	1.1	
							231067	Tổ chức và quản lý may công nghiệp	2	VT	
							231150	Chuyên đề 2 (May)	1	VT	
							231170	Thực tập may trang phục cao cấp 2	4	1.3	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
51	2117130148	Nguyễn Thị Thu	Hảo	CCQ1713C	70	5.87	231179	Thực tập tốt nghiệp may	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
52	2117130155	Đỗ Thị	Kiều	CCQ1713C	90	6.71	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
53	2117130161	Sử Thị Yến	Ly	CCQ1713C	85	6.60	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224016	Anh văn 3	3	2.8	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
54	2117130162	Phạm Thị Ngọc	Mai	CCQ1713C	80	5.96	224007	Anh văn chuyên ngành (May)	2	4.8	
							231157	Công nghệ may trang phục 2	4	3.5	
							231170	Thực tập may trang phục cao cấp 2	4		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
55	2117130164	Phạm Thị Lệ	My	CCQ1713C	90	6.59	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
56	2117130166	Trần Thị Bích	Ngân	CCQ1713C	90	6.82	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
57	2117130168	Phạm Thị Kim	Ngọc	CCQ1713C	85	7.12	231179	Thực tập tốt nghiệp may	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
58	2117130174	Cao Văn Hiền	Nhi	CCQ1713C	72	6.68	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224016	Anh văn 3	3		
							231150	Chuyên đề 2 (May)	1	VT	
							231167	Thiết kế trang phục cao cấp	2		
							231170	Thực tập may trang phục cao cấp 2	4		
							231179	Thực tập tốt nghiệp may	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
58	2117130174	Cao Văn Hiền	Nhi	CCQ1713C	72	6.68	R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
59	2117130176	Nguyễn Thị Hoàng	Oanh	CCQ1713C	74	7.14	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224007	Anh văn chuyên ngành (May)	2		
							231020	Đồ án công nghệ may trang phục	1	VT	
							231067	Tổ chức và quản lý may công nghiệp	2		
							231150	Chuyên đề 2 (May)	1		
							231157	Công nghệ may trang phục 2	4		
							231170	Thực tập may trang phục cao cấp 2	4		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
60	2117130177	Phạm Thị Hoàng	Oanh	CCQ1713C	63	5.78	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223006	Chính trị 1	3	VT	
							224003	Anh văn 1	3	2.6	
							224016	Anh văn 3	3		
							231020	Đồ án công nghệ may trang phục	1	VT	
							231025	Hệ thống cỡ số trang phục	2	4.1	
							231067	Tổ chức và quản lý may công nghiệp	2		
							231150	Chuyên đề 2 (May)	1	VT	
							231157	Công nghệ may trang phục 2	4		
							231170	Thực tập may trang phục cao cấp 2	4		
							231178	Vẽ kỹ thuật ngành may	2	4.1	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
61	2117130178	Nguyễn Trần Thu	Phương	CCQ1713C	70	5.45	224004	Anh văn 2	3	4.8	
							231067	Tổ chức và quản lý may công nghiệp	2	2.9	
							231157	Công nghệ may trang phục 2	4	3.0	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
61	2117130178	Nguyễn Trần Thu	Phương	CCQ1713C	70	5.45	231166	Thiết kế trang phục cơ bản	3	VT	
							231167	Thiết kế trang phục cao cấp	2	4.7	
							231170	Thực tập may trang phục cao cấp 2	4	2.0	
							231178	Vẽ kỹ thuật ngành may	2	2.3	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
62	2117130179	Trần Thị Bích	Phượng	CCQ1713C	70	6.79	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224004	Anh văn 2	3	VT	
							224007	Anh văn chuyên ngành (May)	2		
							224016	Anh văn 3	3		
							231020	Đồ án công nghệ may trang phục	1		
							231150	Chuyên đề 2 (May)	1		
							231179	Thực tập tốt nghiệp may	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
63	2117130185	Đặng Thị Thu	Hảo	CCQ1713C	90	7.03	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
64	2117130186	Lê Thị Thu	Thảo	CCQ1713C	81	5.89	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							231067	Tổ chức và quản lý may công nghiệp	2	4.2	
							231157	Công nghệ may trang phục 2	4	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
65	2117130187	Nguyễn Thị	Thi	CCQ1713C	72	5.86	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							231157	Công nghệ may trang phục 2	4	3.4	
							231167	Thiết kế trang phục cao cấp	2	4.6	
							231170	Thực tập may trang phục cao cấp 2	4		
							231179	Thực tập tốt nghiệp may	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
65	2117130187	Nguyễn Thị	Thi	CCQ1713C	72	5.86	R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
66	2117130188	Võ Minh	Thiện	CCQ1713C	76	6.83	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224016	Anh văn 3	3		
							231131	Vật liệu may	2	4.0	
							231179	Thực tập tốt nghiệp may	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
67	2117130189	Nguyễn Thị Lệ	Thu	CCQ1713C	68	5.43	231025	Hệ thống cỡ số trang phục	2	VT	
							231042	Thiết bị may công nghiệp và bảo trì	2	4.4	
							231145	Thực tập may quần áo cơ bản	4	VT	
							231156	Công nghệ may trang phục 1	5	VT	
							231157	Công nghệ may trang phục 2	4	3.0	
							231179	Thực tập tốt nghiệp may	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
68	2117130191	Huỳnh Thị Hoàng	Thư	CCQ1713C	85	6.41	231156	Công nghệ may trang phục 1	5	3.0	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
69	2117130193	Nguyễn Thị Kim	Tiền	CCQ1713C	53	5.28	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224007	Anh văn chuyên ngành (May)	2		
							224016	Anh văn 3	3	4.3	
							231020	Đồ án công nghệ may trang phục	1	VT	
							231025	Hệ thống cỡ số trang phục	2	3.4	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
69	2117130193	Nguyễn Thị Kim	Tiền	CCQ1713C	53	5.28	231067	Tổ chức và quản lý may công nghiệp	2		
							231124	Trang trí tạo dáng	2	VT	
							231150	Chuyên đề 2 (May)	1	VT	
							231157	Công nghệ may trang phục 2	4		
							231167	Thiết kế trang phục cao cấp	2	3.7	
							231169	Thực tập may trang phục cao cấp 1	3	4.0	
							231170	Thực tập may trang phục cao cấp 2	4		
							231178	Vẽ kỹ thuật ngành may	2	4.5	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
70	2117130195	Vũ Hoàng Khả	Trâm	CCQ1713C	90	7.36	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
71	2117130197	Nguyễn Thị Tuyết	Trinh	CCQ1713C	44	4.13	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	3.5	
							224004	Anh văn 2	3	VT	
							224007	Anh văn chuyên ngành (May)	2		
							224016	Anh văn 3	3	VT	
							231020	Đồ án công nghệ may trang phục	1	VT	
							231042	Thiết bị may công nghiệp và bảo trì	2	4.5	
							231065	Thực tập tin học ứng dụng ngành may	2	VT	
							231067	Tổ chức và quản lý may công nghiệp	2	VT	
							231149	Chuyên đề 1 (May)	1	VT	
							231150	Chuyên đề 2 (May)	1	3.0	
							231157	Công nghệ may trang phục 2	4	2.7	
							231167	Thiết kế trang phục cao cấp	2	VT	
							231170	Thực tập may trang phục cao cấp 2	4	VT	
							231174	Thực tập thiết kế trang phục cơ bản	2		
							231178	Vẽ kỹ thuật ngành may	2	4.1	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
71	2117130197	Nguyễn Thị Tuyết	Trinh	CCQ1713C	44	4.13	231179	Thực tập tốt nghiệp may	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
72	2117130198	Đoàn Thị Tố	Uyên	CCQ1713C	85	6.27	231156	Công nghệ may trang phục 1	5	2.0	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
73	2117130199	Nguyễn Thị Hồng	Vân	CCQ1713C	76	6.11	224016	Anh văn 3	3		
							231020	Đồ án công nghệ may trang phục	1	2.0	
							231067	Tổ chức và quản lý may công nghiệp	2		
							231157	Công nghệ may trang phục 2	4	3.3	
							231170	Thực tập may trang phục cao cấp 2	4		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
74	2117130204	Bùi Thị Hoài	Yến	CCQ1713C	86	5.84	231020	Đồ án công nghệ may trang phục	1	2.0	
							231150	Chuyên đề 2 (May)	1	2.0	
							231178	Vẽ kỹ thuật ngành may	2	2.2	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
75	2117130207	Lê Thị Ngọc	Anh	CCQ1713D	84	6.76	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							231131	Vật liệu may	2	4.5	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
76	2117130208	Đoàn Thị Trâm	Châu	CCQ1713D	76	6.15	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	VT	
							231067	Tổ chức và quản lý may công nghiệp	2		
							231170	Thực tập may trang phục cao cấp 2	4		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
77	2117130209	Nguyễn Huỳnh Linh	Chi	CCQ1713D	90	6.26	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
78	2117130210	Phạm Thị Kiều	Diễm	CCQ1713D	86	6.06	231170	Thực tập may trang phục cao cấp 2	4	4.6	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
79	2117130211	Lê Thị Mỹ	Dung	CCQ1713D	80	6.01	224016	Anh văn 3	3	4.8	
							231067	Tổ chức và quản lý may công nghiệp	2	2.8	
							231150	Chuyên đề 2 (May)	1	3.0	
							231157	Công nghệ may trang phục 2	4	3.2	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
80	2117130217	Nguyễn Văn	Hải	CCQ1713D	78	5.72	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							231020	Đồ án công nghệ may trang phục	1	VT	
							231170	Thực tập may trang phục cao cấp 2	4		
							231179	Thực tập tốt nghiệp may	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
81	2117130219	Lương Thị Thu	Hiền	CCQ1713D	90	6.55	234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
82	2117130222	Lê Thị	Hương	CCQ1713D	90	6.57	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
83	2117130225	Phan Trần Khánh	Linh	CCQ1713D	69	5.66	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224007	Anh văn chuyên ngành (May)	2	VT	
							224016	Anh văn 3	3	VT	
							231067	Tổ chức và quản lý may công nghiệp	2	2.0	
							231157	Công nghệ may trang phục 2	4	VT	
							231169	Thực tập may trang phục cao cấp 1	3	3.5	
							231170	Thực tập may trang phục cao cấp 2	4	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
83	2117130225	Phan Trần Khánh	Linh	CCQ1713D	69	5.66	R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
84	2117130227	Phạm Thùy	Linh	CCQ1713D	88	6.29	231174	Thực tập thiết kế trang phục cơ bản	2	4.0	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
85	2117130229	Trần Thị Kim	Lụa	CCQ1713D	90	7.08	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
86	2117130235	Nguyễn Thị Kiều	My	CCQ1713D	70	5.88	224007	Anh văn chuyên ngành (May)	2	3.6	
							231020	Đồ án công nghệ may trang phục	1	2.2	
							231067	Tổ chức và quản lý may công nghiệp	2	4.2	
							231145	Thực tập may quần áo cơ bản	4	3.0	
							231156	Công nghệ may trang phục 1	5	2.0	
							231167	Thiết kế trang phục cao cấp	2	4.1	
							231174	Thực tập thiết kế trang phục cơ bản	2		
							231178	Vẽ kỹ thuật ngành may	2	2.4	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
87	2117130237	Võ Thị Kim	Ngân	CCQ1713D	90	7.01	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
88	2117130238	Hồ Thị Thu	Ngân	CCQ1713D	85	6.71	231150	Chuyên đề 2 (May)	1	2.5	
							231170	Thực tập may trang phục cao cấp 2	4		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
89	2117130241	Võ Thị Cẩm	Nhung	CCQ1713D	77	6.28	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							231067	Tổ chức và quản lý may công nghiệp	2		
							231150	Chuyên đề 2 (May)	1		
							231179	Thực tập tốt nghiệp may	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
89	2117130241	Võ Thị Cẩm	Nhung	CCQ1713D	77	6.28	R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
90	2117130246	Nguyễn Ngọc Như	Quỳnh	CCQ1713D	84	6.26	231067	Tổ chức và quản lý may công nghiệp	2	4.1	
							231170	Thực tập may trang phục cao cấp 2	4		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
91	2117130252	Đỗ Thị Bé	Thúy	CCQ1713D	75	5.93	224007	Anh văn chuyên ngành (May)	2	4.7	
							231067	Tổ chức và quản lý may công nghiệp	2	3.5	
							231150	Chuyên đề 2 (May)	1	2.5	
							231157	Công nghệ may trang phục 2	4	4.3	
							231167	Thiết kế trang phục cao cấp	2	4.1	
							231170	Thực tập may trang phục cao cấp 2	4		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
92	2117130253	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	CCQ1713D	89	7.17	231150	Chuyên đề 2 (May)	1	4.0	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
93	2117130256	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	CCQ1713D	90	6.45	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
94	2117130257	Nguyễn Lý Anh	Thư	CCQ1713D	35	2.79	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	VT	
							224004	Anh văn 2	3	VT	
							224007	Anh văn chuyên ngành (May)	2	VT	
							224016	Anh văn 3	3		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
94	2117130257	Nguyễn Lý Anh	Thư	CCQ1713D	35	2.79	231020	Đồ án công nghệ may trang phục	1		
							231065	Thực tập tin học ứng dụng ngành may	2	VT	
							231067	Tổ chức và quản lý may công nghiệp	2	VT	
							231130	Vẽ mỹ thuật	2	VT	
							231150	Chuyên đề 2 (May)	1	1.0	
							231156	Công nghệ may trang phục 1	5	VT	
							231157	Công nghệ may trang phục 2	4	VT	
							231167	Thiết kế trang phục cao cấp	2	VT	
							231169	Thực tập may trang phục cao cấp 1	3	VT	
							231170	Thực tập may trang phục cao cấp 2	4		
							231173	Thực tập thiết kế rập công nghiệp	2	1.2	
							231178	Vẽ kỹ thuật ngành may	2	VT	
							231179	Thực tập tốt nghiệp may	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
95	2117130260	Trần Thị Phương	Trang	CCQ1713D	85	6.61	224004	Anh văn 2	3	2.8	
							231067	Tổ chức và quản lý may công nghiệp	2	4.5	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
96	2117130263	Nguyễn Thị Thùy	Trang	CCQ1713D	90	6.78	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
97	2117130271	Nguyễn Thị Thúy	Vy	CCQ1713D	90	7.03	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
98	2117130274	Tô Thị Ngọc	Ánh	CCQ1713E	65	5.02	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224004	Anh văn 2	3	VT	
							224016	Anh văn 3	3	4.4	
							229100	Tin học	2	4.7	
							231020	Đồ án công nghệ may trang phục	1	1.0	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
98	2117130274	Tô Thị Ngọc	Ánh	CCQ1713E	65	5.02	231025	Hệ thống cỡ số trang phục	2	VT	
							231065	Thực tập tin học ứng dụng ngành may	2		
							231124	Trang trí tạo dáng	2	0.0	
							231131	Vật liệu may	2		
							231157	Công nghệ may trang phục 2	4	VT	
							231178	Vẽ kỹ thuật ngành may	2	1.2	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
99	2117130276	Nguyễn Thị Kỳ	Dung	CCQ1713E	87	6.77	224016	Anh văn 3	3	4.4	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
100	2117130279	Đinh Vũ Thị Bích	Hà	CCQ1713E	65	5.47	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224007	Anh văn chuyên ngành (May)	2	4.8	
							231020	Đồ án công nghệ may trang phục	1	2.0	
							231042	Thiết bị may công nghiệp và bảo trì	2	4.1	
							231067	Tổ chức và quản lý may công nghiệp	2	2.5	
							231156	Công nghệ may trang phục 1	5	3.7	
							231157	Công nghệ may trang phục 2	4	3.2	
							231170	Thực tập may trang phục cao cấp 2	4		
							231174	Thực tập thiết kế trang phục cơ bản	2	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
101	2117130281	Tống Thị Thu	Hằng	CCQ1713E	80	6.00	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							231025	Hệ thống cỡ số trang phục	2	4.6	
							231067	Tổ chức và quản lý may công nghiệp	2	3.9	
							231157	Công nghệ may trang phục 2	4	4.3	
							231167	Thiết kế trang phục cao cấp	2	3.8	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
101	2117130281	Tống Thị Thu	Hằng	CCQ1713E	80	6.00	R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
102	2117130282	Đồng Thúy	Hằng	CCQ1713E	90	7.22	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
103	2117130286	Nguyễn Thị	Hoa	CCQ1713E	84	6.25	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							231167	Thiết kế trang phục cao cấp	2	4.7	
							231178	Vẽ kỹ thuật ngành may	2	4.7	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
104	2117130287	Ngô Trần	Hoài	CCQ1713E	90	6.38	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
105	2117130289	Lý Thị	Huyền	CCQ1713E	90	7.29	234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
106	2117130293	Lê Thị Kim	Liên	CCQ1713E	78	5.98	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							231150	Chuyên đề 2 (May)	1	2.5	
							231157	Công nghệ may trang phục 2	4	4.0	
							231167	Thiết kế trang phục cao cấp	2	4.0	
							231170	Thực tập may trang phục cao cấp 2	4	3.0	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
107	2117130294	Lương Thị Hồng	Linh	CCQ1713E	88	6.32	231067	Tổ chức và quản lý may công nghiệp	2	3.9	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
108	2117130296	Lê Thị	Ly	CCQ1713E	78	6.40	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							231156	Công nghệ may trang phục 1	5	3.0	
							231179	Thực tập tốt nghiệp may	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
109	2117130297	Văn Thị Trúc	Ly	CCQ1713E	90	6.49	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
110	2117130298	Đoàn Thị Kiều	My	CCQ1713E	88	6.60	224007	Anh văn chuyên ngành (May)	2	4.4	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
111	2117130301	Lê Thị	Ngà	CCQ1713E	68	5.72	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223006	Chính trị 1	3	4.6	
							224007	Anh văn chuyên ngành (May)	2	VT	
							224016	Anh văn 3	3		
							226020	Pháp luật đại cương	2	VT	
							231025	Hệ thống cỡ số trang phục	2	4.5	
							231065	Thực tập tin học ứng dụng ngành may	2		
							231067	Tổ chức và quản lý may công nghiệp	2		
							231124	Trang trí tạo dáng	2		
							231150	Chuyên đề 2 (May)	1	2.5	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
112	2117130305	Võ Thị Thanh	Như	CCQ1713E	85	7.94	231179	Thực tập tốt nghiệp may	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
113	2117130307	Phan Sỹ	Phú	CCQ1713E	90	7.43	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
114	2117130310	Nguyễn Thị Thúy	Phượng	CCQ1713E	49	4.29	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
114	2117130310	Nguyễn Thị Thúy	Phượng	CCQ1713E	49	4.29	223006	Chính trị 1	3	4.5	
							223007	Chính trị 2	3	VT	
							224003	Anh văn 1	3	VT	
							224004	Anh văn 2	3	VT	
							224007	Anh văn chuyên ngành (May)	2	VT	
							224016	Anh văn 3	3		
							226020	Pháp luật đại cương	2	4.8	
							231065	Thực tập tin học ứng dụng ngành may	2		
							231067	Tổ chức và quản lý may công nghiệp	2		
							231124	Trang trí tạo dáng	2	0.0	
							231131	Vật liệu may	2	VT	
							231150	Chuyên đề 2 (May)	1	2.5	
							231166	Thiết kế trang phục cơ bản	3	VT	
							231178	Vẽ kỹ thuật ngành may	2	2.2	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
115	2117130313	Phạm Thị	Tài	CCQ1713E	90	6.49	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
116	2117130314	Mai Phạm Phương	Thanh	CCQ1713E	90	6.62	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
117	2117130320	Đàng Thị Thu	Thủy	CCQ1713E	90	6.36	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
118	2117130324	Nguyễn Gái	Trang	CCQ1713E	86	6.67	231170	Thực tập may trang phục cao cấp 2	4	1.3	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
119	2117130326	Lê Thị	Trang	CCQ1713E	60	5.25	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	2.6	
							229100	Tin học	2	4.0	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
119	2117130326	Lê Thị	Trang	CCQ1713E	60	5.25	231020	Đồ án công nghệ may trang phục	1	3.5	
							231065	Thực tập tin học ứng dụng ngành may	2	VT	
							231067	Tổ chức và quản lý may công nghiệp	2	4.7	
							231131	Vật liệu may	2	4.3	
							231157	Công nghệ may trang phục 2	4	4.1	
							231166	Thiết kế trang phục cơ bản	3	2.9	
							231167	Thiết kế trang phục cao cấp	2	3.0	
							231174	Thực tập thiết kế trang phục cơ bản	2	VT	
							231178	Vẽ kỹ thuật ngành may	2	4.5	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
120	2117130330	Hà Thị Kiều	Trinh	CCQ1713E	83	6.33	224007	Anh văn chuyên ngành (May)	2		
							231156	Công nghệ may trang phục 1	5	4.5	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
121	2117130332	Hồ Thị Tú	Trinh	CCQ1713E	90	6.73	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
122	2117130333	Đỗ Thanh	Trúc	CCQ1713E	90	7.70	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
123	2117130336	Võ Xuân	Văn	CCQ1713E	82	6.12	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224004	Anh văn 2	3	4.8	
							224007	Anh văn chuyên ngành (May)	2	4.4	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
124	2117130338	Trần Thị Ánh	Vy	CCQ1713E	88	6.11	231167	Thiết kế trang phục cao cấp	2	3.7	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
125	2117130342	Đoàn Thị Ngọc	Bích	CCQ1713F	90	7.21	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
125	2117130342	Đoàn Thị Ngọc	Bích	CCQ1713F	90	7.21	R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
126	2117130343	Huỳnh Thị Mỹ	Diệu	CCQ1713F	88	6.63	231174	Thực tập thiết kế trang phục cơ bản	2		
127	2117130346	Lê Võ Cẩm	Duyên	CCQ1713F	83	6.20	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							231020	Đồ án công nghệ may trang phục	1	2.0	
							231067	Tổ chức và quản lý may công nghiệp	2	4.5	
							231150	Chuyên đề 2 (May)	1	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
128	2117130347	Đoàn Thanh Mỹ	Duyên	CCQ1713F	13	1.74	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	VT	
							223006	Chính trị 1	3	VT	
							223007	Chính trị 2	3	VT	
							224007	Anh văn chuyên ngành (May)	2	VT	
							224016	Anh văn 3	3	VT	
							226020	Pháp luật đại cương	2	VT	
							229100	Tin học	2		
							231020	Đồ án công nghệ may trang phục	1		
							231025	Hệ thống cỡ số trang phục	2	VT	
							231065	Thực tập tin học ứng dụng ngành may	2		
							231067	Tổ chức và quản lý may công nghiệp	2		
							231131	Vật liệu may	2	VT	
							231145	Thực tập may quần áo cơ bản	4	VT	
							231150	Chuyên đề 2 (May)	1	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
128	2117130347	Đoàn Thanh Mỹ	Duyên	CCQ1713F	13	1.74	231156	Công nghệ may trang phục 1	5	3.5	
							231157	Công nghệ may trang phục 2	4		
							231166	Thiết kế trang phục cơ bản	3	VT	
							231167	Thiết kế trang phục cao cấp	2	VT	
							231169	Thực tập may trang phục cao cấp 1	3		
							231170	Thực tập may trang phục cao cấp 2	4		
							231173	Thực tập thiết kế rập công nghiệp	2	VT	
							231174	Thực tập thiết kế trang phục cơ bản	2	VT	
							231178	Vẽ kỹ thuật ngành may	2	2.9	
							231179	Thực tập tốt nghiệp may	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
129	2117130352	Lê Hoàng Hương	Giang	CCQ1713F	83	6.77	231020	Đồ án công nghệ may trang phục	1	2.0	
							231145	Thực tập may quần áo cơ bản	4		
							231167	Thiết kế trang phục cao cấp	2	3.2	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
130	2117130355	Mai Thúy	Hiền	CCQ1713F	76	6.14	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							231020	Đồ án công nghệ may trang phục	1	3.5	
							231067	Tổ chức và quản lý may công nghiệp	2	4.3	
							231131	Vật liệu may	2	4.1	
							231150	Chuyên đề 2 (May)	1	VT	
							231169	Thực tập may trang phục cao cấp 1	3		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
131	2117130358	Trần Thị	Hồng	CCQ1713F	90	6.89	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
132	2117130360	Đặng Thị Thúy	Huỳnh	CCQ1713F	77	6.45	222033	Toán ứng dụng A	3	4.6	
							224004	Anh văn 2	3		
							231025	Hệ thống cỡ số trang phục	2	4.0	
							231067	Tổ chức và quản lý may công nghiệp	2		
							231150	Chuyên đề 2 (May)	1	VT	
							231167	Thiết kế trang phục cao cấp	2	4.7	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
133	2117130362	Nguyễn Thị Lệ	Kiều	CCQ1713F	87	7.41	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
134	2117130366	Nguyễn Thị Hồng	Mơ	CCQ1713F	56	5.50	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224016	Anh văn 3	3		
							229100	Tin học	2	VT	
							231065	Thực tập tin học ứng dụng ngành may	2		
							231067	Tổ chức và quản lý may công nghiệp	2	1.9	
							231145	Thực tập may quần áo cơ bản	4	VT	
							231150	Chuyên đề 2 (May)	1	VT	
							231157	Công nghệ may trang phục 2	4		
							231169	Thực tập may trang phục cao cấp 1	3		
							231170	Thực tập may trang phục cao cấp 2	4		
							231178	Vẽ kỹ thuật ngành may	2	3.0	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
135	2117130367	Nguyễn Thị Kiều	My	CCQ1713F	69	5.47	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224016	Anh văn 3	3		
							231067	Tổ chức và quản lý may công nghiệp	2	2.6	
							231150	Chuyên đề 2 (May)	1	2.0	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
135	2117130367	Nguyễn Thị Kiều	My	CCQ1713F	69	5.47	231157	Công nghệ may trang phục 2	4	3.7	
							231169	Thực tập may trang phục cao cấp 1	3		
							231170	Thực tập may trang phục cao cấp 2	4	VT	
							231178	Vẽ kỹ thuật ngành may	2	1.9	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
136	2117130368	Phạm Thị	My	CCQ1713F	89	6.42	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
137	2117130374	Bùi Thị Thủy	Ngân	CCQ1713F	83	6.59	222033	Toán ứng dụng A	3	4.8	
							231067	Tổ chức và quản lý may công nghiệp	2	4.4	
							231167	Thiết kế trang phục cao cấp	2	4.7	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
138	2117130375	Mai Mỹ Ánh	Ngọc	CCQ1713F	54	5.41	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	3.8	
							224003	Anh văn 1	3	4.1	
							224007	Anh văn chuyên ngành (May)	2	4.8	
							224016	Anh văn 3	3		
							231065	Thực tập tin học ứng dụng ngành may	2		
							231067	Tổ chức và quản lý may công nghiệp	2	1.6	
							231150	Chuyên đề 2 (May)	1	VT	
							231157	Công nghệ may trang phục 2	4	2.4	
							231169	Thực tập may trang phục cao cấp 1	3		
							231170	Thực tập may trang phục cao cấp 2	4	3.5	
							231178	Vẽ kỹ thuật ngành may	2	4.9	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
139	2117130376	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	CCQ1713F	86	6.78	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
139	2117130376	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	CCQ1713F	86	6.78	231067	Tổ chức và quản lý may công nghiệp	2	3.8	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
140	2117130378	Phạm Thị Tuyết	Nhi	CCQ1713F	90	7.25	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
141	2117130379	Võ Thị Tuyết	Nhi	CCQ1713F	90	7.19	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
142	2117130380	Nguyễn Thiện	Nhung	CCQ1713F	90	6.84	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
143	2117130381	Võ Huỳnh	Như	CCQ1713F	78	6.07	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224004	Anh văn 2	3	4.6	
							224016	Anh văn 3	3	VT	
							231067	Tổ chức và quản lý may công nghiệp	2	2.4	
							231167	Thiết kế trang phục cao cấp	2	3.8	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
144	2117130383	Ngô Thu	Nhường	CCQ1713F	88	6.74	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
145	2117130385	Đỗ Thị Kim	Oanh	CCQ1713F	81	6.04	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224016	Anh văn 3	3		
							231067	Tổ chức và quản lý may công nghiệp	2	2.5	
							231157	Công nghệ may trang phục 2	4	4.7	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
146	2117130386	Lê Thị Kim	Oanh	CCQ1713F	52	5.04	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
146	2117130386	Lê Thị Kim Oanh	CCQ1713F	52	5.04	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222033	Toán ứng dụng A	3	VT	
						224016	Anh văn 3	3		
						229100	Tin học	2		
						231020	Đồ án công nghệ may trang phục	1	1.0	
						231065	Thực tập tin học ứng dụng ngành may	2	VT	
						231067	Tổ chức và quản lý may công nghiệp	2	VT	
						231131	Vật liệu may	2	VT	
						231150	Chuyên đề 2 (May)	1	3.0	
						231157	Công nghệ may trang phục 2	4		
						231167	Thiết kế trang phục cao cấp	2	4.0	
						231169	Thực tập may trang phục cao cấp 1	3		
						231170	Thực tập may trang phục cao cấp 2	4		
						231173	Thực tập thiết kế rập công nghiệp	2		
						231178	Vẽ kỹ thuật ngành may	2	3.1	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
147	2117130387	Nguyễn Thu Phương	CCQ1713F	55	5.06	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						231020	Đồ án công nghệ may trang phục	1	4.5	
						231067	Tổ chức và quản lý may công nghiệp	2	3.2	
						231145	Thực tập may quần áo cơ bản	4	VT	
						231150	Chuyên đề 2 (May)	1	3.0	
						231156	Công nghệ may trang phục 1	5	4.2	
						231157	Công nghệ may trang phục 2	4		
						231167	Thiết kế trang phục cao cấp	2	3.4	
						231169	Thực tập may trang phục cao cấp 1	3		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
147	2117130387	Nguyễn Thu	Phương	CCQ1713F	55	5.06	231170	Thực tập may trang phục cao cấp 2	4	VT	
							231178	Vẽ kỹ thuật ngành may	2	4.1	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
148	2117130388	Đoàn Nguyễn Trúc	Phương	CCQ1713F	91	6.76	231020	Đồ án công nghệ may trang phục	1	2.0	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
149	2117130396	Lê Thị Huyền	Trang	CCQ1713F	80	6.06	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							231020	Đồ án công nghệ may trang phục	1	2.0	
							231067	Tổ chức và quản lý may công nghiệp	2	4.7	
							231150	Chuyên đề 2 (May)	1	2.5	
							231157	Công nghệ may trang phục 2	4	3.3	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
150	2117130397	Bình Nữ Huyền	Trân	CCQ1713F	90	6.99	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
151	2117130399	Nguyễn Thị Bích	Tuyền	CCQ1713F	86	6.49	231170	Thực tập may trang phục cao cấp 2	4	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
152	2117130401	Ka	Út	CCQ1713F	87	6.47	222033	Toán ứng dụng A	3	4.5	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
153	2117130407	Võ Ngọc Linh	Vy	CCQ1713F	87	6.67	224004	Anh văn 2	3	4.5	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 : 4 TC (Min) 4

0101 . 234002 Bóng chuyền 1 2

234003 Bóng chuyền 2 2

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		234006 Bóng đá 1	2							
		234007 Bóng rổ 1	2							
		234008 Cầu lông 1	2							
		234009 Aerobic 1	2							
		234010 Bóng đá 2	2							
		234011 Bóng rổ 2	2							
		234013 Cầu lông 2	2							
		234014 Aerobic 2	2							
Nhóm TC 02 :		2 TC (Min)	2							
0201 .		226035 Soạn thảo văn bản	2							
		229030 Tin học văn phòng	2							
		231016 Corel Draw	2							
Nhóm TC 03 :		4 TC (Min)	4							
0302 .		234002 Bóng chuyền 1	2							
		234003 Bóng chuyền 2	2							
0303 .		234006 Bóng đá 1	2							
		234010 Bóng đá 2	2							
0304 .		234007 Bóng rổ 1	2							
		234011 Bóng rổ 2	2							
0305 .		234008 Cầu lông 1	2							
		234013 Cầu lông 2	2							
0306 .		234009 Aerobic 1	2							
		234014 Aerobic 2	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2							
		222017 Tiếng Việt thực hành B	2							
		231070 An toàn và môi trường công nghiệp (Dệt may)	2							
Nhóm TC 05 :		2 TC (Min)	2							
0501 .		231024 Giác sơ đồ	2							

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		231037 Quản lý chất lượng trang phục	2							
		231160 Công nghệ wash sản phẩm may	2							
Nhóm TC 06 :		2 TC (Min)	2							
0601 .		231046 Thiết kế dây chuyền sản xuất (May)	2							
		231148 Cải tiến năng suất	2							
		231165 Sáng tác mẫu	2							
Nhóm TC 07 :		5 TC (Min)	5							
0701 .		231077 Đồ án tốt nghiệp (May)	5							
		231163 Quản lý đơn hàng	2							
		231177 Trang phục truyền thống	3							
Nhóm TC 08 :		3 TC (Min)	3							
0801 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
Phòng Quản Lý Đào Tạo
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2017 - Cơ điện tử (TN211714)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **90**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2117140001	Trần Đình Chiến	CCQ1714A	86	6.10	227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	2.8	
						227137	Nguyên lý - Chi tiết máy	2	3.8	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
2	2117140002	Đặng Hưng Quốc Cường	CCQ1714A	49	4.58	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222033	Toán ứng dụng A	3	3.1	
						223006	Chính trị 1	3		
						223007	Chính trị 2	3	VT	
						224016	Anh văn 3	3	VT	
						227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	3.0	
						227027	Hệ thống cơ điện tử	2	VT	
						227060	Thực tập tiện 1	2	VT	
						227113	Điều khiển tự động (Cơ khí)	2	2.4	
						227122	Anh văn chuyên ngành cơ điện tử	2		
						227134	Điều khiển số trong công nghiệp	2	VT	
						227135	Điều khiển và giám sát quá trình (SCADA)	2		
						227137	Nguyên lý - Chi tiết máy	2	3.4	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
2	2117140002	Đặng Hưng Quốc	Cường	CCQ1714A	49	4.58	227144	Thực tập hệ thống cơ điện tử	2	VT	
							228186	Thiết bị tự động hóa	2	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
3	2117140003	Nguyễn Văn	Dũng	CCQ1714A	77	6.31	224004	Anh văn 2	3	VT	
							227027	Hệ thống cơ điện tử	2	3.2	
							227070	Đồ án hệ thống cơ điện tử	1	3.8	
							227122	Anh văn chuyên ngành cơ điện tử	2		
							227152	Thực tập tốt nghiệp (Cơ điện tử)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
4	2117140004	Nguyễn Đức	Duy	CCQ1714A	88	6.65	227122	Anh văn chuyên ngành cơ điện tử	2	4.6	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
5	2117140006	Huỳnh Đặng	Đức	CCQ1714A	82	7.01	08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224004	Anh văn 2	3		
							224016	Anh văn 3	3		
							227134	Điều khiển số trong công nghiệp	2		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
6	2117140007	Lê Đình	Đức	CCQ1714A	88	7.79	227135	Điều khiển và giám sát quá trình (SCADA)	2		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
7	2117140009	Lê Ngọc	Hải	CCQ1714A	85	6.22	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							228186	Thiết bị tự động hóa	2	4.0	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
8	2117140012	Nguyễn Thanh	Hiếu	CCQ1714A	88	6.61	227134	Điều khiển số trong công nghiệp	2	3.6	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
8	2117140012	Nguyễn Thanh	Hiếu	CCQ1714A	88	6.61	234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
9	2117140013	Phan Thanh	Hiếu	CCQ1714A	84	6.81	227122	Anh văn chuyên ngành cơ điện tử	2		
							227135	Điều khiển và giám sát quá trình (SCADA)	2		
							228186	Thiết bị tự động hóa	2	4.6	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
10	2117140014	Nguyễn Khôi	Hiệu	CCQ1714A	60	4.77	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	4.5	
							227006	Cơ học ứng dụng	2	VT	
							227009	Công nghệ CAD/CAM	2	VT	
							227014	Công nghệ khí nén - thủy lực	2	2.5	
							227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	VT	
							227027	Hệ thống cơ điện tử	2	3.8	
							227064	Vẽ kỹ thuật 1	2	VT	
							227069	Công nghệ khí nén - thủy lực nâng cao	2	2.1	
							227113	Điều khiển tự động (Cơ khí)	2	3.2	
							227122	Anh văn chuyên ngành cơ điện tử	2		
							227135	Điều khiển và giám sát quá trình (SCADA)	2		
							227137	Nguyên lý - Chi tiết máy	2	3.4	
							228186	Thiết bị tự động hóa	2	3.2	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
11	2117140016	Phạm Minh	Hòa	CCQ1714A	86	6.51	227113	Điều khiển tự động (Cơ khí)	2	4.9	
							228186	Thiết bị tự động hóa	2		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
11	2117140016	Phạm Minh	Hòa	CCQ1714A	86	6.51	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
12	2117140022	Phạm Thanh	Nam	CCQ1714A	81	6.55	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224016	Anh văn 3	3		
							227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	2.5	
							227134	Điều khiển số trong công nghiệp	2		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
13	2117140023	Nguyễn Hoài Mỹ	Ngân	CCQ1714A	17	3.73	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3		
							223006	Chính trị 1	3		
							223007	Chính trị 2	3		
							224003	Anh văn 1	3		
							224004	Anh văn 2	3		
							224016	Anh văn 3	3		
							226020	Pháp luật đại cương	2		
							227006	Cơ học ứng dụng	2	VT	
							227009	Công nghệ CAD/CAM	2		
							227014	Công nghệ khí nén - thủy lực	2	2.8	
							227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	3.0	
							227056	Thực tập phay 1	2	VT	
							227069	Công nghệ khí nén - thủy lực nâng cao	2		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
13	2117140023	Nguyễn Hoài Mỹ	Ngân	CCQ1714A	17	3.73	227070	Đồ án hệ thống cơ điện tử	1		
							227113	Điều khiển tự động (Cơ khí)	2	VT	
							227122	Anh văn chuyên ngành cơ điện tử	2		
							227125	Chuyên đề cơ sở ngành cơ điện tử	1	VT	
							227129	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (CK)	1		
							227134	Điều khiển số trong công nghiệp	2	VT	
							227135	Điều khiển và giám sát quá trình (SCADA)	2		
							227137	Nguyên lý - Chi tiết máy	2	2.3	
							227144	Thực tập hệ thống cơ điện tử	2		
							227152	Thực tập tốt nghiệp (Cơ điện tử)	5		
							228186	Thiết bị tự động hóa	2	3.2	
							228251	PLC	3		
							228252	Ví điều khiển	3	4.5	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
14	2117140026	Bùi Tấn	Sang	CCQ1714A	88	6.81	227134	Điều khiển số trong công nghiệp	2	3.2	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
15	2117140027	Bùi Văn	Sơn	CCQ1714A	64	5.76	224004	Anh văn 2	3	VT	
							224016	Anh văn 3	3	VT	
							227060	Thực tập tiện 1	2	VT	
							227069	Công nghệ khí nén - thủy lực nâng cao	2	VT	
							227070	Đồ án hệ thống cơ điện tử	1	4.2	
							227122	Anh văn chuyên ngành cơ điện tử	2		
							227129	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (CK)	1	VT	
							227134	Điều khiển số trong công nghiệp	2	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
15	2117140027	Bùi Văn Sơn	CCQ1714A	64	5.76	227135	Điều khiển và giám sát quá trình (SCADA)	2		
						227152	Thực tập tốt nghiệp (Cơ điện tử)	5		
						228251	PLC	3	VT	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
16	2117140028	Nguyễn Thanh Thái	CCQ1714A	86	6.99	227060	Thực tập tiện 1	2	VT	
						227135	Điều khiển và giám sát quá trình (SCADA)	2		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
17	2117140030	Hà Quốc Thảo	CCQ1714A	89	6.88	227070	Đồ án hệ thống cơ điện tử	1	1.8	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
18	2117140031	Đào Công Thích	CCQ1714A	38	3.84	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						223007	Chính trị 2	3	3.8	
						224016	Anh văn 3	3	VT	
						227006	Cơ học ứng dụng	2	1.8	
						227009	Công nghệ CAD/CAM	2		
						227012	Công nghệ CNC	2	VT	
						227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	2.6	
						227069	Công nghệ khí nén - thủy lực nâng cao	2	VT	
						227070	Đồ án hệ thống cơ điện tử	1	1.4	
						227113	Điều khiển tự động (Cơ khí)	2	2.6	
						227122	Anh văn chuyên ngành cơ điện tử	2		
						227125	Chuyên đề cơ sở ngành cơ điện tử	1	4.2	
						227135	Điều khiển và giám sát quá trình (SCADA)	2		
						227137	Nguyên lý - Chi tiết máy	2	1.0	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
18	2117140031	Đào Công Thích	CCQ1714A	38	3.84	227138	Solidworks	2	VT	
						227144	Thực tập hệ thống cơ điện tử	2	VT	
						227152	Thực tập tốt nghiệp (Cơ điện tử)	5		
						228186	Thiết bị tự động hóa	2	3.8	
						228251	PLC	3		
						228252	Vi điều khiển	3	VT	
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
19	2117140032	Đặng Nhật Thiên	CCQ1714A	8	1.11	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222033	Toán ứng dụng A	3	VT	
						223007	Chính trị 2	3	VT	
						224004	Anh văn 2	3	VT	
						224016	Anh văn 3	3		
						226020	Pháp luật đại cương	2	VT	
						227001	AutoCad 2D	2	VT	
						227006	Cơ học ứng dụng	2	0.0	
						227009	Công nghệ CAD/CAM	2		
						227012	Công nghệ CNC	2	VT	
						227014	Công nghệ khí nén - thủy lực	2		
						227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	1.4	
						227027	Hệ thống cơ điện tử	2	VT	
						227056	Thực tập phay 1	2	VT	
						227060	Thực tập tiện 1	2	VT	
						227064	Vẽ kỹ thuật 1	2	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
19	2117140032	Đặng Nhật Thiên	CCQ1714A	8	1.11	227069	Công nghệ khí nén - thủy lực nâng cao	2		
						227070	Đồ án hệ thống cơ điện tử	1		
						227113	Điều khiển tự động (Cơ khí)	2	VT	
						227122	Anh văn chuyên ngành cơ điện tử	2		
						227125	Chuyên đề cơ sở ngành cơ điện tử	1	VT	
						227129	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (CK)	1		
						227134	Điều khiển số trong công nghiệp	2	VT	
						227135	Điều khiển và giám sát quá trình (SCADA)	2		
						227137	Nguyên lý - Chi tiết máy	2	2.0	
						227138	Solidworks	2	VT	
						227144	Thực tập hệ thống cơ điện tử	2		
						227152	Thực tập tốt nghiệp (Cơ điện tử)	5		
						228186	Thiết bị tự động hóa	2	VT	
						228197	Trang bị điện trong máy cắt kim loại	3	VT	
						228251	PLC	3		
						228252	Vi điều khiển	3	VT	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
20	2117140033	Ngô Hiền Thiện	CCQ1714A	12	0.98	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222033	Toán ứng dụng A	3	VT	
						223006	Chính trị 1	3		
						224003	Anh văn 1	3	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
20	2117140033	Ngô Hiền Thiện	CCQ1714A	12	0.98	224004	Anh văn 2	3	VT	
						224016	Anh văn 3	3	VT	
						227001	AutoCad 2D	2	VT	
						227006	Cơ học ứng dụng	2	VT	
						227009	Công nghệ CAD/CAM	2	VT	
						227012	Công nghệ CNC	2	VT	
						227014	Công nghệ khí nén - thủy lực	2	VT	
						227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	3.2	
						227027	Hệ thống cơ điện tử	2	VT	
						227056	Thực tập phay 1	2	VT	
						227060	Thực tập tiện 1	2		
						227064	Vẽ kỹ thuật 1	2	VT	
						227069	Công nghệ khí nén - thủy lực nâng cao	2	VT	
						227070	Đồ án hệ thống cơ điện tử	1	VT	
						227113	Điều khiển tự động (Cơ khí)	2	VT	
						227122	Anh văn chuyên ngành cơ điện tử	2		
						227129	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (CK)	1	VT	
						227134	Điều khiển số trong công nghiệp	2	VT	
						227135	Điều khiển và giám sát quá trình (SCADA)	2		
						227137	Nguyên lý - Chi tiết máy	2	VT	
						227144	Thực tập hệ thống cơ điện tử	2	VT	
						227152	Thực tập tốt nghiệp (Cơ điện tử)	5		
						228186	Thiết bị tự động hóa	2	VT	
						228197	Trang bị điện trong máy cắt kim loại	3	VT	
						228251	PLC	3	VT	
						228252	Vi điều khiển	3	VT	
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
20	2117140033	Ngô Hiền	Thiện	CCQ1714A	12	0.98	R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
21	2117140034	Trần Quốc	Thịnh	CCQ1714A	88	6.53	227135	Điều khiển và giám sát quá trình (SCADA)	2		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
22	2117140035	Bùi Xuân	Thịnh	CCQ1714A	86	6.53	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							228186	Thiết bị tự động hóa	2	4.5	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
23	2117140037	Trần Hồ Bá	Thống	CCQ1714A	86	6.69	227122	Anh văn chuyên ngành cơ điện tử	2		
							227135	Điều khiển và giám sát quá trình (SCADA)	2		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
24	2117140038	Bùi Tấn	Tín	CCQ1714A	76	5.71	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224016	Anh văn 3	3	3.3	
							227069	Công nghệ khí nén - thủy lực nâng cao	2	3.6	
							227122	Anh văn chuyên ngành cơ điện tử	2		
							227135	Điều khiển và giám sát quá trình (SCADA)	2		
							227137	Nguyên lý - Chi tiết máy	2	3.2	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
25	2117140040	Trương Công	Toại	CCQ1714A	87	6.72	227064	Vẽ kỹ thuật 1	2	VT	
							227070	Đồ án hệ thống cơ điện tử	1	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
26	2117140045	Trương Minh	Triết	CCQ1714A	71	6.72	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
26	2117140045	Trương Minh Triết	CCQ1714A	71	6.72	223007	Chính trị 2	3		
						224004	Anh văn 2	3		
						224016	Anh văn 3	3		
						227006	Cơ học ứng dụng	2	4.2	
						227027	Hệ thống cơ điện tử	2	3.9	
						227137	Nguyên lý - Chi tiết máy	2	3.5	
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
27	2117140046	Ngô Quang Trường	CCQ1714A	81	6.56	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						227122	Anh văn chuyên ngành cơ điện tử	2		
						227135	Điều khiển và giám sát quá trình (SCADA)	2		
						227137	Nguyên lý - Chi tiết máy	2	4.4	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
28	2117140049	Lê Trung Tường	CCQ1714A	54	4.63	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222033	Toán ứng dụng A	3	3.4	
						224016	Anh văn 3	3	VT	
						227006	Cơ học ứng dụng	2	0.7	
						227014	Công nghệ khí nén - thủy lực	2	2.3	
						227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	3.0	
						227027	Hệ thống cơ điện tử	2	VT	
						227122	Anh văn chuyên ngành cơ điện tử	2		
						227134	Điều khiển số trong công nghiệp	2	2.0	
						227135	Điều khiển và giám sát quá trình (SCADA)	2		
						227137	Nguyên lý - Chi tiết máy	2	3.0	
						227144	Thực tập hệ thống cơ điện tử	2	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
28	2117140049	Lê Trung	Tường	CCQ1714A	54	4.63	228186	Thiết bị tự động hóa	2	VT	
							228251	PLC	3	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
29	2117140050	Nguyễn Ra	Vên	CCQ1714A	84	6.87	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227135	Điều khiển và giám sát quá trình (SCADA)	2		
							228186	Thiết bị tự động hóa	2		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
30	2117140051	Trần Anh	Vũ	CCQ1714A	77	6.05	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227060	Thực tập tiện 1	2	VT	
							227122	Anh văn chuyên ngành cơ điện tử	2		
							227135	Điều khiển và giám sát quá trình (SCADA)	2		
							227137	Nguyên lý - Chi tiết máy	2	4.6	
							228186	Thiết bị tự động hóa	2	3.2	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
31	2117140052	Nguyễn Ngọc	Anh	CCQ1714B	88	6.85	228186	Thiết bị tự động hóa	2		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
32	2117140055	Nguyễn Tuấn	Bình	CCQ1714A	2	1.46	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
32	2117140055	Nguyễn Tuấn Bình	CCQ1714A	2	1.46	222033	Toán ứng dụng A	3		
						223006	Chính trị 1	3	4.0	
						223007	Chính trị 2	3	VT	
						224003	Anh văn 1	3	VT	
						224004	Anh văn 2	3		
						224016	Anh văn 3	3		
						226020	Pháp luật đại cương	2		
						227001	AutoCad 2D	2	VT	
						227006	Cơ học ứng dụng	2	2.9	
						227009	Công nghệ CAD/CAM	2	VT	
						227012	Công nghệ CNC	2		
						227014	Công nghệ khí nén - thủy lực	2		
						227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	3.0	
						227027	Hệ thống cơ điện tử	2	VT	
						227056	Thực tập phay 1	2		
						227060	Thực tập tiện 1	2		
						227064	Vẽ kỹ thuật 1	2	4.4	
						227069	Công nghệ khí nén - thủy lực nâng cao	2		
						227070	Đồ án hệ thống cơ điện tử	1		
						227113	Điều khiển tự động (Cơ khí)	2		
						227122	Anh văn chuyên ngành cơ điện tử	2		
						227125	Chuyên đề cơ sở ngành cơ điện tử	1		
						227129	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (CK)	1	VT	
						227134	Điều khiển số trong công nghiệp	2	VT	
						227135	Điều khiển và giám sát quá trình (SCADA)	2		
						227137	Nguyên lý - Chi tiết máy	2	3.4	
						227138	Solidworks	2	VT	
						227144	Thực tập hệ thống cơ điện tử	2	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
32	2117140055	Nguyễn Tuấn	Bình	CCQ1714A	2	1.46	227152	Thực tập tốt nghiệp (Cơ điện tử)	5		
							228186	Thiết bị tự động hóa	2	VT	
							228197	Trang bị điện trong máy cắt kim loại	3	VT	
							228251	PLC	3		
							228252	Vi điều khiển	3		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
33	2117140061	Nguyễn Xuân	Duy	CCQ1714B	74	5.70	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	4.3	
							227070	Đồ án hệ thống cơ điện tử	1	VT	
							227113	Điều khiển tự động (Cơ khí)	2		
							227122	Anh văn chuyên ngành cơ điện tử	2		
							227135	Điều khiển và giám sát quá trình (SCADA)	2		
							227152	Thực tập tốt nghiệp (Cơ điện tử)	5	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
34	2117140062	Trần Văn	Đạt	CCQ1714B	78	5.91	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	4.0	
							224016	Anh văn 3	3		
							227006	Cơ học ứng dụng	2	4.3	
							227027	Hệ thống cơ điện tử	2	4.5	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
35	2117140064	Bùi Đức	Định	CCQ1714A	80	6.17	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227070	Đồ án hệ thống cơ điện tử	1	VT	
							227122	Anh văn chuyên ngành cơ điện tử	2		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
35	2117140064	Bùi Đức	Định	CCQ1714A	80	6.17	227135	Điều khiển và giám sát quá trình (SCADA)	2		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
36	2117140070	Từ Lê	Huy	CCQ1714B	90	6.65	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
37	2117140073	Hoàng Văn	Huy	CCQ1714B	84	6.48	227122	Anh văn chuyên ngành cơ điện tử	2		
							227137	Nguyên lý - Chi tiết máy	2	4.4	
							228186	Thiết bị tự động hóa	2	3.0	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
38	2117140074	Nguyễn Văn	Huy	CCQ1714B	90	7.19	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
39	2117140075	Nguyễn Minh	Hưỡng	CCQ1714B	74	6.25	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224016	Anh văn 3	3		
							227113	Điều khiển tự động (Cơ khí)	2		
							227122	Anh văn chuyên ngành cơ điện tử	2		
							227135	Điều khiển và giám sát quá trình (SCADA)	2		
							228186	Thiết bị tự động hóa	2	VT	
							228252	Vi điều khiển	3	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
40	2117140076	Lê Văn	Kha	CCQ1714B	40	4.44	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223007	Chính trị 2	3		
							224003	Anh văn 1	3	4.9	
							224004	Anh văn 2	3	VT	
							224016	Anh văn 3	3		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
40	2117140076	Lê Văn Kha	CCQ1714B	40	4.44	226020	Pháp luật đại cương	2		
						227012	Công nghệ CNC	2	3.4	
						227014	Công nghệ khí nén - thủy lực	2		
						227027	Hệ thống cơ điện tử	2	4.4	
						227056	Thực tập phay 1	2		
						227069	Công nghệ khí nén - thủy lực nâng cao	2	VT	
						227070	Đồ án hệ thống cơ điện tử	1	VT	
						227113	Điều khiển tự động (Cơ khí)	2	VT	
						227122	Anh văn chuyên ngành cơ điện tử	2		
						227129	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (CK)	1	VT	
						227134	Điều khiển số trong công nghiệp	2	VT	
						227135	Điều khiển và giám sát quá trình (SCADA)	2		
						227137	Nguyên lý - Chi tiết máy	2	VT	
						227138	Solidworks	2	VT	
						227144	Thực tập hệ thống cơ điện tử	2		
						228252	Vi điều khiển	3	1.5	
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5	VT	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
41	2117140079	Nguyễn Quang Linh	CCQ1714B	78	6.18	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222033	Toán ứng dụng A	3	4.9	
						223007	Chính trị 2	3	4.5	
						224004	Anh văn 2	3	VT	
						224016	Anh văn 3	3	VT	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
42	2117140080	Châu Văn	Linh	CCQ1714B	68	6.28	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224016	Anh văn 3	3		
							227027	Hệ thống cơ điện tử	2	3.5	
							227070	Đồ án hệ thống cơ điện tử	1		
							227113	Điều khiển tự động (Cơ khí)	2	3.9	
							227122	Anh văn chuyên ngành cơ điện tử	2		
							227134	Điều khiển số trong công nghiệp	2		
							227135	Điều khiển và giám sát quá trình (SCADA)	2		
							227152	Thực tập tốt nghiệp (Cơ điện tử)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
43	2117140085	Nguyễn Đồng	Phát	CCQ1714B	90	6.72	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
44	2117140092	Chu Văn	Sơn	CCQ1714B	24	3.06	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223007	Chính trị 2	3		
							224003	Anh văn 1	3	VT	
							224004	Anh văn 2	3		
							224016	Anh văn 3	3		
							226020	Pháp luật đại cương	2	VT	
							227001	AutoCad 2D	2	VT	
							227006	Cơ học ứng dụng	2	2.7	
							227009	Công nghệ CAD/CAM	2	VT	
							227012	Công nghệ CNC	2		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
44	2117140092	Chu Văn Sơn	CCQ1714B	24	3.06	227014	Công nghệ khí nén - thủy lực	2	2.6	
						227027	Hệ thống cơ điện tử	2	2.3	
						227056	Thực tập phay 1	2		
						227060	Thực tập tiện 1	2		
						227069	Công nghệ khí nén - thủy lực nâng cao	2		
						227070	Đồ án hệ thống cơ điện tử	1	3.6	
						227122	Anh văn chuyên ngành cơ điện tử	2	VT	
						227125	Chuyên đề cơ sở ngành cơ điện tử	1	3.8	
						227129	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (CK)	1	0.0	
						227134	Điều khiển số trong công nghiệp	2	2.5	
						227135	Điều khiển và giám sát quá trình (SCADA)	2		
						227137	Nguyên lý - Chi tiết máy	2	2.9	
						227144	Thực tập hệ thống cơ điện tử	2		
						227152	Thực tập tốt nghiệp (Cơ điện tử)	5		
						228186	Thiết bị tự động hóa	2	VT	
						228197	Trang bị điện trong máy cắt kim loại	3	VT	
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5	VT	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
45	2117140095	Đỗ Chí Thanh	CCQ1714B	82	6.03	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						224016	Anh văn 3	3	VT	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
46	2117140098	Nguyễn Văn Thuần	CCQ1714B	65	5.43	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222033	Toán ứng dụng A	3	1.9	
						224003	Anh văn 1	3	4.6	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
46	2117140098	Nguyễn Văn	Thuần	CCQ1714B	65	5.43	224016	Anh văn 3	3	4.8	
							227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	3.5	
							227056	Thực tập phay 1	2		
							227070	Đồ án hệ thống cơ điện tử	1	VT	
							227113	Điều khiển tự động (Cơ khí)	2	4.5	
							227122	Anh văn chuyên ngành cơ điện tử	2	4.2	
							227135	Điều khiển và giám sát quá trình (SCADA)	2		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
47	2117140099	Phan Quốc	Tiến	CCQ1714B	72	6.37	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223006	Chính trị 1	3	3.5	
							223007	Chính trị 2	3	4.3	
							227113	Điều khiển tự động (Cơ khí)	2	4.5	
							227134	Điều khiển số trong công nghiệp	2	4.0	
							227135	Điều khiển và giám sát quá trình (SCADA)	2		
							228186	Thiết bị tự động hóa	2	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
48	2117140100	Trần Anh	Toàn	CCQ1714B	88	6.85	08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227014	Công nghệ khí nén - thủy lực	2	4.2	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
49	2117140101	Lê Huy	Tới	CCQ1714B	88	6.99	227135	Điều khiển và giám sát quá trình (SCADA)	2		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
49	2117140101	Lê Huy	Tới	CCQ1714B	88	6.99	R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
50	2117140106	Đào	Vũ	CCQ1714B	90	6.82	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
51	2117140107	Đặng Ngọc Long	Vỹ	CCQ1714B	80	6.08	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227069	Công nghệ khí nén - thủy lực nâng cao	2	2.4	
							227070	Đồ án hệ thống cơ điện tử	1	VT	
							227134	Điều khiển số trong công nghiệp	2	3.9	
							228186	Thiết bị tự động hóa	2	3.4	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	4 TC (Min)	4
0101 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
	234011 Bóng rổ 2	2
	234013 Cầu lông 2	2
	234014 Aerobic 2	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2
0201 .	226035 Soạn thảo văn bản	2
	227073 Lập trình C++	2
	229030 Tin học văn phòng	2
Nhóm TC 03 :	4 TC (Min)	4
0302 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
0303 .		234006 Bóng đá 1	2							
		234010 Bóng đá 2	2							
0304 .		234007 Bóng rổ 1	2							
		234011 Bóng rổ 2	2							
0305 .		234008 Cầu lông 1	2							
		234013 Cầu lông 2	2							
0306 .		234009 Aerobic 1	2							
		234014 Aerobic 2	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		222010 Logic học đại cương	2							
		222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2							
		226017 Môi trường và con người	2							
Nhóm TC 05 :		2 TC (Min)	2							
0501 .		227127 Thực tập hàn	2							
		227140 Thực tập tháo lắp	2							
		227142 Thực tập hàn TIG - MAG	2							
Nhóm TC 06 :		2 TC (Min)	2							
0601 .		227032 Matlab	2							
		227136 Kỹ thuật Robot	2							
		228018 Đo lường và điều khiển bằng máy tính	2							
Nhóm TC 07 :		5 TC (Min)	5							
0701 .		227088 Đồ án tốt nghiệp (Cơ điện tử)	5							
		227118 Hệ thống cơ điện tử nâng cao	3							
		227126 Chuyên đề thực tập CNC ngành cơ điện tử	2							
Nhóm TC 08 :		3 TC (Min)	3							
0801 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
Phòng Quản Lý Đào Tạo
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2017 - Tự động hóa (TN211715)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **90**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2117150006	Phan	Bình	CCQ1715A	88	7.17	228030	Kỹ thuật điện tử 1	2	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
2	2117150007	Nguyễn Ngọc	Châu	CCQ1715A	79	6.41	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							228034	Kỹ thuật số 1	2	VT	
							228057	Thực tập điện tử cơ bản	2		
							228162	Thực tập PLC 2	2		
							228165	Thí nghiệm điều khiển và điều chỉnh tự động	1		
							228263	PLC nâng cao	2		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
3	2117150012	Nguyễn Thành	Đạt	CCQ1715A	66	5.79	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	VT	
							224004	Anh văn 2	3		
							228030	Kỹ thuật điện tử 1	2	4.5	
							228034	Kỹ thuật số 1	2	2.8	
							228048	Robot công nghiệp (Điện)	2	3.6	
							228073	Trang bị điện 1	2	4.6	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
3	2117150012	Nguyễn Thành	Đạt	CCQ1715A	66	5.79	228077	Tự động hóa công nghiệp	2		
							228162	Thực tập PLC 2	2		
							228263	PLC nâng cao	2		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
4	2117150016	Nguyễn Trọng	Đức	CCQ1715A	80	6.39	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							228030	Kỹ thuật điện tử 1	2	VT	
							228034	Kỹ thuật số 1	2	3.2	
							228057	Thực tập điện tử cơ bản	2	VT	
							228073	Trang bị điện 1	2	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
5	2117150023	Nguyễn Ngọc Anh	Học	CCQ1715A	45	3.89	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223007	Chính trị 2	3	VT	
							224016	Anh văn 3	3	4.6	
							226020	Pháp luật đại cương	2	VT	
							228039	Lý thuyết điều khiển tự động	3	0.8	
							228040	Mạch điện	3	3.2	
							228054	Thiết bị tự động	2	3.3	
							228073	Trang bị điện 1	2	VT	
							228090	An toàn điện và môi trường công nghiệp	2	4.2	
							228162	Thực tập PLC 2	2	VT	
							228164	Thực tập PLC 1	2	VT	
							228169	Anh văn chuyên ngành điều khiển tự động	2	4.2	
							228177	Đồ án điều khiển tự động	1	4.6	
							228182	Mạng truyền thông công nghiệp	2	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
5	2117150023	Nguyễn Ngọc Anh	Học	CCQ1715A	45	3.89	228185	Thực tập lắp đặt tủ điều khiển	2	VT	
							228202	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Tự động hóa)	1	3.0	
							228248	Thực tập tốt nghiệp (TĐH)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
6	2117150026	Trương Quốc	Huy	CCQ1715A	90	7.19	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
7	2117150028	Võ Sinh	Khải	CCQ1715A	74	5.88	08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224003	Anh văn 1	3	VT	
							228030	Kỹ thuật điện tử 1	2	VT	
							228034	Kỹ thuật số 1	2	3.8	
							228040	Mạch điện	3	3.4	
							228048	Robot công nghiệp (Điện)	2	4.7	
							228073	Trang bị điện 1	2	2.2	
							228263	PLC nâng cao	2	3.5	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
8	2117150030	Phạm Văn	Khang	CCQ1715A	67	5.60	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	2.6	
							223007	Chính trị 2	3		
							228034	Kỹ thuật số 1	2	2.3	
							228039	Lý thuyết điều khiển tự động	3	0.0	
							228066	Thực tập trang bị điện 1	2	VT	
							228073	Trang bị điện 1	2	1.4	
							228077	Tự động hóa công nghiệp	2	3.8	
							228090	An toàn điện và môi trường công nghiệp	2	VT	
							228263	PLC nâng cao	2	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
8	2117150030	Phạm Văn	Khang	CCQ1715A	67	5.60	R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
9	2117150033	Nguyễn Thanh	Kiệt	CCQ1715A	59	4.66	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223007	Chính trị 2	3	0.0	
							226020	Pháp luật đại cương	2	0.0	
							228048	Robot công nghiệp (Điện)	2	4.7	
							228054	Thiết bị tự động	2	VT	
							228077	Tự động hóa công nghiệp	2	0.0	
							228162	Thực tập PLC 2	2		
							228164	Thực tập PLC 1	2	VT	
							228177	Đồ án điều khiển tự động	1	1.6	
							228182	Mạng truyền thông công nghiệp	2	VT	
							228185	Thực tập lắp đặt tủ điều khiển	2	VT	
							228230	Thiết kế tủ điều khiển	2	VT	
							228248	Thực tập tốt nghiệp (TĐH)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
10	2117150041	Đinh Hà Diệp	Nguyên	CCQ1715A	26	3.34	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	VT	
							223006	Chính trị 1	3		
							223007	Chính trị 2	3		
							224003	Anh văn 1	3	VT	
							224004	Anh văn 2	3		
							224016	Anh văn 3	3		
							226020	Pháp luật đại cương	2		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
10	2117150041	Đinh Hà Diệp	Nguyên	CCQ1715A	26	3.34	228034	Kỹ thuật số 1	2	VT	
							228042	Matlab trong tự động	2	0.6	
							228048	Robot công nghiệp (Điện)	2	VT	
							228054	Thiết bị tự động	2	VT	
							228077	Tự động hóa công nghiệp	2	VT	
							228162	Thực tập PLC 2	2		
							228165	Thí nghiệm điều khiển và điều chỉnh tự động	1	VT	
							228169	Anh văn chuyên ngành điều khiển tự động	2	VT	
							228177	Đồ án điều khiển tự động	1		
							228182	Mạng truyền thông công nghiệp	2	VT	
							228185	Thực tập lắp đặt tủ điều khiển	2	VT	
							228202	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Tự động hóa)	1	3.0	
							228203	Chuyên đề Quản lý tự động hóa tòa nhà (BMS)	1	VT	
							228230	Thiết kế tủ điều khiển	2		
							228248	Thực tập tốt nghiệp (TĐH)	5		
							228263	PLC nâng cao	2	VT	
							229100	Tin học	2		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
11	2117150044	Nguyễn Công	Pha	CCQ1715A	55	5.13	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224003	Anh văn 1	3	3.9	
							224016	Anh văn 3	3	4.2	
							226020	Pháp luật đại cương	2		
							228034	Kỹ thuật số 1	2	2.4	
							228040	Mạch điện	3	3.9	
							228054	Thiết bị tự động	2	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
11	2117150044	Nguyễn Công	Pha	CCQ1715A	55	5.13	228066	Thực tập trang bị điện 1	2	2.3	
							228073	Trang bị điện 1	2	3.2	
							228090	An toàn điện và môi trường công nghiệp	2	4.6	
							228162	Thực tập PLC 2	2		
							228182	Mạng truyền thông công nghiệp	2	VT	
							228185	Thực tập lắp đặt tủ điều khiển	2		
							228263	PLC nâng cao	2		
							229100	Tin học	2		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
12	2117150045	Phan Huỳnh Tấn	Phát	CCQ1715A	83	6.14	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							228030	Kỹ thuật điện tử 1	2	4.6	
							228202	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Tự động hóa)	1	0.0	
13	2117150063	Trương Hoàng	Tiến	CCQ1715A	88	6.29	228034	Kỹ thuật số 1	2	2.6	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
14	2117150066	Lê Trung	Tính	CCQ1715A	86	6.11	228034	Kỹ thuật số 1	2	4.5	
							228048	Robot công nghiệp (Điện)	2	3.9	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
15	2117150068	Nguyễn Trung	Triều	CCQ1715A	65	5.02	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	VT	
							223007	Chính trị 2	3	4.0	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
15	2117150068	Nguyễn Trung Triều	CCQ1715A	65	5.02	224004	Anh văn 2	3	VT	
						224016	Anh văn 3	3		
						228040	Mạch điện	3	VT	
						228090	An toàn điện và môi trường công nghiệp	2	4.3	
						228164	Thực tập PLC 1	2	VT	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
16	2117150069	Nguyễn Hữu Triệu	CCQ1715A	77	6.30	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						223006	Chính trị 1	3	4.1	
						226020	Pháp luật đại cương	2	VT	
						228057	Thực tập điện tử cơ bản	2	2.0	
						228073	Trang bị điện 1	2	4.2	
						228162	Thực tập PLC 2	2		
						228263	PLC nâng cao	2		
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
17	2117150070	Trương Khánh Trung	CCQ1715A	58	6.11	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						228030	Kỹ thuật điện tử 1	2	3.7	
						228034	Kỹ thuật số 1	2	VT	
						228057	Thực tập điện tử cơ bản	2	VT	
						228066	Thực tập trang bị điện 1	2		
						228162	Thực tập PLC 2	2		
						228164	Thực tập PLC 1	2		
						228165	Thí nghiệm điều khiển và điều chỉnh tự động	1		
						228182	Mạng truyền thông công nghiệp	2		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
17	2117150070	Trương Khánh	Trung	CCQ1715A	58	6.11	228185	Thực tập lắp đặt tủ điều khiển	2		
							228202	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Tự động hóa)	1	0.0	
							228203	Chuyên đề Quản lý tự động hóa tòa nhà (BMS)	1	VT	
							228230	Thiết kế tủ điều khiển	2		
							228263	PLC nâng cao	2		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
18	2117150073	Vũ Đức	Uy	CCQ1715A	78	5.97	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							228030	Kỹ thuật điện tử 1	2	4.4	
							228034	Kỹ thuật số 1	2	4.1	
							228073	Trang bị điện 1	2	4.2	
							228164	Thực tập PLC 1	2		
							228182	Mạng truyền thông công nghiệp	2	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
19	2117150074	Lê Đình	Văn	CCQ1715A	88	6.20	228162	Thực tập PLC 2	2		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
20	2117150076	Mai Quốc	Việt	CCQ1715A	86	6.34	228034	Kỹ thuật số 1	2	2.5	
							228090	An toàn điện và môi trường công nghiệp	2	4.6	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	4 TC (Min)	4
0101 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
	234006 Bóng đá 1	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		234007 Bóng rổ 1	2							
		234008 Cầu lông 1	2							
		234009 Aerobic 1	2							
		234010 Bóng đá 2	2							
		234011 Bóng rổ 2	2							
		234013 Cầu lông 2	2							
		234014 Aerobic 2	2							
Nhóm TC 02 :		2 TC (Min)	2							
0201 .		226035 Soạn thảo văn bản	2							
		227073 Lập trình C++	2							
		229030 Tin học văn phòng	2							
Nhóm TC 03 :		4 TC (Min)	4							
0302 .		234002 Bóng chuyền 1	2							
		234003 Bóng chuyền 2	2							
0303 .		234006 Bóng đá 1	2							
		234010 Bóng đá 2	2							
0304 .		234007 Bóng rổ 1	2							
		234011 Bóng rổ 2	2							
0305 .		234008 Cầu lông 1	2							
		234013 Cầu lông 2	2							
0306 .		234009 Aerobic 1	2							
		234014 Aerobic 2	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		222010 Logic học đại cương	2							
		222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2							
		226017 Môi trường và con người	2							
Nhóm TC 05 :		2 TC (Min)	2							
0501 .		227014 Công nghệ khí nén - thủy lực	2							
		228160 Autocad (Điện)	2							

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		228181 Lý thuyết điều khiển nâng cao	2							
Nhóm TC 06 :		2 TC (Min)	2							
0601 .		228060 Thực tập kỹ thuật số	2							
		228074 Trang bị điện 2	2							
		228079 Vi điều khiển 1	2							
Nhóm TC 07 :		5 TC (Min)	5							
0701 .		228023 Hệ thống SCADA	2							
		228103 Đồ án tốt nghiệp (Tự động)	5							
		228206 Chuyên đề thiết kế mạch giao tiếp	3							
Nhóm TC 08 :		3 TC (Min)	3							
0801 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
Phòng Quản Lý Đào Tạo
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2017 - Hóa hữu cơ (TN211716)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **90**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2117160002	Đinh Thị Hương	Dung	CCQ1716A	84	6.33	230026	Hóa vô cơ	2	4.6	
							230248	Thực tập tốt nghiệp (Hóa hữu cơ)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
2	2117160004	Nguyễn Minh	Đức	CCQ1716A	88	6.71	230180	Cơ sở lý thuyết hóa hữu cơ	3	2.0	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
3	2117160005	Nguyễn Văn	Hùng	CCQ1716A	91	6.81	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
4	2117160006	Phạm Văn	Khánh	CCQ1716A	91	7.21	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
5	2117160009	Phạm Văn	Lộc	CCQ1716A	82	6.14	230026	Hóa vô cơ	2	4.8	
							230226	Kỹ thuật tổng hợp hữu cơ 1	2	4.4	
							230248	Thực tập tốt nghiệp (Hóa hữu cơ)	5	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
6	2117160010	Trương Ngọc Thu	Ngân	CCQ1716A	81	6.44	230026	Hóa vô cơ	2	4.2	
							230182	Kỹ thuật phân tích hữu cơ	3	2.7	
							230248	Thực tập tốt nghiệp (Hóa hữu cơ)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
6	2117160010	Trương Ngọc Thu	Ngân	CCQ1716A	81	6.44	R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
7	2117160013	Đặng Thái	Sơn	CCQ1716A	88	6.46	230180	Cơ sở lý thuyết hóa hữu cơ	3	1.6	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
8	2117160015	Lê Minh	Tâm	CCQ1716A	81	6.17	230063	Kỹ thuật phòng thí nghiệm	2	4.3	
							230182	Kỹ thuật phân tích hữu cơ	3	3.3	
							230248	Thực tập tốt nghiệp (Hóa hữu cơ)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
9	2117160016	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	CCQ1716A	80	6.21	230026	Hóa vô cơ	2	4.6	
							230030	Kỹ thuật nhuộm – in hoa	4	4.7	
							230248	Thực tập tốt nghiệp (Hóa hữu cơ)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
10	2117160021	Nguyễn Minh	Tú	CCQ1716A	88	6.47	230180	Cơ sở lý thuyết hóa hữu cơ	3	3.4	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
11	2117160022	Đặng Quốc	Vai	CCQ1716A	84	6.74	230026	Hóa vô cơ	2	4.4	
							230180	Cơ sở lý thuyết hóa hữu cơ	3	1.2	
							230226	Kỹ thuật tổng hợp hữu cơ 1	2	4.6	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
12	2117160023	Lê Hoàng Bảo	Vân	CCQ1716A	85	7.05	230180	Cơ sở lý thuyết hóa hữu cơ	3	1.8	
							230182	Kỹ thuật phân tích hữu cơ	3	3.4	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
13	2117160025	Vạn Ngọc	Xuân	CCQ1716A	88	7.02	230180	Cơ sở lý thuyết hóa hữu cơ	3	3.1	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
14	2117160026	Trần Như Kim Yến	CCQ1716A	91	7.39	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
15	2117160027	Trần Thùy Dương	CCQ1716A	81	6.34	230023	Hóa lý	3	4.1	
						230024	Hóa phân tích	2	4.7	
						230026	Hóa vô cơ	2	4.6	
						230182	Kỹ thuật phân tích hữu cơ	3	4.7	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	4 TC (Min)	4
0101 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
	234011 Bóng rổ 2	2
	234013 Cầu lông 2	2
	234014 Aerobic 2	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2
0201 .	222012 Phương pháp luận sáng tạo	2
	222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2
Nhóm TC 03 :	4 TC (Min)	4
0302 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
0303 .	234006 Bóng đá 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
0304 .	234007 Bóng rổ 1	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		234011 Bóng rổ 2	2							
0305 .		234008 Cầu lông 1	2							
		234013 Cầu lông 2	2							
0306 .		234009 Aerobic 1	2							
		234014 Aerobic 2	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		222010 Logic học đại cương	2							
		226017 Môi trường và con người	2							
Nhóm TC 05 :		2 TC (Min)	2							
0501 .		230032 Kỹ thuật sản xuất phân bón	2							
		230083 Xử lý nước trong sản xuất công nghiệp	2							
		230104 Hợp chất thiên nhiên	2							
Nhóm TC 06 :		2 TC (Min)	2							
0601 .		230004 Công nghệ lên men	2							
		230184 Các phương pháp phổ nghiệm	2							
		230227 Kỹ thuật tổng hợp hữu cơ 2	2							
Nhóm TC 07 :		5 TC (Min)	5							
0701 .		230069 Đồ án tốt nghiệp (Hóa hữu cơ)	5							
		230204 Chuyên đề 2: Phát triển sản phẩm	3							
		230205 Chuyên đề 3	3							
Nhóm TC 08 :		3 TC (Min)	3							
0801 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
Phòng Quản Lý Đào Tạo
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2017 - Ô tô (TN211717)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **90**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2117170001	Phạm Trường	An	CCQ1717A	71	5.57	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	2.6	
							233010	Ô tô	3	0.8	
							233022	Động cơ đốt trong	3	3.8	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
2	2117170002	Trần Tiến	Anh	CCQ1717A	80	6.19	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
3	2117170005	Nguyễn Văn	Chung	CCQ1717A	53	5.05	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	4.7	
							233004	Công nghệ lắp ráp ô tô	2		
							233005	Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2	4.0	
							233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	2.5	
							233010	Ô tô	3	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
3	2117170005	Nguyễn Văn	Chung	CCQ1717A	53	5.05	233022	Động cơ đốt trong	3	3.0	
							233048	Thực tập điện ô tô 2	3	VT	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
4	2117170007	Phạm Tuấn	Dĩ	CCQ1717A	71	6.09	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233004	Công nghệ lắp ráp ô tô	2	4.1	
							233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	2.1	
							233022	Động cơ đốt trong	3	2.0	
							233049	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Ô tô)	1		
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
5	2117170009	Tô Đình	Duy	CCQ1717A	80	6.68	08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	4.5	
							227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	2.1	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
6	2117170010	Đỗ Khánh	Duy	CCQ1717A	67	6.13	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233005	Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2	4.5	
							233010	Ô tô	3	2.6	
							233022	Động cơ đốt trong	3	3.9	
							233041	Thực tập động cơ xăng 2	3		
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
6	2117170010	Đỗ Khánh	Duy	CCQ1717A	67	6.13	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
7	2117170017	Trịnh Minh	Đức	CCQ1717A	68	5.46	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233005	Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2	3.5	
							233010	Ô tô	3	0.0	
							233022	Động cơ đốt trong	3	3.7	
							233042	Thực tập diesel	3		
							233049	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Ô tô)	1	VT	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
8	2117170019	Nguyễn Minh Nhật	Hào	CCQ1717A	80	6.20	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233010	Ô tô	3	VT	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
9	2117170021	Lê Chí	Hiếu	CCQ1717A	82	6.00	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233010	Ô tô	3	VT	
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	3.9	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
10	2117170022	Nguyễn Minh	Hiếu	CCQ1717A	80	6.58	233004	Công nghệ lắp ráp ô tô	2		
							233005	Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2	4.0	
							233049	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Ô tô)	1		
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
11	2117170024	Nguyễn Minh	Hoàng	CCQ1717A	85	6.49	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233052	Thực tập ô tô 2	3		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
12	2117170025	Nguyễn Quý	Hoàng	CCQ1717A	74	6.00	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233004	Công nghệ lắp ráp ô tô	2	4.3	
							233010	Ô tô	3	2.6	
							233022	Động cơ đốt trong	3	3.3	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
13	2117170028	Trần Trường	Huy	CCQ1717A	67	5.73	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	4.4	
							233010	Ô tô	3	3.8	
							233022	Động cơ đốt trong	3	3.7	
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	4.2	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
14	2117170030	Nguyễn Ngọc	Hưng	CCQ1717A	77	6.15	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233010	Ô tô	3	0.7	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
15	2117170036	Phan Ngọc	Liêu	CCQ1717A	79	5.87	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233010	Ô tô	3	1.4	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
15	2117170036	Phan Ngọc Liêu	CCQ1717A	79	5.87	233048	Thực tập điện ô tô 2	3	VT	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
16	2117170040	Nguyễn Đức Phú	CCQ1717A	46	3.65	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222033	Toán ứng dụng A	3	4.2	
						223007	Chính trị 2	3	4.1	
						227064	Vẽ kỹ thuật 1	2	VT	
						233004	Công nghệ lắp ráp ô tô	2	VT	
						233005	Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2	4.2	
						233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	VT	
						233010	Ô tô	3	VT	
						233016	Thực tập động cơ xăng 1	3	VT	
						233021	Kỹ thuật mô tô, xe máy	2	VT	
						233041	Thực tập động cơ xăng 2	3	VT	
						233044	Thực tập điện ô tô 1	3	VT	
						233050	Đồ án chuyên ngành Ô tô	1	VT	
						233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	VT	
						233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
17	2117170041	Trần Phong Phú	CCQ1717A	37	4.62	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
17	2117170041	Trần Phong Phú	CCQ1717A	37	4.62	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222033	Toán ứng dụng A	3		
						223007	Chính trị 2	3		
						227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	VT	
						227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	VT	
						227064	Vẽ kỹ thuật 1	2	VT	
						233004	Công nghệ lắp ráp ô tô	2		
						233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	4.2	
						233010	Ô tô	3	VT	
						233022	Động cơ đốt trong	3	3.0	
						233048	Thực tập điện ô tô 2	3		
						233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	1.0	
						233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
18	2117170043	Trần Anh Phục	CCQ1717A	73	5.77	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						226020	Pháp luật đại cương	2	4.1	
						233004	Công nghệ lắp ráp ô tô	2	VT	
						233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	4.3	
						233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
19	2117170044	Ngô An Sơn	CCQ1717A	60	5.56	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
19	2117170044	Ngô An	Sơn	CCQ1717A	60	5.56	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	4.3	
							227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	2.3	
							233010	Ô tô	3	2.3	
							233022	Động cơ đốt trong	3	1.8	
							233041	Thực tập động cơ xăng 2	3		
							233050	Đồ án chuyên ngành Ô tô	1		
							233052	Thực tập ô tô 2	3		
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
20	2117170046	Nguyễn Huỳnh	Sơn	CCQ1717A	69	4.89	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233010	Ô tô	3	VT	
							233048	Thực tập điện ô tô 2	3	VT	
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	3.0	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
21	2117170047	Nguyễn Ngọc	Sơn	CCQ1717A	82	6.46	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233052	Thực tập ô tô 2	3		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
22	2117170048	Trần Văn	Sum	CCQ1717A	40	5.41	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
22	2117170048	Trần Văn Sum	CCQ1717A	40	5.41	09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222033	Toán ứng dụng A	3	4.5	
						223006	Chính trị 1	3	4.5	
						227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	3.5	
						227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	4.0	
						233004	Công nghệ lắp ráp ô tô	2	3.7	
						233005	Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2	2.6	
						233010	Ô tô	3	VT	
						233022	Động cơ đốt trong	3		
						233041	Thực tập động cơ xăng 2	3		
						233043	Thực tập ô tô 1	3		
						233044	Thực tập điện ô tô 1	3		
						233048	Thực tập điện ô tô 2	3		
						233050	Đồ án chuyên ngành Ô tô	1		
						233052	Thực tập ô tô 2	3		
						233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
23	2117170049	Hoàng Anh Tài	CCQ1717A	7	1.09	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222033	Toán ứng dụng A	3		
						223006	Chính trị 1	3		
						223007	Chính trị 2	3		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
23	2117170049	Hoàng Anh Tài	CCQ1717A	7	1.09	226020	Pháp luật đại cương	2		
						227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	VT	
						227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2		
						227064	Vẽ kỹ thuật 1	2	2.1	
						233004	Công nghệ lắp ráp ô tô	2		
						233005	Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2	VT	
						233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	VT	
						233010	Ô tô	3	VT	
						233021	Kỹ thuật mô tô, xe máy	2	VT	
						233022	Động cơ đốt trong	3	VT	
						233041	Thực tập động cơ xăng 2	3		
						233042	Thực tập diesel	3		
						233043	Thực tập ô tô 1	3		
						233044	Thực tập điện ô tô 1	3	VT	
						233048	Thực tập điện ô tô 2	3	VT	
						233049	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Ô tô)	1	VT	
						233050	Đồ án chuyên ngành Ô tô	1		
						233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2		
						233052	Thực tập ô tô 2	3	VT	
						233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
24	2117170050	Nguyễn Tấn Tài	CCQ1717A	39	3.45	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
24	2117170050	Nguyễn Tấn Tài	CCQ1717A	39	3.45	227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	4.9	
						227064	Vẽ kỹ thuật 1	2	4.4	
						233005	Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2	VT	
						233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	3.3	
						233010	Ô tô	3	VT	
						233022	Động cơ đốt trong	3	2.3	
						233041	Thực tập động cơ xăng 2	3	VT	
						233044	Thực tập điện ô tô 1	3		
						233048	Thực tập điện ô tô 2	3	VT	
						233050	Đồ án chuyên ngành Ô tô	1	VT	
						233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	VT	
						233052	Thực tập ô tô 2	3		
						233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
25	2117170051	Trương Tấn Tài	CCQ1717A	63	5.75	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222033	Toán ứng dụng A	3	VT	
						223007	Chính trị 2	3	4.8	
						227064	Vẽ kỹ thuật 1	2	4.4	
						233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	2.8	
						233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
26	2117170053	Ngô Linh Tâm	CCQ1717A	47	4.34	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
26	2117170053	Ngô Linh	Tâm	CCQ1717A	47	4.34	227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	2.7	
							227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	4.0	
							233004	Công nghệ lắp ráp ô tô	2	4.4	
							233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	3.0	
							233010	Ô tô	3	VT	
							233042	Thực tập diesel	3		
							233044	Thực tập điện ô tô 1	3	VT	
							233048	Thực tập điện ô tô 2	3	VT	
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	VT	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
27	2117170055	Nguyễn Phương	Tây	CCQ1717A	86	6.08	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	2.8	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
28	2117170056	Trần Hữu	Thắng	CCQ1717A	80	6.09	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227064	Vẽ kỹ thuật 1	2	4.6	
							233010	Ô tô	3	3.3	
							233044	Thực tập điện ô tô 1	3		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
29	2117170060	Hồ Văn	Thịnh	CCQ1717A	59	5.00	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223007	Chính trị 2	3	2.8	
							227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	3.9	
							233004	Công nghệ lắp ráp ô tô	2		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
29	2117170060	Hồ Văn Thịnh	CCQ1717A	59	5.00	233005	Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2	VT	
						233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	3.4	
						233021	Kỹ thuật mô tô, xe máy	2	4.5	
						233022	Động cơ đốt trong	3	2.3	
						233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	VT	
						233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
30	2117170061	Trần Minh Tiến	CCQ1717A	2	0.47	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222033	Toán ứng dụng A	3		
						223006	Chính trị 1	3		
						223007	Chính trị 2	3		
						226020	Pháp luật đại cương	2		
						227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	VT	
						227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	VT	
						227064	Vẽ kỹ thuật 1	2	VT	
						229100	Tin học	2	VT	
						233004	Công nghệ lắp ráp ô tô	2		
						233005	Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2	VT	
						233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
30	2117170061	Trần Minh Tiến	CCQ1717A	2	0.47	233010	Ô tô	3		
						233016	Thực tập động cơ xăng 1	3	VT	
						233021	Kỹ thuật mô tô, xe máy	2	VT	
						233022	Động cơ đốt trong	3	VT	
						233041	Thực tập động cơ xăng 2	3		
						233042	Thực tập diesel	3		
						233043	Thực tập ô tô 1	3		
						233044	Thực tập điện ô tô 1	3		
						233048	Thực tập điện ô tô 2	3		
						233049	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Ô tô)	1		
						233050	Đồ án chuyên ngành Ô tô	1		
						233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2		
						233052	Thực tập ô tô 2	3		
						233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5	VT	
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
31	2117170064	Đặng Công Toàn	CCQ1717A	50	4.18	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						223006	Chính trị 1	3	VT	
						226020	Pháp luật đại cương	2	VT	
						233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	VT	
						233010	Ô tô	3	4.6	
						233041	Thực tập động cơ xăng 2	3		
						233044	Thực tập điện ô tô 1	3	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
31	2117170064	Đặng Công	Toàn	CCQ1717A	50	4.18	233048	Thực tập điện ô tô 2	3	VT	
							233052	Thực tập ô tô 2	3	VT	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
32	2117170065	Hoàng Công	Toàn	CCQ1717A	76	7.00	233044	Thực tập điện ô tô 1	3		
							233048	Thực tập điện ô tô 2	3		
							233052	Thực tập ô tô 2	3		
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
33	2117170067	Nguyễn Đăng Quang	Trường	CCQ1717A	83	6.39	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	4.9	
							233010	Ô tô	3	3.0	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
34	2117170069	Nguyễn Thanh	Tùng	CCQ1717A	59	5.33	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227064	Vẽ kỹ thuật 1	2	3.0	
							233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	VT	
							233041	Thực tập động cơ xăng 2	3	VT	
							233049	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Ô tô)	1	VT	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
34	2117170069	Nguyễn Thanh	Tùng	CCQ1717A	59	5.33	R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
35	2117170071	Phạm Quan	Tứ	CCQ1717A	77	6.08	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233010	Ô tô	3	2.2	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
36	2117170073	Nguyễn Ngọc	Vĩnh	CCQ1717A	50	4.52	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223007	Chính trị 2	3		
							227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	3.3	
							233004	Công nghệ lắp ráp ô tô	2	3.8	
							233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	3.0	
							233010	Ô tô	3	0.8	
							233022	Động cơ đốt trong	3	2.9	
							233041	Thực tập động cơ xăng 2	3		
							233044	Thực tập điện ô tô 1	3	VT	
							233048	Thực tập điện ô tô 2	3	VT	
							233052	Thực tập ô tô 2	3	VT	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
37	2117170076	Nguyễn Vi Tuấn	Anh	CCQ1717B	82	6.37	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233010	Ô tô	3	3.6	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
38	2117170077	Trương Gia	Bão	CCQ1717B	44	4.43	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
38	2117170077	Trương Gia Bão	CCQ1717B	44	4.43	03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222033	Toán ứng dụng A	3		
						223006	Chính trị 1	3	VT	
						223007	Chính trị 2	3		
						227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	VT	
						227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	VT	
						227064	Vẽ kỹ thuật 1	2	2.9	
						227127	Thực tập hàn	2	VT	
						233005	Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2	2.3	
						233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	3.5	
						233010	Ô tô	3	VT	
						233021	Kỹ thuật mô tô, xe máy	2	3.7	
						233022	Động cơ đốt trong	3	VT	
						233041	Thực tập động cơ xăng 2	3		
						233042	Thực tập diesel	3		
						233043	Thực tập ô tô 1	3		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
39	2117170078	Vũ Xuân Cảnh	CCQ1717B	87	6.69	08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
40	2117170079	Phan Tấn Công	CCQ1717B	78	6.46	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						233005	Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2	4.2	
						233052	Thực tập ô tô 2	3		
						233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
40	2117170079	Phan Tấn	Công	CCQ1717B	78	6.46	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
41	2117170081	Bùi Quang	Diện	CCQ1717B	80	6.71	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
42	2117170082	Nguyễn Ngọc	Dinh	CCQ1717B	27	2.72	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3		
							223006	Chính trị 1	3	4.2	
							223007	Chính trị 2	3	VT	
							226020	Pháp luật đại cương	2	VT	
							227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	VT	
							227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	VT	
							227064	Vẽ kỹ thuật 1	2	VT	
							233004	Công nghệ lắp ráp ô tô	2	VT	
							233005	Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2	VT	
							233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	1.1	
							233010	Ô tô	3	VT	
							233021	Kỹ thuật mô tô, xe máy	2	4.3	
							233022	Động cơ đốt trong	3	2.2	
							233043	Thực tập ô tô 1	3	VT	
							233044	Thực tập điện ô tô 1	3	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
42	2117170082	Nguyễn Ngọc	Dinh	CCQ1717B	27	2.72	233048	Thực tập điện ô tô 2	3	VT	
							233049	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Ô tô)	1	VT	
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
43	2117170083	Phan Thanh	Duy	CCQ1717B	87	6.46	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
44	2117170086	Trần Tiến	Đạt	CCQ1717B	58	4.52	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	VT	
							223006	Chính trị 1	3	VT	
							227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	VT	
							227064	Vẽ kỹ thuật 1	2	VT	
							233005	Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2	3.9	
							233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	VT	
							233010	Ô tô	3	VT	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
45	2117170090	Nguyễn Hữu	Đô	CCQ1717B	90	6.79	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
46	2117170097	Đinh Sĩ	Hiệp	CCQ1717B	82	6.18	233010	Ô tô	3	2.6	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
47	2117170099	Phan Minh	Hiếu	CCQ1717B	83	6.88	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	1.1	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
48	2117170100	Nguyễn Văn	Hòa	CCQ1717B	80	6.93	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2		
							233010	Ô tô	3	4.0	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
49	2117170101	Võ Nguyễn Huy	Hoàng	CCQ1717B	83	5.76	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233010	Ô tô	3	4.3	
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	4.4	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
50	2117170102	Hồ Đăng	Hùng	CCQ1717B	51	5.07	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	VT	
							227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	1.6	
							233005	Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2	3.3	
							233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3		
							233010	Ô tô	3	2.8	
							233021	Kỹ thuật mô tô, xe máy	2	4.7	
							233022	Động cơ đốt trong	3	2.4	
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	2.0	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
51	2117170104	Trần Duy	Kha	CCQ1717B	87	6.69	233010	Ô tô	3	3.8	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
51	2117170104	Trần Duy	Kha	CCQ1717B	87	6.69	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
52	2117170105	Đỗ Văn	Khả	CCQ1717B	90	7.13	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
53	2117170107	Đặng Văn	Lan	CCQ1717B	75	6.21	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	2.6	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
54	2117170108	Nguyễn Quốc	Lập	CCQ1717B	43	3.66	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223007	Chính trị 2	3	VT	
							226020	Pháp luật đại cương	2	VT	
							227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	VT	
							233004	Công nghệ lắp ráp ô tô	2	VT	
							233005	Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2	VT	
							233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	4.4	
							233010	Ô tô	3	3.9	
							233022	Động cơ đốt trong	3	3.2	
							233043	Thực tập ô tô 1	3	VT	
							233044	Thực tập điện ô tô 1	3	VT	
							233048	Thực tập điện ô tô 2	3	VT	
							233049	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Ô tô)	1	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
54	2117170108	Nguyễn Quốc	Lập	CCQ1717B	43	3.66	233050	Đồ án chuyên ngành Ô tô	1	VT	
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	VT	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
55	2117170109	Trần Văn	Lịch	CCQ1717B	80	6.51	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
56	2117170110	Nguyễn Hoàng	Lộc	CCQ1717B	34	2.76	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	VT	
							227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	VT	
							233004	Công nghệ lắp ráp ô tô	2	VT	
							233005	Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2	VT	
							233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	VT	
							233010	Ô tô	3	3.7	
							233022	Động cơ đốt trong	3	VT	
							233041	Thực tập động cơ xăng 2	3	VT	
							233042	Thực tập diesel	3	VT	
							233044	Thực tập điện ô tô 1	3	VT	
							233048	Thực tập điện ô tô 2	3	VT	
							233050	Đồ án chuyên ngành Ô tô	1	VT	
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	2.3	
							233052	Thực tập ô tô 2	3		
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
56	2117170110	Nguyễn Hoàng	Lộc	CCQ1717B	34	2.76	R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
57	2117170111	Hà Đức	Lợi	CCQ1717B	77	6.02	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	4.6	
							233022	Động cơ đốt trong	3	2.4	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
58	2117170112	Lê Tấn	Luân	CCQ1717B	90	6.78	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
59	2117170113	Đỗ Công	Minh	CCQ1717B	87	6.92	233044	Thực tập điện ô tô 1	3		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
60	2117170115	Thái Tuấn	Nghĩa	CCQ1717B	62	5.23	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	2.1	
							227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	2.9	
							233010	Ô tô	3	3.8	
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	3.4	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
61	2117170120	Trần Phi	Phố	CCQ1717B	84	6.75	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233010	Ô tô	3	3.8	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
62	2117170122	Nguyễn Tất	Phú	CCQ1717B	70	6.10	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
62	2117170122	Nguyễn Tất Phú	CCQ1717B	70	6.10	08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222033	Toán ứng dụng A	3	4.7	
						227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	3.5	
						233010	Ô tô	3	3.9	
						233022	Động cơ đốt trong	3	3.8	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
63	2117170127	Lê Văn Sử	CCQ1717B	59	5.32	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						226020	Pháp luật đại cương	2	4.7	
						227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	4.3	
						233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	4.7	
						233010	Ô tô	3	1.6	
						233022	Động cơ đốt trong	3	4.0	
						233048	Thực tập điện ô tô 2	3	VT	
						233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	3.6	
						233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
64	2117170135	Nguyễn Đình Thi	CCQ1717B	7	0.74	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222033	Toán ứng dụng A	3	VT	
						223006	Chính trị 1	3	VT	
						223007	Chính trị 2	3		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
64	2117170135	Nguyễn Đình Thi	CCQ1717B	7	0.74	226020	Pháp luật đại cương	2	VT	
						227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	VT	
						227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	VT	
						227064	Vẽ kỹ thuật 1	2	VT	
						233004	Công nghệ lắp ráp ô tô	2	VT	
						233005	Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2	VT	
						233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3		
						233010	Ô tô	3	VT	
						233021	Kỹ thuật mô tô, xe máy	2	VT	
						233022	Động cơ đốt trong	3	VT	
						233041	Thực tập động cơ xăng 2	3	VT	
						233042	Thực tập diesel	3		
						233043	Thực tập ô tô 1	3		
						233044	Thực tập điện ô tô 1	3	VT	
						233048	Thực tập điện ô tô 2	3	VT	
						233049	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Ô tô)	1	VT	
						233050	Đồ án chuyên ngành Ô tô	1	VT	
						233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	VT	
						233052	Thực tập ô tô 2	3	VT	
						233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
65	2117170136	Nguyễn Văn Tiến	CCQ1717B	90	6.96	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
66	2117170137	Nguyễn Văn Tiến	CCQ1717B	79	6.63	233010	Ô tô	3	4.4	
						233022	Động cơ đốt trong	3	4.3	
						233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
66	2117170137	Nguyễn Văn	Tiến	CCQ1717B	79	6.63	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
67	2117170138	Vũ Đỗ Trọng	Tín	CCQ1717B	77	6.06	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	1.4	
							233010	Ô tô	3	0.6	
							233022	Động cơ đốt trong	3	4.4	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
68	2117170140	Nguyễn Lê Thanh	Toàn	CCQ1717B	80	6.13	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
69	2117170142	Hoàng Bá	Trọng	CCQ1717B	42	4.75	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	VT	
							223006	Chính trị 1	3		
							223007	Chính trị 2	3	3.3	
							227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	4.0	
							227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	VT	
							233005	Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2	3.0	
							233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	2.1	
							233010	Ô tô	3	3.6	
							233022	Động cơ đốt trong	3	4.1	
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2		
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
69	2117170142	Hoàng Bá	Trọng	CCQ1717B	42	4.75	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
70	2117170143	Lê Ngọc Thành	Trung	CCQ1717B	35	3.43	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	VT	
							223007	Chính trị 2	3	VT	
							226020	Pháp luật đại cương	2	VT	
							227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	4.2	
							227064	Vẽ kỹ thuật 1	2	3.8	
							233004	Công nghệ lắp ráp ô tô	2	VT	
							233005	Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2	3.0	
							233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	1.9	
							233010	Ô tô	3	1.5	
							233022	Động cơ đốt trong	3	2.8	
							233044	Thực tập điện ô tô 1	3	VT	
							233048	Thực tập điện ô tô 2	3	VT	
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	VT	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
71	2117170145	Phạm Anh	Tuấn	CCQ1717B	58	4.63	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227064	Vẽ kỹ thuật 1	2	3.7	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
71	2117170145	Phạm Anh	Tuấn	CCQ1717B	58	4.63	233010	Ô tô	3	4.5	
							233042	Thực tập diesel	3	VT	
							233044	Thực tập điện ô tô 1	3	VT	
							233048	Thực tập điện ô tô 2	3	VT	
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	2.5	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
72	2117170146	Lê Thanh	Tuấn	CCQ1717B	86	6.44	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	4.1	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
73	2117170147	Nguyễn Quốc	Văn	CCQ1717B	43	4.21	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223006	Chính trị 1	3	4.4	
							227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	VT	
							227064	Vẽ kỹ thuật 1	2	3.4	
							233004	Công nghệ lắp ráp ô tô	2	2.0	
							233005	Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2	4.2	
							233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	1.4	
							233041	Thực tập động cơ xăng 2	3		
							233044	Thực tập điện ô tô 1	3		
							233048	Thực tập điện ô tô 2	3	VT	
							233049	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Ô tô)	1	VT	
							233050	Đồ án chuyên ngành Ô tô	1	0.8	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
73	2117170147	Nguyễn Quốc	Văn	CCQ1717B	43	4.21	233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	VT	
							233052	Thực tập ô tô 2	3		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
74	2117170149	Nguyễn Tấn	Vin	CCQ1717B	80	5.94	227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	VT	
							233010	Ô tô	3	3.1	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
75	2117170150	Trần Đại	Vinh	CCQ1717B	69	5.60	09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	4.6	
							233010	Ô tô	3	0.4	
							233022	Động cơ đốt trong	3	3.8	
							233048	Thực tập điện ô tô 2	3	VT	
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	4.8	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
76	2117170152	Phạm Công	Anh	CCQ1717C	65	5.91	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233004	Công nghệ lắp ráp ô tô	2	4.2	
							233005	Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2	2.2	
							233022	Động cơ đốt trong	3	0.8	
							233041	Thực tập động cơ xăng 2	3		
							233052	Thực tập ô tô 2	3	VT	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
76	2117170152	Phạm Công	Anh	CCQ1717C	65	5.91	R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
77	2117170154	Nguyễn Đình	Bảo	CCQ1717C	82	6.39	233010	Ô tô	3	4.4	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
78	2117170155	Võ Trí	Bảo	CCQ1717C	79	6.52	233010	Ô tô	3	VT	
							233022	Động cơ đốt trong	3	3.5	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
79	2117170156	Nguyễn Văn	Chi	CCQ1717C	50	5.74	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223006	Chính trị 1	3		
							223007	Chính trị 2	3	4.0	
							227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	3.0	
							227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	4.6	
							227064	Vẽ kỹ thuật 1	2	VT	
							233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3		
							233010	Ô tô	3	3.6	
							233021	Kỹ thuật mô tô, xe máy	2	4.1	
							233022	Động cơ đốt trong	3	2.8	
							233041	Thực tập động cơ xăng 2	3		
							233048	Thực tập điện ô tô 2	3		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
80	2117170158	Phạm Tiến	Đạt	CCQ1717C	35	4.29	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
80	2117170158	Phạm Tiến Đạt	CCQ1717C	35	4.29	08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222033	Toán ứng dụng A	3		
						227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	2.0	
						227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	1.5	
						227064	Vẽ kỹ thuật 1	2	3.7	
						229100	Tin học	2	1.6	
						233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	3.6	
						233010	Ô tô	3	VT	
						233021	Kỹ thuật mô tô, xe máy	2	4.2	
						233022	Động cơ đốt trong	3	1.8	
						233041	Thực tập động cơ xăng 2	3	VT	
						233042	Thực tập diesel	3		
						233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	3.2	
						233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
81	2117170161	Trần Bình Đông	CCQ1717C	58	5.68	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	3.2	
						227064	Vẽ kỹ thuật 1	2	4.1	
						233010	Ô tô	3		
						233022	Động cơ đốt trong	3	VT	
						233043	Thực tập ô tô 1	3		
						233048	Thực tập điện ô tô 2	3		
						233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	0.8	
						233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
81	2117170161	Trần Bình	Đông	CCQ1717C	58	5.68	R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
82	2117170162	Nguyễn Tấn Hoài	Đức	CCQ1717C	45	4.38	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226020	Pháp luật đại cương	2	4.3	
							227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	2.6	
							227064	Vẽ kỹ thuật 1	2	2.1	
							233005	Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2		
							233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3		
							233010	Ô tô	3	VT	
							233021	Kỹ thuật mô tô, xe máy	2	4.4	
							233022	Động cơ đốt trong	3	2.5	
							233042	Thực tập diesel	3		
							233043	Thực tập ô tô 1	3	VT	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
83	2117170164	Nguyễn Ngọc	Hiệp	CCQ1717C	85	6.64	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233010	Ô tô	3	2.3	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
84	2117170166	Lâm Khánh	Hòa	CCQ1717C	88	6.97	233004	Công nghệ lắp ráp ô tô	2	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
85	2117170167	Phạm Văn	Hùng	CCQ1717C	36	4.15	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
85	2117170167	Phạm Văn	Hùng	CCQ1717C	36	4.15	222033	Toán ứng dụng A	3	VT	
							223007	Chính trị 2	3	VT	
							226020	Pháp luật đại cương	2		
							227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	3.2	
							227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	2.3	
							233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	3.6	
							233010	Ô tô	3	VT	
							233022	Động cơ đốt trong	3	VT	
							233041	Thực tập động cơ xăng 2	3		
							233048	Thực tập điện ô tô 2	3		
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	3.5	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
86	2117170170	Nguyễn Quốc	Huy	CCQ1717C	82	6.42	09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223007	Chính trị 2	3	4.5	
							233022	Động cơ đốt trong	3	3.5	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
87	2117170171	Trần Hoàng	Kha	CCQ1717C	27	3.26	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	4.9	
							223006	Chính trị 1	3	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
87	2117170171	Trần Hoàng Kha	CCQ1717C	27	3.26	223007	Chính trị 2	3	VT	
						227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	2.4	
						227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	3.5	
						233004	Công nghệ lắp ráp ô tô	2	VT	
						233005	Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2	VT	
						233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	VT	
						233010	Ô tô	3	2.9	
						233021	Kỹ thuật mô tô, xe máy	2	3.7	
						233022	Động cơ đốt trong	3	2.0	
						233041	Thực tập động cơ xăng 2	3		
						233044	Thực tập điện ô tô 1	3		
						233048	Thực tập điện ô tô 2	3		
						233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2		
						233052	Thực tập ô tô 2	3	VT	
						233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
88	2117170173	Bùi Duy Khánh	CCQ1717C	46	4.88	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						223006	Chính trị 1	3	3.3	
						223007	Chính trị 2	3	3.8	
						227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	1.8	
						233004	Công nghệ lắp ráp ô tô	2	0.6	
						233005	Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2	4.5	
						233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	4.0	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
88	2117170173	Bùi Duy	Khánh	CCQ1717C	46	4.88	233010	Ô tô	3	2.0	
							233044	Thực tập điện ô tô 1	3		
							233048	Thực tập điện ô tô 2	3		
							233050	Đồ án chuyên ngành Ô tô	1		
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	2.6	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
89	2117170174	Trương Hữu Quốc	Khánh	CCQ1717C	58	5.56	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	4.6	
							233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	3.6	
							233010	Ô tô	3	2.8	
							233044	Thực tập điện ô tô 1	3		
							233048	Thực tập điện ô tô 2	3		
							233050	Đồ án chuyên ngành Ô tô	1		
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	3.2	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
90	2117170176	Nguyễn Nhật	Long	CCQ1717C	53	5.06	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	4.9	
							223006	Chính trị 1	3	3.6	
							227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	3.8	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
90	2117170176	Nguyễn Nhật	Long	CCQ1717C	53	5.06	227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	VT	
							229100	Tin học	2	VT	
							233005	Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2	2.9	
							233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	VT	
							233010	Ô tô	3	VT	
							233021	Kỹ thuật mô tô, xe máy	2	VT	
							233022	Động cơ đốt trong	3	VT	
							233042	Thực tập diesel	3		
							233043	Thực tập ô tô 1	3		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
91	2117170177	Lưu Chí	Lộc	CCQ1717C	73	5.83	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	3.2	
							227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	4.9	
							233005	Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2	2.5	
							233010	Ô tô	3	VT	
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	3.9	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
92	2117170178	Trương Hoàng	Lộc	CCQ1717C	82	6.41	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233010	Ô tô	3		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
93	2117170179	Nguyễn Hữu	Lợi	CCQ1717C	90	8.31	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
94	2117170180	Trần Hoàng	Luân	CCQ1717C	90	7.26	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
94	2117170180	Trần Hoàng	Luân	CCQ1717C	90	7.26	R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
95	2117170181	Nguyễn Minh	Luật	CCQ1717C	60	6.22	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226020	Pháp luật đại cương	2		
							233010	Ô tô	3	VT	
							233022	Động cơ đốt trong	3	4.0	
							233043	Thực tập ô tô 1	3		
							233048	Thực tập điện ô tô 2	3		
							233050	Đồ án chuyên ngành Ô tô	1		
							233052	Thực tập ô tô 2	3		
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
96	2117170182	Nguyễn Quyết	Lượng	CCQ1717C	85	6.34	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
97	2117170183	Huỳnh Kim	Lưu	CCQ1717C	48	5.16	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	VT	
							223006	Chính trị 1	3	4.0	
							223007	Chính trị 2	3	3.8	
							233005	Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2	3.8	
							233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	3.8	
							233010	Ô tô	3	4.0	
							233021	Kỹ thuật mô tô, xe máy	2	3.8	
							233022	Động cơ đốt trong	3	3.6	
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	4.7	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
97	2117170183	Huỳnh Kim	Lưu	CCQ1717C	48	5.16	233052	Thực tập ô tô 2	3	4.0	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
98	2117170185	Dương Hoài	Nam	CCQ1717C	87	6.66	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
99	2117170186	Nguyễn Thanh	Nhã	CCQ1717C	88	6.60	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
100	2117170190	Nguyễn Hữu	Phúc	CCQ1717C	82	6.21	233010	Ô tô	3	2.4	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
101	2117170196	Nguyễn Trường	Sinh	CCQ1717C	78	6.12	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	3.7	
							233010	Ô tô	3	2.0	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
102	2117170197	Hoàng Văn	Sơn	CCQ1717C	87	7.28	08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
103	2117170198	Lê Thanh	Sự	CCQ1717C	77	6.77	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	4.6	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
103	2117170198	Lê Thanh	Sự	CCQ1717C	77	6.77	233022	Động cơ đốt trong	3	2.5	
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	3.7	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
104	2117170199	Huỳnh Tiến	Sỹ	CCQ1717C	77	6.24	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233010	Ô tô	3	3.2	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
105	2117170200	Nguyễn Thanh	Tài	CCQ1717C	66	5.60	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	1.5	
							233010	Ô tô	3	3.2	
							233022	Động cơ đốt trong	3	2.3	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
106	2117170202	Võ Minh	Tâm	CCQ1717C	82	6.58	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233010	Ô tô	3	3.5	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
107	2117170203	Nguyễn Thanh	Tâm	CCQ1717C	72	6.38	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233004	Công nghệ lắp ráp ô tô	2	3.3	
							233010	Ô tô	3	3.2	
							233043	Thực tập ô tô 1	3		
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
107	2117170203	Nguyễn Thanh	Tâm	CCQ1717C	72	6.38	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
108	2117170209	Lê Minh	Thắng	CCQ1717C	75	6.43	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233005	Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2	4.3	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
109	2117170210	Nguyễn Văn	Thiên	CCQ1717C	76	5.96	233010	Ô tô	3	2.8	
							233043	Thực tập ô tô 1	3		
							233048	Thực tập điện ô tô 2	3		
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
110	2117170211	Phan Hữu	Thịnh	CCQ1717C	83	6.46	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	3.7	
							233052	Thực tập ô tô 2	3		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
111	2117170213	Lê Thành	Thoại	CCQ1717C	80	6.12	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
112	2117170216	Nguyễn Nhật	Thương	CCQ1717C	90	7.06	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
113	2117170219	Nguyễn Vũ	Tính	CCQ1717C	53	4.97	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223006	Chính trị 1	3	3.5	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
113	2117170219	Nguyễn Vũ	Tính	CCQ1717C	53	4.97	226020	Pháp luật đại cương	2	VT	
							227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	4.4	
							227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	3.8	
							233005	Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2	4.3	
							233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	4.8	
							233021	Kỹ thuật mô tô, xe máy	2	4.6	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
114	2117170221	Huỳnh Xuân	Toàn	CCQ1717C	87	7.55	233010	Ô tô	3	4.6	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
115	2117170222	Tăng Anh	Triều	CCQ1717C	69	6.20	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233010	Ô tô	3	3.4	
							233044	Thực tập điện ô tô 1	3		
							233048	Thực tập điện ô tô 2	3		
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	4.5	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
116	2117170223	Nguyễn Văn	Trợ	CCQ1717C	54	4.88	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223006	Chính trị 1	3	VT	
							223007	Chính trị 2	3	VT	
							229100	Tin học	2	4.9	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
116	2117170223	Nguyễn Văn Trợ	CCQ1717C	54	4.88	233005	Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2	3.9	
						233010	Ô tô	3	3.2	
						233022	Động cơ đốt trong	3	4.8	
						233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
117	2117170224	Phan Anh Tuấn	CCQ1717C	7	0.75	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222033	Toán ứng dụng A	3	VT	
						223006	Chính trị 1	3	VT	
						223007	Chính trị 2	3		
						226020	Pháp luật đại cương	2		
						227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	VT	
						227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	VT	
						227064	Vẽ kỹ thuật 1	2	VT	
						233004	Công nghệ lắp ráp ô tô	2	VT	
						233005	Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2	VT	
						233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	VT	
						233010	Ô tô	3		
						233016	Thực tập động cơ xăng 1	3	VT	
						233021	Kỹ thuật mô tô, xe máy	2	VT	
						233022	Động cơ đốt trong	3	VT	
						233041	Thực tập động cơ xăng 2	3		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
117	2117170224	Phan Anh	Tuấn	CCQ1717C	7	0.75	233043	Thực tập ô tô 1	3	VT	
							233044	Thực tập điện ô tô 1	3	VT	
							233048	Thực tập điện ô tô 2	3	VT	
							233049	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Ô tô)	1	VT	
							233050	Đồ án chuyên ngành Ô tô	1	VT	
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	VT	
							233052	Thực tập ô tô 2	3	VT	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
118	2117170226	Lê Thanh	Tuấn	CCQ1717C	81	6.20	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	4.8	
							233010	Ô tô	3	3.3	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
119	2117170227	Quảng Hoàng	Tương	CCQ1717C	36	4.49	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223007	Chính trị 2	3		
							226020	Pháp luật đại cương	2	VT	
							227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	3.9	
							227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	VT	
							233004	Công nghệ lắp ráp ô tô	2	2.9	
							233005	Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2	3.0	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
119	2117170227	Quảng Hoàng	Tương	CCQ1717C	36	4.49	233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	4.4	
							233010	Ô tô	3	VT	
							233016	Thực tập động cơ xăng 1	3	VT	
							233021	Kỹ thuật mô tô, xe máy	2	3.1	
							233022	Động cơ đốt trong	3	VT	
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	2.6	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
120	2117170231	Nguyễn Ngọc	ấn	CCQ1717D	76	6.31	233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	2.6	
							233010	Ô tô	3	3.2	
							233042	Thực tập diesel	3		
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
121	2117170232	Ngô Minh	Bảo	CCQ1717D	82	6.05	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233052	Thực tập ô tô 2	3		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
122	2117170233	Nguyễn Tấn	Bảo	CCQ1717D	57	5.28	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	2.4	
							223007	Chính trị 2	3	4.3	
							226020	Pháp luật đại cương	2		
							227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	3.7	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
122	2117170233	Nguyễn Tấn Bảo	CCQ1717D	57	5.28	233010	Ô tô	3	2.6	
						233021	Kỹ thuật mô tô, xe máy	2	3.8	
						233041	Thực tập động cơ xăng 2	3		
						233049	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Ô tô)	1	VT	
						233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
123	2117170234	Phan Thành Bảo	CCQ1717D	75	6.41	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	4.7	
						233010	Ô tô	3	4.7	
						233044	Thực tập điện ô tô 1	3		
						233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2		
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
124	2117170235	Huỳnh Thế Bảo	CCQ1717D	26	2.97	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222033	Toán ứng dụng A	3	3.3	
						223006	Chính trị 1	3	4.3	
						223007	Chính trị 2	3		
						226020	Pháp luật đại cương	2		
						227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	3.1	
						227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	2.6	
						233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
124	2117170235	Huỳnh Thế	Bảo	CCQ1717D	26	2.97	233010	Ô tô	3	VT	
							233021	Kỹ thuật mô tô, xe máy	2	3.6	
							233041	Thực tập động cơ xăng 2	3		
							233043	Thực tập ô tô 1	3		
							233044	Thực tập điện ô tô 1	3	VT	
							233048	Thực tập điện ô tô 2	3	VT	
							233049	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Ô tô)	1	VT	
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2		
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
125	2117170236	Hồ Công	Danh	CCQ1717D	90	7.10	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
126	2117170237	Nguyễn Thành	Duy	CCQ1717D	78	6.19	223006	Chính trị 1	3	4.7	
							233010	Ô tô	3	4.0	
							233041	Thực tập động cơ xăng 2	3		
							233052	Thực tập ô tô 2	3	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
127	2117170238	Lê Thanh	Dương	CCQ1717D	87	6.45	233041	Thực tập động cơ xăng 2	3		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
128	2117170240	Lê Văn	Đại	CCQ1717D	85	6.39	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	4.8	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
129	2117170242	Nguyễn Ngọc	Điền	CCQ1717D	83	7.02	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
129	2117170242	Nguyễn Ngọc	Điền	CCQ1717D	83	7.02	233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
130	2117170243	Phạm Thành	Điền	CCQ1717D	64	5.23	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	4.3	
							233005	Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2	2.2	
							233010	Ô tô	3	3.1	
							233041	Thực tập động cơ xăng 2	3		
							233050	Đồ án chuyên ngành Ô tô	1		
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
131	2117170245	Đặng Thanh	Đô	CCQ1717D	82	6.29	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233010	Ô tô	3	3.2	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
132	2117170247	Huỳnh Văn	Đức	CCQ1717D	72	6.06	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233022	Động cơ đốt trong	3	4.3	
							233043	Thực tập ô tô 1	3		
							233044	Thực tập điện ô tô 1	3		
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	3.9	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
132	2117170247	Huỳnh Văn	Đức	CCQ1717D	72	6.06	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
133	2117170248	Trần Công	Hải	CCQ1717D	77	6.38	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233010	Ô tô	3	3.4	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
134	2117170250	Phạm Ngọc Anh	Hậu	CCQ1717D	88	6.51	233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
135	2117170252	Hà Văn	Hiếu	CCQ1717D	80	6.00	233010	Ô tô	3	2.7	
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	VT	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
136	2117170253	Lê Sỹ	Hòa	CCQ1717D	82	6.95	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233010	Ô tô	3	4.0	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
137	2117170254	Lương Ngọc	Hoàng	CCQ1717D	59	5.19	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	3.3	
							223006	Chính trị 1	3	4.1	
							227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	3.3	
							227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	1.8	
							233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	3.5	
							233010	Ô tô	3	4.2	
							233021	Kỹ thuật mô tô, xe máy	2	3.6	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
137	2117170254	Lương Ngọc	Hoàng	CCQ1717D	59	5.19	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
138	2117170255	Nguyễn Phi	Hùng	CCQ1717D	76	6.13	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233010	Ô tô	3	4.2	
							233048	Thực tập điện ô tô 2	3		
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
139	2117170257	Trương Quang	Hưng	CCQ1717D	84	6.55	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233022	Động cơ đốt trong	3	3.4	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
140	2117170259	Nguyễn Văn	Khanh	CCQ1717D	90	7.71	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
141	2117170261	Nguyễn Quốc	Kiệt	CCQ1717D	85	6.29	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	4.9	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
142	2117170262	Trương Võ	Kiệt	CCQ1717D	73	5.86	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	4.7	
							233010	Ô tô	3	3.4	
							233022	Động cơ đốt trong	3	2.8	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
143	2117170263	Nguyễn Hoài	Linh	CCQ1717D	24	5.73	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
143	2117170263	Nguyễn Hoài Linh	CCQ1717D	24	5.73	03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222033	Toán ứng dụng A	3		
						223006	Chính trị 1	3		
						223007	Chính trị 2	3		
						226020	Pháp luật đại cương	2		
						233004	Công nghệ lắp ráp ô tô	2		
						233005	Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2	VT	
						233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3		
						233010	Ô tô	3		
						233042	Thực tập diesel	3		
						233043	Thực tập ô tô 1	3		
						233044	Thực tập điện ô tô 1	3		
						233048	Thực tập điện ô tô 2	3		
						233049	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Ô tô)	1		
						233050	Đồ án chuyên ngành Ô tô	1		
						233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2		
						233052	Thực tập ô tô 2	3		
						233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
144	2117170264	Nguyễn Võ Quang Linh	CCQ1717D	74	6.27	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						233010	Ô tô	3	4.3	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
144	2117170264	Nguyễn Võ Quang	Linh	CCQ1717D	74	6.27	233044	Thực tập điện ô tô 1	3		
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
145	2117170265	Huỳnh Thanh	Lực	CCQ1717D	55	4.90	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	VT	
							227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	3.3	
							227064	Vẽ kỹ thuật 1	2	VT	
							233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	VT	
							233010	Ô tô	3	2.4	
							233022	Động cơ đốt trong	3	4.1	
							233044	Thực tập điện ô tô 1	3		
							233048	Thực tập điện ô tô 2	3		
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	3.1	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
146	2117170267	Nguyễn Hữu	Nam	CCQ1717D	82	6.41	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233010	Ô tô	3	1.2	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
147	2117170268	Lương Trọng	Nghĩa	CCQ1717D	33	3.82	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
147	2117170268	Lương Trọng Nghĩa	CCQ1717D	33	3.82	08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						223007	Chính trị 2	3	VT	
						233005	Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2	2.9	
						233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	3.1	
						233010	Ô tô	3	3.9	
						233021	Kỹ thuật mô tô, xe máy	2	4.7	
						233022	Động cơ đốt trong	3	1.8	
						233041	Thực tập động cơ xăng 2	3		
						233043	Thực tập ô tô 1	3		
						233044	Thực tập điện ô tô 1	3	VT	
						233048	Thực tập điện ô tô 2	3	VT	
						233049	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Ô tô)	1	VT	
						233050	Đồ án chuyên ngành Ô tô	1	VT	
						233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2		
						233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
148	2117170269	Trịnh Hồ Quốc Pháp	CCQ1717D	72	5.63	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						223007	Chính trị 2	3	3.6	
						227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	VT	
						233010	Ô tô	3	3.2	
						233021	Kỹ thuật mô tô, xe máy	2	VT	
						233022	Động cơ đốt trong	3	2.8	
						233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
148	2117170269	Trịnh Hồ Quốc	Pháp	CCQ1717D	72	5.63	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
149	2117170270	Lâm Văn	Pháp	CCQ1717D	80	6.65	227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	2.7	
							233041	Thực tập động cơ xăng 2	3		
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
150	2117170271	Phạm Văn	Phi	CCQ1717D	83	6.25	222033	Toán ứng dụng A	3	4.0	
							233021	Kỹ thuật mô tô, xe máy	2	4.7	
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	1.8	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
151	2117170272	Nguyễn Công	Phú	CCQ1717D	82	6.43	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	4.4	
							233010	Ô tô	3	2.8	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
152	2117170273	Nguyễn Ngọc	Phú	CCQ1717D	73	5.76	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	2.9	
							233010	Ô tô	3	2.6	
							233022	Động cơ đốt trong	3	4.6	
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	4.4	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
153	2117170274	Lê Nguyễn Hoài	Phúc	CCQ1717D	72	6.40	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
153	2117170274	Lê Nguyễn Hoài	Phúc	CCQ1717D	72	6.40	233010	Ô tô	3	2.9	
							233048	Thực tập điện ô tô 2	3		
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	4.2	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
154	2117170276	Nguyễn Phú	Quý	CCQ1717D	90	8.16	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
155	2117170277	Nguyễn Hồng	Sơn	CCQ1717D	90	7.17	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
156	2117170281	Huỳnh Công	Thành	CCQ1717D	77	6.62	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233010	Ô tô	3	4.1	
							233048	Thực tập điện ô tô 2	3		
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
157	2117170283	Lê Đức	Thắng	CCQ1717D	82	6.21	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233010	Ô tô	3	3.1	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
158	2117170287	Nguyễn Công	Thiện	CCQ1717D	85	6.89	233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
159	2117170288	Nguyễn Đình	Thuấn	CCQ1717D	38	3.77	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
159	2117170288	Nguyễn Đình	Thuấn	CCQ1717D	38	3.77	222033	Toán ứng dụng A	3	VT	
							227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	2.0	
							229100	Tin học	2	3.6	
							233004	Công nghệ lắp ráp ô tô	2	4.3	
							233005	Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2	3.7	
							233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	2.4	
							233010	Ô tô	3	2.8	
							233021	Kỹ thuật mô tô, xe máy	2	2.8	
							233022	Động cơ đốt trong	3	3.8	
							233044	Thực tập điện ô tô 1	3	VT	
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	VT	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
160	2117170289	Đoàn Quốc	Thuận	CCQ1717D	87	6.45	223007	Chính trị 2	3	4.1	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
161	2117170291	Nguyễn Minh	Tiến	CCQ1717D	64	6.00	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	4.7	
							227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	3.1	
							233004	Công nghệ lắp ráp ô tô	2	VT	
							233005	Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2	3.7	
							233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	3.7	
							233010	Ô tô	3	2.5	
							233043	Thực tập ô tô 1	3		
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
161	2117170291	Nguyễn Minh	Tiến	CCQ1717D	64	6.00	R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
162	2117170293	Nguyễn Văn	Tiến	CCQ1717D	80	6.20	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
163	2117170294	Trương Đình	Trung	CCQ1717D	85	6.26	233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
164	2117170295	Nguyễn Quốc	Trung	CCQ1717D	65	4.93	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	2.6	
							227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	1.6	
							233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	4.1	
							233010	Ô tô	3	2.4	
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
165	2117170296	Nguyễn Văn	Trung	CCQ1717D	38	4.27	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223006	Chính trị 1	3	4.2	
							223007	Chính trị 2	3	VT	
							226020	Pháp luật đại cương	2	VT	
							227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	2.8	
							233004	Công nghệ lắp ráp ô tô	2	3.9	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
165	2117170296	Nguyễn Văn	Trung	CCQ1717D	38	4.27	233005	Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2	4.2	
							233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	4.5	
							233010	Ô tô	3	2.8	
							233021	Kỹ thuật mô tô, xe máy	2	4.1	
							233022	Động cơ đốt trong	3	2.9	
							233041	Thực tập động cơ xăng 2	3	VT	
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	2.2	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
166	2117170297	Hà Quốc	Trương	CCQ1717D	81	6.03	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	2.7	
							233010	Ô tô	3	4.0	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
167	2117170300	Võ Thanh	Tuấn	CCQ1717D	85	6.69	233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
168	2117170302	Phạm Ngọc	Viên	CCQ1717D	46	4.26	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	0.7	
							227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	2.7	
							227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	4.3	
							227127	Thực tập hàn	2	VT	
							233010	Ô tô	3	2.9	
							233021	Kỹ thuật mô tô, xe máy	2	4.2	
							233041	Thực tập động cơ xăng 2	3		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
168	2117170302	Phạm Ngọc	Viên	CCQ1717D	46	4.26	233043	Thực tập ô tô 1	3		
							233048	Thực tập điện ô tô 2	3		
							233050	Đồ án chuyên ngành Ô tô	1		
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	VT	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
169	2117170303	Huỳnh Quốc	Việt	CCQ1717D	90	6.87	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
170	2117170307	Điểu	Chi	CCQ1717E	73	5.88	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	4.3	
							233048	Thực tập điện ô tô 2	3	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
171	2117170319	Phan Hữu	Định	CCQ1717E	34	3.79	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	VT	
							223007	Chính trị 2	3		
							226020	Pháp luật đại cương	2		
							227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	VT	
							229100	Tin học	2	VT	
							233004	Công nghệ lắp ráp ô tô	2	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
171	2117170319	Phan Hữu	Định	CCQ1717E	34	3.79	233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3		
							233010	Ô tô	3	VT	
							233042	Thực tập diesel	3		
							233043	Thực tập ô tô 1	3		
							233049	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Ô tô)	1	VT	
							233050	Đồ án chuyên ngành Ô tô	1	VT	
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	VT	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
172	2117170321	Nguyễn Thành	Đức	CCQ1717E	74	5.82	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233010	Ô tô	3	VT	
							233022	Động cơ đốt trong	3	4.6	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
173	2117170322	Bùi Vạn	Đức	CCQ1717E	65	5.60	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	3.8	
							227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	4.1	
							233010	Ô tô	3	2.3	
							233022	Động cơ đốt trong	3	4.9	
							233052	Thực tập ô tô 2	3	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
174	2117170323	Nguyễn Tấn	Giác	CCQ1717E	82	6.17	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233010	Ô tô	3	4.3	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
174	2117170323	Nguyễn Tấn	Giác	CCQ1717E	82	6.17	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
175	2117170324	Trần Dương	Hải	CCQ1717E	90	6.64	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
176	2117170326	Lê Tiến	Hòa	CCQ1717E	80	6.24	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	1.6	
							233044	Thực tập điện ô tô 1	3		
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	3.1	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
177	2117170330	Trần Kế	Huy	CCQ1717E	54	5.45	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	3.6	
							227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	VT	
							227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	1.0	
							233010	Ô tô	3	3.0	
							233044	Thực tập điện ô tô 1	3		
							233048	Thực tập điện ô tô 2	3		
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	2.7	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
178	2117170331	Đan Trần Khắc	Huy	CCQ1717E	57	5.26	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223007	Chính trị 2	3		
							226020	Pháp luật đại cương	2		
							233004	Công nghệ lắp ráp ô tô	2		
							233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
178	2117170331	Đan Trần Khắc Huy	CCQ1717E	57	5.26	233010	Ô tô	3	VT	
						233042	Thực tập diesel	3		
						233043	Thực tập ô tô 1	3	VT	
						233044	Thực tập điện ô tô 1	3	VT	
						233048	Thực tập điện ô tô 2	3		
						233050	Đồ án chuyên ngành Ô tô	1		
						233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
179	2117170332	Dương Xuân Hưng	CCQ1717E	23	3.06	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222033	Toán ứng dụng A	3	4.4	
						223006	Chính trị 1	3	4.5	
						223007	Chính trị 2	3	VT	
						226020	Pháp luật đại cương	2	0.0	
						227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	VT	
						233004	Công nghệ lắp ráp ô tô	2	VT	
						233005	Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2		
						233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	VT	
						233010	Ô tô	3	VT	
						233016	Thực tập động cơ xăng 1	3	VT	
						233022	Động cơ đốt trong	3	4.8	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
179	2117170332	Dương Xuân	Hưng	CCQ1717E	23	3.06	233041	Thực tập động cơ xăng 2	3		
							233042	Thực tập diesel	3		
							233043	Thực tập ô tô 1	3		
							233044	Thực tập điện ô tô 1	3		
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	4.3	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
180	2117170334	Phan Đình	Khải	CCQ1717E	90	6.96	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
181	2117170336	Ngô Minh	Khôi	CCQ1717E	68	5.34	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	VT	
							233004	Công nghệ lắp ráp ô tô	2		
							233010	Ô tô	3	VT	
							233016	Thực tập động cơ xăng 1	3	VT	
							233022	Động cơ đốt trong	3	3.1	
							233041	Thực tập động cơ xăng 2	3	VT	
							233048	Thực tập điện ô tô 2	3	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
182	2117170341	Phạm Thanh	Long	CCQ1717E	79	6.42	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
183	2117170345	Võ Trần Vũ	Luân	CCQ1717E	19	2.16	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
183	2117170345	Võ Trần Vũ	Luân	CCQ1717E	19	2.16	222033	Toán ứng dụng A	3		
							223007	Chính trị 2	3	3.0	
							226020	Pháp luật đại cương	2	VT	
							227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	0.0	
							227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	0.0	
							227064	Vẽ kỹ thuật 1	2	VT	
							227127	Thực tập hàn	2	VT	
							229100	Tin học	2	VT	
							233004	Công nghệ lắp ráp ô tô	2	VT	
							233010	Ô tô	3	VT	
							233016	Thực tập động cơ xăng 1	3	3.8	
							233021	Kỹ thuật mô tô, xe máy	2	0.0	
							233022	Động cơ đốt trong	3	2.1	
							233041	Thực tập động cơ xăng 2	3	VT	
							233042	Thực tập diesel	3		
							233043	Thực tập ô tô 1	3		
							233044	Thực tập điện ô tô 1	3	VT	
							233048	Thực tập điện ô tô 2	3		
							233049	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Ô tô)	1	VT	
							233050	Đồ án chuyên ngành Ô tô	1	VT	
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	0.0	
							233052	Thực tập ô tô 2	3		
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
184	2117170346	Lê Hùng	Mạnh	CCQ1717E	71	5.71	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	4.7	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
184	2117170346	Lê Hùng	Mạnh	CCQ1717E	71	5.71	233048	Thực tập điện ô tô 2	3		
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
185	2117170347	Phạm Nhật	Minh	CCQ1717E	90	7.25	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
186	2117170349	Lâm Nguyễn Xuân	Nghĩa	CCQ1717E	55	5.46	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	3.8	
							227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	4.4	
							233005	Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2	4.0	
							233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	3.2	
							233010	Ô tô	3	3.5	
							233048	Thực tập điện ô tô 2	3		
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	4.8	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
187	2117170350	Nguyễn Xuân	Nghiệp	CCQ1717E	26	2.34	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226020	Pháp luật đại cương	2	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
187	2117170350	Nguyễn Xuân	Nghiệp	CCQ1717E	26	2.34	227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	3.4	
							227064	Vẽ kỹ thuật 1	2	VT	
							227127	Thực tập hàn	2	VT	
							229100	Tin học	2	VT	
							233004	Công nghệ lắp ráp ô tô	2	3.3	
							233005	Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2	VT	
							233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	VT	
							233010	Ô tô	3	VT	
							233022	Động cơ đốt trong	3	VT	
							233041	Thực tập động cơ xăng 2	3	VT	
							233042	Thực tập diesel	3	VT	
							233044	Thực tập điện ô tô 1	3		
							233048	Thực tập điện ô tô 2	3		
							233049	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Ô tô)	1	VT	
							233050	Đồ án chuyên ngành Ô tô	1	VT	
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	VT	
							233052	Thực tập ô tô 2	3	VT	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
188	2117170351	Võ Đăng	Nguyên	CCQ1717E	90	6.81	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
189	2117170355	Trần Tấn	Phong	CCQ1717E	76	6.52	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	4.8	
							233010	Ô tô	3	2.0	
							233044	Thực tập điện ô tô 1	3		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
189	2117170355	Trần Tấn	Phong	CCQ1717E	76	6.52	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
190	2117170356	Phan Anh	Phú	CCQ1717E	62	6.03	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223007	Chính trị 2	3		
							233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3		
							233010	Ô tô	3	2.1	
							233042	Thực tập diesel	3		
							233043	Thực tập ô tô 1	3		
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	2.3	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
191	2117170360	Võ Trọng	Sang	CCQ1717E	79	6.16	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233010	Ô tô	3	VT	
							233022	Động cơ đốt trong	3	3.9	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
192	2117170364	Lê Quang	Thái	CCQ1717E	85	6.19	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
193	2117170365	Nguyễn Quốc	Thái	CCQ1717E	57	5.47	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	4.0	
							223006	Chính trị 1	3	VT	
							227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	3.1	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
193	2117170365	Nguyễn Quốc	Thái	CCQ1717E	57	5.47	227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	4.3	
							233010	Ô tô	3	VT	
							233021	Kỹ thuật mô tô, xe máy	2	4.2	
							233022	Động cơ đốt trong	3	3.6	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
194	2117170366	Nguyễn Thành	Thế	CCQ1717E	69	5.82	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223006	Chính trị 1	3	4.9	
							227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	3.4	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
195	2117170367	Ngô Đình	Thi	CCQ1717E	82	6.21	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233010	Ô tô	3	VT	
							233022	Động cơ đốt trong	3	2.6	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
196	2117170368	Nguyễn Hưng	Thịnh	CCQ1717E	87	6.44	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
197	2117170369	Đỗ Văn	Thư	CCQ1717E	82	6.16	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233048	Thực tập điện ô tô 2	3		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
198	2117170372	Phạm Văn	Tiến	CCQ1717E	87	7.25	09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
198	2117170372	Phạm Văn	Tiến	CCQ1717E	87	7.25	R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
199	2117170373	Trần Quang	Toán	CCQ1717E	64	5.51	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	VT	
							223007	Chính trị 2	3		
							226020	Pháp luật đại cương	2	VT	
							227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	VT	
							233043	Thực tập ô tô 1	3		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
200	2117170374	Đỗ Minh	Tôn	CCQ1717E	82	6.60	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
201	2117170375	Phạm Văn	Trí	CCQ1717E	43	5.28	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	2.5	
							226020	Pháp luật đại cương	2	3.0	
							227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	4.5	
							227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	4.8	
							233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	3.2	
							233010	Ô tô	3		
							233021	Kỹ thuật mô tô, xe máy	2	3.4	
							233043	Thực tập ô tô 1	3		
							233050	Đồ án chuyên ngành Ô tô	1	VT	
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	2.0	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
201	2117170375	Phạm Văn Trí	CCQ1717E	43	5.28	233052	Thực tập ô tô 2	3		
						233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
202	2117170379	Bùi Hữu Tuấn	CCQ1717E	49	4.21	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222033	Toán ứng dụng A	3	2.6	
						227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	VT	
						233004	Công nghệ lắp ráp ô tô	2		
						233005	Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2	3.8	
						233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	VT	
						233010	Ô tô	3	VT	
						233022	Động cơ đốt trong	3	VT	
						233050	Đồ án chuyên ngành Ô tô	1		
						233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	0.0	
						233052	Thực tập ô tô 2	3	VT	
						233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
203	2117170380	Trần Quang Vinh	CCQ1717E	20	2.86	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
203	2117170380	Trần Quang Vinh	CCQ1717E	20	2.86	08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222033	Toán ứng dụng A	3	3.8	
						223006	Chính trị 1	3		
						223007	Chính trị 2	3		
						226020	Pháp luật đại cương	2		
						227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	VT	
						233004	Công nghệ lắp ráp ô tô	2		
						233005	Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2	VT	
						233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3		
						233010	Ô tô	3	VT	
						233022	Động cơ đốt trong	3	VT	
						233041	Thực tập động cơ xăng 2	3		
						233044	Thực tập điện ô tô 1	3		
						233048	Thực tập điện ô tô 2	3		
						233050	Đồ án chuyên ngành Ô tô	1		
						233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	VT	
						233052	Thực tập ô tô 2	3	VT	
						233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
204	2117170381	Lưu Thành Vương	CCQ1717E	86	7.03	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	4.1	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
205	2117170382	Đỗ Nguyễn Tuấn Vỹ	CCQ1717E	52	4.74	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
205	2117170382	Đỗ Nguyễn Tuấn	Vỹ	CCQ1717E	52	4.74	08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233010	Ô tô	3	3.8	
							233022	Động cơ đốt trong	3	3.8	
							233043	Thực tập ô tô 1	3		
							233044	Thực tập điện ô tô 1	3		
							233049	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Ô tô)	1	VT	
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	VT	
							233052	Thực tập ô tô 2	3	VT	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
206	2117170383	Nguyễn Lâm	Anh	CCQ1717F	83	6.51	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	4.9	
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	4.1	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
207	2117170384	Văn Công Tuấn	Anh	CCQ1717F	90	7.53	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
208	2117170387	Đào Tấn	Bân	CCQ1717F	87	6.60	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
209	2117170388	Nguyễn Hoàng	Bửu	CCQ1717F	80	6.15	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
210	2117170390	Nguyễn Bá	Cường	CCQ1717F	75	5.39	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
210	2117170390	Nguyễn Bá	Cường	CCQ1717F	75	5.39	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	3.1	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
211	2117170394	Đỗ Hồng	Danh	CCQ1717F	90	6.94	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
212	2117170400	Trịnh Thành	Đạt	CCQ1717F	90	6.13	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
213	2117170401	Trần Văn	Điều	CCQ1717F	84	6.64	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233022	Động cơ đốt trong	3		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
214	2117170402	Lê Minh	Đức	CCQ1717F	27	3.28	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	VT	
							223007	Chính trị 2	3	4.4	
							226020	Pháp luật đại cương	2	VT	
							227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	3.4	
							227064	Vẽ kỹ thuật 1	2	VT	
							233004	Công nghệ lắp ráp ô tô	2	VT	
							233005	Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2	VT	
							233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	VT	
							233010	Ô tô	3	2.9	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
214	2117170402	Lê Minh	Đức	CCQ1717F	27	3.28	233021	Kỹ thuật mô tô, xe máy	2	4.0	
							233022	Động cơ đốt trong	3	3.3	
							233041	Thực tập động cơ xăng 2	3		
							233043	Thực tập ô tô 1	3	VT	
							233044	Thực tập điện ô tô 1	3		
							233048	Thực tập điện ô tô 2	3		
							233049	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Ô tô)	1		
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	VT	
							233052	Thực tập ô tô 2	3		
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
215	2117170403	Cao Văn	Đức	CCQ1717F	73	6.42	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	2.4	
							233048	Thực tập điện ô tô 2	3		
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2		
							233052	Thực tập ô tô 2	3		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
216	2117170410	Nguyễn Đức	Hoài	CCQ1717F	87	7.00	233042	Thực tập diesel	3		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
217	2117170412	Trần Thanh	Hùng	CCQ1717F	64	4.93	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
217	2117170412	Trần Thanh Hùng	CCQ1717F	64	4.93	09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						223006	Chính trị 1	3	4.2	
						226020	Pháp luật đại cương	2	VT	
						227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	VT	
						227064	Vẽ kỹ thuật 1	2	VT	
						233004	Công nghệ lắp ráp ô tô	2	VT	
						233005	Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2	VT	
						233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	VT	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
218	2117170414	Nguyễn Ngọc Huy	CCQ1717F	20	2.25	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222033	Toán ứng dụng A	3	VT	
						223006	Chính trị 1	3	3.7	
						223007	Chính trị 2	3		
						226020	Pháp luật đại cương	2		
						227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	VT	
						233004	Công nghệ lắp ráp ô tô	2	VT	
						233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	VT	
						233021	Kỹ thuật mô tô, xe máy	2	VT	
						233041	Thực tập động cơ xăng 2	3	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
218	2117170414	Nguyễn Ngọc	Huy	CCQ1717F	20	2.25	233042	Thực tập diesel	3		
							233043	Thực tập ô tô 1	3		
							233044	Thực tập điện ô tô 1	3		
							233048	Thực tập điện ô tô 2	3		
							233050	Đồ án chuyên ngành Ô tô	1	VT	
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	VT	
							233052	Thực tập ô tô 2	3	VT	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
219	2117170417	Dương Ngọc	Hưng	CCQ1717F	85	6.71	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
220	2117170418	Lê	Khải	CCQ1717F	76	6.14	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233010	Ô tô	3	VT	
							233022	Động cơ đốt trong	3	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
221	2117170424	Đặng Hữu	Lộc	CCQ1717F	90	6.94	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
222	2117170426	Nguyễn Văn	Minh	CCQ1717F	37	3.43	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223007	Chính trị 2	3	VT	
							227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
222	2117170426	Nguyễn Văn	Minh	CCQ1717F	37	3.43	227064	Vẽ kỹ thuật 1	2	2.6	
							233004	Công nghệ lắp ráp ô tô	2	VT	
							233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	VT	
							233041	Thực tập động cơ xăng 2	3	VT	
							233044	Thực tập điện ô tô 1	3	VT	
							233048	Thực tập điện ô tô 2	3	VT	
							233049	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Ô tô)	1	VT	
							233050	Đồ án chuyên ngành Ô tô	1	VT	
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	VT	
							233052	Thực tập ô tô 2	3		
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
223	2117170428	Trần Trung	Nghĩa	CCQ1717F	52	4.52	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223006	Chính trị 1	3	VT	
							226020	Pháp luật đại cương	2	VT	
							227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	3.5	
							227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	1.6	
							227064	Vẽ kỹ thuật 1	2	1.6	
							233005	Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2	VT	
							233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	VT	
							233010	Ô tô	3	3.4	
							233048	Thực tập điện ô tô 2	3		
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
223	2117170428	Trần Trung	Nghĩa	CCQ1717F	52	4.52	234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
224	2117170429	Phan Văn	Nguyên	CCQ1717F	60	5.44	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223006	Chính trị 1	3	VT	
							226020	Pháp luật đại cương	2		
							227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	3.2	
							233004	Công nghệ lắp ráp ô tô	2	4.3	
							233010	Ô tô	3	3.5	
							233043	Thực tập ô tô 1	3		
							233044	Thực tập điện ô tô 1	3		
							233048	Thực tập điện ô tô 2	3		
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
225	2117170430	Hồ Thanh	Nhã	CCQ1717F	68	5.16	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	3.5	
							233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	VT	
							233010	Ô tô	3	VT	
							233022	Động cơ đốt trong	3	2.5	
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	4.2	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
226	2117170432	Đỗ Đức	Phong	CCQ1717F	35	3.91	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
226	2117170432	Đỗ Đức Phong	CCQ1717F	35	3.91	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222033	Toán ứng dụng A	3	3.5	
						223006	Chính trị 1	3	4.5	
						226020	Pháp luật đại cương	2		
						227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	2.0	
						229100	Tin học	2	4.6	
						233004	Công nghệ lắp ráp ô tô	2		
						233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	VT	
						233010	Ô tô	3	2.6	
						233041	Thực tập động cơ xăng 2	3		
						233044	Thực tập điện ô tô 1	3		
						233048	Thực tập điện ô tô 2	3		
						233050	Đồ án chuyên ngành Ô tô	1	VT	
						233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	4.2	
						233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
227	2117170435	Nguyễn Văn Phụng	CCQ1717F	82	6.36	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						233010	Ô tô	3	4.0	
						233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	2.9	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
228	2117170436	Huỳnh Phùng Phước	CCQ1717F	75	6.74	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	4.8	
						233043	Thực tập ô tô 1	3		
						233044	Thực tập điện ô tô 1	3		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
228	2117170436	Huỳnh Phùng	Phước	CCQ1717F	75	6.74	233048	Thực tập điện ô tô 2	3		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
229	2117170439	Bùi Kim	Quang	CCQ1717F	85	6.44	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
230	2117170440	Võ Khánh	Quân	CCQ1717F	31	4.55	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223007	Chính trị 2	3		
							226020	Pháp luật đại cương	2		
							227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	1.6	
							227064	Vẽ kỹ thuật 1	2	VT	
							233005	Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2	3.2	
							233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	2.8	
							233010	Ô tô	3	3.4	
							233022	Động cơ đốt trong	3	4.3	
							233041	Thực tập động cơ xăng 2	3		
							233042	Thực tập diesel	3		
							233043	Thực tập ô tô 1	3	VT	
							233044	Thực tập điện ô tô 1	3		
							233048	Thực tập điện ô tô 2	3		
							233049	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Ô tô)	1	VT	
							233050	Đồ án chuyên ngành Ô tô	1		
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	VT	
							233052	Thực tập ô tô 2	3		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
230	2117170440	Võ Khánh	Quân	CCQ1717F	31	4.55	233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
231	2117170443	Trần Thanh	Son	CCQ1717F	75	5.97	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233010	Ô tô	3	3.5	
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	3.0	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
232	2117170446	Huỳnh Tấn	Thành	CCQ1717F	82	6.69	09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233044	Thực tập điện ô tô 1	3		
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
233	2117170447	Võ Văn	Thoại	CCQ1717F	58	4.61	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	VT	
							227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	VT	
							227064	Vẽ kỹ thuật 1	2	2.0	
							229100	Tin học	2	4.8	
							233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	VT	
							233010	Ô tô	3	3.4	
							233048	Thực tập điện ô tô 2	3		
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	VT	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
233	2117170447	Võ Văn	Thoại	CCQ1717F	58	4.61	234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
234	2117170448	Đỗ Đoàn	Thủ	CCQ1717F	87	6.86	09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233010	Ô tô	3	3.6	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
235	2117170449	Nguyễn Công	Thuận	CCQ1717F	63	5.06	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	4.0	
							233010	Ô tô	3	2.8	
							233021	Kỹ thuật mô tô, xe máy	2	4.3	
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	VT	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
236	2117170451	Lê Văn	Tiến	CCQ1717F	90	6.71	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
237	2117170452	Võ Thanh	Toàn	CCQ1717F	89	6.52	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
238	2117170454	Phạm Tiến	Trung	CCQ1717F	90	7.10	233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	3.1	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
239	2117170455	Đặng Xuân	Trường	CCQ1717F	92	7.15	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
240	2117170456	Võ Anh	Tú	CCQ1717F	7	1.05	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
240	2117170456	Võ Anh Tú	CCQ1717F	7	1.05	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222033	Toán ứng dụng A	3	VT	
						223006	Chính trị 1	3		
						223007	Chính trị 2	3		
						226020	Pháp luật đại cương	2		
						227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	VT	
						227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	VT	
						227064	Vẽ kỹ thuật 1	2	1.8	
						227127	Thực tập hàn	2	VT	
						229100	Tin học	2	VT	
						233004	Công nghệ lắp ráp ô tô	2		
						233005	Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2	VT	
						233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	VT	
						233010	Ô tô	3	VT	
						233016	Thực tập động cơ xăng 1	3	VT	
						233021	Kỹ thuật mô tô, xe máy	2	0.9	
						233022	Động cơ đốt trong	3	VT	
						233041	Thực tập động cơ xăng 2	3		
						233042	Thực tập diesel	3	VT	
						233044	Thực tập điện ô tô 1	3		
						233048	Thực tập điện ô tô 2	3		
						233050	Đồ án chuyên ngành Ô tô	1		
						233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2		
						233052	Thực tập ô tô 2	3		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
240	2117170456	Võ Anh Tú	CCQ1717F	7	1.05	233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
241	2117170457	Cao Hoài Việt	CCQ1717F	6	0.76	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222033	Toán ứng dụng A	3		
						223007	Chính trị 2	3	0.0	
						226020	Pháp luật đại cương	2	0.0	
						227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	VT	
						227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2		
						227064	Vẽ kỹ thuật 1	2	VT	
						227127	Thực tập hàn	2	VT	
						233004	Công nghệ lắp ráp ô tô	2	VT	
						233005	Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2	VT	
						233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	VT	
						233010	Ô tô	3	VT	
						233016	Thực tập động cơ xăng 1	3	VT	
						233021	Kỹ thuật mô tô, xe máy	2	VT	
						233022	Động cơ đốt trong	3	VT	
						233041	Thực tập động cơ xăng 2	3		
						233042	Thực tập diesel	3	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
241	2117170457	Cao Hoài	Việt	CCQ1717F	6	0.76	233043	Thực tập ô tô 1	3		
							233044	Thực tập điện ô tô 1	3		
							233048	Thực tập điện ô tô 2	3		
							233049	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Ô tô)	1	VT	
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	VT	
							233052	Thực tập ô tô 2	3		
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
242	2117170459	Hà Thanh	Vỹ	CCQ1717F	68	5.20	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226020	Pháp luật đại cương	2		
							227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	VT	
							227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	VT	
							233041	Thực tập động cơ xăng 2	3		
							233049	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Ô tô)	1	VT	
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	4.0	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
243	2117170464	Nguyễn Quốc	Bảo	CCQ1717G	87	7.31	233044	Thực tập điện ô tô 1	3		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
244	2117170465	Lê Trần Quốc	Bảo	CCQ1717G	90	7.50	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
245	2117170466	Huỳnh Văn	Bảo	CCQ1717G	75	6.17	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
245	2117170466	Huỳnh Văn	Bảo	CCQ1717G	75	6.17	08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	VT	
							233010	Ô tô	3	VT	
							233016	Thực tập động cơ xăng 1	3	VT	
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	4.4	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
246	2117170469	Trần	Cường	CCQ1717G	62	5.50	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	4.5	
							227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	2.5	
							233010	Ô tô	3	3.3	
							233022	Động cơ đốt trong	3	3.2	
							233043	Thực tập ô tô 1	3		
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	2.7	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
247	2117170473	Nguyễn Đức	Duy	CCQ1717G	80	5.90	233004	Công nghệ lắp ráp ô tô	2	4.7	
							233044	Thực tập điện ô tô 1	3	VT	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
248	2117170477	Nguyễn Khắc	Điệp	CCQ1717G	90	6.56	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
249	2117170478	Võ Văn	Đức	CCQ1717G	87	7.66	233044	Thực tập điện ô tô 1	3		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
250	2117170483	Lê Công Hậu	CCQ1717G	92	7.18	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
251	2117170485	Nguyễn Văn Hiền	CCQ1717G	13	1.92	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222033	Toán ứng dụng A	3	VT	
						223006	Chính trị 1	3		
						223007	Chính trị 2	3		
						226020	Pháp luật đại cương	2	VT	
						227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	VT	
						227064	Vẽ kỹ thuật 1	2	0.6	
						229100	Tin học	2	VT	
						233004	Công nghệ lắp ráp ô tô	2	VT	
						233005	Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2	VT	
						233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	VT	
						233010	Ô tô	3		
						233021	Kỹ thuật mô tô, xe máy	2	3.8	
						233022	Động cơ đốt trong	3	VT	
						233041	Thực tập động cơ xăng 2	3	VT	
						233044	Thực tập điện ô tô 1	3	VT	
						233048	Thực tập điện ô tô 2	3	VT	
						233049	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Ô tô)	1	VT	
						233050	Đồ án chuyên ngành Ô tô	1	VT	
						233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	VT	
						233052	Thực tập ô tô 2	3		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
251	2117170485	Nguyễn Văn	Hiền	CCQ1717G	13	1.92	233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
252	2117170489	Hoàng Văn	Hợp	CCQ1717G	58	5.50	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	2.4	
							233004	Công nghệ lắp ráp ô tô	2	4.5	
							233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	4.0	
							233010	Ô tô	3	VT	
							233022	Động cơ đốt trong	3	2.4	
							233048	Thực tập điện ô tô 2	3		
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
253	2117170490	Nguyễn Thế	Hùng	CCQ1717G	83	6.01	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	3.6	
							227064	Vẽ kỹ thuật 1	2	4.3	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
254	2117170491	Đinh Vinh	Hùng	CCQ1717G	87	7.07	233052	Thực tập ô tô 2	3		
255	2117170494	Nguyễn Kiều	Hưng	CCQ1717G	10	1.05	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
255	2117170494	Nguyễn Kiều	Hưng	CCQ1717G	10	1.05	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	VT	
							223006	Chính trị 1	3		
							226020	Pháp luật đại cương	2	VT	
							227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	VT	
							227064	Vẽ kỹ thuật 1	2	1.4	
							229100	Tin học	2	VT	
							233004	Công nghệ lắp ráp ô tô	2	VT	
							233005	Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2	VT	
							233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	VT	
							233010	Ô tô	3	VT	
							233016	Thực tập động cơ xăng 1	3	VT	
							233021	Kỹ thuật mô tô, xe máy	2	2.9	
							233022	Động cơ đốt trong	3	VT	
							233041	Thực tập động cơ xăng 2	3	VT	
							233042	Thực tập diesel	3	VT	
							233044	Thực tập điện ô tô 1	3	VT	
							233048	Thực tập điện ô tô 2	3		
							233049	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Ô tô)	1	VT	
							233050	Đồ án chuyên ngành Ô tô	1	VT	
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	VT	
							233052	Thực tập ô tô 2	3		
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
256	2117170498	Nguyễn Cao	Kỳ	CCQ1717G	25	2.46	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
256	2117170498	Nguyễn Cao Kỳ	CCQ1717G	25	2.46	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222033	Toán ứng dụng A	3	0.0	
						227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	VT	
						227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	0.0	
						227064	Vẽ kỹ thuật 1	2	3.0	
						229100	Tin học	2	VT	
						233004	Công nghệ lắp ráp ô tô	2	VT	
						233005	Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2	VT	
						233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	1.8	
						233010	Ô tô	3	VT	
						233021	Kỹ thuật mô tô, xe máy	2	3.5	
						233022	Động cơ đốt trong	3	3.3	
						233041	Thực tập động cơ xăng 2	3		
						233044	Thực tập điện ô tô 1	3	VT	
						233048	Thực tập điện ô tô 2	3		
						233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	VT	
						233052	Thực tập ô tô 2	3		
						233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
257	2117170499	Nguyễn Chí Lập	CCQ1717G	90	7.73	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
258	2117170500	Trần Văn Luận	CCQ1717G	87	6.61	08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
259	2117170502	Trương Tiến Lý	CCQ1717G	19	2.50	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222033	Toán ứng dụng A	3	VT	
						223006	Chính trị 1	3		
						223007	Chính trị 2	3	VT	
						226020	Pháp luật đại cương	2	VT	
						227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	3.8	
						227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	VT	
						227064	Vẽ kỹ thuật 1	2	0.0	
						233004	Công nghệ lắp ráp ô tô	2	VT	
						233005	Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2	1.8	
						233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	3.0	
						233010	Ô tô	3	2.4	
						233021	Kỹ thuật mô tô, xe máy	2	2.4	
						233022	Động cơ đốt trong	3	VT	
						233044	Thực tập điện ô tô 1	3		
						233048	Thực tập điện ô tô 2	3		
						233050	Đồ án chuyên ngành Ô tô	1	VT	
						233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
259	2117170502	Trương Tiến	Lý	CCQ1717G	19	2.50	233052	Thực tập ô tô 2	3		
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
260	2117170503	Trương Ngọc	Minh	CCQ1717G	90	6.85	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
261	2117170505	Võ Trọng	Nghĩa	CCQ1717G	34	3.53	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223007	Chính trị 2	3	VT	
							226020	Pháp luật đại cương	2		
							227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2		
							227064	Vẽ kỹ thuật 1	2	3.6	
							233004	Công nghệ lắp ráp ô tô	2	VT	
							233005	Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2	VT	
							233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	4.5	
							233010	Ô tô	3	VT	
							233021	Kỹ thuật mô tô, xe máy	2	2.7	
							233022	Động cơ đốt trong	3	3.8	
							233041	Thực tập động cơ xăng 2	3	VT	
							233044	Thực tập điện ô tô 1	3	VT	
							233048	Thực tập điện ô tô 2	3		
							233050	Đồ án chuyên ngành Ô tô	1	VT	
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	VT	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
261	2117170505	Võ Trọng	Nghĩa	CCQ1717G	34	3.53	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
262	2117170507	Đinh Quang	Nhật	CCQ1717G	35	3.56	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226020	Pháp luật đại cương	2		
							227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	VT	
							233004	Công nghệ lắp ráp ô tô	2	2.9	
							233005	Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2	3.7	
							233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	3.4	
							233010	Ô tô	3	2.7	
							233042	Thực tập diesel	3	VT	
							233043	Thực tập ô tô 1	3		
							233048	Thực tập điện ô tô 2	3	VT	
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	4.0	
							233052	Thực tập ô tô 2	3		
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
263	2117170512	Nguyễn Lê Đức	Phúc	CCQ1717G	80	6.07	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
264	2117170515	Trương Như	Sinh	CCQ1717G	64	5.36	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
264	2117170515	Trương Như Sinh	CCQ1717G	64	5.36	223007	Chính trị 2	3	3.4	
						233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	4.4	
						233010	Ô tô	3	VT	
						233022	Động cơ đốt trong	3	2.9	
						233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	VT	
						233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
265	2117170516	Đoàn Công Sơn	CCQ1717G	6	1.82	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222033	Toán ứng dụng A	3		
						223006	Chính trị 1	3		
						223007	Chính trị 2	3		
						226020	Pháp luật đại cương	2		
						227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	1.9	
						227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	1.4	
						233004	Công nghệ lắp ráp ô tô	2		
						233005	Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2	VT	
						233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	3.1	
						233010	Ô tô	3	VT	
						233016	Thực tập động cơ xăng 1	3	VT	
						233021	Kỹ thuật mô tô, xe máy	2	4.5	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
265	2117170516	Đoàn Công	Sơn	CCQ1717G	6	1.82	233022	Động cơ đốt trong	3	VT	
							233041	Thực tập động cơ xăng 2	3		
							233042	Thực tập diesel	3	VT	
							233043	Thực tập ô tô 1	3		
							233044	Thực tập điện ô tô 1	3		
							233048	Thực tập điện ô tô 2	3		
							233049	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Ô tô)	1	VT	
							233050	Đồ án chuyên ngành Ô tô	1		
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2		
							233052	Thực tập ô tô 2	3		
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
266	2117170517	Nguyễn Hữu	Tâm	CCQ1717G	83	6.58	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
267	2117170518	Nguyễn Lâm	Tân	CCQ1717G	88	6.81	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
268	2117170519	Bùi Quốc	Thành	CCQ1717G	88	6.99	227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	4.5	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
269	2117170520	Nguyễn Tiến	Thắng	CCQ1717G	90	6.65	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
270	2117170525	Nguyễn Huỳnh Minh	Thuận	CCQ1717G	83	6.69	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
270	2117170525	Nguyễn Huỳnh Minh	Thuận	CCQ1717G	83	6.69	227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	4.6	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
271	2117170526	Nguyễn Minh	Thuận	CCQ1717G	85	6.68	233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
272	2117170527	Lê Trần	Tiền	CCQ1717G	87	6.47	233052	Thực tập ô tô 2	3		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
273	2117170529	Nguyễn Trung	Tín	CCQ1717G	65	5.47	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	VT	
							227064	Vẽ kỹ thuật 1	2	0.0	
							233005	Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2	VT	
							233010	Ô tô	3	2.8	
							233048	Thực tập điện ô tô 2	3		
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	VT	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
274	2117170530	Nguyễn Phước	Trọng	CCQ1717G	12	1.63	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
274	2117170530	Nguyễn Phước Trọng	CCQ1717G	12	1.63	08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222033	Toán ứng dụng A	3	VT	
						223006	Chính trị 1	3		
						226020	Pháp luật đại cương	2		
						227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	0.0	
						227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	VT	
						227064	Vẽ kỹ thuật 1	2	0.6	
						227127	Thực tập hàn	2	VT	
						233004	Công nghệ lắp ráp ô tô	2	VT	
						233005	Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2	VT	
						233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	VT	
						233010	Ô tô	3	2.7	
						233021	Kỹ thuật mô tô, xe máy	2	0.0	
						233022	Động cơ đốt trong	3	VT	
						233041	Thực tập động cơ xăng 2	3	VT	
						233042	Thực tập diesel	3		
						233044	Thực tập điện ô tô 1	3		
						233048	Thực tập điện ô tô 2	3		
						233050	Đồ án chuyên ngành Ô tô	1	VT	
						233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	0.0	
						233052	Thực tập ô tô 2	3	VT	
						233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
275	2117170531	Huỳnh Đức Trường	CCQ1717G	77	6.13	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	4.8	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
275	2117170531	Huỳnh Đức	Trường	CCQ1717G	77	6.13	233010	Ô tô	3	VT	
							233022	Động cơ đốt trong	3	4.6	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
276	2117170532	Tô Văn	Tùng	CCQ1717G	74	5.71	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233010	Ô tô	3	3.8	
							233022	Động cơ đốt trong	3	3.5	
							233052	Thực tập ô tô 2	3		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
277	2117170535	La Văn	Vinh	CCQ1717G	90	6.79	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
278	2117170536	Nguyễn Hùng	Vương	CCQ1717G	87	6.88	09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
279	2117170539	Nguyễn Vũ	Bảo	CCQ1717H	85	6.85	233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
280	2117170540	Nguyễn Văn	Bình	CCQ1717H	85	7.18	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
281	2117170542	Trương Đình	Cần	CCQ1717H	68	5.57	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	VT	
							233010	Ô tô	3	VT	
							233022	Động cơ đốt trong	3	4.9	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
281	2117170542	Trương Đình	Cần	CCQ1717H	68	5.57	R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
282	2117170546	Nguyễn Võ Anh	Duy	CCQ1717H	90	6.79	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
283	2117170547	Phạm Đình	Duy	CCQ1717H	79	6.96	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233010	Ô tô	3	4.4	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
284	2117170549	Nguyễn Hoàng	Đại	CCQ1717H	80	6.40	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	VT	
							223007	Chính trị 2	3	VT	
							233010	Ô tô	3	3.1	
							233049	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Ô tô)	1	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
285	2117170553	Phạm Thành	Đạt	CCQ1717H	85	6.55	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
286	2117170556	Lê Thế	Điệp	CCQ1717H	16	2.38	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	2.5	
							223006	Chính trị 1	3	VT	
							223007	Chính trị 2	3	VT	
							226020	Pháp luật đại cương	2	VT	
							227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
286	2117170556	Lê Thế	Điệp	CCQ1717H	16	2.38	227064	Vẽ kỹ thuật 1	2	4.6	
							233004	Công nghệ lắp ráp ô tô	2	VT	
							233005	Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2	1.8	
							233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	2.2	
							233010	Ô tô	3	0.8	
							233022	Động cơ đốt trong	3	3.1	
							233041	Thực tập động cơ xăng 2	3		
							233042	Thực tập diesel	3	VT	
							233043	Thực tập ô tô 1	3		
							233044	Thực tập điện ô tô 1	3		
							233048	Thực tập điện ô tô 2	3		
							233049	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Ô tô)	1	VT	
							233050	Đồ án chuyên ngành Ô tô	1	VT	
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	VT	
							233052	Thực tập ô tô 2	3		
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
287	2117170560	Nguyễn Anh	Hào	CCQ1717H	80	5.88	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	3.4	
							233010	Ô tô	3	1.0	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
288	2117170567	Ngô Minh	Hùng	CCQ1717H	90	6.69	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
289	2117170570	Lê Minh	Huy	CCQ1717H	53	4.68	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
289	2117170570	Lê Minh	Huy	CCQ1717H	53	4.68	223007	Chính trị 2	3	3.9	
							227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	0.0	
							233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	4.6	
							233010	Ô tô	3	1.2	
							233043	Thực tập ô tô 1	3	VT	
							233044	Thực tập điện ô tô 1	3	VT	
							233048	Thực tập điện ô tô 2	3	VT	
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	1.5	
							233052	Thực tập ô tô 2	3		
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
290	2117170576	Ngô Thanh	Lộc	CCQ1717H	80	6.18	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233010	Ô tô	3	3.1	
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	4.6	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
291	2117170577	Nguyễn Thành	Luân	CCQ1717H	82	6.47	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233010	Ô tô	3	4.5	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
292	2117170579	Huỳnh Đào	Mạnh	CCQ1717H	77	5.90	227064	Vẽ kỹ thuật 1	2	4.2	
							233010	Ô tô	3	VT	
							233022	Động cơ đốt trong	3	4.4	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
293	2117170580	Hoàng Hải	Nam	CCQ1717H	79	6.28	233010	Ô tô	3	2.0	
							233022	Động cơ đốt trong	3	2.2	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
294	2117170581	Trần Hoài	Nam	CCQ1717H	88	6.34	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
295	2117170583	Võ Diệp	Ngọc	CCQ1717H	53	5.40	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	3.7	
							227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	3.0	
							233005	Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2	VT	
							233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	4.6	
							233010	Ô tô	3	2.8	
							233022	Động cơ đốt trong	3	3.9	
							233048	Thực tập điện ô tô 2	3		
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
296	2117170584	Nguyễn Ngọc	Nguyên	CCQ1717H	54	5.38	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	3.4	
							226020	Pháp luật đại cương	2		
							233005	Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2	4.1	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
296	2117170584	Nguyễn Ngọc	Nguyên	CCQ1717H	54	5.38	233010	Ô tô	3	4.1	
							233022	Động cơ đốt trong	3	3.7	
							233048	Thực tập điện ô tô 2	3		
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	2.1	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
297	2117170587	Hoàng Minh	Quý	CCQ1717H	85	6.58	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
298	2117170606	Nguyễn Trung	Việt	CCQ1717H	88	6.25	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
299	2117170607	Võ Thanh	Vũ	CCQ1717H	31	3.43	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223006	Chính trị 1	3	0.0	
							227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	4.4	
							227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	VT	
							233004	Công nghệ lắp ráp ô tô	2		
							233005	Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2	VT	
							233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	VT	
							233010	Ô tô	3	VT	
							233021	Kỹ thuật mô tô, xe máy	2	3.6	
							233041	Thực tập động cơ xăng 2	3		
							233043	Thực tập ô tô 1	3		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
299	2117170607	Võ Thanh	Vũ	CCQ1717H	31	3.43	233044	Thực tập điện ô tô 1	3		
							233048	Thực tập điện ô tô 2	3		
							233049	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Ô tô)	1	VT	
							233050	Đồ án chuyên ngành Ô tô	1		
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2		
							233052	Thực tập ô tô 2	3		
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
300	2117170608	Quách Đức	An	CCQ1717I	90	7.67	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
301	2117170609	Lộ Trung	An	CCQ1717I	32	3.98	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	VT	
							227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	VT	
							227064	Vẽ kỹ thuật 1	2	3.8	
							233004	Công nghệ lắp ráp ô tô	2	3.3	
							233005	Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2	1.8	
							233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	3.3	
							233010	Ô tô	3		
							233022	Động cơ đốt trong	3	VT	
							233041	Thực tập động cơ xăng 2	3		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
301	2117170609	Lộ Trung	An	CCQ1717I	32	3.98	233048	Thực tập điện ô tô 2	3		
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	VT	
							233052	Thực tập ô tô 2	3	VT	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
302	2117170610	Võ Phạm Duy	Anh	CCQ1717I	90	7.60	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
303	2117170614	Đỗ Anh	Châu	CCQ1717I	79	6.03	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233010	Ô tô	3	1.4	
							233022	Động cơ đốt trong	3	4.1	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
304	2117170615	Đoàn Thanh	Chương	CCQ1717I	45	5.16	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	4.2	
							227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	2.7	
							227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	VT	
							227064	Vẽ kỹ thuật 1	2	4.2	
							233005	Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2	3.0	
							233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	3.8	
							233010	Ô tô	3	3.1	
							233021	Kỹ thuật mô tô, xe máy	2	2.8	
							233022	Động cơ đốt trong	3	4.2	
							233041	Thực tập động cơ xăng 2	3		
							233042	Thực tập diesel	3		
							233052	Thực tập ô tô 2	3		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
304	2117170615	Đoàn Thanh	Chương	CCQ1717I	45	5.16	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
305	2117170617	Phạm Văn	Di	CCQ1717I	84	6.50	09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233010	Ô tô	3	3.2	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
306	2117170619	Trần Anh	Duy	CCQ1717I	72	6.17	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233005	Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2	3.8	
							233010	Ô tô	3		
							233022	Động cơ đốt trong	3	4.0	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
307	2117170620	Nguyễn Hoàng	Đông	CCQ1717I	84	6.23	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233041	Thực tập động cơ xăng 2	3	VT	
							233049	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Ô tô)	1	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
308	2117170622	Lý Trường	Hải	CCQ1717I	14	2.66	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3		
							223006	Chính trị 1	3		
							223007	Chính trị 2	3		
							226020	Pháp luật đại cương	2		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
308	2117170622	Lý Trường Hải	CCQ1717I	14	2.66	227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2		
						227064	Vẽ kỹ thuật 1	2	4.3	
						233004	Công nghệ lắp ráp ô tô	2		
						233005	Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2	1.5	
						233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	2.9	
						233010	Ô tô	3		
						233016	Thực tập động cơ xăng 1	3	VT	
						233021	Kỹ thuật mô tô, xe máy	2	VT	
						233022	Động cơ đốt trong	3	VT	
						233041	Thực tập động cơ xăng 2	3		
						233042	Thực tập diesel	3	VT	
						233043	Thực tập ô tô 1	3	VT	
						233044	Thực tập điện ô tô 1	3		
						233048	Thực tập điện ô tô 2	3		
						233049	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Ô tô)	1	VT	
						233050	Đồ án chuyên ngành Ô tô	1		
						233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2		
						233052	Thực tập ô tô 2	3		
						233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
309	2117170625	Phạm Văn Trung Hiếu	CCQ1717I	80	6.31	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						233010	Ô tô	3	2.6	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
309	2117170625	Phạm Văn Trung	Hiếu	CCQ1717I	80	6.31	R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
310	2117170629	Nguyễn Ngọc	Huy	CCQ1717I	90	7.26	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
311	2117170631	Nguyễn Quốc	Khánh	CCQ1717I	72	5.82	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	3.8	
							233048	Thực tập điện ô tô 2	3		
							233049	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Ô tô)	1	VT	
							233050	Đồ án chuyên ngành Ô tô	1		
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
312	2117170632	Phạm Huỳnh Đăng	Khoa	CCQ1717I	72	5.63	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	VT	
							233010	Ô tô	3	VT	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
313	2117170633	Phan Minh	Khương	CCQ1717I	73	6.02	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	4.7	
							233010	Ô tô	3	2.6	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
314	2117170634	Đoàn Minh	Kỳ	CCQ1717I	90	7.75	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
315	2117170637	Lê Nhật	Lai	CCQ1717I	65	6.26	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233005	Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2	4.1	
							233010	Ô tô	3	VT	
							233022	Động cơ đốt trong	3	3.5	
							233041	Thực tập động cơ xăng 2	3	VT	
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	4.1	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
316	2117170643	Nguyễn Nghĩa	Lý	CCQ1717I	75	6.06	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233010	Ô tô	3	VT	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
317	2117170649	Tạ Thanh	Nguyên	CCQ1717I	64	5.75	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233010	Ô tô	3	3.3	
							233021	Kỹ thuật mô tô, xe máy	2	4.0	
							233022	Động cơ đốt trong	3	2.4	
							233042	Thực tập diesel	3	VT	
							233044	Thực tập điện ô tô 1	3		
							233048	Thực tập điện ô tô 2	3		
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
318	2117170650	Võ Văn	Nhật	CCQ1717I	74	5.94	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
318	2117170650	Võ Văn	Nhật	CCQ1717I	74	5.94	233010	Ô tô	3	3.3	
							233044	Thực tập điện ô tô 1	3		
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
319	2117170651	Hồ Hạnh	Phúc	CCQ1717I	82	6.83	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233010	Ô tô	3	2.3	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
320	2117170654	Nguyễn Văn	Phụng	CCQ1717I	67	5.47	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	VT	
							227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	2.2	
							227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	VT	
							233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	VT	
							233010	Ô tô	3	VT	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
321	2117170656	Trần Anh	Quốc	CCQ1717I	70	5.79	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233005	Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2	4.7	
							233010	Ô tô	3		
							233048	Thực tập điện ô tô 2	3		
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
322	2117170657	Phạm Bá Phú	Quý	CCQ1717I	90	7.36	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
323	2117170658	Nguyễn Ngọc	Sang	CCQ1717I	92	6.73	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
324	2117170660	Lý Tường	Sang	CCQ1717I	88	7.39	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
325	2117170661	Đồng Cao	Sanh	CCQ1717I	84	6.64	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							233010	Ô tô	3	2.6	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
326	2117170663	Trần Thái	Sơn	CCQ1717I	4	0.49	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	VT	
							223006	Chính trị 1	3	VT	
							223007	Chính trị 2	3		
							226020	Pháp luật đại cương	2		
							227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	VT	
							227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	VT	
							227127	Thực tập hàn	2	VT	
							233004	Công nghệ lắp ráp ô tô	2	VT	
							233005	Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2	VT	
							233007	Hệ thống điện và điện tử ô tô	3	VT	
							233010	Ô tô	3	VT	
							233016	Thực tập động cơ xăng 1	3	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
326	2117170663	Trần Thái Sơn	CCQ1717I	4	0.49	233021	Kỹ thuật mô tô, xe máy	2	VT	
						233022	Động cơ đốt trong	3	VT	
						233041	Thực tập động cơ xăng 2	3		
						233042	Thực tập diesel	3	VT	
						233043	Thực tập ô tô 1	3	VT	
						233044	Thực tập điện ô tô 1	3		
						233048	Thực tập điện ô tô 2	3		
						233049	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Ô tô)	1	VT	
						233050	Đồ án chuyên ngành Ô tô	1		
						233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	VT	
						233052	Thực tập ô tô 2	3		
						233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
327	2117170664	Bá Ngọc Sướng	CCQ1717I	71	5.77	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	3.8	
						227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	3.8	
						233010	Ô tô	3	2.9	
						233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
328	2117170667	Lê Thiện Tâm	CCQ1717I	76	5.97	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	3.3	
						233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	3.0	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
328	2117170667	Lê Thiện	Tâm	CCQ1717I	76	5.97	233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
329	2117170670	Trần Hiếu Hoàng	Thạch	CCQ1717I	90	6.96	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
330	2117170671	Phạm Minh	Thắng	CCQ1717I	55	5.71	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223007	Chính trị 2	3		
							226020	Pháp luật đại cương	2		
							227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	VT	
							233004	Công nghệ lắp ráp ô tô	2		
							233010	Ô tô	3	VT	
							233022	Động cơ đốt trong	3	4.2	
							233044	Thực tập điện ô tô 1	3		
							233048	Thực tập điện ô tô 2	3		
							233050	Đồ án chuyên ngành Ô tô	1	VT	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
331	2117170672	Đinh Quang	Thắng	CCQ1717I	90	6.66	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
332	2117170678	Trần Văn Vũ	Tú	CCQ1717I	87	7.07	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
333	2117170679	Nguyễn Công	Từ	CCQ1717I	73	5.76	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
333	2117170679	Nguyễn Công	Từ	CCQ1717I	73	5.76	233042	Thực tập diesel	3	VT	
							233043	Thực tập ô tô 1	3	VT	
							233048	Thực tập điện ô tô 2	3	VT	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
334	2117170680	Tạ Văn	Tường	CCQ1717I	87	6.93	233010	Ô tô	3	4.7	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
335	2117170681	Lê Hữu	Vinh	CCQ1717I	40	4.02	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	3.2	
							223007	Chính trị 2	3	VT	
							226020	Pháp luật đại cương	2	VT	
							227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	3.8	
							227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	2.6	
							227064	Vẽ kỹ thuật 1	2	4.3	
							233005	Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2	VT	
							233010	Ô tô	3	VT	
							233021	Kỹ thuật mô tô, xe máy	2	VT	
							233022	Động cơ đốt trong	3	4.0	
							233041	Thực tập động cơ xăng 2	3		
							233043	Thực tập ô tô 1	3		
							233044	Thực tập điện ô tô 1	3		
							233048	Thực tập điện ô tô 2	3		
							233051	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	VT	
							233053	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	5		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
335	2117170681	Lê Hữu Vinh	CCQ1717I	40	4.02	234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	4 TC (Min)	4
0101 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
	234011 Bóng rổ 2	2
	234013 Cầu lông 2	2
	234014 Aerobic 2	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2
0201 .	222017 Tiếng Việt thực hành B	2
	226035 Soạn thảo văn bản	2
	229030 Tin học văn phòng	2
Nhóm TC 03 :	4 TC (Min)	4
0302 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
0303 .	234006 Bóng đá 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
0304 .	234007 Bóng rổ 1	2
	234011 Bóng rổ 2	2
0305 .	234008 Cầu lông 1	2
	234013 Cầu lông 2	2
0306 .	234009 Aerobic 1	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		234014 Aerobic 2	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2							
		226017 Môi trường và con người	2							
Nhóm TC 05 :		2 TC (Min)	2							
0501 .		233024 Thiết bị xưởng ô tô	2							
		233027 Thủy lực và máy thủy lực	2							
Nhóm TC 06 :		2 TC (Min)	2							
0601 .		233011 Ô tô sử dụng năng lượng mới	2							
		233012 Ô tô và môi trường	2							
Nhóm TC 07 :		5 TC (Min)	5							
0701 .		233002 Chuyên đề điện - điện tử ô tô	3							
		233003 Chuyên đề động cơ	2							
		233006 Đồ án tốt nghiệp (Ô tô)	5							
Nhóm TC 08 :		3 TC (Min)	3							
0801 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							
0802 .		200003 Tiếng Nhật 3	3							
Nhóm TC 09 :										
0901 .		224003 Anh văn 1	3							
		224004 Anh văn 2	3							
		224016 Anh văn 3	3							
		233001 Anh văn chuyên ngành (Ô tô)	2							
0902 .		200001 Tiếng Nhật 1	3							
		200002 Tiếng Nhật 2	3							
		200003 Tiếng Nhật 3	3							
		200004 Tiếng Nhật 4	2							

Mẫu in: Q5401D0.001

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
Phòng Quản Lý Đào Tạo
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2017 - Nhiệt lạnh (TN211718)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **90**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2117180006	Đặng Hoàng	Duy	CCQ1718A	88	6.77	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
2	2117180007	Nguyễn Tấn	Duy	CCQ1718A	90	7.08	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
3	2117180016	Dương Thành	Đượm	CCQ1718A	57	4.77	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	VT	
							226020	Pháp luật đại cương	2		
							228001	Bơm – quạt – máy nén	3	4.3	
							228032	Kỹ thuật lạnh ứng dụng	3	VT	
							228033	Kỹ thuật sấy	2	1.8	
							228158	Đo lường và điều khiển hệ thống lạnh	3	VT	
							228168	Thiết bị trao đổi nhiệt	3	VT	
							228187	Lý thuyết vận hành sửa chữa hệ thống lạnh	2	VT	
							228210	Công nghệ vật liệu và an toàn hệ thống lạnh	2	4.5	
							228212	Điều hòa không khí và thông gió	3	3.0	
							228218	Kỹ thuật lạnh	3	2.2	
							228233	Thực hành lạnh dân dụng	2	1.5	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
4	2117180018	Võ Đình	Hiển	CCQ1718A	73	5.73	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
4	2117180018	Võ Đình	Hiển	CCQ1718A	73	5.73	223007	Chính trị 2	3	VT	
							228033	Kỹ thuật sấy	2		
							228069	Thực tập vận hành sửa chữa hệ thống lạnh công nghiệp	2	VT	
							228239	Thực hành sấy	2	VT	
							228249	Thực tập tốt nghiệp (Nhiệt lạnh)	5	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
5	2117180019	Trần Minh	Hiếu	CCQ1718A	85	5.96	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							228158	Đo lường và điều khiển hệ thống lạnh	3	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
6	2117180021	Trần Công	Hữu	CCQ1718A	29	3.35	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	VT	
							223006	Chính trị 1	3	VT	
							223007	Chính trị 2	3	VT	
							228001	Bơm – quạt – máy nén	3	4.2	
							228032	Kỹ thuật lạnh ứng dụng	3	2.5	
							228069	Thực tập vận hành sửa chữa hệ thống lạnh công nghiệp	2	VT	
							228076	Truyền nhiệt	3	3.4	
							228158	Đo lường và điều khiển hệ thống lạnh	3	2.6	
							228168	Thiết bị trao đổi nhiệt	3	2.3	
							228210	Công nghệ vật liệu và an toàn hệ thống lạnh	2	4.3	
							228212	Điều hòa không khí và thông gió	3	4.8	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
6	2117180021	Trần Công	Hữu	CCQ1718A	29	3.35	228218	Kỹ thuật lạnh	3	4.5	
							228225	Nhập môn công nghệ nhiệt lạnh	2	2.2	
							228226	Nhiệt động lực học kỹ thuật	3	3.9	
							228233	Thực hành lạnh dân dụng	2	2.4	
							228239	Thực hành sấy	2	VT	
							228249	Thực tập tốt nghiệp (Nhiệt lạnh)	5	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
7	2117180022	Lương Văn	Hữu	CCQ1718A	88	6.47	228225	Nhập môn công nghệ nhiệt lạnh	2	4.4	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
8	2117180027	Huỳnh Bá	Lộc	CCQ1718A	69	5.79	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224004	Anh văn 2	3		
							224016	Anh văn 3	3		
							228158	Đo lường và điều khiển hệ thống lạnh	3	3.5	
							228168	Thiết bị trao đổi nhiệt	3	2.8	
							228212	Điều hòa không khí và thông gió	3	4.2	
							228223	Lò hơi	2	4.6	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
9	2117180028	Nguyễn Thành	Nhân	CCQ1718A	73	5.30	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	VT	
							223006	Chính trị 1	3		
							228032	Kỹ thuật lạnh ứng dụng	3	VT	
							228158	Đo lường và điều khiển hệ thống lạnh	3	VT	
							228212	Điều hòa không khí và thông gió	3	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
9	2117180028	Nguyễn Thành	Nhân	CCQ1718A	73	5.30	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
10	2117180031	Phan Minh	Phúc	CCQ1718A	87	6.62	228158	Đo lường và điều khiển hệ thống lạnh	3	4.3	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
11	2117180033	Phan Nguyễn Hoàng	Thái	CCQ1718A	88	6.38	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
12	2117180034	Nguyễn Quốc	Thi	CCQ1718A	90	6.84	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
13	2117180036	Mai Khắc	Thu	CCQ1718A	70	5.49	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224003	Anh văn 1	3	0.0	
							224004	Anh văn 2	3	0.0	
							224016	Anh văn 3	3		
							228001	Bơm – quạt – máy nén	3	4.5	
							228158	Đo lường và điều khiển hệ thống lạnh	3	4.6	
							228168	Thiết bị trao đổi nhiệt	3	2.6	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
14	2117180038	Trần Minh	Tiến	CCQ1718A	54	5.32	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224004	Anh văn 2	3		
							224016	Anh văn 3	3		
							228001	Bơm – quạt – máy nén	3	3.8	
							228032	Kỹ thuật lạnh ứng dụng	3		
							228033	Kỹ thuật sấy	2	VT	
							228158	Đo lường và điều khiển hệ thống lạnh	3	3.4	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
14	2117180038	Trần Minh	Tiến	CCQ1718A	54	5.32	228168	Thiết bị trao đổi nhiệt	3	3.7	
							228212	Điều hòa không khí và thông gió	3	3.6	
							228223	Lò hơi	2	4.3	
							228226	Nhiệt động lực học kỹ thuật	3	4.5	
							228233	Thực hành lạnh dân dụng	2	4.6	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
15	2117180040	Nguyễn Chánh	Tính	CCQ1718A	81	5.98	228158	Đo lường và điều khiển hệ thống lạnh	3	4.0	
							228168	Thiết bị trao đổi nhiệt	3	4.1	
							228212	Điều hòa không khí và thông gió	3	4.7	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
16	2117180044	Lê Văn	Trực	CCQ1718A	88	6.40	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
17	2117180045	Mai Thanh	Tùng	CCQ1718A	81	6.05	228158	Đo lường và điều khiển hệ thống lạnh	3	4.3	
							228168	Thiết bị trao đổi nhiệt	3	4.6	
							228212	Điều hòa không khí và thông gió	3	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
18	2117180054	Nguyễn Văn	Chức	CCQ1718B	85	6.45	228032	Kỹ thuật lạnh ứng dụng	3	4.8	
							228223	Lò hơi	2	4.4	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
19	2117180057	Trần Văn Ngọc	Dàu	CCQ1718B	62	5.24	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223006	Chính trị 1	3		
							224003	Anh văn 1	3	VT	
							224004	Anh văn 2	3		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
19	2117180057	Trần Văn Ngọc	Dàu	CCQ1718B	62	5.24	224016	Anh văn 3	3		
							228033	Kỹ thuật sấy	2	VT	
							228069	Thực tập vận hành sửa chữa hệ thống lạnh công nghiệp	2	VT	
							228126	Anh văn chuyên ngành (Nhiệt lạnh)	2	VT	
							228158	Đo lường và điều khiển hệ thống lạnh	3	3.9	
							228210	Công nghệ vật liệu và an toàn hệ thống lạnh	2	3.5	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
20	2117180059	Nguyễn Thành	Đạt	CCQ1718B	67	5.69	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224016	Anh văn 3	3		
							228032	Kỹ thuật lạnh ứng dụng	3		
							228033	Kỹ thuật sấy	2	4.5	
							228126	Anh văn chuyên ngành (Nhiệt lạnh)	2	3.8	
							228158	Đo lường và điều khiển hệ thống lạnh	3		
							228212	Điều hòa không khí và thông gió	3		
							228249	Thực tập tốt nghiệp (Nhiệt lạnh)	5	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
21	2117180062	Nguyễn Công	Hiếu	CCQ1718B	82	6.38	222033	Toán ứng dụng A	3	4.8	
							228126	Anh văn chuyên ngành (Nhiệt lạnh)	2	3.9	
							228212	Điều hòa không khí và thông gió	3		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
22	2117180064	Nguyễn Ngọc	Hiếu	CCQ1718B	88	7.22	228223	Lò hơi	2	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
23	2117180066	Trần Đông	Hưng	CCQ1718B	59	5.55	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223006	Chính trị 1	3	4.0	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
23	2117180066	Trần Đông	Hưng	CCQ1718B	59	5.55	223007	Chính trị 2	3	VT	
							224016	Anh văn 3	3		
							228032	Kỹ thuật lạnh ứng dụng	3		
							228033	Kỹ thuật sấy	2	4.0	
							228158	Đo lường và điều khiển hệ thống lạnh	3		
							228168	Thiết bị trao đổi nhiệt	3	4.2	
							228210	Công nghệ vật liệu và an toàn hệ thống lạnh	2	2.1	
							228212	Điều hòa không khí và thông gió	3		
							228233	Thực hành lạnh dân dụng	2		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
24	2117180067	Đinh Quốc	Hưng	CCQ1718B	85	6.21	228033	Kỹ thuật sấy	2	4.8	
							228158	Đo lường và điều khiển hệ thống lạnh	3		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
25	2117180076	Dương Trung	Nhân	CCQ1718B	87	6.35	228212	Điều hòa không khí và thông gió	3	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
26	2117180078	Nguyễn Trần	Phát	CCQ1718B	25	3.07	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3		
							223006	Chính trị 1	3	VT	
							223007	Chính trị 2	3	VT	
							224003	Anh văn 1	3		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
26	2117180078	Nguyễn Trần Phát	CCQ1718B	25	3.07	224004	Anh văn 2	3		
						224016	Anh văn 3	3		
						226020	Pháp luật đại cương	2		
						228001	Bơm – quạt – máy nén	3	3.6	
						228032	Kỹ thuật lạnh ứng dụng	3	3.8	
						228033	Kỹ thuật sấy	2	VT	
						228069	Thực tập vận hành sửa chữa hệ thống lạnh công nghiệp	2	VT	
						228076	Truyền nhiệt	3	2.2	
						228126	Anh văn chuyên ngành (Nhiệt lạnh)	2	4.0	
						228158	Đo lường và điều khiển hệ thống lạnh	3	2.5	
						228168	Thiết bị trao đổi nhiệt	3	2.7	
						228210	Công nghệ vật liệu và an toàn hệ thống lạnh	2	1.1	
						228212	Điều hòa không khí và thông gió	3	VT	
						228218	Kỹ thuật lạnh	3	VT	
						228223	Lò hơi	2	1.2	
						228226	Nhiệt động lực học kỹ thuật	3	VT	
						228239	Thực hành sấy	2	VT	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
27	2117180084	Võ Tấn Tài	CCQ1718B	82	6.58	08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						224016	Anh văn 3	3		
						228033	Kỹ thuật sấy	2		
						228126	Anh văn chuyên ngành (Nhiệt lạnh)	2	VT	
						228158	Đo lường và điều khiển hệ thống lạnh	3	3.6	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
28	2117180088	Võ Ngọc Thạch	CCQ1718B	70	6.23	08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						224004	Anh văn 2	3		
						224016	Anh văn 3	3		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
28	2117180088	Võ Ngọc Thạch	CCQ1718B	70	6.23	226020	Pháp luật đại cương	2		
						228033	Kỹ thuật sấy	2		
						228126	Anh văn chuyên ngành (Nhiệt lạnh)	2	4.4	
						228168	Thiết bị trao đổi nhiệt	3	4.2	
						228223	Lò hơi	2	4.3	
						228226	Nhiệt động lực học kỹ thuật	3	4.6	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
29	2117180094	Nguyễn Văn Tịnh	CCQ1718B	67	5.44	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						224004	Anh văn 2	3	0.0	
						224016	Anh văn 3	3		
						226020	Pháp luật đại cương	2	3.3	
						228032	Kỹ thuật lạnh ứng dụng	3	4.0	
						228033	Kỹ thuật sấy	2	3.5	
						228212	Điều hòa không khí và thông gió	3	VT	
						228218	Kỹ thuật lạnh	3	4.4	
						228223	Lò hơi	2	2.0	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
30	2117180095	Huỳnh Văn Toàn	CCQ1718B	77	6.27	224016	Anh văn 3	3		
						228212	Điều hòa không khí và thông gió	3	4.0	
						228218	Kỹ thuật lạnh	3		
						228223	Lò hơi	2	4.4	
						228225	Nhập môn công nghệ nhiệt lạnh	2	4.4	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
31	2117180102	Lê Viết Tuấn	CCQ1718B	63	5.72	223006	Chính trị 1	3	4.3	
						224004	Anh văn 2	3		
						224016	Anh văn 3	3		
						228033	Kỹ thuật sấy	2	3.9	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
31	2117180102	Lê Viết Tuấn	CCQ1718B	63	5.72	228126	Anh văn chuyên ngành (Nhiệt lạnh)	2	4.1	
						228158	Đo lường và điều khiển hệ thống lạnh	3	3.5	
						228168	Thiết bị trao đổi nhiệt	3	4.5	
						228212	Điều hòa không khí và thông gió	3		
						228218	Kỹ thuật lạnh	3	0.0	
						228223	Lò hơi	2		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	2 TC (Min)	2
0101 .	222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2
	226035 Soạn thảo văn bản	2
	229030 Tin học văn phòng	2
Nhóm TC 02 :	4 TC (Min)	4
0201 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
	234011 Bóng rổ 2	2
	234013 Cầu lông 2	2
	234014 Aerobic 2	2
Nhóm TC 03 :	4 TC (Min)	4
0302 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
0303 .	234006 Bóng đá 1	2
	234010 Bóng đá 2	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
0304 .		234007 Bóng rổ 1	2							
		234011 Bóng rổ 2	2							
0305 .		234008 Cầu lông 1	2							
		234013 Cầu lông 2	2							
0306 .		234009 Aerobic 1	2							
		234014 Aerobic 2	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		222010 Logic học đại cương	2							
		226017 Môi trường và con người	2							
		227073 Lập trình C++	2							
Nhóm TC 05 :		2 TC (Min)	2							
0501 .		228105 Năng lượng tái tạo	2							
		228217 Hệ thống điều hòa không khí VRV	2							
		228243 Tính toán thiết kế hệ thống lạnh công nghiệp	2							
Nhóm TC 06 :		2 TC (Min)	2							
0601 .		228209 Công nghệ bơm nhiệt và ứng dụng	2							
		228242 Tiết kiệm năng lượng trong các hệ thống nhiệt lạnh	2							
		228244 Tính toán thiết kế hệ thống điều hòa không khí	2							
Nhóm TC 07 :		5 TC (Min)	5							
0701 .		228102 Đồ án tốt nghiệp (Nhiệt lạnh)	5							
		228200 Chuyên đề công nghệ nhiệt lạnh	3							
		228234 Thực tập lạnh nâng cao	2							
Nhóm TC 08 :		3 TC (Min)	3							
0801 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
						224103	Anh văn cơ bản	4		

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
Phòng Quản Lý Đào Tạo
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2017 - Tài chính ngân hàng (TN211719)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **80**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2117190002	Nguyễn Thị Kiều	Anh	CCQ1719A	77	5.98	224016	Anh văn 3	3		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
2	2117190003	Lý Hải Kim	Anh	CCQ1719A	66	5.79	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223006	Chính trị 1	3	4.8	
							224016	Anh văn 3	3		
							225124	Thực tập tốt nghiệp (TCNH)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
3	2117190005	Đỗ Thị Xuân	Bình	CCQ1719A	23	2.78	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	VT	
							223006	Chính trị 1	3	VT	
							224003	Anh văn 1	3	4.6	
							224004	Anh văn 2	3	VT	
							225005	Kế toán ngân hàng	3	VT	
							225013	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3	2.4	
							225014	Nguyên lý kế toán	2	2.9	
							225015	Nguyên lý thống kê	2	3.1	
							225020	Tài chính doanh nghiệp 1	3	VT	
							225025	Thanh toán quốc tế	2	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
3	2117190005	Đỗ Thị Xuân	Bình	CCQ1719A	23	2.78	225050	Thị trường chứng khoán	2	VT	
							225059	Thị trường tài chính	2	VT	
							225060	Tài chính quốc tế	2	2.9	
							225102	Anh văn chuyên ngành tài chính	3	VT	
							225104	Chuyên đề "Mô phỏng, tổ chức, thực hiện tài chính doanh nghiệp"	1		
							225117	Thẩm định tín dụng	2	VT	
							225124	Thực tập tốt nghiệp (TCNH)	5		
							226080	Kinh tế vi mô	2	3.2	
							229100	Tin học	2	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
4	2117190007	Vũ Ngọc	Công	CCQ1719A	69	5.47	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							225020	Tài chính doanh nghiệp 1	3	2.9	
							225021	Tài chính doanh nghiệp 2	3	2.7	
							225120	Tin học ứng dụng chuyên ngành tài chính ngân hàng	2	2.0	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
5	2117190010	Trần Đức	Duy	CCQ1719A	73	6.39	225060	Tài chính quốc tế	2	3.5	
							225124	Thực tập tốt nghiệp (TCNH)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
6	2117190012	Võ Phú	Hào	CCQ1719A	10	1.34	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
6	2117190012	Võ Phú Hào	CCQ1719A	10	1.34	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222034	Toán ứng dụng C	3	0.0	
						223006	Chính trị 1	3	0.0	
						223007	Chính trị 2	3		
						224016	Anh văn 3	3	VT	
						225005	Kế toán ngân hàng	3	VT	
						225013	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3	0.0	
						225015	Nguyên lý thống kê	2	4.3	
						225018	Tài chính – Tiền tệ	2	4.7	
						225020	Tài chính doanh nghiệp 1	3	VT	
						225021	Tài chính doanh nghiệp 2	3	0.0	
						225025	Thanh toán quốc tế	2	VT	
						225033	Kế toán tài chính doanh nghiệp	3	0.0	
						225059	Thị trường tài chính	2	2.9	
						225060	Tài chính quốc tế	2	VT	
						225102	Anh văn chuyên ngành tài chính	3	VT	
						225104	Chuyên đề "Mô phỏng, tổ chức, thực hiện tài chính doanh nghiệp"	1	VT	
						225105	Chuyên đề "Thực tế ngân hàng thương mại, thị trường chứng khoán"	1	VT	
						225117	Thẩm định tín dụng	2	VT	
						225120	Tin học ứng dụng chuyên ngành tài chính ngân hàng	2		
						225124	Thực tập tốt nghiệp (TCNH)	5		
						226020	Pháp luật đại cương	2		
						226080	Kinh tế vi mô	2	3.0	
						229100	Tin học	2	VT	
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
7	2117190013	Trương Thị Mỹ Hảo	CCQ1719A	75	6.06	225124	Thực tập tốt nghiệp (TCNH)	5		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
7	2117190013	Trương Thị Mỹ	Hảo	CCQ1719A	75	6.06	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
8	2117190015	Nguyễn Thị Kim	Hân	CCQ1719A	66	5.73	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							225033	Kế toán tài chính doanh nghiệp	3		
							225124	Thực tập tốt nghiệp (TCNH)	5		
							226080	Kinh tế vi mô	2	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
9	2117190016	Nguyễn Ngọc	Hậu	CCQ1719A	80	7.10	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
10	2117190019	Tống Thái	Hội	CCQ1719A	10	1.80	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	2.0	
							223007	Chính trị 2	3		
							224003	Anh văn 1	3	VT	
							224016	Anh văn 3	3	VT	
							225005	Kế toán ngân hàng	3	0.0	
							225013	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3	VT	
							225014	Nguyên lý kế toán	2	VT	
							225015	Nguyên lý thống kê	2	3.4	
							225018	Tài chính – Tiền tệ	2	4.5	
							225020	Tài chính doanh nghiệp 1	3	VT	
							225021	Tài chính doanh nghiệp 2	3		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
10	2117190019	Tống Thái	Hội	CCQ1719A	10	1.80	225025	Thanh toán quốc tế	2	VT	
							225033	Kế toán tài chính doanh nghiệp	3	VT	
							225050	Thị trường chứng khoán	2	3.8	
							225059	Thị trường tài chính	2	4.3	
							225060	Tài chính quốc tế	2	VT	
							225102	Anh văn chuyên ngành tài chính	3	4.0	
							225117	Thẩm định tín dụng	2	3.2	
							225120	Tin học ứng dụng chuyên ngành tài chính ngân hàng	2	VT	
							225124	Thực tập tốt nghiệp (TCNH)	5		
							226020	Pháp luật đại cương	2		
							229100	Tin học	2	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
11	2117190021	Lê Dỉ	Kiệt	CCQ1719A	65	5.04	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							225020	Tài chính doanh nghiệp 1	3	3.8	
							225021	Tài chính doanh nghiệp 2	3	3.3	
							225050	Thị trường chứng khoán	2	2.7	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
12	2117190022	Dương Nguyễn Thư	Kỳ	CCQ1719A	64	5.66	225020	Tài chính doanh nghiệp 1	3	1.9	
							225033	Kế toán tài chính doanh nghiệp	3	VT	
							225060	Tài chính quốc tế	2	3.5	
							225105	Chuyên đề "Thực tế ngân hàng thương mại, thị trường chứng khoán"	1		
							225124	Thực tập tốt nghiệp (TCNH)	5		
							226080	Kinh tế vi mô	2	3.5	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
12	2117190022	Dương Nguyễn Thư	Kỳ	CCQ1719A	64	5.66	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
13	2117190028	Cao Bá	Ngôn	CCQ1719A	34	4.71	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	3.6	
							224003	Anh văn 1	3	4.4	
							224016	Anh văn 3	3		
							225015	Nguyên lý thống kê	2	2.8	
							225018	Tài chính – Tiền tệ	2	4.1	
							225021	Tài chính doanh nghiệp 2	3		
							225033	Kế toán tài chính doanh nghiệp	3	0.8	
							225050	Thị trường chứng khoán	2	4.0	
							225059	Thị trường tài chính	2	3.9	
							225102	Anh văn chuyên ngành tài chính	3	4.0	
							225117	Thẩm định tín dụng	2	3.4	
							225120	Tin học ứng dụng chuyên ngành tài chính ngân hàng	2	3.6	
							225124	Thực tập tốt nghiệp (TCNH)	5		
							226020	Pháp luật đại cương	2		
							226080	Kinh tế vi mô	2	4.0	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
14	2117190029	Võ Thị Hồng	Nha	CCQ1719A	19	2.68	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	4.5	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
14	2117190029	Võ Thị Hồng Nha	CCQ1719A	19	2.68	224004	Anh văn 2	3	VT	
						224016	Anh văn 3	3	VT	
						225005	Kế toán ngân hàng	3	VT	
						225013	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3		
						225015	Nguyên lý thống kê	2	3.7	
						225018	Tài chính – Tiền tệ	2	4.8	
						225020	Tài chính doanh nghiệp 1	3	4.1	
						225021	Tài chính doanh nghiệp 2	3		
						225025	Thanh toán quốc tế	2		
						225033	Kế toán tài chính doanh nghiệp	3	VT	
						225050	Thị trường chứng khoán	2	VT	
						225059	Thị trường tài chính	2		
						225060	Tài chính quốc tế	2	VT	
						225102	Anh văn chuyên ngành tài chính	3		
						225104	Chuyên đề "Mô phỏng, tổ chức, thực hiện tài chính doanh nghiệp"	1	VT	
						225105	Chuyên đề "Thực tế ngân hàng thương mại, thị trường chứng khoán"	1	VT	
						225117	Thẩm định tín dụng	2	VT	
						225120	Tin học ứng dụng chuyên ngành tài chính ngân hàng	2		
						225124	Thực tập tốt nghiệp (TCNH)	5		
						226080	Kinh tế vi mô	2	3.4	
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
15	2117190031	Lâm Thị Bảo Ni	CCQ1719A	66	5.76	222034	Toán ứng dụng C	3	4.2	
						225020	Tài chính doanh nghiệp 1	3	3.9	
						225033	Kế toán tài chính doanh nghiệp	3	4.4	
						225124	Thực tập tốt nghiệp (TCNH)	5		
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
15	2117190031	Lâm Thị Bảo	Ni	CCQ1719A	66	5.76	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
16	2117190032	Huỳnh Thị Yến	Ni	CCQ1719A	32	3.97	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	4.1	
							224003	Anh văn 1	3	VT	
							224016	Anh văn 3	3	VT	
							225005	Kế toán ngân hàng	3	3.2	
							225013	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3	4.7	
							225018	Tài chính – Tiền tệ	2	4.8	
							225020	Tài chính doanh nghiệp 1	3	2.0	
							225021	Tài chính doanh nghiệp 2	3	1.1	
							225025	Thanh toán quốc tế	2	3.1	
							225033	Kế toán tài chính doanh nghiệp	3	VT	
							225050	Thị trường chứng khoán	2	4.4	
							225060	Tài chính quốc tế	2	3.6	
							225120	Tin học ứng dụng chuyên ngành tài chính ngân hàng	2	2.8	
							225124	Thực tập tốt nghiệp (TCNH)	5		
							226020	Pháp luật đại cương	2	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
17	2117190033	Phan Thảo	Oanh	CCQ1719A	75	6.72	225124	Thực tập tốt nghiệp (TCNH)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
18	2117190035	Nguyễn Hồng	Sơn	CCQ1719A	43	4.09	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223006	Chính trị 1	3	3.3	
							223007	Chính trị 2	3	4.4	
							225005	Kế toán ngân hàng	3	VT	
							225014	Nguyên lý kế toán	2	2.8	
							225020	Tài chính doanh nghiệp 1	3	4.0	
							225021	Tài chính doanh nghiệp 2	3	3.0	
							225060	Tài chính quốc tế	2	3.5	
							225104	Chuyên đề "Mô phỏng, tổ chức, thực hiện tài chính doanh nghiệp"	1	VT	
							225117	Thẩm định tín dụng	2	VT	
							225120	Tin học ứng dụng chuyên ngành tài chính ngân hàng	2	1.8	
							225124	Thực tập tốt nghiệp (TCNH)	5		
							226020	Pháp luật đại cương	2	VT	
							226080	Kinh tế vi mô	2	4.0	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
19	2117190039	Kiều Thị Thu	Thảo	CCQ1719A	75	5.95	225124	Thực tập tốt nghiệp (TCNH)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
20	2117190047	Nguyễn Thị Ngọc	Thơm	CCQ1719A	28	3.71	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	3.8	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
20	2117190047	Nguyễn Thị Ngọc	Thơm	CCQ1719A	28	3.71	223006	Chính trị 1	3	VT	
							225005	Kế toán ngân hàng	3		
							225013	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3		
							225020	Tài chính doanh nghiệp 1	3	VT	
							225021	Tài chính doanh nghiệp 2	3		
							225033	Kế toán tài chính doanh nghiệp	3	VT	
							225050	Thị trường chứng khoán	2	4.2	
							225059	Thị trường tài chính	2		
							225060	Tài chính quốc tế	2	4.3	
							225105	Chuyên đề "Thực tế ngân hàng thương mại, thị trường chứng khoán"	1	0.0	
							225117	Thẩm định tín dụng	2	VT	
							225120	Tin học ứng dụng chuyên ngành tài chính ngân hàng	2	VT	
							225124	Thực tập tốt nghiệp (TCNH)	5		
							229100	Tin học	2	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
21	2117190048	Lê Văn Minh	Thuận	CCQ1719A	61	5.52	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224016	Anh văn 3	3	VT	
							225021	Tài chính doanh nghiệp 2	3		
							225033	Kế toán tài chính doanh nghiệp	3	VT	
							225104	Chuyên đề "Mô phỏng, tổ chức, thực hiện tài chính doanh nghiệp"	1		
							225120	Tin học ứng dụng chuyên ngành tài chính ngân hàng	2	VT	
							225124	Thực tập tốt nghiệp (TCNH)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
22	2117190051	Lê Hồng	Thưởng	CCQ1719A	62	5.43	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223007	Chính trị 2	3	4.6	
							224016	Anh văn 3	3		
							225020	Tài chính doanh nghiệp 1	3	3.2	
							225120	Tin học ứng dụng chuyên ngành tài chính ngân hàng	2	2.8	
							225124	Thực tập tốt nghiệp (TCNH)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
23	2117190055	Nguyễn Tấn	Tính	CCQ1719A	80	7.59	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
24	2117190061	Nguyễn Thị Kim	Uyên	CCQ1719A	75	6.07	225124	Thực tập tốt nghiệp (TCNH)	5	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
25	2117190069	Vũ Thị Ngọc	Bích	CCQ1719B	80	6.32	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
26	2117190073	Nguyễn Hữu	Dương	CCQ1719B	68	6.01	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							225014	Nguyên lý kế toán	2	2.6	
							225020	Tài chính doanh nghiệp 1	3	4.6	
							225124	Thực tập tốt nghiệp (TCNH)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
27	2117190080	Trần Phi	Hoàng	CCQ1719B	64	5.33	224004	Anh văn 2	3	VT	
							225033	Kế toán tài chính doanh nghiệp	3	4.0	
							225102	Anh văn chuyên ngành tài chính	3	3.7	
							225124	Thực tập tốt nghiệp (TCNH)	5		
							226080	Kinh tế vi mô	2	4.4	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
27	2117190080	Trần Phi	Hoàng	CCQ1719B	64	5.33	R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
28	2117190083	Đỗ Thị	Lan	CCQ1719B	44	4.53	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	2.6	
							224003	Anh văn 1	3	VT	
							225014	Nguyên lý kế toán	2	4.4	
							225015	Nguyên lý thống kê	2	2.9	
							225020	Tài chính doanh nghiệp 1	3	3.8	
							225033	Kế toán tài chính doanh nghiệp	3	3.6	
							225059	Thị trường tài chính	2	4.5	
							225060	Tài chính quốc tế	2	4.5	
							225117	Thẩm định tín dụng	2	3.8	
							225120	Tin học ứng dụng chuyên ngành tài chính ngân hàng	2	4.1	
							225124	Thực tập tốt nghiệp (TCNH)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
29	2117190094	Nguyễn Xuân Thảo	Nguyên	CCQ1719B	80	7.55	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
30	2117190097	Bùi Thị Uyên	Nhi	CCQ1719B	80	8.24	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
31	2117190098	Ngô Thị	Nhiệm	CCQ1719B	78	6.21	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
32	2117190101	Lê Thị	Như	CCQ1719B	70	5.65	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							225102	Anh văn chuyên ngành tài chính	3	4.5	
							225124	Thực tập tốt nghiệp (TCNH)	5		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
32	2117190101	Lê Thị	Như	CCQ1719B	70	5.65	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
33	2117190102	Đoàn Thị Thùy	Như	CCQ1719B	75	6.67	225124	Thực tập tốt nghiệp (TCNH)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
34	2117190105	Nguyễn Tấn	Phát	CCQ1719B	19	3.53	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223006	Chính trị 1	3		
							223007	Chính trị 2	3		
							224004	Anh văn 2	3		
							224016	Anh văn 3	3		
							225013	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3	2.2	
							225014	Nguyên lý kế toán	2	4.0	
							225015	Nguyên lý thống kê	2	4.0	
							225020	Tài chính doanh nghiệp 1	3	VT	
							225021	Tài chính doanh nghiệp 2	3		
							225025	Thanh toán quốc tế	2	VT	
							225059	Thị trường tài chính	2	4.1	
							225060	Tài chính quốc tế	2	4.2	
							225102	Anh văn chuyên ngành tài chính	3	VT	
							225105	Chuyên đề "Thực tế ngân hàng thương mại, thị trường chứng khoán"	1	VT	
							225117	Thẩm định tín dụng	2	3.8	
							225120	Tin học ứng dụng chuyên ngành tài chính ngân hàng	2	VT	
							225124	Thực tập tốt nghiệp (TCNH)	5		
							226020	Pháp luật đại cương	2		
							226080	Kinh tế vi mô	2	3.6	
							229100	Tin học	2	4.7	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
34	2117190105	Nguyễn Tấn	Phát	CCQ1719B	19	3.53	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
35	2117190107	Nguyễn Dương	Phú	CCQ1719B	50	5.23	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223007	Chính trị 2	3	4.7	
							225005	Kế toán ngân hàng	3	4.3	
							225013	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3		
							225015	Nguyên lý thống kê	2	3.1	
							225020	Tài chính doanh nghiệp 1	3	3.2	
							225021	Tài chính doanh nghiệp 2	3		
							225059	Thị trường tài chính	2	VT	
							225060	Tài chính quốc tế	2	3.6	
							225124	Thực tập tốt nghiệp (TCNH)	5	4.0	
							226080	Kinh tế vi mô	2	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
36	2117190109	Nguyễn Như Minh	Tâm	CCQ1719B	48	4.23	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	VT	
							225005	Kế toán ngân hàng	3	VT	
							225018	Tài chính – Tiền tệ	2	VT	
							225020	Tài chính doanh nghiệp 1	3	VT	
							225021	Tài chính doanh nghiệp 2	3	VT	
							225033	Kế toán tài chính doanh nghiệp	3	VT	
							225059	Thị trường tài chính	2	3.0	
							225060	Tài chính quốc tế	2	VT	
							225104	Chuyên đề "Mô phỏng, tổ chức, thực hiện tài chính doanh nghiệp"	1	VT	
							225120	Tin học ứng dụng chuyên ngành tài chính ngân hàng	2	VT	
							225124	Thực tập tốt nghiệp (TCNH)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
36	2117190109	Nguyễn Như Minh	Tâm	CCQ1719B	48	4.23	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
37	2117190110	Bùi Thu	Thắm	CCQ1719B	76	6.02	225120	Tin học ứng dụng chuyên ngành tài chính ngân hàng	2	4.5	
							226020	Pháp luật đại cương	2	0.0	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
38	2117190114	Phạm Thanh	Thúy	CCQ1719B	53	4.91	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224016	Anh văn 3	3	VT	
							225013	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3	3.5	
							225020	Tài chính doanh nghiệp 1	3	VT	
							225025	Thanh toán quốc tế	2	4.6	
							225033	Kế toán tài chính doanh nghiệp	3	VT	
							225104	Chuyên đề "Mô phỏng, tổ chức, thực hiện tài chính doanh nghiệp"	1	VT	
							225124	Thực tập tốt nghiệp (TCNH)	5		
							226020	Pháp luật đại cương	2	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
39	2117190115	Cù Thị	Thúy	CCQ1719B	66	5.67	222034	Toán ứng dụng C	3	4.7	
							225020	Tài chính doanh nghiệp 1	3	4.1	
							225033	Kế toán tài chính doanh nghiệp	3	VT	
							225124	Thực tập tốt nghiệp (TCNH)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
40	2117190120	Nguyễn Minh	Trí	CCQ1719B	72	5.50	225020	Tài chính doanh nghiệp 1	3	4.2	
							225124	Thực tập tốt nghiệp (TCNH)	5	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
41	2117190123	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	CCQ1719B	75	6.21	225124	Thực tập tốt nghiệp (TCNH)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
42	2117190124	Nguyễn Tường Thanh	Trúc	CCQ1719B	70	6.78	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							225020	Tài chính doanh nghiệp 1	3		
							225124	Thực tập tốt nghiệp (TCNH)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
43	2117190125	Nguyễn Lưu	Trực	CCQ1719B	74	6.28	225013	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3	3.2	
							225102	Anh văn chuyên ngành tài chính	3	4.0	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
44	2117190128	Nguyễn Chí	Viễn	CCQ1719B	19	2.31	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223006	Chính trị 1	3	VT	
							223007	Chính trị 2	3	VT	
							224003	Anh văn 1	3	4.8	
							224004	Anh văn 2	3	VT	
							224016	Anh văn 3	3		
							225005	Kế toán ngân hàng	3	VT	
							225020	Tài chính doanh nghiệp 1	3		
							225021	Tài chính doanh nghiệp 2	3		
							225025	Thanh toán quốc tế	2	VT	
							225033	Kế toán tài chính doanh nghiệp	3		
							225050	Thị trường chứng khoán	2	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
44	2117190128	Nguyễn Chí	Viễn	CCQ1719B	19	2.31	225059	Thị trường tài chính	2	VT	
							225060	Tài chính quốc tế	2	VT	
							225102	Anh văn chuyên ngành tài chính	3	VT	
							225105	Chuyên đề "Thực tế ngân hàng thương mại, thị trường chứng khoán"	1	VT	
							225117	Thẩm định tín dụng	2	VT	
							225120	Tin học ứng dụng chuyên ngành tài chính ngân hàng	2	VT	
							225124	Thực tập tốt nghiệp (TCNH)	5		
							226020	Pháp luật đại cương	2	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
45	2117190129	Phạm Trần Thúy	Vy	CCQ1719B	80	6.42	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
46	2117190135	Phạm Thị Kim	Chi	CCQ1719B	80	6.26	234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	4 TC (Min)	4
0101 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
	234011 Bóng rổ 2	2
	234013 Cầu lông 2	2
	234014 Aerobic 2	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2
0201 .	226018 Nghệ thuật lãnh đạo	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		226035 Soạn thảo văn bản	2							
		226036 Tâm lý học đại cương	2							
Nhóm TC 03 :		4 TC (Min)	4							
0302 .		234002 Bóng chuyền 1	2							
		234003 Bóng chuyền 2	2							
0303 .		234006 Bóng đá 1	2							
		234010 Bóng đá 2	2							
0304 .		234007 Bóng rổ 1	2							
		234011 Bóng rổ 2	2							
0305 .		234008 Cầu lông 1	2							
		234013 Cầu lông 2	2							
0306 .		234009 Aerobic 1	2							
		234014 Aerobic 2	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		222004 Quy hoạch tuyến tính	2							
		226017 Môi trường và con người	2							
Nhóm TC 05 :		2 TC (Min)	2							
0501 .		225029 Thuế	2							
		225062 Hoạch định ngân sách vốn đầu tư	2							
		225095 Phân tích báo cáo tài chính	2							
		225116 Thẩm định giá tài sản	2							
Nhóm TC 06 :		2 TC (Min)	2							
0601 .		225012 Kiểm toán	2							
		225103 Bảo hiểm	2							
		225112 Kinh doanh ngoại hối	2							
		225115 Phát triển dịch vụ ngân hàng bán lẻ	2							
Nhóm TC 07 :		5 TC (Min)	5							
0701 .		225035 Quản trị ngân hàng thương mại	3							
		225038 Khóa luận tốt nghiệp (Tài chính)	5							
		225068 Thực hành lập và thẩm định tín	2							

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		dụng								
Nhóm TC 08 :		3 TC (Min)	3							
0801 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
Phòng Quản Lý Đào Tạo
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2017 - Quản trị xuất nhập khẩu (TN211720)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **80**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2117030189	Dương Văn Trung	CCQ1720B	15	3.32	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222034	Toán ứng dụng C	3		
						223006	Chính trị 1	3	4.0	
						223007	Chính trị 2	3	VT	
						224003	Anh văn 1	3	VT	
						224004	Anh văn 2	3	VT	
						224016	Anh văn 3	3		
						225014	Nguyên lý kế toán	2		
						225087	Nguyên lý thống kê	3		
						226012	Kinh tế vi mô	3	4.0	
						226016	Marketing căn bản	2	4.1	
						226026	Quản trị học	2		
						226051	Anh văn chuyên ngành xuất nhập khẩu	2	0.7	
						226070	Thanh toán quốc tế (QTKD)	3	3.4	
						226078	Thuế trong kinh doanh	2		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2117030189	Dương Văn	Trung	CCQ1720B	15	3.32	226154	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 1 (QT)	1	VT	
							226155	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 2 (QT)	1		
							226158	Luật kinh doanh quốc tế	2		
							226165	Quản trị chiến lược	3		
							226177	Vận tải bảo hiểm hàng hóa XNK	3	4.1	
							226182	Thực tập tốt nghiệp (XNK)	5		
							226184	Khởi tạo doanh nghiệp	2		
							229100	Tin học	2	2.6	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
2	2117170096	Lê Đức	Hậu	CCQ1720A	75	6.32	226182	Thực tập tốt nghiệp (XNK)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
3	2117200001	Phạm Thị Hồng	Anh	CCQ1720A	72	6.12	222034	Toán ứng dụng C	3	3.4	
							226016	Marketing căn bản	2	3.4	
							226177	Vận tải bảo hiểm hàng hóa XNK	3	3.8	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
4	2117200002	Huỳnh Thị Lan	Anh	CCQ1720A	80	6.35	234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
5	2117200003	Đỗ Thị Mai	Anh	CCQ1720A	53	5.10	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	0.9	
							225087	Nguyên lý thống kê	3	VT	
							226070	Thanh toán quốc tế (QTKD)	3	2.4	
							226156	Giao dịch thương mại quốc tế	3	2.9	
							226165	Quản trị chiến lược	3	4.7	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
5	2117200003	Đỗ Thị Mai	Anh	CCQ1720A	53	5.10	226182	Thực tập tốt nghiệp (XNK)	5		
							226184	Khởi tạo doanh nghiệp	2	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
6	2117200005	Phạm Thị	Á	CCQ1720A	82	6.24	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
7	2117200006	Hồ Thanh	Bình	CCQ1720A	75	6.37	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226182	Thực tập tốt nghiệp (XNK)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
8	2117200007	Bùi Thị Mai	Chi	CCQ1720A	78	6.65	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
9	2117200012	Nguyễn Ngọc	Hà	CCQ1720A	74	6.94	226154	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 1 (QT)	1		
							226182	Thực tập tốt nghiệp (XNK)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
10	2117200013	Lê Thanh	Hà	CCQ1720A	75	5.94	08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226182	Thực tập tốt nghiệp (XNK)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
11	2117200014	Võ Thị Thu	Hà	CCQ1720A	75	6.39	226182	Thực tập tốt nghiệp (XNK)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
12	2117200015	Nguyễn Thị Lệ	Hằng	CCQ1720A	75	6.43	226182	Thực tập tốt nghiệp (XNK)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
13	2117200017	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	CCQ1720A	79	5.90	226182	Thực tập tốt nghiệp (XNK)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
14	2117200019	Lê Thị Mỹ	Hiền	CCQ1720A	61	5.45	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	3.6	
							223007	Chính trị 2	3	4.1	
							226026	Quản trị học	2	3.3	
							226103	Thủ tục hải quan hàng hóa xuất nhập khẩu	2	4.4	
							226156	Giao dịch thương mại quốc tế	3	4.3	
							226165	Quản trị chiến lược	3	3.2	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
15	2117200021	Lê Minh	Hòa	CCQ1720A	68	5.86	225014	Nguyên lý kế toán	2	4.2	
							225087	Nguyên lý thống kê	3	2.5	
							226103	Thủ tục hải quan hàng hóa xuất nhập khẩu	2	4.4	
							226182	Thực tập tốt nghiệp (XNK)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
16	2117200022	Võ Thị Ngọc	Huệ	CCQ1720A	80	6.18	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
17	2117200023	Châu Bá	Huy	CCQ1720A	73	6.04	226051	Anh văn chuyên ngành xuất nhập khẩu	2	2.6	
							226182	Thực tập tốt nghiệp (XNK)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
18	2117200031	Lê Nguyễn Huỳnh	Liên	CCQ1720A	74	5.66	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226177	Vận tải bảo hiểm hàng hóa XNK	3	4.5	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
19	2117200032	Lê Thị Kim	Liên	CCQ1720A	79	6.35	226070	Thanh toán quốc tế (QTKD)	3	4.2	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
20	2117200037	Đặng Thị Mỹ	Linh	CCQ1720A	75	5.94	226182	Thực tập tốt nghiệp (XNK)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
21	2117200038	Lê Nguyễn Nhật	Linh	CCQ1720A	75	6.39	226182	Thực tập tốt nghiệp (XNK)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
22	2117200039	Hoàng Thị	Linh	CCQ1720A	80	6.77	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
23	2117200040	Phạm Thị Tuyết	Linh	CCQ1720A	78	6.36	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
24	2117200045	Phạm Hoàng Sao	Ly	CCQ1720A	77	6.58	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226182	Thực tập tốt nghiệp (XNK)	5	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
25	2117200050	Lê Thị Thanh	Ngân	CCQ1720A	74	6.12	222034	Toán ứng dụng C	3	4.4	
							226177	Vận tải bảo hiểm hàng hóa XNK	3	4.7	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
26	2117200053	Phạm Chí	Nhân	CCQ1720A	70	5.72	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							225087	Nguyên lý thống kê	3	3.7	
							226051	Anh văn chuyên ngành xuất nhập khẩu	2	1.3	
							226182	Thực tập tốt nghiệp (XNK)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
27	2117200058	Nguyễn Thị Bích	Phượng	CCQ1720A	75	5.80	226182	Thực tập tốt nghiệp (XNK)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
28	2117200059	Nguyễn Thị Kim	Phượng	CCQ1720A	80	6.26	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
29	2117200063	Lê Thị Bích	Thảo	CCQ1720A	75	6.23	226182	Thực tập tốt nghiệp (XNK)	5	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
29	2117200063	Lê Thị Bích	Thảo	CCQ1720A	75	6.23	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
30	2117200066	Nguyễn Thị	Thảo	CCQ1720A	58	5.36	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	4.7	
							224004	Anh văn 2	3	4.6	
							225014	Nguyên lý kế toán	2	2.6	
							226012	Kinh tế vi mô	3	4.3	
							226051	Anh văn chuyên ngành xuất nhập khẩu	2	2.2	
							226078	Thuế trong kinh doanh	2		
							226182	Thực tập tốt nghiệp (XNK)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
31	2117200067	Võ Thị Kim	Thi	CCQ1720A	75	6.28	226182	Thực tập tốt nghiệp (XNK)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
32	2117200070	Tả Xuân	Thịnh	CCQ1720A	50	4.96	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	2.2	
							224003	Anh văn 1	3	VT	
							225087	Nguyên lý thống kê	3	VT	
							226012	Kinh tế vi mô	3	VT	
							226016	Marketing căn bản	2	4.4	
							226154	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 1 (QT)	1		
							226156	Giao dịch thương mại quốc tế	3		
							226177	Vận tải bảo hiểm hàng hóa XNK	3	4.5	
							226182	Thực tập tốt nghiệp (XNK)	5		
							226184	Khởi tạo doanh nghiệp	2	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
32	2117200070	Tả Xuân	Thịnh	CCQ1720A	50	4.96	R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
33	2117200074	Trần Anh	Thư	CCQ1720A	80	6.69	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
34	2117200078	Nguyễn Thanh	Toàn	CCQ1720A	75	6.61	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226182	Thực tập tốt nghiệp (XNK)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
35	2117200083	Ngô Ánh Mộng	Tuyền	CCQ1720A	80	6.48	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
36	2117200084	Đinh Thị Thu	Vân	CCQ1720A	78	6.89	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
37	2117200085	Nguyễn Ngọc	Vũ	CCQ1720A	33	3.63	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223006	Chính trị 1	3	0.0	
							223007	Chính trị 2	3	4.1	
							224003	Anh văn 1	3	0.3	
							224004	Anh văn 2	3	0.0	
							224016	Anh văn 3	3	VT	
							225087	Nguyên lý thống kê	3	3.9	
							226012	Kinh tế vi mô	3	0.0	
							226051	Anh văn chuyên ngành xuất nhập khẩu	2	0.0	
							226070	Thanh toán quốc tế (QTKD)	3	VT	
							226078	Thuế trong kinh doanh	2		
							226156	Giao dịch thương mại quốc tế	3		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
37	2117200085	Nguyễn Ngọc	Vũ	CCQ1720A	33	3.63	226182	Thực tập tốt nghiệp (XNK)	5		
							229100	Tin học	2	4.6	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
38	2117200087	Lê Nhật Thảo	Vy	CCQ1720A	74	6.08	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226182	Thực tập tốt nghiệp (XNK)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
39	2117200091	Nguyễn Văn	Anh	CCQ1720B	75	5.97	226182	Thực tập tốt nghiệp (XNK)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
40	2117200095	Lê Hữu	Cường	CCQ1720B	78	6.30	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
41	2117200096	Nguyễn Tiến	Dũng	CCQ1720B	17	1.81	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223006	Chính trị 1	3	VT	
							223007	Chính trị 2	3	VT	
							224004	Anh văn 2	3	VT	
							224016	Anh văn 3	3		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
41	2117200096	Nguyễn Tiến	Dũng	CCQ1720B	17	1.81	225014	Nguyên lý kế toán	2	1.2	
							226012	Kinh tế vi mô	3	3.7	
							226051	Anh văn chuyên ngành xuất nhập khẩu	2	VT	
							226070	Thanh toán quốc tế (QTKD)	3	VT	
							226078	Thuế trong kinh doanh	2	VT	
							226101	Đàm phán trong kinh doanh	2	VT	
							226103	Thủ tục hải quan hàng hóa xuất nhập khẩu	2	VT	
							226154	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 1 (QT)	1	VT	
							226155	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 2 (QT)	1	VT	
							226156	Giao dịch thương mại quốc tế	3	VT	
							226158	Luật kinh doanh quốc tế	2	3.5	
							226165	Quản trị chiến lược	3	VT	
							226177	Vận tải bảo hiểm hàng hóa XNK	3	VT	
							226182	Thực tập tốt nghiệp (XNK)	5		
							226184	Khởi tạo doanh nghiệp	2	4.4	
							229100	Tin học	2	4.6	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
42	2117200103	Phạm Trần Thiên	Hoa	CCQ1720B	80	6.53	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
43	2117200104	Nguyễn Thượng	Hoàng	CCQ1720B	80	6.95	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
44	2117200105	Phạm Thị Mỹ	Huyền	CCQ1720B	80	6.92	234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
45	2117200109	Trần Thùy	Hương	CCQ1720B	82	7.67	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
46	2117200113	Đinh Thị Mỹ	Linh	CCQ1720B	44	4.57	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	3.0	
							223007	Chính trị 2	3	VT	
							224016	Anh văn 3	3	VT	
							226012	Kinh tế vi mô	3		
							226058	Logistics	2		
							226078	Thuế trong kinh doanh	2	VT	
							226101	Đàm phán trong kinh doanh	2		
							226103	Thủ tục hải quan hàng hóa xuất nhập khẩu	2	VT	
							226155	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 2 (QT)	1	VT	
							226165	Quản trị chiến lược	3		
							226182	Thực tập tốt nghiệp (XNK)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
47	2117200115	Hoàng Đình	Long	CCQ1720B	72	5.52	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226165	Quản trị chiến lược	3	4.7	
							226182	Thực tập tốt nghiệp (XNK)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
48	2117200122	Phạm Thị Thúy	Ngân	CCQ1720B	80	6.19	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
49	2117200123	Phan Trọng	Nghĩa	CCQ1720B	75	6.52	226182	Thực tập tốt nghiệp (XNK)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
50	2117200125	Vũ Ngọc Yến	Nhi	CCQ1720B	80	6.51	234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
51	2117200127	Bùi Tấn	Niên	CCQ1720B	75	6.05	226182	Thực tập tốt nghiệp (XNK)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
52	2117200128	Huỳnh Kim	Oanh	CCQ1720B	73	6.01	226058	Logistics	2	4.3	
							226182	Thực tập tốt nghiệp (XNK)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
53	2117200131	Phan Thị Diễm	Phúc	CCQ1720B	78	6.10	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
54	2117200134	Nguyễn Thị Kim	Phượng	CCQ1720B	78	5.96	226016	Marketing căn bản	2	4.0	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
55	2117200137	Dương Lê Như	Quỳnh	CCQ1720B	80	6.89	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
56	2117200140	Châu Hồng	Sơn	CCQ1720B	50	4.56	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							225087	Nguyên lý thống kê	3	3.5	
							226012	Kinh tế vi mô	3	VT	
							226103	Thủ tục hải quan hàng hóa xuất nhập khẩu	2	4.3	
							226154	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 1 (QT)	1		
							226155	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 2 (QT)	1	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
56	2117200140	Châu Hồng	Sơn	CCQ1720B	50	4.56	226156	Giao dịch thương mại quốc tế	3	2.7	
							226177	Vận tải bảo hiểm hàng hóa XNK	3	VT	
							226182	Thực tập tốt nghiệp (XNK)	5		
							229100	Tin học	2		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
57	2117200144	Đặng Thị Bích	Thảo	CCQ1720B	73	6.22	226051	Anh văn chuyên ngành xuất nhập khẩu	2	VT	
							226182	Thực tập tốt nghiệp (XNK)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
58	2117200145	Đỗ Thị Thanh	Thảo	CCQ1720B	74	5.75	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226154	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 1 (QT)	1	VT	
							226177	Vận tải bảo hiểm hàng hóa XNK	3	4.4	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
59	2117200148	Nguyễn Bình Minh	Thắng	CCQ1720B	78	6.18	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226051	Anh văn chuyên ngành xuất nhập khẩu	2	4.2	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
60	2117200151	Nguyễn Thị Kim	Thoa	CCQ1720B	52	5.09	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224004	Anh văn 2	3	4.9	
							226070	Thanh toán quốc tế (QTKD)	3	4.1	
							226154	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 1 (QT)	1	VT	
							226156	Giao dịch thương mại quốc tế	3	4.7	
							226165	Quản trị chiến lược	3	3.9	
							226177	Vận tải bảo hiểm hàng hóa XNK	3	3.2	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
60	2117200151	Nguyễn Thị Kim	Thoa	CCQ1720B	52	5.09	226182	Thực tập tốt nghiệp (XNK)	5	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
61	2117200154	Bùi Thị Thu	Thúy	CCQ1720B	75	7.09	226182	Thực tập tốt nghiệp (XNK)	5	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
62	2117200159	Nguyễn Cao	Trí	CCQ1720B	74	5.71	226154	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 1 (QT)	1	VT	
							226182	Thực tập tốt nghiệp (XNK)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
63	2117200160	Đỗ Minh	Trí	CCQ1720B	0	0.00	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3		
							223006	Chính trị 1	3		
							223007	Chính trị 2	3		
							224003	Anh văn 1	3	VT	
							224004	Anh văn 2	3		
							224016	Anh văn 3	3		
							225014	Nguyên lý kế toán	2	VT	
							225087	Nguyên lý thống kê	3	VT	
							226012	Kinh tế vi mô	3		
							226016	Marketing căn bản	2	VT	
							226020	Pháp luật đại cương	2	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
63	2117200160	Đỗ Minh Trí	CCQ1720B	0	0.00	226026	Quản trị học	2	VT	
						226051	Anh văn chuyên ngành xuất nhập khẩu	2	VT	
						226058	Logistics	2		
						226070	Thanh toán quốc tế (QTKD)	3		
						226078	Thuế trong kinh doanh	2		
						226101	Đàm phán trong kinh doanh	2		
						226103	Thủ tục hải quan hàng hóa xuất nhập khẩu	2	VT	
						226154	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 1 (QT)	1	VT	
						226155	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 2 (QT)	1		
						226156	Giao dịch thương mại quốc tế	3		
						226158	Luật kinh doanh quốc tế	2	VT	
						226165	Quản trị chiến lược	3	VT	
						226177	Vận tải bảo hiểm hàng hóa XNK	3	VT	
						226182	Thực tập tốt nghiệp (XNK)	5		
						226184	Khởi tạo doanh nghiệp	2	VT	
						229100	Tin học	2	VT	
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
64	2117200162	Huỳnh Thanh Trước	CCQ1720B	28	3.00	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222034	Toán ứng dụng C	3	0.6	
						223006	Chính trị 1	3	VT	
						223007	Chính trị 2	3	VT	
						225014	Nguyên lý kế toán	2	3.0	
						225087	Nguyên lý thống kê	3	VT	
						226016	Marketing căn bản	2	2.7	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
64	2117200162	Huỳnh Thanh	Trước	CCQ1720B	28	3.00	226051	Anh văn chuyên ngành xuất nhập khẩu	2	4.0	
							226058	Logistics	2	VT	
							226070	Thanh toán quốc tế (QTKD)	3	VT	
							226078	Thuế trong kinh doanh	2	VT	
							226101	Đàm phán trong kinh doanh	2	VT	
							226103	Thủ tục hải quan hàng hóa xuất nhập khẩu	2	VT	
							226155	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 2 (QT)	1	VT	
							226156	Giao dịch thương mại quốc tế	3	VT	
							226158	Luật kinh doanh quốc tế	2	VT	
							226165	Quản trị chiến lược	3	2.6	
							226182	Thực tập tốt nghiệp (XNK)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
65	2117200164	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	CCQ1720B	80	6.42	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
66	2117200166	Lê	Văn	CCQ1720B	75	5.74	226182	Thực tập tốt nghiệp (XNK)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
67	2117200167	Nguyễn Thị Diễm	Viên	CCQ1720B	80	7.04	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
68	2117200170	Lương Thúy	Vy	CCQ1720B	72	6.52	224016	Anh văn 3	3		
							226182	Thực tập tốt nghiệp (XNK)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
69	2117270136	Vũ Thị Ngọc	Nhung	CCQ1720B	84	7.02	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	2 TC (Min)	2
0101 .	222017 Tiếng Việt thực hành B	2
	222024 Xác suất thống kê	2
	226017 Môi trường và con người	2
	226036 Tâm lý học đại cương	2
	229030 Tin học văn phòng	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2
0201 .	226018 Nghệ thuật lãnh đạo	2
	226035 Soạn thảo văn bản	2
	226161 Quản lý sự đa dạng trong môi trường làm việc (QT)	2
	226178 Xây dựng, phân tích mối quan hệ kinh doanh	2
Nhóm TC 03 :	4 TC (Min)	4
0301 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
	234011 Bóng rổ 2	2
	234013 Cầu lông 2	2
	234014 Aerobic 2	2
Nhóm TC 04 :	2 TC (Min)	2
0401 .	226034 Quản trị thương hiệu	2
	226167 Quản trị nhân sự	2
	226168 Quản trị tài chính quốc tế	2
Nhóm TC 05 :	4 TC (Min)	4

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
0502 .		234002 Bóng chuyền 1	2							
		234003 Bóng chuyền 2	2							
0503 .		234006 Bóng đá 1	2							
		234010 Bóng đá 2	2							
0504 .		234007 Bóng rổ 1	2							
		234011 Bóng rổ 2	2							
0505 .		234008 Cầu lông 1	2							
		234013 Cầu lông 2	2							
0506 .		234009 Aerobic 1	2							
		234014 Aerobic 2	2							
Nhóm TC 06 :		2 TC (Min)	2							
0601 .		226031 Quản trị rủi ro	2							
		226041 Tâm lý kinh doanh	2							
		226160 Quan hệ kinh tế quốc tế	2							
Nhóm TC 07 :		5 TC (Min)	5							
0701 .		226057 Khóa luận tốt nghiệp (XNK)	5							
		226074 Thương mại điện tử	3							
		226083 Marketing quốc tế	2							
Nhóm TC 08 :		3 TC (Min)	3							
0801 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
Phòng Quản Lý Đào Tạo
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2017 - Thực phẩm (TN211721)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **90**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2117210003	Đỗ Thị Hồng	Bạch	CCQ1721A	86	6.78	230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5	0.0	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
2	2117210007	Võ Thị	Diệu	CCQ1721A	91	6.71	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
3	2117210013	Võ Thị	Giang	CCQ1721A	52	5.40	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	2.9	
							224003	Anh văn 1	3	2.5	
							224016	Anh văn 3	3		
							229100	Tin học	2		
							230114	Dinh dưỡng thực phẩm	2	4.6	
							230120	Anh văn chuyên ngành (Thực phẩm)	2		
							230121	Quản lý chất lượng thực phẩm	2	4.6	
							230123	Phân tích hóa lý thực phẩm	3	4.6	
							230127	Phụ gia thực phẩm	2	4.0	
							230213	Công nghệ sản xuất đồ uống	2	4.7	
							230221	Hóa sinh học thực phẩm	3	3.3	
							230225	Kỹ thuật thực phẩm	3	4.6	
							230232	Thực hành chế biến bánh, mứt, kẹo, đồ uống	1		
							230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		
							230252	Thiết kế thí nghiệm và xử lý số liệu	2	4.5	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
3	2117210013	Võ Thị	Giang	CCQ1721A	52	5.40	230253	Thực hành hóa sinh học thực phẩm	1	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
4	2117210015	Phan Thị Lệ	Hằng	CCQ1721A	84	6.87	230120	Anh văn chuyên ngành (Thực phẩm)	2	4.6	
							230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
5	2117210020	Hồ Thị Tú	Hường	CCQ1721A	82	6.38	09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							230113	Thực hành vi sinh thực phẩm	1		
							230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
6	2117210023	Huỳnh Thị Thúy	Kiều	CCQ1721A	91	7.60	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
7	2117210027	Đoàn Thị Mỹ	Lệ	CCQ1721A	86	7.32	230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
8	2117210030	Võ Thị Mỹ	Linh	CCQ1721A	77	5.96	09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224016	Anh văn 3	3	4.8	
							230120	Anh văn chuyên ngành (Thực phẩm)	2	4.4	
							230123	Phân tích hóa lý thực phẩm	3	3.8	
							230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
9	2117210041	Đoàn Thị Hồng	Nhi	CCQ1721A	91	6.82	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
10	2117210042	Phan Thị	Nhi	CCQ1721A	86	6.60	230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5	0.0	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
11	2117210050	Nguyễn Ngọc Thục	Quyên	CCQ1721A	79	6.22	230120	Anh văn chuyên ngành (Thực phẩm)	2	2.0	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
11	2117210050	Nguyễn Ngọc Thục	Quyên	CCQ1721A	79	6.22	230121	Quản lý chất lượng thực phẩm	2	VT	
							230123	Phân tích hóa lý thực phẩm	3	2.9	
							230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
12	2117210051	Trần Thị	Sang	CCQ1721A	84	6.40	230120	Anh văn chuyên ngành (Thực phẩm)	2	4.6	
							230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
13	2117210057	Nguyễn Thị Bé	Thi	CCQ1721A	82	6.30	230120	Anh văn chuyên ngành (Thực phẩm)	2	4.7	
							230121	Quản lý chất lượng thực phẩm	2	4.1	
							230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
14	2117210059	Đỗ Thị	Thủy	CCQ1721A	82	6.13	230024	Hóa phân tích	2	4.3	
							230121	Quản lý chất lượng thực phẩm	2	4.7	
							230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5	0.0	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
15	2117210060	Nguyễn Thị	Thúy	CCQ1721A	84	6.07	230120	Anh văn chuyên ngành (Thực phẩm)	2	4.4	
							230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5	0.0	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
16	2117210066	Phan Ngọc	Trúc	CCQ1721A	91	7.29	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
17	2117210069	Lâm Đặng Ánh	Tuyết	CCQ1721A	91	8.18	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
18	2117210075	Lưu Thị Cẩm	Vy	CCQ1721A	84	6.96	230233	Thực hành chế biến các sản phẩm thịt, cá, đồ hộp	2		
							230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
18	2117210075	Lưu Thị Cẩm	Vy	CCQ1721A	84	6.96	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
19	2117210078	Nguyễn Thùy Lan	Anh	CCQ1721B	49	4.83	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224004	Anh văn 2	3		
							224016	Anh văn 3	3		
							230114	Dinh dưỡng thực phẩm	2	VT	
							230115	Vệ sinh an toàn thực phẩm	2	4.0	
							230120	Anh văn chuyên ngành (Thực phẩm)	2	2.7	
							230121	Quản lý chất lượng thực phẩm	2	1.3	
							230123	Phân tích hóa lý thực phẩm	3		
							230124	Thực hành phân tích hóa lý thực phẩm	1		
							230128	Công nghệ chế biến rau quả	2	3.4	
							230130	Công nghệ chế biến thịt và thủy sản	2	4.2	
							230185	Đánh giá cảm quan thực phẩm	2	3.0	
							230233	Thực hành chế biến các sản phẩm thịt, cá, đồ hộp	2		
							230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		
							230252	Thiết kế thí nghiệm và xử lý số liệu	2	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
20	2117210081	Nguyễn Hoài Diệu	Ái	CCQ1721B	68	5.64	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							230120	Anh văn chuyên ngành (Thực phẩm)	2	VT	
							230121	Quản lý chất lượng thực phẩm	2	VT	
							230125	Công nghệ sau thu hoạch	2	VT	
							230128	Công nghệ chế biến rau quả	2	VT	
							230130	Công nghệ chế biến thịt và thủy sản	2	VT	
							230185	Đánh giá cảm quan thực phẩm	2	VT	
							230203	Kiến tập nhà máy	1	0.0	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
20	2117210081	Nguyễn Hoài Diệu	Ái	CCQ1721B	68	5.64	230213	Công nghệ sản xuất đồ uống	2	VT	
							230232	Thực hành chế biến bánh, mứt, kẹo, đồ uống	1		
							230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
21	2117210084	Nguyễn Thị	Dung	CCQ1721B	80	6.40	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							230123	Phân tích hóa lý thực phẩm	3	4.0	
							230232	Thực hành chế biến bánh, mứt, kẹo, đồ uống	1		
							230233	Thực hành chế biến các sản phẩm thịt, cá, đồ hộp	2		
							230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
22	2117210085	Đỗ Thị Mỹ	Duyên	CCQ1721B	81	5.97	222033	Toán ứng dụng A	3	3.9	
							230120	Anh văn chuyên ngành (Thực phẩm)	2	4.1	
							230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
23	2117210086	Dương Triều	Duyên	CCQ1721B	74	5.72	230114	Dinh dưỡng thực phẩm	2	4.4	
							230120	Anh văn chuyên ngành (Thực phẩm)	2	4.3	
							230121	Quản lý chất lượng thực phẩm	2	3.6	
							230123	Phân tích hóa lý thực phẩm	3	3.9	
							230232	Thực hành chế biến bánh, mứt, kẹo, đồ uống	1		
							230233	Thực hành chế biến các sản phẩm thịt, cá, đồ hộp	2		
							230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
24	2117210093	Nguyễn Thanh	Hoài	CCQ1721B	77	6.46	230024	Hóa phân tích	2	4.3	
							230123	Phân tích hóa lý thực phẩm	3	3.8	
							230124	Thực hành phân tích hóa lý thực phẩm	1		
							230202	Chuyên đề "Công nghệ thực phẩm"	1		
							230203	Kiến tập nhà máy	1	0.0	
							230232	Thực hành chế biến bánh, mứt, kẹo, đồ uống	1		
							230233	Thực hành chế biến các sản phẩm thịt, cá, đồ hộp	2		
							230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
25	2117210098	Vi Thị	Hương	CCQ1721B	89	6.70	230121	Quản lý chất lượng thực phẩm	2	3.6	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
26	2117210100	Huỳnh Thị Hương	Lan	CCQ1721B	68	6.65	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223007	Chính trị 2	3		
							230124	Thực hành phân tích hóa lý thực phẩm	1		
							230125	Công nghệ sau thu hoạch	2		
							230202	Chuyên đề "Công nghệ thực phẩm"	1		
							230203	Kiến tập nhà máy	1		
							230232	Thực hành chế biến bánh, mứt, kẹo, đồ uống	1		
							230233	Thực hành chế biến các sản phẩm thịt, cá, đồ hộp	2		
							230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		
							230252	Thiết kế thí nghiệm và xử lý số liệu	2		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
27	2117210102	Đoàn Thị Diệu	Linh	CCQ1721B	84	6.95	230120	Anh văn chuyên ngành (Thực phẩm)	2	4.3	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
27	2117210102	Đoàn Thị Diệu	Linh	CCQ1721B	84	6.95	230233	Thực hành chế biến các sản phẩm thịt, cá, đồ hộp	2		
							230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
28	2117210106	Đinh Thị Thu	Lý	CCQ1721B	81	6.10	230024	Hóa phân tích	2	4.6	
							230123	Phân tích hóa lý thực phẩm	3	4.6	
							230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
29	2117210107	Vương Lệ	Mai	CCQ1721B	91	6.95	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
30	2117210109	Lê Thị Kiều	My	CCQ1721B	83	6.12	230233	Thực hành chế biến các sản phẩm thịt, cá, đồ hộp	2		
							230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5	0.0	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
31	2117210118	Bùi Thị Thảo	Nhi	CCQ1721B	89	6.78	230121	Quản lý chất lượng thực phẩm	2	2.8	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
32	2117210122	Nguyễn Võ Như	Quỳnh	CCQ1721B	84	6.48	230113	Thực hành vi sinh thực phẩm	1	VT	
							230232	Thực hành chế biến bánh, mứt, kẹo, đồ uống	1		
							230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
33	2117210123	Nguyễn Thị	Quỳnh	CCQ1721B	84	6.36	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
34	2117210128	Phạm Xuân	Thanh	CCQ1721B	87	6.80	230120	Anh văn chuyên ngành (Thực phẩm)	2	4.7	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
34	2117210128	Phạm Xuân	Thanh	CCQ1721B	87	6.80	230121	Quản lý chất lượng thực phẩm	2	3.8	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
35	2117210131	Trần Thị Phương	Thảo	CCQ1721B	87	6.47	230063	Kỹ thuật phòng thí nghiệm	2	4.4	
							230120	Anh văn chuyên ngành (Thực phẩm)	2	4.8	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
36	2117210132	Phạm Thị Thanh	Thảo	CCQ1721B	82	6.30	230120	Anh văn chuyên ngành (Thực phẩm)	2	4.5	
							230121	Quản lý chất lượng thực phẩm	2	3.5	
							230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
37	2117210137	Nguyễn Phúc	Toàn	CCQ1721B	80	6.08	09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							230123	Phân tích hóa lý thực phẩm	3	4.3	
							230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
38	2117210138	Đỗ Triệu Kim	Trang	CCQ1721B	59	5.33	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							230024	Hóa phân tích	2	4.3	
							230049	Thực hành hóa phân tích	1	VT	
							230063	Kỹ thuật phòng thí nghiệm	2	3.7	
							230113	Thực hành vi sinh thực phẩm	1	VT	
							230121	Quản lý chất lượng thực phẩm	2	VT	
							230123	Phân tích hóa lý thực phẩm	3	3.2	
							230124	Thực hành phân tích hóa lý thực phẩm	1	VT	
							230125	Công nghệ sau thu hoạch	2	VT	
							230127	Phụ gia thực phẩm	2	VT	
							230213	Công nghệ sản xuất đồ uống	2		
							230221	Hóa sinh học thực phẩm	3	4.7	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
38	2117210138	Đỗ Triệu Kim Trang	CCQ1721B	59	5.33	230233	Thực hành chế biến các sản phẩm thịt, cá, đồ hộp	2		
						230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		
						230252	Thiết kế thí nghiệm và xử lý số liệu	2		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
39	2117210139	Trần Ngọc Thùy Trang	CCQ1721B	85	6.91	230232	Thực hành chế biến bánh, mứt, kẹo, đồ uống	1		
						230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
40	2117210145	Nguyễn Quế Trung	CCQ1721B	40	4.33	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						223006	Chính trị 1	3	0.0	
						223007	Chính trị 2	3		
						224016	Anh văn 3	3	0.0	
						229100	Tin học	2		
						230024	Hóa phân tích	2	2.3	
						230049	Thực hành hóa phân tích	1		
						230114	Dinh dưỡng thực phẩm	2	VT	
						230115	Vệ sinh an toàn thực phẩm	2	0.0	
						230121	Quản lý chất lượng thực phẩm	2	1.3	
						230123	Phân tích hóa lý thực phẩm	3	3.9	
						230124	Thực hành phân tích hóa lý thực phẩm	1		
						230128	Công nghệ chế biến rau quả	2	0.0	
						230185	Đánh giá cảm quan thực phẩm	2	0.0	
						230202	Chuyên đề "Công nghệ thực phẩm"	1		
						230203	Kiến tập nhà máy	1	0.0	
						230213	Công nghệ sản xuất đồ uống	2	2.8	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
40	2117210145	Nguyễn Quế	Trung	CCQ1721B	40	4.33	230233	Thực hành chế biến các sản phẩm thịt, cá, đồ hộp	2		
							230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		
							230252	Thiết kế thí nghiệm và xử lý số liệu	2	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
41	2117210146	Huỳnh Nhật	Trường	CCQ1721B	61	5.61	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	2.5	
							230024	Hóa phân tích	2	3.8	
							230123	Phân tích hóa lý thực phẩm	3	4.6	
							230127	Phụ gia thực phẩm	2	3.9	
							230221	Hóa sinh học thực phẩm	3	4.6	
							230225	Kỹ thuật thực phẩm	3	3.9	
							230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		
							230252	Thiết kế thí nghiệm và xử lý số liệu	2	3.9	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
42	2117210153	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	CCQ1721B	81	6.61	230120	Anh văn chuyên ngành (Thực phẩm)	2	4.7	
							230121	Quản lý chất lượng thực phẩm	2	4.7	
							230232	Thực hành chế biến bánh, mứt, kẹo, đồ uống	1		
							230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
43	2117210155	Nguyễn Thị Hải	Yến	CCQ1721B	77	6.11	224003	Anh văn 1	3	3.7	
							230024	Hóa phân tích	2	3.7	
							230123	Phân tích hóa lý thực phẩm	3	4.0	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
43	2117210155	Nguyễn Thị Hải	Yến	CCQ1721B	77	6.11	230232	Thực hành chế biến bánh, mứt, kẹo, đồ uống	1		
							230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
44	2117210161	Dương Thị Thu	Hà	CCQ1721C	86	6.85	230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
45	2117210162	Hàn Văn	Hà	CCQ1721C	62	5.65	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224003	Anh văn 1	3	4.9	
							230049	Thực hành hóa phân tích	1	4.3	
							230114	Dinh dưỡng thực phẩm	2	4.5	
							230121	Quản lý chất lượng thực phẩm	2		
							230123	Phân tích hóa lý thực phẩm	3		
							230124	Thực hành phân tích hóa lý thực phẩm	1		
							230127	Phụ gia thực phẩm	2	3.1	
							230133	Công nghệ chế biến đường, bánh, kẹo	2	4.5	
							230233	Thực hành chế biến các sản phẩm thịt, cá, đồ hộp	2		
							230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		
							230253	Thực hành hóa sinh học thực phẩm	1	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
46	2117210163	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	CCQ1721C	86	7.02	230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
47	2117210164	Trần Thị Hồng	Hạnh	CCQ1721C	86	6.89	230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
48	2117210168	Đỗ Thị Ngọc	Hiền	CCQ1721C	86	6.70	230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
49	2117210172	Trần Thị Kim	Hồng	CCQ1721C	81	6.24	222033	Toán ứng dụng A	3	3.4	
							230121	Quản lý chất lượng thực phẩm	2	4.8	
							230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
50	2117210173	Đỗ Thị	Hồng	CCQ1721C	42	4.22	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	VT	
							230114	Dinh dưỡng thực phẩm	2	2.2	
							230115	Vệ sinh an toàn thực phẩm	2	4.2	
							230120	Anh văn chuyên ngành (Thực phẩm)	2		
							230121	Quản lý chất lượng thực phẩm	2		
							230123	Phân tích hóa lý thực phẩm	3		
							230124	Thực hành phân tích hóa lý thực phẩm	1	VT	
							230127	Phụ gia thực phẩm	2	VT	
							230128	Công nghệ chế biến rau quả	2	VT	
							230130	Công nghệ chế biến thịt và thủy sản	2	VT	
							230202	Chuyên đề "Công nghệ thực phẩm"	1	VT	
							230203	Kiến tập nhà máy	1		
							230213	Công nghệ sản xuất đồ uống	2	VT	
							230225	Kỹ thuật thực phẩm	3	VT	
							230232	Thực hành chế biến bánh, mứt, kẹo, đồ uống	1		
							230233	Thực hành chế biến các sản phẩm thịt, cá, đồ hộp	2		
							230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
50	2117210173	Đỗ Thị	Hồng	CCQ1721C	42	4.22	230252	Thiết kế thí nghiệm và xử lý số liệu	2	VT	
							230253	Thực hành hóa sinh học thực phẩm	1	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
51	2117210174	Bùi Thị Lệ	Huyền	CCQ1721C	84	6.34	230120	Anh văn chuyên ngành (Thực phẩm)	2	4.4	
							230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
52	2117210175	Võ Trần Thanh	Hương	CCQ1721C	67	5.64	222033	Toán ứng dụng A	3	3.5	
							230120	Anh văn chuyên ngành (Thực phẩm)	2	3.8	
							230121	Quản lý chất lượng thực phẩm	2	4.2	
							230123	Phân tích hóa lý thực phẩm	3	4.4	
							230124	Thực hành phân tích hóa lý thực phẩm	1	VT	
							230225	Kỹ thuật thực phẩm	3	4.3	
							230232	Thực hành chế biến bánh, mứt, kẹo, đồ uống	1		
							230233	Thực hành chế biến các sản phẩm thịt, cá, đồ hộp	2		
							230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		
							230253	Thực hành hóa sinh học thực phẩm	1	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
53	2117210177	Trầm Thanh	Khiết	CCQ1721C	78	6.86	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							230121	Quản lý chất lượng thực phẩm	2	4.4	
							230202	Chuyên đề "Công nghệ thực phẩm"	1		
							230203	Kiến tập nhà máy	1		
							230233	Thực hành chế biến các sản phẩm thịt, cá, đồ hộp	2		
							230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
53	2117210177	Trầm Thanh	Khiết	CCQ1721C	78	6.86	R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
54	2117210178	Dương Thị Mỹ	Kiều	CCQ1721C	86	6.31	230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
55	2117210179	Đào Thị	Kiều	CCQ1721C	86	6.68	230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
56	2117210181	Trần Xuân	Lâm	CCQ1721C	81	6.23	230024	Hóa phân tích	2	VT	
							230233	Thực hành chế biến các sản phẩm thịt, cá, đồ hộp	2		
							230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		
							230253	Thực hành hóa sinh học thực phẩm	1	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
57	2117210184	Nguyễn Thị	Mến	CCQ1721C	91	6.39	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
58	2117210185	Nguyễn Thị Trà	My	CCQ1721C	79	6.11	09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							230024	Hóa phân tích	2	3.7	
							230121	Quản lý chất lượng thực phẩm	2	4.5	
							230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
59	2117210188	Mai Thị Kim	Ngân	CCQ1721C	82	6.13	230120	Anh văn chuyên ngành (Thực phẩm)	2	3.9	
							230233	Thực hành chế biến các sản phẩm thịt, cá, đồ hộp	2		
							230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
60	2117210189	Nguyễn Thị Kim	Ngân	CCQ1721C	84	7.10	230233	Thực hành chế biến các sản phẩm thịt, cá, đồ hộp	2		
							230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
60	2117210189	Nguyễn Thị Kim	Ngân	CCQ1721C	84	7.10	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
61	2117210190	Phan Thị Quỳnh	Ngân	CCQ1721C	90	7.11	230203	Kiến tập nhà máy	1	0.0	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
62	2117210193	Huỳnh Thị Bích	Nhi	CCQ1721C	91	6.36	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
63	2117210195	Nguyễn Thị Cẩm	Nhường	CCQ1721C	84	7.50	230233	Thực hành chế biến các sản phẩm thịt, cá, đồ hộp	2		
							230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
64	2117210197	Nguyễn Hồng	Phong	CCQ1721C	85	6.86	230203	Kiến tập nhà máy	1	VT	
							230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
65	2117210199	Lê Thanh	Phương	CCQ1721C	79	6.19	230120	Anh văn chuyên ngành (Thực phẩm)	2	4.8	
							230121	Quản lý chất lượng thực phẩm	2	4.1	
							230123	Phân tích hóa lý thực phẩm	3	4.7	
							230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
66	2117210200	Cao Thị	Phương	CCQ1721C	91	6.73	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
67	2117210201	Nguyễn Trung	Quân	CCQ1721C	25	3.85	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	4.6	
							223006	Chính trị 1	3	3.5	
							224003	Anh văn 1	3	4.8	
							224004	Anh văn 2	3	3.1	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
67	2117210201	Nguyễn Trung Quân	CCQ1721C	25	3.85	224016	Anh văn 3	3	VT	
						230024	Hóa phân tích	2	3.9	
						230049	Thực hành hóa phân tích	1	3.5	
						230063	Kỹ thuật phòng thí nghiệm	2	3.5	
						230112	Vi sinh thực phẩm	2	3.4	
						230114	Dinh dưỡng thực phẩm	2		
						230115	Vệ sinh an toàn thực phẩm	2	4.4	
						230120	Anh văn chuyên ngành (Thực phẩm)	2		
						230121	Quản lý chất lượng thực phẩm	2		
						230123	Phân tích hóa lý thực phẩm	3		
						230124	Thực hành phân tích hóa lý thực phẩm	1	VT	
						230127	Phụ gia thực phẩm	2	3.8	
						230130	Công nghệ chế biến thịt và thủy sản	2		
						230185	Đánh giá cảm quan thực phẩm	2	1.7	
						230202	Chuyên đề "Công nghệ thực phẩm"	1		
						230203	Kiến tập nhà máy	1		
						230221	Hóa sinh học thực phẩm	3	4.7	
						230225	Kỹ thuật thực phẩm	3	3.6	
						230233	Thực hành chế biến các sản phẩm thịt, cá, đồ hộp	2	VT	
						230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		
						230252	Thiết kế thí nghiệm và xử lý số liệu	2	VT	
						230253	Thực hành hóa sinh học thực phẩm	1		
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
68	2117210208	Ngô Đức Thắng	CCQ1721C	81	6.15	09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						230120	Anh văn chuyên ngành (Thực phẩm)	2	4.6	
						230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
68	2117210208	Ngô Đức	Thắng	CCQ1721C	81	6.15	R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
69	2117210209	Mai Thị	Thi	CCQ1721C	86	6.85	230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
70	2117210210	Lý Nhật	Thiên	CCQ1721C	56	5.71	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224004	Anh văn 2	3		
							230114	Dinh dưỡng thực phẩm	2	3.9	
							230115	Vệ sinh an toàn thực phẩm	2		
							230120	Anh văn chuyên ngành (Thực phẩm)	2	3.5	
							230121	Quản lý chất lượng thực phẩm	2	3.4	
							230123	Phân tích hóa lý thực phẩm	3	3.5	
							230130	Công nghệ chế biến thịt và thủy sản	2		
							230185	Đánh giá cảm quan thực phẩm	2		
							230213	Công nghệ sản xuất đồ uống	2	4.8	
							230225	Kỹ thuật thực phẩm	3	4.3	
							230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		
							230252	Thiết kế thí nghiệm và xử lý số liệu	2	4.8	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
71	2117210213	Đặng Thị Thanh	Thúy	CCQ1721C	84	6.47	230120	Anh văn chuyên ngành (Thực phẩm)	2	3.5	
							230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
72	2117210215	Lê Hoàng Anh	Thư	CCQ1721C	71	6.12	223007	Chính trị 2	3		
							230024	Hóa phân tích	2	4.3	
							230063	Kỹ thuật phòng thí nghiệm	2	3.6	
							230120	Anh văn chuyên ngành (Thực phẩm)	2	4.3	
							230130	Công nghệ chế biến thịt và thủy sản	2	4.5	
							230213	Công nghệ sản xuất đồ uống	2		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
72	2117210215	Lê Hoàng Anh	Thư	CCQ1721C	71	6.12	230233	Thực hành chế biến các sản phẩm thịt, cá, đồ hộp	2		
							230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
73	2117210220	Nguyễn Huỳnh Thùy	Trang	CCQ1721C	64	5.55	09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224003	Anh văn 1	3	4.7	
							230120	Anh văn chuyên ngành (Thực phẩm)	2	3.3	
							230121	Quản lý chất lượng thực phẩm	2	3.2	
							230123	Phân tích hóa lý thực phẩm	3	2.9	
							230124	Thực hành phân tích hóa lý thực phẩm	1		
							230203	Kiến tập nhà máy	1	0.0	
							230213	Công nghệ sản xuất đồ uống	2	4.4	
							230225	Kỹ thuật thực phẩm	3	3.6	
							230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		
							230252	Thiết kế thí nghiệm và xử lý số liệu	2	4.3	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
74	2117210222	Trần Thị	Trâm	CCQ1721C	87	6.76	230203	Kiến tập nhà máy	1	0.0	
							230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
75	2117210223	Lương Tuyết	Trân	CCQ1721C	86	6.28	230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
76	2117210227	Huỳnh Thị Phương	Trinh	CCQ1721C	81	6.22	230024	Hóa phân tích	2	4.3	
							230114	Dinh dưỡng thực phẩm	2	4.8	
							230124	Thực hành phân tích hóa lý thực phẩm	1	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
76	2117210227	Huỳnh Thị Phương Trinh	CCQ1721C	81	6.22	230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
77	2117210228	Nguyễn Võ Hải Trình	CCQ1721C	38	4.31	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222033	Toán ứng dụng A	3	4.7	
						223007	Chính trị 2	3		
						224004	Anh văn 2	3		
						224016	Anh văn 3	3		
						229100	Tin học	2	VT	
						230024	Hóa phân tích	2	4.4	
						230049	Thực hành hóa phân tích	1	VT	
						230114	Dinh dưỡng thực phẩm	2	VT	
						230115	Vệ sinh an toàn thực phẩm	2		
						230120	Anh văn chuyên ngành (Thực phẩm)	2	4.5	
						230121	Quản lý chất lượng thực phẩm	2	4.6	
						230123	Phân tích hóa lý thực phẩm	3	VT	
						230124	Thực hành phân tích hóa lý thực phẩm	1	VT	
						230127	Phụ gia thực phẩm	2	VT	
						230202	Chuyên đề "Công nghệ thực phẩm"	1		
						230225	Kỹ thuật thực phẩm	3	VT	
						230232	Thực hành chế biến bánh, mứt, kẹo, đồ uống	1		
						230233	Thực hành chế biến các sản phẩm thịt, cá, đồ hộp	2		
						230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		
						230252	Thiết kế thí nghiệm và xử lý số liệu	2	VT	
						230253	Thực hành hóa sinh học thực phẩm	1		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
78	2117210232	Đinh Thị Kim Yến	CCQ1721C	74	6.21	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						230120	Anh văn chuyên ngành (Thực phẩm)	2	4.4	
						230123	Phân tích hóa lý thực phẩm	3		
						230185	Đánh giá cảm quan thực phẩm	2	4.7	
						230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
79	2117210234	Bùi Lan Anh	CCQ1721D	86	7.15	230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
80	2117210235	Huỳnh Đặng Vân Anh	CCQ1721D	28	4.01	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222033	Toán ứng dụng A	3	4.5	
						223007	Chính trị 2	3	4.2	
						224004	Anh văn 2	3	VT	
						224016	Anh văn 3	3		
						230024	Hóa phân tích	2	3.2	
						230063	Kỹ thuật phòng thí nghiệm	2	3.1	
						230114	Dinh dưỡng thực phẩm	2	1.4	
						230115	Vệ sinh an toàn thực phẩm	2		
						230120	Anh văn chuyên ngành (Thực phẩm)	2	VT	
						230121	Quản lý chất lượng thực phẩm	2	1.0	
						230123	Phân tích hóa lý thực phẩm	3		
						230124	Thực hành phân tích hóa lý thực phẩm	1		
						230125	Công nghệ sau thu hoạch	2	4.2	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
80	2117210235	Huỳnh Đặng Vân Anh	CCQ1721D	28	4.01	230128	Công nghệ chế biến rau quả	2	2.7	
						230130	Công nghệ chế biến thịt và thủy sản	2	3.6	
						230133	Công nghệ chế biến đường, bánh, kẹo	2	4.7	
						230185	Đánh giá cảm quan thực phẩm	2	3.3	
						230221	Hóa sinh học thực phẩm	3	4.4	
						230225	Kỹ thuật thực phẩm	3	2.8	
						230233	Thực hành chế biến các sản phẩm thịt, cá, đồ hộp	2		
						230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		
						230252	Thiết kế thí nghiệm và xử lý số liệu	2	VT	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
81	2117210236	Đỗ Ngọc Ân	CCQ1721D	70	6.18	08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						230024	Hóa phân tích	2	4.5	
						230049	Thực hành hóa phân tích	1	VT	
						230113	Thực hành vi sinh thực phẩm	1	VT	
						230114	Dinh dưỡng thực phẩm	2	VT	
						230123	Phân tích hóa lý thực phẩm	3	4.0	
						230225	Kỹ thuật thực phẩm	3	3.6	
						230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		
						230253	Thực hành hóa sinh học thực phẩm	1	VT	
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
82	2117210239	Nguyễn Thị Hồng Diệu	CCQ1721D	82	6.14	230121	Quản lý chất lượng thực phẩm	2		
						230233	Thực hành chế biến các sản phẩm thịt, cá, đồ hộp	2		
						230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
83	2117210242	Nguyễn Ngọc Hương	Giang	CCQ1721D	86	6.55	230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
84	2117210246	Trần Lê	Hào	CCQ1721D	83	5.42	230123	Phân tích hóa lý thực phẩm	3	4.6	
							230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5	0.0	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
85	2117210247	Trần Thị Mỹ	Hảo	CCQ1721D	81	6.20	230063	Kỹ thuật phòng thí nghiệm	2	2.4	
							230225	Kỹ thuật thực phẩm	3	4.4	
							230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
86	2117210249	Huỳnh Thị	Hậu	CCQ1721D	86	6.53	230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
87	2117210250	Nguyễn Hoàng	Hiệp	CCQ1721D	91	7.08	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
88	2117210254	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	CCQ1721D	64	5.56	230024	Hóa phân tích	2	3.4	
							230063	Kỹ thuật phòng thí nghiệm	2	4.2	
							230113	Thực hành vi sinh thực phẩm	1	VT	
							230120	Anh văn chuyên ngành (Thực phẩm)	2	4.6	
							230121	Quản lý chất lượng thực phẩm	2	3.4	
							230123	Phân tích hóa lý thực phẩm	3		
							230124	Thực hành phân tích hóa lý thực phẩm	1		
							230221	Hóa sinh học thực phẩm	3	4.5	
							230225	Kỹ thuật thực phẩm	3	3.7	
							230232	Thực hành chế biến bánh, mứt, kẹo, đồ uống	1		
							230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
88	2117210254	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	CCQ1721D	64	5.56	230252	Thiết kế thí nghiệm và xử lý số liệu	2	3.9	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
89	2117210256	Võ Thị Thu	Hương	CCQ1721D	91	6.70	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
90	2117210259	Huỳnh Thị	Lành	CCQ1721D	59	4.87	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224016	Anh văn 3	3	VT	
							229100	Tin học	2	2.7	
							230114	Dinh dưỡng thực phẩm	2	VT	
							230120	Anh văn chuyên ngành (Thực phẩm)	2	VT	
							230123	Phân tích hóa lý thực phẩm	3	VT	
							230124	Thực hành phân tích hóa lý thực phẩm	1	VT	
							230130	Công nghệ chế biến thịt và thủy sản	2	VT	
							230185	Đánh giá cảm quan thực phẩm	2	VT	
							230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		
							230252	Thiết kế thí nghiệm và xử lý số liệu	2	VT	
							230253	Thực hành hóa sinh học thực phẩm	1	4.6	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
91	2117210260	Lư Xuân	Liêm	CCQ1721D	83	6.15	230232	Thực hành chế biến bánh, mứt, kẹo, đồ uống	1		
							230233	Thực hành chế biến các sản phẩm thịt, cá, đồ hộp	2		
							230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
92	2117210262	Lê Thị Phương	Linh	CCQ1721D	91	7.18	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
92	2117210262	Lê Thị Phương	Linh	CCQ1721D	91	7.18	R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
93	2117210265	Nguyễn Tân	Lý	CCQ1721D	37	4.22	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	2.2	
							223006	Chính trị 1	3	VT	
							223007	Chính trị 2	3	3.8	
							224003	Anh văn 1	3	VT	
							224004	Anh văn 2	3	VT	
							230063	Kỹ thuật phòng thí nghiệm	2	1.0	
							230112	Vi sinh thực phẩm	2	4.2	
							230114	Dinh dưỡng thực phẩm	2	4.7	
							230120	Anh văn chuyên ngành (Thực phẩm)	2	2.1	
							230121	Quản lý chất lượng thực phẩm	2	4.4	
							230123	Phân tích hóa lý thực phẩm	3		
							230124	Thực hành phân tích hóa lý thực phẩm	1		
							230125	Công nghệ sau thu hoạch	2	4.3	
							230128	Công nghệ chế biến rau quả	2	4.6	
							230213	Công nghệ sản xuất đồ uống	2	3.1	
							230225	Kỹ thuật thực phẩm	3	4.5	
							230232	Thực hành chế biến bánh, mứt, kẹo, đồ uống	1		
							230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		
							230252	Thiết kế thí nghiệm và xử lý số liệu	2	3.6	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
94	2117210268	Nguyễn Thị Kim	Ngân	CCQ1721D	79	6.28	230121	Quản lý chất lượng thực phẩm	2	4.7	
							230221	Hóa sinh học thực phẩm	3	4.7	
							230233	Thực hành chế biến các sản phẩm thịt, cá, đồ hộp	2		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
94	2117210268	Nguyễn Thị Kim	Ngân	CCQ1721D	79	6.28	230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
95	2117210272	Đào Thị Tuyết	Nhung	CCQ1721D	86	6.91	230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5	0.0	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
96	2117210273	Phạm Thị Tuyết	Nhung	CCQ1721D	82	6.51	09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							230232	Thực hành chế biến bánh, mứt, kẹo, đồ uống	1		
							230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
97	2117210276	Đặng Thị	Phụng	CCQ1721D	84	6.19	230120	Anh văn chuyên ngành (Thực phẩm)	2	4.1	
							230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
98	2117210278	Nguyễn Hoàng	Sang	CCQ1721D	84	6.52	230233	Thực hành chế biến các sản phẩm thịt, cá, đồ hộp	2		
							230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5	0.0	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
99	2117210280	Nguyễn Hoài	Tân	CCQ1721D	88	6.57	230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
100	2117210281	Đặng Thị Cẩm	Thanh	CCQ1721D	67	5.94	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223007	Chính trị 2	3	2.1	
							230120	Anh văn chuyên ngành (Thực phẩm)	2	0.0	
							230121	Quản lý chất lượng thực phẩm	2	4.4	
							230123	Phân tích hóa lý thực phẩm	3	4.8	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
100	2117210281	Đặng Thị Cẩm	Thanh	CCQ1721D	67	5.94	230124	Thực hành phân tích hóa lý thực phẩm	1		
							230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
101	2117210282	Trần Thị	Thảo	CCQ1721D	84	6.26	230120	Anh văn chuyên ngành (Thực phẩm)	2	3.5	
							230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
102	2117210283	Lê Thị Thu	Thảo	CCQ1721D	68	6.16	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223007	Chính trị 2	3	4.7	
							230024	Hóa phân tích	2	3.6	
							230063	Kỹ thuật phòng thí nghiệm	2	4.2	
							230128	Công nghệ chế biến rau quả	2	3.2	
							230203	Kiến tập nhà máy	1	0.0	
							230232	Thực hành chế biến bánh, mứt, kẹo, đồ uống	1		
							230233	Thực hành chế biến các sản phẩm thịt, cá, đồ hộp	2		
							230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
103	2117210288	Võ Ánh	Thủy	CCQ1721D	84	6.15	230233	Thực hành chế biến các sản phẩm thịt, cá, đồ hộp	2		
							230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5	0.0	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
104	2117210292	Huỳnh Thị Anh	Thư	CCQ1721D	86	6.87	230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
105	2117210293	Ngô Thị Anh	Thư	CCQ1721D	77	6.21	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
105	2117210293	Ngô Thị Anh	Thư	CCQ1721D	77	6.21	09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							230114	Dinh dưỡng thực phẩm	2	4.6	
							230120	Anh văn chuyên ngành (Thực phẩm)	2	4.0	
							230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
106	2117210297	Lê Thị Nha	Trang	CCQ1721D	75	5.95	09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							230114	Dinh dưỡng thực phẩm	2	4.8	
							230120	Anh văn chuyên ngành (Thực phẩm)	2	4.0	
							230124	Thực hành phân tích hóa lý thực phẩm	1	VT	
							230203	Kiến tập nhà máy	1	0.0	
							230233	Thực hành chế biến các sản phẩm thịt, cá, đồ hộp	2		
							230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
107	2117210300	Lê Thị Thu	Trang	CCQ1721D	81	6.22	230120	Anh văn chuyên ngành (Thực phẩm)	2	3.4	
							230225	Kỹ thuật thực phẩm	3	4.7	
							230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
108	2117210301	Lê Thị Thùy	Trang	CCQ1721D	81	6.36	09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							230120	Anh văn chuyên ngành (Thực phẩm)	2	4.5	
							230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
109	2117210305	Dương Thị Thanh	Trúc	CCQ1721D	86	7.10	230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
110	2117210306	Phạm Ngọc Tú	CCQ1721D	82	6.09	230121	Quản lý chất lượng thực phẩm	2	3.8	
						230127	Phụ gia thực phẩm	2	4.0	
						230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
111	2117210307	Nguyễn Thị Bích Tuyền	CCQ1721D	84	6.19	230024	Hóa phân tích	2	4.7	
						230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5	0.0	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
112	2117210314	Lê Thị Tường Vy	CCQ1721D	84	6.02	230120	Anh văn chuyên ngành (Thực phẩm)	2	4.4	
						230249	Thực tập tốt nghiệp (Thực phẩm)	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	4 TC (Min)	4
0101 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
	234011 Bóng rổ 2	2
	234013 Cầu lông 2	2
	234014 Aerobic 2	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2
0201 .	222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2
	222017 Tiếng Việt thực hành B	2
	226035 Soạn thảo văn bản	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
Nhóm TC 03 :		4 TC (Min)	4							
0302 .		234002 Bóng chuyền 1	2							
		234003 Bóng chuyền 2	2							
0303 .		234006 Bóng đá 1	2							
		234010 Bóng đá 2	2							
0304 .		234007 Bóng rổ 1	2							
		234011 Bóng rổ 2	2							
0305 .		234008 Cầu lông 1	2							
		234013 Cầu lông 2	2							
0306 .		234009 Aerobic 1	2							
		234014 Aerobic 2	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		226017 Môi trường và con người	2							
		229030 Tin học văn phòng	2							
Nhóm TC 05 :		2 TC (Min)	2							
0501 .		230126 Kỹ thuật bao bì thực phẩm	2							
		230136 Thực phẩm chức năng	2							
		230137 Công nghệ chế biến dầu mỡ	2							
Nhóm TC 06 :		2 TC (Min)	2							
0601 .		230004 Công nghệ lên men	2							
		230131 Công nghệ chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	2							
		230132 Công nghệ chế biến chè, cà phê, ca cao	2							
Nhóm TC 07 :		5 TC (Min)	5							
0701 .		230139 Đồ án tốt nghiệp (Thực phẩm)	5							
		230204 Chuyên đề 2: Phát triển sản phẩm	3							
		230207 Chuyên đề 1: Thực tập CNCBTP	2							
Nhóm TC 08 :		3 TC (Min)	3							
0801 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							
Nhóm TC 09 :		2 TC (Min)	2							
0901 .		230023 Hóa lý	3							
		230251 Hóa cơ sở	2							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
Phòng Quản Lý Đào Tạo
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2017 - Mạng máy tính (TN211722)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **90**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2117110190	Đoàn Thị Thanh	Thảo	CCQ1722A	74	6.41	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							229109	Lý thuyết đồ thị	2	4.6	
							229115	Thực tập tốt nghiệp (Mạng máy tính)	5		
							229120	Thiết kế mạng máy tính	2		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
2	2117110192	Trần Minh	Thắng	CCQ1722A	69	5.97	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							229072	An ninh mạng	3	3.9	
							229109	Lý thuyết đồ thị	2	4.7	
							229113	Thiết kế Web	2		
							229115	Thực tập tốt nghiệp (Mạng máy tính)	5		
							229120	Thiết kế mạng máy tính	2		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
3	2117110207	Phan Thanh	Tùng	CCQ1722A	75	6.48	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							229090	Chuyên đề thực tập 1	1	VT	
							229115	Thực tập tốt nghiệp (Mạng máy tính)	5		
							229120	Thiết kế mạng máy tính	2		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
4	2117110211	Lê Phan Thế	Bảo	CCQ1722A	25	2.84	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
4	2117110211	Lê Phan Thế Bảo	CCQ1722A	25	2.84	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222003	Đại số tuyến tính	2	2.6	
						224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3	0.0	
						224016	Anh văn 3	3	0.0	
						229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	VT	
						229005	Kiến trúc máy tính	2	VT	
						229008	Cơ sở dữ liệu	3	2.6	
						229014	Hệ điều hành	2	0.0	
						229022	Mạng máy tính	2	VT	
						229038	Nhập môn lập trình	3	VT	
						229072	An ninh mạng	3		
						229082	Đồ án chuyên ngành (Mạng máy tính)	1		
						229087	Thiết bị hạ tầng mạng (CCNA 1)	3		
						229090	Chuyên đề thực tập 1	1		
						229097	Hệ điều hành Linux	2		
						229104	Kỹ thuật lập trình	2	VT	
						229109	Lý thuyết đồ thị	2	VT	
						229110	Quản trị mạng	3		
						229112	Quản trị mạng nâng cao	3		
						229113	Thiết kế Web	2	VT	
						229115	Thực tập tốt nghiệp (Mạng máy tính)	5		
						229116	Truyền dữ liệu	3	VT	
						229120	Thiết kế mạng máy tính	2		
						229121	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Tin)	1	VT	
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5	VT	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
5	2117220002	Nguyễn Ngọc Bảo	CCQ1722A	71	5.80	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	4.4	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
5	2117220002	Nguyễn Ngọc	Bảo	CCQ1722A	71	5.80	229038	Nhập môn lập trình	3	4.2	
							229104	Kỹ thuật lập trình	2	3.1	
							229109	Lý thuyết đồ thị	2		
							229115	Thực tập tốt nghiệp (Mạng máy tính)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
6	2117220003	Nguyễn Minh	Bình	CCQ1722A	85	5.87	229072	An ninh mạng	3	4.3	
							229109	Lý thuyết đồ thị	2		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
7	2117220011	Trần Hồng	Đức	CCQ1722A	88	6.19	229120	Thiết kế mạng máy tính	2	4.7	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
8	2117220012	Tô Văn	Hải	CCQ1722A	24	3.59	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222003	Đại số tuyến tính	2	2.8	
							222033	Toán ứng dụng A	3	3.9	
							223006	Chính trị 1	3	4.7	
							224003	Anh văn 1	3	4.3	
							224004	Anh văn 2	3	4.5	
							224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3		
							229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3		
							229008	Cơ sở dữ liệu	3	2.0	
							229014	Hệ điều hành	2	0.1	
							229038	Nhập môn lập trình	3	3.7	
							229082	Đồ án chuyên ngành (Mạng máy tính)	1		
							229086	Cấu trúc rời rạc	2	2.3	
							229087	Thiết bị hạ tầng mạng (CCNA 1)	3	2.2	
							229090	Chuyên đề thực tập 1	1	3.0	
							229100	Tin học	2	4.4	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
8	2117220012	Tô Văn Hải	CCQ1722A	24	3.59	229104	Kỹ thuật lập trình	2	1.7	
						229109	Lý thuyết đồ thị	2		
						229110	Quản trị mạng	3		
						229112	Quản trị mạng nâng cao	3		
						229115	Thực tập tốt nghiệp (Mạng máy tính)	5		
						229116	Truyền dữ liệu	3		
						229120	Thiết kế mạng máy tính	2	VT	
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
9	2117220013	Bùi Phước Hậu	CCQ1722A	69	6.05	222033	Toán ứng dụng A	3	2.9	
						229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	VT	
						229008	Cơ sở dữ liệu	3	4.2	
						229014	Hệ điều hành	2	VT	
						229097	Hệ điều hành Linux	2	VT	
						229110	Quản trị mạng	3		
						229115	Thực tập tốt nghiệp (Mạng máy tính)	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
10	2117220014	Nguyễn Văn Hậu	CCQ1722A	30	3.78	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222033	Toán ứng dụng A	3	2.4	
						223007	Chính trị 2	3	4.9	
						224004	Anh văn 2	3		
						224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3		
						224016	Anh văn 3	3		
						226020	Pháp luật đại cương	2		
						229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	VT	
						229014	Hệ điều hành	2		
						229022	Mạng máy tính	2	2.4	
						229038	Nhập môn lập trình	3	4.2	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
10	2117220014	Nguyễn Văn	Hậu	CCQ1722A	30	3.78	229082	Đồ án chuyên ngành (Mạng máy tính)	1		
							229087	Thiết bị hạ tầng mạng (CCNA 1)	3	2.2	
							229104	Kỹ thuật lập trình	2	VT	
							229109	Lý thuyết đồ thị	2		
							229110	Quản trị mạng	3		
							229112	Quản trị mạng nâng cao	3	2.8	
							229115	Thực tập tốt nghiệp (Mạng máy tính)	5		
							229116	Truyền dữ liệu	3		
							229120	Thiết kế mạng máy tính	2	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
11	2117220016	Tạ Ngọc	Huy	CCQ1722A	90	6.26	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
12	2117220020	Nguyễn Hữu	Lộc	CCQ1722A	36	4.08	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224004	Anh văn 2	3		
							224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3		
							224016	Anh văn 3	3		
							229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3		
							229072	An ninh mạng	3	VT	
							229082	Đồ án chuyên ngành (Mạng máy tính)	1	VT	
							229087	Thiết bị hạ tầng mạng (CCNA 1)	3		
							229090	Chuyên đề thực tập 1	1		
							229097	Hệ điều hành Linux	2	VT	
							229104	Kỹ thuật lập trình	2		
							229109	Lý thuyết đồ thị	2	VT	
							229110	Quản trị mạng	3	VT	
							229112	Quản trị mạng nâng cao	3	VT	
							229113	Thiết kế Web	2	3.8	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
12	2117220020	Nguyễn Hữu	Lộc	CCQ1722A	36	4.08	229115	Thực tập tốt nghiệp (Mạng máy tính)	5		
							229116	Truyền dữ liệu	3	VT	
							229120	Thiết kế mạng máy tính	2		
							229121	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Tin)	1	2.0	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
13	2117220021	Nguyễn Thế	Mạnh	CCQ1722A	56	5.46	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222003	Đại số tuyến tính	2	0.0	
							223006	Chính trị 1	3	3.1	
							224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3		
							229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3		
							229008	Cơ sở dữ liệu	3	3.3	
							229014	Hệ điều hành	2	0.0	
							229038	Nhập môn lập trình	3	3.7	
							229082	Đồ án chuyên ngành (Mạng máy tính)	1	VT	
							229104	Kỹ thuật lập trình	2	VT	
							229109	Lý thuyết đồ thị	2	4.7	
							229115	Thực tập tốt nghiệp (Mạng máy tính)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
14	2117220022	Đỗ Thị Mỹ	Nga	CCQ1722A	85	6.67	229115	Thực tập tốt nghiệp (Mạng máy tính)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
15	2117220030	Trương Thị Liên	Phương	CCQ1722A	45	5.48	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224016	Anh văn 3	3		
							229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3		
							229014	Hệ điều hành	2	VT	
							229038	Nhập môn lập trình	3	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
15	2117220030	Trương Thị Liên Phương	CCQ1722A	45	5.48	229082	Đồ án chuyên ngành (Mạng máy tính)	1		
						229087	Thiết bị hạ tầng mạng (CCNA 1)	3	4.2	
						229090	Chuyên đề thực tập 1	1		
						229097	Hệ điều hành Linux	2		
						229100	Tin học	2	VT	
						229109	Lý thuyết đồ thị	2		
						229112	Quản trị mạng nâng cao	3		
						229115	Thực tập tốt nghiệp (Mạng máy tính)	5		
						229116	Truyền dữ liệu	3	4.7	
						229120	Thiết kế mạng máy tính	2		
						229121	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Tin)	1	VT	
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
16	2117220033	Đặng Hữu Thành	CCQ1722A	38	3.91	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222003	Đại số tuyến tính	2	3.5	
						223007	Chính trị 2	3		
						224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3		
						224016	Anh văn 3	3	VT	
						226020	Pháp luật đại cương	2	VT	
						229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	VT	
						229008	Cơ sở dữ liệu	3	3.5	
						229014	Hệ điều hành	2		
						229022	Mạng máy tính	2	4.1	
						229038	Nhập môn lập trình	3	VT	
						229072	An ninh mạng	3		
						229082	Đồ án chuyên ngành (Mạng máy tính)	1	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
16	2117220033	Đặng Hữu	Thành	CCQ1722A	38	3.91	229090	Chuyên đề thực tập 1	1	VT	
							229104	Kỹ thuật lập trình	2	3.7	
							229109	Lý thuyết đồ thị	2		
							229115	Thực tập tốt nghiệp (Mạng máy tính)	5	VT	
							229116	Truyền dữ liệu	3	4.3	
							229120	Thiết kế mạng máy tính	2	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
17	2117220039	Nguyễn Ngọc	Trường	CCQ1722A	66	5.37	224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3	VT	
							229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	4.0	
							229038	Nhập môn lập trình	3	4.2	
							229072	An ninh mạng	3	4.9	
							229104	Kỹ thuật lập trình	2	4.3	
							229109	Lý thuyết đồ thị	2	4.0	
							229110	Quản trị mạng	3	4.9	
							229115	Thực tập tốt nghiệp (Mạng máy tính)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
18	2117220040	Lê Nhật	Trường	CCQ1722A	71	5.54	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	4.6	
							229038	Nhập môn lập trình	3	4.7	
							229072	An ninh mạng	3	4.9	
							229082	Đồ án chuyên ngành (Mạng máy tính)	1	3.5	
							229115	Thực tập tốt nghiệp (Mạng máy tính)	5		
							229120	Thiết kế mạng máy tính	2	4.1	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
19	2117220043	Phạm Dương Thanh	Tuấn	CCQ1722A	77	6.11	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3		
							229082	Đồ án chuyên ngành (Mạng máy tính)	1		
							229115	Thực tập tốt nghiệp (Mạng máy tính)	5		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
19	2117220043	Phạm Dương Thanh Tuấn	CCQ1722A	77	6.11	229120	Thiết kế mạng máy tính	2	4.1	
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
20	2117220046	Hồ Trường Giang	CCQ1722A	46	4.60	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222003	Đại số tuyến tính	2	3.9	
						224011	Anh văn chuyên ngành (Tin)	3		
						224016	Anh văn 3	3	VT	
						229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	VT	
						229008	Cơ sở dữ liệu	3	VT	
						229014	Hệ điều hành	2	4.1	
						229038	Nhập môn lập trình	3	VT	
						229082	Đồ án chuyên ngành (Mạng máy tính)	1		
						229104	Kỹ thuật lập trình	2	4.0	
						229109	Lý thuyết đồ thị	2	VT	
						229110	Quản trị mạng	3	4.5	
						229113	Thiết kế Web	2	3.9	
						229115	Thực tập tốt nghiệp (Mạng máy tính)	5		
						229116	Truyền dữ liệu	3	3.9	
						229120	Thiết kế mạng máy tính	2	4.5	
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	4 TC (Min)	4
0101 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		234008 Cầu lông 1	2							
		234009 Aerobic 1	2							
		234010 Bóng đá 2	2							
		234011 Bóng rổ 2	2							
		234013 Cầu lông 2	2							
		234014 Aerobic 2	2							
Nhóm TC 02 :		2 TC (Min)	2							
0201 .		222010 Logic học đại cương	2							
		222024 Xác suất thống kê	2							
		226036 Tâm lý học đại cương	2							
		229030 Tin học văn phòng	2							
Nhóm TC 03 :		4 TC (Min)	4							
0302 .		234002 Bóng chuyền 1	2							
		234003 Bóng chuyền 2	2							
0303 .		234006 Bóng đá 1	2							
		234010 Bóng đá 2	2							
0304 .		234007 Bóng rổ 1	2							
		234011 Bóng rổ 2	2							
0305 .		234008 Cầu lông 1	2							
		234013 Cầu lông 2	2							
0306 .		234009 Aerobic 1	2							
		234014 Aerobic 2	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2							
		222017 Tiếng Việt thực hành B	2							
		226017 Môi trường và con người	2							
		226035 Soạn thảo văn bản	2							
Nhóm TC 05 :		2 TC (Min)	2							
0501 .		229008 Cơ sở dữ liệu	3							
		229108 Lập trình Shell	2							

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		229111 Quản trị mạng Linux	2							
Nhóm TC 06 :		2 TC (Min)	2							
0601 .		229084 Bảo mật Internet	2							
		229085 Bảo trì hệ thống mạng	2							
		229096 Công nghệ ảo hóa	2							
Nhóm TC 07 :		5 TC (Min)	5							
0701 .		229075 Quản trị Web - Mail Server	2							
		229077 Đồ án tốt nghiệp (Mạng máy tính)	5							
		229119 CCNA2	3							
Nhóm TC 08 :		3 TC (Min)	3							
0801 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
Phòng Quản Lý Đào Tạo
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2017 - Điện tử truyền thông (TN211723)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **90**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2117230003	Nguyễn Văn Cường	CCQ1723A	29	3.29	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222033	Toán ứng dụng A	3	VT	
						223006	Chính trị 1	3	4.4	
						223007	Chính trị 2	3		
						224003	Anh văn 1	3		
						224004	Anh văn 2	3		
						224016	Anh văn 3	3		
						226020	Pháp luật đại cương	2	2.1	
						228040	Mạch điện	3	1.6	
						228057	Thực tập điện tử cơ bản	2	VT	
						228060	Thực tập kỹ thuật số	2		
						228079	Vi điều khiển 1	2	VT	
						228128	Kỹ thuật truyền sóng và anten	2	1.7	
						228133	Thực hành mạng máy tính, viễn thông	2	4.4	
						228135	Truyền số liệu	2	VT	
						228139	Thông tin di động	3	VT	
						228140	Thông tin quang và vi ba số	3	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2117230003	Nguyễn Văn	Cường	CCQ1723A	29	3.29	228141	Ghép kênh tín hiệu	2	4.1	
							228145	Xử lý tín hiệu số	2	VT	
							228147	Thực tập truyền số liệu	2	VT	
							228180	Kỹ thuật chuyển mạch	2	3.7	
							228215	Đồ án Điện tử viễn thông	1	VT	
							228250	Thực tập tốt nghiệp (Điện tử viễn thông)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
2	2117230007	Nguyễn Trần Phúc	Huy	CCQ1723A	77	5.94	228040	Mạch điện	3	2.3	
							228079	Vi điều khiển 1	2		
							228139	Thông tin di động	3	4.6	
							228250	Thực tập tốt nghiệp (Điện tử viễn thông)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
3	2117230009	Phạm Anh	Khoa	CCQ1723A	72	6.03	228034	Kỹ thuật số 1	2	4.4	
							228060	Thực tập kỹ thuật số	2		
							228079	Vi điều khiển 1	2	3.5	
							228128	Kỹ thuật truyền sóng và anten	2	1.5	
							228135	Truyền số liệu	2	4.0	
							228139	Thông tin di động	3	4.8	
							228140	Thông tin quang và vi ba số	3	4.2	
							228145	Xử lý tín hiệu số	2	2.6	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
4	2117230011	Phan	Lai	CCQ1723A	83	6.38	228079	Vi điều khiển 1	2	2.7	
							228250	Thực tập tốt nghiệp (Điện tử viễn thông)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
5	2117230013	Nguyễn Trần Việt	Linh	CCQ1723A	70	6.10	228040	Mạch điện	3	2.9	
							228079	Vi điều khiển 1	2		
							228135	Truyền số liệu	2		
							228140	Thông tin quang và vi ba số	3	3.7	
							228141	Ghép kênh tín hiệu	2	3.3	
							228145	Xử lý tín hiệu số	2	4.5	
							228240	Thực hành xử lý tín hiệu số trên Matlab	1		
							228250	Thực tập tốt nghiệp (Điện tử viễn thông)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
6	2117230014	Lê Tấn	Lộc	CCQ1723A	76	5.58	228060	Thực tập kỹ thuật số	2	VT	
							228135	Truyền số liệu	2	3.6	
							228140	Thông tin quang và vi ba số	3	2.9	
							228145	Xử lý tín hiệu số	2	1.2	
							228250	Thực tập tốt nghiệp (Điện tử viễn thông)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
7	2117230015	Phan Xuân	Lộc	CCQ1723A	78	6.36	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224016	Anh văn 3	3		
							228060	Thực tập kỹ thuật số	2	VT	
							228250	Thực tập tốt nghiệp (Điện tử viễn thông)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
8	2117230022	Nguyễn Ngọc	Thạch	CCQ1723A	88	6.12	228128	Kỹ thuật truyền sóng và anten	2	2.5	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
9	2117230025	Mai Yến	Thoa	CCQ1723A	88	6.68	228128	Kỹ thuật truyền sóng và anten	2	3.2	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
9	2117230025	Mai Yến	Thoa	CCQ1723A	88	6.68	R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
10	2117230027	Nguyễn Minh	Thuận	CCQ1723A	66	5.34	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224016	Anh văn 3	3		
							228060	Thực tập kỹ thuật số	2	VT	
							228134	Anh văn chuyên ngành (Điện tử viễn thông)	2	4.0	
							228135	Truyền số liệu	2	3.1	
							228139	Thông tin di động	3	4.3	
							228140	Thông tin quang và vi ba số	3	2.8	
							228145	Xử lý tín hiệu số	2		
							228250	Thực tập tốt nghiệp (Điện tử viễn thông)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
11	2117230028	Nguyễn Quốc	Tính	CCQ1723A	88	6.59	228128	Kỹ thuật truyền sóng và anten	2	2.8	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
12	2117230030	Phạm Đình	Toán	CCQ1723A	88	6.99	228128	Kỹ thuật truyền sóng và anten	2	3.0	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
13	2117230032	Trịnh Công	Tý	CCQ1723A	77	6.48	08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222033	Toán ứng dụng A	3	VT	
							224004	Anh văn 2	3	VT	
							224016	Anh văn 3	3		
							228060	Thực tập kỹ thuật số	2	2.0	
							228128	Kỹ thuật truyền sóng và anten	2	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
Nhóm TC 01 :		4 TC (Min)	4							
0101 .		234002 Bóng chuyền 1	2							
		234003 Bóng chuyền 2	2							
		234006 Bóng đá 1	2							
		234007 Bóng rổ 1	2							
		234008 Cầu lông 1	2							
		234009 Aerobic 1	2							
		234010 Bóng đá 2	2							
		234011 Bóng rổ 2	2							
		234013 Cầu lông 2	2							
		234014 Aerobic 2	2							
Nhóm TC 02 :		2 TC (Min)	2							
0201 .		226035 Soạn thảo văn bản	2							
		227073 Lập trình C++	2							
		229030 Tin học văn phòng	2							
Nhóm TC 03 :		4 TC (Min)	4							
0302 .		234002 Bóng chuyền 1	2							
		234003 Bóng chuyền 2	2							
0303 .		234006 Bóng đá 1	2							
		234010 Bóng đá 2	2							
0304 .		234007 Bóng rổ 1	2							
		234011 Bóng rổ 2	2							
0305 .		234008 Cầu lông 1	2							
		234013 Cầu lông 2	2							
0306 .		234009 Aerobic 1	2							
		234014 Aerobic 2	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		228070 Thực tập vi điều khiển	2							
		228160 Autocad (Điện)	2							
		228253 Lập trình điều khiển trên thiết bị di động Android	2							

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
Nhóm TC 05 :		2 TC (Min)	2							
0501 .		228136 Hệ thống thu phát vô tuyến	2							
		228144 Lý thuyết thông tin và mã hóa	2							
		228193 Xử lý ảnh	2							
Nhóm TC 06 :		2 TC (Min)	2							
0601 .		222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2							
		226017 Môi trường và con người	2							
Nhóm TC 07 :		5 TC (Min)	5							
0701 .		228149 Đồ án tốt nghiệp (Điện tử truyền thông)	5							
		228151 Tổng đài điện tử	2							
		228171 Chuyên đề công nghệ viễn thông	3							
Nhóm TC 08 :		3 TC (Min)	3							
0801 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
Phòng Quản Lý Đào Tạo
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2017 - Tiếng Anh (TN211724)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **80**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2117240001	Trần Liễu Quỳnh	Anh	CCQ1724A	66	5.70	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223006	Chính trị 1	3	2.7	
							224302	Nghe 1	3	3.8	
							224304	Đọc 1	3	4.0	
							224319	Viết 2	3	4.1	
							224329	Đọc thương mại 2	2	4.4	
							224330	Kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh	2		
							224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
2	2117240002	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	CCQ1724A	90	6.53	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
3	2117240003	Nguyễn Minh	Bảo	CCQ1724A	85	6.94	224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
4	2117240004	Nguyễn Phước	Bảo	CCQ1724A	85	6.57	224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
4	2117240004	Nguyễn Phước	Bảo	CCQ1724A	85	6.57	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
5	2117240007	Phạm Thị Hồng	Dung	CCQ1724A	90	6.64	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
6	2117240008	Huỳnh Thị Mỹ	Dung	CCQ1724A	88	6.51	224335	Phiên dịch	2	4.6	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
7	2117240009	Phan Thị Mỹ	Duyên	CCQ1724A	85	6.08	224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
8	2117240011	Nguyễn Thị Tuyết	Hồng	CCQ1724A	88	6.05	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
9	2117240012	Hoàng Thị Mai	Hương	CCQ1724A	90	7.65	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
10	2117240014	Nguyễn Thị	Hương	CCQ1724A	90	7.00	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
11	2117240016	Phạm Trà	Linh	CCQ1724A	85	6.91	224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
11	2117240016	Phạm Trà	Linh	CCQ1724A	85	6.91	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
12	2117240018	Nguyễn Thị Tuyết	Nga	CCQ1724A	72	6.42	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224319	Viết 2	3	3.7	
							224327	Biên dịch	2		
							224330	Kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh	2		
							224344	Chuyên đề 2: Hướng dẫn viết CV và phỏng vấn xin việc	1		
							224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
13	2117240019	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	CCQ1724A	90	8.02	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
14	2117240020	Lê Tuyết	Nhi	CCQ1724A	85	6.34	224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
15	2117240021	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	CCQ1724A	90	7.83	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
16	2117240024	Trần Tố	Nữ	CCQ1724A	85	5.96	224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
17	2117240025	Cai Thị Huyền	Phước	CCQ1724A	85	6.65	224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
18	2117240027	Nguyễn Ngọc	Quang	CCQ1724A	90	7.19	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
19	2117240028	Nguyễn Thị Xuân	Quyên	CCQ1724A	79	6.42	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224319	Viết 2	3	4.8	
							224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
20	2117240032	Hứa Thị Ngọc	Thảo	CCQ1724A	48	4.22	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224303	Viết 1	3	0.0	
							224305	Ngữ pháp	3	3.5	
							224317	Nói 2	3	VT	
							224319	Viết 2	3	2.9	
							224327	Biên dịch	2	4.7	
							224328	Đọc thương mại 1	2	4.6	
							224329	Đọc thương mại 2	2	4.8	
							224330	Kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh	2	VT	
							224331	Nghe thương mại 1	2	2.9	
							224335	Phiên dịch	2	2.8	
							224343	Chuyên đề 1: Tham quan doanh nghệp	1		
							224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							226016	Marketing căn bản	2	0.0	
							226156	Giao dịch thương mại quốc tế	3	4.4	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
20	2117240032	Hứa Thị Ngọc	Thảo	CCQ1724A	48	4.22	229100	Tin học	2	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
21	2117240042	Bùi Thị Thu	Thủy	CCQ1724A	79	5.87	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							224353	Viết thương mại	4	4.3	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
22	2117240046	Nguyễn Văn	Trân	CCQ1724A	85	7.05	224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
23	2117240047	Đỗ Thành	Trí	CCQ1724A	88	6.64	224319	Viết 2	3	4.3	
							224343	Chuyên đề 1: Tham quan doanh nghệp	1		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
24	2117240049	Lê Thị Kiều	Trinh	CCQ1724A	90	6.40	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
25	2117240051	Đinh Ngọc Phương	Trinh	CCQ1724A	90	6.47	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
26	2117240052	Nguyễn Đỗ Thảo	Trinh	CCQ1724A	90	6.57	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
27	2117240055	Cao Phương	Uyên	CCQ1724A	82	6.18	224319	Viết 2	3	4.8	
							224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
28	2117240056	Nguyễn Hoàng	Vũ	CCQ1724A	85	6.74	224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
29	2117240059	Lê Thị Yến	Vy	CCQ1724A	65	5.23	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224302	Nghe 1	3	VT	
							224304	Đọc 1	3	VT	
							224319	Viết 2	3	3.9	
							224327	Biên dịch	2	4.6	
							224330	Kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh	2	VT	
							224335	Phiên dịch	2	2.7	
							224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
30	2117240061	Nguyễn Thị Hoàng	Yến	CCQ1724A	85	6.25	224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
30	2117240061	Nguyễn Thị Hoàng	Yến	CCQ1724A	85	6.25	R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
31	2117240063	Phạm Lê Ngọc	Anh	CCQ1724B	81	6.05	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224327	Biên dịch	2	4.8	
							224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
32	2117240065	Trần Thị Diễm	Chi	CCQ1724B	55	5.50	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224302	Nghe 1	3	4.8	
							224303	Viết 1	3	3.0	
							224304	Đọc 1	3	3.7	
							224305	Ngữ pháp	3	3.9	
							224318	Đọc 2	3	4.2	
							224327	Biên dịch	2	4.2	
							224328	Đọc thương mại 1	2		
							224335	Phiên dịch	2	VT	
							224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							224353	Viết thương mại	4		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
33	2117240068	Nguyễn Duy Kiều	Duyên	CCQ1724B	90	7.51	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
34	2117240071	Lê Thị Hồng	Đào	CCQ1724B	71	5.99	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224304	Đọc 1	3	4.6	
							224305	Ngữ pháp	3	4.9	
							224319	Viết 2	3	4.3	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
34	2117240071	Lê Thị Hồng	Đào	CCQ1724B	71	5.99	224335	Phiên dịch	2	3.2	
							224343	Chuyên đề 1: Tham quan doanh nghệp	1	VT	
							224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
35	2117240072	Nguyễn Minh	Hà	CCQ1724B	80	6.08	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224319	Viết 2	3	4.0	
							224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
36	2117240075	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	CCQ1724B	85	6.26	224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
37	2117240076	Vũ Thị	Hoa	CCQ1724B	90	6.30	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
38	2117240078	Ninh Thị	Huế	CCQ1724B	84	6.32	224343	Chuyên đề 1: Tham quan doanh nghệp	1	VT	
							224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
39	2117240081	Trần Thị Mỹ	Linh	CCQ1724B	73	5.84	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
39	2117240081	Trần Thị Mỹ	Linh	CCQ1724B	73	5.84	224319	Viết 2	3	3.3	
							224327	Biên dịch	2	4.3	
							224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
40	2117240082	Trần Thị Thùy	Linh	CCQ1724B	79	6.20	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224302	Nghe 1	3	4.0	
							224343	Chuyên đề 1: Tham quan doanh nghệp	1		
							224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
41	2117240083	Đỗ Thị	Lượm	CCQ1724B	90	7.35	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
42	2117240085	Nguyễn Đinh Kiều	My	CCQ1724B	90	6.42	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
43	2117240087	Lương Thị Mỹ	Ngọc	CCQ1724B	84	6.38	224319	Viết 2	3	4.4	
							226156	Giao dịch thương mại quốc tế	3	3.2	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
44	2117240088	Nguyễn Huỳnh Ái	Nhi	CCQ1724B	90	6.71	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
44	2117240088	Nguyễn Huỳnh Ái	Nhi	CCQ1724B	90	6.71	R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
45	2117240090	Đoàn Quỳnh	Như	CCQ1724B	90	6.14	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
46	2117240092	Đàm Thiên	Phát	CCQ1724B	90	7.38	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
47	2117240095	Nguyễn Trần Thị Như	Quỳnh	CCQ1724B	78	6.07	224304	Đọc 1	3	4.8	
							224327	Biên dịch	2	4.7	
							224330	Kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh	2	VT	
							224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
48	2117240096	Nguyễn Thị Thanh	Sinh	CCQ1724B	83	6.56	224327	Biên dịch	2	4.0	
							224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
49	2117240097	Đào Văn	Sơn	CCQ1724B	85	6.72	224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
50	2117240098	Trần Thị	Thanh	CCQ1724B	67	5.59	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224304	Đọc 1	3	4.3	
							224316	Nghe 2	3	3.9	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
50	2117240098	Trần Thị Thanh	CCQ1724B	67	5.59	224319	Viết 2	3	4.7	
						224335	Phiên dịch	2	2.2	
						224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
51	2117240101	Nguyễn Công Thuận	CCQ1724B	85	6.92	224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
52	2117240102	Hồ Ngọc Thuận	CCQ1724B	32	3.20	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						223006	Chính trị 1	3	0.0	
						223007	Chính trị 2	3	0.0	
						224303	Viết 1	3	3.9	
						224305	Ngữ pháp	3	4.9	
						224317	Nói 2	3	VT	
						224318	Đọc 2	3	0.0	
						224319	Viết 2	3	VT	
						224327	Biên dịch	2	4.8	
						224328	Đọc thương mại 1	2	VT	
						224335	Phiên dịch	2	VT	
						224343	Chuyên đề 1: Tham quan doanh nghệp	1	VT	
						224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
						224352	Nói thương mại	4	VT	
						224353	Viết thương mại	4	0.0	
						226070	Thanh toán quốc tế (QTKD)	3		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
52	2117240102	Hồ Ngọc	Thuận	CCQ1724B	32	3.20	226156	Giao dịch thương mại quốc tế	3		
							229100	Tin học	2	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5	4.8	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
53	2117240103	Nguyễn Minh	Thùy	CCQ1724B	80	5.94	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226156	Giao dịch thương mại quốc tế	3	4.3	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
54	2117240104	Hoàng Thị Như	Thủy	CCQ1724B	90	6.67	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
55	2117240105	Nguyễn Thị Phương	Thủy	CCQ1724B	80	5.93	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224327	Biên dịch	2	4.8	
							224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
56	2117240106	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	CCQ1724B	88	6.95	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
57	2117240107	Hoàng Thị Cẩm	Tiên	CCQ1724B	90	6.61	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
57	2117240107	Hoàng Thị Cẩm	Tiên	CCQ1724B	90	6.61	R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
58	2117240108	Trần Thị Huyền	Trang	CCQ1724B	90	6.91	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
59	2117240109	Huỳnh Thị Ngọc	Trâm	CCQ1724B	69	5.99	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224304	Đọc 1	3	4.7	
							224319	Viết 2	3	4.8	
							224327	Biên dịch	2	4.3	
							224328	Đọc thương mại 1	2		
							224343	Chuyên đề 1: Tham quan doanh nghệp	1	VT	
							224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
60	2117240116	Lâm Thị	Tươi	CCQ1724B	71	5.82	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224303	Viết 1	3	4.1	
							224319	Viết 2	3	3.2	
							224335	Phiên dịch	2	4.1	
							224343	Chuyên đề 1: Tham quan doanh nghệp	1	VT	
							224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
61	2117240119	Nguyễn Văn	Vũ	CCQ1724B	78	5.93	224305	Ngữ pháp	3	4.8	
							224343	Chuyên đề 1: Tham quan doanh nghệp	1	VT	
							224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							226156	Giao dịch thương mại quốc tế	3	3.8	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
61	2117240119	Nguyễn Văn	Vũ	CCQ1724B	78	5.93	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
62	2117240120	Nguyễn Quốc	Vương	CCQ1724B	89	6.29	224343	Chuyên đề 1: Tham quan doanh nghệp	1	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
63	2117240124	Bùi Nguyễn Nguyệt	Ánh	CCQ1724C	51	5.97	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224318	Đọc 2	3	4.0	
							224319	Viết 2	3	2.9	
							224327	Biên dịch	2		
							224329	Đọc thương mại 2	2		
							224330	Kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh	2		
							224331	Nghe thương mại 1	2	4.2	
							224332	Nghe thương mại 2	2		
							224335	Phiên dịch	2		
							224343	Chuyên đề 1: Tham quan doanh nghệp	1		
							224344	Chuyên đề 2: Hướng dẫn viết CV và phỏng vấn xin việc	1		
							224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							224352	Nói thương mại	4		
							226156	Giao dịch thương mại quốc tế	3		
							229100	Tin học	2	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
64	2117240125	Lê Thị Thanh	Ân	CCQ1724C	90	7.36	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
64	2117240125	Lê Thị Thanh	Ân	CCQ1724C	90	7.36	R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
65	2117240126	Nguyễn Thị Ngọc	Bình	CCQ1724C	90	7.08	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
66	2117240128	Trương Thị Hoài	Diễm	CCQ1724C	37	3.81	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223006	Chính trị 1	3	VT	
							223007	Chính trị 2	3		
							224301	Nói 1	3		
							224304	Đọc 1	3	4.8	
							224319	Viết 2	3	2.7	
							224327	Biên dịch	2	VT	
							224329	Đọc thương mại 2	2	VT	
							224330	Kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh	2	VT	
							224335	Phiên dịch	2	VT	
							224343	Chuyên đề 1: Tham quan doanh nghệp	1		
							224344	Chuyên đề 2: Hướng dẫn viết CV và phỏng vấn xin việc	1	VT	
							224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							224353	Viết thương mại	4		
							226016	Marketing căn bản	2	3.5	
							226020	Pháp luật đại cương	2	VT	
							226070	Thanh toán quốc tế (QTKD)	3	VT	
							226156	Giao dịch thương mại quốc tế	3		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
66	2117240128	Trương Thị Hoài	Diễm	CCQ1724C	37	3.81	R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
67	2117240132	Trần Thị Thu	Hiền	CCQ1724C	90	6.58	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
68	2117240134	Đỗ Bá	Hiệp	CCQ1724C	49	4.99	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223007	Chính trị 2	3	4.6	
							224302	Nghe 1	3	VT	
							224305	Ngữ pháp	3	3.7	
							224318	Đọc 2	3	3.9	
							224319	Viết 2	3	3.5	
							224327	Biên dịch	2	VT	
							224328	Đọc thương mại 1	2	4.8	
							224329	Đọc thương mại 2	2		
							224335	Phiên dịch	2		
							224344	Chuyên đề 2: Hướng dẫn viết CV và phỏng vấn xin việc	1	VT	
							224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							224353	Viết thương mại	4	3.1	
							226156	Giao dịch thương mại quốc tế	3	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
69	2117240136	Nguyễn Thị Mai	Hương	CCQ1724C	83	6.92	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							226156	Giao dịch thương mại quốc tế	3	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
69	2117240136	Nguyễn Thị Mai	Hương	CCQ1724C	83	6.92	R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
70	2117240139	Trần Thị	Kiều	CCQ1724C	66	5.85	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223006	Chính trị 1	3	4.4	
							224319	Viết 2	3	4.9	
							224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							224353	Viết thương mại	4	4.5	
							226156	Giao dịch thương mại quốc tế	3	3.6	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
71	2117240143	Phan Thị	Liến	CCQ1724C	79	6.46	224319	Viết 2	3	4.0	
							224327	Biên dịch	2		
							224344	Chuyên đề 2: Hướng dẫn viết CV và phỏng vấn xin việc	1		
							224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
72	2117240150	Trương Thị Mỹ Vi	Na	CCQ1724C	85	6.33	224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
73	2117240152	Trần Thị Tố	Nga	CCQ1724C	53	5.04	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224303	Viết 1	3	2.5	
							224305	Ngữ pháp	3	4.6	
							224319	Viết 2	3	1.7	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
73	2117240152	Trần Thị Tố	Nga	CCQ1724C	53	5.04	224328	Đọc thương mại 1	2	4.0	
							224329	Đọc thương mại 2	2	4.7	
							224335	Phiên dịch	2	4.0	
							224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							224353	Viết thương mại	4	2.7	
							226070	Thanh toán quốc tế (QTKD)	3	4.1	
							226156	Giao dịch thương mại quốc tế	3	3.2	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
74	2117240155	Thân Thị Tuyết	Nhi	CCQ1724C	59	5.25	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224305	Ngữ pháp	3	3.6	
							224317	Nói 2	3	VT	
							224319	Viết 2	3	VT	
							224327	Biên dịch	2		
							224335	Phiên dịch	2		
							224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							224352	Nói thương mại	4		
							224353	Viết thương mại	4		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
75	2117240156	Lê Thị Yến	Nhi	CCQ1724C	85	6.51	224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
76	2117240157	Nguyễn Thị	Nhiên	CCQ1724C	90	7.25	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
76	2117240157	Nguyễn Thị	Nhiên	CCQ1724C	90	7.25	R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
77	2117240158	Đỗ Thị	Quỳnh	CCQ1724C	90	6.68	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
78	2117240159	Nguyễn Thị	Quỳnh	CCQ1724C	35	3.14	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223006	Chính trị 1	3	VT	
							223007	Chính trị 2	3	VT	
							224316	Nghe 2	3	3.8	
							224318	Đọc 2	3	4.2	
							224327	Biên dịch	2	VT	
							224329	Đọc thương mại 2	2	VT	
							224330	Kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh	2	VT	
							224332	Nghe thương mại 2	2	VT	
							224335	Phiên dịch	2	VT	
							224344	Chuyên đề 2: Hướng dẫn viết CV và phỏng vấn xin việc	1	VT	
							224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							224352	Nói thương mại	4	VT	
							224353	Viết thương mại	4	VT	
							226016	Marketing căn bản	2	VT	
							226020	Pháp luật đại cương	2	VT	
							226070	Thanh toán quốc tế (QTKD)	3	VT	
							226156	Giao dịch thương mại quốc tế	3		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
79	2117240161	Nguyễn Thị Phương	Thảo	CCQ1724C	66	5.56	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
79	2117240161	Nguyễn Thị Phương	Thảo	CCQ1724C	66	5.56	03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223007	Chính trị 2	3	4.2	
							224319	Viết 2	3		
							224327	Biên dịch	2		
							224329	Đọc thương mại 2	2		
							224343	Chuyên đề 1: Tham quan doanh nghệp	1		
							224344	Chuyên đề 2: Hướng dẫn viết CV và phỏng vấn xin việc	1		
							224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							229100	Tin học	2	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
80	2117240163	Võ Thị	Thắm	CCQ1724C	85	6.50	224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
81	2117240165	Hoàng Thi	Thơ	CCQ1724C	89	6.71	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
82	2117240168	Nguyễn Huỳnh Mai	Thy	CCQ1724C	82	6.61	223007	Chính trị 2	3	VT	
							224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
83	2117240169	Nguyễn Ngọc Thủy	Tiên	CCQ1724C	3	1.06	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
83	2117240169	Nguyễn Ngọc Thủy Tiên	CCQ1724C	3	1.06	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						223006	Chính trị 1	3	VT	
						223007	Chính trị 2	3		
						224301	Nói 1	3	VT	
						224302	Nghe 1	3	4.2	
						224303	Viết 1	3	VT	
						224304	Đọc 1	3	4.2	
						224305	Ngữ pháp	3	3.9	
						224316	Nghe 2	3		
						224317	Nói 2	3	VT	
						224318	Đọc 2	3	VT	
						224319	Viết 2	3		
						224327	Biên dịch	2		
						224328	Đọc thương mại 1	2	VT	
						224329	Đọc thương mại 2	2		
						224330	Kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh	2		
						224331	Nghe thương mại 1	2	VT	
						224332	Nghe thương mại 2	2		
						224335	Phiên dịch	2		
						224343	Chuyên đề 1: Tham quan doanh nghệp	1		
						224344	Chuyên đề 2: Hướng dẫn viết CV và phỏng vấn xin việc	1	VT	
						224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
						224352	Nói thương mại	4		
						224353	Viết thương mại	4		
						226016	Marketing căn bản	2	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
83	2117240169	Nguyễn Ngọc Thủy	Tiên	CCQ1724C	3	1.06	226020	Pháp luật đại cương	2	VT	
							226070	Thanh toán quốc tế (QTKD)	3	VT	
							226156	Giao dịch thương mại quốc tế	3		
							229100	Tin học	2	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
84	2117240170	Trần Thị Bích	Trâm	CCQ1724C	85	6.81	224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
85	2117240172	Bùi Hương	Trầm	CCQ1724C	76	7.23	224319	Viết 2	3		
							224327	Biên dịch	2		
							224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							224353	Viết thương mại	4		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
86	2117240173	Trần Thị Ngọc	Trân	CCQ1724C	82	6.28	224329	Đọc thương mại 2	2	VT	
							224344	Chuyên đề 2: Hướng dẫn viết CV và phỏng vấn xin việc	1	3.2	
							224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
87	2117240175	Trần Thị Hoàng	Trúc	CCQ1724C	20	2.31	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
87	2117240175	Trần Thị Hoàng Trúc	CCQ1724C	20	2.31	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						223007	Chính trị 2	3	VT	
						224301	Nói 1	3	VT	
						224303	Viết 1	3	4.0	
						224304	Đọc 1	3	3.6	
						224305	Ngữ pháp	3	4.1	
						224316	Nghe 2	3	VT	
						224318	Đọc 2	3	VT	
						224319	Viết 2	3	VT	
						224327	Biên dịch	2	VT	
						224328	Đọc thương mại 1	2	VT	
						224329	Đọc thương mại 2	2	VT	
						224330	Kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh	2	VT	
						224331	Nghe thương mại 1	2	VT	
						224332	Nghe thương mại 2	2	VT	
						224335	Phiên dịch	2	VT	
						224343	Chuyên đề 1: Tham quan doanh nghệp	1		
						224344	Chuyên đề 2: Hướng dẫn viết CV và phỏng vấn xin việc	1		
						224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
						224352	Nói thương mại	4	VT	
						224353	Viết thương mại	4		
						226016	Marketing căn bản	2	VT	
						226070	Thanh toán quốc tế (QTKD)	3	VT	
						226156	Giao dịch thương mại quốc tế	3		
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
88	2117240177	Phí Hoàng	Trung	CCQ1724C	82	6.26	224319	Viết 2	3	4.4	
							224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
89	2117240182	Nguyễn Thị Lâm	Anh	CCQ1724D	76	6.73	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224343	Chuyên đề 1: Tham quan doanh nghệp	1		
							224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							226070	Thanh toán quốc tế (QTKD)	3	2.7	
							226156	Giao dịch thương mại quốc tế	3		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
90	2117240183	Đào Thị Quỳnh	Anh	CCQ1724D	85	5.95	224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
91	2117240184	Lê Thùy	Anh	CCQ1724D	50	5.26	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224319	Viết 2	3		
							224327	Biên dịch	2		
							224328	Đọc thương mại 1	2		
							224329	Đọc thương mại 2	2	VT	
							224330	Kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh	2		
							224332	Nghe thương mại 2	2	VT	
							224335	Phiên dịch	2		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
91	2117240184	Lê Thùy	Anh	CCQ1724D	50	5.26	224344	Chuyên đề 2: Hướng dẫn viết CV và phỏng vấn xin việc	1		
							224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							224352	Nói thương mại	4	VT	
							224353	Viết thương mại	4	VT	
							226070	Thanh toán quốc tế (QTKD)	3	VT	
							226156	Giao dịch thương mại quốc tế	3	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
92	2117240187	Đỗ Linh	Chi	CCQ1724D	85	6.08	224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
93	2117240188	Nguyễn Bích Ngọc	Dung	CCQ1724D	83	6.16	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
94	2117240189	Đào Thị Thùy	Dung	CCQ1724D	70	5.53	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224319	Viết 2	3		
							224327	Biên dịch	2	4.5	
							224329	Đọc thương mại 2	2	4.8	
							224335	Phiên dịch	2	VT	
							224344	Chuyên đề 2: Hướng dẫn viết CV và phỏng vấn xin việc	1	VT	
							224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
94	2117240189	Đào Thị Thùy	Dung	CCQ1724D	70	5.53	R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
95	2117240190	Hoàng Thị Mỹ	Duyên	CCQ1724D	85	6.45	224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
96	2117240196	Phạm Thị Nhật	Hảo	CCQ1724D	75	5.84	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224302	Nghe 1	3	4.4	
							224327	Biên dịch	2	4.3	
							224329	Đọc thương mại 2	2	4.6	
							224344	Chuyên đề 2: Hướng dẫn viết CV và phỏng vấn xin việc	1	VT	
							224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
97	2117240197	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	CCQ1724D	32	2.61	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224301	Nói 1	3	VT	
							224316	Nghe 2	3	VT	
							224317	Nói 2	3	VT	
							224318	Đọc 2	3	3.8	
							224319	Viết 2	3	VT	
							224327	Biên dịch	2	VT	
							224328	Đọc thương mại 1	2	VT	
							224329	Đọc thương mại 2	2	VT	
							224331	Nghe thương mại 1	2	VT	
							224332	Nghe thương mại 2	2	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
97	2117240197	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	CCQ1724D	32	2.61	224335	Phiên dịch	2	VT	
							224343	Chuyên đề 1: Tham quan doanh nghệp	1	VT	
							224344	Chuyên đề 2: Hướng dẫn viết CV và phỏng vấn xin việc	1	VT	
							224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							224352	Nói thương mại	4		
							224353	Viết thương mại	4	VT	
							226016	Marketing căn bản	2	VT	
							226020	Pháp luật đại cương	2	VT	
							226070	Thanh toán quốc tế (QTKD)	3	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
98	2117240200	Lương Bách	Hợp	CCQ1724D	90	7.48	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
99	2117240201	Đoàn Thị Thu	Huyền	CCQ1724D	90	7.72	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
100	2117240202	Huỳnh Thị Xuân	Hương	CCQ1724D	53	4.46	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224318	Đọc 2	3	4.6	
							224319	Viết 2	3	VT	
							224327	Biên dịch	2	VT	
							224328	Đọc thương mại 1	2	3.5	
							224330	Kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh	2	VT	
							224335	Phiên dịch	2	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
100	2117240202	Huỳnh Thị Xuân	Hương	CCQ1724D	53	4.46	224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							224352	Nói thương mại	4		
							224353	Viết thương mại	4	4.0	
							226156	Giao dịch thương mại quốc tế	3	0.0	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
101	2117240203	Phạm Minh	Khoa	CCQ1724D	67	6.27	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224317	Nói 2	3		
							224319	Viết 2	3		
							224330	Kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh	2	VT	
							224332	Nghe thương mại 2	2		
							224343	Chuyên đề 1: Tham quan doanh nghệp	1		
							224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							226016	Marketing căn bản	2	VT	
							226156	Giao dịch thương mại quốc tế	3	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
102	2117240206	Nguyễn A	Lộc	CCQ1724D	83	6.40	224335	Phiên dịch	2	VT	
							224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
103	2117240208	Trần Hoàng	Minh	CCQ1724D	84	6.69	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223006	Chính trị 1	3	3.4	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
103	2117240208	Trần Hoàng	Minh	CCQ1724D	84	6.69	224344	Chuyên đề 2: Hướng dẫn viết CV và phỏng vấn xin việc	1		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
104	2117240210	Huỳnh Thị Ngọc	My	CCQ1724D	85	6.28	224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
105	2117240216	Nguyễn Thị Hoàng	Nhi	CCQ1724D	48	4.82	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223007	Chính trị 2	3	3.8	
							224304	Đọc 1	3	4.0	
							224319	Viết 2	3	3.6	
							224327	Biên dịch	2	VT	
							224328	Đọc thương mại 1	2	4.6	
							224329	Đọc thương mại 2	2	3.6	
							224335	Phiên dịch	2	VT	
							224344	Chuyên đề 2: Hướng dẫn viết CV và phỏng vấn xin việc	1	VT	
							224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							224353	Viết thương mại	4	4.5	
							226070	Thanh toán quốc tế (QTKD)	3	4.0	
							226156	Giao dịch thương mại quốc tế	3	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
105	2117240216	Nguyễn Thị Hoàng	Nhi	CCQ1724D	48	4.82	R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
106	2117240222	Lê Thị Ngọc	Quyên	CCQ1724D	85	6.42	224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
107	2117240223	Trịnh Công	Sơn	CCQ1724D	74	6.46	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224319	Viết 2	3	4.6	
							224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							226070	Thanh toán quốc tế (QTKD)	3	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
108	2117240225	Ngô Thị Phương	Thảo	CCQ1724D	90	7.38	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
109	2117240232	Nguyễn Ngọc Mộng	Trinh	CCQ1724D	88	6.83	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
110	2117240234	Hồng Diệu	Trung	CCQ1724D	82	6.54	224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5	VT	
							226156	Giao dịch thương mại quốc tế	3	4.4	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
110	2117240234	Hồng Diệu	Trung	CCQ1724D	82	6.54	R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
111	2117240238	Nguyễn Thị Thu	Vân	CCQ1724D	85	6.35	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
112	2117240239	Nguyễn Thị Tường	Viên	CCQ1724D	71	5.88	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224319	Viết 2	3	4.4	
							224335	Phiên dịch	2	4.6	
							224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							224352	Nói thương mại	4		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
113	2117240240	Đoàn Trúc	Vy	CCQ1724D	85	6.97	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
114	2117240241	Lê Thị Kim	Anh	CCQ1724E	90	7.84	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
115	2117240243	Trần Diệu Quỳnh	Anh	CCQ1724E	83	6.71	224328	Đọc thương mại 1	2		
							224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
116	2117240244	Nguyễn Thị Tường	Anh	CCQ1724E	85	6.74	224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
117	2117240245	Đỗ Thị Ngọc	Ánh	CCQ1724E	90	6.81	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
118	2117240249	Nguyễn Thị Thanh	Duyên	CCQ1724E	88	6.43	226016	Marketing căn bản	2	4.5	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
119	2117240251	Danh Thị Quỳnh	Giao	CCQ1724E	90	6.95	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
120	2117240252	Đoàn Vũ Ngọc	Hân	CCQ1724E	90	7.19	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
121	2117240253	Nguyễn Thị	Huệ	CCQ1724E	90	7.44	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
122	2117240254	Phụng Thị Diễm	Hương	CCQ1724E	52	5.63	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224302	Nghe 1	3	4.4	
							224303	Viết 1	3	4.3	
							224304	Đọc 1	3	4.5	
							224316	Nghe 2	3	4.2	
							224319	Viết 2	3	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
122	2117240254	Phụng Thị Diễm	Hương	CCQ1724E	52	5.63	224327	Biên dịch	2		
							224331	Nghe thương mại 1	2	4.0	
							224335	Phiên dịch	2		
							224344	Chuyên đề 2: Hướng dẫn viết CV và phỏng vấn xin việc	1		
							224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							224352	Nói thương mại	4		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
123	2117240256	Võ Thị	Kiều	CCQ1724E	90	7.79	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
124	2117240257	Nguyễn Thị Thủy	Lam	CCQ1724E	39	3.81	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223006	Chính trị 1	3	VT	
							224317	Nói 2	3		
							224318	Đọc 2	3	4.1	
							224319	Viết 2	3	VT	
							224330	Kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh	2	VT	
							224332	Nghe thương mại 2	2	VT	
							224335	Phiên dịch	2	VT	
							224344	Chuyên đề 2: Hướng dẫn viết CV và phỏng vấn xin việc	1	VT	
							224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							224352	Nói thương mại	4	VT	
							224353	Viết thương mại	4		
							226016	Marketing căn bản	2	VT	
							226070	Thanh toán quốc tế (QTKD)	3		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
124	2117240257	Nguyễn Thị Thủy	Lam	CCQ1724E	39	3.81	226156	Giao dịch thương mại quốc tế	3		
							229100	Tin học	2	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
125	2117240259	Nguyễn Thị Mỹ	Loan	CCQ1724E	56	4.97	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224302	Nghe 1	3	4.5	
							224304	Đọc 1	3	4.7	
							224316	Nghe 2	3		
							224318	Đọc 2	3		
							224327	Biên dịch	2	VT	
							224335	Phiên dịch	2	VT	
							224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							224353	Viết thương mại	4	VT	
							226020	Pháp luật đại cương	2		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
126	2117240260	Đàm Thị Kim	Luyến	CCQ1724E	19	2.42	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223006	Chính trị 1	3	VT	
							223007	Chính trị 2	3		
							224303	Viết 1	3	4.4	
							224304	Đọc 1	3	4.5	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
126	2117240260	Đàm Thị Kim	Luyến	CCQ1724E	19	2.42	224317	Nói 2	3	4.8	
							224318	Đọc 2	3	4.2	
							224319	Viết 2	3	3.9	
							224327	Biên dịch	2	VT	
							224328	Đọc thương mại 1	2	VT	
							224329	Đọc thương mại 2	2	VT	
							224330	Kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh	2	VT	
							224331	Nghe thương mại 1	2	VT	
							224332	Nghe thương mại 2	2	VT	
							224335	Phiên dịch	2	VT	
							224343	Chuyên đề 1: Tham quan doanh nghệp	1		
							224344	Chuyên đề 2: Hướng dẫn viết CV và phỏng vấn xin việc	1	VT	
							224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							224352	Nói thương mại	4	VT	
							224353	Viết thương mại	4	VT	
							226016	Marketing căn bản	2	VT	
							226020	Pháp luật đại cương	2		
							226070	Thanh toán quốc tế (QTKD)	3	VT	
							226156	Giao dịch thương mại quốc tế	3		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
127	2117240262	Hoàng Mai Khánh	Ly	CCQ1724E	90	6.67	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
128	2117240264	Nguyễn Thị Thiên	Lý	CCQ1724E	90	6.83	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
128	2117240264	Nguyễn Thị Thiên	Lý	CCQ1724E	90	6.83	R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
129	2117240265	Lê Thị Kim	Mai	CCQ1724E	90	7.24	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
130	2117240266	Vũ Thị Ngọc	Mai	CCQ1724E	90	6.88	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
131	2117240267	Đặng Thị	Mai	CCQ1724E	90	7.89	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
132	2117240270	Trần Thị Kim	Ngân	CCQ1724E	90	7.52	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
133	2117240271	Đào Thúy	Ngân	CCQ1724E	90	7.71	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
134	2117240272	Hoàng Minh Thủy	Nguyên	CCQ1724E	90	7.16	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
135	2117240273	Nguyễn Tuấn	Nhật	CCQ1724E	90	7.10	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
136	2117240275	Lê Ý	Nhi	CCQ1724E	29	3.27	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
136	2117240275	Lê Ý	Nhi	CCQ1724E	29	3.27	224303	Viết 1	3		
							224305	Ngữ pháp	3	4.5	
							224316	Nghe 2	3	VT	
							224317	Nói 2	3	4.6	
							224318	Đọc 2	3	3.6	
							224319	Viết 2	3	VT	
							224327	Biên dịch	2	3.5	
							224328	Đọc thương mại 1	2	4.3	
							224329	Đọc thương mại 2	2	3.8	
							224330	Kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh	2	VT	
							224331	Nghe thương mại 1	2	4.8	
							224332	Nghe thương mại 2	2	VT	
							224335	Phiên dịch	2	VT	
							224343	Chuyên đề 1: Tham quan doanh nghệp	1	VT	
							224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							224353	Viết thương mại	4	0.0	
							226020	Pháp luật đại cương	2		
							226070	Thanh toán quốc tế (QTKD)	3	VT	
							226156	Giao dịch thương mại quốc tế	3	0.0	
							229100	Tin học	2	2.7	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
137	2117240276	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	CCQ1724E	90	6.69	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
138	2117240281	Nguyễn Thị Minh	Oanh	CCQ1724E	75	6.02	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
138	2117240281	Nguyễn Thị Minh	Oanh	CCQ1724E	75	6.02	224328	Đọc thương mại 1	2	4.8	
							224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							226070	Thanh toán quốc tế (QTKD)	3	VT	
							226156	Giao dịch thương mại quốc tế	3	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
139	2117240287	Trần Thị Xuân	Quỳnh	CCQ1724E	69	5.53	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224328	Đọc thương mại 1	2		
							224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							224353	Viết thương mại	4	2.8	
							226156	Giao dịch thương mại quốc tế	3	4.0	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
140	2117240289	Đỗ Phương	Thanh	CCQ1724E	90	7.70	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
141	2117240290	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	CCQ1724E	88	6.65	224335	Phiên dịch	2	4.6	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
142	2117240292	Nguyễn Thị Ngọc	Thúy	CCQ1724E	85	6.83	224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
142	2117240292	Nguyễn Thị Ngọc	Thúy	CCQ1724E	85	6.83	R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
143	2117240293	Phan Thị Kim	Trinh	CCQ1724E	90	7.08	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
144	2117240295	Phan Thị	Tuyết	CCQ1724E	90	7.20	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
145	2117240298	Lê Thị Cẩm	Viên	CCQ1724E	85	7.46	224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
146	2117240302	Nguyễn Thị Kim	Anh	CCQ1724F	83	7.25	224329	Đọc thương mại 2	2		
							224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
147	2117240304	Hà Minh	Anh	CCQ1724F	79	6.21	224319	Viết 2	3		
							224335	Phiên dịch	2	VT	
							224344	Chuyên đề 2: Hướng dẫn viết CV và phỏng vấn xin việc	1	VT	
							224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
148	2117240305	Phạm Tuấn	Anh	CCQ1724F	86	6.53	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							229100	Tin học	2		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
148	2117240305	Phạm Tuấn	Anh	CCQ1724F	86	6.53	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
149	2117240306	Nguyễn Quốc	Bình	CCQ1724F	85	6.17	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
150	2117240307	Trần Thị Kiều	Duy	CCQ1724F	90	7.96	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
151	2117240308	Huỳnh Thị Mỹ	Duyên	CCQ1724F	32	3.75	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224302	Nghe 1	3	2.8	
							224303	Viết 1	3	VT	
							224304	Đọc 1	3	3.8	
							224305	Ngữ pháp	3	3.4	
							224317	Nói 2	3	2.8	
							224318	Đọc 2	3	2.9	
							224319	Viết 2	3	VT	
							224327	Biên dịch	2	1.8	
							224328	Đọc thương mại 1	2	3.6	
							224329	Đọc thương mại 2	2	4.2	
							224331	Nghe thương mại 1	2	4.2	
							224332	Nghe thương mại 2	2	4.7	
							224335	Phiên dịch	2	1.2	
							224344	Chuyên đề 2: Hướng dẫn viết CV và phỏng vấn xin việc	1		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
151	2117240308	Huỳnh Thị Mỹ	Duyên	CCQ1724F	32	3.75	224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							224352	Nói thương mại	4	VT	
							224353	Viết thương mại	4	2.8	
							226070	Thanh toán quốc tế (QTKD)	3	3.6	
							226156	Giao dịch thương mại quốc tế	3	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
152	2117240309	Lê Huỳnh	Đức	CCQ1724F	48	4.51	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223007	Chính trị 2	3	VT	
							224327	Biên dịch	2	VT	
							224330	Kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh	2	VT	
							224335	Phiên dịch	2	VT	
							224344	Chuyên đề 2: Hướng dẫn viết CV và phỏng vấn xin việc	1	VT	
							224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							224352	Nói thương mại	4	VT	
							224353	Viết thương mại	4		
							226016	Marketing căn bản	2	VT	
							226070	Thanh toán quốc tế (QTKD)	3	4.3	
							226156	Giao dịch thương mại quốc tế	3	VT	
							229100	Tin học	2	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
153	2117240313	Nguyễn Trần Đình	Kha	CCQ1724F	57	4.41	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
153	2117240313	Nguyễn Trần Đình Kha	CCQ1724F	57	4.41	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						224319	Viết 2	3	3.0	
						224327	Biên dịch	2	4.6	
						224335	Phiên dịch	2	3.4	
						224343	Chuyên đề 1: Tham quan doanh nghệp	1	VT	
						224344	Chuyên đề 2: Hướng dẫn viết CV và phỏng vấn xin việc	1	VT	
						224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
						224352	Nói thương mại	4	VT	
						224353	Viết thương mại	4	VT	
						226016	Marketing căn bản	2	VT	
						226020	Pháp luật đại cương	2	VT	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
154	2117240314	Nguyễn Thị Kim Khánh	CCQ1724F	29	4.04	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						224302	Nghe 1	3	3.2	
						224303	Viết 1	3	3.7	
						224305	Ngữ pháp	3	4.9	
						224316	Nghe 2	3	4.5	
						224317	Nói 2	3	VT	
						224318	Đọc 2	3	4.0	
						224319	Viết 2	3	2.0	
						224327	Biên dịch	2	4.7	
						224328	Đọc thương mại 1	2		
						224329	Đọc thương mại 2	2		
						224331	Nghe thương mại 1	2		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
154	2117240314	Nguyễn Thị Kim	Khánh	CCQ1724F	29	4.04	224332	Nghe thương mại 2	2		
							224335	Phiên dịch	2	VT	
							224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							224352	Nói thương mại	4		
							224353	Viết thương mại	4	VT	
							226070	Thanh toán quốc tế (QTKD)	3	VT	
							226156	Giao dịch thương mại quốc tế	3	4.4	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
155	2117240315	Phan Thị Thanh	Lan	CCQ1724F	90	6.97	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
156	2117240316	Nguyễn Thị Huỳnh	Lâm	CCQ1724F	90	7.55	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
157	2117240317	Cù Thị	Liên	CCQ1724F	90	7.28	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
158	2117240318	Thân Thế Diệp	Linh	CCQ1724F	76	5.66	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224319	Viết 2	3	VT	
							224327	Biên dịch	2	3.5	
							224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
159	2117240319	Hoàng Thị Linh	CCQ1724F	90	7.52	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
160	2117240322	Trương Thị Mi Mi	CCQ1724F	10	2.03	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						223007	Chính trị 2	3	VT	
						224301	Nói 1	3	VT	
						224303	Viết 1	3	VT	
						224304	Đọc 1	3	4.9	
						224305	Ngữ pháp	3	4.1	
						224310	Phát âm	3	3.6	
						224316	Nghe 2	3	VT	
						224317	Nói 2	3		
						224318	Đọc 2	3	4.4	
						224319	Viết 2	3	VT	
						224327	Biên dịch	2	VT	
						224328	Đọc thương mại 1	2	VT	
						224330	Kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh	2	VT	
						224331	Nghe thương mại 1	2		
						224332	Nghe thương mại 2	2		
						224335	Phiên dịch	2	VT	
						224343	Chuyên đề 1: Tham quan doanh nghệp	1		
						224344	Chuyên đề 2: Hướng dẫn viết CV và phỏng vấn xin việc	1	VT	
						224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
160	2117240322	Trương Thị Mi	Mi	CCQ1724F	10	2.03	224352	Nói thương mại	4		
							224353	Viết thương mại	4		
							226016	Marketing căn bản	2		
							226020	Pháp luật đại cương	2		
							226070	Thanh toán quốc tế (QTKD)	3		
							226156	Giao dịch thương mại quốc tế	3	VT	
							229100	Tin học	2	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
161	2117240323	Phạm Ly	Na	CCQ1724F	90	7.81	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
162	2117240324	Phan Thị Kim	Ngân	CCQ1724F	56	4.79	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224302	Nghe 1	3	4.1	
							224318	Đọc 2	3	VT	
							224319	Viết 2	3	VT	
							224327	Biên dịch	2	VT	
							224328	Đọc thương mại 1	2	VT	
							224329	Đọc thương mại 2	2	4.5	
							224331	Nghe thương mại 1	2	4.4	
							224335	Phiên dịch	2	VT	
							224344	Chuyên đề 2: Hướng dẫn viết CV và phỏng vấn xin việc	1	VT	
							224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							224353	Viết thương mại	4	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
162	2117240324	Phan Thị Kim	Ngân	CCQ1724F	56	4.79	R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
163	2117240327	Đỗ Nguyễn Phương	Nguyên	CCQ1724F	45	4.05	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224302	Nghe 1	3	VT	
							224304	Đọc 1	3	VT	
							224305	Ngữ pháp	3	VT	
							224319	Viết 2	3	3.8	
							224327	Biên dịch	2	VT	
							224328	Đọc thương mại 1	2	4.3	
							224329	Đọc thương mại 2	2	VT	
							224331	Nghe thương mại 1	2	4.4	
							224335	Phiên dịch	2		
							224343	Chuyên đề 1: Tham quan doanh nghệp	1		
							224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							224352	Nói thương mại	4		
							224353	Viết thương mại	4	3.3	
							226020	Pháp luật đại cương	2	VT	
							229100	Tin học	2	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
164	2117240329	Phạm Thị Bé	Nhi	CCQ1724F	87	6.70	226070	Thanh toán quốc tế (QTKD)	3	3.7	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
165	2117240332	Nguyễn Thị	Ninh	CCQ1724F	90	6.74	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
166	2117240335	Nguyễn Thị Kiều	Quanh	CCQ1724F	90	6.90	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
166	2117240335	Nguyễn Thị Kiều Quanh	CCQ1724F	90	6.90	R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
167	2117240338	Lê Thị Ngọc Tâm	CCQ1724F	30	3.94	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						224301	Nói 1	3	3.8	
						224303	Viết 1	3	2.9	
						224304	Đọc 1	3	4.8	
						224305	Ngữ pháp	3	4.7	
						224317	Nói 2	3	4.6	
						224318	Đọc 2	3	4.5	
						224319	Viết 2	3	2.2	
						224327	Biên dịch	2	VT	
						224328	Đọc thương mại 1	2	4.6	
						224329	Đọc thương mại 2	2	3.7	
						224331	Nghe thương mại 1	2	4.7	
						224332	Nghe thương mại 2	2	4.7	
						224335	Phiên dịch	2	0.6	
						224344	Chuyên đề 2: Hướng dẫn viết CV và phỏng vấn xin việc	1	VT	
						224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
						224352	Nói thương mại	4	VT	
						224353	Viết thương mại	4	1.3	
						226070	Thanh toán quốc tế (QTKD)	3	3.8	
						226156	Giao dịch thương mại quốc tế	3		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
168	2117240340	Nguyễn Kim Thanh	CCQ1724F	61	4.49	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						224319	Viết 2	3	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
168	2117240340	Nguyễn Kim	Thanh	CCQ1724F	61	4.49	224327	Biên dịch	2	VT	
							224328	Đọc thương mại 1	2		
							224330	Kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh	2	VT	
							224335	Phiên dịch	2	VT	
							224344	Chuyên đề 2: Hướng dẫn viết CV và phỏng vấn xin việc	1	VT	
							224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							224353	Viết thương mại	4	3.8	
							226156	Giao dịch thương mại quốc tế	3	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
169	2117240343	Trần Thanh	Thảo	CCQ1724F	75	5.69	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224319	Viết 2	3	4.3	
							224327	Biên dịch	2	4.4	
							224335	Phiên dịch	2	VT	
							224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
170	2117240344	Nguyễn Hồng Nhật	Thi	CCQ1724F	82	6.02	224319	Viết 2	3	4.5	
							224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
171	2117240345	Lê Thị Cẩm	Thu	CCQ1724F	85	5.87	224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
171	2117240345	Lê Thị Cẩm	Thu	CCQ1724F	85	5.87	R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
172	2117240347	Dương Hồng	Thúy	CCQ1724F	70	5.61	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224305	Ngữ pháp	3	4.5	
							224327	Biên dịch	2	4.5	
							224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							226156	Giao dịch thương mại quốc tế	3	3.6	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
173	2117240348	Nguyễn Huỳnh Minh	Thư	CCQ1724F	85	5.97	224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
174	2117240349	Nguyễn Thị Anh	Thương	CCQ1724F	90	6.37	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
175	2117240350	Phan	Thương	CCQ1724F	85	7.73	224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
176	2117240354	Hà Thị Diệu	Trinh	CCQ1724F	90	7.32	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
177	2117240355	Đinh Thị Kiều	Trinh	CCQ1724F	90	7.21	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
177	2117240355	Đinh Thị Kiều	Trinh	CCQ1724F	90	7.21	R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
178	2117240357	Ngô Xuân Thanh	Trúc	CCQ1724F	71	5.71	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224305	Ngữ pháp	3	4.5	
							224317	Nói 2	3	4.8	
							224319	Viết 2	3	3.3	
							224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
179	2117240360	Lê Thị Hồng	Tươi	CCQ1724F	83	6.22	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
180	2117240363	Hồ Thị Cẩm	Vi	CCQ1724F	83	6.16	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
181	2117240364	Đàm Nguyễn Tường	Vi	CCQ1724F	85	6.31	224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
182	2117240365	Phạm Hoàng Quang	Vũ	CCQ1724F	67	6.73	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224329	Đọc thương mại 2	2		
							224343	Chuyên đề 1: Tham quan doanh nghệp	1	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
182	2117240365	Phạm Hoàng Quang	Vũ	CCQ1724F	67	6.73	224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							224352	Nói thương mại	4		
							226016	Marketing căn bản	2	3.2	
							226070	Thanh toán quốc tế (QTKD)	3	VT	
							226156	Giao dịch thương mại quốc tế	3	3.4	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
183	2117240367	Trần Thị Thúy	Vy	CCQ1724F	90	7.82	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
184	2117240368	Nguyễn Thị Kim	Xuyến	CCQ1724F	82	5.92	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224343	Chuyên đề 1: Tham quan doanh nghệp	1	VT	
							224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
185	2117240401	Trần Thị Thu	Hương	CCQ1724E	63	5.23	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224303	Viết 1	3	4.4	
							224319	Viết 2	3	4.2	
							224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							224352	Nói thương mại	4	2.4	
							224353	Viết thương mại	4	4.0	
							226156	Giao dịch thương mại quốc tế	3	3.6	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
186	2117260038	Hồ Thị Bích Ngọc	CCQ1724F	84	7.39	224343	Chuyên đề 1: Tham quan doanh nghệp	1		
						224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	4 TC (Min)	4
0101 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
	234011 Bóng rổ 2	2
	234013 Cầu lông 2	2
	234014 Aerobic 2	2
Nhóm TC 02 :	4 TC (Min)	4
0201 .	222002 Cơ sở văn hóa Việt Nam	2
	222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2
	226018 Nghệ thuật lãnh đạo	2
	226035 Soạn thảo văn bản	2
Nhóm TC 03 :	4 TC (Min)	4
0302 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
0303 .	234006 Bóng đá 1	2
	234010 Bóng đá 2	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
0304 .		234007 Bóng rổ 1	2							
		234011 Bóng rổ 2	2							
0305 .		234008 Cầu lông 1	2							
		234013 Cầu lông 2	2							
0306 .		234009 Aerobic 1	2							
		234014 Aerobic 2	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		226025 Quản trị hành chính văn phòng	2							
		226041 Tâm lý kinh doanh	2							
		226047 Quản trị bán hàng	2							
Nhóm TC 05 :		2 TC (Min)	2							
0501 .		224321 Tiếng Anh tài chính ngân hàng	2							
		224325 Tiếng Anh chuyên ngành Logistics	2							
		224336 Tiếng Anh giao tiếp qua điện thoại	2							
Nhóm TC 06 :		5 TC (Min)	5							
0601 .		224314 Biên dịch thương mại	3							
		224315 Phiên dịch thương mại	2							
		224324 Khóa luận tốt nghiệp	5							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
Phòng Quản Lý Đào Tạo
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2017 - Tiếng Anh CLC (TN211724L)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **90**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2117240369	Nguyễn Phương Huế	Anh	CCQ1724LA	90	6.14	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
2	2117240371	Phạm Thị Ngọc	Ánh	CCQ1724LA	58	5.27	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224305	Ngữ pháp	3	3.6	
							224319	Viết 2	3	2.9	
							224327	Biên dịch	2	3.4	
							224335	Phiên dịch	2	4.2	
							224340	TOEIC - Đọc 1	3	4.6	
							224344	Chuyên đề 2: Hướng dẫn viết CV và phỏng vấn xin việc	1	VT	
							224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							224346	TOEIC - Nghe 3	2	4.6	
							224349	TOEIC - Viết 3	4	4.1	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
3	2117240372	Nguyễn Dương Ngọc	Duyên	CCQ1724LA	90	6.59	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
4	2117240374	Lê Văn	Đức	CCQ1724LA	90	6.63	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
5	2117240376	Võ Hoàng Xuân	Hương	CCQ1724LA	74	5.56	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							224347	TOEIC - Nghe 4	2	3.7	
							224349	TOEIC - Viết 3	4	4.3	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
6	2117240377	Phan Quốc	Khánh	CCQ1724LA	90	6.94	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
7	2117240380	Nguyễn Thị Thảo	Ly	CCQ1724LA	76	5.95	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							224347	TOEIC - Nghe 4	2	4.4	
							224349	TOEIC - Viết 3	4	4.4	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
8	2117240382	Nguyễn Hoàng Tuyết	Nhung	CCQ1724LA	87	6.25	224340	TOEIC - Đọc 1	3	4.4	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
9	2117240384	Nguyễn Thanh	Tài	CCQ1724LA	90	7.32	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
9	2117240384	Nguyễn Thanh	Tài	CCQ1724LA	90	7.32	R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
10	2117240387	Nguyễn Đức	Thiện	CCQ1724LA	90	6.88	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
11	2117240388	Nguyễn Triệu Quốc	Thịnh	CCQ1724LA	90	6.58	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
12	2117240391	Trần Thị Thanh	Thúy	CCQ1724LA	90	6.86	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
13	2117240392	Nguyễn Thị Bích	Thương	CCQ1724LA	80	5.99	224317	Nói 2	3	4.5	
							224345	Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh)	5		
							224347	TOEIC - Nghe 4	2	4.5	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
14	2117240394	Trần Lê Thanh	Toàn	CCQ1724LA	90	6.65	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
15	2117240395	Nguyễn Ngọc Thiên	Trang	CCQ1724LA	88	6.35	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
16	2117240398	Nguyễn Thu	Vân	CCQ1724LA	90	7.76	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
17	2117240400	Hồ Thị Yến	CCQ1724LA	90	6.33	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_NN2	Nhật, Trung, Hàn, Pháp Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	4 TC (Min)	4
0101 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
	234011 Bóng rổ 2	2
	234013 Cầu lông 2	2
	234014 Aerobic 2	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2
0201 .	222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2
	226035 Soạn thảo văn bản	2
Nhóm TC 03 :	2 TC (Min)	2
0301 .	222002 Cơ sở văn hóa Việt Nam	2
	226018 Nghệ thuật lãnh đạo	2
	226178 Xây dựng, phân tích mối quan hệ kinh doanh	2
Nhóm TC 05 :	2 TC (Min)	2
0501 .	226025 Quản trị hành chính văn phòng	2
	226041 Tâm lý kinh doanh	2
	226047 Quản trị bán hàng	2
Nhóm TC 06 :	2 TC (Min)	2
0601 .	224321 Tiếng Anh tài chính ngân hàng	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		224325 Tiếng Anh chuyên ngành Logistics	2							
		224336 Tiếng Anh giao tiếp qua điện thoại	2							
Nhóm TC 07 :		5 TC (Min)	5							
0701 .		224314 Biên dịch thương mại	3							
		224315 Phiên dịch thương mại	2							
		224324 Khóa luận tốt nghiệp	5							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
Phòng Quản Lý Đào Tạo
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2017 - Quản trị khách sạn (TN211726)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **80**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2117190001	Nguyễn Đoàn Thiên An	CCQ1726B	30	3.50	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222034	Toán ứng dụng C	3	VT	
						225066	Kế toán nhà hàng khách sạn	2		
						226020	Pháp luật đại cương	2	VT	
						226026	Quản trị học	2		
						226118	Văn hóa ẩm thực	2		
						226146	Kỹ thuật nghiệp vụ lễ tân	3	VT	
						226152	Thực tập tốt nghiệp (QT khách sạn)	5		
						226154	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 1 (QT)	1	VT	
						226155	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 2 (QT)	1		
						226157	Kỹ năng bán hàng	1	VT	
						226159	Marketing dịch vụ	2		
						226162	Quản trị ẩm thực	2	3.7	
						226164	Quản trị các hoạt động tài chính Nhà hàng - Khách sạn	2	VT	
						226166	Quản trị cơ sở vật chất kỹ thuật Nhà hàng - Khách sạn	2	3.0	
						226167	Quản trị nhân sự	2	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2117190001	Nguyễn Đoàn Thiên An	CCQ1726B	30	3.50	226170	Tâm lý khách hàng và kỹ năng giải quyết than phiền	2	VT	
						226176	Tổng quan kinh doanh Nhà hàng - Khách sạn	3		
						226184	Khởi tạo doanh nghiệp	2	VT	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
2	2117260001	Lã Thị Lan Anh	CCQ1726A	47	4.80	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222034	Toán ứng dụng C	3	0.8	
						223006	Chính trị 1	3	3.3	
						224004	Anh văn 2	3		
						224016	Anh văn 3	3	VT	
						225066	Kế toán nhà hàng khách sạn	2	3.0	
						226144	Tiếng Anh chuyên ngành khách sạn	3		
						226152	Thực tập tốt nghiệp (QT khách sạn)	5		
						226167	Quản trị nhân sự	2	4.4	
						226170	Tâm lý khách hàng và kỹ năng giải quyết than phiền	2	VT	
						229100	Tin học	2	VT	
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5	VT	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
3	2117260004	Nguyễn Thị Ngọc Dung	CCQ1726A	72	5.88	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						226152	Thực tập tốt nghiệp (QT khách sạn)	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
4	2117260006	Trần Nhựt Duy	CCQ1726A	64	6.75	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						226146	Kỹ thuật nghiệp vụ lễ tân	3		
						226152	Thực tập tốt nghiệp (QT khách sạn)	5		
						226155	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 2 (QT)	1		
						226157	Kỹ năng bán hàng	1		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
4	2117260006	Trần Nhựt	Duy	CCQ1726A	64	6.75	226164	Quản trị các hoạt động tài chính Nhà hàng - Khách sạn	2	4.3	
							226170	Tâm lý khách hàng và kỹ năng giải quyết than phiền	2		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
5	2117260007	Nguyễn Huỳnh Trùng	Dương	CCQ1726A	66	6.15	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226152	Thực tập tốt nghiệp (QT khách sạn)	5		
							226164	Quản trị các hoạt động tài chính Nhà hàng - Khách sạn	2	3.9	
							226166	Quản trị cơ sở vật chất kỹ thuật Nhà hàng - Khách sạn	2	0.0	
							226167	Quản trị nhân sự	2	0.0	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
6	2117260010	Lê Trần Thùy	Giang	CCQ1726A	72	6.08	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226167	Quản trị nhân sự	2	4.1	
							229100	Tin học	2	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
7	2117260011	Lê Thị Trà	Giang	CCQ1726A	75	6.03	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226167	Quản trị nhân sự	2	4.4	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
8	2117260013	Võ Thị Thanh	Hà	CCQ1726A	60	5.46	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	4.6	
							224003	Anh văn 1	3	3.0	
							226167	Quản trị nhân sự	2	3.2	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
8	2117260013	Võ Thị Thanh	Hà	CCQ1726A	60	5.46	226170	Tâm lý khách hàng và kỹ năng giải quyết than phiền	2	3.0	
							226183	Kỹ thuật phục vụ bàn và pha chế đồ uống	3	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
9	2117260015	Phạm Thị Thu	Hà	CCQ1726A	80	7.33	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
10	2117260017	Lê Võ Hồng	Hải	CCQ1726A	75	6.47	226144	Tiếng Anh chuyên ngành khách sạn	3	4.7	
							226167	Quản trị nhân sự	2	4.1	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
11	2117260018	Trương Thị	Hậu	CCQ1726A	67	7.67	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226152	Thực tập tốt nghiệp (QT khách sạn)	5		
							226157	Kỹ năng bán hàng	1		
							226170	Tâm lý khách hàng và kỹ năng giải quyết than phiền	2		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
12	2117260020	Nguyễn Thanh	Hoài	CCQ1726A	73	6.18	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226144	Tiếng Anh chuyên ngành khách sạn	3	4.0	
							226167	Quản trị nhân sự	2	3.6	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
13	2117260021	Thái Thị Kim	Hoàn	CCQ1726A	75	7.15	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
14	2117260022	Nguyễn Thị Xuân	Hồng	CCQ1726A	76	6.52	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226155	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 2 (QT)	1	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
15	2117260024	Nguyễn Thị Xuân	Hương	CCQ1726A	78	6.69	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
16	2117260025	Nguyễn Hoàng Duy	Khang	CCQ1726A	73	7.33	226152	Thực tập tốt nghiệp (QT khách sạn)	5		
							226164	Quản trị các hoạt động tài chính Nhà hàng - Khách sạn	2	4.1	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
17	2117260027	Trần Thị Mỹ	Linh	CCQ1726A	75	6.25	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226144	Tiếng Anh chuyên ngành khách sạn	3	4.4	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
18	2117260029	Lê Phi	Lực	CCQ1726A	61	5.45	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223006	Chính trị 1	3	4.4	
							226152	Thực tập tốt nghiệp (QT khách sạn)	5		
							226154	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 1 (QT)	1	VT	
							226166	Quản trị cơ sở vật chất kỹ thuật Nhà hàng - Khách sạn	2	4.5	
							226170	Tâm lý khách hàng và kỹ năng giải quyết than phiền	2	VT	
							229100	Tin học	2	4.9	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
19	2117260032	Lâm Minh	Mẫn	CCQ1726A	40	5.03	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	3.4	
							223007	Chính trị 2	3		
							224003	Anh văn 1	3	4.1	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
19	2117260032	Lâm Minh	Mẫn	CCQ1726A	40	5.03	224016	Anh văn 3	3		
							226026	Quản trị học	2	4.7	
							226144	Tiếng Anh chuyên ngành khách sạn	3	4.6	
							226152	Thực tập tốt nghiệp (QT khách sạn)	5		
							226162	Quản trị ẩm thực	2	4.3	
							226164	Quản trị các hoạt động tài chính Nhà hàng - Khách sạn	2	4.5	
							226166	Quản trị cơ sở vật chất kỹ thuật Nhà hàng - Khách sạn	2	3.1	
							226167	Quản trị nhân sự	2	VT	
							226176	Tổng quan kinh doanh Nhà hàng - Khách sạn	3	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
20	2117260037	Trịnh Thị Tuyết	Ngân	CCQ1726A	18	2.12	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	VT	
							223006	Chính trị 1	3	VT	
							223007	Chính trị 2	3	VT	
							225066	Kế toán nhà hàng khách sạn	2	VT	
							226020	Pháp luật đại cương	2	4.6	
							226118	Văn hóa ẩm thực	2	3.9	
							226144	Tiếng Anh chuyên ngành khách sạn	3	4.0	
							226146	Kỹ thuật nghiệp vụ lễ tân	3	VT	
							226147	Kỹ thuật nghiệp vụ buồng	3	VT	
							226152	Thực tập tốt nghiệp (QT khách sạn)	5		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
20	2117260037	Trịnh Thị Tuyết Ngân	CCQ1726A	18	2.12	226154	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 1 (QT)	1	VT	
						226155	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 2 (QT)	1		
						226157	Kỹ năng bán hàng	1	VT	
						226162	Quản trị ẩm thực	2	VT	
						226164	Quản trị các hoạt động tài chính Nhà hàng - Khách sạn	2	VT	
						226166	Quản trị cơ sở vật chất kỹ thuật Nhà hàng - Khách sạn	2	1.5	
						226167	Quản trị nhân sự	2		
						226170	Tâm lý khách hàng và kỹ năng giải quyết than phiền	2	VT	
						226183	Kỹ thuật phục vụ bàn và pha chế đồ uống	3	VT	
						226184	Khởi tạo doanh nghiệp	2	3.6	
						229100	Tin học	2	VT	
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5	VT	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
21	2117260042	Nguyễn Sơn Nhất	CCQ1726A	31	3.87	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222034	Toán ứng dụng C	3	VT	
						223007	Chính trị 2	3	VT	
						224016	Anh văn 3	3	VT	
						225066	Kế toán nhà hàng khách sạn	2	3.9	
						226020	Pháp luật đại cương	2	3.9	
						226144	Tiếng Anh chuyên ngành khách sạn	3	3.9	
						226146	Kỹ thuật nghiệp vụ lễ tân	3	4.7	
						226152	Thực tập tốt nghiệp (QT khách sạn)	5		
						226157	Kỹ năng bán hàng	1	VT	
						226159	Marketing dịch vụ	2	3.0	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
21	2117260042	Nguyễn Sơn	Nhất	CCQ1726A	31	3.87	226164	Quản trị các hoạt động tài chính Nhà hàng - Khách sạn	2	2.6	
							226166	Quản trị cơ sở vật chất kỹ thuật Nhà hàng - Khách sạn	2	4.8	
							226167	Quản trị nhân sự	2		
							226170	Tâm lý khách hàng và kỹ năng giải quyết than phiền	2	VT	
							226176	Tổng quan kinh doanh Nhà hàng - Khách sạn	3	4.1	
							229100	Tin học	2	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
22	2117260043	Vũ Thị Yến	Nhi	CCQ1726A	80	7.32	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
23	2117260045	Lê Thị Hải	Như	CCQ1726A	75	6.45	226152	Thực tập tốt nghiệp (QT khách sạn)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
24	2117260046	Phạm Quỳnh	Như	CCQ1726A	36	3.24	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	VT	
							223006	Chính trị 1	3	VT	
							223007	Chính trị 2	3	VT	
							225066	Kế toán nhà hàng khách sạn	2	2.6	
							226144	Tiếng Anh chuyên ngành khách sạn	3	VT	
							226146	Kỹ thuật nghiệp vụ lễ tân	3	VT	
							226152	Thực tập tốt nghiệp (QT khách sạn)	5		
							226157	Kỹ năng bán hàng	1	VT	
							226162	Quản trị ẩm thực	2	VT	
							226164	Quản trị các hoạt động tài chính Nhà hàng - Khách sạn	2	VT	
							226166	Quản trị cơ sở vật chất kỹ thuật Nhà hàng - Khách sạn	2	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
24	2117260046	Phạm Quỳnh	Như	CCQ1726A	36	3.24	226167	Quản trị nhân sự	2	VT	
							226170	Tâm lý khách hàng và kỹ năng giải quyết than phiền	2	VT	
							229100	Tin học	2	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
25	2117260049	Đào Thị Quỳnh	Ny	CCQ1726A	66	5.39	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224004	Anh văn 2	3	VT	
							225066	Kế toán nhà hàng khách sạn	2	VT	
							226152	Thực tập tốt nghiệp (QT khách sạn)	5		
							226167	Quản trị nhân sự	2	4.4	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
26	2117260050	Lê Thị Kim	Oanh	CCQ1726A	62	5.97	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	VT	
							226152	Thực tập tốt nghiệp (QT khách sạn)	5		
							226155	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 2 (QT)	1	VT	
							226159	Marketing dịch vụ	2	4.5	
							226162	Quản trị ẩm thực	2	4.2	
							226170	Tâm lý khách hàng và kỹ năng giải quyết than phiền	2		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
27	2117260052	Võ Hoàng	Phúc	CCQ1726A	75	6.02	226152	Thực tập tốt nghiệp (QT khách sạn)	5	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
28	2117260053	Trương Thị Thanh	Phương	CCQ1726A	75	6.57	226152	Thực tập tốt nghiệp (QT khách sạn)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
29	2117260054	Phan Cao Viễn	Phương	CCQ1726A	74	6.54	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226170	Tâm lý khách hàng và kỹ năng giải quyết than phiền	2	4.0	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
30	2117260056	Lâm Thị Thảo	Quyên	CCQ1726A	66	6.82	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226146	Kỹ thuật nghiệp vụ lễ tân	3		
							226152	Thực tập tốt nghiệp (QT khách sạn)	5		
							226155	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 2 (QT)	1		
							226157	Kỹ năng bán hàng	1		
							226170	Tâm lý khách hàng và kỹ năng giải quyết than phiền	2		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
31	2117260057	Nguyễn Thị Thu	Quyên	CCQ1726A	78	6.51	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
32	2117260058	Ngô Thị	Tâm	CCQ1726A	61	5.46	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226152	Thực tập tốt nghiệp (QT khách sạn)	5		
							226154	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 1 (QT)	1	VT	
							226159	Marketing dịch vụ	2	2.0	
							226164	Quản trị các hoạt động tài chính Nhà hàng - Khách sạn	2	VT	
							226167	Quản trị nhân sự	2	3.1	
							226170	Tâm lý khách hàng và kỹ năng giải quyết than phiền	2		
							226176	Tổng quan kinh doanh Nhà hàng - Khách sạn	3	4.2	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
33	2117260059	Trương Thị	Thái	CCQ1726A	67	7.55	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226152	Thực tập tốt nghiệp (QT khách sạn)	5		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
33	2117260059	Trương Thị	Thái	CCQ1726A	67	7.55	226157	Kỹ năng bán hàng	1		
							226170	Tâm lý khách hàng và kỹ năng giải quyết than phiền	2		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
34	2117260062	Phan Tôn Nữ Thanh	Thi	CCQ1726A	78	6.60	226167	Quản trị nhân sự	2	3.8	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
35	2117260063	Huỳnh Quốc	Thịnh	CCQ1726A	73	5.90	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226167	Quản trị nhân sự	2	3.7	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
36	2117260068	Đặng Thị Anh	Thư	CCQ1726A	72	6.34	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226152	Thực tập tốt nghiệp (QT khách sạn)	5	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
37	2117260070	Tô Thị Anh	Thư	CCQ1726A	80	6.45	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
38	2117260071	Nguyễn Thị Minh	Thư	CCQ1726A	72	6.60	226152	Thực tập tốt nghiệp (QT khách sạn)	5		
							226176	Tổng quan kinh doanh Nhà hàng - Khách sạn	3	4.3	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
39	2117260072	Hồ Thị Huyền	Thương	CCQ1726A	80	6.83	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
40	2117260074	Nguyễn Thị Hoài	Trinh	CCQ1726A	71	6.28	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226152	Thực tập tốt nghiệp (QT khách sạn)	5		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
40	2117260074	Nguyễn Thị Hoài	Trinh	CCQ1726A	71	6.28	226164	Quản trị các hoạt động tài chính Nhà hàng - Khách sạn	2	4.4	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
41	2117260075	Bùi Thị Kim	Trinh	CCQ1726A	63	5.67	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226152	Thực tập tốt nghiệp (QT khách sạn)	5		
							226159	Marketing dịch vụ	2	4.2	
							226164	Quản trị các hoạt động tài chính Nhà hàng - Khách sạn	2	3.7	
							226176	Tổng quan kinh doanh Nhà hàng - Khách sạn	3	3.8	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
42	2117260076	Trần Thị Trúc	Trinh	CCQ1726A	78	6.71	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
43	2117260078	Phan Ngọc Minh	Tuyền	CCQ1726A	61	5.62	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226152	Thực tập tốt nghiệp (QT khách sạn)	5		
							226164	Quản trị các hoạt động tài chính Nhà hàng - Khách sạn	2	3.9	
							226167	Quản trị nhân sự	2	4.3	
							226183	Kỹ thuật phục vụ bàn và pha chế đồ uống	3		
							229100	Tin học	2	3.6	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
44	2117260080	Huỳnh Thị Thanh	Tuyết	CCQ1726A	66	5.49	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226152	Thực tập tốt nghiệp (QT khách sạn)	5		
							226164	Quản trị các hoạt động tài chính Nhà hàng - Khách sạn	2	3.6	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
44	2117260080	Huỳnh Thị Thanh	Tuyết	CCQ1726A	66	5.49	226166	Quản trị cơ sở vật chất kỹ thuật Nhà hàng - Khách sạn	2		
							226170	Tâm lý khách hàng và kỹ năng giải quyết than phiền	2	4.3	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
45	2117260083	Nguyễn Hồ Cẩm	Viên	CCQ1726A	62	5.60	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226144	Tiếng Anh chuyên ngành khách sạn	3	2.9	
							226152	Thực tập tốt nghiệp (QT khách sạn)	5	VT	
							226159	Marketing dịch vụ	2	4.3	
							226164	Quản trị các hoạt động tài chính Nhà hàng - Khách sạn	2	3.9	
							226167	Quản trị nhân sự	2	4.6	
							229100	Tin học	2	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
46	2117260085	Đặng Hữu	Vinh	CCQ1726A	70	5.74	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226152	Thực tập tốt nghiệp (QT khách sạn)	5	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
47	2117260087	Phan Nguyễn Tường	Vy	CCQ1726A	42	3.92	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	VT	
							224003	Anh văn 1	3	VT	
							224016	Anh văn 3	3	VT	
							225066	Kế toán nhà hàng khách sạn	2	3.6	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
47	2117260087	Phan Nguyễn Tường	Vy	CCQ1726A	42	3.92	226146	Kỹ thuật nghiệp vụ lễ tân	3	1.5	
							226152	Thực tập tốt nghiệp (QT khách sạn)	5		
							226157	Kỹ năng bán hàng	1		
							226164	Quản trị các hoạt động tài chính Nhà hàng - Khách sạn	2	4.5	
							226167	Quản trị nhân sự	2	VT	
							226170	Tâm lý khách hàng và kỹ năng giải quyết than phiền	2	VT	
							226176	Tổng quan kinh doanh Nhà hàng - Khách sạn	3	3.8	
							226184	Khởi tạo doanh nghiệp	2	4.7	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
48	2117260088	Huỳnh Thị Như	Ý	CCQ1726A	77	6.45	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
49	2117260089	Đỗ Thị Ngọc	Ánh	CCQ1726B	73	6.35	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226152	Thực tập tốt nghiệp (QT khách sạn)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
50	2117260090	Phạm Nguyễn Gia	Bảo	CCQ1726B	69	6.25	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226152	Thực tập tốt nghiệp (QT khách sạn)	5		
							226184	Khởi tạo doanh nghiệp	2	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
51	2117260091	Lê Trung	Bảo	CCQ1726B	72	7.43	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226152	Thực tập tốt nghiệp (QT khách sạn)	5		
							226154	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 1 (QT)	1	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
51	2117260091	Lê Trung	Bảo	CCQ1726B	72	7.43	R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
52	2117260094	Lê Quang	Chương	CCQ1726B	77	6.10	226152	Thực tập tốt nghiệp (QT khách sạn)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
53	2117260095	Nguyễn Thị Phước	Dân	CCQ1726B	78	7.13	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
54	2117260096	Trương Thảo Hạnh	Dung	CCQ1726B	56	5.42	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223007	Chính trị 2	3	4.1	
							226118	Văn hóa ẩm thực	2	4.5	
							226144	Tiếng Anh chuyên ngành khách sạn	3	4.0	
							226147	Kỹ thuật nghiệp vụ buồng	3	4.4	
							226152	Thực tập tốt nghiệp (QT khách sạn)	5		
							226183	Kỹ thuật phục vụ bàn và pha chế đồ uống	3	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
55	2117260097	Nguyễn Thị Hoàng	Dung	CCQ1726B	75	6.60	226152	Thực tập tốt nghiệp (QT khách sạn)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
56	2117260100	Lê Đăng	Duy	CCQ1726B	75	6.69	226152	Thực tập tốt nghiệp (QT khách sạn)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
57	2117260103	Lê Thị Hồng	Điệp	CCQ1726B	69	5.73	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223007	Chính trị 2	3	4.6	
							226144	Tiếng Anh chuyên ngành khách sạn	3	4.2	
							226152	Thực tập tốt nghiệp (QT khách sạn)	5	4.0	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
57	2117260103	Lê Thị Hồng	Điệp	CCQ1726B	69	5.73	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
58	2117260104	Mai Thị Cẩm	Đoan	CCQ1726B	80	6.29	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
59	2117260105	Đồng Nữ Nô	En	CCQ1726B	80	6.71	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
60	2117260106	Lê Nữ Hương	Giang	CCQ1726B	80	6.65	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
61	2117260109	Trần Thị Thu	Hằng	CCQ1726B	72	6.28	226152	Thực tập tốt nghiệp (QT khách sạn)	5		
							226183	Kỹ thuật phục vụ bàn và pha chế đồ uống	3	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
62	2117260111	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	CCQ1726B	80	7.00	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
63	2117260114	Cao Hồ Hào	Hoa	CCQ1726B	39	4.17	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	3.0	
							223006	Chính trị 1	3	4.2	
							224004	Anh văn 2	3	VT	
							225066	Kế toán nhà hàng khách sạn	2	3.2	
							226144	Tiếng Anh chuyên ngành khách sạn	3	4.5	
							226152	Thực tập tốt nghiệp (QT khách sạn)	5		
							226154	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 1 (QT)	1	VT	
							226157	Kỹ năng bán hàng	1		
							226162	Quản trị ẩm thực	2	4.3	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
63	2117260114	Cao Hồ Hào	Hoa	CCQ1726B	39	4.17	226164	Quản trị các hoạt động tài chính Nhà hàng - Khách sạn	2	3.5	
							226167	Quản trị nhân sự	2	3.7	
							226183	Kỹ thuật phục vụ bàn và pha chế đồ uống	3	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
64	2117260116	Trương Thị Mỹ	Hòa	CCQ1726B	73	6.18	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226152	Thực tập tốt nghiệp (QT khách sạn)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
65	2117260120	Nguyễn Lê Thúy	Huyền	CCQ1726B	71	5.96	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226152	Thực tập tốt nghiệp (QT khách sạn)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
66	2117260122	Nguyễn Thị Cẩm	Lệ	CCQ1726B	64	5.49	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224004	Anh văn 2	3	VT	
							226152	Thực tập tốt nghiệp (QT khách sạn)	5		
							226157	Kỹ năng bán hàng	1		
							226167	Quản trị nhân sự	2	4.2	
							226176	Tổng quan kinh doanh Nhà hàng - Khách sạn	3	4.2	
							229100	Tin học	2	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
67	2117260125	Nguyễn Thị Thảo	Linh	CCQ1726B	79	6.21	226157	Kỹ năng bán hàng	1		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
67	2117260125	Nguyễn Thị Thảo	Linh	CCQ1726B	79	6.21	R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
68	2117260126	Bùi Thiện	Lợi	CCQ1726B	80	6.75	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
69	2117260128	Huỳnh Đức	Lực	CCQ1726B	52	4.57	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	3.9	
							223007	Chính trị 2	3	0.0	
							224016	Anh văn 3	3	0.0	
							226144	Tiếng Anh chuyên ngành khách sạn	3	0.0	
							226152	Thực tập tốt nghiệp (QT khách sạn)	5		
							226155	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 2 (QT)	1		
							226162	Quản trị ẩm thực	2	4.0	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
70	2117260129	Bùi Văn	Lưu	CCQ1726B	52	4.76	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223006	Chính trị 1	3	VT	
							224016	Anh văn 3	3	VT	
							226026	Quản trị học	2	4.7	
							226152	Thực tập tốt nghiệp (QT khách sạn)	5	VT	
							226154	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 1 (QT)	1	VT	
							226164	Quản trị các hoạt động tài chính Nhà hàng - Khách sạn	2	3.7	
							226167	Quản trị nhân sự	2	VT	
							226170	Tâm lý khách hàng và kỹ năng giải quyết than phiền	2	VT	
							226176	Tổng quan kinh doanh Nhà hàng - Khách sạn	3	4.6	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
70	2117260129	Bùi Văn	Lưu	CCQ1726B	52	4.76	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
71	2117260132	Huỳnh Đặng Thảo	Ngân	CCQ1726B	73	6.40	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226152	Thực tập tốt nghiệp (QT khách sạn)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
72	2117260134	Nguyễn Thiện	Nhân	CCQ1726B	72	5.81	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224003	Anh văn 1	3	4.6	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
73	2117260135	Bùi Thị	Nhung	CCQ1726B	31	2.50	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	VT	
							224004	Anh văn 2	3	VT	
							224016	Anh văn 3	3	VT	
							225066	Kế toán nhà hàng khách sạn	2	VT	
							226118	Văn hóa ẩm thực	2	VT	
							226119	Pháp luật du lịch	2	VT	
							226144	Tiếng Anh chuyên ngành khách sạn	3	VT	
							226146	Kỹ thuật nghiệp vụ lễ tân	3	VT	
							226147	Kỹ thuật nghiệp vụ buồng	3	0.8	
							226152	Thực tập tốt nghiệp (QT khách sạn)	5		
							226154	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 1 (QT)	1	VT	
							226155	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 2 (QT)	1	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
73	2117260135	Bùi Thị	Nhung	CCQ1726B	31	2.50	226162	Quản trị ẩm thực	2	VT	
							226170	Tâm lý khách hàng và kỹ năng giải quyết than phiền	2	VT	
							226183	Kỹ thuật phục vụ bàn và pha chế đồ uống	3	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
74	2117260137	Huỳnh Thị Ý	Như	CCQ1726B	75	7.02	226152	Thực tập tốt nghiệp (QT khách sạn)	5	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
75	2117260139	Huỳnh Triệu	Phú	CCQ1726B	77	6.36	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
76	2117260140	Trần Hoàng Phi	Phụng	CCQ1726B	80	7.22	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
77	2117260142	Nguyễn Thị Tố	Quyên	CCQ1726B	77	6.21	226146	Kỹ thuật nghiệp vụ lễ tân	3	4.1	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
78	2117260143	Nguyễn Văn	Sự	CCQ1726B	67	5.17	225066	Kế toán nhà hàng khách sạn	2	3.6	
							226152	Thực tập tốt nghiệp (QT khách sạn)	5	VT	
							226164	Quản trị các hoạt động tài chính Nhà hàng - Khách sạn	2	4.2	
							226167	Quản trị nhân sự	2		
							226170	Tâm lý khách hàng và kỹ năng giải quyết than phiền	2	4.4	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
79	2117260144	Võ Minh	Tâm	CCQ1726B	61	5.51	03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
79	2117260144	Võ Minh Tâm	CCQ1726B	61	5.51	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						226144	Tiếng Anh chuyên ngành khách sạn	3	0.0	
						226152	Thực tập tốt nghiệp (QT khách sạn)	5		
						226155	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 2 (QT)	1	VT	
						226157	Kỹ năng bán hàng	1		
						226170	Tâm lý khách hàng và kỹ năng giải quyết than phiền	2		
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5	VT	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
80	2117260145	Huỳnh Nhất Thanh	CCQ1726B	48	5.20	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						223006	Chính trị 1	3	3.0	
						223007	Chính trị 2	3		
						226144	Tiếng Anh chuyên ngành khách sạn	3	4.3	
						226152	Thực tập tốt nghiệp (QT khách sạn)	5		
						226154	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 1 (QT)	1	VT	
						226155	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 2 (QT)	1	VT	
						226157	Kỹ năng bán hàng	1		
						226162	Quản trị ẩm thực	2		
						226164	Quản trị các hoạt động tài chính Nhà hàng - Khách sạn	2	2.9	
						226166	Quản trị cơ sở vật chất kỹ thuật Nhà hàng - Khách sạn	2	4.3	
						226167	Quản trị nhân sự	2	1.1	
						226176	Tổng quan kinh doanh Nhà hàng - Khách sạn	3	4.5	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
80	2117260145	Huỳnh Nhất	Thanh	CCQ1726B	48	5.20	R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
81	2117260148	Hồ Thị	Thúy	CCQ1726B	80	6.65	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
82	2117260150	Nguyễn Thị Anh	Thư	CCQ1726B	47	4.78	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	2.7	
							224003	Anh văn 1	3	4.8	
							224004	Anh văn 2	3	VT	
							224016	Anh văn 3	3	VT	
							226152	Thực tập tốt nghiệp (QT khách sạn)	5		
							226157	Kỹ năng bán hàng	1		
							226164	Quản trị các hoạt động tài chính Nhà hàng - Khách sạn	2	4.7	
							226166	Quản trị cơ sở vật chất kỹ thuật Nhà hàng - Khách sạn	2	3.8	
							226167	Quản trị nhân sự	2	4.0	
							226170	Tâm lý khách hàng và kỹ năng giải quyết than phiền	2	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
83	2117260151	Trương Anh	Thương	CCQ1726B	75	5.93	226152	Thực tập tốt nghiệp (QT khách sạn)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
84	2117260156	Nguyễn Thị Lệ	Trinh	CCQ1726B	80	6.67	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
85	2117260157	Trần Thị Mỹ	Trinh	CCQ1726B	75	6.07	226152	Thực tập tốt nghiệp (QT khách sạn)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
85	2117260157	Trần Thị Mỹ	Trinh	CCQ1726B	75	6.07	R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
86	2117260158	Phan Đỗ Việt	Trinh	CCQ1726B	71	6.18	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226152	Thực tập tốt nghiệp (QT khách sạn)	5		
							226164	Quản trị các hoạt động tài chính Nhà hàng - Khách sạn	2	4.2	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
87	2117260159	Nguyễn Thanh	Trúc	CCQ1726B	74	6.42	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226152	Thực tập tốt nghiệp (QT khách sạn)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
88	2117260161	Trần Thị Minh	Truyền	CCQ1726B	33	3.37	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	0.0	
							223007	Chính trị 2	3	0.0	
							224003	Anh văn 1	3	4.3	
							224004	Anh văn 2	3		
							224016	Anh văn 3	3		
							225066	Kế toán nhà hàng khách sạn	2	3.4	
							226118	Văn hóa ẩm thực	2	0.0	
							226119	Pháp luật du lịch	2	0.0	
							226144	Tiếng Anh chuyên ngành khách sạn	3	3.1	
							226146	Kỹ thuật nghiệp vụ lễ tân	3	1.0	
							226152	Thực tập tốt nghiệp (QT khách sạn)	5		
							226154	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 1 (QT)	1	VT	
							226167	Quản trị nhân sự	2	0.0	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
88	2117260161	Trần Thị Minh Truyền	CCQ1726B	33	3.37	226183	Kỹ thuật phục vụ bàn và pha chế đồ uống	3	VT	
						229100	Tin học	2	VT	
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
89	2117260164	Huỳnh Thanh Tuấn	CCQ1726B	31	2.76	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						223006	Chính trị 1	3	VT	
						223007	Chính trị 2	3	VT	
						224004	Anh văn 2	3	VT	
						224016	Anh văn 3	3	VT	
						225066	Kế toán nhà hàng khách sạn	2	3.0	
						226144	Tiếng Anh chuyên ngành khách sạn	3	4.6	
						226146	Kỹ thuật nghiệp vụ lễ tân	3	VT	
						226147	Kỹ thuật nghiệp vụ buồng	3	2.5	
						226152	Thực tập tốt nghiệp (QT khách sạn)	5		
						226154	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 1 (QT)	1	VT	
						226155	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 2 (QT)	1	VT	
						226164	Quản trị các hoạt động tài chính Nhà hàng - Khách sạn	2	VT	
						226166	Quản trị cơ sở vật chất kỹ thuật Nhà hàng - Khách sạn	2	VT	
						226167	Quản trị nhân sự	2	VT	
						226170	Tâm lý khách hàng và kỹ năng giải quyết than phiền	2	VT	
						226184	Khởi tạo doanh nghiệp	2	VT	
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
89	2117260164	Huỳnh Thanh	Tuấn	CCQ1726B	31	2.76	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
90	2117260165	Phạm Thanh	Tuấn	CCQ1726B	75	6.90	226152	Thực tập tốt nghiệp (QT khách sạn)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
91	2117260169	Nguyễn Chí	Vỹ	CCQ1726B	54	4.85	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	0.8	
							224016	Anh văn 3	3	2.2	
							225066	Kế toán nhà hàng khách sạn	2	2.4	
							226152	Thực tập tốt nghiệp (QT khách sạn)	5		
							226157	Kỹ năng bán hàng	1	VT	
							226162	Quản trị ẩm thực	2	VT	
							226164	Quản trị các hoạt động tài chính Nhà hàng - Khách sạn	2	4.8	
							226167	Quản trị nhân sự	2	3.7	
							226183	Kỹ thuật phục vụ bàn và pha chế đồ uống	3	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
92	2117260173	Cao Long	Vũ	CCQ1726A	80	7.11	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	2 TC (Min)	2
0101 .	222017 Tiếng Việt thực hành B	2
	222024 Xác suất thống kê	2
	226017 Môi trường và con người	2
	226036 Tâm lý học đại cương	2
	229030 Tin học văn phòng	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
0201 .		226018 Nghệ thuật lãnh đạo	2							
		226035 Soạn thảo văn bản	2							
		226161 Quản lý sự đa dạng trong môi trường làm việc (QT)	2							
		226178 Xây dựng, phân tích mối quan hệ kinh doanh	2							
Nhóm TC 03 :		4 TC (Min)	4							
0301 .		234002 Bóng chuyền 1	2							
		234003 Bóng chuyền 2	2							
		234006 Bóng đá 1	2							
		234007 Bóng rổ 1	2							
		234008 Cầu lông 1	2							
		234009 Aerobic 1	2							
		234010 Bóng đá 2	2							
		234011 Bóng rổ 2	2							
		234013 Cầu lông 2	2							
		234014 Aerobic 2	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		226022 Quản trị chất lượng (QT)	2							
		226028 Quản trị marketing	2							
		226034 Quản trị thương hiệu	2							
Nhóm TC 05 :		4 TC (Min)	4							
0502 .		234002 Bóng chuyền 1	2							
		234003 Bóng chuyền 2	2							
0503 .		234006 Bóng đá 1	2							
		234010 Bóng đá 2	2							
0504 .		234007 Bóng rổ 1	2							
		234011 Bóng rổ 2	2							
0505 .		234008 Cầu lông 1	2							
		234013 Cầu lông 2	2							
0506 .		234009 Aerobic 1	2							

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		234014 Aerobic 2	2							
Nhóm TC 06 :		2 TC (Min)	2							
0601 .		226031 Quản trị rủi ro	2							
		226041 Tâm lý kinh doanh	2							
		226101 Đàm phán trong kinh doanh	2							
Nhóm TC 07 :		5 TC (Min)	5							
0701 .		226136 Quản trị kinh doanh khách sạn	2							
		226150 Khóa luận tốt nghiệp (QT khách sạn)	5							
		226169 Quản trị tổ chức sự kiện	3							
Nhóm TC 08 :		3 TC (Min)	3							
0801 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							

Mẫu in: Q5401D0.001

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
Phòng Quản Lý Đào Tạo
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2017 - Quản trị nhà hàng (TN211727)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **80**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2117100007	Nguyễn Hiếu Đạt	CCQ1727B	9	2.67	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222034	Toán ứng dụng C	3	VT	
						223006	Chính trị 1	3	2.6	
						223007	Chính trị 2	3		
						224004	Anh văn 2	3	VT	
						224016	Anh văn 3	3		
						225066	Kế toán nhà hàng khách sạn	2	VT	
						226118	Văn hóa ẩm thực	2		
						226119	Pháp luật du lịch	2		
						226126	Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm	2		
						226127	Nghiệp vụ phục vụ bàn	3		
						226129	Kỹ thuật chế biến món ăn	3		
						226130	Nghiệp vụ pha chế đồ uống	3		
						226153	Thực tập tốt nghiệp (QT nhà hàng)	5		
						226154	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 1 (QT)	1		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2117100007	Nguyễn Hiếu	Đạt	CCQ1727B	9	2.67	226155	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 2 (QT)	1		
							226157	Kỹ năng bán hàng	1		
							226159	Marketing dịch vụ	2	VT	
							226164	Quản trị các hoạt động tài chính Nhà hàng - Khách sạn	2		
							226166	Quản trị cơ sở vật chất kỹ thuật Nhà hàng - Khách sạn	2		
							226167	Quản trị nhân sự	2		
							226170	Tâm lý khách hàng và kỹ năng giải quyết than phiền	2		
							226175	Tiếng Anh chuyên ngành Nhà hàng	3		
							226176	Tổng quan kinh doanh Nhà hàng - Khách sạn	3		
							226184	Khởi tạo doanh nghiệp	2	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
2	2117110083	Nguyễn Kiều Công	Đính	CCQ1727B	65	6.39	226127	Nghiệp vụ phục vụ bàn	3		
							226153	Thực tập tốt nghiệp (QT nhà hàng)	5		
							226159	Marketing dịch vụ	2		
							226170	Tâm lý khách hàng và kỹ năng giải quyết than phiền	2		
							226176	Tổng quan kinh doanh Nhà hàng - Khách sạn	3		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
3	2117270003	Lê Thị Thu	Ba	CCQ1727A	80	6.52	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
4	2117270006	Phạm Thị Hồng	Diễm	CCQ1727A	80	6.74	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
5	2117270007	Nguyễn Thị Hương	Diễm	CCQ1727A	54	5.22	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
5	2117270007	Nguyễn Thị Hương	Diễm	CCQ1727A	54	5.22	222034	Toán ứng dụng C	3	4.7	
							223007	Chính trị 2	3	VT	
							224016	Anh văn 3	3	4.8	
							226153	Thực tập tốt nghiệp (QT nhà hàng)	5		
							226166	Quản trị cơ sở vật chất kỹ thuật Nhà hàng - Khách sạn	2	4.1	
							226167	Quản trị nhân sự	2	3.0	
							226175	Tiếng Anh chuyên ngành Nhà hàng	3	3.5	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
6	2117270010	Lê Quốc	Duy	CCQ1727A	49	4.88	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	3.5	
							224003	Anh văn 1	3	VT	
							224004	Anh văn 2	3		
							224016	Anh văn 3	3		
							226126	Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm	2	4.9	
							226130	Nghiệp vụ pha chế đồ uống	3	3.7	
							226153	Thực tập tốt nghiệp (QT nhà hàng)	5	VT	
							226164	Quản trị các hoạt động tài chính Nhà hàng - Khách sạn	2	4.5	
							226166	Quản trị cơ sở vật chất kỹ thuật Nhà hàng - Khách sạn	2	4.6	
							226176	Tổng quan kinh doanh Nhà hàng - Khách sạn	3	4.7	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
7	2117270011	Trần Võ Mỹ	Duyên	CCQ1727A	80	6.73	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
8	2117270012	Nguyễn Minh	Dương	CCQ1727A	15	1.72	03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
8	2117270012	Nguyễn Minh Dương	CCQ1727A	15	1.72	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222034	Toán ứng dụng C	3		
						223006	Chính trị 1	3	VT	
						223007	Chính trị 2	3		
						224003	Anh văn 1	3	2.5	
						224004	Anh văn 2	3	VT	
						224016	Anh văn 3	3	VT	
						225066	Kế toán nhà hàng khách sạn	2	VT	
						226118	Văn hóa ẩm thực	2	VT	
						226126	Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm	2	VT	
						226127	Nghiệp vụ phục vụ bàn	3	VT	
						226129	Kỹ thuật chế biến món ăn	3	VT	
						226130	Nghiệp vụ pha chế đồ uống	3	VT	
						226153	Thực tập tốt nghiệp (QT nhà hàng)	5		
						226155	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 2 (QT)	1	VT	
						226157	Kỹ năng bán hàng	1	VT	
						226159	Marketing dịch vụ	2	4.0	
						226164	Quản trị các hoạt động tài chính Nhà hàng - Khách sạn	2	VT	
						226166	Quản trị cơ sở vật chất kỹ thuật Nhà hàng - Khách sạn	2	VT	
						226167	Quản trị nhân sự	2	VT	
						226170	Tâm lý khách hàng và kỹ năng giải quyết than phiền	2	VT	
						226175	Tiếng Anh chuyên ngành Nhà hàng	3	VT	
						226176	Tổng quan kinh doanh Nhà hàng - Khách sạn	3	3.0	
						229100	Tin học	2	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
8	2117270012	Nguyễn Minh	Dương	CCQ1727A	15	1.72	234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
9	2117270013	Nguyễn Công	Dưỡng	CCQ1727A	64	5.63	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3		
							224004	Anh văn 2	3	4.7	
							225066	Kế toán nhà hàng khách sạn	2	2.0	
							226166	Quản trị cơ sở vật chất kỹ thuật Nhà hàng - Khách sạn	2	4.6	
							226170	Tâm lý khách hàng và kỹ năng giải quyết than phiền	2	4.6	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
10	2117270016	Phạm Thị Mỹ	Hạnh	CCQ1727A	76	5.87	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
11	2117270017	Trần Thị Thanh	Hằng	CCQ1727A	80	6.70	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
12	2117270021	Nguyễn Thị Thúy	Hiền	CCQ1727A	77	5.79	224016	Anh văn 3	3	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
13	2117270023	Phạm Thị	Hoan	CCQ1727A	76	6.71	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
14	2117270024	Lê Thị Thu	Hoàng	CCQ1727A	80	6.17	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
15	2117270025	Lưu Thị	Hộp	CCQ1727A	80	6.78	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
16	2117270026	Nguyễn Thị Kim	Huê	CCQ1727A	80	5.71	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
17	2117270028	Trần Văn	Huyn	CCQ1727A	46	4.28	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	VT	
							223006	Chính trị 1	3		
							224003	Anh văn 1	3	VT	
							224004	Anh văn 2	3		
							224016	Anh văn 3	3		
							226129	Kỹ thuật chế biến món ăn	3	VT	
							226154	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 1 (QT)	1	VT	
							226155	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 2 (QT)	1		
							226157	Kỹ năng bán hàng	1	VT	
							226175	Tiếng Anh chuyên ngành Nhà hàng	3	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
18	2117270030	Nguyễn Trương Thanh	Hương	CCQ1727A	77	7.08	226127	Nghiệp vụ phục vụ bàn	3		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
19	2117270031	Nguyễn Trần Anh	Kiều	CCQ1727A	78	6.61	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
19	2117270031	Nguyễn Trần Anh	Kiều	CCQ1727A	78	6.61	R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
20	2117270032	Mai Như	Lài	CCQ1727A	80	7.51	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
21	2117270033	Đặng Thị Hồng	Liên	CCQ1727A	68	5.98	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226153	Thực tập tốt nghiệp (QT nhà hàng)	5		
							226170	Tâm lý khách hàng và kỹ năng giải quyết than phiền	2	4.3	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
22	2117270034	Trần Thị Mỹ	Linh	CCQ1727A	74	5.99	222034	Toán ứng dụng C	3	4.0	
							226175	Tiếng Anh chuyên ngành Nhà hàng	3	4.7	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
23	2117270036	Võ Thị Ngọc	Lợi	CCQ1727A	63	5.87	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226153	Thực tập tốt nghiệp (QT nhà hàng)	5		
							226167	Quản trị nhân sự	2	4.6	
							226170	Tâm lý khách hàng và kỹ năng giải quyết than phiền	2	4.6	
							226175	Tiếng Anh chuyên ngành Nhà hàng	3	4.0	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
24	2117270037	Nguyễn Thị Trúc	Ly	CCQ1727A	75	6.39	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226176	Tổng quan kinh doanh Nhà hàng - Khách sạn	3	4.4	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
25	2117270038	Đặng Trà	My	CCQ1727A	31	3.33	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
25	2117270038	Đặng Trà	My	CCQ1727A	31	3.33	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	VT	
							224004	Anh văn 2	3	VT	
							224016	Anh văn 3	3	VT	
							225066	Kế toán nhà hàng khách sạn	2	2.5	
							226026	Quản trị học	2	4.2	
							226118	Văn hóa ẩm thực	2	4.2	
							226126	Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm	2	VT	
							226127	Nghiệp vụ phục vụ bàn	3		
							226153	Thực tập tốt nghiệp (QT nhà hàng)	5		
							226157	Kỹ năng bán hàng	1	VT	
							226164	Quản trị các hoạt động tài chính Nhà hàng - Khách sạn	2	4.4	
							226166	Quản trị cơ sở vật chất kỹ thuật Nhà hàng - Khách sạn	2	VT	
							226167	Quản trị nhân sự	2	2.1	
							226170	Tâm lý khách hàng và kỹ năng giải quyết than phiền	2	VT	
							226175	Tiếng Anh chuyên ngành Nhà hàng	3	3.2	
							226176	Tổng quan kinh doanh Nhà hàng - Khách sạn	3	4.4	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
26	2117270039	Trần Ngọc Thanh	Ngân	CCQ1727A	80	6.42	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
27	2117270040	Hoàng Hữu	Nghĩa	CCQ1727A	45	4.46	03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
27	2117270040	Hoàng Hữu	Nghĩa	CCQ1727A	45	4.46	222034	Toán ứng dụng C	3	3.8	
							223007	Chính trị 2	3	4.4	
							224016	Anh văn 3	3	VT	
							225066	Kế toán nhà hàng khách sạn	2	2.9	
							226118	Văn hóa ẩm thực	2	3.8	
							226127	Nghiệp vụ phục vụ bàn	3		
							226129	Kỹ thuật chế biến món ăn	3	3.6	
							226130	Nghiệp vụ pha chế đồ uống	3	4.3	
							226153	Thực tập tốt nghiệp (QT nhà hàng)	5		
							226154	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 1 (QT)	1	VT	
							226167	Quản trị nhân sự	2	4.4	
							226176	Tổng quan kinh doanh Nhà hàng - Khách sạn	3	3.2	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
28	2117270041	Nguyễn Thị Ái	Nhân	CCQ1727A	70	5.69	226153	Thực tập tốt nghiệp (QT nhà hàng)	5		
							226164	Quản trị các hoạt động tài chính Nhà hàng - Khách sạn	2	3.9	
							226175	Tiếng Anh chuyên ngành Nhà hàng	3	4.1	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
29	2117270043	Nguyễn Tấn	Nhựt	CCQ1727A	72	6.19	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226153	Thực tập tốt nghiệp (QT nhà hàng)	5	VT	
							226175	Tiếng Anh chuyên ngành Nhà hàng	3	4.9	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
30	2117270044	Nguyễn Thị Hồng	Phối	CCQ1727A	80	6.63	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
31	2117270045	Nguyễn Ngọc	Phúc	CCQ1727A	69	6.03	226127	Nghiệp vụ phục vụ bàn	3		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
31	2117270045	Nguyễn Ngọc	Phúc	CCQ1727A	69	6.03	226130	Nghiệp vụ pha chế đồ uống	3	4.7	
							226153	Thực tập tốt nghiệp (QT nhà hàng)	5		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
32	2117270047	Nguyễn Thị	Phượng	CCQ1727A	80	7.83	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
33	2117270049	Lê Thị Như	Quỳnh	CCQ1727A	74	5.91	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226129	Kỹ thuật chế biến món ăn	3	3.5	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
34	2117270052	Phạm Thị Tuyết	Sương	CCQ1727A	76	6.27	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
35	2117270053	Trần Ngọc Tấn	Tài	CCQ1727A	76	5.99	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226164	Quản trị các hoạt động tài chính Nhà hàng - Khách sạn	2	4.2	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
36	2117270061	Nguyễn Xuân	Thắng	CCQ1727A	61	5.18	222034	Toán ứng dụng C	3		
							224004	Anh văn 2	3		
							225066	Kế toán nhà hàng khách sạn	2	VT	
							226127	Nghiệp vụ phục vụ bàn	3		
							226129	Kỹ thuật chế biến món ăn	3	VT	
							226154	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 1 (QT)	1	VT	
							226167	Quản trị nhân sự	2	4.1	
							226170	Tâm lý khách hàng và kỹ năng giải quyết than phiền	2	4.0	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
36	2117270061	Nguyễn Xuân	Thắng	CCQ1727A	61	5.18	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
37	2117270064	Phạm Thị	Thuận	CCQ1727A	74	6.27	226127	Nghiệp vụ phục vụ bàn	3		
							226176	Tổng quan kinh doanh Nhà hàng - Khách sạn	3	3.8	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
38	2117270065	Nguyễn Thị Ngọc	Thủy	CCQ1727A	80	7.04	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
39	2117270066	Nguyễn Thị Xuân	Thủy	CCQ1727A	77	6.49	226175	Tiếng Anh chuyên ngành Nhà hàng	3	4.8	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
40	2117270068	Trịnh Nguyễn Minh	Thương	CCQ1727A	80	6.81	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
41	2117270071	Trần Kim	Tiên	CCQ1727A	75	6.68	226153	Thực tập tốt nghiệp (QT nhà hàng)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
42	2117270072	Nguyễn Thị Kim	Trang	CCQ1727A	80	7.28	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
43	2117270073	Võ Lâm Quế	Trang	CCQ1727A	40	4.46	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	VT	
							224003	Anh văn 1	3	3.9	
							224004	Anh văn 2	3	VT	
							224016	Anh văn 3	3	4.3	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
43	2117270073	Võ Lâm Quế	Trang	CCQ1727A	40	4.46	225066	Kế toán nhà hàng khách sạn	2	3.3	
							226020	Pháp luật đại cương	2	4.2	
							226126	Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm	2	3.4	
							226129	Kỹ thuật chế biến món ăn	3	4.3	
							226155	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 2 (QT)	1	VT	
							226157	Kỹ năng bán hàng	1	2.7	
							226164	Quản trị các hoạt động tài chính Nhà hàng - Khách sạn	2	3.8	
							226166	Quản trị cơ sở vật chất kỹ thuật Nhà hàng - Khách sạn	2	4.7	
							226167	Quản trị nhân sự	2	3.0	
							226170	Tâm lý khách hàng và kỹ năng giải quyết than phiền	2	2.3	
							226175	Tiếng Anh chuyên ngành Nhà hàng	3	4.8	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
44	2117270074	Nguyễn Thị Bích	Trâm	CCQ1727A	80	6.17	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
45	2117270076	Trần Thị Lệ	Trinh	CCQ1727A	80	6.43	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
46	2117270077	Huỳnh Thị Mai	Trinh	CCQ1727A	73	6.13	226153	Thực tập tốt nghiệp (QT nhà hàng)	5		
							226167	Quản trị nhân sự	2	4.4	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
47	2117270079	Võ Thị Thanh	Trúc	CCQ1727A	64	6.46	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223007	Chính trị 2	3	VT	
							226153	Thực tập tốt nghiệp (QT nhà hàng)	5		
							226157	Kỹ năng bán hàng	1	VT	
							226170	Tâm lý khách hàng và kỹ năng giải quyết than phiền	2	4.6	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
47	2117270079	Võ Thị Thanh	Trúc	CCQ1727A	64	6.46	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
48	2117270080	Phạm Lê Chí	Trung	CCQ1727A	65	5.67	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226130	Nghiệp vụ pha chế đồ uống	3	4.3	
							226153	Thực tập tốt nghiệp (QT nhà hàng)	5		
							226164	Quản trị các hoạt động tài chính Nhà hàng - Khách sạn	2	3.4	
							226170	Tâm lý khách hàng và kỹ năng giải quyết than phiền	2	3.8	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
49	2117270083	Đỗ Thị	Tuyết	CCQ1727A	50	4.56	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	VT	
							224004	Anh văn 2	3		
							224016	Anh văn 3	3	VT	
							225066	Kế toán nhà hàng khách sạn	2	3.7	
							226153	Thực tập tốt nghiệp (QT nhà hàng)	5		
							226176	Tổng quan kinh doanh Nhà hàng - Khách sạn	3	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
50	2117270084	Nguyễn Tố	Uyên	CCQ1727A	70	6.07	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223006	Chính trị 1	3	4.7	
							226164	Quản trị các hoạt động tài chính Nhà hàng - Khách sạn	2	3.8	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
51	2117270085	Trần Thị	Út	CCQ1727A	80	6.12	234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
52	2117270087	Lê Thị Tường	Vy	CCQ1727A	75	6.09	08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226170	Tâm lý khách hàng và kỹ năng giải quyết than phiền	2	4.7	
							226176	Tổng quan kinh doanh Nhà hàng - Khách sạn	3	3.4	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
53	2117270092	Cao Ngọc Vân	Anh	CCQ1727B	76	6.24	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226155	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 2 (QT)	1	VT	
							226164	Quản trị các hoạt động tài chính Nhà hàng - Khách sạn	2	3.9	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
54	2117270094	Nguyễn Thị Lan	Chi	CCQ1727B	73	6.14	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226167	Quản trị nhân sự	2	4.1	
							226175	Tiếng Anh chuyên ngành Nhà hàng	3	3.5	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
55	2117270095	Lê Văn	Chiêu	CCQ1727B	71	6.62	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226153	Thực tập tốt nghiệp (QT nhà hàng)	5		
							226170	Tâm lý khách hàng và kỹ năng giải quyết than phiền	2	4.5	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
56	2117270096	Hồ Ngọc	Diễm	CCQ1727B	75	6.07	226153	Thực tập tốt nghiệp (QT nhà hàng)	5	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
57	2117270097	Đoàn Ngọc Xuân	Diệu	CCQ1727B	73	6.81	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
57	2117270097	Đoàn Ngọc Xuân	Diệu	CCQ1727B	73	6.81	226153	Thực tập tốt nghiệp (QT nhà hàng)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
58	2117270099	Ngô Thị Anh	Đào	CCQ1727B	58	5.27	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226127	Nghiệp vụ phục vụ bàn	3		
							226130	Nghiệp vụ pha chế đồ uống	3	3.7	
							226153	Thực tập tốt nghiệp (QT nhà hàng)	5		
							226166	Quản trị cơ sở vật chất kỹ thuật Nhà hàng - Khách sạn	2	4.6	
							226167	Quản trị nhân sự	2	3.8	
							226170	Tâm lý khách hàng và kỹ năng giải quyết than phiền	2		
							226175	Tiếng Anh chuyên ngành Nhà hàng	3	3.8	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
59	2117270101	Nguyễn Tấn	Đình	CCQ1727B	68	6.21	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226130	Nghiệp vụ pha chế đồ uống	3		
							226153	Thực tập tốt nghiệp (QT nhà hàng)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
60	2117270103	Võ Trường	Giang	CCQ1727B	80	6.86	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
61	2117270105	Lý Hoàn	Hảo	CCQ1727B	62	5.65	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	2.8	
							224004	Anh văn 2	3		
							224016	Anh văn 3	3		
							226166	Quản trị cơ sở vật chất kỹ thuật Nhà hàng - Khách sạn	2	3.2	
							226167	Quản trị nhân sự	2	1.7	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
61	2117270105	Lý Hoàn	Hảo	CCQ1727B	62	5.65	226175	Tiếng Anh chuyên ngành Nhà hàng	3	4.4	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
62	2117270106	Trầm Thị	Hân	CCQ1727B	75	6.53	226153	Thực tập tốt nghiệp (QT nhà hàng)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
63	2117270108	Nguyễn Thị Thu	Hiền	CCQ1727B	69	6.14	226118	Văn hóa ẩm thực	2		
							226153	Thực tập tốt nghiệp (QT nhà hàng)	5	4.0	
							226166	Quản trị cơ sở vật chất kỹ thuật Nhà hàng - Khách sạn	2	4.5	
							226170	Tâm lý khách hàng và kỹ năng giải quyết than phiền	2	3.6	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
64	2117270109	Nguyễn Trương Thúy	Hiền	CCQ1727B	80	7.23			0		
65	2117270112	Nguyễn Thị Như	Huỳnh	CCQ1727B	80	6.90	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
66	2117270113	Nguyễn Thị Lan	Hương	CCQ1727B	48	5.01	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	VT	
							224016	Anh văn 3	3		
							225066	Kế toán nhà hàng khách sạn	2	3.5	
							226127	Nghiệp vụ phục vụ bàn	3		
							226153	Thực tập tốt nghiệp (QT nhà hàng)	5		
							226166	Quản trị cơ sở vật chất kỹ thuật Nhà hàng - Khách sạn	2	4.0	
							226167	Quản trị nhân sự	2	3.5	
							226170	Tâm lý khách hàng và kỹ năng giải quyết than phiền	2		
							226175	Tiếng Anh chuyên ngành Nhà hàng	3		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
66	2117270113	Nguyễn Thị Lan	Hương	CCQ1727B	48	5.01	R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
67	2117270117	Quách Phạm Kim Thanh	Liễu	CCQ1727B	74	6.28	224004	Anh văn 2	3	4.4	
							226175	Tiếng Anh chuyên ngành Nhà hàng	3	3.3	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
68	2117270119	Nguyễn Khánh	Linh	CCQ1727B	72	6.88	226127	Nghiệp vụ phục vụ bàn	3		
							226153	Thực tập tốt nghiệp (QT nhà hàng)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
69	2117270122	Trần Thị Thùy	Linh	CCQ1727B	63	5.37	08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							225066	Kế toán nhà hàng khách sạn	2	4.3	
							226127	Nghiệp vụ phục vụ bàn	3	VT	
							226153	Thực tập tốt nghiệp (QT nhà hàng)	5		
							226167	Quản trị nhân sự	2	4.1	
							226170	Tâm lý khách hàng và kỹ năng giải quyết than phiền	2		
							226175	Tiếng Anh chuyên ngành Nhà hàng	3	4.1	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
70	2117270123	Nguyễn Ngọc	Lĩnh	CCQ1727B	59	5.08	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224004	Anh văn 2	3	VT	
							225066	Kế toán nhà hàng khách sạn	2	4.3	
							226153	Thực tập tốt nghiệp (QT nhà hàng)	5		
							226164	Quản trị các hoạt động tài chính Nhà hàng - Khách sạn	2	4.1	
							226167	Quản trị nhân sự	2	1.7	
							226170	Tâm lý khách hàng và kỹ năng giải quyết than phiền	2		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
70	2117270123	Nguyễn Ngọc	Lĩnh	CCQ1727B	59	5.08	R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
71	2117270124	Cáp Thị Thúy	Ly	CCQ1727B	22	2.54	03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	1.5	
							223006	Chính trị 1	3	3.5	
							223007	Chính trị 2	3		
							224003	Anh văn 1	3	VT	
							224016	Anh văn 3	3	0.0	
							225066	Kế toán nhà hàng khách sạn	2	VT	
							226118	Văn hóa ẩm thực	2		
							226119	Pháp luật du lịch	2		
							226126	Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm	2	0.0	
							226127	Nghiệp vụ phục vụ bàn	3		
							226129	Kỹ thuật chế biến món ăn	3	3.6	
							226130	Nghiệp vụ pha chế đồ uống	3	VT	
							226153	Thực tập tốt nghiệp (QT nhà hàng)	5	VT	
							226157	Kỹ năng bán hàng	1	VT	
							226159	Marketing dịch vụ	2	4.7	
							226164	Quản trị các hoạt động tài chính Nhà hàng - Khách sạn	2	3.1	
							226166	Quản trị cơ sở vật chất kỹ thuật Nhà hàng - Khách sạn	2	2.6	
							226167	Quản trị nhân sự	2	VT	
							226170	Tâm lý khách hàng và kỹ năng giải quyết than phiền	2		
							226175	Tiếng Anh chuyên ngành Nhà hàng	3	VT	
							226184	Khởi tạo doanh nghiệp	2		
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
71	2117270124	Cáp Thị Thúy	Ly	CCQ1727B	22	2.54	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
72	2117270127	Phạm Thị Kim	Ngân	CCQ1727B	52	4.99	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	1.8	
							224016	Anh văn 3	3	VT	
							225066	Kế toán nhà hàng khách sạn	2	3.4	
							226153	Thực tập tốt nghiệp (QT nhà hàng)	5	VT	
							226164	Quản trị các hoạt động tài chính Nhà hàng - Khách sạn	2	3.6	
							226167	Quản trị nhân sự	2	3.7	
							226170	Tâm lý khách hàng và kỹ năng giải quyết than phiền	2	3.6	
							226175	Tiếng Anh chuyên ngành Nhà hàng	3	4.5	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
73	2117270128	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	CCQ1727B	37	4.47	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							224003	Anh văn 1	3	VT	
							225066	Kế toán nhà hàng khách sạn	2	VT	
							226020	Pháp luật đại cương	2	VT	
							226119	Pháp luật du lịch	2		
							226126	Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm	2		
							226127	Nghiệp vụ phục vụ bàn	3		
							226153	Thực tập tốt nghiệp (QT nhà hàng)	5		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
73	2117270128	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	CCQ1727B	37	4.47	226154	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 1 (QT)	1		
							226159	Marketing dịch vụ	2	VT	
							226164	Quản trị các hoạt động tài chính Nhà hàng - Khách sạn	2		
							226166	Quản trị cơ sở vật chất kỹ thuật Nhà hàng - Khách sạn	2	4.2	
							226167	Quản trị nhân sự	2		
							226176	Tổng quan kinh doanh Nhà hàng - Khách sạn	3	VT	
							226184	Khởi tạo doanh nghiệp	2	VT	
							229100	Tin học	2	4.7	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
74	2117270137	Nguyễn Ngọc Thanh	Như	CCQ1727B	70	6.00	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	VT	
							225066	Kế toán nhà hàng khách sạn	2	4.5	
							226153	Thực tập tốt nghiệp (QT nhà hàng)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
75	2117270139	Đặng Thị Thu	Oanh	CCQ1727B	50	4.97	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223006	Chính trị 1	3	4.5	
							223007	Chính trị 2	3		
							226127	Nghiệp vụ phục vụ bàn	3		
							226130	Nghiệp vụ pha chế đồ uống	3	VT	
							226153	Thực tập tốt nghiệp (QT nhà hàng)	5	VT	
							226157	Kỹ năng bán hàng	1	VT	
							226167	Quản trị nhân sự	2	VT	
							226170	Tâm lý khách hàng và kỹ năng giải quyết than phiền	2		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
75	2117270139	Đặng Thị Thu	Oanh	CCQ1727B	50	4.97	226175	Tiếng Anh chuyên ngành Nhà hàng	3	4.6	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
76	2117270141	Nguyễn Thị Thúy	Phượng	CCQ1727B	80	6.55	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
77	2117270143	Lê Thị Ngọc	Quỳnh	CCQ1727B	66	5.66	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226153	Thực tập tốt nghiệp (QT nhà hàng)	5		
							226167	Quản trị nhân sự	2	3.9	
							226170	Tâm lý khách hàng và kỹ năng giải quyết than phiền	2	3.0	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
78	2117270144	Nguyễn Ngọc Như	Quỳnh	CCQ1727B	80	6.21	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
79	2117270145	Trần Tấn	Sang	CCQ1727B	23	2.77	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	0.0	
							223006	Chính trị 1	3	0.0	
							223007	Chính trị 2	3	VT	
							224016	Anh văn 3	3		
							225066	Kế toán nhà hàng khách sạn	2	4.8	
							226020	Pháp luật đại cương	2	3.6	
							226119	Pháp luật du lịch	2	4.3	
							226126	Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm	2	2.5	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
79	2117270145	Trần Tấn Sang	CCQ1727B	23	2.77	226127	Nghiệp vụ phục vụ bàn	3		
						226129	Kỹ thuật chế biến món ăn	3	VT	
						226130	Nghiệp vụ pha chế đồ uống	3	VT	
						226153	Thực tập tốt nghiệp (QT nhà hàng)	5		
						226157	Kỹ năng bán hàng	1	VT	
						226164	Quản trị các hoạt động tài chính Nhà hàng - Khách sạn	2	VT	
						226167	Quản trị nhân sự	2	VT	
						226170	Tâm lý khách hàng và kỹ năng giải quyết than phiền	2		
						226175	Tiếng Anh chuyên ngành Nhà hàng	3	4.4	
						229100	Tin học	2	VT	
						234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
80	2117270148	Võ Thị Thu Thảo	CCQ1727B	47	4.29	03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222034	Toán ứng dụng C	3	VT	
						223007	Chính trị 2	3	4.2	
						224003	Anh văn 1	3	4.7	
						225066	Kế toán nhà hàng khách sạn	2	VT	
						226153	Thực tập tốt nghiệp (QT nhà hàng)	5		
						226157	Kỹ năng bán hàng	1	VT	
						226164	Quản trị các hoạt động tài chính Nhà hàng - Khách sạn	2	VT	
						226167	Quản trị nhân sự	2	VT	
						226170	Tâm lý khách hàng và kỹ năng giải quyết than phiền	2	2.0	
						226175	Tiếng Anh chuyên ngành Nhà hàng	3	VT	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
80	2117270148	Võ Thị Thu	Thảo	CCQ1727B	47	4.29	R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
81	2117270149	Nguyễn Thị Kim	Thoa	CCQ1727B	80	6.76	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
82	2117270150	Lê Thị Như	Thoại	CCQ1727B	73	6.03	226153	Thực tập tốt nghiệp (QT nhà hàng)	5		
							226167	Quản trị nhân sự	2	4.2	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
83	2117270151	Trần Thị	Thu	CCQ1727B	28	3.79	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	4.3	
							223006	Chính trị 1	3	3.3	
							223007	Chính trị 2	3		
							224004	Anh văn 2	3	4.8	
							224016	Anh văn 3	3	VT	
							226126	Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm	2	2.0	
							226127	Nghiệp vụ phục vụ bàn	3		
							226129	Kỹ thuật chế biến món ăn	3	VT	
							226130	Nghiệp vụ pha chế đồ uống	3		
							226153	Thực tập tốt nghiệp (QT nhà hàng)	5		
							226154	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 1 (QT)	1		
							226155	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 2 (QT)	1	VT	
							226157	Kỹ năng bán hàng	1	VT	
							226167	Quản trị nhân sự	2		
							226170	Tâm lý khách hàng và kỹ năng giải quyết than phiền	2	VT	
							226175	Tiếng Anh chuyên ngành Nhà hàng	3	VT	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
83	2117270151	Trần Thị	Thu	CCQ1727B	28	3.79	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
84	2117270152	Phạm Anh	Thư	CCQ1727B	41	5.11	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	4.7	
							223006	Chính trị 1	3	4.3	
							226126	Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm	2	4.3	
							226127	Nghiệp vụ phục vụ bàn	3		
							226130	Nghiệp vụ pha chế đồ uống	3		
							226153	Thực tập tốt nghiệp (QT nhà hàng)	5		
							226154	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 1 (QT)	1		
							226155	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 2 (QT)	1	VT	
							226157	Kỹ năng bán hàng	1	4.5	
							226164	Quản trị các hoạt động tài chính Nhà hàng - Khách sạn	2	4.0	
							226167	Quản trị nhân sự	2		
							226170	Tâm lý khách hàng và kỹ năng giải quyết than phiền	2	VT	
							226175	Tiếng Anh chuyên ngành Nhà hàng	3	3.5	
							229100	Tin học	2	3.7	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
85	2117270155	Nguyễn Thị	Tiền	CCQ1727B	80	7.26	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
86	2117270157	Nguyễn	Tỉnh	CCQ1727B	74	6.92	226127	Nghiệp vụ phục vụ bàn	3		
							226130	Nghiệp vụ pha chế đồ uống	3	3.7	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
86	2117270157	Nguyễn	Tỉnh	CCQ1727B	74	6.92	R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
87	2117270160	Nguyễn Thị Thùy	Trang	CCQ1727B	31	3.34	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							222034	Toán ứng dụng C	3	VT	
							223006	Chính trị 1	3		
							223007	Chính trị 2	3		
							224003	Anh văn 1	3	VT	
							224004	Anh văn 2	3	VT	
							224016	Anh văn 3	3		
							225066	Kế toán nhà hàng khách sạn	2	3.9	
							226119	Pháp luật du lịch	2	VT	
							226126	Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm	2	4.9	
							226130	Nghiệp vụ pha chế đồ uống	3	VT	
							226153	Thực tập tốt nghiệp (QT nhà hàng)	5		
							226155	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 2 (QT)	1	VT	
							226157	Kỹ năng bán hàng	1	VT	
							226167	Quản trị nhân sự	2	3.5	
							226170	Tâm lý khách hàng và kỹ năng giải quyết than phiền	2	0.0	
							234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
88	2117270161	Phạm Thị Thùy	Trang	CCQ1727B	73	6.36	222034	Toán ứng dụng C	3	VT	
							226153	Thực tập tốt nghiệp (QT nhà hàng)	5		
							226154	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 1 (QT)	1	VT	
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
89	2117270162	Nguyễn Thị Thúy	Trang	CCQ1727B	75	6.19	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							226127	Nghiệp vụ phục vụ bàn	3		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
90	2117270165	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	CCQ1727B	72	6.19	223007	Chính trị 2	3	4.8	
							226153	Thực tập tốt nghiệp (QT nhà hàng)	5		
							R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
							R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
91	2117270170	Võ Thị Thanh	Tuyền	CCQ1727B	34	3.24	03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							223006	Chính trị 1	3	VT	
							223007	Chính trị 2	3	VT	
							225066	Kế toán nhà hàng khách sạn	2	0.0	
							226126	Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm	2	VT	
							226127	Nghiệp vụ phục vụ bàn	3		
							226129	Kỹ thuật chế biến món ăn	3	VT	
							226130	Nghiệp vụ pha chế đồ uống	3	1.2	
							226153	Thực tập tốt nghiệp (QT nhà hàng)	5		
							226154	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 1 (QT)	1	VT	
							226155	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 2 (QT)	1	VT	
							226157	Kỹ năng bán hàng	1	VT	
							226164	Quản trị các hoạt động tài chính Nhà hàng - Khách sạn	2	VT	
							226166	Quản trị cơ sở vật chất kỹ thuật Nhà hàng - Khách sạn	2	VT	
							226167	Quản trị nhân sự	2	VT	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
91	2117270170	Võ Thị Thanh Tuyền	CCQ1727B	34	3.24	226170	Tâm lý khách hàng và kỹ năng giải quyết than phiền	2		
						226184	Khởi tạo doanh nghiệp	2	4.5	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
92	2117270174	Trần Thị Tường Vy	CCQ1727B	52	4.94	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222034	Toán ứng dụng C	3	2.5	
						223007	Chính trị 2	3	VT	
						225066	Kế toán nhà hàng khách sạn	2	3.2	
						226153	Thực tập tốt nghiệp (QT nhà hàng)	5		
						226154	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 1 (QT)	1	VT	
						226170	Tâm lý khách hàng và kỹ năng giải quyết than phiền	2	VT	
						226175	Tiếng Anh chuyên ngành Nhà hàng	3	VT	
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		
93	2117270178	Nguyễn Ngọc Dịu	CCQ1727A	55	5.79	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						222034	Toán ứng dụng C	3	4.8	
						224003	Anh văn 1	3	4.5	
						224016	Anh văn 3	3	3.6	
						226020	Pháp luật đại cương	2		
						226159	Marketing dịch vụ	2		
						226164	Quản trị các hoạt động tài chính Nhà hàng - Khách sạn	2	4.2	
						226175	Tiếng Anh chuyên ngành Nhà hàng	3	4.5	
						226176	Tổng quan kinh doanh Nhà hàng - Khách sạn	3		
						229100	Tin học	2	4.4	

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
93	2117270178	Nguyễn Ngọc Dịu	CCQ1727A	55	5.79	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	2 TC (Min)	2
0101 .	222017 Tiếng Việt thực hành B	2
	222024 Xác suất thống kê	2
	226017 Môi trường và con người	2
	226036 Tâm lý học đại cương	2
	229030 Tin học văn phòng	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2
0201 .	226018 Nghệ thuật lãnh đạo	2
	226035 Soạn thảo văn bản	2
	226161 Quản lý sự đa dạng trong môi trường làm việc (QT)	2
	226178 Xây dựng, phân tích mối quan hệ kinh doanh	2
Nhóm TC 03 :	4 TC (Min)	4
0301 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
	234011 Bóng rổ 2	2
	234013 Cầu lông 2	2
	234014 Aerobic 2	2
Nhóm TC 04 :	2 TC (Min)	2
0401 .	226022 Quản trị chất lượng (QT)	2
	226028 Quản trị marketing	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		226034 Quản trị thương hiệu	2							
Nhóm TC 05 :		4 TC (Min)	4							
0502 .		234002 Bóng chuyền 1	2							
		234003 Bóng chuyền 2	2							
0503 .		234006 Bóng đá 1	2							
		234010 Bóng đá 2	2							
0504 .		234007 Bóng rổ 1	2							
		234011 Bóng rổ 2	2							
0505 .		234008 Cầu lông 1	2							
		234013 Cầu lông 2	2							
0506 .		234009 Aerobic 1	2							
		234014 Aerobic 2	2							
Nhóm TC 06 :		2 TC (Min)	2							
0601 .		226031 Quản trị rủi ro	2							
		226041 Tâm lý kinh doanh	2							
		226101 Đàm phán trong kinh doanh	2							
Nhóm TC 07 :		5 TC (Min)	5							
0701 .		226138 Khóa luận tốt nghiệp (QT nhà hàng)	5							
		226162 Quản trị ẩm thực	2							
		226169 Quản trị tổ chức sự kiện	3							
Nhóm TC 08 :		3 TC (Min)	3							
0801 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							